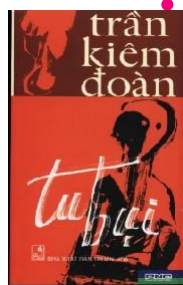


TU BỤI



Trần Kiêm Đoàn
Nhà Xuất Bản Thuận Hoá 2006

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 08-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời mở

Chương 01 - Nẻo Chân Tâm

Chương 02 - Về Đất

Chương 03 - Cõi Người Ta

Chương 04 - Bụi Giữa Đời

Chương 05 - Nhập Cuộc

Chương 06 - Một Cuộc Cờ

Chương 07 - Chốn Đại Khôn

Chương 08 - Cỏ Và Hoa

Chương 09 - Rõng Lặng

Chương 10 - Tiếng Vỗ Một Bàn Tay

Chương 11 - Bốn Người Bạn Đồng Hành

Chương 12 - Quán Trọ Thân Tâm

Chương 13 - Bốn Người Bạn Đồng Hành

Chương 14 - Cầm Châu

Chương 15 - Hát Đỏ Khay

Chương 16 - Nợ Ân Tình

Chương 17 - Đời Cung Nữ

Chương 18 - Lửa Tình

Chương 19 - Bụi Tình

Chương 20 - Chuyển Hóa
Chương 21 - Lạc
Chương 22 - Miền An Trú
Chương 23 - Hành Giả
Chương 24 - Đạo Giữa Đời
Chương 25 - Bến Đợi
Chương 26 - Bờ Bên Kia
Chương 27 - Duyên Tu

---o0o---

Lời mở

Tu Bụi Là Tu Giữa Bụi Trần
Tu giữa đời thường, sen trong lửa,
“Tu bụi” là tu giữa bụi trần.

Xin được viết đôi dòng cảm nghĩ của mình về tác phẩm Tu Bụi của tác giả Trần Kiên Đoàn.

Số là rất tình cờ, tôi và anh Đoàn cùng dạy lớp mùa Hè ở trường Pacific Lutheran University tại Olympia, Washington State, tháng 6 năm 2001. Hai chúng tôi được xếp chung hai phòng sát nhau trong cư xá giáo sư trường đại học PLU và cũng là hai người Việt duy nhất ở đây. Anh Đoàn dạy môn Psychotherapy (Tâm Lý Trị Liệu) và tôi dạy môn Physiotherapy (Thể Lý Trị Liệu) nên có dịp làm việc chung trong khóa học. Tôi ham thể thao, anh Đoàn ham viết lách, nhưng trời Olympia mưa nhiều hơn nắng, nên tôi thường bị bó chân trong cư xá sau giờ dạy. Ở nhà nhiều, tôi đâm ra tò mò vì thấy ngày nào, đêm nào, ngoài giờ lên lớp, người ở phòng bên cạnh cũng say sưa gõ máy.

Hỏi ra, mới biết anh Trần Kim Đoàn đang viết một cuốn truyện dài bằng tiếng Việt. Sống xa quê hương từ năm 1965, tiếng Việt đối với tôi là một “linh tự” vì đó là tiếng nói yêu thương của ngày xưa Quê Mẹ. Đến khi đi mòn chân, gần khắp hết các nẻo đường xứ người, tôi mới hiểu và cảm thấy yêu một nhân vật trong sách Giáo Khoa thuở nhỏ tôi học, khi ông ta đi khắp bốn phương và trở lại làng cũ nói rằng: “Không nơi nào đẹp bằng quê hương ta!”. Đẹp, vì đó là nơi mẹ tôi đã sinh tôi ra và tập cho tôi tiếng nói đầu đời bằng tiếng ru của Mẹ. Tôi yêu Quê Hương, yêu Mẹ nên yêu Tiếng Nói của Mẹ mình.

Học tiếng người, nói tiếng người, viết tiếng người, dạy tiếng người, nên tôi thêm tiếng Mẹ. Tôi đã năn nỉ với anh Đoàn cho tôi đọc những trang tiếng Việt mà anh đang viết. Lúc đó, tuy anh mới viết ba chương bản thảo trong số vài ba chục chương dự định cho tập sách, nhưng cũng đồng ý cho tôi xem. Tập sách tương lai chưa có tên. Tác giả chỉ cho biết đơn sơ rằng, anh muốn đem tinh thần hóa giải của Phật giáo để giải quyết những vấn đề khúc mắc trong tâm lý nhân vật của cuốn truyện.

Khi tôi hỏi về nhan đề cuốn sách, anh Đoàn đưa ra nhiều tên mà anh đang nghĩ đến để hỏi ý tôi. Trong số những tên làm tôi chú ý, có tên “Tu Giữa Bụi Trần”. Tôi liền đề nghị với tác giả rút gọn bốn chữ thành hai chữ là... Tu Bụi! Vốn là nhà giáo và cựu huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam, anh Đoàn hơi giật mình vì cụm từ “tu bụi” nghe có vẻ “phiêu bạt giang hồ” quá. Nhưng tôi đã cố thuyết phục và đã được tác giả chấp nhận. Tôi đã đưa ra ý kiến rằng: Về nội dung, “Tu Bụi” mang một hình tượng dẫn thân của kẻ hành đạo giữa thế giới Ta Bà; về hình thức, “Tu Bụi” có một độ bám đặc biệt, khó chìm trong một thế giới đầy chữ nghĩa và danh từ hoa mỹ. Nó níu được sự tò mò và chú ý của người đọc. Nếu so với những tên khác nghe có vẻ thuần thành, văn vẻ hơn nhưng lại trơn tuột, đọc xong sẽ quên ngay.

Thế là khái niệm “tu bụi” ra đời như một cái duyên vừa thuận vừa nghịch. Thuận, vì nói lên được tinh thần nhập thế của sự tu hành; đồng thời, nắm bắt được sự tò mò chú ý và quan tâm của người đọc. Nhưng nghịch, vì hình tượng chữ nghĩa quá mới mẻ và đầy tính phiêu lãng, chưa hề có ai dùng.

Chờ mãi cho đến bốn năm sau tôi mới được đọc chương cuối cùng của Tu Bụi.

Tôi rời xứ Việt và nhập vào dòng Phật giáo SriLanka đã hơn 40 năm nay. Tôi thuộc Đạo Tràng Tân Tích Lan Thiên Tông (New Theravada Sangha of Ceylon). Đây là một đạo tràng chủ trương đổi mới, tu và tìm sự giải thoát ngay giữa cuộc đời này.

Đọc Tu Bụi của tác giả Trần Kiêm Đoàn, tôi có cảm tưởng như nhìn thấy một mảnh bóng dáng của chính mình qua nhân vật chính là Trí Hải. Đời Trí Hải có nhiều biến cố. Từ vị trí của một vị hoàng thân, được tiên vương Gia Long tin tưởng, nhưng lại bị tân vương Minh Mạng nghi ngờ, nhân vật Trí Hải từ địa vị cao sang, bước vào cuộc đời gió bụi. Ông ta cũng có khi bị trôi nổi, vùi dập trong từng chặng đời khi lên, khi xuống qua hoàn cảnh sống và qua suy tư của riêng ông. Gặp những lúc khó khăn và khúc mắc nhất trong

cuộc sống, Trí Hải phải dựa vào tinh thần hóa giải của đạo Phật để tìm ra phương hướng giải quyết. Hóa giải theo tinh thần đạo Phật trong Tu Bụi có ba cấp độ: Biết rõ vấn đề như một khổ nạn tất yếu của cuộc sống; hiểu rõ và dần thân sống thật với vấn đề; và sử dụng toàn trí, toàn tâm để chuyển hóa khổ ách từ tình trạng bị dính mắc và trói buộc đến buông xả, tự do trong tinh thần từ bi và trí tuệ nhân bản đượm mùi Phật giáo. Đây là cách giải quyết vấn đề ít thiệt thòi nhất và không gây đau khổ cho mình và cho người bởi vì cốt tủy của sự thay đổi hay “tu” là chuyển hóa thực tế chứ không tiêu diệt vấn nạn bằng danh từ suông hay bằng sự ý lại siêu hình, để dãi nào cả. Như lối thoát cho một cuộc tình đầy đam mê, thơ mộng nhưng ngang trái giữa Trí Hải và Ba Gấm không phải là một ngõ cụt của tuyệt vọng, hủy hoại mà là một sự chuyển hóa từ đục vọng tầm thường vươn lên cao thành ra lòng thương quý và sự hy sinh cao thượng cho mình và cho người. Từ gốc rễ, Trí Hải, nhân vật chính trong truyện, không phải là người theo đạo Phật, nhưng ông đã học và đã thực hành tinh thần đạo Phật qua hai nhân vật tu sĩ là sư Trúc Lâm và thầy Tiều. Tuy phương pháp tu hành khác nhau, thầy Tiều đi vào đời sống xô bồ đời thường và sư Trúc Lâm đi vào đời sống thanh tịnh ẩn dật, nhưng cả hai vị tu sĩ này đều thấy rõ được bản chất cá nhân để chọn pháp môn thích hợp cho mình và cho đời. Tôi có cảm tưởng như hai nhà sư xuất hiện giữa đời này khác nhau như Sao Hôm, Sao Mai; nhưng từ trong cội nguồn, họ là Sâm Thương, là một, là hai lẽ hành cùng bước đi trên một con đường Trí Tuệ dẫn về phương giải thoát.

Về hình thức văn chương, Tu Bụi không phải là một tác phẩm tiểu thuyết (fiction) đúng nghĩa; mà cũng chẳng phải là một tác phẩm biên khảo hay lịch sử mang tính phi tiểu thuyết (non-fiction) thực sự. Nhiều đoạn văn đẹp và giàu vần điệu trôi chảy như thơ. Nhiều đoạn văn lý luận mang tính triết học và phân tích tâm lý rất sâu và trù tượng. Cũng có những đoạn văn trình bày sự kiện lịch sử, dữ kiện xã hội và khoa học có thật để làm bối cảnh cho dòng tưởng tượng trôi chảy. Nhưng thật ra, chất liệu “lịch sử” trong Tu Bụi thường chỉ là một cái cớ được dựng lên bằng dữ kiện trộn lẫn với tưởng tượng và sự sáng tạo đầy tính nghệ sĩ và phóng khoáng của tác giả. Bởi thế, nếu đi tìm lịch sử trong Tu Bụi thì phải tìm bằng tiếng hát tuyệt vời của chàng Trương Chi tưởng tượng bên cạnh My Nương là nàng công chúa yêu kiều đầu đó trong lịch sử.

Theo tôi, đây là một tác phẩm mang đậm nét tinh thần đạo Phật, lý giải được một số tín điều cũng như quan niệm triết học vẫn còn nằm sâu trong góc khuất tư tưởng. Với cảm nhận nghệ thuật riêng, tôi nhận định rằng, Tu Bụi vừa lôi cuốn, vừa kéo, vừa đẹp về cả ba phương diện: Văn học, triết học và

đạo học. Đây là một đạo Phật gần với triết lý sống thật giữa đời hơn là chìm sâu trong thế giới tâm linh thuần tôn giáo.

Tuy nhiên, điểm nổi bật hơn cả là cái Tâm của người viết. Đây là tấm lòng hướng đến điều thiện. Tác giả Trần Kiêm Đoàn đã dùng một lối hành văn trôi chảy, uyển chuyển, giàu hình tượng và ví von, đầy cảm xúc. Ngay cả trong lý luận thì hình ảnh và cảm tính nghệ thuật cũng đã được vận dụng một cách tài hoa. Lắm lúc, sự lãng mạn tràn trề hay phần nộ bùng vỡ, nhưng vẫn giữ được vẻ tròn trịa, quý phái và cổ kính trong ý, trong từ và trong điệu văn.

Trong một e-mail từ Colombo gửi cho anh Trần Kiêm Đoàn nhân dịp Tết Bính Tuất năm nay, tôi có đùa rằng: “Nếu khi đọc Tu Bụi xong mà người ta nôn nóng muốn thử “tu bụi” như thế nào và muốn gặp một “thiền sư tu bụi” coi thử ra sao... thì tác phẩm mới được xem là thành công. Và biết đâu rồi sẽ có một dòng... Tu Bụi ra đời về sau này”.

Có muôn vàn thứ bụi và lớp bụi trong Tu Bụi của tác giả Trần Kiêm Đoàn: Bụi đời, bụi tham, bụi danh, bụi tình, bụi nghĩa... cấu kết thành bụi vong tình. Mỗi thứ bụi đều khoác bằng những lớp áo nhiều vẻ, nhiều màu đây cuốn hút.

Gần một nghìn năm trước, năm 1096, trong lễ trai tăng của hoàng thái hậu Phù Cảnh Linh Nhân ở Giao Châu, thiền sư Trí Không đã nói đến ý nghĩa tu và giác ngộ rằng: “Tất cả mọi sinh linh đều có bản tính giác ngộ, chỉ vì bụi vong tình che lấp, trôi theo nghiệp báo mà lưu lạc mãi trong vòng ngũ thú. Phải được hàng hàng lớp lớp bụi vong tình ấy thì chân tâm hiển hiện, Phật tính tỏ bày”.

Nếu chỉ phủi bụi bằng đôi tay và cây chổi của đời thường thì chỉ làm cho những lớp bụi có cơ dày thêm. Bụi đời chỉ có thể rửa sạch bằng đôi mắt thương (từ nhân) và bằng tấm lòng trung chính (chân tâm), Tác phẩm Tu Bụi đã thành công trong việc gợi ý “quét bụi trần gian” qua nghệ thuật kết cấu mang tính biểu tượng (symbolism) và tâm lý nhân vật được xây dựng mang tính cường điệu sáng tạo (creative exaggeration) gây ấn tượng sâu và đậm cho người đọc.

Tu bụi để phủi được lớp bụi vong tình.

Trong dòng suối cũ tâm linh, có một con nước, rất mới.

Mahinda Phúc Nguyễn¹

Colombo, Tích Lan - mùa Xuân 2006

1 Trong bài tựa bằng tiếng Việt của Bác sĩ Mahinda Phúc Nguyễn, có một số lỗi chính tả và ngữ pháp do tác giả đã sống xa quê hương quá lâu, hơn 40 năm, không thường xuyên tiếp cận với ngôn ngữ Việt. Tôi đã xin phép được hiệu đính khi in lại thành “Lời Mở” trong tập sách này và cắt bớt những phần có liên quan đến trang web, nhưng không liên quan đến tập sách. Mọi sự hiệu đính và thêm bớt cho thích hợp với Bài Tựa đều căn cứ theo tinh thần căn bản của bài viết nguyên văn bằng tiếng Anh nhan đề “DUSTING OFF THE ENEMIES WITHIN” của Mahinda Phuc Nguyen, Ph.D; MD đăng trên mạng lưới Đạo Tràng Tân Tích Lan (NewCeylonSangha.org. Số January. 2006). Xin cảm ơn và đồng thời xin cáo lỗi với tác giả TKĐ

---o0o---

Chương 01 - Nẻo Chân Tâm

Khi những con ngựa chiến không còn sôi máu đỏ, khi vó câu đập dồn và tiếng hí hồng hách giữa rừng binh lửa chỉ còn là một dư vang của quá khứ, đó là lúc những con tuấn mã đã già. Người ta không nữa bắt đi kéo xe hay làm thịt nên thả rông cho chúng lang thang gặm cỏ với đám trâu bò hiền lành quen kéo cày, tải xe cho đến khi chাম dứt một kiếp đời thảm lặng. Trên đồng cỏ bình yên, ngựa thồ và chiến mã có khác gì nhau. Có khác chăng là mỗi chiều về cất tiếng hí, âm vang của ngựa chiến vẫn còn chút âm hưởng ngang tàng như còn tiếc thương thuở nghìn bõm gió lộng.

Cuộc binh đao giữa Tây Sơn và Nguyễn Vương chấm dứt trên chiến trường và thanh bình đã đến với lê dân, chim muông, cây cỏ. Nhưng một cuộc chiến mới âm thầm, không biên cương, không tuốt gươm trần và không vang rền vó ngựa lại bắt đầu khai diễn ở chôn cung đình.

Văn thần để khô bút trận. Võ tướng tìm giá treo gươm. Những kiện tướng một thời áo bào thay chiếu, giở quyết hơn thua lán lướt nhau, cố kiếm một chỗ quỳ gần vua để được ngài nhìn cho thấy rõ mặt ở sân châu. Vua chỉ muốn ngắm giang sơn hoa gấm và điện ngọc ngai vàng trước mắt. Vua Gia Long thường tỏ vẻ khó chịu trước những lời nhắc nhở đoạn đường quá khứ, nếm mật nằm gai; vua muốn quên những tháng ngày bị quân Tây Sơn truy kích, cả tôi lẫn chúa phải chia chung mảnh ván qua sông, phải đói khát lênh đênh từ Côn Sơn qua Phú Quốc. Vua chỉ muốn giữ ngai vàng vững chắc và chinh đốn giềng mối quốc gia theo khung, theo nếp rạch ròi thuận vị, chính

danh: Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử. Những cử chỉ thân mật, gần gũi, góp lời, gợi ý đùa vui như thuở còn bôn ba trên bước đường chinh chiến giờ bị coi là phạm thượng, khi quân. Như quan Thượng thư bộ Lễ đã đôi lần lên tiếng với quan Tổng trấn Bắc Kỳ Nguyễn Văn Thành, cánh tay phải của vua trong mười năm chiến đấu, về thái độ thân mật của ông ta đã làm vua khó chịu, giảm mất thiên uy trước quần thần.

Càng ngày, những văn võ thân một thời giúp chúa Nguyễn làm nên sự nghiệp như Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Khiêm, Nguyễn Thái Nguyên, Lê Quang Định... chia phe kết nhóm, thành những đối thủ của nhau giữa chôn triều đình: Quan thì sợ bị vua thất sủng, vua thì sợ quan làm phản tiếm ngôi, cho nên nghi lễ của triều đình mỗi ngày một nặng nề nghiêm ngặt. Quan chức thì tìm cách dò xét nhau để mật tâu, tâng công.

Trong số những người hiếm hoi chọn lựa thái độ “công thành, thân thoái”, theo gót Phạm Lãi, Trương Lương thuở đó là một vị hoàng thân nổi tiếng tài cao học rộng. Vị hoàng thân sống như một nhà ẩn sĩ tại phủ Ông Hoàng khiêm tốn phía Tây Bắc chùa Linh Mục, ít người được gặp mặt nhưng hầu như mọi người đều biết tiếng qua tin đồn và giai thoại. “Trí Hải” - là biệt hiệu mà người đời đặt cho ông để chỉ trí óc ông rộng mênh mông như biển cả. Tin đồn rằng trong phủ của ông hoàng Trí Hải không có vàng bạc châu báu mà chỉ chứa toàn sách vở bút nghiên. Sách ông đọc chất cao như núi và mực ông mài để chép sách làm thơ nhiều đến nỗi làm đen thẫm cả nước đại hồ. Trí Hải đam mê sách vở đến độ có những gia nhân phục dịch tại phủ Ông Hoàng đã hơn ba năm mà chưa hề được gặp tận mặt để vái chào chủ nhân lần nào.

Trí Hải là niềm hãnh diện chung của hoàng tộc. Vua Gia Long lên ngôi hoàng đế, thống nhất sơn hà nhưng giới sĩ phu Bắc Hà có khí tiết và tài năng vẫn thờ ơ, không tỏ lòng quy phục vì họ vẫn hoài niệm Lê triều, vẫn hướng về “lối xưa xe ngựa hồn thu thảo”. Dưới mắt họ, Nguyễn Ánh, nhân vật thời đại có ý chí kiên trì và sắt đá nhưng thiếu cái hào quang bừng bừng sấm dậy của Nguyễn Huệ, mà cũng chẳng xuất thân từ hàng vương tôn hiển hách đất Thăng Long. Trí Hải vô hình chung đã trở thành một đáp số của vấn đề. Trong chinh chiến, ông đã vào sinh ra tử phò vua xung nghiệp đế. Lúc thanh bình ông qui ẩn không chịu nhận một tước vị quyền bính nào của vua ban cả. Trí Hải chỉ xuất hiện vào những dịp cực kỳ trọng đại của triều đình như trong các dịp quốc lễ thiết đại triều nghi hoặc để tiếp kiến các phái bộ đại sứ thần ngoại quốc. Với dáng dấp uy nghi, kiến thức uyên bác, và tài ứng biện

trùng trùng như mây bay nước chảy của ông bên cạnh vua, tuy Trí Hải không nắm giữ một địa vị nào rõ rệt nhưng ông lại được coi như một vị tối uy cận thân. Ông là vị hoàng thân duy nhất được vua đích thân xa giá đến đàm đạo tận tư dinh. Có một thời, nhiều nhân vật tai mắt hàng đầu của hoàng tộc và triều đình coi Trí Hải như là tai mắt của vua. Họ nườm nượp kéo đến tiếp kiến vị hoàng thân để nói tốt người này, chê bai người nọ với ước mong đến tai vua cho thỏa lòng ao ước vùi dập kẻ thù hay được hoàng thượng gia ân ban bổng lộc. Nhưng tất cả đã rơi vào im lặng vì Trí Hải đã nghiêng tai thần sấm mà nghe chuyện thế nhân nên chuyện thị phi chỉ là tiếng ồn ào vô nghĩa. “Nhãn để phù vân khan thế sự - Mắt nhìn thế cuộc giống mây trôi”, nên Trí Hải đã được đời trả lại sự cô liêu của một kẻ đứng bên lề.

Đất nước và vương triều trải qua bao đổi thay của buổi đầu dựng nghiệp nhưng vị hoàng thân đó vẫn say sưa vây màn đọc sách. Có chăng một người bạn văn chương là cậu ấm Nguyễn Văn Thuyên, con trai của đệ nhất công thần Trung quân Nguyễn Văn Thành. Ấm Thuyên là một công tử nổi tiếng tài hoa phong nhã của kinh thành Huế đương thời. Thuyên đồ cử nhân rất sớm nhưng không chịu ra làm quan, mà lập hội Tao Đàn ở phường Đông Ba để tiêu khiển bằng cầm, kỳ, thi, tửu. Trí Hải một thời kết bạn tâm giao với Ấm Thuyên và rất tương đắc trong những cuộc bình thơ, xướng họa, nhưng cái khác của hai tâm hồn đã đưa họ đi xa mỗi người một cõi. Trí Hải với kinh nghiệm thiếu thời đi đó đi đây với giám mục Bá Đa Lộc đã sớm nhận thức được rằng, có một thế giới phương Tây đang sau chân trời đang bùng bùng trỗi dậy. Có những lối suy nghĩ khác với Luận Ngữ, Trung Dung. Có nhiều cách khác để thể hiện lòng trung quân ái quốc hơn là chỉ biết phủ phục ở sân châu. Ấm Thuyên cũng cuu mang cái hào khí của tuổi trẻ, nhưng ước mơ xa nhất vẫn chưa ra khỏi xã hội hoàng kim thời Nghiêu Thuấn. Người hùng lui tới cũng chỉ quanh quẩn hình ảnh tráng sĩ cầm gươm lên ngựa hay mài kiếm dưới trăng. Hành động bạo nổi cũng không xa hơn Kinh Kha qua bờ sông Dịch. Cảm xúc bi tráng nhất cũng quanh quẩn với tâm sự kẻ sang Tần. Sinh hoạt của Ấm Thuyên và thi hữu trong Hội Tao Đàn trở nên phù phiếm, vui buồn với phong hoa tuyết nguyệt, khóc gió thương mây. Ấm Thuyên càng chiêu mộ những danh sĩ trong giới bút nghiên, Trí Hải càng rút về lặng lẽ, cuốn mình trong vỏ ốc cô đơn.

Năm Gia Long thứ 13 (1814), vụ án “Văn chương phản nghịch” đã làm xôn xao khắp nước và lay động tận gốc rễ giới bút nghiên đương thời của kinh thành Huế.

Nguyên nhân vụ án là cậu ấm Nguyễn Văn Thuyên nghe danh ở Thanh Hóa có hai nhân vật lỗi lạc là Nguyễn Đức Nhuận và Nguyễn Văn Khuê, nên đã làm một bài thơ tâm tình sai người nhà, tên Nguyễn Trương Hiệu, mang thư ra Thanh Hóa và mời họ vào Huế chơi. Bài thơ như sau:

Văn đạo Ái Châu đa tuần kiệt,

Hư hoài trắc tịch dục cầu ty.

Vô tâm cử bảo Kinh Sơn phác,

Thiên tướng phương tri Ký Bắc kỳ.

U cốc hữu hương thiên lý viễn,

Cao cương minh phượng cửu thiên tri,

Thử hồi nhược đắc Sơn Trung tử,

Tá ngã kinh luân chuyển hóa ky.

(Ái Châu nức tiếng lắm nhân tài

Mong ngóng cầu hiền đã bấy nay

Ngọc quý Kinh Sơn tài sẵn có

Ngựa hay Ký Bắc tiếng vang đầy

Hương tỏa hang sâu xa nghìn dặm

Tiếng phượng gò cao chín tầng mây

Sơn Tề phen này mong gặp gỡ

Cùng ta xoay chuyển vận đất này)

Xét về mặt văn chương thuần túy thì đây là một bài thơ hay, mặc dầu hơi sáo ngữ và quá tâng bốc kẻ hiền tài chưa gặp mặt. Tuy nhiên hai câu kết đã bị suy diễn bởi kẻ thù và bởi lòng nghi ngờ âm mưu thoán nghịch thường xuyên và sẵn có trong lòng của vua Gia Long, nên mười bốn chữ oan nghiệt sau chót đã gây nên thảm trạng ngút trời: Đệ nhất công thần Nguyễn Văn

Thành phải tự tử trong ngục và con trai Nguyễn Văn Thuyên bị án phân thân.

Sơn Trung Tể là “Tể Tướng Trong Núi”, dựa theo tích Đào Hoàng Cảnh, đòi Lương Vũ Đế, học thức uyên bác mà không muốn ra làm quan, vào núi ở ẩn. Mỗi khi vua có chuyện quốc sự phải cho người vào núi tìm hỏi kế. Vì vậy người đời sau đặt là “Sơn Trung Tể Tướng”. Xét về mặt chính trị, thì bài thơ trên đây rất dễ bị xuyên tạc và trở thành lợi khí để hãm hại phe thù nghịch. Cái chết của Nguyễn Văn Thành còn là vì ông xuất thân từ hàng quý tộc, văn võ toàn tài, lại có cậu con trai nổi dõng tài hoa. Ông lại có ý coi thường Tả quân Lê Văn Duyệt, xuất thân con nhà dân dã, lại là một hoạn quan. Oái oăm thay, vua lại giao vụ án cho Lê Văn Duyệt xử nên cha con Nguyễn Văn Thành đã bị hạ ngục ngay tức khắc.

Sau thảm họa Âm Thuyên, Trí Hải càng nhận rõ hơn cái phù phiếm của sách vở từ chương và cái bọt bèo phi lý của thân phận con người. Đã có tiếng thở dài trần trở trong thơ ông:

Bất chước người xưa ta vẫy màn đọc sách,

Ba năm trường không thấy mặt nhân gian.

Khi ngoảnh lại thấy hồn bay mây trắng,

Và quanh ta cỏ dại mọc hoang đường! (P.Đ.T)

Rồi đến một ngày đầu Xuân không lâu sau đó, cả kinh thành và hoàng cung nhón nháo khi nghe tin Trí Hải cùng đám tùy tùng lặng lẽ rời tư dinh trong một cuộc hành trình đi về hướng Tây Bắc, tìm lên núi Huyền Trang cách xa kinh thành cả năm bảy ngày đường.

Theo dõi chuyến đi của Trí Hải, người ta kể lại rằng:

Trí Hải đã vượt suối trèo non tìm lên chùa Từ Vân trên núi Huyền Trang, phía Tây núi Kim Phụng, đến gặp thiền sư Trúc Lâm, một nhà sư nổi tiếng đạo cao đức trọng của phái Liễu Quán thời đó, để hỏi con đường đi tìm chân lý.

Trong hang núi cheo leo chỉ có mây bay và gió thoảng, Trí Hải đến gặp sư Trúc Lâm đang nhập thiền định. Chờ mãi vẫn thấy nhà sư im lìm như tượng

đá. Đã ba ngày chờ đợi, vẫn không thấy nhà sư động tĩnh, mặc dầu hơi thở điều hòa chứng tỏ nhà sư ở trong trạng thái tham thiền nhưng tỉnh thức.

Cuối cùng Trí Hải phải lên tiếng:

- Thừa thiền sư, tôi chỉ là một kẻ vô danh, được người đời kêu là Trí Hải. Kẻ hậu sinh vốn xuất thân từ chốn hoàng cung nhưng bình sanh ham mê đèn sách. Suốt 10 năm trường chuyên tâm nghiên cứu, giam mình trong thư phòng, học cho đến khi thuộc lòng kinh sử Đông Tây kim cổ với ước mong luận ra con đường cứu đời giúp nước. Nhưng càng ngày, chữ nghĩa càng làm cho tôi hôn mê trong trận đồ bát quái của sách vở từ chương, không tìm ra được con đường tiến thoái để thực sự đi vào cuộc đời. Nay được nghe danh thiền sư là bậc đạo cao đức trọng và đạo Phật của thiền sư là giáo lý cao siêu cứu khổ giúp đời. Bởi vậy, hôm nay tôi lặn lội đến đây xin thỉnh ý thiền sư để mong tìm ra một con đường, không phải là con đường đi vào rừng thiêng của chữ nghĩa kinh sách, mà chính là con đường đi vào cuộc đời.

Sau câu nói đó, Trí Hải xiết bao vui mừng khi thấy sư Trúc Lâm từ từ mở mắt nhìn thẳng vào người viễn khách. Ánh mắt của nhà sư trong như pha lê, sắc lạnh như bảo kiếm và tràn đầy ánh sáng của một buổi bình minh. Vẫn im lặng! nhưng Trí Hải cảm thấy như người đối diện đang nhìn xuyên suốt quá khứ và vị lai của mình qua ánh mắt. Nhà sư mở miệng. Trí Hải nín thở đợi chờ. Nhưng tất cả chỉ là hai tiếng gọn lỏn phát ra từ cửa miệng nhà sư:

- Con gà!

Từ những triền núi thấp thoáng giữa rừng mây khói xa xăm bên kia có tiếng vọng lại:

- Con gà! Con gà! Con gà!

Âm thanh nhẹ như gió lá xào xạc qua rừng cây, nhưng cũng mạnh như hải triều âm dâng lên từ phương Đông huyền diệu.

Trí Hải hồi hộp đợi chờ những lời lẽ minh triết tiếp theo nhưng nhà sư đã từ từ nhắm mắt lại. Ba ngày tiếp theo, núi vẫn núi, cây vẫn cây, và im lặng vẫn chìm sâu trong im lặng. Người viễn khách bâng khuâng tự hỏi:

- Chỉ có vậy thôi sao?!

Trên yên ngựa quay về lối cũ, đoàn tùy tùng chỉ thấy một hoàng thân Trí Hải đầy ưu tư và lẩm bẫm một mình: “Con gà?! Con gà?!”

Tiết Thanh Minh năm Quý Dậu, số người đi dự hội Đạp Thanh ở kinh thành thưa thớt vì tất cả đều tò mò tập trung đến dinh hoàng thân Trí Hải để tham dự hoặc quan sát, theo dõi “Đại Hội Con Gà” sẽ được tổ chức tại đó.

Số là sau khi từ giã thiền sư Trúc Lâm trở về Thái Ấp, Trí Hải đã cho mời tất cả văn nhân, tài tử, học giả nổi tiếng đương thời về dinh để truy tìm cho ra mọi triết lý cao xa có liên quan đến giống gà. Hơn 3 ngàn cuốn sách được đem ra tra cứu. Vô số định nghĩa về gà do hơn một ngàn học sĩ đương thời công hiến vẫn không làm thỏa mãn vị hoàng thân đang muốn thoát khỏi mê đồ của chữ nghĩa này.

Giống gà hiền lương, vô tư đã bị những đầu óc thông thái nhìn qua những cặp kính màu: Màu đỏ của tham vọng, màu xám của hận thù, màu rong rêu của nịnh hót, màu phôi pha của nông cạn, màu âm u của si mê... Con gà sống thực giữa cuộc đời bỗng nhiên mất hút, mỗi khuynh hướng vẽ ra một hình ảnh con gà kỳ dị riêng tư. Con gà đã trở thành một cái cớ để cho người ta bám vào đó mà leo lên giấc mơ khanh tướng, công hầu.

Có nhiều vị khoa bảng đi xa hơn cho rằng gà là một linh vật vì gà là một trong tam sinh để cúng thần linh. Giò gà mang thông điệp của thần thánh nên có người giết gà cầu nguyện để đem giò coi bói với hy vọng tìm ra bí quyết đời mình. Có nhiều nhà thơ, nhà văn lấy làm tiếc và trách nhà sư Trúc Lâm tại sao không nói đến con én mùa Xuân, con quốc nhớ nước, con sơn ca hát lồng lộng trên trời xanh, con hoàng oanh hát chào nhà quý tộc... mà lại nói đến con gà thấp bé tầm thường.

Suốt một tháng trường, Trí Hải càng cố đào sâu về triết lý con gà, trí óc ông lại càng rối loạn vì những mớ lý thuyết bong bong của những nhà thông thái chỉ biết vùi đầu trong sách vở như ông.

“Đại Hội Gà” là một cố gắng cuối cùng của Trí Hải để bước ra khỏi tháp ngà của sách vở, lý thuyết suông mà đi vào thực tế. Thực tế ở đây là những gì ngắm nhìn và sờ mó được. Trong đại hội này, Trí Hải kêu gọi bất cứ ai có những loại gà, giống gà độc đáo và kỳ lạ nhất hãy mang về tham dự đại hội. Đến giờ Ngọ, cái dinh cơ đồ sộ của hoàng thân Trí Hải đã đầy đặc những gà. Hơn 500 loại gà từ rừng núi cho đến đồng bằng, sông biển đều được đem ra đấu xảo. Mọi người xem đều hứng thú: Có những giống gà kỳ lạ như rồng, như phượng, như ác điểu, như chim muông. Chỉ riêng Trí Hải vẫn thất vọng,

hờ hững đắm mình trong suy tư. Ông muốn quên đi chuyện “Con Gà” nhưng ánh mắt kỳ diệu và danh tiếng lẫy lừng của sư Trúc Lâm vẫn đè nặng trí óc và tâm hồn ông như một nỗi ám ảnh đặng đặc bám lấy những nẻo suy tư.

Rừng nhân sĩ đã lui gót, đại hội gà đã tàn, Thái Ấp đã trở về nếp sinh hoạt thường nhật với cảnh êm đềm và tịch liêu của nó. Suốt mấy đêm liền Trí Hải vẫn ngồi đắm chiêu trong đêm thâu.

Đêm xuống đã lâu rồi, gia nhân đã mấy lần nhắc hoàng thân dùng trà khuya đi ngủ mà Trí Hải vẫn ngồi yên lặng trong sương đêm. Ông nhìn bầu trời đầy sao, nghe gió về trong lá, cảm nhận cái mát lạnh mơn man của mùa Xuân chín và chìm lắng trong dòng suy nghĩ. Mùi hoa phù dung thoang thoảng cho ông biết đã quá nửa đêm. Ông ngược nhìn những vì sao hiu hắt và thao thức trăn trở cho đến quá canh tư.

Giữa không gian vô cùng và thình không lắng đọng, tiếng chuông công phu buổi sớm của chùa Thiên Mục từng tiếng thông thả nối đuôi nhau. Từ lặng im, một tiếng chuông bỗng vang lên, ngân nga, nhỏ dần rồi tắt lịm như biểu hiện cho một kiếp người.

Từ trong Thái Ấp, một tiếng gà gáy sáng vừa cất lên. Tiếng gà gáy như một thứ âm thanh nảy mầm từ lòng đất, vắt qua bầu trời và rơi vào một thế giới xa xăm. Hồi chuông công phu quyện với tiếng gà gáy sáng có một sức hút lạ lùng làm cho Trí Hải lắng nghe. Tiếp theo là tiếng gà gáy sáng thi nhau rộn rã đủ sức lay động cả bình minh và tâm hồn Trí Hải. Có tiếng gà thanh thoát cao vút với nhiều cung bậc u trầm như tiếng hò ru con của người cô phụ. Có tiếng gà trong suốt mời gọi tươi vui. Có tiếng gà vừa cất lên đã vội vàng rơi xuống. Có tiếng gà khàn khàn như tiếng ho hiu hắt của cụ già. Trong một khoảnh khắc thời gian, trí óc của vị hoàng thân lênh đênh, chơi vơi rồi bùng vỡ ngập tràn ánh sáng. Ông ngạc nhiên nhìn lại chính mình rồi tự hỏi:

- Ta là ai? Ta chỉ là thân xác của một đứa trẻ sơ sanh với linh hồn một cụ già đã chết? Hay ta là một sinh vật vô cơ rớt xuống giữa đời và mọc mầm, đâm nhánh, ăn ngủ, làm việc rồi theo thời gian lụi tàn như một thân gỗ mục? Ta hiện hữu giữa đời mà đời không hiện hữu ở trong ta? Tại sao mấy chục năm qua ta chưa hề nghe được một tiếng gà gáy sáng? Phải chăng chỉ vì ta quên hiện tại rồi loay hoay đào bới một dĩ vãng xa xăm và sống mơ mộng cho một tương lai chưa đến nên đã bao năm qua ta không biết trên đầu có một bầu trời xanh, bên cạnh ta có những con người thân thương đang sống, và trong xóm kia có những tiếng gà?

Tiếng chuông chùa vẫn ngân nga trong gió, tiếng gà vẫn rộn rã trong sương, Trí Hải cảm nhận sự hiện hữu của thế giới, của chính mình và bỗng nhiên cảm thấy một niềm hạnh phúc vô biên tràn đầy trong hơi thở.

- Cuộc đời chính là đây! Sao ta chưa vào đời?

Trí Hải đứng bật dậy đúng lúc người hầu cận trung thành vừa bước đến, cất giọng kính cẩn:

- Bẩm hoàng thân đại nhân, trời đã sáng. Xin mời ngài dùng chén trà sen kéo nguội.

Trí Hải cười vui thành tiếng, nói với người hầu cận:

- Này lão nhân! Người cũng thức trắng đêm với ta sao? Ô! Trà thơm quá, người ngồi xuống uống với ta một chén đi nào.

Lão hầu cận mở to mắt, nhìn kỹ người đối diện để xem cho rõ đây là người giả hay người thật. Đã bao nhiêu năm hầu cận vị hoàng thân này, người lão bộc sống trung thành và âm thầm như chiếc bóng. Đối với lão, Trí Hải thật phải là một người lạnh lùng, đôi mắt lúc nào cũng chăm chăm vào trang sách, ra lệnh cho lão bằng những cái vẫy tay và lắc đầu hay gật đầu nửa vờ mệt mỏi. Bỗng dưng hôm nay lại xuất hiện một Trí Hải biết cười, biết khen trà thơm và lạ lùng hơn nữa là mời lão cùng uống trà. Người lão bộc chỉ có thể phản ứng bằng những lời dè chừng:

- Bẩm đại nhân, kẻ lão nô này không dám...

Trí Hải bật cười thành tiếng, đùa vui với ông lão:

- Ông lão đừng sợ. Đêm qua ta thức suốt đêm nên nghe được tiếng gà. Tiếng gà gáy như một sự nhắc nhở rằng, có lão bên cạnh ta. Trà tam tử tứ, ta cần một người đối ẩm dù chỉ là một chung trà. Nào, lão ngồi xuống đây, chúng ta cùng uống trà để chung vui một ngày mới.

Thoái thác không được, ông lão đành im lặng nhấp chén trà để vui lòng chủ.

Trong cuộc đối ẩm bất đắc dĩ, ông lão toàn “Dạ, thưa...” và chỉ trả lời cung kính vừa đủ lời, đủ ý mỗi khi được hỏi, thế nhưng đối với Trí Hải lại thích thú vô cùng. Ông đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác khi khám phá ra rằng, vị lão nô âm thầm như chiếc bóng bên cạnh ông mấy chục năm qua

không phải là một thứ vật dụng trong nhà biết cử động mà là một con người có suy tư và chia sẻ.

Bao nhiêu năm qua, người lão bộc và vị hoàng thân sống kề cận nhau như hình với bóng nhưng chưa một lần nhìn thấy nhau. Vị hoàng thân như một hòn núi thái sơn sừng sững nhưng lạnh lùng và cô quạnh. Người lão bộc như một khe suối nhỏ nhoi róc rách chảy dưới chân cầu. Sự “khai ngộ” hôm nay như một trận đại hồng thủy để cho khe suối và núi cao biết nhau rằng, mỗi giọt nước tầm thường đều mang tính chất của đại dương và mỗi ngọn núi uy nghi đều đến từ hạt bụi.

Mãi uống trà và trò chuyện, mặt trời đã mọc quá cây sào. Biên giới ngăn cách giữa ông lão và vị hoàng thân dần dần nhỏ lại. Đến gần trưa thì những người dân trong Thái Ấp đã thấy hai người khách lạ có dáng dấp quý tộc nhưng ăn mặc tầm thường giống nhau, một già, một trẻ đi bên nhau vào tận mỗi thôn cùng xóm vắng của những vùng lân cận kinh thành.

Vốn khao khát cuộc sống và yêu thương con người đến quận mình, Trí Hải cố gắng phá tung những chấn song của chiếc lồng son quý tộc đã nhốt ông hơn nửa cuộc đời. Cần phải gọt dũa lớp vỏ thô cứng đóng thành hào lũy giữa bình dân và quý tộc để xây dựng tín hiệu giữa quần chúng và kẻ cầm quyền, đó là tín hiệu của trái tim. Dần dà, Trí Hải đã học được tiếng gáy của con gà, đó là tiếng gáy hồn nhiên, trong sáng, gần gũi, thân thương không ẩn chứa một mặc cảm, một định kiến, một mưu mô đen tối nào cả.

Sau vụ gặt hái tháng Tư, những người nông dân trong Thái Ấp bỗng xôn xao và hoảng hốt khi họ biết rằng “Cậu Ấm lỗ thời,” cái tên thân mật dành cho người thư sinh tuổi trung niên hàng ngày gần gũi, chuyện trò, hát dặm với trai làng, chia sẻ với các cụ già, đùa vui với đàn trẻ nhỏ, chính là hoàng thân Trí Hải, vị chủ nhân tối cao của Thái Ấp mà họ trước đây chỉ nghe tên chứ chưa từng biết mặt.

Từ khi khám phá ra người đàn ông nhân hậu, xuề xòa đó là hoàng thân Trí Hải, mối giao tình hồ hởi, thân thương giữa nhà đại quý tộc và quần chúng bình dân mới chợt loé lên đã chìm hẳn lại. Trí Hải đi đến đâu mọi người đều e dè, cung kính, xa cách vì sợ mang tội bất kính. Cái biên cương giữa bình dân và quý tộc đã do lịch sử xây lũy, đắp thành cao chất ngất đâu dễ gì phá đi một sớm một chiều. Trí Hải muốn bước vào đời nhưng vẫn đi bên cạnh cuộc đời. Giới quý tộc và bình dân chưa thể nhận ra nhau vì họ không nói

cùng chung một ngôn ngữ, không cùng một suy tư và cũng chẳng chung nhau những nỗi vui buồn qua tiếng cười hay tiếng khóc.

Những đêm dài trần trở lại đến. Tiếng chuông công phu chùa Thiên Mụ vẫn thanh thoát, tiếng gà vẫn giục giã đầu thôn nhưng Trí Hải lại phờ phạc với nỗi bơ phờ của người lạc bước giữa cuộc đời tầm thường mà cuốn hút này. Ông muốn đưa cả hai cánh tay ra cho đời bắt lấy, nhưng đời lại lạnh lùng và cung kính khước từ. Trí Hải có cảm tưởng chơi voi như mình là kẻ ngồi ở đầu non để nhìn khe suối róc rách reo vui dưới lưng đèo. Thêm một ngụm nước trong lành, nhưng khi xuống lưng đèo thì nước rút xuống đồng bằng và khi cố tới đồng bằng thì nước lại trôi xuôi về biển.

Lại vang vọng trong đêm thâu tiếng chuông Thiên Mụ. Tiếng chuông như hữu tình mà vô ngã vì thế sự thặng trầm mà muôn năm tiếng chuông vẫn thế; chẳng biểu cảm mảy may hay đeo chút buồn vui nhân thế.

Chùa Từ Vân lặng lẽ đón hai người khách cũ đã mệt nhoài vì sương nắng đường xa. Trí Hải và lão bộc âm thầm khấn gúi lên đường tìm sư Trúc Lâm. Vẫn chỉ là núi rừng và khung cảnh cũ nhưng cái lạnh của núi rừng như buốt từng thớ thịt mà sư Trúc Lâm vẫn tham thiền trong tư thế kiết già với mảnh áo choàng đơn sơ. Đợi đến ngày thứ ba, Trí Hải mới đến bên nhà sư lên tiếng:

- Thưa thiền sư, theo lời của ngài, tôi đã học được tiếng gáy của con gà; mở lòng thật rộng và cúi mình thật thấp để gần gũi với lê dân nhưng rốt cuộc tôi vẫn bị tách rời đứng bên lề trợ trợ. Vì vậy, tôi trở lại đây để xin theo thiền sư học hỏi. Lần này chưa tìm ra hướng đi tôi quyết sẽ không xuống núi trở về. Xin thiền sư nhủ lời chỉ bảo.

Sư Trúc Lâm nhìn dịu dàng vào đôi mắt của người viễn khách, môi nở nụ cười mát rượi và bao dung như giọng nói ấm áp thật bất ngờ:

- Thiện hữu, mời người ăn trước đã.

Trí Hải thắc mắc:

- Thưa thiền sư, ba ngày qua tôi đã ăn nhiều bữa và ăn no lắm rồi.

Nhà sư trả lời và nhắm mắt vào thiền định:

- Không! Thiện hữu chỉ gắng nhét cho đầy bụng chứ chưa ăn.

Trí Hải lui về nhà trai khi bữa cơm chay buổi chiều đã được người lão bộc dọn sẵn chờ đợi. So với những bữa ăn hàng ngày thịnh soạn của một ông hoàng thì bữa cơm chay đạm bạc tại một ngôi chùa heo hút trong rừng sâu như chùa Từ Vân này trông nghèo nàn đến tội nghiệp. Trí Hải lặng lẽ ngồi xuống cầm đũa, nhìn chén cơm bốc khói trước mặt và còn nghe văng vẳng lời vọng như chuông vang của nhà sư “Thiện hữu chỉ gắng nhét cho đầy bụng chứ chưa ăn!” Trí Hải cầm đũa, nhắm mắt hít một hơi dài như muốn tập trung tất cả mọi cảm giác vào cái “ăn”. Mùi cơm diu diu nhẹ nhàng len vào khứu giác và lần đầu tiên ông ngạc nhiên hỏi người lão bộc đứng bên cạnh:

- Cơm hôm nay nấu bằng loại gạo gì mà lại thơm ngào ngạt như vậy?

Đến lượt ông lão ngạc nhiên:

- Bẩm tôn ông, chùa nghèo không có gạo de An Cựu hay gạo Nàng Hương như ở dưới phủ nên phải nấu tạm cơm gạo hẩm. Gạo này là gạo xấu nhất trong các loại gạo đó ạ.

Trí Hải gật gù và miếng cơm vào miệng, gấp rau rừng chấm với nước tương. Ông vừa nhai vừa cảm nhận được vị ngọt và bùi của cơm. Vị rau rừng vừa ngọt vừa pha chút chua chua chát chát, rau luộc xanh thoang thoang như mùi lan núi. Những hạt tương đậu nành vỡ ra, mặn mà và ngọt lịm trong từng kẽ răng.

Trí Hải khám phá ra một thế giới nhỏ bé nhưng kỳ diệu trong từng miếng ăn. Ông như một đứa trẻ mới được bú giòng sữa Mẹ Thiên Nhiên lần đầu trong đời. Ông quên mùa đông giá lạnh bên ngoài, quên người lão bộc đứng hầu bên cạnh, quên tất cả những chân trời mơ ước cao xa. Ông nghe được cả những cảm giác run run phập phồng trong thân thể mình đang náo nức đón lấy nguồn sống từ hạt đậu, miếng cơm. Nước mắt ông ứa ra vì biết ơn những bàn tay đã làm ra hạt gạo, trân trọng những mạch đất đã nuôi lớn cọng rau.

Người lão bộc dọn dẹp mâm cơm với chén đĩa sạch trơn và nghe Trí Hải nói với bóng mình: “Tội nghiệp mình! Bao năm qua ta chỉ nhét thức ăn cho đầy bụng, bây giờ mới được ăn!”

Sáng hôm sau, Trí Hải đến gặp sư Trúc Lâm. Ông đã hơi quen với không khí tĩnh lặng trong ngôi chùa cổ kính này. Ông không còn thấy khó khăn khi nói với nhà sư như nói với một bức tượng:

- Thưa thiền sư, tôi đã ăn và đã hiểu lời dạy của ngài: “Có thì có tự mây may. Khi không cả thế gian này cũng không.”

Sư Trúc Lâm lại mỉm cười. Nụ cười trong sáng và dễ dãi quá, không ẩn chứa một gợn phê phán, khen chê. Nhà sư hỏi Trí Hải, giọng vô tư nhưng tha thiết như nói với một đứa trẻ lạc đường:

- Thiện hữu có thấy con cọp nằm và con công múa ở đâu không?

Trí Hải trả lời thành thật:

- Từ dưới nhà trai lên núi tôi chẳng thấy gì cả.

Nhà sư nói tiếp trong dáng cười chưa tắt:

- Vì thiện hữu chỉ nhìn mà không xem nên chưa thấy!

Vốn đã quen dần với lối nói của nhà sư, Trí Hải còn hoang mang nhưng biết hỏi thêm cũng vô ích nên rời chùa, trở lại khu nhà trai dưới chân núi. Ông uống tách chè xanh và lững thững bước ra ngoài.

Núi rừng mùa Đông lạnh và trơ vơ nhưng lại mang vẻ đẹp lão từng chịu đựng tuyết sương. Lá khô trải thảm dày trên đá sỏi. Nắng đã lên nhưng chưa thắng nổi sương rừng và gió núi nên cả không gian và thời gian nơi này còn nhuộm trắng tóc mây. Trí Hải nhìn quanh, chân trời xa bị mây và sương che khuất nên mắt ông đậu trên từng phiến đá, gốc cây. Ông không biết đi đâu, không có một cỏi đi về hay đâu đâu cũng là cỏi đi về nên chẳng bước vội. Rừng vắng quá nên ông nghe cả tiếng bước chân mình dẫm xào xạc trên lá. Bước chậm quá nên ông thấy bàn chân mình dò dẫm tìm đường trên mặt sỏi. Một cảm giác mát lạnh và bình an đi từ gan bàn chân chuyển dần lên mắt, lên tóc nên ông thấy bình thản lạ lùng trong suy nghĩ và trong vắt trong mắt nhìn.

Xa, rất xa, trong vầng sương nắng ẩn hiện, ngọn núi đá màu xanh thẫm và tím ngắt hiện ra sừng sững trên nền trời trắng đục làm Trí Hải bàng hoàng giật mình. Rõ ràng trước mắt ông là trái núi hổ phục—hình con cọp nằm—mà sư Trúc Lâm nói đến. Chờn vờn phía đuôi “con cọp” là triền núi xẻ ba,

cây mùa đông có đám lá rụng trơ xương, đám màu xám, màu đỏ, màu vàng, màu xanh trông giống hình một con công đang múa. Trí Hải chân vẫn cất đi nhẹ nhàng, thân trí lảng lảng, mắt không rời “con hổ nằm và con công múa” đẹp lãng đãng và phiêu bồng với mây núi như một kỳ quan. Cái đẹp thiên nhiên cuốn hút con người làm cho Trí Hải ngỡ như mình đã hoà tan với đất, không biết mình đang hóa thành cây cỏ hay cây cỏ là hiện thân của chính mình.

Ông sực tỉnh để nhận ra thằng người nhỏ bé của mình khi chân bước lên tam cấp của chùa. Sư Trúc Lâm đã đứng đó tự bao giờ. Hai người nhìn nhau không lên tiếng, “đối diện đàm tâm”. Im lặng rất lâu nhưng nhà sư và viên khách đã nói với nhau hàng ngàn câu chuyện.

Nắng đã lên cao. Trí Hải ngược lên nhìn sư Trúc Lâm mỉm cười và nhà sư gật đầu. Im lặng. Chia tay.

Cũng vẫn là con đường cũ mà khi về lại Trí Hải có cảm tưởng như mới đi lần đầu. Trước đây, con đường chỉ là một phương tiện để tìm đến với sư Trúc Lâm nên chân bước trên đường mà đầu vẫn lơ đãng nghĩ về phương trời khác. Nay cũng trên con đường rừng gập ghềnh ấy, nhưng khi bước lên sỏi đá, Trí Hải biết mình đang bước, đang sống thực và làm chủ lấy bước chân của mình. Lần đầu tiên trong đời, ông vừa đi vừa nhìn cảnh vật và sự sống chung quanh. Ông ngắm những con sáo núi làm tổ trên cây phong và thấy được con đường chập chùng xa lắc này tiếp nối bùng lên sự sống. Ông cũng thấy mình đang sống, đang bước đi thanh thản như con kiến đang bò trên đường dài.

Về lại Thái Ấp sau một cuộc hành trình xa, Trí Hải cảm thấy một cái gì vừa đổi khác. Ông tạt qua ruộng lúa, vườn cà, nương khoai... ngỡ ngàng và thú vị như người từ thế giới khác vừa mới đến trái đất lần đầu. Ông ngồi xuống nâng niu từng chồi non, từng đọt bông, từng ngọn lá. Gặp người dân Thái Ấp ông nhoẻn miệng cười dễ dãi và bắt chuyện với họ tự nhiên như những người bạn cũ thân thương. Ông không còn cảm thấy mình cao hơn họ và cũng chẳng thấy mình thấp hơn họ. Ông chỉ thấy mình cũng là một con người có đủ tính chất vui, buồn, hờn, giận... như muôn ngàn người khác, thế thôi.

Chính lúc Trí Hải không bắt chước mà sống thực hồn nhiên như tiếng gáy con gà thì cũng là lúc ông đã quên đi bản thân mình là ông hoàng, là chủ Thái Ấp, là người đã ba năm vây màn đọc sách, là nhà quý tộc muốn cúi

xuống thật thấp, “hạ cố” đi vào cuộc đời và bị cuộc đời quay lưng từ khước. Khi ông thôi không còn quay quắt vào đời thì chính cuộc đời tự động mở ra và vây bủa lấy ông. Người dân Thái Ấp đã nhận được tín hiệu từ trái tim nên tự động tìm đến với Trí Hải. Họ vẫn dành trọn vẹn cho ông lễ nghi, cung kính nhưng không còn sợ hãi vì mối giao tình phát khởi từ những tấm lòng chân thành và nhân hậu với nhau, đó là sự tương kính gần gũi và yêu thương.

Tiếng chuông công phu chùa Thiên Mục đêm đêm rót vào bầu trời xứ Huế đã mấy trăm năm, nhưng chuông vẫn không cạn mà Huế cũng chẳng đầy.

Suốt mấy mươi năm, Trí Hải đã nghe quen tiếng chuông nên dần dần không còn nghe nó nữa, như những đứa con xứ Huế khôn lớn còn mấy ai nhớ mùi sữa mẹ đọng trên vành môi. Tiếng chuông ngân vẫn u trầm dìu dặt nhưng không một giọt chuông nào rơi vào hồn Trí Hải vì lòng ông đã đầy đặc chuyện đời, trí ông đã ngổn ngang trăm mối. Khi tâm thức không còn khoảng trống cho hiện tại và mất đi sự ngạc nhiên tươi mát trẻ thơ thì tiếng chuông hay tiếng đồng vọng của đất trời cũng chỉ là dư âm dội vào tường gạch vỡ.

Sau “Đại Hội Con Gà”, tiếng chuông Thiên Mục cùng với tiếng gà đánh thức bình minh lại nhen nhóm trở về với Trí Hải. Tiếng chuông giọt ngắn giọt dài rơi vào lòng ông lúc này cũng như những giọt mưa đêm rơi vào lòng biển động. Mát hút, lạnh lẽo, mù sương. Ông nôn nao dậy sóng đi tìm một nghĩa sống cho đời trong khi tiếng chuông vẫn khoan thai, thanh thản, vô tình trôi như chiếc thuyền nan trên sông Hương trước chùa Thiên Mục. Có lúc ông say đắm bằng nỗi đam mê vụng dại với tiếng chuông, nhưng cũng có lúc ông giận hờn, bất mãn vì tiếng chuông quá thản nhiên trước những thao thức trần trở của con người. Ông muốn tiếng chuông phải “đeo sào”, phải có cái “ngã” trong khi tiếng chuông lại hoàn toàn vô ngã.

Cũng vẫn là tiếng chuông Thiên Mục của trăm năm trước, cũng vẫn là tâm hồn Trí Hải của trăm năm sau sao bây giờ lại khác. Trí Hải sống với tiếng chuông như sống với một em bé nhỏ hay một bác nông phu. Chuông và người cùng sống, cùng ăn và cùng thở. Đêm khuya ông vẫn nói chuyện rì rào với chuông. Ông hiểu chuông hơn bao giờ hết. Trí Hải không cần phải thức khuya dậy sớm mới nghe được tiếng chuông khi trong lòng ông có năng hòa với tiếng chuông sâu thẳm thẳm phát khởi từ tâm hồn.

Ông nghe tiếng gió từ muôn phương. Ông thấy cảnh trúc từ vạn cổ. Ông cảm tiếng chuông từ tám hướng. Ông nhận tiếng gà từ làng thôn. Tiếng gió, cảnh trúc, tiếng chuông, tiếng gà và lòng người gặp nhau từ vô ngã.

Có một ngày, người lão bộc nghe vị chủ nhân gõ vào sừng trâu mà hát:

Gió đưa cảnh trúc là đà,

Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương.

Hát ngêu ngao như một người lãng tử và chơi đùa với đám mục đồng như thuở ấu thơ. Trí Hải được sống ngây ngất với từng giây phút trôi qua mà không một chút tiếc nuối với cuộc đời quá dài hay quá ngắn. Đầu óc ông trở nên khoáng khoáng như một bầu trời mơn man mây trắng và lòng ông tĩnh lặng như ánh trăng vàng vạc trên đồi xa. Rừng sách vở vẫn còn là một dấu ấn chưa phai nhưng đã được phủ bụi và được xếp vào ngăn riêng của nó. Nhờ vậy, ông đã bắt đầu tập nói chuyện triết lý cao siêu bằng ngôn ngữ chất phác và đơn sơ như nói về hay kể chuyện Tám Cám. Dường như đôi khi ngôn ngữ là một phương tiện nghèo nàn, bất lực và yếu đuối trước im lặng suy tư. Lý sự là chiếc ghe chòng chành mà im lặng là chiếc cầu vồng chãi đê qua sông, giòng sông tư tưởng có bờ bên này là bão nổi bon chen tuyệt vọng và bên kia là tâm tư tĩnh lặng tuyệt vời.

Có đám bụi đất đỏ của đàn trâu đạp lúa đang về và có đám bụi mù của vó ngựa phi nhanh trên đường quê Thái Ấp. Đối với Trí Hải thì đám bụi nào cũng giống nhau, vó trâu hay vó ngựa cũng chỉ là những bước đi dấy lên từ đất, nhưng đối với người dân Thái Ấp thì vó ngựa có người kỵ mã mang lệnh bài của triều đình là một biến cố. Mọi người lập tức dạt ra hai bên đường và dất trâu nép xuống bờ ruộng cho tuấn mã với kỵ sĩ gò mình trên yên phi nhanh về phía dinh ông hoàng. Trí Hải đang kể chuyện về giống vịt trời cho đám trẻ con chen lấn nhau, hoác miệng cười vang bên bờ ruộng. Ông cung tay thi lễ đón nhận lệnh của vua triều vào cung khẩn cấp với vẻ bình thản như nghe chuyện xảy ra hàng ngày trong Thái Ấp. Điều đó đã làm cho mọi người và ngay cả sứ giả ngạc nhiên đến độ sững sờ. Một Trí Hải nghiêm trang, trịnh trọng, lạnh lùng và cách biệt không còn dấu vết nơi ông. Trước khi bước lên cỗ xe song mã lộng lẫy của triều đình vào nội thành, Trí Hải còn vui cười vầy lũ trẻ sợ hãi ngồi im thín thít hay chạy biên loanh quanh để dặn dò lúc về ông sẽ kể tiếp chuyện vịt trời.

Trên đường vào đại nội, vị quan bộ lễ đi rước hoàng thân kể rằng, sau vụ án “văn chương phản nghịch” ám Thuyên, vua bị mang tiếng là bạc đãi trung thần và khắt khe với hiền sĩ. Vua cố tìm cách lấy lại niềm tin của giới nhân sĩ Bắc Hà bằng cách cho vời vào cung một phái đoàn nhân sĩ đất Thăng Long. Nhóm nhân sĩ, gồm nhiều nhân vật danh tiếng và các học sĩ lừng lẫy xứ Bắc, vào Huế để được thấy tận mắt uy thế của thiên triều và giang sơn hoa gấm của đất Thần Kinh. Trong hơn mười ngày qua, giới nhân sĩ Bắc Hà không làm vua hài lòng vì họ vẫn xa cách và lạnh nhạt trước những tiêu yến và đại yến được mở ra tung bừng để chiêu hiền đãi sĩ. Với quyền uy thiên tử, chém đầu ba họ thì chỉ cần một cái gậy đầu, nhưng chinh phục được lòng người thật khó. Thế nhưng, bên cạnh lớp hủ nho miền Bắc xun xoe nịnh bợ để mưu cầu áo com và chức tước lợi danh mà thời nào cũng có, giới sĩ phu ưu tú đất Thăng Long không khuất phục trước quyền thế, không mờ mắt trước hư danh, không dễ dãi chấp nhận những lời biện thuyết của giới học sĩ Đàng Trong. Sự từ chối lời mời ở lại phò vua, giúp nước của họ đã làm cho cả triều đình Huế vừa bối rối vừa ngấm ngấm tức giận, nên mọi hy vọng đang đổ dồn vào Trí Hải...

Đại yến đang mở ra tại Ngự Viên. Đội ngự binh gươm giáo sáng lòa. Các quan trong phẩm phục đại yến. Gấm màu, lụa là thêu, áo mũ gắn hột cườm, mã não và đồ trang sức quý giá lóng lánh như ánh sao. Cung tần, thị nữ đẹp rục rỡ và thom mát như những hình hài không có thật ở trần gian... Bỗng mọi người đều “ồ” lên kinh ngạc khi Trí Hải bước vào. Một hoàng thân Trí Hải có dáng đi đường bệ với khuôn mặt nhìn thẳng lạnh lùng trong phẩm phục triều nghi có thể chói lòa trong đêm tối đâu rồi. Một Trí Hải khác có dáng đi khoan thai, khuôn mặt vẫn thanh tú nhưng màu da trắng xanh nay trở thành r ám hồng vì nắng gió. Nét cười khoan hòa dễ dãi và đôi mắt tinh anh nhưng lại ám cả vùng trời đang đậu trên từng người quen và khách lạ. Áo quần đơn sơ mà thân thiện như người nông dân đi ăn giỗ. Một thoáng xôn xao nổi lên trong đám nhân sĩ Bắc Hà. Người ta tự hỏi, một vị hoàng thân tiếng tăm như Trí Hải lại là một người bình thường và đơn giản đến thế sao.

Buổi đại tiệc bắt đầu khi xa giá của nhà vua ngự đến. Những lễ nghi quan cách rườm rà lúc đầu từng bước nhường lại cho mục đích chính của buổi ngự yến là cuộc đấu trí tay đôi giữa nhân sĩ Bắc Hà và giới học sĩ đất Thần Kinh nhằm thuyết phục khách Thăng Long ở lại ra tay phò vua giúp nước. Các Văn minh điện đại học sĩ, Võ hiền điện đại học sĩ, Càn chánh điện đại học sĩ cùng các danh gia, danh sĩ Thần Kinh đối mặt với sĩ phu Bắc Hà trên chiến trường trùng điệp, võ trang bằng lý thuyết và tư tưởng của Bách gia

Chư tử. Khi hai bên đều có kẻ tung người hứng không để hở đường tơ kẽ tóc thì Trí Hải và Lê Trung Ân, thủ lĩnh sĩ phu Bắc Hà vẫn ngồi im lặng lắng nghe. Hai phe chưa ai nhường ai nửa chữ. Đêm trôi dần, cuộc đấu xoay chiều đến hồi gay cấn qua chuyện “chính danh”. Dù lời lẽ bóng bẩy nhẹ như tơ trời, dù sự ngụ ý xa xôi như sao khuya leo lắt, nhưng ai cũng hiểu là hai phía đang nói đến vương mạng của nhà Lê và nghiệp đế của nhà Nguyễn. Mọi con mắt đều đổ dồn về phía Trí Hải và Lê Trung Ân khi luận bàn chuyện “tiếm quyền và tiếm văn”. Phía nhân sĩ Bắc Hà thì cho rằng, chỉ có câu ca dao duy nhất phát xuất từ miền Bắc:

Gió đưa cành trúc là đà,

Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương.

Và đời sau có người thêm vào hai câu để cho nguồn mạch ca dao hoàn chỉnh hơn. Nhưng hơi hướm “bác học” trong hình ảnh của hai câu ca dao “con” đã làm lạc điệu tính dân gian cổ nội hoa đồng hồn nhiên, nên không được yêu chuộng bằng hai câu “mẹ”:

Mật mừng khói tỏa ngàn sương,

Nhịp chày An Thái, mặt gương Tây Hồ.

Giới học sĩ Thân Kinh thì lại dùng mọi luận chứng lịch sử để cho rằng, chỉ có một câu ca dao xuất phát từ Huế, sau khi chùa Thiên Mụ được chúa Nguyễn Hoàng cho khởi công xây dựng vào năm 1601:

Gió đưa cành trúc là đà,

Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương.

Vô hình chung, Trí Hải và Lê Trung Ân biến thành thủ lĩnh của hai phe. Thế nhưng im lặng kéo dài. Mãi đến khi nhà vua lên tiếng gọi hai người ngỏ lời, Trí Hải mới đứng lên. Mọi người như nín thở chờ đợi những lời minh triết cao siêu, những biện giải hùng hồn như sấm dậy do vị hoàng thân uyên bác này sắp sửa nói ra. Trí Hải mỉm cười nhìn Lê Trung Ân và đồng thời cũng bắt gặp nét cười trả lại. Hai nét cười tỏa hào quang của sự đôn sơ như cỏ nội hoa đồng, của sự cảm nhận sâu xa và trọn vẹn. Hai lối nhìn tinh anh, sâu thẳm nhưng nhu hòa không gợn một chút thách đố khen chê. Trí Hải đọc mấy câu thơ của Tuệ Trung Thượng Sĩ nói với vua Trần Nhân Tông về cái tâm tĩnh lặng, vô ngã:

- Giữa ba nghìn thế giới,

Có chung một nụ cười.

Trăm nhánh sông vô ngã:

Chung một giòng ra khơi.

Thiên Mục, Trần Võ, Thọ Xương... đều là tên đặt, là danh từ, là huyễn tướng. Tên sông không phải là giòng sông, tên đường không phải là con đường, ngón tay chỉ mặt trăng không phải là mặt trăng. Cho nên, tranh nhau cái tên gọi là hoàn toàn vô ích, phù phiếm. Tiếng gió lao xao qua cành trúc, tiếng chuông, tiếng gà đến và đi từ vô ngã, không lời. Chấp ngã, nhiều lời sinh lý tán!

Nhiều người thờ dài thất vọng. Với họ, Trí Hải đã mất đi khả năng hùng biện khóa lưỡi kẻ đối đầu. Trí Hải đã mất tài bẻ gãy mọi lý luận của địch thủ sắc bén như chẻ tóc làm tư.

Mọi người lại nhòm dậy. Đến lượt Lê Trung Ân đăng đàn lên tiếng. Ông mượn lời của Hương Hải Thiên Sư nói với vua Lê Dụ Tôn về cái tâm rộng lặng:

- Nhận bay cao vút trời xanh,

Nước soi bóng nhận mong manh giữa vời.

Nhận đi bóng mát lung trời,

Nước không lưu giữ bóng ngời thoáng qua.

Thiên Mục, Trần Võ, Thọ Xương và tiếng gió, tiếng chuông, tiếng gà đều là giả tướng, không có thật. Khi tâm lắng nghe là có, khi tâm khép lại là không. Khi đã không thì cả thế gian này cũng không. Không có chấp ngã mà cũng chẳng có vô ngã. Quyết tranh nhau cái không có để về đâu?!

Trong khi mọi người còn đang ngơ ngác thì Trí Hải và Lê Trung Ân đã tiến lại gần nhau, cầm tay nhau như hai người bạn cố tri, như hai người anh em từ kiếp trước và nhìn vào mắt nhau rất sâu như đọc hết những thế giới thâm u ẩn tàng sau dáng cười rất nhẹ. Nhà vua cũng cả cười bước xuống cầm tay họ và chư khách cũng bùng vỡ tiếng cười vui không ả ý, mưu toan. Đêm

tàn nhưng đại tiệc chưa tan. Bỗng tất cả đều lặng im vì tiếng chuông công phu của chùa Thiên Mục vừa lọt vào Ngự Viên.

Trí Hải cầm tay Lê Trung Ân rung rung, ngỏ lời nhỏ nhẹ như ngâm thơ; phiêu lãng như tiếng mây trời từ mấy nghìn năm trước:

- Nước non muôn thuở không hay có. Một cõi đi về phát tự tâm...

Lê Trung Ân tìm trong giọng nói và nét nhìn của Trí Hải sự chân thành và đơn giản đến độ siêu thoát... và gật đầu.

Nhóm nhân sĩ Bắc Hà, cùng nhìn một hướng về phía giang sơn thay cho nụ cười kiêu bạt, cùng lên tiếng:

- Vâng, chúng tôi sẽ ở lại!

Trong mắt vua, ngời ánh phong quang và thoáng nét phong trần nhưng thuần hậu của tay hảo hán Lương Sơn Bạc, người đã vào sinh ra tử để thống nhất sơn hà, dựng nên nghiệp đế.

Tiếng chuông Thiên Mục từ hai trăm năm trước vẫn ngân nga mà cũng chẳng bao giờ có thật.

---o0o---

Chương 02 - Về Đất

Sau 18 năm trị vì, vua Gia Long qua đời.

Tin “hoàng thượng băng hà” loan đi như cơn gió xoáy trong đám lá khô. Thành phố nhỏ nhắn được nhà Nguyễn chọn làm kinh đô này bỗng mang một vẻ gì nghiêm trọng khác thường khi tin nhà vua qua đời được loan ra. Mặc dầu phần đông các quan lớn đương triều khắp nơi đã có mặt, nhưng đội kỵ mã hoàng cung mang hỏa lệnh khắp báo tin vua mất cũng tỏa ra mọi miền. Chết là hết hay còn; về hay đi? Câu hỏi cũ muôn đời bỗng đến từ một trạng thái thường ngày vừa mới đột ngột chuyển sang cảnh mới: Sống và chết.

Những người ngồi trong chiếc thuyền rồng vang rền nhã nhạc và rục rờ đèn đóm trên sông Hương, nhìn mũ áo cân đai của nhau và cùng nhiễm lên nhau một niềm tin không có thực rằng, chiếc thuyền là một lâu đài chứa mọi uy

quyền của thiên tử và quần thần thì không thể mất hay chìm được. Cũng như bản thân nhà vua không thể chết được vì ngài ngự trên những quyền uy của mọi quyền uy. Thần chết cũng như thần hoàng, thần sông, thần núi... nếu được sắc phong của triều đình chắc sẽ vui mừng ném lưới hái âm dương, vội vã vào điện Thái Hoà lạy tạ. Thế nhưng cái chết và cái sống vẫn là một cặp bạn lẫn thù lạnh lùng đi bên nhau, bám sát nhau để xác nhận sự hiện hữu của phía này và chối bỏ phía bên kia. Mãi mãi, chết sống vẫn là một cặp song sinh không bao giờ vắng nhau. Dầu sống đến 800 tuổi thọ như ông Bành Tô ngày xưa thì sự chết vẫn có ngày đến viếng. Sau khi chết, có ai lên được xứ Trời hay không thì câu trả lời vẫn còn nửa tin, nửa ngờ. Nhưng ai cũng phải về đất. Đó là điều rõ ràng như chân lý. Đất là Mẹ, là chốn an nghỉ sau cùng. Đất đối xử mọi người đều bình đẳng. Đất không mở cho vua mà cũng chẳng khép lại trước mặt dân nghèo.

Chết là khép lại khung cửa thường bỏ trống trên một đời người: Cửa vô thường. Thế nhưng vô thường cũng lại là rất thường vì ai cũng phải đi qua cửa đó.

Vua Gia Long vừa đi qua ngõ vô thường và tân vương Minh Mạng đang đến. Thời gian có khác nhưng chung ngõ đời thường không ai tách được.

Ai buồn, ai vui, ai được, ai mất trong cuộc đi về này thì tự mình, mình biết. Con thú rừng hoang ra đi trong im lặng, nhưng con người nằm xuống giữa ồn ào. Càng ăn no càng to đám. Đám đế vương, quý tộc và hào phú lại còn là một cơ hội diễn tuồng cảm xúc. Cảm xúc cho người sống ngắm nhìn chứ không phải cho người mới ra đi. Tất cả bề mặt bên ngoài, kể cả nước non, con người và cây cỏ đều bắt buộc phải “biết” buồn. Khóc cười cho nhau là tình cảm chân thành; khóc cười cho người là tiểu xảo của nghệ thuật sống. Nỗi buồn chân thật, quặn mình phát khởi tự đáy lòng và cái buồn trang trí cho phải phép chẳng bao giờ giống nhau trong bản chất. Nhưng trong cách biểu hiện thì quả là một nghệ thuật. Nghệ thuật chân chính và nghệ thuật điêu ngoa. Nhiều khi cái điêu có vẻ ngay hơn cái thật và cái tà lại thật hơn cái chánh.

Nghệ thuật sống chân chính và xảo thuật sống điêu ngoa là sản phẩm của hoàn cảnh xã hội nhất thời. Nhưng khuynh hướng tâm lý thường là sản phẩm của điều kiện lịch sử và địa lý lâu dài.

Vốn là Ô châu lạc địa, nhưng lại là vùng đất hoa gấm của xứ Chiêm Thành huyền bí, Huế được chọn làm kinh đô của một nước Việt Nam thống nhất

rộng lớn nhất kể từ thời các vua Hùng dựng nước. Huế vừa có niềm tự tin vững chãi bên trong, nhưng vừa có sự e ấp của người dân đã lên làm hoàng hậu. Huế có một khuynh hướng tâm lý riêng, do hoàn cảnh lịch sử và địa lý hết sức bão nổi và chuyển biến không ngừng. Cô gái sông Hương có vẻ như bốn mùa hiện thực, mang nước trong xanh lặng lẽ trôi ra biển. Nhưng vẫn có những cơn mưa nguồn thác lũ cuốn phăng tất cả trong cơn thịnh nộ bất ngờ. Chàng trai núi Ngự có vẻ như cái bình phong vững chãi, nghiêng vai gánh đá Trường Sơn. Nhưng trái núi không chịu được thân phận bình phong lặng lẽ một góc trời, nên thường bươn bả ra đi, kéo theo nàng sông Hương xa xứ. Huế có một cái gì gần như mâu thuẫn bởi sự réo gọi giữa ở và đi, giữa thương và ghét, giữa bờ ao và đại dương, giữa tha hương và về lại. Tâm lý lưu dân và hoàn cảnh lịch sử tạo nên một phần bản sắc của “tâm lý Huế” và văn hóa Huế. Bên cạnh nguồn tâm lý lưu dân này, Huế còn là chứng nhân của bao hoàn cảnh bề dâu. Một cảnh sông đầy biến động và vô thường như Huế sẽ tạo ra những cặp khái niệm tâm lý vừa tương phản, vừa nhị trùng trong cùng một thời khắc: Được và thua, có và không, giàu và nghèo... chông chênh và tương đối. Bao nhiêu gia đình giàu sang, thế lực, chỉ cần qua một cơn binh biến, có khi chẳng có một tơ hào nào còn sót lại. Bởi vậy, vua băng hà không phải chỉ đơn giản là sự ra đi của một khuôn mặt thống lĩnh, mà là dấu ấn đậm nét về sự thua cuộc của quyền uy trước số phận mỏng manh của những cặp khái niệm nhị trùng đó.

Trong dịp quốc tang và lễ quốc táng của nhà vua, hoàng thân Trí Hải lại trở thành điểm nhìn nóng bỏng của quần thần, hoàng tộc và dân chúng.

Cũng chỉ là sự lặng lẽ và dáng dăm chiêu thường ngày của Trí Hải trong khung cảnh chông chênh lặng lẽ, nhưng mỗi người lại nhìn một cách khác. Giới triều thần quan chức thì nghĩ rằng đây là một sự im lặng đầy tính toán vì họ vốn quen suy diễn mọi sự đơn giản bằng cái nhìn đầy ẩn ý mưu toan. Giới hoàng tộc thì lại cho rằng Trí Hải không dốc hết tâm tư và tấm lòng mình lên vua để khóc than, vật vã, biểu tỏ sự đau buồn cùng cực cho mọi người đều thấy. Quần chúng bình thường thì có kẻ cho Trí Hải là “dại” vì không nắm bắt cơ hội bằng vàng, đời một lần, để biểu tỏ và đánh bóng lòng “trung quân ái quốc” thì khó mà nhảy cao lên hàng chót vót của danh vọng. Giới sĩ phu thì lại cho rằng Trí Hải là chính nhân quân tử vì không dựa thế người làm thế mình. Kẻ vay mượn như thế là hàng bất tài, thiếu bản lĩnh kẻ sĩ. Trí Hải giữa đời như một trang sách mở rộng, ai cũng đọc được và suy diễn theo ý mình, nhưng trang sách tự nó là một đóa hoa không nở hay tàn vì cái nhìn chủ quan của kẻ khác. Trăng không mọc hay lặn vì lời hẹn ước của đôi tình nhân. Trí Hải đến và đi trong điệu sống riêng của mình.

Đêm hôm trước ngày cử hành nghi thức đại tang, mọi người không ngủ. Ước muốn có một lần trong đời được tham dự hay cận kề với một sự kiện trọng đại đầy lễ nghi vương giả mà không bị cấm đoán đã thôi thúc quần chúng chong mắt đợi chờ. Sự bận rộn nôn nao đã có tự trong lòng nên mọi người tự đánh thức mình dậy. Sáng mai, kim quan của nhà vua sẽ được rước ra khỏi hoàng thành, cung nghinh xuống đội long thuyền, di chuyển lên hướng thượng nguồn sông Hương để nhập lăng. Kim lăng của vua đã được khởi công xây dựng từ năm 1814 ở núi Thiên Thọ cũng vừa hoàn tất.

Quá nửa khuya, Trí Hải lặng lẽ về lại tư dinh. Sự mõi mệt trong mấy ngày qua khiến ông cần chợp mắt để lấy lại sức cho ngày đại lễ hôm sau. Tháng chạp trời lạnh và ẩm ướt. Trăng hạ tuần khi mờ khi tỏ làm hiện bóng một ông già bên ngọn đèn dầu lay lắt nơi góc nhà vườn với những chậu kiềng mùa đông tro trụi. Khu gia trang im lặng như bìa rừng hoang phế. Trí Hải rón rén bước lại gần. Ông lão như quên cảnh, quên người, chìm lắng trong một thế giới xa xăm từ ký ức. Thỉnh thoảng ông ta đưa cái bình cũ kỹ đã sứt vôi, to bằng hai nắm tay lên miệng, ngửa mặt tu một hơi dài và nói chuyện lầm bầm như nói với chính mình bằng thứ âm thanh rì rầm không ai hiểu. Trí Hải ngạc nhiên lạ lùng khi nhận ra ông già là lão gia nhân âm thầm thường ngày bên cạnh mình. Vẫn với cung cách trầm tĩnh hằng ngày, Trí Hải nhẹ nhàng hỏi ông già:

- Kìa, lão nhân vẫn còn thức sao?

Thực tế khác xa với sự tưởng tượng của Trí Hải, rằng là, ông già sẽ tỏ ra e dè hay sợ sệt khi uống rượu lén lút một mình trong đêm khuya bị chủ bắt gặp. Đằng này, đã không ngược lên nhìn người đối diện, ông già còn ngồi điềm nhiên, trả lời bằng cái giọng đã lạc đi không biết vì dâm sương lạnh hay vì men rượu:

- A ha, ha! Người đi trước... trước ta rồi. Ngày ta đi, ai đưa ta đi?!

Trí Hải tròn mắt ngạc nhiên. Ông lão như đang lạc vào một thế giới khác. Vẫn cái giọng lạc hồn đó, ông lão lập lại câu hỏi như một lời than van buồn thê thiết:

- Ngày ta đi... ai đưa ta đi?

Vẻ ngớ ngẩn của ông lão không có dáng ngất ngưỡng say sưa mà vương mang cái buồn ngơ ngác. Trí Hải hỏi lại:

- Ai đưa ai đi đâu?

Ông lão cố nói tỉnh táo nhưng lời lẽ càng mù mịt hơn:

- Sống gửi, thác về. Đi đâu, về đâu, ai biết đâu!

Ông lão lại đưa cái bình sứ vôi lên miệng, ngửa mặt hồi lâu, nhưng hình như trong bình không còn một giọt rượu hay một giọt nước nào cả.

Với một tâm hồn thoáng đạt, Trí Hải vẫn nhẹ nhàng:

- Lão say rồi. Về nghỉ đi, đừng uống nữa. Ở nhà thiếu gì bình sao lão phải dùng cái bình sứ vôi tội nghiệp vậy!

Ông lão cười bằng giọng mũi khô khan:

- Bình đế vương, sao tội nghiệp!

- Đế vương nào lại uống cái bình sứ vôi này?

- Hoàng đế Gia Long. Chúa Nguyễn Ánh thưởng ấy đó mà.

- Nghĩa là sao?

- Ô hô! Ta nhớ lại rồi... Ngày bị kẻ thù truy đuổi nguy cấp qua Rạch Gầm, Xoài Mít, quân tướng chạy lạc nhau còn dăm ba người đeo trên mảnh ván, hộp được một hộp nước từ cái vôi sứ miệng này là giữ được nguồn sống khắp châu thân. Nếu không có sự sống, làm gì có đế vương.

Trí Hải phải xuống giọng nhắc nhở ông lão:

- Lão có biết là gọi vua bằng tên tục và rượu trà trong lúc đại tang vua là bị coi như mắc tội khi quân, phạm thượng, dù làm Ba Gám, thượng thư cũng có thể bị mất đầu như chơi không?

Ông già tuồng như không quan tâm đến lời răn đe, khật khừ đứng dậy. Trí Hải đi từ ngạc nhiên đến buồn cười khi thấy ông già thở mạnh, hoa tay như rút kiếm, rồi chống nạnh, đứng sững, nhìn vào đêm với quầng mắt sâu. Xa vắng.

Trí Hải vẫn nhẹ nhàng:

- Say quá rồi! Thôi về nghỉ!

Ông già nói nghiêm nghị:

- Phải! Phạm Xảo thời oanh liệt giờ chỉ còn là lão già xế bóng. Khi Xảo này ngang dọc dẫm nát những vùng phù sa từ Xiêm La ra Phú Quốc, hoàng thân đại nhân bấy giờ là cậu bé còn nhỏ tuổi và ở bên Tây với hoàng tử Cảnh nên làm sao biết được.

Trí Hải lắc đầu:

- Tôi không hiểu gì cả! Một ông lão hầu cận bên cạnh mình bao nhiêu năm, bỗng dưng hôm nay tự xưng mình là Phạm Xảo, một tướng quân chỉ còn nghe xướng tên trong các bài vị tế lễ chiến sĩ trận vong. Mà dù lão có là tướng quân xưa hiện hồn về đi nữa thì cũng phải chờ đêm qua rồi hãy tính. Thôi, để tôi diu lão về phòng. Nào, tựa đầu trên vai tôi, đi!

Trí Hải dợm quàng tay qua vai ông lão, diu bước đi, nhưng ông lão ngăn lại. Giọng dịu xuống và tha thiết quá làm cho Trí Hải lặng người:

- Hoàng thân! Xin người thứ lỗi vì tôi đã vội vàng thổ lộ chuyện riêng không đúng chỗ và đúng lúc. Tâm thần tôi xúc động và thần trí tôi căng thẳng quá trong lúc này. Tôi có niềm tự hào với lòng trung nghĩa của mình, nhưng cũng có nỗi đau vì đời mình đang đến chỗ tận cùng, chẳng còn chi để mất... Tôi phải nói vội vàng vì sợ chúng ta sẽ không còn cơ hội gặp nhau nữa. Một lời hứa đã làm tròn, một cuộc đời khác phải đến...

Trí Hải nhận ra có một điều gì đó đầy uẩn khúc và nghiêm trọng hơn là sự bốc đồng của ông già trong cơn say.

Giọng ông già bỗng trầm xuống:

- Lẽ nào ngài cũng chẳng cần để ý nếu tôi là kẻ giết người chạy tội, đóng vai một tên rình mò chỉ điểm của triều đình bên cạnh ngài sao?

Trí Hải vẫn thản nhiên:

- Tôi lại càng cảm thấy mù mịt hơn. Lão cứ nói tiếp và nói cho rõ hơn đi...

Ông lão nói lầm bầm. Dáng cao lớn vươn vai đã xóa mất vẻ lù khù, lặng lẽ của một lão già nô bộc:

- Đã gần hai mươi năm đã qua mà tôi cứ ngỡ như mới chiều hôm trước.

Lão già lặng lẽ nhắm mắt để hồi tưởng. Tiếng đêm khuya và gió mài vào những hàng tre rin rít như tiếng cười mai mỉa của thời gian. Đêm tháng chạp u minh và trầm lắng làm dội tiếng thở dài không rõ nguyên cớ của ông già. Có vẻ như hơi bị hụt hẫng trước phản ứng thiếu sôi nổi của người đối diện, ông lão vén mái tóc trắng phau nhìn bầu trời khuya đã sẫm xuống, e dè đề nghị:

- Mưa sắp xuống, ngoài này lạnh, chúng ta có thể vào trong được không. Dù phải đi hay ở, tôi vẫn muốn được thừa với hoàng thân điều tôi cần phải nói. Mời tôn ông vào phía hậu đường cho ấm. Than vẫn còn đượm trong lò sưởi.

Hai người cùng ngồi xuống trước bếp lửa chưa tàn. Gỗ trặc bá diệp đốt lên thoang thoang mùi bạc hà và núi rừng hoang dã. Sự cô liêu của đêm và từng đầu than mong manh thi nhau lụi tàn làm cho lòng người lắng xuống và cảm giác gần gũi nhau hơn. Không có một dấu hiệu nào từ phía người đối diện chứng tỏ sự nôn nóng hay quan tâm đến giây phút mà ông lão cho là thiêng liêng và nghiêm trọng nhất đời. Theo ông, đó là giây phút vừa bi thương, vừa hùng tráng của đời ông.

Trí Hải nhấp trà im lặng lắng nghe. Giọng ông lão thao thiết buồn khi nói về kỷ niệm; rắn rỏi và sôi nổi khi nói đến những ngày binh lửa; nhưng lại khí khái lẫn chua xót khi kể lại biến cố sau cùng.

Ông Lão giở lại từng trang cuốn sách của đời mình:

“Tôi xuất thân là một cậu bé có đủ cả cha lẫn mẹ nhưng phải sống như trẻ mồ côi...” Ông lão bắt đầu kể chuyện đời mình. Trí Hải lắng nghe. Bên bếp lửa, ông già như đang lạc hồn về quá khứ, kể lại:

- Đứa bé là sản phẩm của mối tình lén lút nhưng đầy tình tự mê hồn giữa một vị quan võ họ Phạm triều Lê và một cô đào hát đã có gia đình. Giọt máu thành người từ nỗi đam mê say đắm chứ không phải từ nhu cầu truyền giống. Đứa bé lớn lên trong thời loạn lạc Trịnh - Nguyễn phân tranh. Mang bản chất quyết đoán của cha và nhạy cảm của mẹ trong dòng máu, thằng bé họ Phạm học võ để kiếm cơm huynh đệ và học văn để đọc văn viết mướn, khi thì chép kinh, sao sách kiếm cơm chùa, hay có lúc ra giữa đời bán chữ

nuôi thân. Khả năng tinh thông võ nghệ không môn phái và kiến thức sách vở chữ nghĩa ta bà, tứ xứ đã làm cho chàng thanh niên vô danh xứ Đàng Ngoài sớm có đất dụng võ xứ Đàng Trong. Từ khi về dưới trướng của Nguyễn Vương, cậu trai trẻ đã phát tiết hết khả năng cả văn lẫn võ để sớm trở thành một tướng quân được tin cậy phò vị vua khai sinh triều Nguyễn tương lai.

Khi nhân vật Nguyễn Ánh lên ngôi thành vua Gia Long, tất cả tướng sĩ cùng theo vua về kinh đô Huế. Phạm Xảo về theo.

Đất nước đã bình trị. Những cuộc vui lớn nhỏ với sự tham gia tay đôi, từng nhóm hay từng vùng, từ quan quân đến hàng dân dã, đang trở thành một phần của đời sống bình thường. Rộn rảng nhất là những cuộc đấu cờ tướng tay đôi. Cờ tướng, đá gà, thi thơ, đấu vật, hát tuồng, ca hò... trở thành một phần sinh hoạt văn hóa trong giai đoạn định hình của một triều đại.

Trong một quán nhỏ ngoại thành, Phạm Xảo đang đấu cờ tay đôi với một quan võ thân binh khác. Đã hai ván, một thắng, một hòa. Ván thứ ba, giữa cuộc cờ chưa phân thắng bại, viên quan võ thân binh vít cần thuốc lào và búng tay ra hiệu cho bọn sai nha châm lửa. Vài ba tên chạy lảng xăng, tay cầm mỗi lửa và quỳ xuống lo điều đóm. Quan võ thân binh rút một hơi dài thuốc lào, rồi ngửa mặt nhả khói cười thổng khoái. Ông ta vươn tay trên bàn cờ bằng đá Thanh bóng lộn, dùng Mã diệt Pháo đối phương với tiếng đập quân cờ chan chất. Miệng cười ngất ngưỡng khi biết Phạm Xảo rơi vào thế nguy. Giọng hể hả, viên quan võ cười ré lên:

- Quang Trung đại đế... à quên... “tiểu đế” oi! Khôn hồn thì nằm yên dưới ba thước đất để ta cho xe ngựa tới rước. Này này, hãy xem ngựa chiến của ta đá cú song phi đẹp hơn cả khi thành Qui Nhơn bị đốt. Ha... ha!

Ông ta vừa nói như phường tuồng diễn trò, vừa đem xe đuổi pháo... với vẻ thô bạo hiện lên trên vẻ mặt, trên ngón tay nắm quân cờ nặng nề như cầm dao rựa.

Phạm Xảo nắm chặt một quân cờ như cầm đốc kiếm trong tay, nhìn thẳng vào mắt người đối diện, hát hàm hỏi:

- Ông có biết Quang Trung Nguyễn Huệ là ai không mà dám ăn nói quàng xiên đến như thế, hử?

Viên quan võ nhìn Phạm Xảo từ đầu tới chân như một vật quái dị. Ông ta khịt mũi lên tiếng với giọng khinh thị:

- Nguyễn Huệ và dòng Nguyễn Tây Sơn là phường bại trận nên có chui xuống đất cũng không tha. Hoàng thượng và triều đình tại vị đang tính sổ lại bọn tội đồ đã theo giặc Tây Sơn. Quan bác ăn lộc của ai mà dám hỏi một câu ngang phè như vậy kìa. Hàng tiểu tướng như ta đây mà còn phò hoàng thượng để đào mả Nguyễn Huệ, thế mà hàng trọng thần như quan bác lại đi hỏi ngớ ngẩn như một tên lính gác cổng ngu dốt không bằng...

Phạm Xảo trừng mắt:

- Ông vừa nói gì? Ai đi đào mả Nguyễn Huệ?

Viên quan võ cười ngất:

- Chính ta chứ còn ai vào đó nữa! Không những đào mả mà ta và thân binh của ta còn dâng biểu lên Hoàng Thượng xin nhờ xương cốt tên vua ngụy đó vào thuốc súng, bỏ vào súng thần công bắn tan xác. Ấy, ấy! Mà tiến quân đi chứ, sao lại cứ giữ quân cò khur khur vậy quan bác?

Phạm Xảo run tay. Hỏi tiếp:

- Thế ai là người đem xương sọ của Nguyễn Huệ giam vào ngục tối và làm chậu đi tiểu hàng ngày?

Gã quan võ vỗ đùi, khoái chí:

- Quan bác rõ thật là chưa nắm hết cái lý phong thủy. Nhỏ cỏ phải nhỏ tận gốc, triệt giòng triệt giống kẻ thù phải triệt hết nguồn mạch âm dương. Thử hỏi ngoài ta và phe ta ra thì còn ai cao minh hơn để làm vui lòng hoàng thượng khi ngài ngự trên ngôi chí tôn để thanh toán nợ nước thù nhà đã chớ!

Con giận lại có thêm niềm khinh bạc đã làm cho Phạm Xảo quên mất không khí cuộc cờ trước mắt. Ông nhớ lại suốt 24 năm dài chiến đấu gian khổ bên cạnh chúa Nguyễn. Hào quang Nguyễn Huệ thống lĩnh ba quân, đánh tan tành hai mươi vạn quân Thanh. Quân Tây Sơn với chiến thuật tiến quân thần tốc đã làm quan quân Nguyễn Ánh bao phen khốn đốn. Nhưng cũng chính hào quang đó đã làm cho cuộc chiến thắng sau cùng vẻ vang hơn và vẻ nên một chân dung Nguyễn Ánh kiên trì, đảm lược hơn. Dòng máu uy vũ của cha đã thôi thúc ý chí trung kiên của Phạm Xảo phò Nguyễn Ánh đến thắng

lợi sau cùng. Dòng máu nghệ sĩ của mẹ đã nuôi dưỡng tình cảm Phạm Xảo yêu thương hồn dân tộc, trân trọng sự hào hùng lẫm liệt của Quang Trung. Trong hai thiêng liêng ấy, không có chỗ đứng cho nguồn tình cảm nhỏ nhen, sự quyết đoán tầm thường và lòng hận thù hèn mọn. Trong thoáng chốc những cơn giận từ đâu ùn ùn kéo lại. Cơn giận bốc thành lửa cháy. Lửa thể chất ngoài đời thì còn may ra chữa được, nhưng ngọn lửa tâm hồn đã cháy thì chỉ còn thiêu hủy. Đôi mắt Phạm Xảo như hai cục than hồng chiếu thẳng vào viên quan võ. Không kiềm hãm nổi ngọn sóng cảm xúc bùng bùng dâng lên từ trong sự xung động dấy lên từ những ngõ ngách bí ẩn của vô thức, Phạm Xảo đứng dậy, chỉ mặt viên võ quan, quát:

- Ta không ngờ để làm vui lòng chủ, các ngươi lại có thể xúc phạm đến vị anh hùng dân tộc bằng những trò đê hạ đến thế.

Viên quan võ lập tức đứng dậy, nghiến răng la lối:

- Quân mặt người da thú mới cam tâm hành động bất trung. Trung thần bất sự nhị quân, tôi trung không thờ hai chúa. Ăn lộc chúa Nguyễn là phải thờ Nguyễn Vương. Nguyễn Huệ dẫu có hảo hán anh hùng tới đâu cũng chỉ là kẻ thù không đội trời chung của hoàng thượng đương triều, đáng minh chủ tối cao của ta.

Phạm Xảo vươn mình, chỉ tay vào mặt viên võ quan nói gằn từng tiếng:

- Theo thiện bỏ ác, ấy là trung. Theo thiện bên này mà vẫn không bỏ thiện bên kia, ấy là trí. Dám quên mình để bảo vệ lẽ công bằng, điều chính nghĩa, mới là dũng. Nếu không có anh hùng Nguyễn Huệ đánh tan 20 vạn quân Thanh thì đất nước ta đã bị Tàu đô hộ, còn đâu một mảnh giang sơn riêng biệt cho đến ngày hôm nay. Lúc đó, lấy gì để cho ngươi khua môi, múa mép nói chuyện ơn vua, lộc nước đương triều mà quên kẻ trồng cây, hả?!

Viên quan võ bặm môi, võ kiếm chỉ vào mình:

- Là võ tướng cầm quân canh giữ Hoàng thành, ta không cần biết những chuyện xa vời như thế. Ta chỉ biết trên đầu có vua. Vua có xử chết ta cũng phải tuân hành không cần biết lý do. Đạo trung hiếu xưa nay là thế...

Không để cho kẻ đối diện nói hết câu, Phạm Xảo đã gạt phăng:

- Trung mà không phân biệt phải trái là ngu trung. Này! Ngươi, tên đôn mạt. Chính lũ ngu thần vô lại chúng bây đã bày đặt những trò ma chước quỷ. Lũ

bây đã tiếp những bàn tay bản biến chính nghĩa thành tà đạo, biến công minh thành thù hận thấp hèn, biến nhân tâm thành thú tính, biến uy vũ cứu nước giúp đời thành hành động trả thù nhỏ nhen của phường giặc cỏ...

Bất thần bị hạ nhục công khai, viên quan võ sừng người một lát và lao vào trận địa phản công:

- A...a...a! Thì ra, ngươi là tên giặc Tây Sơn cài đặt giữa triều đình. Bây đầu, bắt hấn trở lại, đem ra chém đầu, cắt thủ cấp mang vào cung dâng lên hoàng thượng!

Đám vệ sĩ lập tức thi hành lệnh chủ tướng. Nhanh hơn một bước, Phạm Xảo chụp ngay bàn cờ bằng đá trước mặt hai người và giáng một đòn chí mạng lên đầu viên quan võ. Bàn cờ đá vỡ theo đầu người. Một mình giữa tuyến lửa, rút cây gươm tung vào sinh ra tử tưởng đã ngủ yên bao năm, Phạm Xảo tung mình vào cuộc chiến đấu sống còn. Những đường kiếm lão luyện một thời sống lại. Nếu không có vợ chồng người chủ quán thì tất cả chỉ còn là đoạn cuối cảnh đấu trường, một đấu trường của những võ sĩ quyết đấu thời trung cổ: Giết hay bị giết!

Trận hỗn chiến xảy ra nhanh đến độ hai vợ chồng người chủ quán chưa kịp hoàn hồn. Thành linh, như vừa mới thu lại được hồn phách đã bay xa, người chồng vùng chạy. Anh ta vừa chạy vừa la: “Giết người! Giết người! Bớ xóm phường. Bớ các quan! Giết người. Cứu với! Cứu cho với!” Và theo phản ứng dây chuyền, người vợ vụt chạy theo chồng, miệng la gào tiếp cứu. Tiếng gào trong đêm hãi hùng đến độ làm cho Phạm Xảo vốn dạn dày với gươm giáo cũng bị lay động. Nhưng tia lóe sáng bỗng vụt đến. Đây không phải là chiến trường, nơi chỉ có sức mạnh làm chủ tử và kẻ thắng trận vừa là chân lý, vừa là quan tòa, vừa là bị cáo. Nơi đây là kinh đô của một vương triều vừa thắng trận. Chính nghĩa thường ở phía thắng trận vì phía thắng trận còn có lưỡi gươm và mạng sống. Phạm Xảo thắng nhưng chỉ thắng bầy chồn trong rừng thú dữ. Những cái án từng xẻo, voi dày, ngựa xẻo, chém đầu ba họ... từ trong thâm sâu ký ức loé lên, dội vào bản năng sinh tồn, tạo thành một động lực khủng khiếp “giết hay bị giết” đẩy Phạm Xảo chạy như bay vào đêm tối.

Tiếng kêu cứu dồn dập của hai vợ chồng chủ quán sắp vọng đến khu dân cư đông đúc cuối đường. Phạm Xảo đuổi kịp và vùng gươm chém chết cả hai vợ chồng. Đó là người đàn ông vô can và người đàn bà vô tội, nhưng cái tội của họ là chỉ vì trót sống giữa cõi đời ô trọc này. Chúng nhân vụ xung đột

đẫm máu chỉ có màn đêm và mưa bụi... hay đã lọt qua tai vách mạch rừng. Không ai hay. Những dòng sông đã bị lưỡi gươm chém tiệt hay còn cựa quậy đâu đây. Không ai biết.

Ông lão ngừng kể và nín thở nhìn Trí Hải, kể vẫn yên lặng ngồi nghe điềm nhiên như một cái bóng mờ hồ hắt ra từ núi đá. Sự tĩnh lặng kéo dài làm ông lão ngộp thở. Từ trong suy nghĩ của ông, nếu nhân gian biết được rằng Phạm Xảo còn sống, chắc là phản ứng tức thời của người đời sẽ nghiêng trời, lệch đất... Ông lão giải thích thêm:

- Sau biến cố đó, tôi bươn bả đi tìm Thầy—thầy võ, thầy văn, thầy đạo, thầy đời—để hỏi kể về một con đường sống còn trước mắt. Đường nào sẽ tránh được sự hủy diệt bản thân và tru di tam tộc cho một kẻ bày tôi nhà Nguyễn Gia Long nhưng vẫn trân trọng nhà Tây Sơn và ngưỡng mộ hào quang lẫm liệt của Nguyễn Huệ. Tôi không đồng tình nuôi lòng thù hận phe chiến bại dù sau cuộc binh đao tôi bị mất hết gia đình, vợ con và khả năng giới tính của người đàn ông. Những vết tích chiến tranh nên đùn vào khói lửa của quá khứ để thiêu hủy hận thù. Tôi đã lội ngược dòng chảy ào ào đổ xuống, không chịu nương theo dòng để góp phần cuốn phăng mọi vết tích của dòng họ và triều đại nhà Nguyễn Tây Sơn. Không chịu nhắm mắt về hòa theo xu thế mới là tự đánh mất mình trong mắt người chủ cũ và bày tôi mới. Về thú tội với triều đình để cầu mong một sự ân xá chẳng? Lên rừng, vào Nam, ra Bắc dấy loạn chống lại triều đình hay sống mai danh ẩn tích chẳng? Chẳng có sự lựa chọn nào vẹn toàn. Sự chọn lựa nào cũng đầy hầm bẫy chết người.

Khi đến ngôi chùa cổ một thời nương náu, tôi kể hết chuyện vừa xảy ra cho vị sư, tuổi đời và tuổi đạo đã xanh cao như rêu đá, người đã nuôi dạy tôi suốt thời nhỏ dại. Sau khi nghe câu chuyện, sư lặng lẽ nhìn tôi thương cảm nhưng chẳng nói một tiếng nào. Tôi ngồi suốt ba đêm ngày bên Thầy không ăn một miếng, không uống một giọt. Sự cô đơn tuyệt đối làm cho đầu óc tôi sáng ra. Trạng thái tĩnh lặng tuyệt vời có vẻ như không cần tiêu hao một chút sức lực bản thân. Cả châu thân tôi không đông cứng mà ngừng lại. Tôi không ăn mà cũng không đói. Có ai lấy một chút sức của tôi đâu mà cần đồ ăn tiếp trợ. Quá khứ vây vùng của một chiến tướng đã khép lại. Hiện tại hay tương lai chỉ còn là những khái niệm rỗng không đối với một người không còn chỗ dựa, mất chỗ ngồi, hồng chân đứng. Sự nghiệp và hành lý của tôi lúc này có lẽ chỉ là một tên gọi băng quơ, một đám mây trong những đám mây níu nhau vào không gian tan loãng.

Đêm trước khi tôi dự định rời ngôi chùa cổ để tiếp tục bước tiếp những bước đời không định hướng, tôi đến đánh lễ và xin Thầy một ân huệ, một lời khuyên để sống trong bước đường cùng. Thầy vẫn ngồi trầm ngâm không đáp lời cầu khẩn của tôi. Tôi quỳ không biết bao lâu trước mặt Thầy trong chánh điện của ngôi chùa cổ. Rồi Thầy từ từ đứng dậy lặng lẽ nhìn vào mắt tôi đăm đăm. Tôi bỗng cảm thấy lạnh run và không chịu nổi cái ớn lạnh từ đỉnh đầu xuống tận gót chân, tôi từ từ ngã xuống dưới chân Thầy. Thầy tôi mang ngôi tượng Phật bằng gỗ lâu đời, chẻ ra làm đôi. Một nửa đốt vào lò sưởi ấm cho thân thể tôi đang lạnh giá, nửa còn lại trao cho tôi. Để mặc tôi ngồi trên và ngỡ ngàng như phỗng đá với nửa ngôi tượng Phật bên mình, Thầy lặng lẽ bước vào phòng riêng và cài cửa lại.

Tôi ngồi lại thêm ở hiên chùa ba hôm nữa. Đêm hương trầm quen thuộc đánh thức tất cả những mảnh tình cảm và sự xung động đã ngủ yên dường như mất dấu trong tôi. Nhìn ngôi tượng bằng gỗ huyền tối cổ mà Thầy tôi rất trân quý chỉ còn một nửa. Nửa miệng chưa mất nét mỉm cười và một mắt còn lại như muốn nhấp nháy nói cười bằng ánh sáng. Nửa nét nhìn đời đầy an lạc và yêu thương của bức tượng vỡ khiến tôi cảm thấy nhức nhối và tiếc thương một sự đổ vỡ tan nát chỉ vì ta. Đêm tiếp theo, tôi cảm thấy một chút an tịnh giữa khi lòng mình là một bãi chiến mênh mông...

Đời tôi cũng bị bửa đôi như bức tượng. Tuy chỉ còn một nửa, thế nhưng nét cười và ánh mắt mênh mông thương đời vẫn không phai pha. Đêm cuối cùng bỗng dung tôi cảm thấy an lạc tuyệt vời khi tôi ôm lấy bức tượng vỡ mà nước mắt ào ra. Tôi run run hôn lên bàn chân trần của bức tượng. Tôi đã yêu bức tượng vỡ hơn cả khi bức tượng còn nguyên. Phút đó tôi khám phá ra rằng, khi một tình cảm đã an định trong tận chiều sâu của tâm thức thì sự yêu thương nằm đằng sau hình tướng. Một thế giới nhỏ vỡ òa trong tôi. Tôi đã yêu thương đến tận xương cốt những khuôn mặt thương tích đầy máu me của những người bạn chiến đấu quanh mình trong suốt những năm dài từ Xiêm La về Thuận Hóa. Tôi yêu thương mẹ già với dáng còm cõi và khuôn mặt nhăn nheo qua bao năm tần tảo nuôi con. Tôi yêu quý người vợ quê mùa sau bao gian nan đợi chồng mà nhan sắc đã sớm tàn phai.

Phải chăng đây là một thông điệp tâm linh mà Thầy tôi dặn dò trao gởi: “Này con! Chú tướng quân học trò nhỏ bé. Hãy vất bỏ lớp vỏ bên ngoài. Hãy bỏ đôi lòng cung nghinh tượng như kim cương nguyên khối, nhưng sự thật thì chẳng có khối nào nguyên vẹn mãi mãi giữa cuộc đời này. Hãy nắm bắt cho được tình cảm chính trực quang minh ẩn tàng sau hình tướng. Vứt bỏ

những giá trị vật chất quy ước khi cần. Sống là một cố gắng tận cùng nhìn cho rõ cái bản lai diện mục của người, của ta rồi cất bước!”

Tôi mon men đến phòng Thầy từ biệt. Cửa mở toang nhưng cái chìa khóa trong lòng tôi đã rơi mất. Chân tôi bước nhưng lòng tôi không mở được. Nhìn trong gương tử kính, tôi ngóai cổ lại vì chợt nhìn thấy một ông già tóc bạc... hiện ra sau tôi hay trong tôi? Không, chẳng có ai. Chính là ta. Sau mấy đêm suy tư, tóc mình bạc trắng. Không lẽ ta là Ngũ Tử Tư?!

Đốt nửa bức tượng còn lại để được hít thở mùi hương quyến luyến và chỉ có đốt đi nửa con mắt ấy, nửa cái miệng cười nhân ái ấy, tôi mới giữ được mãi một bức tượng tuyệt vời, liền lặn trong tâm ảnh của mình. Khi những đóm than cuối cùng của nửa bức tượng biến thành tro trắng, tôi bốc một nhúm tro mịn màng thoa lên lòng bàn tay, áp lên má. Một phiến mặt trời nhỏ loé sáng trong tôi. Thật huyền diệu, bức tượng cũ hiện ra rõ ràng và liền lặn trong tâm thức của tôi. Đập vỡ một hình tượng tạm bợ bên ngoài để đưa nó vào bên trong. Để có tình tự lâu dài, đừng dựng tượng tình yêu thành hôn nhân với ước mong suốt đời chiêm bái nó. Để có cái đẹp không tàn phai, có khi ta phải chôi bỏ hay hủy diệt nó.

Bức tượng Phật gỗ huyền tối cổ đó không còn nữa, nhưng hào quang của nó theo tôi suốt một đời.

Chờ đến lúc đêm về, khi trăng lên không còn vương đầu ngọn dứa cao ngất đầu làng, tôi mới khăn gói ra đi một cách rất lữ hành lãng mạn. Tại sao giữa lúc đang đối diện với hai đầu sóng chết, tôi vẫn còn khe hở của tâm hồn để sống một chút xa xỉ của mẫu đời lang bạt? Có lẽ chút kiêu bạt từ máu cha và chút nghệ sĩ từ lòng mẹ đã tạo ra tôi và thôi thúc tôi làm như thế. Nhưng đi đâu bây giờ? Tôi có tự do tuyệt đối trong phút này vì tôi chẳng còn ai. Con người thì sợ hãi tránh xa vì mặc cảm phạm tội. Một con chó, một con mèo cũng không còn để níu kéo. Cái tự do của một con diều đứt dây lại là một sự nô lệ mới giữa cuộc đời này. Có đủ đuôi, đủ cánh; có gió lộng, có trời xanh nhưng sợi dây đã đứt. Mất đi sợi dây níu kéo, cũng có nghĩa là mất đi cảm giác thuộc về. Khi tôi sợ hãi hay làm mặt lạ với thế giới này chính là khi tôi bị hiện thực của thế giới này từ khước.

Tôi đã trải qua những ngày sống bấp bênh bằng cuộc đời vay mượn nên đã bị cuộc đời thật chôi bỏ. Cái ước mơ tầm thường và nhỏ bé nhất là có được một mái ấm gia đình nho nhỏ sao bây giờ lại trở thành quá vĩ đại và xa xôi ngoài tầm tay với đến thế. Tôi lại tha thiết đi tìm những điều nhỏ bé nhưng

thật thiết thân mà trước đây mình không màng tới. Tôi đi về lại căn nhà cũ. Khung cảnh đã đổi khác vì lăng kính trong mắt nhìn riêng tôi không còn nằm yên ở chỗ cũ. Tôi càng yêu con người, yêu cuộc sống thì càng bị cuộc sống ghẻ lạnh. Không, tôi sẽ bám vào đó như một lẽ sống cho dù phải sống cạnh sự ruồng rẫy xa lạ, phải sống bên cái chết cận kề. Thay vì trốn chạy, tôi đã đối diện với thực tế quanh hiu quanh mình.

Nhờ cái lệnh bài tùy thân xuất nhập phi thời, tôi mới vào được Đại Nội sau khi bỗng dưng tôi trở thành một ông già tóc bạc xa lạ với mọi người. Một Nguyễn Ánh chủ tướng ngày trước bây giờ là ông vua quyền thế sống sau hàng hàng, lớp lớp những bức trường thành cao ngất của quan quân, nghi lễ, cung đình. Vua Gia Long vẫn coi tôi là gia thần cận tướng nên ra vào nơi nghiêm cấm không qua những lễ nghi rườm rà đến là người, chóng mặt, thế mà cũng phải mất bao nhiêu ngày chờ chực mới được nhà vua cho vào yết kiến ở cung an dưỡng. Mới thấy Phạm Xảo, nhà vua đã xua tay miễn lễ tung hô quỳ lạy mà đập tay xuống bàn trà, cả cười:

- Trẫm biết trước ngươi sẽ vác bộ mặt thảm não và cái đầu bạc này về đây!

Tôi cảm thấy kinh hoàng như đông cứng người lại. Tôi quỳ xuống trước mặt vua định tâu bày mọi việc nhưng nhà vua đã khoát tay:

- Khỏi! Ta đã biết hết mọi việc. Lấy được thiên hạ và tóm thâu giang sơn về một mối đâu phải là chuyện may rủi. Nếu ta chỉ có hai mắt và hai tai để nhìn và nghe ngóng, phó mặc cho số phận rủi may đưa đẩy thì làm sao ta có được ngày hôm nay.

- ...?!

Không đợi cho tôi tâu trình thêm một chữ, Vua ra ngay phán quyết:

- Tên võ quan bị ngươi giết cũng đáng tội chết lắm. Ta không cần hấn hay bất cứ ai xen vào để biện minh hay lên án việc làm của ta cả. Lịch sử có lúc cũng chỉ là con chuột mù đi tìm bày ruồi qua tiếng vo ve của chúng mà thôi. Đáng lẽ khi ngươi hỏi hấn: “Có biết Nguyễn Huệ là ai không?”, hấn phải trả lời cho rạch ròi rằng: “Nguyễn Huệ có thể là anh hùng thiên hạ, nhưng nhà Tây Sơn cũng là kẻ đã tàn sát dòng họ Nguyễn nhà ta cho tiết dòng tiết giống, từ trẻ đến già. Chỉ có Nguyễn Ánh ta may còn sống sót sau bao nhiêu lần thoát được mả lưới tử thần của Tây Sơn giăng ra trong đường tơ kẽ tóc. Không ân mà chỉ có oán giữa ta và Tây Sơn. Oán thù trùng trùng như núi. Sự đối đầu quyết tử giữa ta và Nguyễn Huệ đằng đằng suốt 20 năm. Ta biết

ta là ai. Ta chẳng phải cần đóng vai Quan Vân Trường cỡi ngựa xích thố theo phò Lữ Bị để không chém người dưới ngựa. Hai kẻ tử thù có cách tru diệt nhau truyền đời, đim nhau đến tận đáy huyết, hủy diệt nhau không nhân nhượng mà người ngoài khó lòng hiểu được...”

Sau câu nói này, nhà vua đuổi tả hữu lui ra và quắc mắt nhìn Phạm Xảo, nói như đọc án lệnh:

- Còn nhà ngươi, hậu vệ tướng quân Phạm Xảo cũng bị xử chém đầu vì can tội nuôi lòng tôn sùng kẻ tử thù của ta, có cơ tạo phản chống lại triều đình...

Nhưng bỗng nhà vua hạ giọng, bảo Phạm Xảo tiến lại gần, nói thì thảo vào tai: “Ta cho ngươi mắc nợ một cái đầu vì ta biết ngươi là kẻ trung thành hiếm có. Nếu nuôi lòng phản ta, ngươi đã có bao nhiêu cơ hội bỏ ta về với Tây Sơn hay hại ta trong từng miếng ăn giấc ngủ suốt hai mươi năm vào sinh ra tử bên ta. Ngươi đã một lòng theo ta cho đến ngày đại thắng. Xưa kia là chủ tướng, bây giờ là vua tôi. Nếu có cơ hội lấy công chuộc tội để giúp cho đất nước bình trị, khiến vương triều của ta mỗi ngày một vững chắc, ngươi có chịu giúp ta không?”

Phạm Xảo thấy rõ con đường sống đã hiện ra, nên sẵn sàng bám lấy. Nhà vua ban lệnh: “Nhu nhà ngươi đã rõ. Ta mới thống nhất được đất nước, nhưng chưa thu phục hết lòng người. Phe hoàng tử Cảnh trong triều, phe Lê Văn Duyệt trong Nam, phe Nguyễn Văn Thành ngoài Bắc... vẫn còn là những mối lo trước mắt và lâu dài cho ta. Ngươi hãy giúp ta nghe ngóng và theo dõi để kịp thời ngăn chặn các mầm loạn. Nơi có thể nghe được nhiều tin tức nhất là dinh của hoàng thân Trí Hải. Ta không may may nghi ngờ tâm lòng của Trí Hải. Trước sau Trí Hải chỉ là người nghệ sĩ, không tham vọng quyền thế, không âm mưu phản trắc. Bởi thế, Trí Hải không có kẻ thù và dinh cơ của Trí Hải là nơi thăm viếng, đàm đạo của nhiều nhân vật cả nước về kinh. Ta muốn ngươi đóng vai người hầu cận Trí Hải. Một người hầu cận trung thành tận tụy và đúng nghĩa. Tâm địa càng tốt, ngu dốt càng hay. Nhưng không được phút nào quên ta, cũng như không quên món nợ cái đầu nhà ngươi treo lơ lửng sau lưng. Trí Hải chưa hề biết mặt ngươi nhưng có thể có nhiều người khác biết. Tuy rằng sau vụ đánh cờ giết người tại quán, dáng vẻ ngươi đã đổi khác nhưng để cho an toàn thì ít nhất cũng phải ở ẩn trong dinh Trí Hải ba năm không được lộ mặt ra ngoài. Nếu sau này, ngươi chết trước ta, ta sẽ lấy nghi lễ đại thần đối đãi. Nếu ta chết trước ngươi, ngươi hãy xoa tay uống rượu ngày chôn cất Nguyễn Ánh này để mừng là chúng ta đã giữ trọn lời hứa với nhau. Ta biết ngươi sắp nói gì. Khỏi! Chúng

ta đã nói với nhau quá nhiều trong bao nhiêu năm dài chiến trận. Người lên đường. Bảo trọng!”

Trước khi tôi có thể nói thêm một lời tạ từ, nhà vua đã phất tay áo đi vào trong.

Từ đó, tôi lo sửa tóc, cạo râu, thay đổi y trang, tập dần kiểu đi lần mò, còng lưng cúi mặt như ông già xế bóng. Tập ít nói, biết im lặng hay biết câm càng tốt. Tôi về thái ấp này là giang sơn của một ông hoàng sống đời ẩn dật ngay giữa kinh thành. Có lẽ thấy tôi cũng lạnh lùng và câm lặng giống chủ, nên người tai mắt trong thái ấp đẩy tôi vào làm lão bộc cho hoàng thân để hai cái bóng cô quạnh tìm nhau.

Ba năm đầu là ba năm thử thách. Từ một cận tướng của triều đình, chỉ vì không muốn đánh mất chính mình mà phải gây ra cảnh thảm sát, phải trốn vào bóng tối. Tôi phải trả một giá quá đắt khi chọn lựa trung thành với chính mình, không xu phụ quyền thế, nói theo tiếng nói của lương tâm mình. Tôi muốn quên mình là ai để sống trọn vẹn cho vai trò người lão bộc. Nhưng càng ở thế bị đè nén và chối bỏ, cái bản ngã càng phản kháng dữ dội. Cái ngã như một con cáo tinh ma bị nhốt trong hang. Bít kín đường này, nó vùng vẫy trở ra nhiều lỗ hồng khác để chui qua. Cũng may là cả hoàng thân và tôi đều sống im lặng, không đòi hỏi, không thắc mắc từ ngày này qua ngày khác, nên mỗi cái “ta” riêng tư vẫn nằm im trong chốn thâm sâu của mình, không tương quan, không bộc lộ, không va chạm.

Hoàng thân, cho dầu ra đi hay ở lại, tôi vẫn mang ơn ngài vạn bội. Càng sống gần Hoàng thân về sau này, tôi càng lấy cái tâm làm đầu. Tôi để lòng tự nhủ lòng rằng, ví thử Hoàng thân có làm điều gì vi phạm nằm trong lời ủy thác theo dõi của vua, tôi sẽ lấy mạng sống của mình mà ngăn đón. Quyết sống xứng đáng với niềm tin cậy của mọi người nhưng không bao giờ hại ai. Cũng may, Hoàng thân là người có cái tâm trong sáng như sao Khuê nên tôi chẳng bao giờ phải ở trong một tình thế khó xử nào cả.

Trí Hải lắng nghe chuyện kể về đời mình của Phạm Xảo không động tĩnh, bây giờ mới lên tiếng:

- Lão tướng Phạm Xảo, nếu đúng lẽ nghi thì tôi phải gọi ông lão như thế. Nhưng khi đã lấy cái tâm, cái tình để sống với nhau rồi thì đâu cần chấp nhặt những chuyện hình thức như thế phải không? Nghe chuyện đời của Phạm huynh tôi xúc động và khâm phục cái tiết tháo làm tướng và nhân cách làm người của huynh nhưng chẳng ngạc nhiên vì tôi đã quá quen với đời sống

cung đình. Cung đình là đấu trường vĩ đại cuối cùng trước khi con người hóa kiếp nên chuyện gì cũng có thể xảy ra, từ chuyện nhân sinh tâm phào đến những biến cố nghiêm trọng nhất. Đọc sử Tàu, tiếp cận với giới quý tộc bao quanh đời sống điện Versailles bên Tây thời phò hoàng tử Cảnh, gần gũi với cung đình xứ mình... ở đâu cũng đầy đầy những điều khác lạ với đời thường mà người ta gọi là “thâm cung bí sử”. Cám ơn Phạm huynh đã chia sẻ và tấm lòng tín nghĩa của huynh thật đáng trân trọng. Tôi kính huynh như người anh cả và thương huynh như người ruột thịt, nhưng biết giúp huynh hay khuyên huynh điều gì bây giờ?

Nét vui mừng thể hiện lên khuôn mặt quắc thước nhưng đã phai pha với thời gian của người lão tướng. Ông ra vườn sau mang thêm củ đun vào lò sưởi. Ông lão tiếp tục chuyện trò:

- Được hoàng thân đối đãi và an ủi như thế là tôi mãn nguyện lắm rồi. Tôi đã già, chẳng còn tham vọng gì cả mà chỉ muốn yên thân. Nếu tôi vẫn muốn xin được sống tiếp tục một cuộc đời thảnh thơi bên cạnh hoàng thân sau khi tôi đã tự thú mình là ai thì tôn ý của hoàng thân ra sao?

Trí Hải nhìn thẳng người đối diện rồi nhìn băng quơ vào bếp lửa đang cháy bập bùng, trả lời:

- Huynh và tôi cũng như bếp lửa này. Lửa nóng bao nhiêu rồi cũng sẽ tắt như con người sống già sẽ chết. Tất cả chỉ là tạm bợ nên xưa nay tôi chẳng coi gì quan trọng ngoài cái giao tình chân thật với nhau. Có huynh là có thêm một cây củ trong bếp lửa đời mình. Bếp lửa đời sẽ sáng hơn và ấm hơn, thích lắm chứ.

Đêm như một tấm màn mỏng của bóng tối. Gặp người tri kỷ, đêm dài qua nhẹ như sương. Tiếng gà gáy sáng từ trong xóm lại cất lên. Một đời vua Nguyễn đi qua nhưng tiếng gà vẫn thế. Tiếng gà cũng nhắc nhở hương trà buổi sớm mai. Phạm Xảo vốn đã quen với quán tính lâu ngày, sau tiếng gà vừa dứt, ông đứng dậy nhóm lửa pha trà.

Trí Hải ngạc nhiên đầy thú vị với bộ khay trà cổ nhưng chưa bao giờ được bày ra. Một cái ấm cổ có hình một con ngựa, một bên có con khỉ đứng nhìn tổ ong. Trí Hải nhìn say sưa cái ấm cổ và buột miệng:

- Mã thượng phong hầu?! (Con ngựa ở trên con ong và con khỉ).

Phạm Xảo đắc ý, trả lời:

- Khen cho con mắt tinh đời! Đúng vậy, hoàng thân ạ. Đây là một ấm trà tử sa Nghi Hưng tối cổ. "Mã thượng phong hầu" là một câu chỉ để gọi tên ba con vật trên ấm trà, nhưng đây là một lời chúc ngắn gọn mà cao sang, đầy khí thế của con nhà tướng ngày xưa.

- Tử sa? Tôi chỉ biết Nghi Hưng là một huyện thuộc tỉnh Giang Tô, gần Thượng Hải. Ở đó có một thứ đất sét rất mịn, chứa nhiều thạch anh và nhiều chất thiên nhiên đặc biệt khác nên được dùng làm ấm trà không tráng men nổi tiếng vào bậc nhất trong nghệ thuật chế tạo ấm trà của Trung Hoa. Nhưng tử sa là gì?

- Tử sa là cát tím. Ấm trà làm tại Nghi Hưng có ba màu chính là màu vàng sậm (màu gan gà), màu đỏ sậm (màu da chu) và màu nâu thẫm ngả đen (tử sa). Ấm trà chúng ta đang dùng đây thuộc loại song ảm, dùng cho hai người uống. Lục Vũ trong sách Trà Kinh và cổ nhân viết về trà đã ca tụng ấm tử sa Nghi Hưng có nhiều ưu điểm như: giữ được hương và vị trà gốc, bình trà dùng lâu chỉ chế nước không cũng ra mùi trà, không bị nứt vì thời tiết quá nóng hay quá lạnh, chế nước nóng bao nhiêu khi cầm ấm trà cũng không bị phỏng tay, bình dùng càng lâu càng lên nước bóng lộn rất đẹp. Và, đặc biệt hơn tất cả là cao trà tụ hội ngày một dày quanh thành ấm bên trong.

Trí Hải vui thích một cách tươi mát:

- Hay lắm, huynh ạ. Nhưng lâu nay huynh dẫu trà cụ và ấm trà này ở đâu?

Phạm Xảo cười thích thú:

- Bí mật, bí mật! Sự nghiệp một đời làm tướng chỉ còn cái bình rượu sứ vôi đã đoạn tuyệt và cái ấm trà nhếch nhác này thôi. Lịch sử bình rượu sứ vôi thì hoàng thân đã biết. Còn cái ấm trà Nghi Hưng này là "chiến lợi phẩm" duy nhất còn lại sau trận Rạch Gầm. Trên đường tháo quân đang bị truy đuổi rất gấp, chủ tướng Nguyễn Ánh và cận tướng Phạm Xảo phải lánh vào chòi canh trong một đêm trăng. Thèm một hơi thuốc, khao khát một hương vị trà nhưng chẳng kiếm đâu ra. Chính lúc đó, cái ấm trà tử sa Nghi Hưng này đã cho một bình trà nóng thoang thoảng hương vị trà thơm mà không cần tới một cọng trà.

- Tuyệt quá! Gian khô có khi là một bài thơ không lời.

- Hay nói ngược lại, bài thơ không lời hay nhất thường đến từ những phút giây gian khổ nhất. Chính sự gian khổ thành anh hùng ca đã giúp nhân vật lịch sử kiên trì Nguyễn Ánh thắng được nhân vật lịch sử anh hùng Nguyễn Huệ.

- Như thế có nghĩa là chỉ có nhân vật Nguyễn Ánh mới chịu đựng nhiều gian khổ trong cuộc tương tranh thôi sao?

- Quang Trung và Gia Long đều thám đòn gian khổ. Nhưng trong gian khổ, nhiều tướng tài của Quang Trung trở thành nghịch tướng trong khi tướng giỏi của Gia Long vẫn một dạ trung thành.

- Như tướng quân Phạm Xảo?

- Tôi chỉ là một kẻ trung thành với chính mình.

- Thế nghĩa là sao?

- Tôi không sống và hành xử theo nếp sống bầy, đàn. Tôi chiến đấu cho ngọn triều Nguyễn Ánh vì chỉ đơn giản là "ăn cây nào rào cây ấy". Nhưng cái chí của tôi chỉ thuộc về lẽ phải trong tâm niệm làm một người ngay thẳng như lời thầy tôi dạy lúc lên đường. Tôi cảm phục sự can trường của nhân vật Nguyễn Ánh, nhưng cũng tôn sùng sự dũng liệt của nhân vật Nguyễn Huệ. Vì trung thành với chính mình nên cuối đời tôi vẫn là tôi. Hai bàn tay trắng nhưng đầy ắp một vũ trụ của niềm vui. Niềm vui của lòng son sắt không bao giờ phản bội chính mình. Và, tôi nghĩ rằng, đấy cũng chính là đạo lý của con nhà tướng trong thiên hạ xưa nay.

- A, hay quá! Không ngờ bao năm qua tôi sống bên dãy Trường Sơn trùng điệp mà cứ ngỡ mình sống bên hòn non bộ. Vậy thì hôm nay huynh mang ấm trà "đế vương" này ra dùng là có ý gì?

Phạm Xảo nhắm mắt, nắm hai bàn tay mình vào nhau, ép lên ngực, nói một cách trang trọng:

- Để mừng cho một lời hứa đã giữ trọn. Và cũng để nghênh đón một nhân vật đối ẩm thứ nhì sau ngày nhân vật đối ẩm thứ nhất không còn nữa.

- Không dám khách sáo nhưng thật là vạn hạnh. Thế hôm nay huynh sẽ chiêu đãi với loại trà gì vậy?

- Vẫn là trà Thạch Hãn.

- Trà Thạch Hãn? Tôi chưa nghe bao giờ.

- Thạch Hãn là mồ hôi của đá. Tuy không dùng đến, nhưng ẩm trà tử sa Nghi Hưng này vẫn được ninh trong một loại trà thơm mỗi tháng hai lần để lớp cao trà trong ẩm mỗi ngày một thuần vị và dày hơn. Khi gặp ngày đại hỷ, đại cát như hôm nay thì đem ra dùng. Tinh hoa của trà đã thấm vào trong vách ẩm và lớp cao trà trong ẩm ví như những giọt mồ hôi của đá sẽ cung cấp một vị trà độc đáo gọi là Thạch Hãn Trà.

Tuy đã quen với mọi hình thức ăn uống cao lương mỹ vị, cực kỳ xa hoa trong nếp sống cung đình, Trí Hải vẫn chưa bao giờ biết được cái hương vị của "Thạch Hãn Trà" như thế nào. Trí Hải thu hết sức chú ý và mở rộng cảm nhận khi ẩm trà đầu tiên đặt trước mặt hai người.

Mùi thơm nhẹ nhẹ như từ một cõi mơ hồ thoáng đến làm Trí Hải cảm thấy những luồng suy nghĩ trong đầu mình dừng lại. Lòng dâng lên niềm vui và cảm giác bình an thoáng hiện. Im lặng. Theo dấu ra hiệu của Phạm Xảo, cả hai người cùng nâng chén trà. Trí Hải đột ngột dừng lại vì Phạm Xảo chỉ đưa chén trà lên môi nhưng miệng vẫn ngậm kín. Phạm Xảo chỉ chạm thành tách trà vào môi và từ từ đặt chén trà về lại vào khay. Trí Hải làm theo. Cảm nhận luồng hơi ấm từ chén trà trong tay truyền vào môi. Phạm Xảo nói gọn lỏn:

- Ấm.

- Ấm miệng?

- Cửa khẩu đóng kín. Đang ngủ. Thức nó dậy bằng hơi ấm.

Chén trà vẫn còn bốc khói lại được đưa lên miệng. Phạm Xảo nâng lên gần mũi, hít một hơi dài. Trí Hải làm theo. Hương trà thơm lâng lâng chạy vào đôi cánh mũi. Trí Hải cảm nhận như trí óc mình được đánh thức. Đôi mắt long lanh dõi tìm đốm sương trong bóng tối. Phạm Xảo lại nói gọn lỏn:

- Thức.

- Thức gì?

- Cửa khứu giác đóng kín. Đang ngủ. Thức nó dậy bằng hương trà.

Chén trà lại được đưa xuống. Nửa chừng lại cầm lên. Phạm Xảo lên tiếng lần thứ ba, cũng cộc lốc và dứt khoát như lệnh ra quân:

- Uống.

- Uống như bình thường?

- Xin mời.

Nhấp chung trà vào miệng, Trí Hải có thể theo dõi được dòng trà thơm nóng đầu tiên chạy vào thân thể mình. Mùi trà hoang dại phảng phất một loài hoa mơ hồ không tên tuổi. Tuần trà thứ hai, Trí Hải bắt đầu nhận ra vị trà. Vị chất nồng nàn đầu lưỡi nhẹ dần và biến thành vị ngọt êm ả trong cổ họng. Tuần trà thứ ba, Trí Hải cảm thấy cả người nhẹ lâng lâng. Hơi trà như chất men chạy vào mạch sống. Cả hai lim dim nhìn vào sự lắng đọng trong chính mình...

Đến tuần trà thứ ba, mới nhấp nửa chén, Phạm Xảo bỗng nhẹ nhàng đưa hai tay bọc lấy chén trà, đầu hơi cúi xuống trong dáng vẻ cung nghinh, rồi từ từ khoát tay:

- Mãn trà.

Trí Hải đắm mình trong một cơn say trà ngây ngây thần trí. Nghệ thuật là con điều tri thức và tâm thức. Nó nâng cái tầm thường thành bình thường, bình thường thành lạ thường và lạ thường thành phi thường. Phạm Xảo xếp trà cụ vào ngăn nắp cũ và nói thêm:

- Uống trà là một cảm hứng nghệ thuật. Say trà là một cảm giác đạt đạo. Có mấy ai trong đời đạt đạo được một lần.

Tiếng gà gáy lại. Có chút đùa vui vừa nhóm lên trong tòa nhà hiu quạnh của hoàng thân chủ quản Thái ấp. Phạm Xảo vui vì đã giữ tròn lời hứa và được sống thật, sống ra ngoài lớp vỏ của một loài ốc mượn hồn. Trí Hải vui vì tin rằng mình sẽ thấy được mình với những con người rất thật đang có mặt ở chung quanh.

Trí Hải đắm mình trong một cơn say trà ngây ngây thần trí. Nghệ thuật là con điều tri thức và tâm thức. Nó nâng cái tầm thường thành bình thường, bình thường thành lạ thường và lạ thường thành phi thường. Phạm Xảo xếp trà cụ vào ngăn nắp cũ và nói thêm:

- Uống trà là một cảm hứng nghệ thuật. Say trà là một cảm giác đạt đạo. Có mấy ai trong đời đạt đạo được một lần.

Tiếng gà gáy lại. Có chút đùa vui vừa nhóm lên trong tòa nhà hiu quạnh của hoàng thân chủ quản Thái ấp. Phạm Xảo vui vì đã giữ tròn lời hứa và được sống thật, sống ra ngoài lớp vỏ của một loài ốc mượn hồn. Trí Hải vui vì tin rằng mình sẽ thấy được mình với những con người rất thật đang có mặt ở chung quanh.

---o0o---

Chương 03 - Cõi Người Ta

Trời chưa sáng hẳn, trên lối vào Thái ấp đã sáng rõ đèn đuốc của toán thân binh bộ Lễ chuẩn bị võng lọng đến rước hoàng thân Trí Hải vào cung. Sáng hôm nay là ngày trọng đại, ngày “chuyên cử” để tiễn đưa linh cữu của vua Gia Long đến nơi an nghỉ cuối cùng tại Thiên Thọ Lăng. Nơi đây được gọi là “Huyền cung”, vương cung của thiên tử sau khi chết. “Thiên tử cung” là cách nói trang trọng đầy tính lễ nghi về việc đưa đám nhà vua mà mọi bước tiến hành đều nhất nhất theo đúng các chi tiết ghi trong sách Hội điển và Thọ Mai Gia Lễ.

Trí Hải khoác bộ áo quần lễ tang, bước lên võng đợi sẵn trước cửa tư dinh. Vốn đã quen với lễ nghi đưa rước rườm rà nhưng Trí Hải vẫn có cảm giác là lạ khi nhìn màu sắc đen trắng u buồn nhuộm màu sáng mờ, lu lắt trong ánh đèn lồng và sương sớm. Không nghe tiếng nói cười mà chỉ nghe tiếng thờ phì phò và giọng nói rì tai thì thảo của nhóm khiêng kiệu. Từ ngày vua “băng”, từ triều đình đến dân chúng trong cả nước cấm không được tổ chức hát xướng, hội hè vui chơi hay làm lễ cưới hỏi và không được mặc quần áo màu đỏ, màu vàng chói lọi, sắc sỡ. Các quan chức từ trong triều đến ngoài quận, phục sức màu xanh, màu trắng, màu đen. Tất cả đều tránh phục sức hay trang trí bằng những màu vui tươi, nhất là màu đỏ và màu vàng. Cũng thế, chiếc võng thường lệ trải nệm nhiều điều, trên có mui che bằng giấy bọc gấm xanh hay lam, hai bên hông che hai rèm đỏ điểm hoa văn màu vàng kim nay được đổi lại hai màu đen trắng. Hai chiếc đèn lồng đi trước, đến cái võng do hai người khiêng và hai người phụ công đi kèm để đỡ vai. Hai bên tả hữu có hai người cầm hai cái lọng xanh. Cặp lọng linh động che mưa che nắng có giá trị trang trí hơn là thực tế. Đi theo võng lọng là một người hầu tay phải ôm cái tráp khảm, tay trái xách cái điếu ông khảm. Người lính sau cùng mang đôi chấu võng. Đoàn lính đưa rước võng gồm 10 người này làm việc nhịp nhàng quanh năm. Những động tác lập đi, lập lại nhuần nhuyễn

đến độ họ không cần hở miệng nói với nhau một lời nào, sợ làm kinh động đường quan; nhưng từ khi rước đến khi thân chủ rời khỏi võng, sự phối hợp nhịp nhàng biến mười người thành một khối.

Càng gần đại cung đình, nơi đặt quan tài của vua, các đám rước võng lớn nhỏ xuất hiện càng nhiều. Người ngoài, chỉ nhìn đám rước võng cũng biết được vị chủ nhân trên võng là quan lớn hay quan nhỏ.

Trí Hải chưa kịp xuống võng, quan tham tri bộ lễ đã đích thân đến rước vào nhà đám vì phái đoàn người Pháp tham dự tang lễ vua đã có mặt, cần có người biết tiếng Pháp để giao dịch và tiếp rước cho đúng lễ nghi.

Sự hiện diện của người Pháp bên cạnh Nguyễn Vương trong cuộc chiến đấu chống Tây Sơn vừa là một thế lực, một chỗ dựa mà cũng vừa là mối đe dọa chỉ mới hiện ra còn xa vời nhưng đã dấy lên ở cuối chân trời. Sau cuộc Cách Mạng 1789, nước Pháp có những vấn đề nội bộ cấp thiết cần phải đương đầu. Thế lực viễn chinh bằng quân sự còn ở trong giai đoạn phôi thai, nhưng thế lực thăm dò, tiền trạm và giao lưu đã năng nổ lên đường và thâm nhập Việt Nam từ Đàng Ngoài cho đến Đàng Trong. Gần 20 năm trị vì, vua Gia Long đã cầm chân người Pháp bằng cung cách ngoại giao mềm dẻo như một cử chỉ thiện chí hàm ý đền ân đáp nghĩa. Triều đình Huế dưới thời vua Gia Long mở cửa, nhưng chỉ là mở hé, cho các hoạt động buôn bán, truyền đạo và ngoại giao của người Pháp trên đất nước Việt Nam.

Trí Hải có một vị trí đặc biệt trong hoàn cảnh lịch sử và xã hội rất tế nhị và phức tạp vào buổi đầu xây dựng triều Nguyễn ở kinh đô Huế.

Hơn hoàng tử Cảnh 10 tuổi, lại là người cùng huyết thống, Trí Hải được theo chân vị đông cung thái tử tương lai này như một người chú, một người bạn, một người chặn giữ, một người hầu cận. Năm 1784, khi giám mục Bá Đa Lộc được sự ủy quyền của Nguyễn Ánh mang hoàng tử Cảnh sang Pháp, Trí Hải cùng đi theo. Khác với Nguyễn Phúc Cảnh được uốn nắn, đầu tư và giáo dục trong khuôn mẫu của nền học vấn tăng lữ Âu Châu để sau này về làm vua, Trí Hải được học ngôn ngữ và văn hóa Pháp để làm người. Hoàng tử Cảnh, một cậu bé 5 tuổi ngâm thơ và hiện từ ngoan ngoãn. Trí Hải, một người trai trẻ ở tuổi dậy thì nhìn thế giới qua những hành lang lộng gió trên boong tàu và qua những khung cửa của lầu đài đóng kín.

Hơn ba năm ở lại Pháp, vai trò ban đầu của Trí Hải đối với hoàng tử Cảnh hoàn toàn bị đảo ngược. Thay vì là người gần gũi để chăm lo cho Cảnh, Trí Hải đã trở thành vật vướng chân trước sự xếp đặt của những người giám hộ

muốn giáo dục một ông vua tương lai của nước Nam theo một mô thức nào đó không đi ngược quyền lợi của Đại Pháp. Bởi vậy, mỗi ngày người ta khéo léo tách rời hoàng tử Cảnh và Trí Hải càng lúc càng xa.

Tại Paris, trong khi Cảnh được dạy dỗ trong những học viện quý tộc thì Trí Hải được gởi vào các trường học chung chung của giới con em bình dân lao động. Sau giờ học, Cảnh phải đọc sách khai tâm được tuyển chọn cẩn thận thì Trí Hải tha hồ đọc sách báo gì tùy thích. Cảnh được chăm lo từng đường đi nước bước thì Trí Hải được chạy nhảy theo đám con nhà bình dân tận các hang cùng ngõ hẻm. Trong những lần theo phái đoàn chờ chực để vào yết kiến vua Louis XVI và ra mắt hoàng hậu Marie Antoinette ở điện Versailles, hoàng tử Cảnh được chuẩn bị cẩn thận từ bộ mặt nghiêm trọng đến mũ áo nhiều lớp nhiều tầng cho xứng mặt ông vua con An Nam, Trí Hải được đi theo như một bóng mờ không ai để ý. Hình ảnh nguy nga, lộng lẫy của cung điện Versailles và lối sinh hoạt vương giả, quý tộc của giới vua chúa ở khung cảnh vàng son đầy quyền lực này hiện ra như một thế giới hoàn toàn khác lạ với đời sống bình dân thợ thuyền lao động trong những khu nhà ổ chuột, trong những con hẻm còn đầy bóng tối của kinh đô nước Pháp này.

Cuộc sống cung đình Pháp thời tiền Cách Mạng 1789 bao quanh bởi ba lớp thành trì được xây dựng bằng những chất liệu của thế quyền và thần quyền đầy tính huyền thoại từ thời trung cổ và viễn chinh: Hoàng tộc, quý tộc và tầng lữ. Nghe những câu nói đầy từ ngữ cao sang và những ẩn dụ bóng bẩy trong lối nói xung tụng của giới quý tộc như chuyện thần tiên thời cổ, Trí Hải cảm thấy đời sống nơi đây giống giống những trái mít đã ruồng cùi ở quê nhà. Lớp vỏ vàng óng thơm tho bên ngoài giúp che đậy tạm bợ những lớp xơ và múi không còn sức sống tinh túy tỏa chiết và níu kéo từ bên trong, chỉ đóng đũa chờ ngày rụng xuống.

Những dấu hiệu phản kháng, những tiếng gào kêu đòi cuộc sống, những sự bức xúc tập thể sôi sục bên ngoài có vẻ như không thấm thấu qua được những lớp thành trì kiên cố xây bằng chất liệu quyền uy, kiêu hãnh và mặc nhiên của thế lực cầm quyền.

Từ một cậu bé lớn lên trong giai đoạn lịch sử chuyển mình chấm dứt cảnh Nam Bắc phân tranh bằng sự đương đầu quyết liệt giữa hai thế lực Tây Sơn và Nguyễn Ánh, Trí Hải được thụ nhận và trưởng thành thêm với luồng gió mới của Âu Châu.

Trước mắt người Pháp, Trí Hải là một mẫu người đầy thu hút và thú vị trong cung cách giao thiệp. Với bản chất trầm mặc và sự hiểu biết sâu rộng về văn hóa truyền thống Á Đông, Trí Hải được học hỏi thêm về văn chương, văn hóa Âu Tây. Đặc biệt về con người, Trí Hải được tiếp cận với giới trẻ, giới bình dân thợ thuyền lao động và luôn cả giới quý tộc, tầng lớp Pháp ngay trên đất nước của họ. Bởi vậy từ trong cách nói, lối suy nghĩ và điều sống là cả một tổng hợp hài hòa giữa con người và hoàn cảnh xã hội un đúc nên.

Được gặp lại những người Pháp một thời quen biết trong phái đoàn đến tiễn biệt vua Gia Long, Trí Hải có dịp giới thiệu cho họ những gì tiêu biểu trong lễ nghi tang tế của hai nhánh văn hóa - văn hóa dân gian và văn hóa cung đình - trong cùng một dòng văn hóa Việt.

Một cung điện thu gọn bằng giấy nằm trên đoàn thuyền máy chục chiếc che gần kín cả dòng sông. Từ văn khố bút mực của nhà vua đến thành trì, cung điện, đồ dùng hàng ngày từ lớn đến nhỏ đều được mô phỏng hoặc dùng nguyên gốc đều được xếp lên hơn ba chục chiếc thuyền. Thuyền rồng - Long Châu - mang quan tài của nhà vua (đại thắng dư) nổi bật nhất với màu đỏ và hoàng kim rực rỡ.

Các đình thần và quan chức nào được đi đưa đám vua thì tên họ phải được ghi rõ ràng trong danh sách của Bộ Lễ. Phủ Tôn Nhơn của Hoàng Tộc cũng phải lập một danh sách tương tự như thế cho các tôn tước.

Sau lễ An Huyền Cung, nghĩa là đã mai táng xong, là lễ hỏa thiêu tất cả đồ dùng hàng ngày của vua, kể cả hai chiếc thuyền rồng, một của vua dùng khi còn sống và một là thuyền rồng chở quan tài của vua.

Một năm sau ngày vua mất là lễ tiểu tường và năm tiếp theo là lễ đại tường, tức là lễ mãn tang.

Sau đám tang vua, Trí Hải về lại tư dinh. Chưa vào tới cửa ngõ, đã nghe ông già Phạm Xảo dùng chiếc đũa tre gõ nhịp trên thành chén sứ, hát nghêu ngao mấy câu thơ của ai nghe thật thân quen:

Công hầu bá đế trăm năm trắng,

Phú quý vinh hoa một giấc vàng.

Thấy Trí Hải, ông ta hỏi ngay:

- Hoàng thân, người ta chôn nhiều bạc vàng châu báu theo vua lắm phải không?

Trí Hải trả lời:

- Nhiều thứ lắm. Nhưng đó là lễ thói xưa nay của hàng vua chúa, có gì đáng thắc mắc đâu.

Ông lão nhìn trống không và nói lời hờ hững:

- Rồi cũng tay trắng như nhau, cũng “thân như ánh chớp có rồi không” thôi!

Trí Hải xòe tay như cố tìm một cái gì xa xôi không hiện hình trong đó:

- Dù tránh hay tìm thì cái không vẫn nằm sẵn trước mắt!

Lão già thể hiện nỗi vui trong giọng nói:

- Phải rồi, cái không! Thầy tôi ngày trước cứ giảng đi giảng lại hoài cái Không và Vô Ngã. Thầy kể rằng, cái không là một báu vật vô giá phải tự mình tìm lấy và tìm thấy, kho tàng của cái không mua được. Ngày trước, Tần Thủy Hoàng cố đem cái Có tầm thường giữa cuộc đời để mua cái Không siêu tuyệt của hàng đại trí nên đâu đủ vốn liếng mà mua. Trần Nhân Tông đem cái Không giữa trần đời để mua cái Không trong chân tâm nên người đời nghĩ rằng ông ta mua được. Cho đến bạc đầu, tôi vẫn nhớ năm lòng giọng Thầy giảng sách dưới trăng, rằng, cái Tâm Không mới chính là bản ngã siêu tuyệt của con người. Cái không là báu vật mang đến sự an lạc vĩnh hằng. Tần Thủy Hoàng có Vạn Lý Trường Thành, dùng bạo lực để xây dựng đại vương triều, cung vàng điện ngọc; nên cái tâm vắng bóng. Khi cái tâm vắng bóng thì cũng như kẻ nghèo cháy túi, sống còn chưa đủ, lấy gì để mua vật báu trên đời. Trần Nhân Tông bỏ ngai vàng như bỏ đôi dép cũ nên cái tâm hiển lộ. Cái tâm là nguồn vốn duy nhất để ông mua được cái Tâm Không, làm chủ một vùng trời an lạc.

Trí Hải vui vẻ góp lời:

- Tôi chẳng biết nhiều về Đạo Phật, nhưng có tìm hiểu chút ít về Kinh Thánh của đạo Gia Tô cũng như chút ít về đạo Phật. Tôi có cảm tưởng như khi con người không có đáp số về một ẩn số lớn nhất của đời sống thì phải dựa vào niềm tin tôn giáo để lý giải và tìm chốn an trú cho mình.

Phạm Xảo thắc mắc:

- Cái ẩn số lớn nhất đó là gì?

- Là nguyên nhân hay nguồn gốc đầu tiên của sự sống và nơi an nghỉ sau cùng của kiếp người, của phần tâm linh không có sắc tướng - nếu tin rằng, mỗi người đều có “một cái gì đó” vẫn còn tiếp diễn sau sự chết - từ đâu mà có và đâu là chốn tận cùng vĩnh viễn của sự ra đi mà cũng là sự quay về.

- Thế cái ẩn số lớn nhất đó theo hoàng thân biết và nghĩ là gì?

- Tôi đang cố tìm, cố nghĩ nhưng vẫn tìm chưa tìm ra, nghĩ ra. Nếu bắt tôi nhắm mắt tin theo một đấng vô hình có quyền năng tuyệt đối tối cao hay một lực màu nhiệm tuyệt đối nào đó thì tôi xin từ chối. Mặc dầu tôi tôn kính tên gọi của những đấng đó hay lực đó và tôn trọng đức tin riêng của mỗi người, nhưng tôi không có lý do để tin vào một ẩn số hay là một câu hỏi chưa có câu trả lời. Tôi nghĩ tất cả cũng chỉ là một tên gọi khác của cái ẩn số lớn nhất chưa có đáp số rạch ròi như chúng ta đang nói đến mà thôi. Đạo Hồi gọi đó là đấng A-La, đạo Chúa gọi là Thượng Đế, đạo Phật không nhận có nguyên nhân đầu tiên và cuối cùng mà tất cả là một chuỗi Duyên, Nghiệp trùng trùng từ vô thủy đến vô chung... Rất có thể họ đều đúng và phù hợp theo đức tin của họ. Một khi đã gọi là đức tin mà còn lâm vào vòng tranh cãi để làm “sáng” đức tin của mình và chối bỏ đức tin của người khác là một việc làm đầy vọng động. Tôi cũng cần một cái phao hay một nơi an trú cho tâm linh nhưng chưa có huỳnh ả.

- Rồi sẽ ra sao nếu suốt đời tìm không có?

- Thà không có vẫn còn đỡ hơn là cố thuyết phục mình tin gượng ép vào điều mình chưa nắm vững. Ngụ tín và đức tin là hai mặt tối và sáng của con người. Thật là hạnh phúc nếu xây dựng được một niềm tin chân thực.

Ông lão rì rầm kể chuyện ngày xưa rồi tự hỏi người như tự hỏi mình:

- Như vậy, chết là chấm dứt cái Có và bắt đầu cái Không; là chấm dứt cái Ngã để đi vào Vô Ngã hay chỉ là một cuộc hành trình mới, mang cái tâm có - không, cái ngã thiện - ác đi vào cõi vô cùng hay đi sang một cuộc đời khác?

- Tôi không nghĩ cái Không trong đạo Phật mang ý nghĩa là “chẳng có” như có đối với không, giàu đối với nghèo, đối đối với no. “Không” ở đây là một

trạng thái rỗng lặng hoàn toàn. Không có gì trước, chẳng có gì sau. Không có gì lớn hơn, chẳng có gì nhỏ hơn. Không có hai bên, chẳng có hai phía, không phân hai trạng thái khác nhau nên chẳng thể nào diễn tả, lý luận, so sánh được. Ngày xưa, mỗi buổi sớm, khi còn nằm ngủ muộn, tôi thường nghe mẹ tôi xướng lên trước khi cầu kinh, rằng: “Phật, chúng sanh: Tánh thường rỗng lặng. Đạo cảm thông: Không thể nghĩ bàn.” Tôi hỏi mẹ: “Mẹ ơi! Nếu mà không thể nghĩ bàn thì làm sao mà hiểu được?” Mẹ tôi giải thích thật đơn giản: “Thời nhỏ, Phật ở trong cung vua học hết sách vở, những điều tầm thường và cao xa tới đâu ngài cũng biết. Nhưng mãi đến khi ra ngoài cửa thành, tự mình tiếp xúc mới thấy được cảnh sinh, già, bệnh, chết đau khổ là dường nào. Chính tự mình thấy được, gần được, nghe được mới cảm thông; có cảm thông mới hiểu được. Còn nằm ngủ nướng để nghĩ và bàn suông như con trai của mẹ thì không bao giờ hiểu được...”

Phạm Xảo vò đầu:

- Khó thật! Ngày xưa tôi chỉ huy hàng vạn quân sĩ. Nhưng bây giờ nghĩ lại, tôi chưa hiểu một người nào cả. Nhớ thầy tôi từng dạy: “Để hiểu được một người thì phải rũ bỏ hết tất cả những lớp vỏ, đập vỡ sạch sành sanh mọi ý nghĩ có trước và có sau về người đó, để thấy được người đó như chính họ là họ...” Cũng sắp hết một đời, tôi chưa hề thấy được một ai đúng với ý nghĩa “thấy được người đó như chính họ là họ.” Phải chăng ý niệm của cái chính anh là anh, cái chính tôi là tôi là cái tánh thật, tánh “y như vậy”, Tánh Không nơi mỗi con người?

Trí Hải không trả lời trực tiếp mà khuyên:

- Hãy sống đi huynh, đừng hỏi vì sao phải sống. Đã biết Tàn Thủy Hoàng lấy cái Có mà mua cái Không nên không mua được vì cái Không nó nằm ngay trong ta chứ đâu ở bên ngoài mà mua. Nếu huynh và các bậc Thầy của huynh càng nói về cái không chừng nào, cái không càng mất dạng chừng đó vì cái Không chẳng phải là cái mặt trời hay mặt trăng cụ thể để diễn tả. “Không” là một trạng thái, một ý niệm để chiêm nghiệm và chứng nghiệm, không phải để nói, để vẽ hình hay tạc tượng. Cái Không, cái Vô Ngã trong đạo Phật có mặt ngay trong cuộc hiện sinh này chứ đâu phải đợi tới khi sống chết, luân hồi. Nếu tin rằng con người là một sinh vật có dòng sống biến hiện không ngừng thì sống chết chỉ là sự thay áo trong dòng sống mà thôi. Sống và tự mình tìm mình trong vắng lặng đi Huynh à!

- Thế có nghĩa là muốn giữ mặt gương trong thì phải giữ đừng cho gương tiếp xúc với bụi? Gương và bụi cái nào trong hơn?

- Đều đực.

Ông lão nhìn người đối diện và bắn khoản hỏi rằng:

- Thế thì cái gì mới trong?

- Người xưa nói rằng, không gương mà cũng chẳng bụi mới thật là trong ngàn tuyệt đối.

- Hoàng thân làm tôi nhớ câu chuyện được những người nhà chùa kể đi kể lại mòn nhẵn, thế nhưng lúc nào cũng như mới và đầy thú vị là chuyện Lục Tổ thiên tông. Hơn nghìn năm trước, Huệ Năng, người được sư Hoàng Nhẫn phong làm vị tổ thứ sáu của Thiên Tông Trung Hoa, cũng vì thấy rõ sự trong ngàn đó mà đạt đạo khi ông bày tỏ rằng:

Bồ đề vốn chẳng có cây

Gương trong tự sáng chẳng dây với đài

Cái không tuyệt đối xưa nay

Lấy đâu dính bụi trần ai xứ nào.

(Bồ đề bản vô thụ, minh kính diệc phi đài

Bản lai vô nhất vật, hà xứ hữu (nhạ) trần ai)

Ông lão ngược nhìn trời, những tảng mây thời thơ ấu vụt bay ngang trên bầu trời mờ đục. Trí ông, lòng ông và có một khoảng trời riêng nào đó bên trong tạm gọi là “tâm”, mỗi ngày một dày đặc.

Thêm một niềm vui, một nỗi buồn, một sự tiếc thương, một ân tình níu kéo; biết thêm một người quen, một người bạn, một người thù... mỗi thứ như một lớp bụi mờ rất mỏng. Cái thân và tâm này còn sờ sờ ra đây, làm sao mà bắt chước hàng đại gốc, đại trí như ngài Huệ Năng xưa nói rằng không có thân, không có tâm nên lấy gì mà dính bụi được. Nhưng những lớp bụi mỏng như măng tơ đó cứ mỗi giờ, mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm chồng chất lên mãi. Chúng nó không những làm mờ đục mà lấp đầy hết khoảng trời riêng bên

trong. Làm sao ông rửa sạch nó, bào mỏng những lớp dày đóng thành chai đá hay đập vỡ nó đi.

Phạm Xảo đã có lần đem ý nghĩ này ra phân tích thì Trí Hải góp ý:

- Huynh ơi! Những đại đệ tử của ngài Thần Tú ở phương Bắc và ngài Huệ Năng ở phương Nam Trung Hoa tranh luận nhau suốt mấy trăm năm không phân thắng bại về chuyện phải phải bụi, tu bụi hàng ngày để tâm trong sáng hay giữ cái tâm không thì bụi lấy gì để bám. Chuyện kể rằng:

Có hai đệ tử của hai phái Nam Bắc thiên tông ấy một hôm gặp nhau ở rừng Long Thọ. Hai bên cãi nhau suốt một ngày mà chưa phân thắng bại. Tối về, cả hai cùng tới xin tá túc tại căn nhà ông tiều phu duy nhất ở bìa rừng.

Cả hai đều đói lả người nhưng miệng vẫn không ngớt nói đến pháp môn tiệm ngộ (là ngộ từ từ) của phái Thần Tú phương Bắc và đốn ngộ (là ngộ tức thời) của phái Huệ Năng ở phương Nam. Ông tiều cũng là một bậc hành giả. Ông trao cho cả hai người, mỗi người một cái nồi đất đầy kín và bảo đó là thức ăn cần phải nấu chín mới ăn được.

Bếp ông “đốn ngộ” đun bằng củi đốn ngộ, tên ông tiều gọi loại củi thông rất dễ bắt lửa.

Bếp ông “tiệm ngộ” đun bằng củi bạch đàn cũng dễ bắt lửa chẳng kém gì củi thông.

Bị cơn đói thúc bách, hai ông bếp đều đun lửa tối đa cho đồ ăn mau chín, nhưng nấu hoài và chêm nước hoài mà vẫn cứ nghe tiếng “lọc cọc” của thức ăn chưa chín trong nồi. Đầu hôm, nửa đêm, tàn canh, rồi hừng sáng, thức ăn vẫn còn trơ trơ chưa chín. Cả hai ông “đốn” và ông “tiệm” đều “ngộ” ra cái mình nấu trong nồi không phải thức ăn gì cả mà là hai viên... đá hàm. Trong lúc cả hai ông vẫn thề thào cãi nhau và sắp xỉu vì đói tới nơi thì lão tiều mang hai bát cháo măng thơm phức đi tới. Hai ông trở mắt nhìn vào cục đá “chưa chín” trong nồi của mình. Lão tiều khịt mũi kêu lên:

“Cả hai vị cứ mãi miết lo thổi lửa cho to, đun củi cho nhiều mà không biết mình đang phí công sức và thời gian để đi nấu cục đá.”

Hai ông khách trở mắt nhìn nhau háu vào hai tô cháo vừa được bung tới. Lão tiều phu chấp tay mời:

“Xin mời hai vị dùng cháo. Củi thông hay củi bạch đàn cũng đều đun lửa nấu chín được nồi cháo này, nhưng chẳng có loại củi nào nấu chín hai hòn đá tảng đó cả.”

Như có tiếng kêu phiến muộn từ trong lòng vọng ra, nhưng ông Lão quay quắt không biết cách nào để dim nó xuống, gạt nó đi, xô đẩy nó ra khỏi đời mình. Ông nghe quá nhiều lời dạy, uống quá nhiều phương thuốc danh ngôn, cầu đảo quá nhiều đèn miếu, nhưng cái lớp dày quái ác đó có vẻ như vẫn cứ dày thêm. Tất cả chỉ là sự xao động bên ngoài, không thấm qua được lớp vỏ dày đã thành rêu, thành nấm. Ông vượt chòm râu bạc và thần thờ ném cái bình cũ xuống dòng nước đang chảy xiết dưới chân cầu bên cạnh nhà. Chiếc bình sứ vôi như còn vương vất mộng đế vương, xoay vòng vòng chiếu loáng ánh trắng trước khi chìm khuất.

---o0o---

Chương 04 - Bụi Giữa Đời

Giữa mùa Hè, trời nóng đến nỗi cá con chết từng đàn trên ruộng cạn. Hàng phượng già hai bên đường cái dọc theo mé sông Hương nở đỏ rực như vừa thoát ra khỏi lò lửa nấu đông của Phường Đúc. Lạ lùng là khắp kinh thành không có một tiếng ve. Mọi năm vào giờ này tiếng ve đã kêu ran đến nỗi nhiều người không ngủ trưa, ngủ sớm được. Nhiều đoàn thân binh nội thành phải chia nhau đi bắt ve ve, đuổi ve ve cho nhà vua an giấc và triều thần khỏi bị chói tai vì tiếng kêu ra rả của bản hòa âm đầy âm thanh đơn điệu và khô róc từ muôn triệu con ve.

Bao nhiêu năm, người ta nghe tiếng ve giữa mùa Hè như một điều mặc nhiên. Không ai thắc mắc sự có mặt hay không của ánh sáng từng ngày đến và đi buổi sớm buổi chiều. Người ta sinh ra, lớn lên, già nua, bệnh tật và chết đi cũng chẳng có gì lạ hơn những cơn mưa qua, rồi lại nắng ngoài đồng nội. Từng cuộc đời hay từng mảnh đời giàu sang hoặc khốn khổ đã có cái “ông số phận” đứng đó để hứng chịu khen chê. Cho đến một ngày nào đó, cái ngõ như thường hằng hiện hữu kia mất đi, người ta mới nhận ra điều mình mất. Dù tiếc nuối, vui mừng, hay chẳng quan tâm gì cả thì sự vắng bóng đó cũng là dấu vết bất thường của một nếp sống đã quen trôi chảy theo nhịp điệu hàng ngày của một dòng sông không bao tồ.

Đôi mắt với vô thường, người ta sợ đôi thay. Sợ đôi thay nên cứ tảng lờ xem vô thường như thể hằng thường. Nhà đại phú ôm lâu đài cũng như kẻ khốn cùng ôm manh chiếu rách đều cảm ơn mặt trời đã đến mỗi sớm mai. Thái

quen làm cho người ta sợ sự đổi thay và mất mát, dẫn cho sự đổi thay đi lên và cái mất mát xóa bớt sự khốn cùng. Cầm được cái trứng nhỏ trong tay vẫn hơn theo đuổi bầy chim trên ngọn cây. Cũng có người ôm cây đợi thỏ để cố bắt con thỏ trong ký ức của ngày qua hoặc đánh dấu mạn thuyền nơi gươm rơi xuống nước để tìm cây gươm đã lạc xuống đáy sâu mất dạng từ lâu, mong giữ cái “thường hằng” bằng ảo ảnh. Người ta tìm hạnh phúc trên ảo tưởng; rồi người ta khổ tâm vì ảo tưởng không phải là thực tế dù đã biết rõ luật chơi và đích đến của trò mơ mộng. Nhưng con người không chịu bỏ cuộc dễ dàng, dù đó chỉ là cuộc chơi hoang mê phù phiếm đến điêu linh.

Sau ngày vua Gia Long mất, người lão bộc của Trí Hải một thời hiện lại hình tích là cựu tướng quân Phạm Xảo. Một điều bí mật chỉ có hai người chia sẻ để biến mối quan hệ chủ và tôi thành tình bằng hữu. Sự thay đổi trong mối quan hệ mới không nhiều. Thay đổi nhân xưng và danh từ nhiều hơn là thực chất. Sự giải phóng thân phận và giải thoát tinh thần đột biến, do hoàn cảnh bên ngoài tác động, ban ân mà không do chính kẻ được giải phóng hay giải thoát làm chủ đời mình thì cũng giống như việc chiết trồng cây kiểng trên chậu hoa hay trên hòn non bộ. Những cây lá mọc tự do. Tự do đâm chồi nảy lộc trên hòn non bộ dưới bàn tay nhỏ bé chăm sóc của người chủ. Làm sao có thể tự do vươn mình làm cây cỏ thụ, rừng bạt ngàn, núi hoang vu!

Tướng quân Phạm Xảo trong hoàn cảnh mới cũng giống thế thôi. Tất cả chỉ còn mang dư âm và dư ảnh của những ngày tháng cũ. Thuyền chiến còn mơ cuộc viễn chinh, nhưng Phạm Xảo thì không. Không giang sơn, không hùng binh xe pháo, không chiến lũy, sa trường... thì đừng tướng và gã nài voi, người thờ ngựa chỉ khác nhau là tiếng vọng quá khứ.

Trước đôi mắt sắc bén nhưng cũng đầy nhân hậu của Trí Hải, Phạm Xảo chẳng muốn dấu điều gì. Sự quanh co không hợp với con đường thẳng. Ông lão sống ngay thẳng một phần vì lòng thương kính và phần khác, vì biết dấu điểm hay nói thẳng thì cũng chẳng khác gì trong cái nhìn không vương bận khen chê của Trí Hải. Bán buôn không cần lời lố thì cần gì thách giá trả hàng.

Dùng dằng đôi co mãi, dù với chính mình hay kẻ khác, rồi cũng phải ra đi. Sự lên đường nào cũng đầy hấp dẫn vì đó là khởi điểm của một chân trời mới. Nhưng một chân trời hứa hẹn ngày mai chưa định hướng thường là một sự mời gọi phiêu lưu đối với tuổi trẻ; đồng thời cũng là sự e ngại mạo hiểm đối với tuổi già. Lão tướng Phạm Xảo tự biết sức mình. Những hướng

nhìn nổi gió từ 30 năm trước giờ chỉ còn chút hơi phảng phất hiu hiu. Những giấc mơ chuyền núi một thời giờ chỉ còn chút niềm vui quanh quần bên mấy giò lan, chậu cúc. Thời gian không tàn phá hay đánh lừa ai cả. Thời gian chỉ là con đường ngay thẳng và biến dịch của những bước đi - về. Kẻ làm chủ thời gian là kẻ đứng ở cuối nguồn đời mà không nuối tiếc vì họ đã sống thực sự trong từng nấc nhỏ của thời gian. Sự có mặt cũng vừa là sự sống nên kẻ khôn ngoan là có mặt ở đời để sống, không phải sống để than van.

Tuổi già đến cùng một lần với cảm giác cô đơn. Mỗi ngày qua là thêm một bước gần hơn với sự ra đi sau cùng một mình với hai bàn tay trắng. Ông già Phạm Xảo không muốn mình như một hòn đá ném xuống hồ trong đêm tối. Âm thầm. Mất dạng. Ông muốn cái gọi là cuộc đời của ông còn lưu lại một cái gì đằng sau và kéo dài một cái gì đằng trước. “Một cái gì” ông chưa biết nhưng ông tin là có đó. Nếu chết là chấm dứt mọi sự, là xoá sạch dấu vết của quá khứ và tương lai thì phi lý quá. Đời sống không thể nào là một cuộc chơi phù vân đến thế... Nghĩ vậy, Phạm Xảo lại trần trở trong đêm như hai mươi năm trước.

Sống không khó nhưng tìm cho ra một ý nghĩa của cuộc sống thật khó. Cái hang động mang ý nghĩa cứu rỗi với con nai đang bị săn đuổi nhưng lại là chướng ngại cản đường đối với người thợ săn. Phạm Xảo đối diện với sự cô đơn của chính mình và ngủ vùi trong những phòng chứa sách của Trí Hải.

Trở mình, với tay, co chân đều vướng vào sách, Phạm Xảo quý sách nhưng lại không yêu sách. Sách nói những điều quá cao xa làm ông chóng mặt vì chẳng muốn dính dáng đến cái thế giới chữ nghĩa. Nó nói quá nhiều. Lý luận phân tích trường giang đại hải mà lại không biết im lặng, lắng nghe. Sự hoài nghi chữ nghĩa làm ông phiền muộn và mệt mề. Ông quơ đại một cuốn sách xếp hờ trên giá. Cuốn “Nhân Minh Luận” của Đạt Lai Đê Văn xứ Tây Tạng.

Đạt Lai là ai mà lại ví von cường điệu đến thế. Đạt Lai ví giống người như một cái đuôi sao chổi khổng lồ với hàng tỷ thế giới Trời, người, lớn bé khác nhau, xuất phát từ một nơi xa xăm nào đó và bay theo sức kéo đầu nậu của một lực mạnh nhất gọi là “ông Trời”. Chùm đại trà thế giới này trôi hoài tới một chón không có điểm tận cùng. Thân phận con người nằm trong đó, cứ mãi trôi theo dòng thời gian. Người ta sinh ra, lớn lên rồi chết đi. Người thì mang đức tin rằng chết là kết thúc của sự sinh ra và sinh ra là bắt đầu cuộc hành trình của sự chết. Chết và tái sinh sẽ diễn tiến lập đi lập lại từ vô thủy đến vô chung. Kẻ lại tin tưởng rằng chết để lên Trời và được sống đời đời trong bàn tay cứu rỗi của đấng toàn năng. Kẻ khác lại cho rằng chết là hết.

Đời người cũng như bọt bóng xà phòng, sinh ra và biến mất chẳng còn lưu lại một dấu vết nào cả.

Bên cạnh lớp người không bản khoăn thắc mắc, cũng có bao nhiêu người ngạc nhiên tự hỏi: “Đời người có ý nghĩa gì? Đời sống chỉ là cuộc chơi tình cờ của một thế lực vô hình và bí ẩn không ai hiểu mà người ta tạm gọi là 'Tạo Hoá' hay đời người còn mang một ý nghĩa nào khác?” Đó là một ẩn số chưa ai giải ra cho nên thế giới hữu hình của con người tự do gọi tên và minh họa. Vì ẩn số không có đáp số nên chẳng có ai sai mà cũng chẳng có ai đúng. Giữa chôn mịt mù, có người im lặng để chiêm nghiệm và suy tư. Có người gắng giải thích và truyền đạt để cô giúp cho người khác hiểu điều mình không hiểu. Có kẻ lại tranh cãi hơn thua về cái bóng tối phía mình dày đặc hơn phía bên kia. Và chỉ trong bóng tối mịt mù con người mới tha hồ vẽ. Vẽ chân dung trong bóng đêm thì thần thánh hay ma quỷ đều giống nhau vì chung quy cũng chỉ là bóng tối. Rồi khát khao như người đi trong sa mạc tìm thấy ảo giác về dòng sông xanh trước mắt, họ nhìn bóng tối để tưởng tượng ra hình, ra dáng, ra những điều khôn ngoan, lý thuyết hay ho. Nhưng đây chỉ là tiếng dội lại của khát vọng chính mình.

Trong cuộc phấn đấu trường kỳ đi khai phá những biên giới chật hẹp của hiểu biết giữa ước vọng vô biên nhằm giải thích câu hỏi truyền đời: “Ta là ai. Ta từ đâu đến và sẽ đi về đâu?” người người, hết lớp này đến lớp nọ, sáng tạo và kế thừa tri thức cùng ảo tưởng của nhau. Con người từ những thế kỷ trước thuyết phục những người trăm, nghìn năm sau rằng: “Ta đã về. Ta đã thấy...” Họ đều là những người chân thật nhưng lại thiếu can đảm để nói rằng: “Điều ta thấy... đã thấy gì đâu ngoài những ảo tượng mịt mù bóng tối!”

Giữa trưa Hè vắng tiếng ve, Phạm Xảo đọc những suy niệm của Đạt Lai Đê Văn xứ Tây Tạng nói với môn sinh về đức tin và ảo tưởng. Phạm Xảo hoài nghi: “Như thế có nghĩa là ông Đạt Lai đây sôi nổi này khuyên môn đồ phải hoài nghi tất cả những lý thuyết, triết lý, những đức tin của người xưa truyền lại?!” Còn nữa... Đê Văn ghi tiếp rằng:

Ông ta chẳng khuyên môn đồ mình chối bỏ hay chấp nhận. Ông chỉ kêu gọi học trò mình hãy tự mình cất bước, dò đường mà đi. Theo Đê Văn thì tất cả sao trời, ngày đêm, phương hướng, lý thuyết, sách vở, chuyện kể, tin đồn đều là phương tiện để nhìn ngắm và học hỏi. Dựa vào đó như người nương tạm thuyền trong cơn mưa lũ và thuyền nương tạm ghềnh đá trong cơn bão. Đứng để nó cuốn phăng mình đi. Tương tự như chiếc thuyền, như dòng

sông, như cỗ xe, như con đường, như ngọn đuốc... như tất cả mọi thứ vật chất trên đời, mọi kinh nghiệm sẵn có... đều là sản phẩm, đều là kinh nghiệm của người khác, của siêu nhân khác, của ông thần ông thánh khác. Toàn là một thế giới ngoài ta. Có mang khiếu linh hồn để rước thì cũng không thể nhập vào linh hồn ta được. Ta là ta. Chỉ có ta mới ở trong ta. Ta phải tự mình thực chứng lấy. Nhắm mắt hay bay lên trời; leo lên núi, nằm giữa đồng hoang hay quên mình trong thánh địa chỉ có ý nghĩa khi cách kiêu đó hợp với mình, tự mình làm trong tỉnh thức. Không đi mà đến, không động mà chuyển, không tự mình tạo ra mà chỉ ngửa tay cầu xin ân sủng của kẻ khác là điều phi lý, không hợp với lẽ công bằng và đạo lý tự nhiên của trời đất. Muốn có sự hiểu biết cần phải học, muốn có tài năng cần phải tu rèn tâm chí. Sự mâu nhiệm dù có hay không có thì cũng ở bên ngoài như biển cả bao la, như sông dài vô tận. Muốn đến bến, thuyền phải ra khơi, phải giương buồm, phải chèo chống. Thuyền để mặc cho nước trôi là thuyền tự biến thể năng động của mình thành thể bị động của thân gỗ mục. Không ý thức, không hành động, không cầm bánh lái thì dầu cho sự hiển linh hay phép lạ từ tin đồn muôn năm mang lại cũng chỉ là niềm ước mơ mà đích cuối cùng là sự phó thác cho một định mệnh có khi chỉ là những đam mê đầy hoang tưởng như đêm dài trên mặt đất hoang vu.

Đến lượt Phạm Xảo không tán đồng. Tiếng phản kháng dấy lên tiếng từ trong tâm thức: “Vậy thì ông Đề Văn ấy cũng tự cho mình chỉ là con số không trên hướng đi của đám môn sinh hay sao? Bất quá, ông ta cũng nhai lại sách vở của người xưa và mớm lại cho đám môn sinh ngoan ngoãn ngày hôm nay những gì ông đã học hay bắt chước được. Ông ta đã thực sự làm gì, tạo tác được gì bằng năng lực của chính ông ta và đám môn sinh đó?”

Chẳng có ai trả lời ngoài chính tiếng vọng từ bên trong: “Người muốn nói đến thứ giá trị nào? Giá trị cơm áo, giá trị tinh thần hay giá trị làm người?” Ở, mà dầu cho giá trị nào đi nữa thì ông ta cũng làm được điều mà chính ta không làm được. Đó là một thái độ bất chấp, nhưng rất khiêm tốn, không gào thét phản bác ai cả, chỉ độc lập nhắm cho mình một hướng đi. Ông ta cũng là người can đảm vì không tìm cách dấu quanh cái bất lực của mình mà thẳng thắn nói với học trò về những ngõ cụt tư tưởng xung quanh mình hay của chính mình để cùng nhau đi tìm một con đường mới.

Phạm Xảo ném cuốn sách lại trên giá và bước ra khỏi phòng sách. Trí Hải đang làm vườn. Một hình ảnh tuyệt đẹp làm Phạm Xảo ngừng lại trên hành lang nhìn qua cửa sổ. Trí Hải chống cuốc nhìn nắng mai một cách đam mê. Có quá nhiều góc khuất sau vẻ nhìn lặng lẽ ấy. Năng ướm sương bèn bồng

như lửa thê. Rồi nằng đến và nằng đi chẳng vương lại một sợi mỏng manh nào.

Ông già Phạm Xảo đến từ phía sau, bước trên cái bóng trải dài của Trí Hải. Ông lão đã dần quen lối nói chuyện tự nhiên, đơn giản, không thừa bảm rào trước đón sau đầy lễ nghi phiến toái dành cho một ông hoàng:

- Hoàng thân à! Thế bao nhiêu năm vây màn đọc sách người đã tìm ra được những gì?

Sự ngạc nhiên của ông già dâng cao khi Trí Hải không ngoái lại mà trả lời buồn buồn trong giọng nói:

- Nhiều điều thú vị lắm, nhưng khổ nỗi là chưa tìm ra được chính mình!

- Thật lạ lùng. Hoàng thân đi tìm chính mình?

- Phải. Thế lão huynh có biết chắc mình là ai không?

Ông lão im lặng nhìn quanh. Thật ngộ nghĩnh khi có người hỏi một câu hỏi gần gũi, đơn giản đến ngỡ ngàng như thế. Nhưng sao lại khó trả lời đến vậy. Ta là ai? Thì ta là ta! Thế nào là ta? Ta là một động vật có hai chân, là một cây tre nơi làng quê sinh ta ra, là một nhân loại có tư duy, là một công dân lương thiện, một lão tướng hết thời... Ông lão cố đào bới tất cả những gì về mình mà người khác đã nói, cũng như chính mình nghĩ và thấy. Nhưng cái mớ thông tin hỗn độn ấy chỉ tạo ra được một hình nhân kỳ cục. Nó gần gũi như đang thở với ông cùng một xoang mũi, nhưng cũng vừa xa lạ với chính ông. Có vẻ như Có chẳng đó là cá “ta” thật sự của ông già. Ông nhìn nó và muốn bật cười. Một thằng người quá lạ lẫm. Nó vừa mang một chút nhân dáng về ông, vừa không phải là ông. Ông vừa muốn ôm nó bầu bạn, nhưng cũng vừa muốn tống khứ nó ra khỏi đời mình. Ông lão bỗng trở nên thất vọng và nói với vẻ trịnh trọng một cách bất ngờ:

- Xin hoàng thân làm ơn, đừng hỏi tôi câu đó nữa. Tôi chẳng đáng là gì cả để cần phải xác định mình là ai bằng cách thêm bớt kể lại tiểu sử đời mình.

- Vậy thì lão huynh càng phải cố nhìn mình cho rõ hơn để đập vỡ cái ảo tưởng về mình đi.

- Hoàng thân đã đập vỡ được cái vỏ ảo tưởng ấy chưa?

- Chưa nhiều. Nhưng đang cố gắng từ sau lần cuối từ già sư Trúc Lâm.

Phạm Xảo âm thầm nghĩ đến mình. Cả tuổi thanh xuân ngang dọc đánh thắng không biết bao nhiêu trận lớn nhỏ, quật ngã không biết bao nhiêu kiện tướng đối thủ mới được lên hàng tướng quân. Nhưng đánh thắng chính mình để đập vỡ lớp vỏ vô hình thường xuyên bao bọc mình, để hiểu mình thật khó. Khó vì không nghĩ đến và không màng đến hay khó vì bất lực và xa vời. Với sự đảm lược của con nhà tướng, ông tin rằng, sau cùng ông sẽ thắng cái trận chiến vô hình, không gian nguy nhưng cũng đầy gian khổ đó.

Ngọn gió mát hiêm hoi của một buổi chiều mùa Hạ đánh thức những hàng cây rủ lá. Lá không tươi nổi để xào xạc với nắng chiều. Ông lão dợm đi nấu cơm, nhưng Trí Hải đã ngăn lại:

- Chiều nay ông đình trường Thái áp mời dùng cơm chiều và họp cúng Thần Nông để cứu mấy nghìn mẫu ruộng đang bị khô hạn và sâu rầy. Sắp chiều rồi, chúng ta cùng đi thôi.

Dọc đường đến đình Thái áp, biển lúa đang trở đòng đòng hai bên đường như co rúm lại. Màu xanh mượt mắt của đồng lúa chuyển dần sang màu xanh lam trắng đục mà người nông dân quen gọi là “bị bạc.” Trên đồng những cặp vợ chồng nông dân đang còng lưng, luôn chân nhún những cái vò trên chong chóng cần phải quay đều để kéo lê dòng nước đục khè, yếu ớt từ thửa ruộng thấp lên thửa ruộng cao. Cái “xe đạp nước” là phương tiện cổ xưa để đưa nước vào ruộng, không ai rõ nó đã được chế tạo lần đầu từ bao nhiêu trăm, ngàn năm hay thế hệ trước. Ruộng Thái áp, tuy có đất màu mỡ nhất vùng nhưng vẫn không thoát khỏi mô thức tiểu nông làng xã đã có từ lâu đời. Mỗi thửa ruộng là một hình ảnh của tâm lý tiểu xảo. Sự phân biệt giai cấp từ trong tâm lý xã hội làng xóm nhỏ bé đã thể hiện thành sự chia cắt những mảnh ruộng lớn nhỏ cao thấp từ nhất đẳng điền đến hạ đẳng điền. Mỗi thửa ruộng nhỏ là một bồn chứa nước mong manh nuôi lúa. Chỉ cần một cơn nắng hạn kéo dài, những con rấn, con lươn, con cua đồng đào hang thông qua hai bờ ruộng thì cái bồn nước tạm bợ đó sẽ bị cạn kiệt hay rút thoát dễ dàng. Ruộng sẽ khô, lúa sẽ chết, người nông dân sẽ lâm nguy.

Năm nay, ngoài nạn hạn hán khắc nghiệt, lũ sâu, rầy, bọ xít là đại hung thần của người nông dân từ đâu kéo đến. Chúng ùn ùn sinh sôi nảy nở như vãi trâu trên đồng. Người nông dân còng lưng chống hạn với mồ hôi, còn phải sôi nước mắt để chống sâu rầy. “Sôi nước mắt” không phải chỉ là chuyện nói cho có vắn có điệu mà đây là một hiện thực rất chua cay. Để đuổi lũ sâu rầy

ra khỏi ruộng, nông dân phải càn quét như đánh giặc. Cỏ khô, rơm khô xông lửa; tranh tre, rác rến hun khói; ốt bột, cám trấu, muối sống, tiêu hành gây cay đều dòn ra ruộng đốt lên để xua đuổi sâu rầy rộ lên nhưng rồi tắt ngấm. Sức người, sức của có hạn mà lũ côn trùng ác sát lại sinh sôi nảy nở như vô cùng. Trong tuyết vọng, con người khốn khổ chỉ còn hướng chút hy vọng le lói vào phép lạ của thần linh.

Đình trưởng Thái ấp không cần kể lễ dài dòng nhưng tất cả gia trưởng Thái ấp có mặt đều đã hiểu rõ tình hình nguy cấp của đồng lúa đang bị hủy diệt. Mọi người nóng lòng chờ đợi quyết định của chủ nhân Thái ấp. Trí Hải ngồi giữa hội người dân Thái ấp thân thương. Ông ngồi đó mà hồn thì bay bổng đâu đâu tận những đồng lúa mì phì nhiêu chín vàng của nước Pháp. Thời gian ở Pháp với danh nghĩa phò tá cho hoàng tử Cảnh, Trí Hải đã đi qua những cánh đồng nho, đồng lúa mì từ Ý sang Anh. Ông tận mắt nhìn những nông cụ mới lạ, những loại phân bón được chế biến gọn nhẹ mà có hiệu quả rất cao, những loại thuốc trừ sâu rầy xịt ra từ những chiếc bình nén hơi xách tay mà đuổi được hết lũ sâu rầy ngay trước mắt. Người bên Tây làm ít mà hưởng nhiều vì hiệu quả sản xuất rất cao. Người bên mình thì ngược lại, làm nhiều mà hưởng ít vì mọi gánh nặng chỉ có hai bàn tay trần và bắp thịt của vợ chồng con cái với dăm ba cái dao, rựa, cào, cuốc... thô sơ. Trí Hải thấy mà không nói được vì chẳng ai nghe. Và dẫu có chẳng người nghe thì cũng như cảnh nàng tiên đóng tuồng hát. Xiêm y dẫu rực rỡ mà không có phép lạ thì cũng chỉ cứu nhân độ thế bằng dăm câu nói ngọt ngào duyên dáng mua vui.

Đám đông vẫn thường mang hai loại tâm lý: Tâm lý cá nhân và tâm lý tập thể. Khi giữa một đám đông có tâm lý tập thể làm chủ, con người có thể đang nghĩ theo lối của mình nhưng lại cần nói theo ngôn ngữ của tập thể. Ngôn ngữ tập thể trong những tụ điểm của cao trào quần chúng thường có vẻ coi trọng sự hợp tình mà xem nhẹ sự hợp lý. Những ý kiến cá nhân đơn lẻ không trôi xuôi theo dòng chảy chung rất có thể bị xem nhẹ hay trở thành phản tác dụng. Thậm chí, lời trung nghĩa sẽ thành lời phá hoại; lời chí tình sẽ thành lời trở cờ chống lại đám đông. Lịch sử nhân loại đã cru mang nhiều biến cố tâm lý đám đông như thế để tạo ra những anh hùng cảm tính, một loại anh hùng thời thế té tận. Trong cảnh tranh tối tranh sáng, loại anh hùng tượng đài thời thế đó chỉ cần một vóc dáng đường bệ và một lịch sử oanh liệt sáng tạo màu mè, dẫu mơ hồ cũng chẳng ai tra hỏi. Anh hùng tượng đài trong lịch sử nhân văn sá chi chuyện có thật hay không một con người thật.

Trước sự đe dọa nghiêm trọng của nạn khô hạn và sâu rầy đang đốt cháy và thiêu hủy mùa màng, người nông dân sẽ tôn xưng là anh hùng, là chí thánh cho những ai giúp họ cứu mùa. Người đình trưởng vẫn gào lên chế ngự đám đông toàn cả người nói mà có quá ít người nghe. Sau cùng thì ông đình trưởng lên tiếng. Ông ta khôn khéo ca tụng oai Trời, ơn Vua, lộc nước và ân đức của Hoàng thân chủ Thái ấp. Chiến thuật tiên quân của đình trưởng chẳng làm ai ngạc nhiên khi ông cung kính thi lễ trước mặt Hoàng thân chủ Thái ấp. Ông dâng ý kiến xin tháo khoán toàn bộ kho lúa dự trữ phòng xa quanh năm của phủ ông Hoàng. Tận dụng hết cả ba kho lúa dự trữ, đủ để đổi lấy phương tiện cứu lúa và tổ chức Đại Trai Đàn Bạt Độ Giải Oan cho âm siêu dương thái để cầu mưa giải hạn. Việc lập đàn cầu mưa là một tín lý mơ hồ. Nhưng khi đời sống trở trụ không còn hy vọng thì người ta phải dựa vào ảo ảnh và ước mơ. Một đời sống có ước mơ cũng như hôn nhân có tình yêu, người ta sẵn sàng hy sinh cái đã có giới hạn trước mắt để đổi lấy cái sẽ có đầy ước mơ và sáng tạo bao la hơn. Trong bầu không khí nghiêm trọng trước mặt con dân Thái ấp, Trí Hải đứng dậy, đối diện với đám đông và trả lời ngắn gọn, miệng mỉm cười đầy vẻ bao dung che chở:

- Được!

Trí Hải nghe nhiều hơn nói vì hiểu rằng đám đông cần sự đóng góp hào phóng; cũng như người hầu cận cần nhận lời khen và ban ơn thực tế hơn là những lời phát biểu hoa mỹ. Lời nói lời trang điểm làm vui tai người nghe. Trong lúc nguy khốn không có gì giá trị bằng một tiếng “được” xả bỏ, không dính mắc với khối nam châm vật chất trong tay và giữa đời.

Trên đường về, Phạm Xảo lên tiếng:

- Cho tháo khoán hết cả ba kho, thì còn đâu lương thực để dự trữ. Lỡ khi cần đến là chịu bó tay!

Trí Hải dường như không quan tâm, trả lời hờ hững:

- Lúa thu của họ thì trả về cho họ. Mình không được mà cũng chẳng mất. Có thu thì có phát; có vay thì có trả. Mình vay mà bắt người khác trả là trái luật công bằng. Đây là lúc phải trả.

- Chỉ sợ trắng tay thôi.

- Khi huynh bơi chung mảnh ván qua sông với ông vua tương lai qua Rạch Gầm, Xoài Mít chắc là còn trắng tay hơn chúng ta bây giờ nữa.

*

Đại trai đàn “cầu vũ, tống ôn” diễn ra rầm rộ ba ngày, ba đêm trước sân đình Thái ấp. Tám ông trưởng họ trong Thái ấp ăn chay nằm đất từ mấy hôm trước, thường xuyên phủ phục trước các án thờ, sẵn sàng cung nghinh dâng lễ bái bất kỳ lúc nào hội Hội đồng nghi lễ cần đến. Suốt ngày tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng mõ, tiếng phèn la, tiếng người lĩnh xướng hành lễ... lúc nhanh lúc chậm, lúc dày lúc thưa cứ nối đuôi nhau chạy vòng vòng không dứt. Đêm đến, tiếng sênh, tiếng trống nhịp, tiếng kèn, tiếng đàn của phường lễ nhạc càng nghe rõ mồn một xuyên qua những cánh đồng vắng.

Đặc biệt nghi lễ tống ôn lần này không chỉ nhằm đưa tống dịch bệnh sâu rầy như thường lệ mà còn một hiện tượng bất thường, đó là lễ “tống kỳ ôn”. Trí Hải ngẩn người khi thấy xuất hiện trong nghi thức hành lễ một hình nhân đan bằng tre nửa với tóc tai, trang phục kiêu Trung Hoa. Hình nhân mặc áo đỏ, chít khăn vàng và mang bên vai một bao may bằng vải gấm có khắc chữ “Hàn Kỳ Gia Bảo” màu trắng nổi bật trên nền đen. Hình nhân được cột trói chằng chịt và bị bốn người mặt mũi tô vẽ ghê rợn như quỷ sứ, mỗi người kéo một tay hay một chân và lôi hình nhân đi xềnh xệch. Hình nhân vừa đi chuyển theo sau ngọn đuốc lớn, cháy đỏ phần phật, vừa có toán người xung quanh ném bột chai, muối sống, bột trấu, mật cưa, chổi cùn... lên ngọn lửa, gây tiếng nổ lách tách, khói đụn từng hồi và ngọn lửa bùng lên đẹp xuống khi bùng, khi lụn.

Khi Trí Hải thắc mắc về nguyên nhân của loại lễ nghi mới mẻ và kỳ dị này, người đình trưởng Thái ấp giải thích rằng:

Từ sau Tết Nguyên Đán, có một người đàn ông Tàu nói rành tiếng Việt xuất hiện tại kinh thành Huế. Người này tự xưng tên là Hàn Kỳ Vương, dòng dõi Hàn Tín. Hàn tự xưng là một ông vua đánh cờ tướng đệ nhất kỳ vương trong thiên hạ. Bất kỳ đi đâu hay cả đến lúc ăn lúc ngủ, ông ta đều mang bao gấm bên mình. Trong đó đựng một bộ cờ tướng tối cổ, làm bằng “Tinh Huyết Thạch” là một loại đá sống đời và phát triển như sinh vật. Hàn Kỳ Vương tuyên bố rằng, ông ta chỉ đánh cờ với ai có sự nghiệp. Nếu thắng thì Hàn Kỳ Vương chịu mất bộ cờ gia bảo, truyền đời. Nếu thua thì phải giao trọn sự nghiệp cho Hàn Vương. Những tin đồn “chính quy lẫn du kích” và sự suy diễn, thêu dệt quanh bộ cờ cùng lời phóng đại về ma lực của chủ nhân bộ cờ ngày một sôi nổi và lan xa đầy tính huyền thoại và thách đố. Tin đồn cuốn hút người nghe đủ mọi lứa tuổi và mọi thành phần xã hội. Nghe để thỏa mãn tò mò cũng nhiều và nghe để loan truyền phóng đại thổi phồng tin đồn từ

mặt đất lên đến tận mây xanh cũng lắm. Tuy chưa ai tận mắt thấy được những quân cờ nằm im trong dãy gấm, nhưng người người kháo với nhau rằng, những quân cờ có khả năng tự di động và phát ra ánh sáng làm mờ mắt các kỳ thủ kém bản lĩnh. Lại có tin đồn là những quân cờ phải được nuôi và tắm trong máu của “tam sinh” trâu, dê, lợn hàng tháng.

Hàn Kỳ Vương kể đi kể lại lịch sử và dòng dõi của mình rằng, tổ gốc của ông ta là Hàn Tín, danh tướng khai quốc công thần nhà Hán. Năm 204 trước Tây lịch, giữa mùa đông lạnh giá bên bờ sông Hồng Cầu đóng băng, quân Hán đóng quân đợi tiết xuân sang để tiễn quân qua sông giao chiến với quân Sở. Đồi mạt với quân Hán, lập tuyến phòng ngự sau những dãy đồi tuyết phủ, quân Sở cũng đang án binh bất động chờ đợi và sẵn sàng nghênh chiến sau mùa lạnh. Đại nguyên soái Hàn Tín mô phỏng theo môn chơi Thiên Biến Vạn Hóa (Chaturanga) từ Ấn Độ, truyền qua Ba Tư theo đường tơ lụa đến Trung Hoa từ thuở tinh mơ của lịch sử, để chế ra môn Tượng Kỳ là tiền thân của Cờ Tướng. Suốt mùa Đông, quân sĩ nhà Hán chia phe chơi đấu cờ. Bàn cờ cũng là chiến trường thu nhỏ. Nhờ vậy mà quân của Hàn Tín tinh luyện được nếp suy nghĩ và un đúc được khả năng chiến lược và chiến thuật mềm dẻo và tài tình khi lâm trận. Khi mùa Xuân đến, quân sĩ của Hàn Tín đã tiến công và phá vỡ được trận tuyến của quân Sở, đem lại sự thắng trận vẻ vang cho quân Hán.

Thế nhưng mãi đến triều đại nhà Tống (960-1279), môn cờ tướng mới được canh tân và hoàn thiện, nhưng trên bàn cờ thì dòng sông giữa hai phe theo Tướng Điều hay Tướng Lát vẫn còn ghi dấu “Sở hà” và “Hán giới” của thuở sơ khai.

Một nhánh của dòng họ Hàn sản sinh những tay kỳ vương lẫy lừng trong thiên hạ và kế tục truyền từ đời này sang đời khác cho đến ngày nay.

Ngày ngày, Hàn Kỳ Vương cùng với các vệ sĩ và tay chân thân tín lũ lượt kéo đến khắp chôn trà đình tử điểm trong kinh thành. Càng không có người đứng ra ứng đấu, thái độ thách thức đầy kiêu mạn của phe Kỳ Vương càng tăng lên. Phe bình dân hay cờ, phe kẻ sĩ cao cờ, phe kỳ sĩ danh cờ, phe ẩn sĩ tuyết cờ... khắp kinh thành đều rùng mình im lặng trước thực tế và huyền thoại lẫy lừng của bộ cờ “huyết thạch” có lịch sử bách chiến bách thắng cả ngàn năm từ Trung quốc đem sang. Bộ cờ cũng là món gia bảo của dòng họ Hàn vua cờ trong thiên hạ.

Khi cán cân vũ khí đối kháng trên chiến trường quy ước không ngang sức thì hệ quả tất nhiên là một bên thắng và một bên thua.

Giữa sự im lặng kéo dài như nhận chịu, bỗng vang lên tin đồn rằng, chính Hàn Kỳ Vương và bộ cờ ma quái của ông ta đã mang lại sự xui rủi, thiên tai, sâu bệnh, mất mùa, đói khổ đang đe dọa trong vùng. Tâm lý đối kháng quần chúng thường là nguyên nhân tạo ra một loại vũ khí du kích mới...

Nhìn đám nông dân đang reo hò xua đuổi hình nhân “tổng kỳ ôn” và câu chuyện kể rạch ròi của người đình trưởng, Trí Hải xúc động. Những lớp áp bức của thần quyền, thế quyền, vương quyền và ngoại quyền thường xuyên đe dọa. Trong lúc trình độ thấp kém của quần chúng và sự lạc hậu của một nếp sống ao tù là vùng đất thánh cho những thế lực u ám đó nảy mầm, đâm rễ.

Đêm Thái ấp ủ kín dưới bóng cây lưu niên bốn mùa không rụng lá. Dinh ông Hoàng im vắng như lâu liêu trai dưới tàn cây xanh. Trí Hải không ngủ được, ra đứng ngắm trời. Đom đóm và sao khuya gặp nhau trên những đọt cây thông xa vút. Điểm gặp gỡ của hai đốm sáng là bóng tối. Nguồn sáng xa nhau nhưng lại hiển hiện gần nhau trên đọt thông già và trong mắt người đứng ngắm. Vì sao đêm, con đom đóm nhỏ, rặng thông già, đêm tốt và người đứng ngắm là những cái duyên vừa khởi lên trong một sự tình cờ mà hoà điệu. Tất cả hiện và biến rất nhanh như một cuộc cờ. Trong dòng sông trôi mãi về phía trước, sẽ không có hai cuộc cờ lặp lại. Trong thân phận làm người, không có hai cuộc đời giống nhau.

Trí Hải mơ hồ nghĩ đến mình, nghĩ đến những gì không phải là mình và nghĩ đến một cuộc cờ cuối cùng khó tránh khỏi. Dường như cũng đồng tâm trạng với những tay cao cờ khắp xứ, Trí Hải và Phạm Xảo đều cảm thấy như mình đang đối diện với một cuộc chiến vô hình đang diễn ra trước mắt. Hàn Kỳ Vương đang xua đại quân đến giang sơn bờ cõi của mình để khiêu chiến. Im lặng là mặc nhiên chấp nhận đầu hàng, thua cuộc. Nhưng chiến đấu với một địch thủ có binh lực bách chiến bách thắng, đầy khí thế hiên hách vừa cả uy, lại vừa cả vũ như thế kia thì làm sao địch lại. Bàn cờ là một chiến trường quy ước, binh tướng quân phân, ranh giới rạch ròi. Voi, ngựa, tướng, sĩ đều phải nhất nhất tuân theo những hành động tiến thủ đã thành nguyên tắc. Sức mạnh dồn tụ lại để tranh thắng nằm ở bản lĩnh điều binh khiển tướng của hai tay “phù thủy” được gọi là kỳ vương, kỳ thủ, kỳ sĩ... ra sức khuynh loát làm chủ chiến trường.

Bên cạnh bàn cờ những ngày sau đó, Phạm Xảo có lần hỏi Trí Hải:

- So với Âm Thuyền, hoàng hữu cao hay thấp?

Trí Hải hồi tưởng và trả lời:

- Ý huynh muốn nói cao thấp có nghĩa là ăn thua hay cao thấp về cái tâm, cái trí và cái đạo của người chơi cờ?

- Nói chung ấy mà.

- Cuộc cờ là cuộc sống, có muôn nghìn vẻ khác nhau. Có đất tranh nhưng không có đất chung giữa những con người chấp ngã. Người chơi cờ chỉ cốt sát phạt ăn thua nhau là Hài Kỳ (hành trạng của loài khí, loài vượn ham ăn và bắt chước). Chơi cờ như một cách thực hành điều binh khiển tướng là Tượng Kỳ. Chơi cờ như một cách biểu thị cái ngã khoáng đạt, cái nhìn phiêu dật của mình là Tiên Kỳ và chơi cờ như một sự thể hiện cái tâm rộng lặng, cái chí an nhiên của mình là Đạo Kỳ.

Ông lão suy nghĩ một hồi về “cái đạo đánh cờ” và nói khó:

- Đánh cờ như đánh giặc, thắng người hay bị người đánh thắng; sát người hay bị người sát... làm gì có quân tử và tiểu nhân trên bàn cờ khi hai bên đều thủ thắng.

Sau câu nói đó, không có tiếng trả lời. Phạm Xảo nhìn quanh và nhìn qua Trí Hải thì thấy ông ta đã ngủ, miệng lộ nét mỉm cười như đang nói: “Biết rồi! Xưa nay vẫn thế!”

---o0o---

Chương 05 - Nhập Cuộc

Sau tiếng leng keng của cái chuông gió ngoài cổng chính báo hiệu có khách đến, người hầu cận nữ vào trao cho Trí Hải tấm thiệp đỏ được trang trọng bọc bằng một lớp giấy hoa tiên nền vàng. Thư pháp của người viết có vẻ như học đòi những nét đá, nét móc, nét nhấp nháy tài hoa và bay bướm của Vương Hy Chi. Văn phong biểu lộ một tinh thần vừa trang nhã, vừa phóng khoáng mà không kém phần lịch lãm một cách đầy quyết đoán. Cuối thư ký tên là Hàn Kỳ Vương.

Trí Hải như đã mơ hồ thấy trước nên không có gì ngạc nhiên. Với một nội dung rất ngắn trong thư, Hàn Kỳ Vương bày tỏ lòng hâm mộ khi được nghe danh Trí Hải là một danh sĩ và cũng là một kỳ sĩ của đất Thần Kinh, nên xin đến ra mắt thăm viếng nhân dịp Nam du. Tấm thiệp nằm trên chiếc khay cẩn xà cừ như một tột hậu thư không riêng với Trí Hải mà chung cho cả hàng danh sĩ kinh đô đang im hơi lặng tiếng. Trí Hải phúc đáp: “Thuận. Trân trọng kính mời.”

Khách đi rồi, Phạm Xảo đến gặp Trí Hải, bình luận đầy vẻ kích động:

- Hàn Kỳ Vương thật là tự tin quá đáng. Hắn ta dám đến tận cả phủ đường này để khích thân, dụ tướng nữa sao! Hoàng thân đã nhận lời chưa, chiến hay hàng?

- Chỉ là một cuộc chơi hơn thua qua trò thủy chiến trong ly nước lạnh mà thôi. Có gì đáng để quan tâm chuyện chiến hay hàng!

- Hoàng hữu ơi, đấu trường tri thức cũng như chiến trường gươm giáo. Chồn gió tanh mưa máu đó, đâu phải là tình trường để nói việc ân tình, nhân nghĩa đã chứ.

- Huynh từ giã chiến trường đã lâu mà cuộc giao tranh vẫn còn tiếp diễn trong lòng huynh dữ dội đến thế à? Không lẽ kiếp sống này chỉ là một chuỗi những cuộc chém giết được biến tướng dưới muôn vàn hình thức và sẽ không bao giờ kết thúc sao huynh?

- Có lẽ tôi đã quen với số phận một mất một còn ngoài chiến trận. Thà chết vinh hơn ừ té chạy thoát thân trong lúc nguy khốn để sống nhục là bản lĩnh đầu tiên của con nhà tướng. Ta phải đánh bại tên kỳ ôn đó hay ta sẽ bị hắn đánh bại là điều làm tôi không ngủ được trong lúc này. Hoàng thân có cao kiến gì không?

- Không. Chẳng có gì quan trọng.

- Vậy là chúng ta chấp nhận thua?

- Có đánh thì có hơn thua. Không đánh thì không hơn thua.

- Như thế có nghĩa là Hoàng hữu không muốn nhúng tay vào để giải quyết cuộc cờ này?

- Nếu chỉ để hơn thua thì không. Nhưng nếu để chấm dứt cuộc cờ thì có thể...

- Ngày xưa tôi cũng thuộc loại hay cờ, nhưng có lẽ so với Hàn Kỳ Vương, tiếng tăm vang danh thiên hạ như thế thì tôi e mình không đủ sức. Giữa cuộc đời biết mình biết người đã khó, trên bàn cờ biết ta biết địch lại càng khó hơn. Những kiện tướng cao cờ thì tay địch một quân cờ nhưng trí đã nghĩ ra cả mười đường công thủ. Tôi nghe từ thời ám Thuyền chưa bị hành hình, Hoàng thân là đệ nhất kỳ thủ trong năm người đánh cờ hay nhất, gọi là “kỳ vương ngũ hiệp,” của đất thần kinh phải không?

Trí Hải lắc đầu:

- Ván cờ hay nhất là nửa ván cờ hòa.

Phạm Xảo hiểu câu nói ấy theo ý mình và lẩm bẫm: “Lạ thật! Có trận quyết đấu nào mà chẳng có ai đau, có cuộc cờ nào mà không có người thua kẻ thắng. Để ta nằm trong địch và địch nằm trong ta là một diệu pháp hay là một sự lạc lối vô hình khi biên giới giữa ta và người biến mất?”

Đến ngày hẹn, Hàn Kỳ Vương cùng nàng hầu thiếp xinh đẹp và ba vệ sĩ đi sẵn bên ngoài được mời vào Thái Ấp.

Hàn Kỳ Vương vẫn đeo bên mình bộ cờ gia bảo đựng trong dây gấm thêu thùa rực rỡ. Khác với nét thư pháp phóng khoáng và lối viết đầy uyển ngữ trong thiệp, Vương đời thường là một người hơi thô cứng, đầy quyết đoán và đôi khi tỏ vẻ kiêu kỳ trong lối giao tiếp.

Quà ra mắt do người hầu thiếp trình trọng bụng trên hai tay là một đỉnh trà nhỏ nhắn, trong đựng một loại trà thơm mà Kỳ Vương gọi tên là Ô Long Kim Các. Vương giải thích rằng, trà Ô Long là một sản phẩm địa phương của quê ông bên Tàu. Trà Ô Long có mùi thơm dịu và vị ngọt trên đầu lưỡi sau chừng nửa tuần trà khai vị. Hương vị trà được xếp hạng từ thấp lên cao là Ô Long điền dã, Ô Long địa, Ô Long sơn, và Ô Long kim các. Trà Ô Long kim các là tuyệt phẩm của Ô Long. Nó mang tên như vậy vì mùa thu đông khi có tuyết, giống trà này được trồng trong những căn nhà lưới. Lá vàng mùa thu rụng xuống tấp thành lớp dày trên mái, có sắc vàng rực rỡ như những gác vàng của bậc đế vương.

Bên những chén trà bốc khói, trong bầu không khí yên tĩnh của căn phòng khách bày biện đơn sơ nhưng trang nhã và ấm cúng, những câu chào mời và thăm hỏi xã giao dửng dăng nghi lễ hình thức rồi cũng qua đi. Hàn Kỳ Vương vào đề mục chính của cuộc viếng thăm:

- Thưa Hoàng thân đại nhân, nhân dịp được viếng một nhân vật tiếng tăm như ngài, không dẫu gì đại nhân, tôi có mang theo đây một bộ cờ tướng rất quý hiếm của Hàn tộc chúng tôi. Bộ cờ này có từ cả nghìn năm trước và đã lay lừng ngang dọc khắp bốn phương trời. Bộ cờ được các danh sĩ kỳ vương tại Trung Hoa và quý lân bang chiếu cố dùng đến trong những ván cờ tuyệt đấu. Trong chuyến Nam du này, được đặt chân đến kinh đô của quý quốc, chúng tôi chỉ mong có dịp hầu cờ với các bậc chân nhân kỳ thủ. Nhưng đến nay hầu như vắng bóng. Hôm nay tôi mạo muội đặt chân đến quý tư dinh với lòng ước ao được hầu cờ với ngài đôi ba nước. Nếu đại nhân có nhã hứng chơi cờ thì xin được cùng ngài khai cuộc.

Trí Hải không quan tâm nhiều đến vẻ mặt hiu hiu, ra bộ nhún nhường nhưng đầy kiêu hãnh của Vương và những người xung quanh. Không quanh co, Trí Hải nói thẳng:

- Cám ơn Hàn gia đã quá bước đề thăm. Nhưng sơ kiến cũng là sơ giao. Mới gặp nhau mà đã tính chuyện hơn thua thế này thì e rằng có vẻ hơi vội vàng và hiếu động. Tôi vốn quý lòng hiếu khách chứ không chuộng hiếu động nên xin quý khách miễn lễ tiếp cờ cho.

- Cầm kỳ thi tửu vốn là cái thú tiêu khiển thanh lịch của hàng tao nhân mặc khách xưa nay chứ có gì nghiêm trọng đâu mà đại nhân ngại như thế?

- Thế có nghĩa là tin đồn rằng, Hàn gia chỉ dùng môn đấu cờ như một đạo quân chinh phục, chứ chẳng phải là một thú tiêu khiển thanh lịch như trong nghệ thuật cầm, kỳ, thi, họa, xưa nay là không chính xác hay sao?

Kỳ Vương chỉ nhắc lại một cách ngắn gọn rằng:

- Đây chỉ là một truyền thống có từ lâu đời. Thắng thì làm chủ bộ cờ tinh huyết thạch. Còn thua thì phải giao hết sự nghiệp về tay Hàn gia.

- Cả nghìn năm đi qua nhưng bộ cờ vẫn còn đó. Như thế có nghĩa là từ xưa đến nay chưa hề có một đấu thủ nào thắng để lấy bộ cờ ra khỏi tay Hàn gia?

- Thưa, đúng vậy. Chưa bao giờ có ai đánh bại Hàn gia cả!

- Theo Hàn gia, thế nào là sự nghiệp?

- Ai cũng hỏi câu này nhưng khái niệm sự nghiệp của chúng tôi có hơi khác. Thông thường người ta cho rằng sự nghiệp là những công việc to lớn, có ích lợi chung và lâu dài cho xã hội. Nhưng chúng tôi lại cho rằng sự nghiệp của một người là sự giàu có thật sự của người đó.

- Phải là phú ông, triệu phú mới là người có sự nghiệp chăng?

- Thừa không, triệu phú là người có nhiều tiền chứ không phải là kẻ giàu có. Khổng Tử, Lão Tử... là những người có sự nghiệp lớn lao nhưng chẳng ai để ý là các ngài đó có đồng xu nào dính túi hay không. Sự giàu có tính trên giá trị và phẩm chất thực sự của con người chứ không thể đo bằng tiền bạc.

- ...?!

Như hiểu được câu hỏi vừa dấy lên trong lặng im, Hàn Kỳ Vương vội vã khoác tay:

- Chỉ riêng với Hoàng thân thì chẳng có luật chơi hay quy ước nào cả.

- Vì sao không?

Hàn Kỳ Vương lim dim suy nghĩ một lát, ngó quanh những người xung quanh một lượt rồi trả lời, giọng có vẻ thành thật:

- Nguyên bộ cờ gia bảo của Hàn gia chúng tôi được làm bằng tinh huyết thạch. Đó là một loại đá sống đời. Đá tinh huyết cần có sự ăn uống và phát triển như một loài sinh vật cao cấp. Hàng năm đá phải được “ăn” một lần bằng cách ngâm vào huyết tươi ba ngày đêm. Thời xa xưa, đá được bón bằng huyết tươi của người trinh nữ. Nhưng kể từ 10 đời Hàn tộc trở lại đây thì hàng năm các quân cờ chỉ được ngâm trong huyết tam sinh thay vì trinh nữ huyết. Bên cạnh cái ăn, đá phải được “chơi.” Đá đã được đẽo thành quân cờ nên cứ đúng chu kỳ một năm, nếu chưa có trận đấu nào diễn ra, thì ít nhất là bộ cờ phải được bày ra một lần trước mắt một danh sĩ hay cờ tại nơi mà các quân cờ đang ngụ...

Trí Hải mỉm cười:

- Lúc này, tôi không còn quan tâm đến thú tao nhã đánh cờ mua vui, dù cho tôi hay cho Hàn gia cũng vậy.

Vương còn đang lúng túng thì Trí Hải đã nói tiếp với giọng lịch thiệp nhưng đầy khẳng quyết:

- Mớ đá vô danh được đẽo gọt thành bộ cờ gia bảo của Hàn gia đã phung phí quá nhiều máu lệ của người đời. Tôi chỉ có một ước mong công bằng là nếu thắng được mớ đá độc ác này, tôi sẽ ném nó về với nguồn cội sỏi đá vô tri của loài khoáng vật mà thôi.

Hàn Kỳ Vương giọng nửa như mời mọc, nửa như mỉa mai:

- Thật là đại hạnh cho Hàn gia chúng tôi được hoàng thân chiêu cố ra chiêu song đấu...

Một khoảng trống im lặng kéo dài sau lời Trí Hải. Không rõ người nghe ngạc nhiên hay xúc động.

Người phá sự im lặng đầu tiên là Phạm Xảo. Từ phía trong đi ra, ông già cúi mình thi lễ và đến trước mặt Trí Hải, đặt cả hai tay lên ngực với một cử chỉ hàm ý tạ ân. Dáng ông lão trịnh trọng theo kiểu cách của một đại thần lương đồng trong triều đình dưng sớ chém nịnh thần và được nhà vua “chuẩn tấu!”

Bỗng nhiên tiếng cười vang lên. Tiếng cười bật ra từ phía Hàn Kỳ Vương, lan qua đám vệ sĩ và truyền dần đến người tì thiếp xinh đẹp của ông ta. Tiếng cười như đánh động một nguồn cảm hứng dồn tụ lâu ngày, gặp phút hưng phấn đang bùng bùng trời dậy. Tiếng cười vang, to, rũ rượi, nghiêng ngửa của sự tức giận giấu dưới vẻ chan hoà hay nổi đau đớn làm ra vẻ thống khoái thể hiện qua những nếp nhăn trên từng khuôn mặt khô khan và gắng gượng của người cười. Gián tiếp như một sự thách đố, Hàn Kỳ Vương nói với Trí Hải:

- Thừa hoàng thân, ngài quả là một danh sĩ có khí tiết hiếm hoi thời nay ở đất thần kinh văn vật này mới dùng đại ngôn với Hàn gia kỳ vương như thế. Mong rằng lời nguyện khải khí của ngài sẽ không kết thúc bằng sự thất bại đau đớn mà tất cả những đối thủ của Hàn gia chúng tôi, không sót một người nào, đã lần lượt ném trái trong cả nghìn năm qua. Một lời hứa của ngài phát ra là số phận đã đặt trên bàn cân: Hoặc là bàn cờ tinh huyết thạch gia bảo của Hàn gia, hoặc Thái ấp của Hoàng thân sẽ bị biến mất khỏi cuộc đời này.

Đối diện với phía Hàn Kỳ Vương đang khích động như vừa bắt trúng mối cá lớn, Trí Hải nhấp chén trà Ô Long vừa mới được pha lên. Mùi trà dẫn trí tưởng tượng của ông về một phương xa. Sự an nhiên của Trí Hải càng thôi

thúc tâm trạng nôn nóng đang cháy bỏng trong lòng Hàn Kỳ Vương về một cuộc cờ sắp đến. Vương trịnh trọng lên tiếng:

- Chúng tôi từ phương xa lại, thủy thổ chưa quen, thời khí chẳng rõ. Vậy dám mong Hoàng thân đại nhân cho biết tôn ý về ngày giờ và địa điểm của cuộc gặp gỡ sắp đến.

Trí Hải xác định:

- Tiết trùng cửu. Đầu giờ Tuất. Gióng dò trên sông Hương.

Hàn Kỳ Vương bấm đốt tay, tính nhẩm, gọi hầu thiếp mang sách phong thổ ra dò kỹ lưỡng, rồi nhú mày lên tiếng:

- Ngày chín, tháng chín là ngày mưa lụt ít khi tránh khỏi hàng năm tại đất này, nên mới có câu: “Tối ngày trùng cửu không mưa. Cha con làm ruộng bán cày bừa mà ăn.” Lại thêm giờ Tuất thì trời đã tối mịt. Gióng dò trên sông Hương chòng chành khó khăn ổn định, làm sao chúng ta tìm được không khí hoàn toàn yên tĩnh để khỏi bị chi phối vào cuộc cờ?

Trí Hải trả lời thản nhiên:

- Cùng thuyền cùng hội, khó dễ chẳng riêng ai.

Vương như sợ bỏ lỡ cơ hội, lên tiếng:

- Phía Hàn gia chúng tôi xin đồng thuận. Vậy là còn đúng ba tháng nữa...

Lời hứa hẹn cho một sự đổ vỡ đã kéo màn lên. Bên được sẽ được luôn cả tiếng lẫn cả miếng. Bên thua sẽ thua sạch sành sanh. Dầu là mất bộ cờ gia bảo hay mất sự nghiệp cũng đều đồng nghĩa với khánh tận và địa ngục. Bi kịch của đời sống là ai cũng nghĩ rằng mình sẽ là người thắng cuộc sau cùng. Nhưng cơ hội bao giờ cũng chỉ là một nửa: Nửa ta, nửa người; nửa khách nửa chủ; nửa bàn cờ tướng và nửa ván cờ mù. Thua hay thắng kiểu Hàn Kỳ Vương là phải diệt đối tượng hay sẽ bị đối tượng diệt. Trí Hải hiểu rõ cuộc chơi và luật chơi. Đen trắng rạch ròi và không còn sự chọn lựa nào khác hơn là phải dấn thân để mở đường đi tới.

Tin Hoàng thân Trí Hải sắp đầu ván cờ gần như chung cuộc với Hàn Kỳ Vương là một đại biến cố đối với mọi người. Giới hoàng thân quốc thích coi đây như là một sự thử thách đầy quyết liệt đối với danh dự và thế lực của hoàng gia. Giới quan triều cảm thấy như đây là một cuộc chiến tranh đấu trí giữa hai nước. Giới sĩ phu thở phào vì không khí im lặng nghẹt thở của sự thách thức tinh thần được giải tỏa. Quần chúng thì nô nức đón mừng cuộc đấu như một phản ứng giải phóng mặc cảm thế yếu của ta đối với Tàu. Ván cờ quyết định số phận một mất một còn của Thái Ấp và bộ cờ tinh huyết thạch của Hàn gia bên Tàu lan rộng từ trong triều cho đến ngoài nội rất nhanh. Trong không khí thâm nghiêm của cung đình và nếp sinh hoạt phẳng lặng của một xã hội nông nghiệp, nguồn tin này bùng lên như một ngọn lửa rực rỡ làm lu mờ hết mọi thứ. Không một ai nghi ngờ phẩm cách cẩn trọng và tài năng thông tuệ của Trí Hải. Nhưng hầu như mọi người đều nơm nớp lo sợ trước sự ám ảnh của bộ cờ đầy huyền thoại và lịch sử đấu cờ siêu quần, vô địch của Hàn gia.

Những danh sĩ cờ tướng thần kinh và giới hoàng gia, sĩ phu... từ khắp nơi kéo về chốn thần kinh, cố tìm đến dinh ông hoàng để hiến kế, hỗ trợ, chúc lành cho Trí Hải. Lòng tự hào dân tộc ngủ sâu trong lòng nước bỗng vươn mình thức dậy. Một ván cờ tàn mua vui chẳng ai chú ý; nhưng một ván cờ quyết đấu giữa hai danh sĩ của hai nước lại trở thành một biểu tượng mới vượt ra ngoài biên cương cảm tính nhất thời. Những tấm lòng hào sảng mới đến sẵn sàng cho tất cả những gì mình có để chỉ mong được nhận một chút bóng dáng mình mơ. Nhưng tất cả đều thất vọng ra về khi cửa dinh vẫn đóng im lìm và người canh cổng cũng vắng bóng. Lá rụng đầy sân. Đèn nhà không thấp sáng.

Trong bóng tối và đèn chài soi cá hai bên bờ sông Hương, đêm đêm suốt cả mùa trăng, xuất hiện một chiếc đò lớn. Chiếc đò che kín mui, buồng chèo để mặc trôi lơ lững trên phía thượng nguồn sông Hương. Từ trong đò có tiếng trao đổi khi nhanh, khi chậm, khi đuổi dòn, khi cách khoảng rất lâu và có lúc thì thầm, lúc bay bổng đầy thống khoái của hai người đàn ông say sưa đánh những ván cờ mù. Đó là Trí Hải và Phạm Xảo đang luyện cờ như luyện kiếm. Bàn cờ và những thế cờ biến ảo của hai cao thủ nằm ở đâu đó vô hình nhưng hằn sâu trong trí nhớ. Những ván cờ mù đã tiếp diễn giữa Trí Hải và Phạm Xảo gần hết cả mùa trăng. Phạm Xảo trở nên sinh động, khi quyết liệt xông xáo như thời trai trẻ; khi trầm tư ẩn nhẫn như thuở hết thời. Những nước cờ biến hiện khi tấn, khi thoái, khi thủ, khi công... mang nguồn sinh lực năng động của trí óc về với ông già. Giữa mỗi cuộc cờ là một sự hiện hữu. Ông già tạm quên đi sự ám ảnh của ngày vĩnh biệt bên bờ sinh tử. Nỗi

ám ảnh lạnh lẽo khi ẩn, khi hiện trong góc tối trăm năm của đời người quanh tuổi bảy mươi.

Thế nhưng càng về sau, Phạm Xảo càng linh hoạt trong những cuộc cờ tập trận bao nhiêu thì Trí Hải lại càng thờ ơ trước những nước cờ thượng phong đầy ưu thế bấy nhiêu. Phạm Xảo càng trầm trở bái phục tài “đơn xa sát vạn, song mã công thành” của Trí Hải chừng nào, càng ngỡ ngàng thấy rõ tinh thần của vị hoàng thân lơ đãng gần như xuống dốc đến hồi thấp nhất.

Trong tâm thức trầm lắng và sâu xa, Trí Hải suy niệm về vòng lẩn quẩn của những ván cờ biến hiện không ngừng. Cũng vẫn những quân cờ tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã... điều động bởi những đầu óc bùng bùng chất lửa, hai đầu thủ mang hai cái tôi to ngút trời quyết đấu. Mỗi bên đều quay quắt trong biển lửa, cố thiêu sống nhau bằng những đòn cay độc nhất. Bên cạnh tài ba cao thấp, vẫn thường xuyên đối mặt với sự thăng trầm phi lý của hoàn cảnh rủi may; của tài năng được thời, thất thế. Kẻ thắng, người thua quân thảo nhau không khoan nhượng. Hết cuộc này, bày cuộc khác. Tất cả trôi đi và trở lại với cùng khuôn mặt tro lì ngày càng loanh quanh và mịt mịt.

Hai tay cao cờ đệ nhất như Hàn Kỳ Vương và Trí Hải gặp nhau, tất nhiên rồi cuối cùng cũng có người thua kẻ thắng. Bàn cờ không còn là nơi tiêu khiển nữa mà trở thành chiến địa chôn sống tình người. Rồi đây, Trí Hải là bại tướng không đất dung thân hay Kỳ Vương là kẻ mang tội làm điểm nhục gia phong vì không bảo vệ nổi bàn cờ gia bảo. Trí Hải như muốn ngộp thở khi nghĩ đến mạng lưới hệ lụy nhân sinh đang vây bủa lấy những con người. Có chăng một khung trời tự do trong cái cũi sắt vô hình nhưng không có lỗ thưa cho tâm hồn chui lọt đó.

Đến hết cuối mùa trăng tháng sáu thì Trí Hải không còn muốn nhắc đến những con cờ với Phạm Xảo hay với bất cứ ai. Ông trầm tư nghĩ đến những ván cờ một mình. Hết cờ rồi lại cờ. Đầu óc Trí Hải dày đặc với những con cờ, những cuộc cờ, những kẻ chơi cờ. Tất cả chọt biến và chọt hiện bèn bồng đầu đó. Cờ reo trong gió, cờ đeo vào mây, cờ lung lay theo trái chín, cờ rụng xuống với những giọt nắng quái và lá vàng đầu thu. Đêm mất ngủ vì cờ, ngày quẫn quại vì cờ. Những quân cờ quái ác vả vào mặt Trí Hải những đụng chạm mơ hồ nhưng rất thật. Những ván cờ độc chiêu hết đường công phá xoắn lấy căn não không chịu buông tha.

Đã qua nhiều đêm Trí Hải dần hết khả năng tinh thần và trí óc như một thiền sư để quán niệm về... cờ. Một nước cờ biến ra thành 10 nước khác.

Mười nước cờ khác lại biến ra thành một trăm, một nghìn, một vạn, một muôn, một triệu, một ức, một khối... và cứ thế Trí Hải suy niệm đến 100 lần, cứ mỗi lần sau nhân lên gấp 10 lần trước. Nhưng phía đối thủ vô hình bên kia vẫn quyết liệt đón đầu phản công theo mỗi nước. Hai bên vẫn giằng co nhau không phân thắng bại. Trận quyết đấu âm thầm nhưng dậy sóng ba đào khủng khiếp trong lòng Trí Hải.

Hết suy tư về chiến thuật, chiến lược, Trí Hải lại thả trôi nguồn suy tưởng của mình về triết lý đánh cờ. Mỗi lần trôi dạt miên man như thế, Trí Hải lại nhớ về Paris, nhớ những ngày đánh cờ Tây với hoàng tử Cảnh, nhớ những ván cờ xóm đêm với giới thợ thuyền lao động quanh hè phố, mù trời khói thuốc Gaulois. Có hẹn từ đầu non lịch sử hay không hẹn mà gặp. Cả hai bộ cờ Tây và cờ Tàu đều có 16 quân cờ cho mỗi phe lâm trận. Cờ Tây 8 lính, cờ Tàu 5 lính. Ngự tại bản doanh thì cờ Tây có một vua và một tể tướng, cờ Tàu có một tướng và hai sĩ. Cờ Tây và cờ Tàu đều có 3 cặp voi, ngựa, xe. Cờ Tây không có súng mà cờ Tàu lại có súng. Vua, tư lệnh chiến trường trong cờ Tây, rất năng động và xông pha tung hoành trên mặt trận; trong khi Tướng tư lệnh chiến trường trong cờ Tàu hầu như bị giới hạn ràng buộc tại bản doanh. Lính trong cờ Tàu sang sông để mà hy sinh, bỏ mạng. Lính trong cờ Tây có cơ hội được vinh thăng lên hàng tướng lãnh nếu chiếm lĩnh được những vị trí chiến lược sau cùng trên đất địch.

Trí Hải nghĩ đến cái gốc của cờ tướng phát nguyên từ Ấn Độ, qua Trung Đông, đến châu Âu từ thời trung cổ. Đất Ấn là chiếc nôi của những nguồn lý thuyết siêu nhiên thần bí phương Đông và cổ Hy Lạp là chiếc nôi của lịch sử thần thoại phương Tây. Cờ tướng là một trò chơi tinh thần và trí tuệ để kéo con người và thần linh trở về với thực tại của cuộc sống. Đối mặt nhau trên bàn cờ là đối mặt với sự suy tư và sáng tạo. Vì có suy tư và sáng tạo nên con người mới hiện hữu và kéo được thần thánh từ thiên giới trở về trần. Trò chơi “thiên biến vạn hóa” này rất gần với quan niệm “ngã sở, ngã tính” trong nhiều môn phái triết học nguyên thủy của Ấn Độ từ thời xa xưa, trước cả khi Phật giáo ra đời. Nó thay hình đổi dạng linh động theo hoàn cảnh mà không khư khư bám trụ vào cái “Ta - ngã sở” nguyên thủy của mình. Trò chơi biến hóa như một loài bạch tuộc ma trơi, không có một định tính rõ ràng mà có thể thay hình đổi dạng biến hiện không ngừng. Khi đến đất Tàu, nó thành Tượng Kỳ, qua Nê Pan, Tây Tạng biến thành “Bụt Chi” (Buddhi Chal), vào Nhật thành Tướng Kỳ (Shogi), sang Thái thành Mã Khúc (Makruk), tới Đại Hàn thành Hàn Kỳ (Jianggi)... Trí Hải suy nghĩ về sức mạnh và tài năng của những tay cao cờ tuyệt luân, những kỳ vương Bắc đẩu.

Những tay cờ dòng dõi Hàn gia tiếp nối nhau đánh bại thiên hạ từ đời này sang đời khác là do đâu? Câu hỏi cứ lẩn quẩn như một ẩn số không có lời giải. Xưa nay, những nhân vật lẫy lừng trong thiên hạ ngoài tài năng kiệt xuất, còn phải có thủ thuật và bí mật chinh phục, thủ thắng khó so bì. Cờ tướng vừa là một cuộc đấu khả năng vận dụng cực kỳ linh hoạt và bén nhạy của trí; vừa là một cuộc thử thách quyết liệt sự kỳ diệu của tâm. Tâm an tĩnh thì trí siêu thoát; tâm bán loạn thì trí mê cuồng; tâm sâu hiểm thì trí tà độc. Thế nhưng, những chiến thuật và chiến lược trong cờ tướng: kế sâu, mưu hiểm, đòn ma, chước quỷ đều được tận dụng. Quỷ kế của ma vương hay kỳ mưu của bậc thánh đều được khâm phục trong thuật chơi cờ tướng, miễn sao đạt chiến thắng sau cùng là thành công, là đánh bại được đối phương. Người ta quan niệm dễ dãi như thế vì thù địch và xương máu trên bàn cờ chỉ là giả ảnh của cái đa mưu túc trí ở giữa cuộc đời. Cái chết sẽ sống lại và sự chiến bại có thể phục thù. Nhưng trận cờ quyết đấu với Hàn gia là con đường mòn một chiều qua núi vì hai đối thủ trên bàn cờ sống thật và chết thật, dù sống chết dưới hình thức nào đi nữa thì một đi là mất lối quay về. Chết rồi không sống lại và chiến bại không còn cơ hội phục thù.

Những đêm sâu quán tướng về cờ giúp Trí Hải mở dần những vòng trói buộc của những thế cờ trong trí tướng. Những thế cờ kim cổ ghi trong sử sách như Kỳ Diệu Thư, Tượng Kỳ Bí Sử, Diên Tử An, Quát Trung Bí, Mai Hoa Phổ... là những thánh thư binh pháp của Trung Hoa trong cờ tướng. Đó là những truông hiểm, ghềnh sâu, vực thẳm, huyết địa, điềm xoáy của dòng sông trôi chảy. Và đó cũng là những cảm nang, bí kíp truyền đời để dụ địch thủ vào dòng xoáy mà nhận chìm thuyền vào tử địa của trận đồ đã được mai phục sẵn sàng, không lối thoát. Về bình lạng trên bàn cờ chỉ là ảnh ảo để che mắt một trường sóng gió khi ẩn khi hiện, khi thật khi hư mà những kỳ vương đã dạn dày “mặt phong trần nắng râm mây râu...” phải e dè và cẩn trọng.

Một tháng đã đi qua, sự suy tướng về cờ khi lóe lên, khi chập chờn nhưng chưa một phút lụi tàn trong đầu làm Trí Hải liên tưởng đến 5 lối đánh cờ trong sách Kỳ Vương Lục của Vương Giản Chi đời Minh bên Tàu: Tiên kỳ, hội kỳ, phiếm kỳ, tượng kỳ và tuyệt kỳ. Tiên kỳ là những cuộc cờ đầy huyền thoại của tiên ông. Như Hoàng Thạch, Xích Tùng chơi cờ cùng gió cùng mây. Bàn cờ tiên đặt trên thạch bàn trong hang động. Các tiên ông mỗi năm chỉ hội ngộ một lần vào đêm Trung Thu nhưng các thế cờ vẫn đi luân phiên không ngừng nghỉ. Mỗi ông tiên có dịp dùng chân đi một nước trong cảnh núi thẳm mây bay “bạch vân thiên tải không du du” man mác một mình. Có khi hai nước cờ cách nhau cả mấy mùa trăng. Những ván cờ không phân biệt “ta” với “người” mà sự kết thúc mang lại niềm thống khoái thoát tục cho cả

hai vị cờ tiên như giờ đắc đạo. Tuyệt kỳ là những trận thư hùng của hai cao thủ với những nước cờ thiên biến vạn hóa. Thế nhưng “... nước cờ nào cũng đòi hỏi sự bao bọc sít sao như vỏ lúa bao quanh hạt gạo. Hở một ly là tạo ra một khoảng cách từ biển đến trời,” như lời của Vương Giản Chi trong sách luận về nghệ thuật đánh cờ.

Ý niệm “thắng ván cờ như giờ đắc đạo” chiếm ngự hết ý nghĩ của Trí Hải. Cái Đạo của phương Đông mới là cái gốc của cờ. Đạo là sức mạnh uyên nguyên, là gốc của Dịch. Dịch là tác nhân của Âm Dương để tạo ra tư tưởng, ý thức và hành động. Hàn gia dùng bàn cờ để chiếm ngọn mà nhổ bật gốc nên đã tạo ra cái thế “loạn kỳ” trong thiên hạ. Nên những thế cờ của Hàn Kỳ Vương là những ngọn cuồng phong, là thế tiến công, là uy lực chinh phục.

Trong tâm y lý thường lấy khinh an để trị tác loạn. Trong binh thư cũng có nói: “Biết đầy động đến chín tầng trời, cũng bằng biết giấu mình dưới chín lớp đất.” Ra quân với Hàn Kỳ Vương không phải chỉ đấu cờ đơn giản bằng cách di chuyển, tạo thế những quân cờ sắp sẵn trên bàn cờ mà cần phải biết dùng “đạo kỳ” để đem cái tâm lặng lẽ mà dẹp cái gốc ồn ào đầy loạn. Nhưng biết tìm cái tâm lặng lẽ ở đâu mà dựa; biết tìm cái trí an tĩnh ở đâu mà làm vũ khí. Trí Hải càng cố nhắm mắt trầm tư thì những vọng tưởng lại hiện đến. Tạt ý khi phát phơ như gió nhẹ, khi khởi động như đám mây giông. Chúng kéo đến ùn ùn làm cho trí óc xiêu đổ như muôn nỗ tung thành sấm dậy.

Trí Hải càng cố giữ tâm não trống không, những tạp ý càng khởi lên cố lấp đầy chỗ trống. Trí Hải cố quay đi để tránh, những tạp ý cứ sẵn đuôi bén gót. Người ta có thể dễ dàng xua đuổi một con voi nơi bìa rừng, nhưng lại khó khăn rũ bỏ bày kiến trong ý niệm. Chân cứ sỏi dài bước đi thoăn thoắt, nhưng đầu không biết đi về đâu. Ra khỏi Thái ấp, qua khỏi mấy đồng lúa và theo lối mòn của vùng nương rẫy, Trí Hải men theo con đường đất đỏ, đá sỏi nhấp nhô. Cuối dốc lên độn sim, độn móc là lối mòn dẫn tới chân núi Trường Sơn. Mặt trời đang xuống dần bên phía Trường Sơn Tây nhắc nhở cỗ xe thời gian đang tụt dốc bên kia sườn đồi của tuổi 50. Năng xé chiều cắt ngang những ngọn cây cao, trả hai phần bóng mát lại cho phía đông Trường Sơn xanh mượt cây rừng trùng điệp.

Có nhà ai gần chân núi đang lên khói. Len lỏi qua hốc đá và cây rừng tìm lại gần, Trí Hải chỉ thấy một người đốt than đang bung nước sôi trong ống lồ ô để dập tắt hầm than cháy đỏ. Cũng chẳng để ý có người đang lại gần, người

đốt than có vẻ như đang chú mục để hết tâm ý vào công việc. Trí Hải cũng không muốn khuấy động bầu không khí yên tĩnh chỉ có tiếng gió rừng chiều và tiếng xèo xèo của nước dập tắt lửa. Thế nhưng khuôn mặt tự tại và phẳng lặng, cũng như dáng vẻ tươi tắn, linh hoạt của người đốt than giữa một thời điểm về chiều đầy mệt mỏi trong ngày có một sức thu hút vô hình níu chân Trí Hải lặng lẽ dừng lại. Thật khó mà đoán biết được tuổi tác của người đàn ông đốt than. Nét từng trải của tuổi già hòa quyện với nét măng tơ của tuổi trẻ làm cho ông ta có một vẻ gì vừa đáng kính vừa đáng yêu. Tay chân ông ta làm việc thoăn thoắt. Dáng khoan hòa và tươi cười rạng rỡ với chính mình và cảnh vật xung quanh. Khi bếp than tắt lửa và những sợi khói mỏng cuối cùng kéo lên ngọn cây bay xa, người đốt than ung dung leo lên phiến đá phẳng ngòi xếp bàn và nhắm mắt. Ngủ. Trí Hải không thể hình dung ra có người lại vô tư và đơn giản đến như thế. Trí Hải nhẹ nhàng ngòi xuống cách một quãng không xa với người đốt than. Dáng ngòi vững chãi và phong thái hoàn toàn tĩnh lặng của ông ta chinh phục cả sự xao động về chiều của rừng cây lá. Trí Hải nhìn bức tượng người đốt than, nhìn quanh cây lá không màng đua chen danh lợi và nhìn lại mình. Ông ngạc nhiên khi đọc được nỗi bất an đang vây bủa lấy mình. Tại sao bao năm qua ông cố đi tìm một sự an trú tạm thời trong đời sống. Lốp sóng cũ vẫn còn gợn lặn tăn, ông lại để cho những đợt sóng mới phủ lên mình những ngọn trào vật vã. Vì vật cản trên đường đi cần phải dọn hay vì những thách đố phù du?

Trí Hải cảm nhận như có những làn sóng vô hình từ phía người đốt than đang ngủ ngòi trên phiến đá tỏa ra. Ông nhận ra sự yếu đuối của mình và cố co lại để che cho cái tự tính đầy quanh co và phản kháng đang bị chinh phục. Khối lặng im của rừng núi mạnh hơn là tiếng lao xao của thế giới người nhỏ bé dưới kia. Trí Hải cảm thấy như mình nhỏ lại. Chút kiêu hãnh nông nổi bọt bèo tan loãng. Ông líu ríu ngòi xuống để nép mình vào sự im lặng của núi rừng. Đầu óc dày đặc những ý nghĩ về cò, về tranh thắng, về thủ hòa mỏng dân ra. Trí Hải có cảm tưởng như hơi lạnh của rừng chiều và cơn gió rừng thu ngát mùi trầm chổi đang thổi vào những khoang trống. Đó là không gian nội tâm vừa mới được khai thông trong dòng suy nghĩ còn vương mắc bao nhiêu chuyện hơn thua giữa cuộc đời này.

Trên phiến đá, người đốt than vừa mở mắt đứng lên. Anh ta tươi tỉnh và chẳng có vẻ gì là vừa ngủ dậy. Anh rời chỗ ngòi, đến bới hầm than và chỉ nhặt một ít, rồi hốt bỏ vào cái bao đệm xách tay nhỏ. Anh ta nhìn trời, miệng hát nho nhỏ, không màng nhìn lại cái hầm than còn đầy do công khó anh ta làm ra, rồi xách bị than lưng thưng đi về. Bước ngang qua Trí Hải anh ta vẫn tươi cười, miệng hát nho nhỏ, thản nhiên như thể thêm sự hiện diện của

một người nào đó trong khu núi rừng này cũng chỉ là thêm một cục đá trong vô số cục đá vô tri, hay là thêm một gốc cây trong muôn vạn gốc cây rừng sinh và diệt chẳng chịt muôn năm chẳng có gì đáng để ý.

Trí Hải lên tiếng trước:

- Chào bác tiều. Tình cờ đi ngang qua đây, tính ra mắt chào bác mà bác ngủ say quá nên tôi ngồi đây lâu rồi. Bác ngủ mà lại giống như ngồi thiền, hay thật!

Người đốt than dường như không nghe lời đạo đầu lịch sự của Trí Hải, hỏi lại:

- Thiền là cái chi?

Một câu hỏi gần như ngớ ngẩn phát ra từ một khuôn mặt có vẻ thông minh làm Trí Hải muốn bật cười, nên trả lời rằng:

- Thiền là cái trí giữ nhà và cái tâm đi ngủ!

Người đốt than gục gặc đầu:

- Đứa thức, đứa ngủ thì đứa nào quét nhà?

- Đứa thức không xả rác, đứa ngủ khỏi quét nhà.

- Đứa nào mê đứa nào tỉnh?

- Đứa nào làm tròn việc của đứa đó thì thức là thức, ngủ là ngủ, chẳng có mê hay tỉnh.

Người đốt than lại hỏi:

- Như kẻ đốt than này là mê hay tỉnh?

- Vừa tỉnh vừa mê.

- Sao kỳ vậy?

Trí Hải cười:

- Vì bác tiều đốt than theo kiểu nghịch đời. Người ta đốt than là để hầm than và ủ kín cho than tắt chứ chẳng ai lại đem nước suối tưới cho than đang đượm vội tắt như bác cả.

Người đốt than giơ hai tay lên trời cười thoải mái:

- Cây trong rừng thì muôn hình muôn vẻ mà đốt than thì xưa nay chỉ có một cách đốt than hầm thôi à? Người muốn than hầm, than chín; kẻ thích than tưới, than sống. Tìm một con đường riêng mà đi. Quanh quần đường mòn về chỗ cũ. Ích gì!

- Than là than mà củi là củi. Than sống mà củi chín ư? Lạ đời!

Sau câu trả lời của Trí Hải, người đốt than nói như nói một mình: “Cây cháy chưa hết ròn. Than non.” Anh ta lẳng lẳng quảy bị than lên vai và bước đi, chẳng chào người trước mặt một tiếng.

Gần nửa đêm Trí Hải mới về tới nhà. Niềm an lạc và hưng phấn đến tình cờ giữa buổi chiều ngời lạng lẽ trong cảnh đốt than giữa rừng không về cùng. Nổi bần chồn vẫn theo bết gót Trí Hải. Hình ảnh người đốt than đã gây một ấn tượng mạnh. Anh ta có vẻ như không có tuổi và không bị dính mắc vào hiện thực bon chen của đời sống xung quanh mình. Đêm dài trần trở không ngủ được, Trí Hải ôn lại cảm giác ban chiều. Người đốt than đem cái tĩnh vào trong cái động; đem thái độ an nhiên tự tại vào trong công việc vất vả của nghề đốt than; đem lối suy nghĩ giản đơn và cụ thể vào trong nếp suy nghĩ rắc rối lẫn mơ hồ thường vây bủa và làm mệt mề đời sống tri thức. Trí Hải cứ băn khoăn tự hỏi tại sao ngồi lạng nhìn gã đốt than mà trong lòng mình lại cảm thấy bình an đến thế.

Hôm sau và hôm sau nữa, Trí Hải tìm đến chỗ bìa rừng cũ nhưng chỉ thấy bếp than lạnh lẽo nằm tro vơ trong cảnh tịch liêu của khu rừng vào thu.

Rồi một buổi xế trưa khác, khi còn đi mon men dưới chân đồi, lòng Trí Hải bỗng rộn lên niềm vui khi nhìn thấy làn khói đốt than quen thuộc bốc lên nơi khu rừng cũ. Khi tới nơi, bếp than đã tàn và người đốt than đã ngồi ngủ yên trên phiến đá xanh. Trí Hải đến gần và cũng như lần trước, ngồi xuống lặng yên sau tàn cây nhỏ đối diện với người đốt than. Thật lạ lùng, cảm giác bình an lại đến. Những xôn xao của nếp sống đầy hệ lụy dường như đã quyện vào mây trắng lưng chừng núi mà bay về một nơi an nghỉ nào đó mất hút cuối

trời. Khuôn mặt và dáng ngồi của người đốt than thanh thoát, an lạc và linh động như những đốm nắng lọc qua kẽ lá giữa rừng. Khi Trí Hải đến đây một mình, khu rừng vắng bóng người tuy cũng thật phong quang và hùng vĩ nhưng vẫn thiếu mất một chút hơi ấm tỏa chiếu từ trong chiều sâu của dòng sống. Con người là linh hồn của tạo vật. Thiên nhiên thuở hồng hoang chưa có bóng người là một chuỗi bình minh và những đêm trăng buồn vô tận. Mây và núi có yêu nhau, quán quít với nhau thì cuối cùng cũng rời nhau lạnh lùng và nhạt thêch. Nhưng con người yêu nhau là nôi lửa giữa tâm hồn. Bởi thế, uy lực của vũ trụ không phải là sấm sét vô tình mà là ý thức khai phá và tình cảm yêu thương của loài người. Ngồi lim dim suy nghĩ, Trí Hải cảm nhận sự im lặng của khu rừng và bóng người đốt than đơn sơ trước mặt đang trò chuyện với nhau. Trí Hải không tài nào hiểu được cái “vùng an lạc” bao quanh thầy Tiều. Ngồi định tâm trong vùng an lạc đó, Trí Hải cảm nhận được sự bình yên. Có vẻ như cảm giác bình yên chỉ nhận ra được bằng năng lực cảm thức mà ngôn ngữ là vô ngôn. Một giây an lạc thật hạnh phúc và đáng sống hơn những mảnh đời dài đầy hệ lụy.

Người đốt than mở mắt với nụ cười thoáng rộng và vô tư khi nhìn thấy Trí Hải đã ngồi lặng lẽ ở đó từ bao giờ. Trí Hải chào tươi tắn:

- Chào bác tiều. Hôm nay bác ngủ khỏe hơn hôm trước.

Người đốt than vừa lúi húi bới hầm than, vừa giải thích:

- Thì cũng cho chúng nó nghỉ ngơi đôi chút chứ.

Trí Hải ngạc nhiên hỏi lại:

- Ngoài bác tiều ra tôi có thấy ai nữa đâu mà gọi là “chúng nó?”

Người đốt than cười cười, vừa uốn éo cái đầu, vừa dang tay, dang chân ra diễn tả:

- Thì cái thằng đầu này; thằng mắt, thằng tay, thằng chân này...

Trí Hải tròn mắt ngạc nhiên:

- Đầu, mình, tay, chân... là thân thể của bác chứ có phải của ai đem ghép vào đâu mà bác lại phân biệt lạ lùng vậy?

Ra dáng suy nghĩ, người đốt than hỏi lại:

- Tôi hả? Tôi là đứa nào vậy? Có ai cho ai kiếp sống tạm bợ này đâu? Cha mẹ sinh ra một mảnh hình hài. Rồi người sinh con phải nuôi con. Ông làm ruộng, bà bán hàng, chú thợ may... họp nhau thành nhóm, thành làng, thành xã hội góp tay nuôi cho khôn lớn. Rồi cứ xoay vần, đến lượt cái hình hài khôn lớn này sinh con đẻ cái, lăn lung ra làm trả lại theo cái vòng vay vay trả trả không ngừng. Trước khi sinh ra chẳng có hình hài này và sau khi chết cũng chẳng còn chi lưu lại. Nhìn trong khoảnh khắc này dường như có bác, có tôi. Nhưng chỉ trong khoảnh khắc sau không ai chắc còn có tôi hay có bác. Hi... hi... chúng nó nghỉ rồi, bây giờ chúng nó phải làm để đổi lấy miếng ăn.

Người đốt than lại trở về với những động tác cũ. Trí Hải hỏi với vẻ ái ngại:

- Vì thấy bác làm nghề đốn củi, đốt than nên tôi mạo muội gọi là “bác Tiều.” Nay đã biết nhau, xin bác cho biết quý danh để xưng hô cho tiện.

Ông tiều xua tay:

- Ôi thôi! Bác để ý làm chi cái danh vị, hình tướng hảo cho thêm bận lòng. Một người, hôm nay là kẻ đốt than, mai kia là gã làm thuê, một nọ là đứa chèo đò, kia nữa là cái xác chết trôi... nào ai biết. Nhìn đây này. Tổ nhện xây trên tổ chim, tổ chim xây trên cành cây khô, cành cây khô là một phần của thân gỗ mục, thân gỗ mục mọc cheo leo trên ghènh đá, cái ghènh đá khắp khiêng này có thể rơi xuống hố bất cứ khi nào. Thế mà con nhện vẫn thông dong đón mồi, con chim vẫn ấp trứng, nhành khô vẫn đong đưa...

Người đốt than nói chưa hết lời, có tiếng chân thú rẽ lá đuổi nhau, đàn nai chạy qua ghènh đá. Thấy bóng người, đàn nai chuyển hướng. Nhưng bỗng muộn rồi, phiến đá gập ghènh mà ông tiều vừa mới nói đã bứt ra khỏi triền núi và rơi dài xuống hố, mang theo lưới nhện, tổ chim, cành khô, thân cây gỗ mục và những con nai đang bị vùi lấp dưới đám bụi mù.

Bóng người đốt than đã đi xa khuất dưới chân đồi. Trí Hải vẫn chưa rời chỗ cũ. Một bụi cây hoang sơ lại là vùng an lạc.

Trí Hải ngồi sâu giữa bóng tối chạng vạng cho đến khi trăng lên. Gã tiều phu và con trăng mùa thu lạnh mát trên kia có một cái gì thật giống nhau mà Trí Hải chưa thể định hình, gọi tên cho rõ mặt. Dòng suy tư chờn vờn và lổm đổm chưa có một hình thù rõ nét như bóng trăng xuyên qua rừng cây. Ánh trăng dát vàng trên lá, nhuộm bạc trên đất, nhưng chỉ một thoáng gió đi qua, lá không còn nguyên điểm cũ thì ánh trăng cũng không còn để lại một dấu

vết gì trên lá, trên đất. Cái gã đốn củi đốt than kia cũng thế. Gã không có một chút gì dính mắc dù chỉ là cái tên giả tạm. Gã không quan tâm tự nhận biết mình là ai. Cái đầu, cái tay, cái ý thức của chính gã đều được xem như là một tập hợp nối kết tình cờ và sẽ tan đi chẳng còn dấu vết. Con trăng phủ nhận dấu vết của ánh trăng, cũng như gã tiểu phu phủ nhận cái tôi mà ai cũng tự cho là trọng đại của mình. Phải chăng vì thế, nên trăng mãi chiếu hoài muôn phương mà không hết sáng và gã tiểu phu ngồi ngủ những giấc dài trong vắng lặng mà không bị thảng thốt giật mình bởi hoàn cảnh xung quanh nứu kéo.

Sự chiến thắng trước thiên nhiên là dấu hiệu tích cực của con người. Nhưng sự chiến thắng của con người trước con người thường mang nỗi xót xa tiêu cực của sự sống còn trên hủy diệt. Tự bản chất, chiến thắng có nghĩa là đè bẹp, loại bỏ, chôn vùi đối thủ yếu hơn. Sự vinh quang náo nức của người chiến thắng là nỗi tủi nhục ê chề của người chiến bại. Nụ cười của kẻ được là tiếng khóc của kẻ thua. Đôi mắt trong ngần không vầng vát chút mê mờ tham vọng và nụ cười vô tư của người đốt than không ngừng hiện lên trong tấm gương soi mình tưởng tượng của Trí Hải. Trận cờ thư hùng sắp đến cứ sau mỗi đêm suy nghĩ lại nhạt dần ý nghĩa ban đầu của nó. Trận cờ như một thách đố phù du. Người thua sẽ bị chôn vùi tên tuổi và sự nghiệp. Người thắng cũng sẽ bị chôn vùi trong tham vọng và kiêu căng. Càng gần đến ngày hẹn đấu, Trí Hải càng ít quan tâm hơn. Không còn những buổi tập trận trên bàn cờ với Phạm Xảo và các danh thủ đất thần kinh. Trong lúc Phạm Xảo và mọi người ở phía phe này hay phe kia đang bị thiêu đốt vì sự nôn nóng lẫn lo lắng đang cháy ngùn ngụt về số phận của trận cờ sắp đến thì Trí Hải càng kéo dài hơn những phút ngồi tĩnh tọa trong rừng vắng. Tâm không dính mắc với cuộc cờ nên trí cũng chẳng tư lự với giới hạn hay thế cờ của phe địch, phe ta.

Chiều hôm gần tới trước ngày hẹn của trận đấu Trí Hải vẫn còn trải lòng với cỏ cây trong rừng. Khi quảy bao than lên vai, khác với những lần trước, người đốt than đi chậm lại như có ý chờ Trí Hải cùng về. Trí Hải bước theo. Trên con đường rừng gập ghềnh nhá nhem tối, chẳng ai nói với ai lời nào. Chỉ có tiếng lạo xạo khô khan của bước chân trên đường sỏi đá là tâm đắc chuyện trò không ngớt.

Ánh đèn xóm đêm đã thấy xa xa. Người đốt than lên tiếng trước làm vỡ sự tĩnh mịch của buổi chiều trên đường vắng:

- Lý do nào khiến quý hữu vào rừng?

Trí Hải trả lời thành thật:

- Tôi muốn được yên tĩnh.
- Bị đòi khuấy động lắm sao?
- Không hẳn thế. Nhưng có lẽ sự khuấy động dấy lên từ trong lòng mình.
- Thất tình, thất bại, thất sủng?
- Chẳng vương “thất” nào cả.
- Vào rừng được gì?
- Được cái trống không.
- Cho ai?
- Cho một cuộc cờ sắp đến.
- Hiểu rồi!

Cuộc đối thoại thân tình nhưng nhảm nhảm giữa hai người bỗng rơi vào lặng im. Lời nói không luôn luôn là phương tiện tốt nhất để chuyên chở ý nghĩ làm cho người ta hiểu nhau rõ hơn.

Qua bên đò khi sắp chia tay, người đốt than đột ngột hô lên:

- Pháo 2 bình 5! Đi...!

Trí Hải phản ứng một cách ngỡ ngàng:

- Bác tiều cũng biết đánh cờ mù sao?
- Mời đi!

Sự thôi thúc như ra lệnh của người đốt than khiến Trí Hải phản ứng theo quán tính:

- Mã 8 tiến 7.
- Mã 2 tiến 3.

- Xe 9 bình 8.

- Xe 1 bình 2.

- Tốt 7 tiến 1.

- Chỉ đến thế thôi à?

- ?!

- Bị dính chặt với những thế cờ đã cũ thì có khác gì mượn cánh vịt đồng mà đòi bay vào vùng trời Đâu Suất!

Sau câu nói của người đốt than, hai người lại im lặng đi cho đến khi về đến khu đồng bằng dân cư. Trí Hải hỏi:

- Làm sao để tiến xa hơn?

- Tìm cái mới!

- Cái mới từ đâu?

- Từ trong cái cũ nhưng thoát ly cái cũ.

- Bằng cách nào?

- Đừng dính mắc!

Hai người lặng lẽ chia tay không một lời chào từ biệt. Cái giao tình bên ngoài có vẻ nhạt thếch. Quân tử chi giao đạm nhược thủy...

Trí Hải về dinh ngủ một giấc say sưa cho đến khi có tiếng gà gáy sáng. Lại tiếng gà tỉnh thức giữa dòng định mệnh trôi theo đường xuôi nẻo ngược. Trí Hải lâm bầm trong đêm vắng một mình: “Đừng dính mắc!” Ánh trăng chiếu muôn phương, tiếng gà vang xa khắp nẻo vì không bị vướng vào giới hạn giữa ta với người; không dính mắc vào những sản phẩm của tạo hóa bày ra đã cũ. Rồi trong dòng suy tưởng, cả 32 quân cờ xao xác tìm nhau. Không có bên này Sở hà, bên kia Hán giới. Không có bên này pháo quá giang, xa tuần hà; bên kia bình phong mã, đám tốt, bình pháo đổi xe. Những thế cờ đối công phản kích dính chùm giữa cuộc binh đao không lối thoát phải được hóa giải để đi tìm một con đường mới. Những quân cờ phải ra trận, phải đấu nhau như bánh xe phải lăn trên đường cái là chuyện tất nhiên. Không ai sắm

những quân cờ để làm hoa trang trí cả. Nhưng quân cờ phải đi theo đường bay tâm trí của hai đối thủ quyết đấu sống chết đang ở giữa cuộc cờ. Làm sao “đừng dính mắc” giữa hai gọng kềm đối kháng mới chính là xương sống của hội chung cục mà Trí Hải đang miên man nghĩ đến cho một cuộc cờ trước mắt.

Hàn Kỳ Vương ra quân trăm trận trăm thắng. Nhưng tất cả đều diễn ra trong những cuộc cờ dính mắc. Trí Hải chỉ có thể tạo thế phản công có hiệu quả khi đừng dính mắc. Trí Hải hình dung dáng vẻ thầy Tiêu trên phiến đá. Một hiện thân của an lạc, xả bỏ và nhu hòa với ta ngoài tương quan cuộc đời và tất cả ở trong ta.

---o0o---

Chương 06 - Một Cuộc Cờ

Trời chưa sáng hẳn, Phạm Xảo mang trà vào cho Trí Hải. Thói quen pha trà buổi sáng vẫn không có gì thay đổi. Chỉ khác một Phạm Xảo trong vai người lão bộc pha trà cho chủ thì giờ đây hai người đối ẩm. Khác với mọi ngày, hôm nay Phạm Xảo mặc đồ chàm quần ngắn ống, áo ngắn tay của con nhà võ. râu cạo nhẵn nhụi, tóc búi gọn được nhuộm màu tiêu muối nên trông trẻ trung và oai nghi như một vệ sĩ xế tuổi trung niên. Trí Hải nhìn Phạm Xảo, bình luận một cách thú vị:

- Trẻ trung và oai vệ thế này thì e “huynh” sẽ biến thành “đệ” mất thôi!

Phạm Xảo nói một cách nghiêm trọng:

- Hàn Kỳ Vương đã biến ngày đấu cờ thành một ngày hội lớn. Giới phú thương người Hoa từ Bắc chí Nam đã chung góp tiền bạc để ủng hộ cho phe nhà của họ. Tất cả đều sẵn sàng để mở đại tiệc ăn mừng thắng trận không một mây may nghi ngờ tại Thái ấp này. Trong lúc phía bên kia dốc hết sức người, sức của lo cho trận đấu, thì bên ta chỉ có người nườm nượp đi xem. Tôi phải ở sát cạnh hoàng thân để bảo vệ.

Uống xong ba bốn tuần trà trong sự lặng im từ khi có mùi hoa ngọc lan tỏa hương mai. Nắng đã lên cao. Mặt trời sẽ gác bên kia đầu núi và chiều về. Giờ quyết đấu đêm.

Trí Hải ái ngại nhìn Phạm Xảo. Sự đợi chờ căng thẳng làm cho những đường gân trên trán, trên mặt... viên lão tướng muốn bút ra thành suối, thành

dòng, thành tiếng nói. Phạm Xảo ngạc nhiên đến sững sờ nhìn Trí Hải vẫn với tập Đường Thi trên tay với dáng vẻ thản nhiên và tươi cười như đã quên trận thư hùng sóng mái đang đợi. Thơ phú ích gì cho buổi ấy.

Hai bên bờ sông Hương người đi như hội. Người ta cố lấn ra gần gần bờ, nơi có bốn chiếc đò đại bản kết thành bè trên sông. Ít người đi xem biết Trí Hải là ai, nhưng chỉ biết là “người đó phe ta” thôi thì cũng đủ cho lửa nhiệt tình bốc cháy. Người ta la hét, xô đẩy nhau, chạy rần rần bao vây cả một vùng bên sông khi Trí Hải và Phạm Xảo xuống đò ngang để lên bè nổi neo giữa sông. Người cầm tay Trí Hải sau cùng trước khi đò rời bến là Lê Trung Ân, thủ lĩnh sĩ phu Bắc Hà và cũng là đương kim thượng thư bộ Hình trong lục bộ của triều đình. Lê Trung Ân ngỏ lời, không ai rõ là hỏi hay dặn:

- Có cần giăng lưới trên sông Hương không?

Trí Hải chỉ thoáng cười, nhìn rất sâu vào mắt người đối diện mà không nói gì. Thuyền rời bến trong tiếng reo hò, cổ vũ của biển người đứng hai bên bờ.

Bốn chiếc thuyền lớn kết lại thành một hòn cù lao nhỏ và được neo cẩn thận trên sông. Trời không mưa nhưng mây mù u ám và nước bạc trên sông cuộn cuộn chảy. Cả một vùng được trang hoàng rực rỡ. Nền thuyền trải thảm Ba Tư với màu sắc được tuyển chọn khéo léo. Khung thuyền treo đèn lồng mỹ thuật. Mũi thuyền phủ gấm Thượng Hải ngũ sắc. Ngay chính giữa, trên chiếc bàn gỗ mun đen tuyền bóng loáng, bàn cờ và quân cờ đã sắp sẵn nhưng tất cả đều được phủ kín dưới một lớp gấm đỏ thêu hoa văn màu hoàng kim lóng lánh.

Trong trận "đại kỳ quyết đấu" này sẽ không theo mô thức đấu cờ thông thường là có tổng số ván cờ theo số chẵn như hai, bốn, sáu... mà toàn bộ cuộc đấu sẽ có ba ván cờ. Nếu cả ba ván đều hòa thì trận đấu sẽ tiếp diễn cho đến khi có một bên thắng. Trận cờ sẽ được diễn ra theo một luật lệ khắt khe về nhiều mặt.

Luật thời gian.

Một ngày và một đêm tính từ nửa đêm, giờ Tý đến buổi trưa giờ Ngọ ngày hôm sau. Đêm có 5 canh, ngày có 6 khắc. Mỗi khắc dài bằng một vạn tiêu khắc. Tiếng chuông báo hiệu thời gian cho ván cờ và tiếng khánh báo hiệu thời gian cho nước cờ.

Mỗi nước cờ không được kéo dài 100 tiểu khắc. Mỗi khắc được đếm bằng một giọt nước đổ từ một bình cao rơi xuống một bình thấp. Người quản lý thời khắc phải đếm công khai. Sẽ có một tiếng khánh vàng đánh lên báo hiệu giữa giờ khi nước giọt đến khắc thứ 50, hai tiếng đánh lên đến khắc thứ 90 và ba tiếng báo hiệu hết giờ. Người suy nghĩ quá giờ không được quyền đi tiếp và phải nhường cho phía đối thủ.

Luật xử hòa.

Ván cờ sẽ đương nhiên coi như được xử hòa trong ba trường hợp sau:

- Luật về số nước đi: Khi tổng số nước đi của ván cờ là 200.
- Luật về nước đi có tác dụng: Không kể những nước đuôi và chiếu cũng như những nước để đối phó với những nước đuôi và chiếu, tổng số nước đi là 100.
- Luật về nước đi có tiến triển: Khi tổng số nước đi kể từ lần cuối cùng ván cờ có tiến triển là 20. Điều kiện được coi là ván cờ có tiến triển khi hoặc là có quân bị bắt hay tốt đã sang sông tiến lên một bước.

Luật công bình.

Chiều dài và đuôi dài là vi lệ. Phía vi lệ sẽ bị xử thua. Nếu một bên vi lệ chiều dài và bên kia vi lệ đuôi dài thì bên chiều dài sẽ bị xử thua. Khái niệm về “dài” được minh định là chiều hoặc đuôi quá 5 nước liên tục với một quân cờ, 10 nước liên tục với hai quân cờ và 15 nước liên tục với ba quân cờ.

- Chiều liên tục đối phương bằng một hay nhiều quân cờ của mình là vi lệ.

Ban hành luật có 5 vị, người đứng đầu là chương kỳ. Ban giám khảo có 5 vị, người đứng đầu là chủ khảo. Ngoài ra ban hộ kỳ cũng có 6 người. Hai người có nhiệm vụ ghi chép trên văn bản và 2 nữ, 2 nam có giọng tốt đại diện cho mỗi bên có nhiệm vụ hô to lên công khai ngay sau khi mỗi quân cờ được di chuyển để xác định dứt điểm một nước đi, đồng thời công bố cho kỳ chúng, là những người đang theo dõi trận đấu, biết được diễn tiến của trận cờ.

Hàn gia đã bày biện bao nhiêu hình thức biểu diễn và trang trí cho cuộc đấu cờ. Đây không chỉ là cuộc đấu cờ tay đôi giữa Trí Hải và Hàn Kỳ Vương

mà còn mang một ý nghĩa xa hơn là cuộc đấu trí giữa hai nước chư hầu và thống lĩnh. Bộ cờ tinh huyết thạch của Hàn gia phải tồn tại và mục đích cuối cùng phải đạt được, cho dù phải lòn tròn hay thí quân huyết chiến với địch thủ như thủy tổ Hàn Tín năm xưa.

Trận cờ khai diễn với những thủ tục trình diễn rườm rà chưa từng thấy. Nhưng rồi cuối cùng vị chương kỳ với khăn chít áo dài cũng tới hồi trang trọng hai tay nâng lớp gấm điều bọc bàn cờ gia bảo của Hàn gia. Mọi người như cùng “ồ” lên một tiếng để tán dương vẻ đẹp rực rỡ của bàn cờ. Mỗi quân cờ quả là một tác phẩm kỳ tú của thiên nhiên và con người. Đá tinh huyết chỗ trong như pha lê, chỗ trắng ngà, chỗ đen thẫm, chỗ lóng lánh như trân châu mã não. Nhưng tuyệt tác hơn tất cả là những đường gân đỏ thắm như máu đào chạy quanh. Những đường gân đỏ linh động biến hiện lung linh như đang sống, đang trở nhánh, nảy mầm. Vẻ đẹp mê hồn của loài đá tinh huyết làm cho lớp lớp đèn lồng ngũ sắc và màn trướng trang trí lộng lẫy mờ nhạt hẳn đi sau một màn sương cảm giác.

Từ khi được trao bộ cờ gia bảo, Hàn Kỳ Vương có một niềm tin mạnh mẽ rằng, với một hình thức lễ nghi mở màn trận đấu đầy tính kỳ bí của tôn giáo và đặc biệt là vẻ thu hút mê hồn của bộ cờ, phía đấu thủ khách đã bị lung lạc tinh thần và bị chinh phục từ phút đầu tiên.

Đối mặt với Trí Hải trên bàn cờ lần này, Hàn Kỳ Vương cảm thấy niềm tự tin từ bao lâu nay của mình bị dao động mạnh. Vương quen chờ đợi một đối thủ xóc nổi, ồn ào hay thâm trầm, kín đáo; có khi là một đối thủ mưu lược, nguy hiểm. Nhưng chưa bao giờ Vương gặp một đối thủ thản nhiên gần như vô tâm trong giây phút mở đầu như thế. Vẻ mặt bình thản và phong thái trầm tĩnh của Trí Hải trong giây phút cực kỳ nghiêm trọng này khó ai lường được những gì đang chất chứa sau lớp chắn bên ngoài. Trí Hải ngồi nhìn bàn cờ với cái trí của một đấu thủ đã sẵn sàng nhưng với cái tâm của một gã lang thang bên cạnh người đốt than trong rừng. “Đừng dính mắc!” lời nhắn với sau cùng của gã tiểu phu vẫn đang vang vọng trong tâm trí của Trí Hải. Không dính mắc với quá khứ, hiện tại và tương lai. Không dính mắc giữa ta và người. Không dính mắc với thua và được.

Khi người chương kỳ lên tiếng thông báo thủ tục bốc thăm tranh nước đi tiên. Trí Hải ngỏ lời mời Hàn Kỳ Vương đi trước. Trong một ván cờ quyết đấu của các danh thủ xưa nay, người đi trước vừa có ưu thế không chế cuộc cờ vì nhanh hơn một nước, vừa có cơ hội triển khai chiến thuật tấn công thần tốc ngay từ hồi khai cục. Bởi thế, quan điểm “tiên hạ thủ vi cường” thường

được áp dụng triệt để trong cờ tướng để “tranh tiên”. Tranh tiên là giành trước một nước cờ. Tranh tiên là chiến lược sinh tử của phép tiến công. Nếu phải đi sau thì phải giành cho được “bình tiên,” nghĩa là phải rón giữ cho được thế ngang ngửa, ngang nhau. Các nhà chiến lược tranh cờ gọi là “diệu thủ tranh tiên” vì tranh tiên có nhiều mưu kế, thủ đoạn: Phối hợp để bắt quân địch. Thí quân để tranh cho được thế. Có khi phải tàn sát quân phòng ngự để xâm nhập vào bản doanh bắt tướng... chiến thuật và chiến lược biến ảo khó lường với những chiêu thức tuyệt diệu. Thế nhưng Trí Hải lại không một mảy may quan tâm đến thế tranh tiên.

Ba hồi trống lệnh cáo với Trời; chín tiếng chiêng đồng tạ với đất. Phường bát âm nổi lên trong giây lát rồi im bật. Có tiếng hô của chương kỳ: “Xuất quân!” Trận cờ bắt đầu. Hàn Kỳ Vương run run đặt tay lên quân cờ gia bảo mà suốt năm qua không tìm ra đối thủ để hành quân. Kỳ Vương nhìn trời lâm râm khấn vái, hít một hơi dài để thu hết tinh lực sông núi làm sức mạnh, nhú mày chú mục, mím chặt môi đầy quyết đoán để đi quân cờ khai cục. Có giọng nam của hai hộ kỳ phía Hàn Kỳ Vương hô lên đĩnh đạc:

- Pháo 2 bình 5.

Một vài giây im lặng đợi chờ và giọng nữ hộ kỳ phía Trí Hải lại vang lên lãnh lót:

- Mã 8 tấn 7.

Giọng nam lại vang lên hầu như tức khắc:

- Mã 2 tấn 3.

Nữ:

- Xa 9 bình 8.

Nam:

- Xa 1 bình 2...

Hàn Kỳ Vương thủ lợi việc đi trước, vận dụng khai cục loại hình tấn công gấp, tức là pháo đầu liên hoàn kẹp mã trực xa và hoành xa.

Trí Hải đã nhìn thấy rõ chiến thuật tiến công của Kỳ Vương đến nước thứ 10 là phải dàn cho được kiêu trận Pháo đầu liên hoàn kẹp Mã. Hàn Kỳ Vương cố lèo lái cho toàn bộ cục diện đi vào bài bản của trận địa đã dàn ra như xông tốt đầu, tiến xe đề mã, nhảy mã đánh tượng, chuyển pháo thúc sát, phát huy cao độ uy lực hùng hậu của pháo đầu liên hoàn kẹp mã...

“Hông!”

Dư âm giọng nói đầy kiêu bạt của gã đốt than và cuộc đối thoại trong chiều chia tay lại vang lên: “Làm sao để khỏi hông? Tìm cái mới! Cái mới từ đâu? Từ trong cái cũ nhưng thoát ly cái cũ. Bằng cách nào? Đừng dính mắc!”

“Đừng dính mắc!” Kiếp người đã bị dính mắc và nhắm mắt từ trong bào thai cho đến khi nhắm mắt lần cuối cùng cũng vẫn còn bị dính mắc. Tiếng nói xa xăm lại cuốn hút hồn Trí Hải. Đến nước thứ năm, Trí Hải ngồi trơ như cái xác. Tiếng khánh báo hiệu giữa giờ, 50 khắc đã trôi qua, 50 giọt nước đổ nhắc nhở Trí Hải phải tức khắc trở về với thực tại. Một chút chao động trong lúc này cũng đủ làm lạnh cả linh hồn. Hàn Kỳ Vương hơi bần khoản nhìn Trí Hải thương hại. Đã có bao nhiêu đầu thủ lạc hồn, bạt vía, hay ngắt xiu trước khi ván cờ kết thúc. Lẽ nào một Trí Hải nổi danh của đất thần kinh lại yếu đuối đến thế sao?

Hai tiếng khánh báo hiệu 90 khắc trôi qua. Trí Hải bỗng sực tỉnh. Chỉ còn mười giọt nữa. Nhỏ xuống đi, ơi những giọt thời gian yêu dấu chết người!

Một giọt nữa. Giọt 91. Trí Hải cảm thấy cả tâm trí của mình đều bùng vỡ. Một giọt nữa. Giọt 92. Trí Hải thấy rõ cả khối suy tưởng của mình bứt hết biên cương và mở dài ra tới cõi mênh mông. Một giọt nữa. Giọt 93. Cả bàn cờ trước mắt hiện ra đầy sinh động như có cả vạn cuộc đời thu nhỏ lại giữa biển không gian và thời gian thành thau nước lạnh... Giọt 95 Trí Hải trở về ngay với thực tại và cấp tốc điều quân. Chỉ một đôi nước cờ biến ảo làm thay đổi thế cờ nhanh chóng. Có những lúc Trí Hải mở lối cho những quân cờ tấn thối một cách đơn giản gần như băng quơ. Hàn Kỳ Vương kinh hoàng nhìn vào mắt Trí Hải nhưng chẳng thấy dấu hiệu gì khác thường cả, nhưng tại sao lại đi một nước cờ rồi tiếp nối những nước cờ quá lạ lùng như thế. Ngó ngẩn thì không hẳn mà tuyệt chiêu lại càng vô lý. Càng phản ứng, Hàn Kỳ Vương càng nao núng. Những tượng hùng, pháo tống, xe xuyên, mã tốc... đều như trốn biệt hay rình rập đâu đây đề tung những đòn chí mạng.

Trí Hải di chuyển những quân cờ theo một cách thế mà xưa nay trong các danh thư kỳ phổ chưa từng nghe nói đến.

Không bị giới hạn tầm mắt bởi biên giới của rào dậu bên này và hào lũy bên kia, cái nhìn của Trí Hải thoáng đạt và dần trải đến vô cùng. Khi tâm thức không còn bị đè nặng và buộc chặt vào những hệ lụy của bảng thang giá trị lẫn trong rêu mốc vì đã quá cũ càng, tầm nhìn sẽ bay cao ngoài bốn cõi. Lúc đó sẽ như người đứng trên chóp núi Kim Phụng nhìn về đồng bằng kéo dài tận biển. Những ao hồ, sông rạch, cây cối, nhà cửa, đền đài, lăng miếu... hiện ra rõ nét giống bức họa đồ thu gọn trong tầm mắt. Có những quân cờ ở một vị thế vừa ẩn vừa hiện của một con hươu sao khôn ngoan nấp sau triền đá dốc. Vị thế để tự vệ, sống còn và qui ẩn trong cuộc đời thường sẽ tương đương với những vị thế chiến lược trên bàn cờ. Với cái tâm rỗng lặng và cái trí mệnh mông, Trí Hải có được cái nhìn trí tuệ thiên thấu qua cuộc cờ đang diễn ra trước mắt. Trí Hải như đang đồng cảm và giao hòa với những quân cờ “sống” của cả hai phía.

Hàn Kỳ Vương quả thật là không hổ danh với vị trí “kỳ vương” mà người đời trao tặng. Một nước đi có hơn mười “nước biên” theo sau. Nhưng chiến lược tấn công thần tốc mang tính đối công quyết liệt của Hàn Kỳ Vương chưa vào đến trung cuộc đã từ từ chững lại. Tài ba quán chúng đây uy vũ của Kỳ Vương dựa vào một chuỗi phản ứng có điều kiện. Chiến thuật của Trí Hải là “vô môn quan,” dựa vào tinh thần hóa giải để đỡ những đòn sấm sét làm cho đối phương như đánh vào khoảng không. Sức tấn công càng hung hãn, sự hụt hẫng càng quay cuồng chóng mặt. Về yên ắng trên bề mặt “tĩnh nhi bất thôi, động nhi bất tấn” tạo một phản ứng ngược cho những đòn vọng động.

Hàn Kỳ Vương thuộc lòng châm ngôn của nghệ thuật đấu cờ là: Nhìn và đợi. Nhìn diễn biến của trận thế và đợi sơ hở của đối phương để chớp thời cơ tiến công tranh thắng. Địch lùi ta truy đuổi. Thành trì phòng ngự chưa kín ta thúc quân vây hãm. Địch bị vây bó tay ta tung hoành xung trận. Trong binh thư của Tôn Tử có nhấn mạnh: “Biết mình biết người, trăm trận trăm thắng; biết mình mà không biết người, một thắng một bại; không biết mình cũng chẳng biết người, trăm trận trăm bại.” Hàn Kỳ Vương bó tay không biết Trí Hải đang đi chiêu thức gì mà ông ta hoàn toàn không hiểu được. Và sự hoang mang đột biến cũng làm cho Kỳ Vương không hiểu mình là ai và có được khả năng gì để ứng phó với một tình huống quá mới mẻ như vậy.

Đi cờ mà bị động cũng như người xiếc đu dây: lắc lư, chao đảo, bất định. Cả trăm lần thành công nhưng sự sây chân thất bại đột biến lại có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Đến nước thứ 32 của ván cờ đầu, Hàn Kỳ Vương ngồi yên bất động. Một chiến trường vang rền xe ngựa biến đâu mất. Cảnh tên bay đạn lạc chỉ còn gió lạnh trên sông. Chón gió tanh mưa máu lãng đăng mây mù. Trí Hải đi thêm một nước nữa. Hai đối thủ ngược lên nhìn nhau. Hàn Kỳ Vương tròn mắt nhìn sừng Trí Hải. Cờ hết nước. Một ván cờ hòa!

Ván cờ thứ hai, Trí Hải đi tiên. Hàn Kỳ Vương và mọi người nín thở chờ đợi. Những danh thủ cờ tướng xưa nay vẫn dùng chiến thuật khai cục thuộc ba loại hình phổ biến nhất: loại hình tiến công, loại hình phòng thủ và loại hình đối công. Các kỳ thủ cao cấp vận dụng chiến thuật khai cục thường nắm vững yếu lĩnh và thông triệt tông quan chiến lược của cả ván cờ. Nước tiên giành được trong hồi khai cục sẽ được duy trì và phát huy đến trung cục, tàn cục và tiếp diễn cho đến thắng lợi sau cùng.

Trí Hải xuất quân theo một thế trận hoàn toàn mới mẻ. Ông mở rộng cửa thành nghênh đón quân của Hàn Kỳ Vương lẫm liệt tiến vào tấn công như vũ bão. Bằng những nước đi công, thủ tế nhị, tính toán kèm hãm và giữ chân để đưa quân của địch vào trùng vây mà không hung hãn tiêu diệt với sự khéo léo tuyệt diệu của thế bảo quân, trữ lực trong binh pháp “dẫn mà không phát, tích trữ sức lực để động mà không động.” Đến nước thứ 32. Lại số 32! Hàn Kỳ Vương chững lại. Một tình huống chung cuộc hoàn toàn giống ván cờ thứ nhất lập lại:

“Một chiến trường vang rền xe ngựa biến đâu mất. Cảnh tên bay đạn lạc chỉ còn gió lạnh trên sông. Chón gió tanh mưa máu lãng đăng mây mù...” Hàn Kỳ Vương dốc toàn lực tiến công. Các chiến thuật nghi binh, chọc sườn, bọc hậu, xung kích trực diện... đều được tận dụng, nhưng thành quách và quân sĩ của Trí Hải vẫn an trú trong vị trí của mình, chỉ phản công khi tối cần thiết. Trung cuộc, sức tiến công của Hàn Kỳ Vương chững lại, rồi đứng yên. Cờ không còn nước. Lại thêm một ván cờ hòa!

Tiếng reo hò cuồng nhiệt của phe Hoa kiều và phe người Việt chen chân bên bờ, trên bến, dưới thuyền từ từ im bật với kết quả hai ván cờ hòa đã đi qua.

Khi ván cờ thứ ba và cũng là ván cờ quyết định sau cùng khai cuộc thì sự khích động của quần chúng lại cuồng lên. Người ở xa, ao ước được nhìn tận mắt nét cảm xúc trên mỗi khuôn mặt của hai đại kiện tướng trong giây phút cập kỳ bên bờ vực. Thế nhưng người ở gần lại thất vọng và lầy lăm lăm khi

nhìn Trí Hải với vẻ mặt thản nhiên và lặng lẽ chẳng khác gì ngày thường khi uống một ly trà buổi sáng. Cuộc cờ trước mắt không đủ bề thế chinh phục để lay động người đàn ông này hay ông ta là hiện thân cho sự trợ vợ của một hòn đá núi vững chãi. Mưa bão vô thường đập vùi trên đá đến và đi không lưu dấu vết. Hàn Kỳ Vương cũng cố giữ bản lĩnh thao lược của mình với khuôn mặt nghiêm trọng, trầm tĩnh, nhưng những đường gân trên tay, trên mặt căng phồng; những đường nhăn trên trán loang loáng mồ hôi phản chiếu qua ánh đèn màu trong gió lạnh cuối mùa thu là tấm gương chiếu rọi cái tâm đang dấy động. Hai ván cờ hòa với những thế cờ kỳ lạ đến độ nghịch lý của Trí Hải làm Kỳ Vương nao núng và bồn chồn khi ra quân khai cục cho ván cờ định mệnh cuối cùng này. Hàn Kỳ Vương thừa tinh tế để nhận thấy Trí Hải đã làm chủ tình thế trong cả hai ván cờ hòa. Trí Hải như đã nắm hết nội tình và lộ trình chuyển quân của cả đôi bên, có thể triệt đường, chấn lối đối phương bất cứ khi nào muốn, nhưng vẫn đóng vai của kẻ đứng ngoài.

Ván cờ chót không diễn ra quyết liệt và gay cấn như mọi người ước đoán. Kỳ thủ mỗi bên đều lắng sâu vào vùng chiến lược của mình. Đêm xuống chỉ còn ánh đèn ngũ sắc. Những quân cờ càng rực lên ánh sáng chói lòa. Mỗi mảnh sáng có một điệu múa lân tinh riêng làm cho người không quen chóng mặt. Hàn Kỳ Vương vui sướng cảm tạ hồng ân của dòng dõi Hàn gia đã gìn giữ được bộ cờ gia bảo có một không hai trên trần gian này. Trí Hải đắm đắm nhìn những quân cờ “lên nước.” Những màu sắc huy hoàng dữ dội của đội “kỳ quân” chinh phục này nhắc Trí Hải nhớ đến những chuyến viếng thăm đấu trường La Mã ở nước Ý Đại Lợi trong những năm theo hoàng tử Cảnh ở Âu Châu. Sự tàn bạo ảm đạm dưới màu sắc và danh nghĩa từ Đông sang Tây đều độc ác như nhau. Những lưỡi kiếm bọc trong bao ngà và những cuộc chém giết có nghi thức thường dùng xương máu và mạng sống của con người không quan trọng hơn những nhánh hoa trang trí. Bộ cờ tinh huyết thạch của Hàn gia đã tạo ra biết bao nhiêu đau đớn, tủ nhục và oan khiên cho những kẻ chiến bại trong suốt cả chiều dài lịch sử chinh phục của nó. Dù chỉ là một phương tiện, nhưng làm gì có phương tiện nhân ái để đạt đến một cứu cánh tiêu diệt địch thủ. Có vó ngựa Mông Cổ nào mà không dày xéo lên thân phận của con người trên đường chinh phục. Trước mắt Trí Hải, những quân cờ bóng lộn là những con yêu tinh dùng bã phù hoa để hãm hại con người. Làm chủ bộ cờ là làm chủ động yêu tinh. Bộ cờ hiện ra như một sự thách đố của tội ác. Dù ai làm chủ đi nữa thì bản chất của tội ác cũng không thể cải hóa thành thánh thiện được. Với Trí Hải, thắng hay thua trong cuộc cờ này không còn là vấn đề then chốt, mà vấn đề then chốt là phải bẻ gãy phương tiện của tội ác trước đã.

Hàn Kỳ Vương quan sát và thoáng ngạc nhiên khi nhìn thấy vẻ mặt khoan hòa của Trí Hải từ từ đánh lại. Trí Hải mở miệng. Mọi người ngạc nhiên chăm chú theo dõi vì người này chưa mở miệng trong gần suốt cả ba ván cờ:

- Dù ta có chấp Hàn gia một ngựa thì chắc chắn chín nước nữa ta cũng sẽ thắng và đương nhiên làm chủ bộ cờ này!

Giọng Trí Hải trầm xuống như nói một lời nguyện trên sông:

- Đáng vứt đi, đồ vô dụng!

Hàn Kỳ Vương hét lên thất thanh:

- Đư...ừ...ng!

Nhưng đã muộn. Trí Hải đã vung tay cầm quân mã ném tung ra ngoài dòng sông Hương với nước nguồn đầu mùa đục ngầu đang cuộn cuộn chảy.

Sự nhón nháo lên tới cực điểm. Nhóm vệ sĩ của Hàn Kỳ Vương đứng vây quanh bàn cờ. Nhóm chuông kỳ, hộ kỳ, giám kỳ rời chỗ. Nhưng bỗng đâu có tiết thét lạnh lạnh vang lên làm mọi người chững lại. Đó là tiếng Phạm Xảo:

- Đứng yên!

Tất cả vốn liếng hơi sức của một đời khổ luyện và làm tướng dồn tụ cả lại trong phút này. Ông lão cầm cây chèo bằng gỗ kiên kiên và bẻ gãy làm ba mảnh. Ông cầm mảnh lưỡi chèo dài ngoẵng loáng nước như thủ đại đao trong tay. Dáng cao lớn, sức lực công phá ghê hồn và giọng nói đầy trấn áp làm mọi người bị chế ngự một cách tự nhiên.

Một phản ứng cấp thời bất ngờ đến từ Hàn Kỳ Vương. Vương đứng dậy, râu tóc bạt gió như dựng ngược cả lên, tiếng la vang rền mà gân như nghẹn lại trong cổ họng:

- Được! Rồi đây nếu cần...! Nếu cần phải tát cạn sông Hương, mò biển Nam Hải để tìm lại cho ra con cờ đã mất cũng phải làm. Ha! Ha...! Bộ cờ tinh huyết thạch quý nhưng danh giá dòng họ nhà ta còn quý gấp vạn lần hơn thế! Danh dự sẽ được xác định công minh ngay trên bàn cờ. Đánh! Nào! Đến phiên hoàng thân! Đi... đi tiếp!

Trí Hải đã đánh trúng “điểm tử” của Hàn Kỳ Vương.

Thủ pháp ra quân trên bàn cờ là một sự phối hợp hài hòa giữa tâm và trí. Tâm loạn kéo theo trí đoán. Những nước cờ lúc tấn kích điên cuồng, lúc sững sờ chới với, chứng tỏ Kỳ Vương đang sống qua những giây phút ngập ngụa giữa trăm ngàn thác loạn.

Đến nước thứ tám sau vụ “chấp mã,” Trí Hải báo động bằng một giọng bình thản:

- Xin Hàn gia cẩn thận, chỉ còn một nước nữa thôi là ván cờ kết thúc.

Hàn Kỳ Vương quay quắt như ngồi trên lửa. Cờ đối phương dàn quân trùng trùng không có khe hở. Tiếng khánh báo hiệu sắp hết giờ cuối nước về phía Hàn Kỳ Vương lại vang lên. Cổ vron bàn tay run rẩy đi một nước cuối cùng trong tuyệt vọng, Hàn Kỳ Vương nói bâng hoàng như trong mơ:

- Ho...ò...a?!

Trí Hải lịch thiệp nhưng cương quyết và lạnh lùng:

- Trước sau đều bị bao vây, bốn mặt đều đối đầu với địch, lấy gì để hòa?!

Hàn Kỳ Vương ngó người nhìn sâu vào thế cờ của mình đang bị chiếu tướng với trùng vây khóa chặt. Một nước thoát cũng không còn, viện binh cắt đứt, quân của Trí Hải siết chặt gọng kềm công thành đả tướng. Hết! Hàn Kỳ Vương điên cuồng trong chiến bại, đấm tay vào ngực, gục đầu lên bàn cờ, rồi đội bàn cờ lên đầu, những quân cờ rơi lảnh cảnh. Vương nói lầm bầm mà nghe như tiếng rên xiết: “Cúc cung muôn lạy Hàn gia tiên tổ xin rủ lòng nhân tha tội. Kẻ hậu duệ này bất tài, bạc đức đã không giữ nổi bộ cờ gia bảo. Thật đáng tội chết...” Rồi một thoáng qua trong nháy mắt, Hàn Kỳ Vương ôm bàn cờ lao xuống sông. Nước nguồn đêm tối đen ngòm, cuộn cuộn chảy xuôi về biển. Có tiếng người phóng theo trước khi tiếng la hét thất thanh nổi lên. Riêng đám vệ sĩ của Kỳ Vương vẫn còn đủ mặt. Cả dòng sông nước lũ âm âm thôi thúc, dòng chảy cuồng lãng vẫn ngậm miệng phăng phăng trôi đi trong đêm tối.

Điểm lại, có hai người bị nước cuốn đi. Một tự trầm mình và một bị mất tích lúc nào không ai hay, đó là Hàn Kỳ Vương và Phạm Xảo.

Sau cuộc “binh đao”, người chiến thắng ngồi bên bờ sông trong bóng tối dưới cơn mưa xối xả đầu mùa. Mất bạn, mất thù, mất luôn tiếng gọi thôi thúc giục giã đi tới, Trí Hải đội mưa chờ tin Phạm Xảo.

Đám đông vô danh ẩn mình trốn mưa trong bóng tối tản dần. Đám đông theo dõi cuộc cờ bên bờ sông cảm thấy mình đã tham gia vào trận cờ “lịch sử.” Rất nhiều người chưa hề biết mặt Hàn Kỳ Vương hay Trí Hải là ai lại thao thao bình luận cuộc cờ trong trí tưởng của họ. Lịch sử của trận cờ sẽ được viết lại theo những “chứng nhân lịch sử” bên bờ sông mà biết đâu sau này đọc lại, Trí Hải sẽ ngạc nhiên về những việc của ai mà lại có tên mình.

Trên đỉnh núi cao nhất mà bao người đã bỏ mạng vì cố leo lên cho được cũng chỉ có mây bay và gió thổi. Áo ảnh cỏ trên đồi phía bên kia bao giờ cũng xanh hơn cỏ bên đồi này là một bi hài kịch của đời sống. Bi kịch về sự chối bỏ một thực tại trong tầm tay để đuổi theo một thiên đường hoang tưởng. Bi hài kịch tự nó chỉ là sản phẩm tự nhiên của hoàn cảnh, nhưng chính những nhân vật thủ diễn sẽ làm cho mỗi màn vui hơn hay chán ngắt.

Ván cờ đi qua. Trí Hải nhìn lại và tự hỏi, thêm một cuộc cờ, thêm một kẻ thua, thêm một người thắng; cũng như thêm một đêm mưa, một ngày nắng. Đời sống mang một ý nghĩa gì quanh chuyện tranh chấp hơn thua...

---o0o---

Chương 07 - Chôn Dại Khôn

Hai mươi năm sau ngày tàn cuộc nội chiến triền miên, kéo dài từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh, con người và đất nước hồi sinh. Bãng bó những vết thương non nước sau cuộc chiến không có gì dịu mát hơn là những tàn cây xanh. Xuân ở Huế đẹp rực rỡ và trang đài. Sông, núi, biển, trời là cái khung thiên nhiên không có mùa phai cũ. Bao nhiêu loại cây cảnh quý hiếm và rực rỡ nhất từ khắp mọi miền đất nước đều được mang về trồng hay chung trong các vườn ngự uyển của hoàng cung, trong các hoa viên của kinh đô và trong các dinh phủ của các nhà quan quyền và quý tộc. Phong trào thời thượng của giới quan lại và quý tộc trong thời này là mượn hoa và cây kiểng để nói lên sự giàu sang và quyền lực của mình. Sự đua chen đao kiếm làm cho lòng người mỗi nản và cảnh sống tiêu điều; nhưng sự tranh đua cây cảnh tô điểm cho đời thêm hoa mỹ.

Khi nói đến Huế, người ta vẫn có thói quen phong thổ ghép Huế với Thừa Thiên làm một. Về mặt địa lý, trong thừa Thiên có Huế; nhưng về mặt văn

hóa, trong Huế không có Thừa Thiên. Văn hóa Huế là một cụm văn hóa đặc thù mang nặng tính cung đình Triều Nguyễn; trong khi văn hóa Thừa Thiên thuộc về nền văn hóa dân gian của đại chúng Việt Nam.

Kinh đô có một đời sống văn hóa mới. Đó là đời sống văn hóa hậu đình.

Đời sống khép kín trong những vườn cây và dưới những mái nhà cổ kính mang vẻ im lìm và lắng đọng. Nhưng đây cũng là những trung tâm bình luận, thông tin, quyết đoán nhiều chuyện nước non từ Bắc vào Nam. Đó là một tập hợp không cân đối về quyền lực cũng như về kinh tế của nhà quan, nhà hoàng tộc, nhà dân... thường bị ảnh hưởng nóng lạnh sau những chuyện lớn nhỏ xảy ra ở cung đình.

Cuộc cờ của Trí Hải và Hàn Kỳ Vương vừa thổi vào khung cảnh lắng đọng này một luồng gió lạ. Người ta đang cần một cái gì đó mới mẻ, năng động, thú vị hơn là những sinh hoạt đã thành khung, thành nếp gần như thói quen đều đặn hàng ngày. Trí Hải vốn đã có một chút dáng vẻ huyền thoại từ lâu vì nếp sống khác người, nay cái bóng huyền thoại đó lại càng được tô vẽ và thổi phồng thành một nhân vật gần như phi thường, phi thực. Sau trận đấu cờ ăn thua bằng cả sự nghiệp, Trí Hải lặng lẽ rút vào thế giới riêng. Khi con người trong cuộc im lặng, biến mất thì cũng là lúc con người ngoài cuộc xuất hiện, lên tiếng.

Có quá nhiều người, nhiều nhân vật tranh nhau sống, nghĩ và kết luận thay cho Trí Hải. Họ “Trí Hải” còn hơn cả Trí Hải. Nhiều nhóm tụ họp nhau, tự nhận mình như thể là kẻ tâm phúc, bạn tri âm, ngày ngày đấu cờ, luyện nước cho Trí Hải. Và cũng không ít người nói một cách rành rẽ rằng họ có mặt, có một vai trò và ảnh hưởng đáng kể trong suốt cuộc đấu tay đôi giữa Trí Hải và Hàn Kỳ Vương mặc dầu hai người này chỉ là một tên gọi mơ hồ mới nghe qua trong trí đối với họ. Nhưng mặc kệ, khi con người không có hào quang thì cần dựa vào hào quang của những nhân vật tên tuổi để mong chia sẻ chút ánh sáng lọt ra ngoài rào dậu. Hình ảnh hư cấu thường được sáng tạo đầy chi tiết, màu sắc và có sức lôi cuốn ly kỳ hơn cả sự thật. Và những nhà “nghệ sĩ” giàu tưởng tượng đó bị sự tưởng tượng của chính mình chinh phục. Họ ngụy tín với chính mình. Nói láo và nói láo hoài chồng chất; nói láo và nói láo hoài với chính mình; nói láo và nói láo hoài với nhau... rồi bỗng một sáng đẹp trời nào đó họ tin điều nói láo có thật. Sự dối trá tu luyện lâu ngày thành yêu tinh. Yêu tinh trở thành một ảo tưởng của chân lý. Họ trở lại tin ảo tưởng là sự thật. Một sự thật xây dựng bằng dối trá xuất hiện như một chân lý mới mẻ còn đáng tin cậy hơn là sự thật chính nó. Họ hơn hờ

tìm mình và tìm nhau. Họ xây thành quách của tư tưởng để bảo vệ và vinh danh điều dối trá trở lại sau mặt nạ le lói hào quang của chân lý. Dầu cho Trí Hải bằng xương bằng thịt có xuất hiện nói điều chân thật thì cũng sẽ bị dòng nước ngược cuốn phăng đi không còn dấu vết.

Phạm Xảo sinh ra ở miền Bắc, lớn lên ở miền Trung, trưởng thành ở miền Nam và tuổi già sống ở Huế.

Rồi Huế cũng vào Thu. Mùa Thu Huế là thủ phạm của những nỗi buồn không tên tuổi, của những mơ mộng vu vơ và của những ước mong ngoài tầm tay với. Mùa Thu Huế với những đụn mây lam, chàm, tím từ núi cứ bay hoài ra biển, ngang qua vùng trời của những đôi mắt trông vời xa xứ. Huế rất “dễ sợ!” Sợ mùa đông dài với những cơn mưa tí tê đang tới. Sợ mùa đông ngủ muộn sẽ bị chôn vùi trong lá cây. Sợ những tình cảm mới nhen sẽ nguội lặn với gió bắc Giêng, Hai. Huế rất... dễ sợ. Sợ phía Tây dãy Trường Sơn sớm và chiều sương nhiều hơn nắng. Tầm mắt bị ngăn lại nên trí tưởng tượng cứ vương vất hoài với một thế giới huyền bí núi rừng “bên tê.” Phía Đông là biển. Dù có trời trong mây tạnh thì cái nhìn cũng chỉ đến lằn ranh giới hạn ở chân trời. Lại sợ. Sợ cái vô biên của đất trời. Ngược về phía Bắc “sợ Trông nhà Hồ, sợ Phá Tam Giang.” Hướng về Nam lại sợ “đi bộ thì khiếp Hải Vân; đi thủy thì khiếp sóng thần hang doi!” Nói gọn lại thì Huế là vùng đất “dễ sợ” và người ở Huế thì rất dễ bị sợ. Có lẽ vì thế nên người Huế dù có khen hay chê cũng đều... dễ sợ: “Đẹp dễ sợ, xấu dễ sợ; thương dễ sợ, ghét dễ sợ...!”

Có vẻ như cái đất ngụ cư này là nơi an nghỉ lý tưởng cho những con ngựa chiến quen vó chinh phục đã qua thời son trẻ. Thời mới đến, Phạm Xảo muốn bỏ vùng đất tạm dung này để tìm về một nơi khác. Nhưng biết nơi đâu là chốn đất lành chim đậu. Hà Nội hợp với tuổi già có danh vọng để tự hào với quá khứ. Miền Nam hợp với tuổi trung niên nhiệt tình sôi nổi để bay nhảy với hiện tại. Phạm Xảo nhìn mùa Thu sang Đông của đời mình mà ái ngại. Lúc đầu, Huế chọn Phạm Xảo vì đây là kinh đô nên tùy tướng phải theo chủ tướng. Rồi sau một thời gian, ông chọn Huế như khởi đầu cho một cuộc hôn nhân không có tình yêu. Tình yêu trước hôn nhân là một ân sủng của tình cảm: Nhìn ra nhau để yêu nhau. Tình yêu sau hôn nhân là một thách đố của tình cảm: Nhận ra nhau mới yêu nhau. Nhìn ra, như một khám phá tiền định của hai số phận; nhận ra, như một xác định hiện thực của hai con người.

Phạm Xảo nhận ra Huế sau những năm dài sống với Huế. Tâm sự cô đơn được vượt ve bằng điệu sống lặng lẽ mà thâm trầm. Nếp sống về chiều khô cần được tắm ướt với suối nguồn lãng mạn vô hình.

Người sống trong lòng xứ Huế cảm thấy tù túng như bị úp trong một cái chén ngọc - ngọc tràn - nửa vơi. Đường bay của ước mơ thì vút qua khỏi Trường Sơn phía tây, vượt ngoài Nam Hải hướng đông, lừng lơ bên tê đèo Hải Vân về nam và lang bạt quá Hoành Sơn ra bắc; nhưng nổi lòng thì vẫn la đà, chìm khuất bên dòng sông Hương. Bên bờ sông Hương thì có giới hạn mà những xô xao dậy sóng của mơ mộng thì không cùng nên... vỡ òa! Nước của dòng sông tâm hồn lênh láng: Tràn bờ... lãng mạn pha một chút đa tình!

Sau cuộc cờ, bầu không khí êm đềm và tịch liêu của Thái ấp bị xao động thường xuyên. Khách ái mộ Trí Hải từ Nam ra Bắc đến viếng nườm nượp. Cuộc cờ và một trong hai nhân vật đấu cờ không còn nữa, nhưng mọi người vẫn nô nức hướng về dĩ vãng. Lắm khi dĩ vãng cũng chỉ là cột mốc thời gian, hay một dấu ấn của dòng sinh mệnh để cho những đàn chim bốn phương bay lên làm tổ. Đàn chim con nở ra và tung cánh vào đời từ cái mốc của dĩ vãng ấy vẫn thường tự xem mình là kẻ kế thừa dĩ vãng.

Phạm Xảo và Trí Hải vẫn sống kề cận với nhau. Họ là hai dòng nước đã nhận ra nhau, cùng chảy về xuôi chung một dòng nhưng vẫn ở phía hai bờ cô quạnh. Không dễ gì thay đổi cách sống của một người khi những thói quen đã thành thiên tính. Núi cao đời dễ, tính người khó thay. Hai người có khi đi bên nhau, vẫn sống kề cận bên nhau suốt ngày không nói với nhau một tiếng. Trong im lặng họ hiểu nhau nhiều hơn là qua tiếng nói. Bởi vậy, nhiều khách lạ thường hỏi họ về chuyện cuộc cờ của ngày qua, họ chỉ cười mà không nói gì. Thật ra, đối với Trí Hải, chuyện cuộc cờ cũng như chuyện đốt than trên rừng, chẳng có gì đáng nói.

Hơn nửa năm sau ngày cuộc cờ chấm dứt trên sông Hương, Phạm Xảo đón một người khách thật bất ngờ.

Người gác cổng đưa vào tấm thiệp chỉ có tên tự là Tử Du. Nét chữ hao hao giống kiểu thư pháp của Hàn Kỳ Vương. Nội dung tấm thiệp là xin được gặp mặt Phạm Xảo. Ông lão vốn xưa nay không có bạn bè và cũng chẳng có ai hay biết tông tích ngoài Trí Hải. Sự thăm viếng bất ngờ của một nhân vật nào đó thuộc hàng quý phái “thiếp đến trước, quan tước đến sau” làm ông lão vừa ngỡ ngàng, vừa cảm động. Không cần phải phúc đáp, ông lão đi

nhanh ra cổng. Từ phía bên ngoài cổng rợp bóng cây xanh, một người trung niên không rõ mặt xuống ngựa, tiến sát cổng cung tay thì lễ khi thấy bóng Phạm Xảo. Ông lão ngỡ ngờ khi cái giọng quen quen đã từng nghe đâu đó lên tiếng trước:

- Kính chào Phạm huynh. Huynh vẫn khỏe? Tưởng đâu không có ngày gặp lại thế mà hôm nay còn được diện kiến với huynh thật là vạn hạnh!

Phạm Xảo kêu lên ngạc nhiên khi nhận ra người phía bên kia chính là Hàn Kỳ Vương. Với khuôn mặt rám nắng râu ria tua tủa, nét phong trần đã làm cho diện mạo Vương đổi khác. Thoáng một vẻ gì thật tình, chơn chất từ trong giọng nói và phong thái so với một Hàn Kỳ Vương mang dáng dấp của một gã pháp sư đầy tà thuật trước đây.

Phạm Xảo cũng lộ vẻ vui mừng chào lại:

- Thật là hữu duyên thiên lý không ngờ. Thế Hàn gia vẫn khỏe chứ. Ngọn gió lạ nào đưa ông trở lại chốn này? Hãy khoan trả lời, xin mời vào trong cái đã. Ngoài này, trời cuối mùa Thu lạnh lắm...

Khi chủ và khách đã an vị bên trong, vương lên tiếng:

- Mới hơn nửa năm mà cuộc đời đã đổi khác. Câu chuyện đời dài lắm đại huynh ạ. Cái tên Hàn Kỳ Vương không còn nữa. Xin huynh cứ gọi tôi là Du, Tử Du, một gã lang thang.

- Tử Du là du tử. Hay! “Tiểu nhần nghênh gia khách. Đạm bạc dĩ thanh tâm.” (Mắt cười đón khách quý. Đơn giản chút lòng trong)

Phạm Xảo vừa pha trà, vừa pha trò với chút thống khoái hiếm hoi trong đời ông. Bỗng dừng lại có người khách một thời nổi tiếng và một thuở hết thời như ông đến thăm, không vui sao được. Bên chung trà bốc khói, thoang thoang mùi cúc vàng mùa thu, ông lão hứng chí nhắc lại chuyện cũ:

- Đêm hôm đó, khi tôi phóng xuống nước và may mắn túm được đầu tóc dài của ông nhưng suýt nữa thì cả hai cùng chết vì nước nguồn chảy siết quá. Thế nước cuồn lũ, tôi rần bơi một mình còn không nổi làm sao cứu được người khác. Trong giây phút cực kỳ nguy cấp trong đêm tối đó thì tôi vớ được gốc củi rêu. Viện binh cho một lão tướng trong thế sinh tử đó chẳng cần hùng binh mà chỉ là một thân gỗ mục. Tay phải níu ông, tay trái ôm gốc củi lạt để nương theo dòng cuồn lưu mới tấp vào được Cồn Hén. Tôi vẫn

chưa quên đôi mắt đầy vẻ thù hằn của ông và câu nói tức thời dành cho tôi khi ông mới vừa tỉnh lại: “Hãy để cho ta chết vì sự nghiệp vẻ vang của Hàn gia. Ta căm thù, ta oán hận đũa nào đã cứu sống ta, không cho ta chết vinh hơn sống nhục!”

Hàn Kỳ Vương, đã đổi thành Tử Du, hai tay nâng chung trà trước mặt Phạm Xảo, mỉm cười nói như tạ lỗi:

- Xin đại huynh lượng thứ. Trong phút đó tôi nói rất thật với lòng mình. Thế sự cô kim đầu phải chỉ có tôi là thằng khùng duy nhất đây. Bởi thế hôm nay tôi mới trở lại đây để nói lời tạ lỗi và cũng xin được tri ân ơn cứu tử của đại huynh. Có lẽ tôi vẫn còn oán hận đại huynh, vẫn muốn làm kẻ tuần đạo nếu không có dịp tự mình tìm ra cái thế giới lương đảo nhau sau tấm bình phong huy hoàng che mắt thiên hạ. Trong một phần đời ngắn ngủi còn lại, tôi không biết là mình may mắn hay bất hạnh khi được sống lại để tìm ra sự thật...

Sự kích động hiện lên trên khuôn mặt Tử Du, kéo theo sự tò mò và kích động của Phạm Xảo. Tử Du lúc nhiệt thành, lúc lặng người xúc động, lúc đứng dậy hoa tay múa chân, lúc ôm mặt khóc rung rức... khi kể lại chuyện cũ:

- Đại huynh còn nhớ không, sau khi tôi hồi tỉnh, đại huynh bỏ tôi nằm ở lại nơi cái chòi tranh bên sông với vợ chồng người thợ rèn. Họ chỉ biết tôi là người chết đuối nước lụt nên cho ăn và cho một bộ áo quần cũ vá trước rách sau. Hôm sau tôi xin đi. Ra khỏi nhà bác thợ rèn, đi đâu cũng nghe người ta bàn tán về trận cờ “sinh tử” hồi đêm cùng chuyện Hàn kỳ Vương trầm mình trên sông Hương và bị nước lụt cuốn đi không tìm ra xác. Tôi đi lang thang từ thành ra chợ, chẳng có ai biết tôi là ai. Thú vị nhất là được nghe lời bình phẩm và phản ứng của thế giới quanh mình sau khi mình chết. Điều lạ lùng nhất của xứ sở Việt Nam đại huynh là trái tim to lớn của con người nhỏ bé. Không ai hằn học với một tên Tàu đi chinh phục như Hàn kỳ Vương tôi sau khi hãn đã chết cả. Hầu như mọi người đều thương cảm cho một người tài hoa gặp phải số phận bất hạnh. Chỉ có điều làm tôi ngạc nhiên đến sững sốt là sự trở mặt quá nhanh của phía chúng tôi. Khi chúng kiến cảnh tôi trầm mình trong nước lũ, đám vệ sĩ tay chân của tôi không một tên nào ra tay để có một hành động nào cứu vớt tôi cả. Sáng hôm sau, chúng yên chí rằng tôi đã chết trôi mất xác. Người hầu thiếp xinh đẹp của tôi tom góp hết tài sản mang theo, cặp riêng với gã cầm đầu nhóm vệ sĩ, thuê thuyền giông buồm về Tàu trước. Nhóm vệ sĩ lục tục rút theo sau.

Phạm Xảo gật gù theo dõi câu chuyện với sự thích thú và nỗi cảm động riêng tư. Sau khi gặp vua Gia Long lần cuối, Phạm Xảo cũng đã “chết” như thế. Có những cái chết chưa xuôi tay nhắm mắt để cho những cái sống đau mặt nhìn đời. Vương kể tiếp:

- Sau đó không lâu, tôi cũng lần mò về xứ không ai hay biết. Nơi vùng đất Thiêm Sơn, quê hương nhà họ Hàn chúng tôi, chuyên sống về nghề cờ bạc bịp xứ mình và cờ bạc điểm xứ người, vẫn không có gì đổi khác sau cái “chết” của tôi. Tôi rùng mình đứng cuối đường nhìn lại sự ngây thơ trong sáng và nhiệt tình của mình bị lợi dụng tạn tận như thế nào.

Quê hương vùng Thiêm Sơn của tôi vẫn nghèo như muôn thuở. Cái giàu mới lắm tấm xa hoa, ngự trị trên cái nghèo bạt ngàn u ám tạo một sự tương phản nhức nhối. Tập đoàn chức sắc gian ác nhà họ Hàn chúng tôi xây dựng gia tài đồ sộ của họ trên mồ hôi nước mắt và sự ngu dốt của con dân họ Hàn lương thiện.

Nhóm hoạt đầu bắt mạch được khát vọng của tâm lý sơ khai là cần nuôi dưỡng một ảo tưởng về mình và về giòng họ của mình như người Tàu thượng cổ tự cho mình là con Trời cháu Đất. Ảo tưởng đó là rượu an thần để giúp xoa dịu bớt cuộc sống khổ hạnh vốn đã dày ải muôn năm về thể chất lẫn tinh thần đám dân nghèo, ngu dốt; nhưng cũng tạo được sức mạnh thần kỳ từ sự ngu dốt tập thể đó để làm đòn bẩy cho đám trưởng tộc đi chinh phục thiên hạ. Cái huyền thoại ngu ngơ về tổ Hàn Tín, về ngôi chí tôn “thiên hạ vô địch kỳ vương” vớ vẩn vậy mà lại được việc đáo đê cho nhóm hoạt đầu huỳnh a.

Tuổi già cung hiến sức lực và tài sản, tuổi trẻ hy sinh cả tuổi hoa niên vào cái canh bạc khổng lồ ấy như đám tông đồ trần gian cúc cung tận tụy với hàng chí thánh. Như tôi đây, được chọn làm “kỳ vương” nên từ khi mở mắt chào đời đã bị đeo cái tròng oan nghiệt đó vào cổ. Một đời tôi chỉ biết đánh cờ. Cha mẹ, anh em, thân bằng quyến thuộc tôi chung sức nuôi tôi ăn học để lý luận về cờ và đánh cờ. Tôi nung sục sành sanh tuổi trẻ và lý tưởng vào việc học cờ, đánh cờ và tung hỏa mù mớ lý thuyết mô phỏng lối thời được sơn son thếp vàng và gán cho cái nhãn hiệu “Hàn Tổ Thánh Thư.” Tôi bảo vệ bộ cờ và vinh danh sự chiến thắng đấu cờ còn cao hơn gấp trăm lần mạng sống, tương lai của bản thân và gia đình tôi. Tôi đã đem những “sự nghiệp” với giá trị vật chất kếch sù về dâng lên nhóm chức sắc Hàn gia mà không một mảy may thắc mắc. Tôi yên chí mình là anh hùng lắm liệt của dòng họ Hàn, là kẻ quên mình để mang hạnh phúc an vui về cho thiên hạ.

Nhưng chỉ sau khi “chết” tôi mới khám phá ra thực chất của huyền thoại “kỳ vương” nhà họ Hàn. Tất cả chỉ là một trò lừa đảo có hệ thống. Từ trường tộc đến ông quyền, ông hương, ông biện... chung cuộc chỉ là những tay chơi cờ bạc bịp trên đầu trên cổ của những đứa chơi cờ bạc thật sau tấm bình phong lý tưởng đẹp đẽ như tôi.

Nhóm hồi hương, chẳng ai còn nhắc đến tôi. Nhóm trưởng họ cũng chẳng ai buồn hỏi đến Hàn Kỳ Vương còn hay mất mà chỉ quan tâm đến việc có “sự nghiệp” nào đem về hay không. Có thì tranh nhau chia chác, không có cũng chẳng ai màng vì vẫn còn muôn nghìn nguồn lợi lộc khác đang ùn ùn kéo đến. Được dịp chẳng ai buồn để ý, tôi đi sâu vào những ngõ ngách của phường cờ bạc và suýt ngất xỉu khi được nhìn tận mắt lò sản xuất “tinh huyết thạch.” Thì ra, cái gọi là “tinh huyết thạch” chỉ là sản phẩm bình thường của nhóm thợ đá khéo tay và giỏi chế biến tại mỏ đá hoa cương Điểm Hồng Đào tuyệt hảo nằm sâu ở khu núi đá nơi vùng tôi ở. Hàng ngày có hàng chục bộ cờ “gia bảo” được mài dũa và thành hình từ nơi này. Thế mà tôi ngu dại quyết chết theo một quân cờ bị hoàng thân Trí Hải ném xuống dòng sông Hương.

Nhóm vệ sĩ cặp kè theo sát bên tôi không phải là để bảo vệ cho một thằng bù nhìn có tên gọi là Hàn Kỳ Vương như tôi mà là để bảo vệ cho chuyện hoang tưởng nói dối về “bộ cờ gia bảo Hàn gia” khỏi bị lộ ra ánh sáng. Tôi còn khiếp đảm khi được biết thêm rằng, nếu một khi đã được phong lên hàng “Kỳ vương” như tôi rồi mà thua một trận đấu, thì chính những tên vệ sĩ theo hầu phải giết tôi để biến tôi thành một kiêu thánh tử đạo để cho nhà họ Hàn đẹp mặt với thiên hạ. Vì kết quả ăn thua của canh bạc, người ta giết người không góm tay để trang hoàng cho sự dối trá và vùi dập sự thật...

Vương như nghẹn lại. Nhìn đôi mắt đỏ ngầu, da mặt và tay chân đen sạm cháy nắng của Vương, Phạm Xảo cảm thấy gần gũi hơn với với con người một thời lỡ bước như mình. Phạm Xảo ân cần mời:

- Hàn gia... à quên, Tử Du đi đường xa mệt mỏi, mắt mũi kèm nhem đỏ hoe vì thiếu ngủ. Du có thể ở lại đây nghỉ chân qua đêm, ngày mai đi đâu rồi hãy tính.

- Cảm tạ đại huynh. Đúng vậy, tôi phi ngựa thâu đêm không ngủ. Trên đường đi đến xứ này để viếng đại huynh, tôi cứ thắc mắc hoài một câu hỏi là tại sao huynh lại bất chấp nguy hiểm, nhảy vào dòng nước lũ để cứu tôi?

Phạm Xảo nhìn khách cười chúm chím trả lời:

- Lý do rất đơn giản là vì tôi thương dòng sông Hương. Dòng sông vào những ngày không mưa lũ thường trong suốt và hiền hòa quá. Tôi không muốn nó phải cuu mang những cái chết uất nghẹn, tức tưởi của một kẻ tự trầm mình trong tuyệt vọng. Người vào chùa tu vì bị thất tình, phải nhờ hương trầm đánh bật mùi thơm ân ái làm cho thiền môn bận lòng; cũng như kẻ thất bại cờ bạc phải nhảy xuống sông tự vận làm sông xanh vẫn đục đều là những cách giải nạn, gửi đời quá giản đơn không đúng chỗ. Tôi cứu Tử Du là để cứu dòng sông. Dòng sông vẫn cứ vô tình thâm lặng chảy. Tử Du đừng bận lòng về chuyện ân oán đời này.

Vương vỗ tay cười dòn:

- Câu trả lời nặng tình mà nhẹ nghĩa. Huynh không cứu con người mà lại đi cứu một dòng sông thì nhân nghĩa nhạt thếch. Thế nhưng tôi lại hết sức tâm đắc với lối hành xử tài tử đầy phiêu bạt giang hồ này đó huynh à.

- Con người tôi chưa quen, nhưng dòng sông tôi đã gắn liền với nó. Đời tôi khô khan lắm. Phải nói là khô cần mới đúng. Nếu tôi nói một cách chân thật rằng, tôi chưa biết yêu một người nào cả mà hình tượng yêu đầu đời, khi đã xế lão của tôi, là một dòng sông thì Tử Du nghĩ sao?

- Yêu con người có khi trắng tay khánh kiệt; nhưng yêu một dòng sông thì quá lắm cũng bình tài!

- Lại nhớ bài bạc rồi phải không?

Vương lảng sang chuyện khác:

- Hoàng thân Trí Hải vẫn khỏe? Sau cuộc cờ có gì thay đổi không?

- Có quá nhiều người đến hỏi thăm hay thăm hỏi về lắm chuyện liên quan đến cuộc cờ. Càng có nhiều người đến viếng, Hoàng thân càng ít lộ mặt bên ngoài. Thiên hạ càng nhiều lời chủ nhân Thái ấp này càng lặng lẽ.

- Những nước cờ của ông ấy là những nước cờ “lạc nước” của những tiên ông hội cờ với thiền sư trên núi xanh. Cờ lạc nước cũng như “nguyệt lạc, ô đề... trăng lặn, quạ kêu”, hư hư thật thật không biết đâu là định hướng. Nước cờ ấy chỉ làm chủ được khi toàn tâm thoả đạt. Chuyện hơn thua quanh cái tâm vọng động giữa đời này không thắng nổi. Ông ấy dùng cốt cách thình lặng thiền sư để đấu với một gã vi trần sôi nổi như tôi thì chuyện ăn thua đã thấy rõ rồi, chẳng lạ.

Sáng sớm hôm sau, với khay trà buổi sớm, bên cạnh Phạm Xảo còn có một người khách lạ. Trí Hải bất chợt đưa cả hai tay ra đón khi nhận ra đó là Hàn Kỳ Vương.

Hai cựu kỳ vương đối thủ nhìn nhau. Long lanh một chút kiêu kỳ thoáng qua và cảm động.

Trí Hải lên tiếng trước:

- Tốt vẫn còn chỗ cũ?

Vương gục gặc đầu, nét vui xen lẫn chút buồn:

- Không. Đã qua sông!

Trí Hải nhìn sâu vào mắt người đối diện:

- Cũng tốt cho tốt!

Vương dăm chiêu:

- Có lẽ tốt cho đời.

Cả hai cùng im lặng. Phạm Xảo xen vào giữa, giọng đùa vui:

- Tốt cho trà! Lúc này mới quý. Trà Lúa như công chúa trăng tròn, thơm dịu và nồng nàn lắm nhị vị quan viên ạ. Xin mời. Trà đã sẵn...

- Có phải trà Lúa của người Chăm ở mạn Trường Sơn Tây không? Ô, tuyệt vời!

Khi con người bị buộc chặt vào cái thực thể ngắn hạn, người ta tự đồng hóa sự hiện hữu của số phận mình với sự hiện diện của khối quyền lực hay vật chất xuất hiện thường xuyên lù lù trước mắt. Nhưng đây chỉ là một sự ngộ nhận sai lầm.

Mỗi cá thể có riêng phần đời của nó. Như cái bộ cờ “tinh huyết thạch” tai quái ấy, cùng lúc, đã buộc chặt bao nhiêu cuộc đời với nó. Thế nhưng khi nó bị ném xuống dòng sông như một mớ sỏi đá vô dụng thì cũng chẳng có chút tác động nào đối với những người đã bị ràng buộc thân phận mình với nó. Tuy sự khám phá muộn màng đã làm bao nhiêu cuộc đời đổ vỡ cả mộng lẫn thực vì nó.

Chỉ đến khi mất đi cái sức mạnh vô địch đầy ảo tưởng đó, kẻ sợ một mình vì thói quen nương tựa mới khám phá ra rằng, người ta không dám xả bỏ thói quen hay những giá trị trang hoàng héo úa mốc meo vì sợ hãi. Sợ hãi cái đơn lẻ của chính mình mà người ta thường gọi là cô độc hay cô đơn. Người ta không chịu sống với chính mình. Khi chỗ dựa níu kéo mất đi ta mới biết rằng mình vốn có tự do và giải thoát từ trong cái vũ trụ bao la của chính trí óc và tâm hồn mình. Giải thoát là phải cho hết những lớp bụi nô lệ để tự do - vốn đã có sẵn trong chính mình - hiện lộ, chứ không phải là cố níu lớp mây ngũ sắc đầy vẻ tự do kéo từ phương xa lại để phủ kín trên cánh rừng nô lệ.

Sáng hôm nay, bên hương trà bốc khói giữa mùa Thu thoảng sắc và hương cúc vàng bóng Thu, có ba người đang ngồi bên nhau thanh thản uống trà. Cả ba người trước đây dựa vào cái thành trì ác nghiệt của danh vị kỳ vương, của tiếng tăm bộ cờ tinh huyết thạch, của sự hơn thua giữa Hàn gia và kẻ sĩ kinh đô. Họ gặp nhau dưới một khung trời, mặt đối mặt, mà chẳng thấy nhau. Những con người nghi kỵ nhau, dè chừng nhau, xoi bói nhau, tấn công nhau, hủy diệt nhau chỉ vì mình bị dính chùm hay nương tựa vào một khối vô nghĩa, vô tri mà vì định kiến hay vọng tưởng, mình tự phong cho nó muôn vàn giá trị viễn mơ mà tự nó không hề có.

Nâng chén trà, Trí Hải hỏi Hàn Kỳ Vương:

- Lần này Hàn gia trở lại xứ này hẳn phải có một sự vụ mới?

Vương chăm chăm nhìn khói trà uốn éo, hớp một ngụm trà và nhìn người đối diện:

- Xin hoàng thân gọi tôi là Tử Du. Tôi không còn là Hàn Kỳ Vương, một tay cờ của Hàn gia nữa. Mọi sự đổi thay đều có lý do của nó. Sau cuộc cờ chiến bại, tôi như một người tái sinh để có dịp đứng ra ngoài tầm xa nhìn lại chính mình thuở trước. Tôi khó khăn lắm mới nhận ra mình thuở đó. Cái gã tôi cực đoan và u tối tội nghiệp đến thế sao. Tôi phải tự biết lột xác để vươn lên sống cho mình hay mãi mãi làm tôi đòi cho một thế lực khác.

Phải biết gột rửa một hệ thống suy nghĩ chật hẹp, lỗi thời và thô bạo đã được thép vàng phong thánh. Phải để cho luồng gió mới thổi lồng lộng vào tâm, vào trí, vào hồn nếu muốn sống chân thật.

Lần này tôi trở lại vùng đất này là để tri ân cứu tử của đại huynh Phạm Xảo và được viếng Hoàng thân. Với tôi bây giờ, Hoàng thân không phải là một nhân vật cao cờ mà là một người thấu đạt triết lý đánh cờ. Tôi cũng chẳng

còn mường chuyện hơn thua về cờ mà chỉ muốn đi đây đi đó như một kẻ lãng du. Tôi chỉ muốn sống đời bình thường và chân thật của chính mình. Tôi tiếc là đã tiêu phí hai phần đời sống rộng tuếch như cái mỗ làng chuyên bị gõ thành tiếng cho người khác nghe chơi, trong khi tự thân mình chỉ là cái xác gỗ mục vô hồn. Tôi muốn lấy lại linh hồn của tôi Hoàng thân ạ.

Trí Hải trầm ngâm, hỏi lại:

- Linh hồn Tử Du đi đâu mà phải lấy lại?

- Cục đất cũng có linh hồn. Hồn của đất là chất dinh dưỡng nuôi mầm cây. Hồn con người là cái tinh túy cuộc sống của chính hắn. Tôi chỉ là một tay cờ bạc truyền đời, cái tinh túy của cuộc sống vắng bóng thì làm gì có linh hồn.

- Thế lấy lại bằng cách nào?

- Đó chính là câu hỏi đã làm tôi trở lại đất nước này để mong tìm ra câu trả lời.

Phạm Xảo góp lời:

- Có nghĩa là Tử Du nghĩ rằng, khi trầm mình xuống nước, dòng sông Hương này, xứ Huế này, đất nước Việt Nam này đã lấy mất linh hồn của mình chẳng?

Vương trả lời không chút đắn đo:

- Không. Không đâu huynh! Nếu nói linh hồn là tinh túy thì nó phải nằm sâu, nằm sẵn trong chính mình giống như mạch nước ngầm nằm sâu trong đất. Giữ linh hồn hay nuôi dưỡng linh hồn là đừng để nó bị chôn vùi dưới những tầng tầng, lớp lớp của những rác rưởi và bụi bặm của đời sống. Nếu không giữ nó được trong sáng, trôi chảy luân lưu thì cũng đừng để nó bị chôn vùi tắt nghẽn.

Phạm Xảo gật gù gợi ý:

- Đã có sẵn thì cần gì phải tìm đến xứ này mới tìm lại được?

Vương giải thích như phản đối:

- Không dễ đâu huynh. Vẫn có nhiều kẻ mất quê hương trên chính quê hương của mình và mất linh hồn trong chính tâm hồn não loạn của mình.

- Như thế thì vùng đất này giúp gì được Tử Du?

- Có huynh ạ. Tôi thích cái nghèo và cái giàu ở xứ này, nó trái ngược hẳn với sự giàu nghèo trên quê hương tôi. Cái nghèo ở đây rất dễ thấy, nhưng cái giàu thì phải đi tìm mới có.

- Tử Du muốn nói đến sự giàu nghèo tinh thần hay vật chất?

- Cả hai. Vùng quê hương Thiểm Sơn của tôi, nhan nhản những phó xá lầu đài, sắc mầu rực rỡ. Nhưng lắm khi người chủ nhà giàu lại là một gã ăn cắp, một tay cò bạc bịp, một kẻ gian tà chinh phục người lương thiện bằng thứ xảo ngữ, lộng ngôn học đòi loanh quanh trong giới bịp bợm của mình. Họ thường là những kẻ đã tự nhốt linh hồn trong những hộp vàng hay nhét nó cong queo dưới những đồng bạc. Huynh đã có bao giờ sống với những kẻ mất linh hồn đó chưa?

- Chưa. Nhưng tôi có thể hình dung ra họ.

- Tưởng tượng thường khi không đúng đâu. Họ không xấu xa như bày quý sú. Họ cũng đẹp đẽ. Đàn ông cũng dáng dấp oai phong, đàn bà cũng yêu kiều diễm lệ; ở nhà sang trọng và đi xe song mã; tiệc tùng ca xướng như hàng quý tộc. Họ nói năng thì tuyệt vời, trôi chảy, với những danh từ hoa mỹ đầy lý luận thuyết phục, nhưng chẳng có tiếng nói nào phát ra tự linh hồn tinh túy của họ cả. Tiếng nói của họ là một chuỗi âm thanh dày đặc trên hè phố, trong tiệm ăn, giữa văn phòng, trong sách vở. Họ mượn lời của nhau để lừa đảo nhau, thu góp của cải kiếm ăn, làm giàu trên sự bần cùng của đa số lớp người bình dân lương thiện, lao động khổ nhọc. Nếu có một tiếng nói tự linh hồn nào đó cất lên sẽ bị dập vùi không thương tiếc. Sự dập vùi có khi rất êm ái, chỉ là im lặng thôi. Thế mà sự im lặng đó lại mạnh ghê gớm vì nó sẽ biến con người lương thiện thành kẻ khốn cùng, khánh kiệt...

Cả ba người im lặng, chỉ có hương trà và khói trà lừng lững bốc lên. Phạm Xảo lại hỏi:

- Vậy là Tử Du đã quyết chọn nơi này làm quê hương thứ hai?

- Quê hương thì mỗi người chỉ có một, làm gì có thứ hai, thứ ba... Nơi tôi sinh ra, nơi tôi lớn lên, nơi tôi trưởng thành, nơi tôi đang ngồi uống trà trong

phút này đây đều chỉ là những vùng đất có dấu ấn của đời mình sâu hay cạn, buồn hay vui. Quê hương của mình chính là tấm lòng của mình. Mất tâm hồn là mất quê hương và bán rẻ tâm hồn là bán rẻ quê hương.

- Tử Du muốn nói khái niệm linh hồn và tâm hồn giống nhau phải không?

- Theo tôi, Tâm Hồn là cái “Ta” gắn liền với thân xác khi suy nghĩ và hành động; còn Linh Hồn là cái “Ta” độc lập với thân xác nên không sinh ra hay hủy diệt theo điều kiện thể chất.

- Như thế thì linh hồn là cái bóng của tâm hồn hay ngược lại?

- Tâm hồn ở dạng vật lý, nên nó là “thể”. Linh hồn ở dạng ý niệm, nên nó là “thức”. Thể thức gắn liền nhau, tách rời nhau hay là hóa thân của nhau chứ không thể là cái bóng của nhau được.

Phạm Xảo dẹp khay trà và hướng ra sân, nói với hai người còn lại:

- Có một mùa Thu ngoài kia. Hồn Thu ở đó...

Nắng lên cao. Hương trà cũng vừa cạn. Mỗi người theo đuổi một ý niệm về cái hồn trong lặng im. Không ai gọi mời ai mà họ cùng đứng dậy, ra sân. Lá cứ nổi đuôi nhau chao đảo hay lượn lờ rơi trong gió. Bóng ba người đàn ông trải dài trên sân gạch đang bị phủ kín với lá vàng thu. Nắng, gió, lá, cây, sân... không hiểu mỗi thứ có chẳng một mảnh hồn riêng trong vũ trụ, nhưng khi góp lại, có cái hồn sơ xưa của mùa thu Huế hiển hiện với dáng mơ phai, với màu quan san, với những đụn mây màu xám chờ đầy nước từ kho trời rơi xuống. Có ba người, mùa Thu cô liêu quanh đây dường như ấm lên một chút; nhưng nổi cô quạnh vẫn chực chờ đâu đó, muốn về..

---o0o---

Chương 08 - Cỏ Và Hoa

Nghệp cũng là duyên. Khi tai họa đến là nghiệp báo. Khi điều tốt đến là duyên lành. Nghiệp và duyên trùng trùng nổi đuôi nhau. Nghiệp như cái búa vô hình giáng xuống tạo ra sự đổ vỡ và duyên như chất keo khi dính thì hợp, khi hết dính thì tan. Duyên nghiệp không còn là tiếng vọng ra từ cửa chùa mà đã trở thành ý niệm đời thường của đại chúng.

Đã tạo nghiệp thì phải trả nghiệp; đã trồng duyên thì sẽ được hưởng duyên. Trí Hải tin điều đó như một nguyên tắc công bằng xã hội.

Trong cái không khí thâm cung lạnh ngắt của triều thần lúc đăng triều nghị sự, chỉ còn hình ảnh của các thái giám là vui mắt và linh động nhất. Các quan thì nhất nhất nghiêm cẩn từ cái thở đến cái nhìn. Những lọn tóc dài quần gọn trong chiếc mũ bình thiên để lộ những cần cổ trắng ngần trên áo gấm. Mất hướng về quân vương nhưng gáy vẫn rờn rợn với hơi lạnh lưỡi kiếm vô hình của nhà vua có thể giáng xuống vì những sai phạm bất ngờ.

Các thái giám hình như số phận sinh ra không phải để làm người mà để làm cái bóng của con người. Trong cung cấm, giữa đại triều nghi cũng như ngoài tử cấm thành, các thái giám vẫn lượn lờ như những cái bóng. Cái bóng không dựa vào quá khứ mà cũng chẳng vịn vào tương lai. Vệt bóng đêm ngày múa may theo vật chủ, nên khi chưa gặp thời thì chỉ là dư âm, dư ảnh len lỏi và tan loãng giữa những khe hở của đời sống; khi gặp thời lại biến hóa theo tài năng và quyền lực; lúc đắc thì thế rất dễ trở thành hung thần ác sát.

Thái giám chức lớn mặc áo rộng màu lục. Giám trẻ mặc áo màu xanh. Rất khác với hình thù loan phượng của các quan văn và hình thù lân ly của các quan võ, trên ngực áo thái giám thêu hoa màu xanh nền đỏ. Nét đặc biệt nhất trong trang phục của thái giám là cái mũ màu đen thêu chỉ vàng hình một con ve và một cái đuôi con chuột. Một biểu tượng hiểu như là người thái giám được ví với con ve sống tinh khiết với những giọt sương trên cánh để phục vụ. Đồng thời, thái giám cũng ví với con chuột chui rúc, len lỏi được vào bất cứ khe hở nào kín đáo nhất trong nhà.

Hơn một năm, từ ngày vua Minh Mạng lên ngôi, lần đầu tiên Trí Hải được triệu vào cung. So với vua Gia Long, người lên làm vua sau cuộc binh đao, trực tiếp cầm quân chiến đấu và chiến thắng với sự kiên trì, thao lược, thì vua Minh Mạng là một ông vua hành chánh. Điển hình là một người con vua được đào tạo cẩn thận để lên làm vua trong khung cảnh “bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng” của vua cha truyền lại. Vua Minh Mạng tập trung vào việc củng cố quyền lực đương triều ngay từ khi mới lên ngôi. Hướng đi đã quá rõ ràng: Tiến gần với Trung Hoa và chống Tây Phương. Chống Tây Phương chẳng phải là một sách lược quốc kế dân sinh mà là một phản ứng tình cảm trước mắt. Phải xóa sạch ảnh hưởng còn sót lại của hoàng tử Cảnh, đồng cung thái tử đã được vua Gia Long giao cho linh mục Bá Đa Lộc lúc mới lên 5 để đem qua Pháp đào tạo, chuẩn bị nối ngôi. Hoàng tử Cảnh bắt

ngờ chết sớm, nhưng con cái và kẻ tâm phúc vẫn còn sống là bóng đen còn đe dọa. Nhân vật gần gũi nhất với hoàng tử Cảnh và tiếp cận với người Pháp một cách chính thức, công khai được vua Gia Long chuẩn nhiệm là Trí Hải. Thế nhưng bao nhiêu sự nhòm ngó, rình rập, theo dõi công khai lẫn bí mật vẫn chưa nêu ra được một nghi vấn nào về hành vi xử sự thiên lệch của Trí Hải. Sự thẳng thắn và trong sáng của Trí Hải làm cho mọi người vừa kính nể vừa khó chịu. Kính nể đã đành, nhưng khó chịu vì chân dung con người phải là một bức tượng đóng rêu; bức tượng phải hoen ố, nếu không vì bão tố, cũng vì thời gian. Bức tượng trong sáng hoài làm cho sương tuyết và thiên hướng sinh diệt của con người mất đi chỗ dựa tự nhiên và cũng không còn nơi trú ẩn quen thuộc của nó. Trí Hải là một loại tượng đài không dựng bằng hình hài hiện thực mà lại được dựng lên đâu đó trong những góc khuất của tâm hồn cây cỏ.

Trời đã gần trưa, nắng chiếm gần hết các tấm đá sẫm màu của sân chầu. Các tầng cấp đá thanh chạm hình rồng vắng bóng người. Ngoài sân chỉ còn hai con nghê bằng đồng, tượng trưng cho uy quyền của vua, có vẻ như đang đứng gác. Trong khung cảnh của một đại tiền đình rộng mênh mông, các trướng liễn đỏ chói, vàng óng ánh, các cột lớn chạm trổ cầu kỳ và công phu được sơn son thếp vàng rực rỡ soi bóng xuống nền đại sảnh bóng láng như gương. Xa khuất trong bóng mờ của một thiên các màu hoa lý, cô lập sau làn khói nhẹ tỏa từ lư trầm, nhà vua vẫn còn đỉnh đạc ngồi đó sau buổi lễ đại triều. Các quan văn võ đại thần lương đông của triều đình được lệnh ở lại chầu vua trong một phiên nghị sự bất thường.

Thình lình có hiệu lệnh, tất cả đều im bật. Ngay tiếng thở khò khè của các vị quan già cũng phải nén bót. Một vị quan triều từ cánh tả tiến đến trước ngai vua, lạy năm lạy và quỳ sang một bên đọc lệnh. Thì ra đây là bản văn luận tội Trí Hải về việc tham gia đánh cờ tại kinh đô, làm kinh động triều đình và bá tánh trong thời điểm có quốc tang.

Các quan không ngạc nhiên về bản án mà nín thở chờ đợi cái gì sẽ đến. Không ai nghĩ Trí Hải là một nhân vật thân Tây hay là vây cánh của hoàng tử Cảnh cần phải nhanh tay trừ khử. Nhưng thà dập tắt một con đom đóm nghi ngờ vẫn hơn là mất công chữa đám cháy về sau.

Lời tuyên đọc án lệnh chấm dứt từ lâu mà bá quan vẫn im lặng như tờ. Nhà vua tuy có quyền uy tuyệt đối, nhưng vẫn cần một sự luận tội tập thể của quần thần trên thân phận những nhân vật tiếng tăm lẫy lừng như Trí Hải. Trên những chiếc chiếu gấm màu rực rỡ dệt khéo tay, hướng về phía ngai,

Trí Hải đứng cùng với hai vị hoàng thích gần gũi nhất với vua, chờ đợi. Cậu bé ngoan ngoãn ngày xưa, bước đi không dám động gót giày, chí thú hầu hạ bên cạnh vua cha mỗi lần Trí Hải đến viếng vua Gia Long bây giờ là hoàng đế đương triều.

Sự im lặng vẫn kéo dài sau lời truyền của vua gọi các quan tham gia bình nghị. Trong giây phút nghiêm trọng này, đối với các lão thần thì sự lo sợ bị quở về thái độ lặng im tiêu cực không thắng nổi ưu tư về tai tiếng vô hình đầy khắc nghiệt của bia miệng đời sau. Thà ngậm miệng như đậy bình, giữ ý như giữ thành dầu sao vẫn an thân hơn là lên tiếng trong lúc này.

Trong không khí trầm trịch khó thở, tiếng con doi đôi chỗ cũng nghe rõ mồn một. Từ sau chiếc cột chạm rồng leo, lộ ra bộ mặt nhẵn nhụi và chiếc áo lục dài của vị trưởng thái giám. Vì có cơ hội tiếp cận với nhau thường xuyên trong chốn thâm cung, Vua và các thái giám hầu cận rất ít khi nói với nhau bằng lời. Vua chỉ cần lừ mắt, liếc mắt, mím miệng hay ra hiệu chỉ bằng ngón tay... là các thái giám đã hiểu một cách rõ ràng và thi hành mệnh lệnh rậm rạp, tức thời. Trong không khí im lặng nghẹt thở, viên trưởng thái giám đã bắt gặp một tín hiệu nào đó của nhà vua. Khuôn mặt trắng xanh của ông khi nhợt nhạt, khi lấm tấm đỏ lên, với dáng nhấp nhòm không yên, chứng tỏ người thái giám trưởng đang chiến đấu dữ dội với một tình trạng khó xử nào đó. Cuối cùng, người ta thấy mặt ông vã mồ hôi, mắt như lạc đi, miệng méo xệch khi ông cố thẳng lưng bước ra, đứng khép nép trước mặt bá quan văn võ. Ông liếc cạn Trí Hải mấy lần trước khi thu hết can đảm đứng ra hải tội.

Trước sự ngạc nhiên đến chung hứng của lớp quan triều đang nén thở chờ đợi, giọng the thé của viên trưởng thái giám cô làm ra vẻ đĩnh đạc cất lên:

- Muôn tâu hoàng thượng, khái bẩm chư bá quan văn võ. Tôn ông Trí Hải là bậc trí giả tài cao học rộng nhưng hành xử còn thua kẻ thất phu. Trong lúc đại tang của tiên vương vừa mới giáp năm, bá tính lòng đau như cắt, nước mắt còn chảy mỗi ngày thì hoàng thân Trí Hải đã mải lo việc cờ bạc vui chơi. Lại nữa, Thái Ấp là ơn vua lộc nước ban cho vậy mà dám đem ra đặt trên chiếu bạc với Hàn Kỳ Vương. Tội lớn tày trời, xin nghiêm trị để làm gương cho bá tánh!

Tiếng nhón nháo của giới quan triều từ lâu im lặng bắt đầu nổi lên sau lời tâu của viên trưởng thái giám. Vua phải dẫn hót ngà thành tiếng để ra dấu im lặng.

Các quan hầu chánh điện lom khom đi quanh thì thảo nói vào tai các quan để thỉnh ý có ai muốn phát biểu, nhưng chẳng có ai đủ can đảm tâu trình lời nào trong giờ phút nghiêm trọng này. Hầu như mọi đôi mắt đều mở lớn dồn về phía Trí Hải để xem phản ứng của ông ra sao. Ván cờ lịch sử trên sông Hương vừa qua càng tạo điều kiện cho những giai thoại về Trí Hải được thổi phồng như chuyện huyền thoại. Nét giả tưởng, huyền thoại có vẻ như rất hợp với dáng dấp và vẻ mặt của Trí Hải trong không khí nghị triều im phăng phắc này. Trí Hải ngồi im lặng, một nửa người khuất sau bóng của cột điện chạm rỗng phụng dát bạc, dát vàng nổi trên nền sơn rực rỡ. Đôi mắt chẳng nhìn ai. Khuôn mặt thanh tú sáng lên nét thông minh và tĩnh lặng. Người ta có cảm giác thân xác Trí Hải không còn thuộc về cõi trần gian ô trọc này. Nó sẵn sàng bay lên nhẹ như bông. Vẻ an lạc của Trí Hải ít nhiều gây nên sự ghen tức biến thành căm giận trong tâm lý của một số quan triều. Đây là những vị Ba Gấm thường xuyên run rẩy khi bước chân vào chánh điện mà hoàng thượng đang triều đang ngự trên ngai. Sự bình thân gần như không nghe, không thấy của Trí Hải trước lời buộc tội gay gắt của trưởng thái giám được suy diễn thành thái độ cao ngạo và thách thức.

Quan hành khiển bộ Công bắt được tín hiệu của của hoàng thượng qua viên trưởng thái giám. Ông ta đứng lên tâu trình ý kiến. Ngoài sự lập lại ý chính của thái giám, quan hành khiển còn sụt sùi khóc lóc vì nhớ tiên đế vừa băng hà. Tám màn trình diễn đã được kéo lên. Hàng đại quan nhất phẩm triều đình đã đạt đến đỉnh cao của danh vọng nên thường cân nhắc lời nói trước mặt hoàng thượng hết sức cẩn trọng. Bởi vậy, các đại thần đều im lặng. Nhưng đây là phiên chợ lý tưởng của các quan nhỏ từ nhị hay tam phẩm trở xuống cạnh tranh nhau. Rất ít quan chịu mất điềm trong cơ hội nghìn năm một thuở này. Vị quan sau phải khóc to hơn và lời hài tội Trí Hải cũng phải gay gắt hơn các vị quan trước mới mong chiếm thế ưu việt thượng phong. Vua phải ra lệnh cho phép nói, nhưng cấm khóc mới tránh được tình trạng có thể có quan chuẩn bị lăn đùng ra ngất xỉu vì... tiếc thương tiên đế.

Trí Hải phải nén lắm mới ngăn được giọt nước mắt sắp sửa rơi xuống. Nỗi cảm thương dấy lên trong lòng Trí Hải không phải để thương nhớ ai mà vì thương cho vận nước. Những năm theo hoàng tử Cảnh ở thủ đô Pháp thời trước Cách mạng 1789, Trí Hải đã chứng kiến, tuy không hiểu hết mọi góc cạnh sâu xa của vấn đề, nhưng đã tới tận nơi, theo đám người trẻ vỗ tay hoan hô, la hét, cổ vũ những cuộc tranh luận chính trị thẳng thắn, công bằng giữa giai cấp lãnh đạo, quý tộc và các thành phần xã hội. Điều sống cõi mở này đã tạo ra sức mạnh cho đất nước Pháp chuẩn bị phiêu lưu vào những cuộc chinh phục thế giới. Qua những cuộc tiếp xúc với người Pháp đến Việt Nam,

Trí Hải thấy được chiến lược từng bước chiếm Viễn Đông làm thị trường thuộc địa của Pháp là điều không tránh khỏi. Thế nhưng cả vua quan đương triều không hề quan tâm chuyện bên ngoài. Lời bình nghị trong các dịp dâng triều để quan có dịp tâu trình lên vua những quốc kế dân sinh thì toàn là những lời tung hô, nịnh hót, tâng bốc. Dối trá trở thành một phương tiện phổ thông để ẩn mình hay tiến thân trên đường bá đạo. Theo dõi các quan nhỏ muốn thành quan to nên phải bắt chước nhau lập lại lời nói ngớ ngẩn và sự kết tội vu vơ do viên trưởng thái giám mở màn để làm vui lòng vua, Trí Hải ngao ngán thở dài. Đã chuẩn bị tinh thần từ ngày âm Thuyền và phe cánh hoàng tử Cảnh bị triệt hạ, Trí Hải chẳng cảm thấy một chút gì nao núng tinh thần hay sợ hãi. Nhưng nổi buồn từ đâu lại đến. Nhìn chiếc thuyền chở nặng đang xuôi dãn phía mũi nhưng phía lái vẫn hát hò. Nói chẳng ai nghe mà còn bị cho là muốn phá hoại cuộc vui.

Các quan như đang say sưa trong cuộc ném đá lên đầu kẻ bị cho là “dị giáo” thời trung cổ.

Vua lại phải dần hốt ngà lần nữa để bảo các quan im lặng. Những tiếng nói kia dù nhiều ít chừng nào thì cũng chỉ là tiếng lao xao. Vua và các quan đều đang chờ đợi một tiếng nói chung cuộc. Tiếng nói có uy thế từ thời tiên đế nên mọi người đều hiểu sức mạnh đầy ngụ trị của nó: Tiếng nói của Quan thượng thư bộ Hình Lê Trung Ân.

Không khí thâm cung vẫn hồi trở lại khi Lê Trung Ân, thủ lĩnh sĩ phu Bắc hà và cũng là đương kim thượng thư bộ Hình lên tiếng:

- Tâu hoàng thượng, chiếu theo luật nước đã đặt định từ thời tiên vương, quan thái giám không được lạm bàn vào việc nước hay bất cứ việc gì lớn nhỏ liên quan đến pháp chế của triều đình. Nay quan tổng thái giám đã công khai vi phạm. Vậy theo hình luật đương triều, tội đáng xử chém đầu, không có trường hợp giảm khinh, cải án! Cúi mong hoàng thượng ban chỉ.

Lập tức sau lời tuyên án của quan chấp pháp, người ta thấy bộ phẩm phục màu lục và bộ mặt kính hoàng của quan quản thái giám rơi xuống nền nhà, tiếp theo là tiếng rên dài như tiếng thét tuyệt vọng:

- Ôi! Cha mẹ ơi, chết con rồi!

Sự nghiêm cẩn của Lê Trung Ân trong vai trò trọng thần chấp pháp đã nổi tiếng từ thời vua Gia Long nên chẳng ai lên tiếng để cứu một thái giám đến

hồi thất thế. Xoay qua vấn đề Trí Hải, Lê Trung Ân trình bày một cách vừa đủ:

- Tâu hoàng thượng, đánh giặc bằng gươm giáo hay đánh giặc bằng trí óc, mỗi cách thế đều có sự quan trọng và ý nghĩa riêng của nó. Hàn Kỳ Vương không đem quân lính mà đem quân cờ từ nước lớn Trung Hoa vào khiêu chiến nước ta, làm cho bá tánh bị trêu ngươi, người người nổi giận. Hoàng thân Trí Hải đấu cờ với Hàn Kỳ Vương là một cuộc đấu trí rất gay go không thua gì trận quyết đấu binh hùng tướng mạnh một còn một mất trên chiến trường. Xét về cả hai mặt pháp lý và đạo lý chẳng những không có gì sai phạm mà còn chấm dứt được sự khiêu khích gây hiểu lầm và thù nghịch giữa dân ta và giới Hoa kiều tại kinh đô khắp nơi trong nước. Đây không phải là hành vi cờ bạc vui chơi mà đây là một cuộc chiến đấu bằng trí óc giữa nhân tài hai nước. Hoàng thân Trí Hải đã có công to phò tiên đế từ thời dựng nước. Tâm của Hoàng thân sáng như sao khuê. Hành động của Hoàng thân là một sự dấn thân đầy tài ba và can đảm. Đứng về mặt bảo vệ danh dự và quyền lợi của triều đình và bá tánh, Hoàng thân đã làm một việc tốt đầy quang minh chính đại. Nếu đã không xét về công thì thôi, chứ lẽ nào lại đi luận tội.

Các quan nhất phẩm cảm thấy quả thật “lời nói là bạc, im lặng là vàng”. Các quan nhị phẩm, tam phẩm đã lờ phóng lao nịnh hót chóng mặt nhìn nhau.

Tiếng nói sang sảng qua lời tâu của Lê Trung Ân đầy sức thuyết phục, vừa chan chứa tình người, vừa đượm tình đất nước làm cho các quan văn võ, phần đông là các vị lão thần, bồi hồi nhớ lại buổi đại tiệc gần hai mươi năm xưa ở Ngự Viên giữa nhóm sĩ phu Bắc Hà và vua Gia Long. Những tâm hồn trải dài theo chiều dài của đất nước và vươn lên theo chiều cao của lương tri vẫn thường xuyên bị vật vờ với gió chướng từ mọi phía. Vững vàng thì đứng dậy mà chao đảo thì co cụm rút lui và tàn lụi như đám ma Hời Chiêm quốc.

Sau lời tâu của Lê Trung Ân, nhìn một lượt sự bày tỏ hiện ra trên khuôn mặt các đại thần rường cột của triều đình, nhà vua cũng biết được là giới trọng thần đang mạnh mẽ ủng hộ ý kiến của Quan thượng thư bộ Hình. Quyền lực của vua mang danh nghĩa nằm trên thiên hạ nhưng thực tế lại ở trong tay các đại thần. Vua biết là không nên và không thể đi xa hơn nên lạnh lùng “chuẩn tấu” và ra lệnh bãi triều.

Từ trên gò cao đỉnh Thái Ấp, Phạm Xảo có thể nhìn bao quát khu dân cư trải dài trên cánh đồng mênh mông loáng nước đang đợi mùa cấy Đông Xuân. Lác đác trên đường quê, có nhiều nhóm nông dân đang gánh gồng bồng bế nhau di chuyển ra khỏi làng. Phạm Xảo men theo con đường quê, bước lần đến gần hỏi chuyện. Những người ra đi cúi gằm mặt, lầm lũi bước, chẳng ai nói với ai một lời. Hết nhóm này qua nhóm khác, cuối cùng mới có một cụ già nhìn trước nhìn sau nói nho nhỏ:

- Vừa qua, có mật chỉ từ quan triều đưa xuống rằng, Hoàng thân chủ Thái Ấp bị Hoàng thượng hạch tội, chúng tôi ở trong vùng chủ quản của hoàng thân sợ bị liên lụy nên đành phải bồng bế nhau ra đi.

Không hỏi thêm lời nào, Phạm Xảo quay về dinh ông Hoàng, gặp Trí Hải để báo tin nông dân rời Thái Ấp như một dấu hiệu chẳng lành rồi lên tiếng:

- Đón cây to không ngã, giờ bút lá chặt cành...

Trí Hải nhìn về phía ruộng đồng, thoáng ưu tư nhưng chẳng nói gì. Phạm Xảo lại bình luận:

- Còn đám nông dân kia thật là bạc nghĩa. Hoàng thân đối với họ trước sau như bát nước dầy, như tình thân quyến vậy mà chỉ mới nghe qua một tin đồn chưa rõ đầu đuôi thế nào đã vội bỏ đi. Tại sao chúng ta không giữ họ lại để nghe giải thích cho rõ ràng rồi đi hay ở tùy ý.

Trí Hải vẫn điềm nhiên:

- Tội nghiệp cho đám nông dân nghèo khổ và thật thà, họ đáng thương hơn là đáng trách. Thời nào họ cũng chỉ là công cụ áo cơm. Đất lành thì chim đậu, đất dữ thì bỏ đi là tâm lý thường tình. Người xưa có nói “thuận Thiên đã tồn, nghịch Thiên đã vong” nghĩa là thuận với Trời thì còn mà nghịch với Trời thì diệt. Trời là hình ảnh của một sức mạnh không chế mọi chuyện. Trời giữa trần gian này là Vua, là quan quân triều đình. Đã đến lúc chúng ta cần phải buông bỏ tất cả thói huynh. Còn một chút gì vương mắc quanh ta là sẽ bị coi như còn cầm khí giới.

Phạm Xảo không tán thành:

- Như vậy là buông tay, chấp nhận thua cuộc mà không có một phản ứng nào để bảo vệ cho mình à?

- Trận chiến của lương tri thường không có biên giới và vũ khí rõ ràng, nên thắng có khi là thua và ngược lại.

- Một kẻ giết người cướp của là thua hay thắng trong trận chiến lương tri?

- Đã không có lương tri thì làm gì có trận chiến, có thắng hay thua. Mất lương tri thì tất cả chỉ còn là bóng đen của một sự trống rỗng vô tận hay là một cuộc hủy hoại tàn độc mà thôi.

Hai người im lặng đuổi theo ý nghĩ riêng. Nguồn suy tưởng của mỗi người khi đây áp chuyện đời, khi trống trơn chả có bóng dáng nào lai vãng.

Rồi những ngày xôn xao về tin đồn và phản ứng của người dân Thái Ấp đi qua và người dân trong vắng lặng. Khu làng trù phú một thời trong Thái Ấp thưa dần. Hơn năm trăm nóc nhà ngày trước nay chỉ còn trơ lại vài chục gia đình nông dân khó khăn đành phải ở liêu tại chỗ.

Hình như tất cả những cái nhìn ái ngại của phía hoàng tộc và triều thần đều dồn về phía Trí Hải. Có rất ít kẻ hể hê đáng kiếp, có người thương cảm ưu tư, nhưng phần đông xót xa thảm lặng. Trí Hải và cuộc đời như một cuốn sách viết chuyện thần tiên, vừa gần vừa xa với mọi người nhưng hoàn toàn vô hại. Một cốt tiên mang dáng người phàm không làm cho ai mất công tìm kiếm hay xua đuổi. Nhưng khi nhân vật có dáng huyền thoại ấy sắp bị đọa vì sự nổi giận của thiên đình, người trần chẳng có ai tưởng tượng sẽ đưa lưng ra đỡ. Từ trong ước mơ thắm kín là thế giới tự do tuyệt đối, con người tha hồ bày tỏ sự khen chê. Người nông dân ra đi mà tấm lòng vẫn còn để lại. Người ta không ở lại để làm ruộng nhưng vẫn thường xuyên ghé về Thái Ấp. Mảnh đất trồng lúa ngày xưa nay được chia mảnh để trồng hoa như một cử chỉ bày tỏ lòng thương quý chủ nhân. Ai cũng biết Trí Hải là người yêu hoa và là một nhà chơi hoa tài tử ở kinh thành.

Cuối mùa Xuân, khi bắt đầu nắng ấm, hoa nở rộ muôn màu muôn vẻ. Được bàn tay của hàng trăm nông dân sớm sớm, chiều chiều tạt qua chăm bón, những cành hoa nhanh chóng vươn mình lên lấp đồng cỏ dại. Cả Thái Ấp là một rừng hoa rực rỡ tuyệt vời. Hoa Thái Ấp phát khởi từ những nâng niu và tấm lòng yêu thương của người nông dân đơn giản thật thà nên cả sắc và hương đều thoát ra đáng vẻ dịu dàng, thanh thoát. Hoa nơi đây không phải là những loài hoa quý tộc, vương giả, được chăm bón thường xuyên và điệu nghệ như ở hoàng cung và kinh thành. Nhờ vậy, sự nẩy mầm vươn lên và trở hoa tự nhiên, hài hoà bằng vẻ đẹp không kiêu sa mà gợi cảm. Nét đẹp hồn nhiên đi thẳng vào lòng người. Khi con người đã nhận ra tín hiệu của

cái đẹp thì cái đẹp tự nó sẽ cung đón tâm hồn về ngự giữa trần gian đầy thánh thiện.

Rừng hoa Thái Ấp làm chấn động kinh thành, nhưng chẳng có ai đi xử tội một rừng hoa. Giữa mùa hoa, người bốn phương kéo đến xem hoa trùng trùng như trẩy hội. Tài tử giai nhân trái lòng hít thở trong thế giới hương sắc của vạn loài hoa. Điều họ mong ước nhất mà chẳng bao giờ thỏa mãn, đó là làm sao gặp được hoàng thân chủ Thái Ấp một lần. Không ai biết rằng sau đây trường thành trên đồi xa, cả Trí Hải, Phạm Xảo và đôi ba gia nhân còn ở lại đang xới đất, ương cây, tự lo lấy miếng ăn vì kho lương thực của Thái Ấp đã tháo khoán phát hết cho nông dân. Thuế canh điền là nguồn lợi tức duy nhất cũng không còn.

Phạm Xảo ngạc nhiên với sự làm lụng chăm chỉ của Trí Hải. Dường như Trí Hải để hết tâm tư trên từng luống đất. Mỗi lát cuốc vững vàng và chắc nịch như người nông dân từng trải tay nghề. Trí Hải cười vui hồn nhiên và có vẻ như chẳng để thì giờ hay khoảng trống của đầu óc để mắt công suy nghĩ điều gì xa hơn là việc làm trước mắt. Một lần trong bữa cơm chiều, Phạm Xảo hỏi:

- Tôi vẫn thắc mắc là tại sao hoàng thân lại có vẻ thoải mái và vui vẻ trong một hoàn cảnh đáng buồn và vất vả như những ngày này?

Trí Hải chưa trả lời mà hỏi lại:

- Thế huynh có thấy thoải mái và vui vẻ trong công việc tay chân mới mẻ này không?

Phạm Xảo trả lời không do dự:

- Thật lòng là không. Tôi làm vì phải làm để lo nhu cầu cơm áo mà thôi.

Trí Hải hỏi lại:

- Cơm áo để làm gì?

- Để sống.

- Vậy thì mình tự tạo sự sống cho mình không phải là điều đáng vui sao huynh?

Phạm Xảo không nói gì, Trí Hải nói như gọi lại tâm sự:

- Hơn nửa đời người, tôi sống nhờ người khác. Người khác đổ mồ hôi và sức lao động để tạo ra miếng ăn và sự sống cho tôi chỉ vì tôi được sinh ra trong họ hàng vua chúa. Tôi đã làm được gì để có được dinh cơ và Thái Ấp này.

- Tôi hiểu. Nhưng đó là sự phân công xã hội. Người được lãnh đạo phải làm ra của cải vật chất để nuôi sống người lãnh đạo.

- Ai cho con người quyền lãnh đạo người khác?

- Người có sức mạnh và tài năng thì nắm quyền lãnh đạo là lẽ tự nhiên.

- Vẫn có biết bao nhiêu nhân vật xưa nay chẳng có tài năng gì cả nhưng vẫn nắm quyền lãnh đạo. Như trường hợp những vị ấu chúa, lên ngôi hoàng đế để chặn dất muôn dân mà còn mũi chày lò thò, chẳng hạn, thì tài năng ở đâu?

- Không có tài năng nhưng có sức mạnh của quan quân và dòng họ vua bao quanh ấu chúa.

- Đây chỉ là một cách nói khác của luật sinh tồn mạnh được yếu thua mà thôi. Bởi vậy, sự bất lực và yếu đuối nhất của con người là chẳng ai cầm được vận mệnh của chính mình. Người ta vừa là chủ nhân vừa là nạn nhân; vừa là kẻ lãnh đạo vừa là người bị lãnh đạo. Sự thay đổi nhiều khi là một đời, một thời hay một khác... của sự thuận thời, đắc thế mà thôi.

- Như vậy, xã hội là một mớ hỗn mang, chẳng có quy luật gì cả hay sao?

- Có chứ. Có quy luật nhưng là quy luật của chính nó hay nói khác hơn là của chính khung cảnh và thời điểm nó xuất hiện. Sẽ không có hai ánh sao băng hoàn toàn giống nhau trong dải thiên hà trên kia; cũng như không bao giờ có một quy luật xã hội có thể đem ứng dụng đúng đắn cho tất cả mọi thời dưới cõi thế này.

Phạm Xảo đứng bên cửa sổ nhà ăn nhìn về phía thôn ấp dưới kia, hỏi một cách mệt mỏi:

- Hoàng thân có dự tính gì cho Thái Ấp trong những ngày sắp tới? Không lẽ chúng ta lại cùng nhau biến thành nông dân cuộc đất bất đắc dĩ như thế này mãi?

Trí Hải lắc đầu nhè nhẹ:

- Huynh không thấy một rừng hoa dưới kia sao? Ruộng hoang biến thành rừng hoa ngoài sự dự tính của tất cả mọi người chỉ trong một thời gian ngắn. Cái tâm lúa gạo của người nông dân nở hoa được như thế này cũng vì những mầm hoa đẹp nhất đã được vun xới và đâm chồi nảy lộc trong lòng mỗi người Thái Ấp này từ bao nhiêu năm qua. Tìm ngày mai trong chính những gì chúng ta đang làm hôm nay. Vì chúng ta buông xả tất cả để tháo khoán hết kho liềm lúa gạo tích trữ mà cấp cho nông dân khi họ đang gặp lúc ngặt nghèo mất mùa lúa, nên hôm nay mới được mùa hoa.

Phạm Xảo xoa hai bàn tay chai đất của mình vào nhau và vịn khung cửa sổ đứng nhìn. Người từ kinh thành về xem hoa như hội. Những khóm hoa, luống hoa, vườn hoa và cả biển hoa huy hoàng nở rộ. Hoa phoi phới như một sự đền bù cho nụ cười không nở được khi người nông dân cầm nín bỏ làng ra đi. Phạm Xảo không ngoái lui mà vẫn cảm nhận được có một nụ cười của Trí Hải đằng sau.

- Đẹp quá!

- Cả Thái Ấp nở hoa... và chúng ta đi cuộc đất!

Không biết ai là lời khen, ai là tiếng vọng; nhưng cả hai đều hướng đến một nụ cười đầy hoa và đầy tiếng đùa vui của một ngày mới nở

---o0o---

Chương 09 - Rỗng Lặng

Chẳng ai phân biệt được đó là ngôi nhà hoang, cái miếu cũ hay ngôi chùa cổ nếu không có âm thanh ngân nga như tiếng cầu kinh từ một nơi xa vắng vọng về. Tất cả ẩn sau tàn cây xanh. Mái ngói đóng rêu xanh rì và mép ngói nhấp nhô sắp đến hồi sứt lở. Sợ gây tiếng động làm tì vết tiếng hát trong ngần, Trí Hải và Phạm Xảo rón rén vén hiên lá bước vào. Phải qua cái cổng gạch tô vôi hào loang lổ mới đến cái bình phong chắn trước bể cạn nứt nẻ lâu ngày không còn một giọt nước. Núp dưới bóng những cây sanh, cây bồ đề, cây phong... cổ thụ, ngôi nhà gạch xưa cũ suốt ngày không ngoi lên được cho ánh nắng mặt trời rọi vào, dù chỉ là dăm bảy chấm nắng vàng lóm đóm.

Trước hiên nhà, hai mẹ con mèo mướp quỵện nhau nằm ngủ lim dim. Trong số những người ngồi xếp bàn hay duỗi chân, lưng tựa vào tường thoải mái, có cả thằng Vui điên nổi tiếng cả kinh thành. Thằng Vui điên nổi tiếng một cách tội tình không phải vì được phong tước vương hầu, hay vì đậu bằng tiến sĩ làm ông nghè ông cống mà chỉ vì cái quần đùi. Quanh năm nó chỉ có độc một chiếc quần xà lỏn. Mưa lạnh buốt da cũng như nắng cháy lưng trần, thằng Vui chỉ thẳng độc nhất cái quần xà lỏn với đầu trần, mình trần và chân trần chạy rong khắp kinh thành. Tấm giấy thông hành độc nhất của nó là nụ cười muôn thuở trên môi. Nụ cười bất tận trên khuôn mặt tiều lâm và cái quần cộc của thằng Vui đã an ủi được cả những kẻ khốn cùng nhất. Nhìn thằng Vui chạy tóe nước trong cơn lạnh mùa đông cắt da của xứ Huế, người khốn khổ nhất cũng cảm nhận và an ủi được rằng, ít ra trên đời cũng còn có kẻ khốn cùng hơn mình.

Tiếng tụng kinh của ai đó như một tiếng hát phiêu linh. Ngôn tự vẫn ràng buộc trong một qui ước mơ hồ của lời kinh. Nhưng âm thanh bay lượn vào cõi mênh mông, không phải đậu trên mỗi nhịp chuông, tiếng mõ. Âm thanh hồn nhiên như tia nắng mai phủ cả bầu trời lồng lộng:

Sâu thăm, cao vời huyền diệu quá

Trăm, ngàn, vạn kiếp khó tìm nhau

Nay nghe thấy được điều tâm nguyện

Hiểu nghĩa Như Lai ý nhiệm màu...

Trí Hải nhắm đọc theo bốn câu "Khai kinh kệ" bằng chữ Hán:

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp

Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ

Ngã kim kiến văn đắc thọ trì

Nguyện giải Như Lai chơn thiệt nghĩa

Cuối căn phòng không rộng, mờ trong ánh sáng xanh hắt ra từ những bờ lá thấp phản ánh mặt trời, một nhà sư áo vàng ngã màu đất sậm, giơ cao dùi mõ nhưng không đánh xuống mà chỉ chạm vào thành mõ rất khẽ, tạo ra một âm thanh đục trầm thâm sâu mà không dội. Giọng nhà sư trong và ảm, ngân nga

tự do như hoà điệu với thời gian buổi chiều trôi chậm chậm ngoài kia. Cùng với đám người đang ngồi sẵn lặng nghe từ bao giờ, Trí Hải và Phạm Xảo chẳng ai nói với ai một lời, cùng ngồi xuống. Có những thanh âm huyền diệu làm cho tiếng lá rơi cũng thành một tạp âm chẳng ai chờ đợi. Có những sự gào thét im lìm mà chỉ có tâm thức mình nghe. Tiếng niệm kinh của nhà sư chấm dứt lâu rồi mà đám người nghe vẫn còn ngồi im lặng trong vầng vất của dư âm. Cho đến khi nhà sư đứng dậy, tươi cười tiến về phía cửa vào, mọi người mới lần lượt di chuyển theo.

Một chút ngỡ ngàng nhưng không mấy ngạc nhiên khi Trí Hải nhận ra nhà sư là người đốt than đã gặp trên núi. Trí Hải bước đến trước mặt nhà sư, chào hỏi:

- Xin chào sư bác. Sư bác còn nhớ tôi không?

Nhà sư nhìn Trí Hải với đôi mắt dịu hiền và tươi mát của người mới gặp lần đầu, trả lời một cách hồn nhiên làm người nghe chung hứng:

- Có mà không!

Trí Hải cố gọi lại điềm tựa của ký ức:

- Lần đầu chúng ta gặp nhau khi sư bác đốt than và lần cuối gặp nhau là khi sư bác nhắc tôi về cái "tâm không – xả bỏ..." trong thuật đánh cờ đó mà, lẽ nào sư bác lại không nhớ?

Nhà sư vẫn giữ dáng cười hiền hậu và chân tình, trả lời:

- Không nhớ quý hữu mà chỉ nhớ một nhân vật cao cờ đang chết đuối. Đã ngoi lên bờ được rồi, sao quý hữu không nhớ hiện tại mà phải quay lui mang quá khứ về đây?

Trí Hải vẫn thắc mắc:

- Không có quá khứ thì làm sao có hiện tại. Không có hiện tại làm gì có tương lai?

Giọng nhà sư nhỏ lại và trầm xuống như nhắc nhở:

- Ích gì đâu để kéo những vui buồn đã qua hay chưa tới. Cột dính chùm quá khứ với hiện tại, làm cho hiện tại bị lay động và mất hết vẻ hồn nhiên vì

những cái không phải là chính nó hay của nó. Cơm nóng hôi hổi trước mắt không chịu ăn lại phải trộn cơm nguội hôm qua và gạo sống chưa nấu vào cơm nóng trước mắt để làm gì. Mỗi lần gặp nhau muốn có niềm vui và giao tình chân thực thì cần được xem như là lần đầu và cũng là lần cuối. Quên chuyện đã qua và khoan nghĩ tới chuyện chưa đến để dành cho hiện tại chút tươi mát, thanh thoi. Lắng lòng nghe một câu kinh, uống một chén nước chè xanh và giữ lòng an lạc là hạnh phúc trong tầm tay. Nắm lại và giữ nguồn hạnh phúc khỏi mất tiền mua vì nó ở trong ta. Nào mời quý hữu...

Vị sư đưa tay mời nhóm khách lơ thơ chừng mười người vào lại căn phòng trống duy nhất của ngôi nhà gạch quá cũ kỹ rêu phong để dùng trà. Quay về phía Trí Hải bên cạnh, nhà sư nói vừa đủ hai người nghe:

- Quý hữu biết rồi, một ngày qua là một chuỗi đổi thay. Trong giờ khắc này quý hữu gặp tôi là một thầy tu; và quý hữu là một khách thập phương ghé lại nghe kinh. Bị than không còn trên vai tôi và những thế cớ cũng chẳng còn trong trí quý hữu. Mỗi chúng ta là một con người khác, một nhân vật mới. Mọi người, mọi vật đều đang thay đổi. Sự thay đổi tiếp diễn liên tục trong từng nháy mắt. Có khi sự thay đổi toàn triệt đến tận cùng như là chết đi và sống lại...

Trí Hải chợt nhận ra cái ý nghĩa thâm sâu trong giọng nói ám áp của nhà sư:

- Ý sư bác muốn nói đến sự vô thường trong từng nhấp nháy của dòng sống không biết đâu là điểm khởi đầu hay kết thúc?!

Nhà sư im lặng thay cho một sự trả lời đồng tình. Đám khách thập phương, từ người mặc áo gấm lam có hoa văn chìm, thêu nhãn hiệu "Cô Ba Gấm" nức tiếng đương thời—một chỉ dấu thuộc hàng quý tộc—đến những người dân nghèo áo quần vá chằm, vá đụp, đều ngồi xuống nền nhà lát bằng đá thanh đã nứt nẻ nhiều nơi nhưng còn sạch sẽ. Cái bình trà lớn và chục cái chén đất nhỏ kiểu rất lạ bày sẵn trên hai tàu lá chuối xanh còn nguyên vẹn để giữa phòng. Nhà sư mở cửa hông, đến bên lò nước đang sôi, xách ấm nước sôi chế vào bình trà với một phong thái nhẹ nhàng và cẩn trọng. Mùi thơm phảng phất thoảng hương khói man dại của một loại gỗ rừng đang cháy lọt vào khung cửa hẹp. Trí Hải nhắm mắt và hít mạnh. Mùi hương cũ của bếp than đang cháy bị nhà sư tưới nước tắt nửa chừng trong rừng hôm nào phả mạnh vào mũi. Từng cảm quan bén nhạy nhất của Trí Hải trỗi dậy. Thì ra, than chín chỉ mang lại sức đốt, nhưng than "sống" mới mang theo hơi hường của loài cây phát sinh ra nó.

Trà đến từ đọt non mới nhú ra hai lá của vô số cây trà hoang trên núi mà nhà sư đã hái về ướp sen rồi sao khô để dành đãi khách. Hương trà thơm như hương rừng tổng hợp muôn ngàn cây núi. Vị trà chát đầu lưỡi, lưu lại vị ngọt sau cùng trong cổ có sức níu kéo mang đầy ấn tượng thanh thoát lẫn huyền hoặc khó phân tích hay gọi tên vì nó là vật mời của một nhà sư kỳ lạ... "không giống ai." Nhà sư âm thầm xuất hiện giữa kinh thành nổi tiếng là kinh đô của chùa chiền; và cũng là đất thánh của hàng tu sĩ cấp cao này bằng một cung cách riêng.

Theo dấu nhà sư, người ta nhớ lại từ đâu, không rõ từ đâu lại, một người có dáng vẻ như nhà sư vì chiếc đầu tròn nhẵn bóng và nét an lạc tự tại trên một khuôn mặt vừa già vừa trẻ. Căn nhà hoang một thời, được dùng làm nơi thờ tự của "tôn nơn" Đoàn Vương thứ phi, bỏ hoang vì không người thừa tự. Một người thuộc hàng con cháu xa của dòng Đoàn Vương bỏ công của ra sửa sang chút đỉnh và mời nhà sư vào ở. Từ đó, căn nhà hoang sống lại trong vẻ cô cút ẩn nhẫn nhưng vẫn tỏa ra cái không khí quý tộc, đài các vô hình của một cung phi thất sủng về chiều. Người cư trú cũng có vẻ vừa thật, vừa thần thoại như ngôi nhà. Người đàn ông khi khoác áo nhà sư; khi vác cuốc, mặc áo cộc chàm của người lao động; khi cầm rìu mang gánh của gã tiều phu. Bởi vậy, nhân vật lạ lùng này mang nhiều tên mà không ai biết tên nào là đúng, vì gọi tên nào nhà sư cũng hoan hỉ gật đầu. Người căn cứ vào cách sống đạm bạc, đơn sơ và lam lũ và bất chấp hình tướng của nhà sư thì gọi là "Thiền Sư Tu Bụi." Người chỉ chú ý cặp mèo lúc nào cũng có mặt trước hiên nhà thì gọi là "Thầy Miêu." Người nghe được vài ba câu nói sâu xa hiếm hoi và biết chút ít tông tích của nhà sư thì gọi là "Sư Minh Thiền." Và, thậm chí có người chỉ gặp nhà sư khi đốt than, đống củi thì gọi là "Thầy Tiều"... Có vẻ như không tên gọi nào sai mà cũng chẳng có tên gọi nào vừa vặn cho nhà sư. Cái tên như bóng nắng nhuộm sáng thịt da nhưng chợt đến, chợt đi không nằm lại với con người.

Trên bệ thờ chạm bằng đá Thanh đặt ở cuối phòng không biết đã xuất hiện ở đó từ thời nào, cắm đầy hoa tươi và trái cây đủ loại. Trên tường chỉ thấy hình hai bàn tay nuột nà bằng thạch cao, nét chạm rất tinh vi. Một bàn tay chỉ mặt trắng và một bàn tay cầm đóa sen nở hàm tiếu. Hai bàn tay như đang nâng một khung kính soi hình bầu dục, chiều cao to bằng người đứng thẳng. Khung kính thép vàng đã lóc men và cũ kỹ, nhưng mặt kính vẫn còn trong vắt. Chẳng thấy tượng Phật hay tượng thánh nào khác ngoài chiếc kính lồ lộ mà tất cả mọi người trong phòng chỉ cần ngược nhẹ nhìn vào tấm kính thì cũng thấy được ảnh mình soi trong đó.

Những người ghé lại nghe kinh ngày một đông. Dường như nhà sư chỉ đọc kinh khi nào đang ở một trạng thái thanh tịnh, siêu thoát nhất. Người theo dõi có cảm giác rằng, nhà sư đọc kinh bằng một cảm xúc trọn vẹn hay hứng khởi vô biên như nghệ sĩ xuất hiện trên sân khấu, chẳng có một thời biểu nào rõ rệt. Tất cả đều theo cái tinh thần "tùy duyên"; có duyên thì gặp. Hầu hết những lời kinh gốc từ chữ Phạn và chữ Hán, đều được nhà sư dịch ra bằng một thứ ngôn ngữ thuần Việt trong sáng như ca dao và giàu vần điệu đẹp như thơ.

Sau ngày gặp sư Trúc Lâm từ hai năm trước, Trí Hải nghe như có sự thay đổi từ trong cách nhìn và cách cảm nhận về thế giới xung quanh. Đó không phải là một thế giới lạnh lùng và cô quạnh. Con người không phải sinh ra để đếm ngày tháng đi qua; để đón những đứa bé mới ra đời và tiễn biệt những người vừa mới chết hay để tiếc tuổi thanh xuân nhạt dần với sự già nua hiện đến. Người ta biết rõ sự tan hợp rất vô thường nên không "chạy lui về tương lai" bằng cách đem cái quá khứ đặt vào tương lai mà quên mất hiện tại. Mỗi con người không phải là một thế giới riêng. Không ai tự cô lập khỏi cuộc đời để rút về một nơi trú ẩn tốt nhất mà núp bóng hạnh phúc, chống lại sự biến dịch và giữ được mãi những gì mình ưa thích.

Ngày xưa, những thế giới an toàn vương giả nhất, nhưng cũng đầy chuyện thù dật hoang tưởng nhất trong cung cấm như Vọng Nguyệt Thành, Tử Cấm Thành, cung A Phòng... chỉ là những thế giới an toàn mong manh của cái tổ chim treo trên ngọn cây trước sức công phá của gió bão thời gian đầy biến dịch. Đó là sự thu mình vào cái ngã tưởng tượng được xem như là lâu đài kiên cố. Vì tưởng tượng nên đây chỉ là "giả ngã" – một cái tôi bọt bèo nấp bóng dưới một cái cái ta không có thật. Chỉ khi nào cái Giả Ngã bị xua tan như màn đêm thì cái Chân Ngã mới xuất hiện. Và khi chân ngã xuất hiện thì sẽ thấy được Ngã là một cái gì rộng lớn bao gồm toàn thể vũ trụ: Cái giới hạn vươn tới và hòa nhập vào cái vô cùng là khi Tiểu Ngã chuyển hóa thành Đại Ngã! Một giọt sương đã hòa vào đại dương thì không bao giờ mất mà cũng chẳng bao giờ còn. Giọt sương treo đầu cành là thật vì rõ ràng nó hiện hữu dưới dạng một giọt nước đang long lanh dưới ánh mặt trời. Nhưng đồng thời nó cũng không thật vì nó vừa kết tụ bằng hơi nước và sẽ tan đi rất nhanh cùng với tia nắng ban mai. Giọt sương có đó và không đó. Giọt sương như có, như không vì nó được tạo ra bằng hơi nước, độ lạnh, bóng đêm, cành cây và sẽ tan đi vì nắng, vì gió, vì hơi ấm của ánh sáng ban ngày. Con người "vĩ đại" và hiện hữu lâu hơn vì nó là kết tụ của hàng tỉ tỉ giọt sương, hàng muôn muôn hạt bụi. Nó có sự kết tụ qua lại của hằng hà sa số tế bào vật chất và ngọn lửa ý thức. Dầu sự hiện hữu của con người có lâu

hơn giọt sương nhưng khi khối giả hợp này tan rã thì khoảng không gian nhỏ bé của thân người đã chiếm cũng sẽ khép lại không còn dấu vết.

Rốt lại, cõi người ta và cuộc sống hiện tại này dù chỉ là một sự trú chân tạm bợ của những giọt sương. Thế nhưng kiếp người hiện hữu vẫn là một trạm trú chân sống động nhất, hiện thực nhất, đầy ý thức nhất để con người tìm một hướng đi, tìm một con đường về và tìm một nơi sẽ đến... Chỉ có con người chính mình chứ không ai khác chịu trách nhiệm lấy đời mình. Con người có khả năng tìm một con đường mình thích: Một sự bám víu đơn giản, dễ dãi và tự nhiên “ai sao mình vậy” vào cuộc sống trước mắt mà chẳng suy tư gì hơn là đời sống áo cơm. Một sự cố chấp đứng lại nhìn mình tàn lụi theo mỗi ngày qua, ý thức được mình đang bị hủy diệt mà không làm gì cả. Một sự buông xả cầu giải thoát.

Tạm trú trong bóng mát của thời gian để cõi trên chuyến tàu thành, trụ, hoại, không đang lăn bánh về chân trời hủy diệt là một thái độ không chọn lựa—mà tự nhiên thành chọn lựa—của con người.

Trí Hải đã tìm thấy nơi nhà sư một phong thái riêng hợp với danh xưng "Thầy Tiều" hơn cả. Đây là một con đường thênh thang của tự do đầy gió rừng, dáng núi và mây trắng phiêu du của tư tưởng. Không rõ phát xuất từ một khát vọng hay một biên kiến nào ẩn kín trong tâm hồn, Trí Hải cảm thấy mỗi ngày mình càng gần gũi hơn với thầy Tiều. Đặc biệt là khi nhà sư tụng kinh với giọng ngân vang đầy cảm khái của một lời thông đạt đến nhân sinh, nhưng cũng rất u trầm mang tiếng gọi từ sự khát khao giải thoát.

Theo nhà sư thì kinh là một phương tiện truyền thông của tình cảm, tư tưởng và đức tin. Thiếu đức tin thì kinh chỉ là thơ ca đầy tưởng tượng lãng mạn; thiếu tình cảm thì kinh chỉ là bộ luật tôn giáo; và thiếu tư tưởng thì kinh chỉ là một hệ thống thần chú bí ẩn. Có lần Trí Hải hỏi rằng, người ta thường đọc kinh với sự tha thiết hít hà, đôi khi ai oán như tiếng khóc than để nói lên thân phận bọt bèo của thân phận làm người, nỗi đau khổ nhân sinh và niềm kính sợ sức mạnh siêu hình đang vây bủa xung quanh. Thế nhưng vì sao sư lại đọc kinh với phong thái đam mê và sự xướng âm trầm bổng của một nhà nghệ sĩ như vậy, nhà sư trả lời:

- Khác nhau ở chỗ là nhiều người tụng kinh với cái tâm cầu khẩn những thế lực thần linh cao cả đâu đó để xin ban ân, chứng giám, tự xem bản thân mình cũng chỉ là vật trợ lực phát ra tiếng như cái mõ, cái chuông. Nơi đây không phải là chốn cầu khẩn mà là nơi tu tập. Tu tập không phải là họp nhau

để ca ngợi sự cao siêu của một đấng siêu quần bạt tụy nào đó, và run rẩy ăn năn hối cải, kính sợ cầu xin. Tu tập là tìm về với sự cao cả có sẵn trong chính mình đã bao năm bị vùi lấp. Nên đọc kinh là hát, là nói lời ngợi ca. Tiếng hát làm cho trong trẻo mặt đời bụi bặm. Từ đó, cái chân tâm, Phật tánh nằm sẵn trong chính mình hiển lộ. Đừng đọc kinh để làm vui lòng ai cả. Đọc kinh để làm vui lòng mình trước đã. Đọc kinh để cho con ngựa bất kham, khó tính và nhạy cảm trong lòng mỗi con người ngừng hí lộng, tạm dừng chân lại và lắng nghe.

Nói về kinh kệ nhà Phật, Trí Hải lại thắc mắc:

- Nhưng trong tôn giáo nào cũng giống nhau, kinh là lời của vị giáo chủ chứ đâu phải là một bài thơ hay để ngâm, hoặc như một bản nhạc du dương để hát?

- Đạo Phật khác với tất cả các tôn giáo khác. Tôn giáo nào cũng cần một Thượng Đế, một cuốn kinh thánh và một đấng tiên tri. Riêng đạo Phật thì chỉ cần con người chính mình và một đầu óc biết quét dọn cho thành rộng không như mây trắng.

- Nếu chỉ cần một tâm não rộng lặng như mây trắng thì đâu cần kinh sách nhiều đến thế?

Thầy Tiều khoác tay như muốn vứt bỏ một điều gì:

- Tất cả kinh sách và sự hành trì theo tinh thần đạo Phật là phương tiện để học cách rũ bụi, quét bụi, tu bụi... làm cho cái trí được rộng không và cái tâm phẳng lặng. Kinh là viên kim cương sắc bén giúp cạo sạch lớp lớp cấu bần của lòng ham muốn, ý hung ác và trí lì lợm. Kinh là cái chổi giúp quét sạch bụi trần. Kinh là cỗ xe giúp chở người qua bờ an lạc bên kia. Kinh không bao giờ là tín điều, là phù phép, là những lời hô gió, gọi mưa làm phép lạ. Kinh không bao giờ là sản phẩm để thờ phụng hay đọc tụng mê man.

Một cách e dè, Trí Hải hỏi lại:

- Nói thế thì kinh vẫn chẳng phải lời chí thánh của Phật và chư Tổ để cung nghinh, đọc tụng và thờ phụng hay sao?

Vẫn nở nụ cười vui, thầy Tiều trả lời:

- Kinh là đôi giày bầy dậm, thoăn thoắt bước đi, giúp những bàn chân trần vượt gió bụi và đê chông gai để về nơi bến cũ của chính mình. Kinh đọc tụng rình rang để khẩn đảo, cung bái là lời vô hồn bị đọc và bị lãng quên. Kinh vang vọng như tiếng sóng dâng lên ngoài biển cả để thức tỉnh dòng suối đang ngủ yên trong thế giới riêng sâu kín của mỗi con người là kinh giữa đời, kinh đang sống.

- Làm sao biết được đâu là dòng suối đang ngủ yên trong mỗi con người?

- Chân không. Tâm rộng lặng, trí rộng lặng, tình rộng lặng thì chân tánh hiện.

Trí Hải nhìn vào vẻ mặt an hòa như đang cười của nhà sư và hỏi lại:

- Có phải ý thầy nói là một đầu óc trẻ thơ chẳng?

Nhà sư ngẫm nghĩ và trả lời:

- Làm sao quý hữu biết được đầu óc trẻ thơ là rộng không? Chân không là một trạng thái rộng lặng tuyệt vời trong tỉnh thức chứ không phải là trống rỗng. Khi ta biết ta là ai, biết ngôi chùa là ngôi chùa, biết ông Phật là ông Phật, biết người là người, biết cành hoa là cành hoa, biết con chim là con chim, biết ánh nắng là ánh nắng, biết đau khổ là đau khổ, biết niềm vui là niềm vui... là khi ta đang bước những bước đầu tiên vào vùng đất tỉnh thức, vùng trời tĩnh lặng. Nếu ta không ôm đồm của người làm của mình, đừng tìm hoa trong lửa, không tìm nắng trong mưa... là tìm ra lối vào an lạc.

Trí Hải nhận xét:

- Nếu chỉ đơn giản như thế mà thôi thì chẳng khó, ai cũng có khả năng tìm được.

Nhà sư lắc đầu:

- Vậy mà có biết bao người tìm cả một đời không thấy đó quý hữu ạ.

- Vì bị lạc?

- Căn cứ vào điểm tụ nơi đâu hay bản đồ chỉ hướng nào để biết lạc hay không?

Trí Hải còn đang theo dòng suy nghĩ thì nhà sư đã tự trả lời:

- Người ta vẫn quen bám víu vào điểm lạc của mình để kéo người khác lạc theo. Đó là trường hợp những người bỏ chính mình để đi cầu xin những tha lực trên trời dưới đất và năng nỗ kéo người khác theo mình đi cầu xin. Họ níu người làm ta; níu vật làm tâm nên cũng níu mê làm làm giải thoát. Họ níu Phật, níu thánh, níu thần mà không chịu níu mình. Họ đem phương tiện làm cứu cánh, như xây một ngôi chùa thật lớn và núp bóng trong bốn bức tường vô vi mà cứ tưởng làm mình đang núp bóng từ bi của đức Phật. Họ núp trong chiếc áo mà cứ tưởng làm mình là chiếc áo. Họ chỉ mặt trăng mà cứ tưởng ngón tay mình là mặt trăng. Họ nguyện cầu, van xin, hứa hẹn và tự chôn mình dưới những tầng kinh mà không chịu vực cái tâm quý giá nhất của mình vươn dậy để lên đường.

- Lên đường! Đường nào?

Nhà sư không nói gì mà ra dấu mời Trí Hải đứng dậy theo mình. Trí Hải theo nhà sư đến trước đài gương sáng. Cả hai lặng lẽ ngồi xuống. Trí Hải ngược mắt nhìn và thấy bóng mình hiện ra lồ lộ trong gương. Mới ngoài năm mươi mà dáng mệt mỏi đã hiện ra rõ nét. Lần đầu Trí Hải mới có dịp nhìn mình chăm chú đến như thế. Đã có những đóm đòi mời dấu hiệu của tuổi già hiện trên khuôn mặt thanh tú một thời. Những đường nhăn sẵn sàng xông tới như những đoàn quân hẹn hò giáp trận trên khuôn mặt đã qua giờ ngộ. Học theo động tác của nhà sư, Trí Hải ngồi ngay ngắn, xếp bàn và đôi mắt quan sát từ từ kéo xuống trong thế mở lim dim. Trạng thái bồn chồn ban đầu dịu xuống. Những ý nghĩ muốn nhảy xổ ra khỏi đầu lắng lại. Đầu óc đầy đặc bao nhiêu là chuyện đời như tạm đóng cửa không trao đổi với bên ngoài để chất chồng thêm phiền muộn. Khi không còn liên tục nạp thêm thức ăn hỗn tạp phi vật thể, vô hình, trí óc từ từ rỗng lặng. Cái tâm không bị những xung động nghịch chiều làm rối loạn, cái tâm như mặt trăng không có mây che, chiếu vằng vặc và xa vời trên bãi vắng của cảm xúc. Trí Hải có thể nghe từng tiếng lá khô và hạt vông vang rơi trên mái và bắt gặp hơi thở của mình dường như dài và sâu hơn. Trí Hải cảm nhận được rằng mình đang có một trái tim, không phải một trái tim đập rộn ràng vì tham lam và cảm xúc, mà một trái tim làm việc cần cù một cách dễ thương và gần gũi như con trâu cày ruộng trên đồng. Trí Hải cảm nghe niềm hạnh phúc khi biết mình đang sống. Sống trong từng chớp mắt của thời gian. Người ta quen đếm dòng sống bằng năm mà quên đếm bằng chớp mắt nên tất cả đều quên giây phút đang sống này trong biển đời trôi nổi đã qua và trong dòng đời hứa hẹn chưa tới của câu chuyện cứ lập đi, lập lại hoài hết năm ngoái đến sang năm.

Trí Hải đứng dậy theo vị sư. Nhà sư chẳng nói một lời nào và thản nhiên như thể cả hai vừa uống một tách nước lạnh.

Trên đường về một mình, bao nhiêu ý nghĩ vừa lạ, vừa quen ào ạt kéo đến vây bủa Trí Hải trong im lặng. Nhiều câu hỏi về thân thể nhà sư hiện đến. Trí Hải đã từng được thấy nhiều nhóm, nhiều trường, nhiều lớp, nhiều khóa học, nhiều môn phái... tu thiền. Từ hình thức đơn giản đến rình rang lễ lạt, cúng rước hoa đèn cũng lắm, nhưng chưa có một cách kiểu ngồi thiền theo môn phái tu nào mà lỏng lẻo một cách gần như nhạt thếch đến thế. Bao ý nghĩ so sánh về những pháp tu thiền xuất hồn đi bốn cõi, đạt đến định lực thần thông tự tại không ngừng lay động tâm tư Trí Hải. Sự ngây thơ của một người lắm khi không đến từ sự hiểu biết giới hạn, giản đơn mà đến từ sự uyên bác—hiểu biết quá nhiều mà không áp dụng như người ăn no mà không tiêu hóa—hóa thành bội thực. Kiến thức không có hệ thống thường chạy rong như thả lạc đường. Ngã ba này rẽ quanh, rẽ quất, mở ra nhiều ngã ba khác và cứ thế, cả vạn nẻo đường không biết đâu là một hướng đi đích thực dẫn đến nơi mình muốn đến. Đứng hướng, con chim về tổ, con thỏ về hang, con người về nơi an trú.

Lạc đường thì cả trăm con đường vẫn không có một lối đi. Khi đã lạc đường thì dù là nhà thông thái, người hoang dã, bà giàu sang, ông bần cùng... cũng chỉ là kẻ lạc đường. Lạc đường là lạc đường. Không có lạc đường cao hay lạc đường thấp; lạc đường giỏi hay lạc đường kém. Lạc đường càng lâu, càng cách xa nơi đến hơn. Tu một trăm năm mà bị lạc thì khoảng cách với bờ giác ngộ càng xa một trăm lần so với người mới đến mà nhận ra rằng, mình bị lạc, để quay về đúng hướng. Mê muôn kiếp mà ngộ nhất thời vì đi lạc suốt muôn kiếp. Bỗng có một giây phút nào đó tỉnh thức quay về đúng hướng để tiến ngay vào điểm chuẩn đã nằm sẵn đợi chờ bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp ngay chính trong tâm mình.

Vì mãi miết theo đuổi dòng suy nghĩ về khái niệm lạc đường, Trí Hải vượt qua lối rẽ vào dinh ông Hoàng đã qua xa mà vẫn tiến bước. Trong đêm tối, con đường len lõi giữa những bụi cây mọc hoang bỗng cụt lối. Trí Hải chợt nhìn lên, đôi mắt bắt gặp bóng tối, mới nhận ra mình đã bị lạc đường. Có thể bị lạc đường ngay trong khu vườn mình làm chủ. Có ánh đèn di chuyển phía xa, Trí Hải đi về phía đó và gặp một người đang dò đường bước đi với cây đuốc bên bằng rơm gọi là "con cú" khi đỏ, khi tắt lay lắt theo gió.

Người cầm đuốc mừng rỡ lên tiếng:

- May quá, được gặp bác! Tôi tìm đường về xóm Sông mà bị lạc. Xin bác làm ơn chỉ cho tôi lối đi ra khỏi khu vườn cây đại mộc um tùm này. Tôi muốn tìm đường về xóm Sông.

Trí Hải thân mật:

- Tôi cũng về ngã xóm Sông. Chúng ta cùng đi.

Người bộ hành lạ mặt hỏi như muốn khẳng định lại niềm tin của mình:

- Bác biết đường vùng này quá rành rồi rồi phải không?

Trí Hải đáp nhanh:

- Không! Tôi cũng đang bị lạc như bác.

Người khách lạ đưa cao cây đuốc lên trời:

- Trời đất! Hai gã lạc đường định dắt nhau đi tìm phương hướng hay sao đây?

Trí Hải cười cười:

- Tôi và bác đều lạc nhưng cũng đều biết mình đang lạc. Biết lạc thì thế nào cũng tìm ra đường mà. Chỉ sợ kẻ lạc đường mà không biết mình lạc nên cùng dắt mình và dẫn người đi lạc mà thôi.

Kẻ đồng hành biểu đồng tình:

- Phải. Biết mình lạc đường thì sớm muộn gì cũng tìm ra lối. Ta đi cả con đuốc cú sắp tàn.

Gió mạnh. Đóm lửa cuối cùng ở đầu cây đuốc bện bằng rơm rụng xuống. Hai người xa lạ bỗng cảm thấy gần nhau hơn vì chung một bóng tối trên một con đường. Dầu là con đường đang lạc lối. Nhưng chắc chắn không sớm thì muộn sẽ có nẻo quay về.

---o0o---

Chương 10 - Tiếng Vỗ Một Bàn Tay

- Mỗi người chỉ có một cuộc đời để sống, vậy mà biết bao nhiêu người đã xài cuộc sống này một cách phí phạm như thể là họ còn có một cuộc đời khác đang cất để dành trong tủ không bằng...

Trí Hải và Phạm Xảo đến thăm thầy Tiều gặp khi thầy đang cười khúc khích nghe lời nhận xét về cuộc đời của một người khách lạ. Thầy Tiều có vẻ vô tâm và cười đùa một cách dễ dàng làm những người vốn quen với vẻ nghiêm cẩn và quan trọng bên ngoài lắm lúc lấy làm khó chịu. Cái vô tâm của thầy Tiều là thầy cảm ứng mọi sự việc xảy ra trong đời sống xung quanh rất nhanh. Nhưng rồi thầy cũng quên rất nhanh và dường như chẳng còn dấu vết gì lưu lại trong lòng thầy cả.

Thầy Tiều quay qua hỏi hai người khách mới bước chân vào nhà một cách bất chợt:

- Hai vị đây có vị nào đang cất riêng một cuộc sống khác ở nhà hay ở đâu đó không?

Hỏi xong thầy lại cười khúc khích có vẻ như không chờ đợi câu trả lời. Người khách đến trước cau mày. Hai người khách mới đến thoáng vẻ bỡ ngỡ. Phạm Xảo không nói gì. Trí Hải trả lời với giọng nửa đùa nửa thật:

- Có. Nhiều lắm. Nhưng không biết là những cuộc sống khác sẽ vui hơn hay buồn hơn cuộc đời này. Bách thiên vạn kiếp nan tạo ngộ... mà.

- Tốt! Tốt lắm. Dễ thôi. Nhìn đời đang có thì biết rõ đời trước, đời sau thôi.

Rồi thầy lại day qua phía người khác đến trước hỏi tiếp:

- Còn quý hữu sao lại nghèo thế?! Bộ chỉ có một cuộc đời hiện tại này thôi nên phải hà tiện, không dám xài nó à?

Người được hỏi miễn cưỡng trả lời:

- Theo thuyết nhà Phật thì có vô số kiếp tức là có hằng hà sa số cuộc đời. Nhưng đó là những số kiếp quá khứ và vị lai làm sao nhớ được hay biết được mà tính! Đây là chưa nói đến trường hợp có khi kiếp sau không sinh được làm người trở lại mà thành một loài hạ đẳng nào đó thì biết làm sao đây?!

Thầy Tiều bỗng bật cười thành tiếng. Thầy nói trong tiếng cười chưa dứt:

- Tốt! Tốt lắm. Thế quý hữu có dự định kiếp sau làm gì không?

Người khách giơ tay lên trời:

- Trời đất! Nếu như tôi dự định được cho kiếp sau giống như mình dự định vẽ họa đồ cho một căn nhà tương lai thì tôi đến đây làm gì?

Điều bộ và tiếng than "Trời đất" của người khách làm Trí Hải nhớ lại người bộ hành cùng đi lạc với mình trong đêm.

Thầy Tiều hỏi một cách thẳng thắn:

- Vậy quý hữu có dự định đến đây để làm gì?

Người khách có vẻ bực bội, cao giọng:

- Trời đất! Sao thầy lại hỏi thế. Tôi tìm chùa, tìm cao tăng để học đạo, tu hành cho giải thoát chứ chả lẽ đến đây để buôn bán vịt trời à?

Thầy Tiều lại cười khúc khích. Nhưng chỉ trong một thoáng, thầy lại đăm mình tư lự và hỏi như hỏi chính mình:

- Buôn bán vịt trời! Ý thật hay. Mà có cần vốn liếng nhiều không và lời lãi như thế nào?

Phạm Xảo góp ý:

- Không cần vốn mà chỉ có lời. Khi nhỏ khi to tùy theo lúc. Càng lừa được nhiều người nhẹ dạ và bán được càng nhiều bầy vịt thì càng lời to.

Thầy Tiều dang cả hai tay ra đón lấy ý kiến Phạm Xảo, rồi hỏi một cách nhiệt tình:

- Thực tế là phải làm sao?

- Dễ lắm thầy à. Thì cứ nhận bừa một bầy vịt trời nào đó đang hạ cánh tìm mồi trên đồng và nhận đó là vịt của nhà mình, rồi gạt gẫm người qua kẻ lại để bán vịt. Ai ham mua được vịt giá rẻ mạt thì mua. Mua xong thì người bán linh mát và vịt thì bay bổng lên trời mạt dạn là xong chuyện.

Ra vẻ tán thưởng, thầy Tiều gợi ý:

- Hay lắm. Hay lắm! Kiếm ăn dễ vậy sao chúng ta không hè nhau đi buôn vịt trời kia?

Vẻ năng nổ của thầy dụ lại khi Phạm Xảo giải thích:

- Đó là nói đại thể, chứ đi vào ngõ ngách thì muôn phần rắc rối. Người lái vịt trời đã gian thì phải ngoan. Phải biết lộng giả thành chân, đóng trò khéo léo, khi muốn biến cái giả thành cái thật. Bọn lái có thể chỉ chỗ, gọi tên, mô tả, tô vẽ từng con vịt trời trong bầy vịt trời mà hẳn ta chẳng biết gì cả khi chúng đang rĩa nước trên đồng sâu, làm cho người mua mê mẩn. Cái giả cố làm cho thật nên nước sơn bên ngoài bao giờ cũng đẹp hơn cả cái thật.

Thầy Tiều lại tiếp tục hỏi Phạm Xảo:

- Thế thì bầy vịt trời có thật hay giả?

Phạm Xảo không lưỡng lự suy nghĩ mà trả lời ngay:

- Hoàn toàn có thật. Nhưng thật mà giả. Nhìn thì thấy mà không bao giờ bắt được trên tay.

Thầy Tiều tỏ vẻ quan tâm hơn:

- Vậy phải làm sao để có được trong tay?

- Phải nuôi từ trứng bé thầy ạ.

- Nuôi cho đến khi khôn lớn thì thuộc về người nuôi phải không?

- Giống vịt đồng đủ lông đủ cánh thì bay đi. Chúng nó thuộc về cảnh thiên nhiên trời cao đất rộng, chẳng chịu thuộc về ai cả.

Chân dậm bước, tay nắm con vịt đồng tượng trưng đưa lên trong khoảng không, thầy Tiều lại hỏi Phạm Xảo:

- Thế thì con vịt sinh ra để làm gì?

Vuốt má mình bằng cả hai tay, với một chút lúng túng, Phạm Xảo hỏi lại:

- Thế thì con người sinh ra để làm gì?

Thầy Tiều cười hì hì, trả lời dễ dàng:

- Để làm người!

Phạm Xảo mặt hớn hở, tiếp lời:

- Thì con vịt sinh ra để làm vịt!

Cách trả lời chấp đuôi, huề vốn của Phạm Xảo lại được thầy Tiều vỗ tay tỏ vẻ tán thưởng như trẻ thơ vừa khám phá ra món đồ chơi mới. Thầy bày tỏ ý mình một cách hồn nhiên:

- Quả thật không khác! Không khác! Tìm về đạo Phật cũng như nuôi vịt trời. Nuôi là một cách gieo mầm, chăm chút ươm bón, không chụp giật được. Đạo nằm trước mắt mà không thể mua bán. Ham mua giá rẻ thì chỉ mua được cái bóng. Săn đuổi bằng sức mạnh hay lưới bẫy thì chỉ tóm được một mớ thịt vô hồn. Muốn đưa đạo vào đời phải có công phu, phải ươm nhân, tạo mầm và chăm nuôi từ trứng bé. Dẫu biết giống vịt trời nuôi lớn sẽ bay đi, nhưng vẫn còn cái bóng... và rồi cái bóng cũng không còn mà chỉ còn cái bóng trong tâm. Đạo Phật là cái đọng lại trong hồn khi không còn cái bóng... Hì, hì! Ngộ thật!

Người khách lạ lầm lũi bước ra cửa chẳng chào ai. Nhưng bất ngờ ông ta quay phắt lại nhìn mặt nhìn nhà sư, nói giọng chua chát:

- Thưa sư ông, tôi mất công đội đàng than dạ đi tìm thầy học Đạo mà công uổng danh hư. Gặp thầy không nghe nói chuyện từ bi trí tuệ gì cả mà toàn là những chuyện nhảm nhí chả đâu vào đâu. Thử hỏi thầy, thầy để Đạo của thầy ở đâu mà không nói cho ai biết vậy?

Thầy Tiều lại cười rung cả đôi vai. Thầy làm bộ tìm quanh không thấy rồi lắc đầu hỏi lại người khách:

- Không thấy. Không thấy Đạo đâu cả. Cái Đạo mà quý hữu đang tìm nó giống cái gì mà lại lôi kéo quý hữu mạnh đến như thế? Quý hữu có thể cho tôi biết rõ Đạo như thế nào, rồi biết đâu tôi cũng có thể giúp quý hữu một tay để tìm ra nó?

Người khách vẫn còn cái giọng giận dữ, nói gằn từng tiếng lúc đầu, rồi thao thao về sau. Ông ta nói như đọc thuộc lòng Tam quy, Ngũ giới, Tứ diệu đế, Bát chánh đạo... rồi Tánh không, Duyên khởi mỗi lúc một hăng. Cuối cùng,

có lẽ vì sợ hụt hơi, ông ta tạm ngưng lại, rồi thở phào và kết luận một cách đầy kiêu hãnh:

- Đó, thầy nghe không? Đấy mới đúng là Chánh Đạo!

Thầy Tiều vỗ tay:

- Hay lắm. Hay lắm! Nhưng quý hữu vừa đọc cái gì mà nhiều thế?!

Người khách nói như gắt:

- Thì kinh chứ gì nữa. Tôi vừa nói về Đạo mà. Ồi thiên địa quỷ thần ơi, tôi nói Đạo đến dằng trời như thế mà thầy còn hỏi là tôi nói gì thì không biết thầy còn tỉnh táo hay không? Bây giờ đến lượt thầy nói về Đạo đi nha!

- Đạo gì?

- Thì đạo Phật của thầy chứ có đạo gì vào đây nữa.

- Hình như quý hữu đã nói hết rồi. Mà thật tình thì tôi có đạo gì đâu để mà kể!

Người khách cười mũi, vẻ bực bội:

- Thầy nói như chuyện đùa. Đầu tròn áo vuông thế kia mà lại nói không theo đạo nào là nghĩa làm sao?

Thầy Tiều vẫn không dứt cái giọng vui đùa:

- Ý tôi nói là cái đạo Phật theo cách suy nghĩ của quý hữu đó mà.

- Đạo Phật trong tôi không giống đạo Phật của thầy. Cũng được. Nhưng người đi tu như thầy mà nói về Đạo sẽ hay ho và cao siêu hơn kẻ phàm phu như tôi nhiều. Sao thầy không thuyết pháp cho người ta nghe với?

Trầm giọng, thầy Tiều nói với người khách:

- Đạo là con đường để đi, không phải là chuyện tràu cau, trà nước để nói cho nhiều quý hữu ạ.

Người khách tỏ vẻ không bằng lòng:

- Đạo Phật nằm trong tam tạng kinh điển, đạo Chúa nằm trong Kinh Thánh, đạo Nho nằm trong Tứ Thư Ngũ Kinh... chứ có đạo nào nằm giữa đường, giữa sá đâu mà thầy nói vậy. Muốn hiểu đạo hay muốn biết lối nào mà đi thì phải có người giảng đạo hay chỉ đường vạch lối chứ đâu có vớ vẩn kiếm đạo ngoài đường được, thưa thầy.

Thầy Tiều vẫn vui vẻ:

- Nói đạo, cầu đạo mà không hành đạo thì chẳng bao giờ thấy đạo.

Khách dẫn đo một chút rồi hỏi:

- Xin mạo muội hỏi thầy là thầy đang tu với ước mong sẽ đạt thành quả vị gì sau này?

Thầy Tiều cười:

- Thành gì cũng được! Miễn là cảm chắc mình đang làm việc tốt. Gieo nhân lành thì gặt quả tốt thôi.

- Vậy thì đi tu để làm gì?

- Để tìm cách giải phóng cho mình khỏi bị sự cột trói của chính mình và của người khác.

- Thầy nói nghe thật lạ tai. Tu theo Phật là phải buộc mình trong giới luật của nhà Phật chứ làm gì có chuyện "giải phóng" tự do theo ý mình muốn?

- Đạo của Phật và giới luật của nhà Phật là cái phao để mình nương theo đó cho khỏi chìm trong khi ráng sức bơi qua bờ bên kia. Đến bờ mình mong muốn rồi thì nghiêng mình cảm tạ và buông phao để đi tự do trên bờ bên mới chứ chẳng lẽ cứ ôm phao hoài như thế!

- Nói thì dễ nhưng biết bao giờ mới bơi được qua sông?

- Càng buông hết càng nhẹ, càng thả xuôi thì càng bơi nhanh hơn. Vừa bơi vừa bị vướng, vừa cố quay lại níu kéo vô số vật trên bờ bên cũ thì có khi hết một đời chưa rời bến được, nói chi đến việc qua được bờ bên kia.

- Bờ bên kia có phải là cõi Phật không?

- Tôi thấy bờ bên kia nhưng chưa qua thì làm sao tôi biết được.

Ông khách lắc đầu:

- Đang mang kiếp làm người mà cất công đi tu để mong "thành gì cũng được" là tu lỗ vốn. Tôi tình thật hỏi thầy là quả thật thầy không muốn thành Phật hay sao?

- Tại sao tôi đang là tôi như thế này lại phải tìm mọi cách để biến mình thành một người khác. Tôi là tôi, Phật là Phật. Vì có gì tôi phải xóa bỏ chính tôi để lo tu cho thành Phật?

- Vì Phật là đấng giác ngộ.

- Giác ngộ là gì?

- Là thành Phật.

- Bằng cách nào?

- Tu.

- Làm sao tu?

- Đến chùa và ăn chay niệm Phật để cầu Phật.

- Đức Phật trong ý nghĩ của quý hữu đã nhập Niết bàn cách đây hơn hai nghìn mấy trăm năm rồi. Đi tìm Phật ở chùa sẽ không bao giờ gặp đâu. Chùa không có Phật.

Cao giọng bất bình, ông khách hỏi lại:

- Chùa là nơi để thờ Phật mà sao lại không có Phật?

Vẫn thản nhiên, nhà sư trả lời:

- Đúng. Chùa chỉ là một ngôi nhà để thờ tượng Phật. Thờ có nghĩa là vọng Phật hay hướng Phật chứ không phải là nuôi Phật. Nên đó chẳng phải là nơi có Phật.

- Vậy Phật ở đâu?

- Phật không phải là ông thần ban phước hay giáng họa từ trên trời hiện xuống. Phật không phải là một đấng thần linh dắt ta đến chốn Niết bàn. Ta ở

trong Phật. Phật ở trong ta. Mỗi ta đều có Phật và mỗi Phật đều có ta. Câu nói khẳng định đầu tiên của đức Phật tương lai với cuộc đời là: “Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn!” Trên trời, dưới đất chỉ có ta làm chủ chính ta. Khi tự mình tìm thấy được tính Phật trong chính mình là thành Phật.

- Thế còn pháp khí và chư tăng ni thì sao?

- Tất cả đều là những phương tiện tốt hơn để đi tìm tính Phật.

- Thầy nói vậy thì chả lẽ chẳng có ai dắt dẫn mình đến cõi Phật hay sao?

- Cõi Phật ở ngay trong lòng quý hữu. Vậy nên ngoài quý hữu ra, không ai đủ sức làm cho cái tính Phật trong quý hữu hiển lộ. Ai cũng có thể thành Phật trong chính mình, chứ không ai thành Phật trong người khác hay phải biến thành người khác mới thành Phật cả.

- Phải bắt đầu từ đâu để có thể làm cho tánh Phật trong ta hiển lộ?

- Quét những lớp bụi mờ mỗi ngày trong kiếp sống hiện tiền và tích lũy từ bao kiếp trước. Quét mỗi khắc, quét mỗi canh, quét mỗi ngày không bao giờ ngưng nghỉ. Coi chừng lá rụng nhiều hơn lá quét và bụi bám dày hơn bụi lau. Quét dọn siêng năng không bằng ngưng xả rác.

- Phủi bụi hay tu?

- Tu là phủi bụi!

- Tu bụi?

- Vâng, có lẽ phải thế thôi. Tu bụi trước đã, tu đạo sau. Không tu bụi thì làm sao lau sạch được bụi để sáng mắt, thấy đường mà đi.

- Làm sao để lau bụi bên trong, bụi trong định kiến và tâm hồn?

- Là im lặng, định tâm để nhìn sâu, nhìn thẳng vào trong chính mình. Chỉ có ánh sáng mới xua được bóng tối. Chỉ có trí tuệ mới xua được vô minh. Vô minh chính là lớp bụi trong ta. Càng nói, càng phân tích lý luận, càng không hiểu. Bụi trần gian khó chùi sạch nhất là bụi đóng trong đầu mình.

Sau câu nói đó, thầy Tiều im lặng trong khi ông khách vẫn nhấp nhồm ngồi không yên.

Ông khách vẫn còn âm ức và muốn thách thức với thầy Tiều và tất cả các người đang lui tới trong chùa. Ông khách xuất thân là một nhà tu cõi áo hoàn tục. Với kiến thức sẵn có mà ông ta được học bao năm ở nhà chùa, cộng thêm với nỗ lực dùi mài đọc sách, ông hết sức tự hào với cái kho kinh điển trong đầu mình. Không ai xua đuổi ông ta ra khỏi chùa. Chính sự mê mờ không muốn tu để giải thoát mà chỉ muốn tu như một lối đầu tư lời nhiều lỗ ít đã làm ông ta mất kiên nhẫn, sớm chán nản với nếp sống tu hành kham nhẫn đã đưa ông khách xa dần với đời tu sĩ. Thêm vào đó, lòng kiêu căng, ngã mạn không muốn thua ai, đã lôi kéo ông khách ra nhảy múa giữa đời nên chiếc chìa khóa tâm linh của ông để mở cổng chùa cũng mất. Không vào lại được cửa nhà chùa, ông ta đâm ra hận đời, hận mình, hận người. Ông ta quyết trả thù đời bằng cách chu du đến nhiều nơi có chùa chiền, tu viện để thách đó, đấu lý với các nhà sư. Ông ta muốn xem vì có gì mà ông ta không ở lại chùa được, trong khi những người cùng tuổi với ông vẫn còn đang tu học thuần thành và nghiêm cẩn. Sự cố chấp và lòng ganh tỵ đã làm cho ông khách xem chốn chùa chiền là một đấu trường của hý luận hơn là một môi trường tu hành.

Quay về phía người khách và những người đang im lặng chăm chú theo dõi cuộc đối thoại, thầy Tiều mời mọi người tham gia ngồi tĩnh tâm như thường lệ.

Thầy Tiều sửa lại chiếc áo nhà sư màu vàng đất cho ngay ngắn, thấp nhang lên lư hương. Thầy nhẹ nhàng ngồi xuống xếp bàn ngay ngắn đối diện với khách rồi đưa tay đỉnh đạc đánh ba tiếng chuông. Ba tiếng chuông nối nhau ngân dài. Dư âm rung động nhỏ dần và ngấm vào không gian, vào vật thể và vào lòng người một cách rất nhẹ mà sâu. Khuôn mặt thanh thản của nhà sư như tắm trong nguồn an lạc. Miệng cười và đôi mắt sáng ngược nhìn tất cả mọi người rồi từ từ khép nhỏ lại nhưng không nhắm hẳn. Người khách nhòm người trong tư thế sẵn sàng lắng nghe lời nói của nhà sư nhưng trên nét mặt cười của nhà sư chỉ còn sự im lặng.

Những người khác dường như đã quen thuộc với bầu không khí tĩnh tâm lắng đọng này nên họ từ từ lắng lặng ngồi xếp bàn, mắt nhắm lại, hay nhìn về vẻ mặt và dáng ngồi an nhiên tự tại của thầy Tiều. Người khách lên tiếng đặng háng giọng mấy lần như để nhắc nhà sư phải nói lên điều gì nhưng tiếng động chẳng làm ai chú ý và gây ra một cảm giác so le, thô thiển. Ông

khách chỉ muốn bật ra lời thách thức để xem nhà sư có thuộc nhiều lý thuyết và kinh kệ nhà Phật như ông ta không.

Đợi mãi. Chỉ có sự im lặng kéo dài mà tiếng muỗi bay vo ve cũng rõ ràng nghe được. Một sự chấn động gần như bùng vỡ và một cảm giác sôi bùng lôi ông khách đứng dậy và tiến về phía nhà sư.

Ông khách nghiêng rặng và chỉ muốn buông lời thoá mạ nhà sư sao lại "hèn nhát" không dám công nhiên lớn lối đấu lý, thi tài với ông ta. Đúng khi ông khách lên đến đỉnh điểm của sự đôi co đang nung nấu lòng ông ta thì nhà sư mở mắt và mỉm cười. Đôi mắt đầy thiện cảm và nhân ái đi theo nụ cười mát rượi của thầy Tiều làm cho ông khách bối rối. Ông cố bặm miệng, thờ đốc và đóng kín cửa giao tình để chống lại sự cảm dỗ chinh phục, nhưng toàn thân nhà sư như toát ra một hơi ấm vô hình mà chan hoà hiền dịu làm cho ông khách bỗng dâm ra sợ hãi chính mình. Sợ hãi gã "tôi" hung hãn đang run rẩy trên đà tung mình vào cuộc chiến đấu. Lực đôi cân với "gã tôi" lúc này lại là một khoảng không im lìm và xa vắng. Những mũi tên hần học không hình tướng của người khách bắn ra bay vút vào một nơi nào không có điểm tựa nên trôi đi và mất dạng. Nụ cười của nhà sư như đóa hoa đã nở, không hề biết khép lại trước luồng giông bão làm cho mũi tên của người khách mất tiêu điểm. Thù hận bắn vào thương yêu cũng như người xạ thủ đứng bắn mặt trời. Tên lạc phương nào nhưng ánh nắng vẫn chan hòa không cạn bớt. Cái tôi nhỏ bé đầy thù hận của ông khách như tảng băng tan từng miếng dưới hơi ấm mặt trời. Trong một thoáng bất ngờ nhất, ông khách cảm thấy như có một vật rơi nặng nề đang vật vã nằm xuống trong mình. Ông cảm thấy nổi tức giận dịu lại. Ngọn núi thách đố thấp dần cho đến khi trải ra trên cánh đồng xanh mượt êm ả như nhung. Cánh đồng tâm thức mở ra đón luồng gió mới. Sự an hoà trở lại. Người khách từ từ ngồi xuống. Có một nụ cười về muộn trên môi...

Giờ khắc trôi qua với từng đợt cảm xúc dồn dập, chậm dần rồi ngưng tụ. Cảm giác bút rút như đám cỏ tranh khô nằm rạp xuống cho ngọn gió chiều thổi êm nhẹ như nhung. Sự im lặng là một giấc ngủ ngày êm ả. Cho đến khi ba tiếng chuông thông thả gióng lên báo hiệu giờ tĩnh tâm đã hết. Sự lắng đọng kéo dài không muốn động. Người khách có cảm tưởng như chưa bao giờ có ai đó đã từng nói với mình nhiều bằng sự im lặng vừa qua. Ông khách cười vu vơ với đám lá bên ngoài khung cửa sổ. Đã lâu lắm mới có được một nụ cười trên môi người đầy sân hận.

Sáng hôm sau như thường lệ, khi tiếng gà gáy sáng đầu tiên vừa cất lên, thầy Tiều đã thức dậy mở cửa ra sân để luyện nội nhiệt.

Thầy Tiều đã trải qua một thời kỳ khá dài tu học trong các vùng giá lạnh nhất của xứ Tây Tạng. Cái lạnh miền băng tuyết đủ làm cho luồng hơi nước vừa thở ra khỏi miệng đông thành bụi đá thể mà các đại lão thiền sư Tây Tạng vẫn quanh năm thay đổi trên mình lớp y vàng mỏng manh. Nội nhiệt hay nội hỏa (Tumo) là một trong sáu phép tu Na-rô-pa (nāropa) được gọi là Na-rô Lục Pháp tại Tây Tạng. Đây là phép tu căn bản nhập môn để các hành giả có thể tự nâng thân nhiệt cao tới mức sôi bỏng, chống lại cái lạnh ghê người của vùng núi xứ tuyết. Nhưng riêng với thiền sư Đạt Lai Đề Vãn, là bốn sư của thầy Tiều, thì cái nóng, cái lạnh là bản chất tự nhiên của thiên nhiên. Con người cũng chỉ là một sinh vật thiên nhiên nên muốn sống còn phải tự luyện mình để có thể quen với cái lạnh, sống cùng với cái lạnh chứ không phải đương đầu chống với cái lạnh, vì sức chống càng mạnh thì lực trả càng cao. Phép Quán Thiên Thiên Định là ngắm nhìn vận trình thiên nhiên và trật tự của thiên nhiên để trầm tư luyện hơi thở, quan sát các trung khu và nội huyết của chính thân tâm mình và tập trung vào linh ảnh của các âm ngữ như “Om”, “Hum”, “Ram” để cho cái Tôi của mình nương theo cái Chúng; cho cái Tiều Ngã hòa vào Đại Ngã mà hành trì tu chứng.

Cửa vừa hé mở đã thấy một bóng người lù lù ngồi ngay trước hiên nhà. Nhìn kỹ, hóa ra là người khách hôm qua. Thầy Tiều lên tiếng hỏi trước:

- Ủa! Quý hữu chưa về? Sao quý hữu không vào trong mà ngồi ngoài này cho lạnh?

Với giọng chậm rãi còn ngái ngủ, người khách trả lời:

- Tôi đã lên dò dọc đi được hai bên sông rồi, nhưng phải quyết định quay về vì một chuyện mà có lẽ nói ra thầy sẽ cười vì cho là quá nhỏ. Thế nhưng đối với tôi lại quá lớn.

Thầy Tiều lại cười, tiếng cười buổi sáng thật trong:

- Quý hữu tóm được con voi mà tôi lại biến voi thành chuột sao?

- Có lẽ gần gần như vậy thầy ạ.

Thầy Tiều không vội trả lời khách mà hít một hơi thật sâu rồi thở ra nhẹ nhẹ và mời khách:

- Mời quý hữu vào trong uống trà cho ấm đã.

Bên khay trà phẳng phát hương sen, trong không khí ấm áp, hai người cảm thấy gần nhau hơn. Thầy Tiều nhìn dáng vẻ mệt mỏi của người khách lạ và đưa tay mời:

- Mời quý hữu dùng trà!

Người khách nắm hai tay để lên ngực:

- Thưa thầy, xin thầy gọi tôi là Tâm An. Đây là pháp danh mà vị bổn sư đầu tiên của tôi đã đặt năm tôi mười tuổi, ngày mới phát tâm xuất gia.

Thầy Tiều nhắc lại câu chuyện đang còn bỏ lửng:

- Hồi nãy, đạo hữu Tâm An đề cập đến chuyện to to, nhỏ nhỏ gì đó. Có phải ý đạo hữu muốn nói về tướng voi to hơn chuột, nhưng tánh chuột cũng như voi, phải không?

Người khách lộ vẻ cảm động khi được người đối diện thay đổi cách xưng hô từ "quý hữu" đầy vẻ lễ nghi sang cách xưng hô "đạo hữu" và gọi tên thân mật. Ông ta tiếp lời:

- Tánh và tướng, thật tình tôi chưa nghĩ xa đến vậy. Thế mà suốt đêm qua đã không ngủ được rồi chỉ vì tôi cứ trần trọc hoài về ý nghĩa chữ "Tu Bụi" mà thầy dùng. Nó mang một vẻ gì đó vừa bình dân, vừa sù sì, vừa sắc nhọn; nhưng cũng rất gọi hình, thực tế và đầy cảm khái khi tôi hỏi "phủi bụi hay tu?", thầy đã đáp lại "tu là phủi bụi hay tu bụi cũng thế thôi!" Trong đời, tôi chỉ thấy người ta dán màu, tô vẽ, sơn son thếp vàng cho cái tu. Cái tu được đánh bóng đến mức trơn lu, mòn nhẵn các góc cạnh làm cho cái tu cũng chìm lìm và mù mờ bên cạnh cái làm, cái ăn, cái ngủ, cái chơi. Nào là tu hành, tu dưỡng, tu đạo, tu trì, tu thân, tu tâm, tu nhân, tu tiên, tu thánh... nhưng chưa hề nghe ai nói đến "tu bụi" bao giờ!

- Hì, hì! Con voi của đạo hữu ỷ lớn ăn hiếp con chuột nhỏ nhoi của tôi sao. Cái tướng to đĩnh dàng bên ngoài của con voi đang che khuất cái tánh nằm sâu trong con chuột rồi đó. Đạo hữu có tên là Tâm An, nhưng tâm đạo hữu có an hay loạn lại là chuyện khác. Tên gọi chưa phải là cái được gọi nên chấp nhận cái tên làm gì. Như khi người ta dùng danh xưng: Cha, bố, bộ, tía, thầy... để chỉ một người đàn ông sinh thành ra đứa con thì tên gọi chỉ là quy ước tạm thời trong một khung cảnh tùy duyên nào đó mà thôi.

- Thế thì người ta đành phải im lặng thôi sao. Tên gọi chẳng phải là vật được gọi thì dùng chữ nghĩa và lời nói làm gì cho phiền hà đã chứ?!

- Bởi vậy mà ông thầy Bồ Đề Đạt Ma từ xứ Ấn Độ xa xôi, mới chân ướt chân ráo qua Tàu thời Lương Vũ Đế, đi đâu cũng thấy kinh sách, chùa chiền, cò quạt nói chuyện Phật thánh tràn ngập. Thế mà nói chuyện đạo với vua thì vua thiếu căn cơ; nói với tăng thì tăng quá câu chấp. Nên kinh quá, ngài Đạt Ma mới về Thiều Lâm Tự, chẳng nói chẳng rằng ngồi nhìn bức tường đá vô tri tới chín năm. Chín năm thiền định mà vẫn sợ lời nói, chữ nghĩa chạy theo thêm rối trí nên thầy Đạt Ma phải dặn dò rằng: "Nè, khỏi viết lách ghi chép thư từ sách vở lời thôi. Hãy nói chuyện Đạo bằng tấm lòng riêng chân thật của mình. Hễ khi nào thấy được con người thật đang ẩn mặt nằm sâu trong chính mình, ấy là lúc thành Phật đó nhé!" Hi, hi!

Tiếng cười vô tư của thầy Tiều khỏe khoắn như trẻ thơ.

Tâm An tiếp lời:

- Có phải thầy đang nói tới tâm ấn của đức Phật trên cánh hoa sen với nụ cười Ca Diếp trong Hội Liên Hoa hay thầy nhắc tới lời Đạt Ma Tổ Sư khi ngài nói: "Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ chân tâm, kiến tánh thành Phật" không?

Thầy Tiều nhắm mắt cười khúc khích:

- Đạo hữu ơi là đạo hữu. Ngài sính sách vở chữ nghĩa tới nước này thì làm sao mà qua được bến đò!

Tâm An ngạc nhiên, hỏi:

- Bến đò nào?

- Bến đò tới xứ chân tâm không cần lời, cần chữ đó mà.

- Thế thì phải làm gì?

- Làm gì cũng được miễn là làm bằng một tấm lòng.

- Tu chẳng?

- Cũng hay thôi. Nếu tu là sửa. Sửa tâm cho bình thản, sửa trí cho sáng suốt, sửa thân cho an lành. Chẳng có gì xa vời hay bí hiểm cả.

Người khách có tên Tâm An ngồi tư lự rất lâu bên tách trà đã nguội, trong khi thầy Tiều luôn tay làm những công việc hàng ngày. Tâm An lên tiếng:

- Thú thật với thầy, xin thầy bỏ lỗi nếu tôi nói điều này có hơi quá đáng. Tôi có cảm tưởng như thầy mang một tâm tính đơn giản và nhẹ nhàng của trẻ thơ. Thầy rất nhạy cảm nhưng mọi việc trôi qua trước mắt thầy đều tan đi rất mau và chẳng còn lại dấu vết gì trong lòng thầy cả.

- Nếu vậy thì theo đạo hữu Tâm An, tôi là người khổ sở hay sung sướng?

- Dĩ nhiên là sung sướng.

- Sao đạo hữu không phải là tôi mà lại biết tôi sung sướng?

- Thắc mắc kiểu Trang Tử và tâm trạng sung sướng của bầy cá ngày xưa là chỉ bằng nhắm mắt lý luận mà thiếu quan sát. Thân và tâm là dòng suối phản chiếu lẫn nhau.

- Chỉ mong như thế.

Trong một phút không ai chờ đợi, kể cả thầy Tiều, lời thỉnh cầu của người khách tên Tâm An bày tỏ thật đột ngột:

- Xin thầy cho tôi ở lại đây để làm thị giả cho thầy được không?

Sự quyết định của Thầy Tiều cũng đột ngột không kém:

- Được. Nhưng tôi không cần thị giả. Tôi tự lo cho tôi mọi việc được rồi. Đạo hữu muốn ở lại đây bao lâu hay muốn đi lúc nào cũng được. Chỉ xin nói thẳng một điều là nơi đây "bất tác, bất thực" – không làm, không ăn. Tôi cũng như đạo hữu, đều phải tự mình canh tác, lo lấy miếng ăn.

- Vậy thầy không nhận sự cúng dường nào từ phía thiện nam tín nữ cả hay sao?

- Không. Tôi đang tu cho tôi, tại sao lại còn phải đi vay nợ của người khác. Càng vay càng khó trả. Tu là cầu thoát nợ mà còn vay nợ thì làm sao tu?

- Nếu thầy cho tôi ở lại đây tôi sẽ xin cúng dường một khoản kim ngân rất lớn. Tùy thầy muốn tùy nghi sử dụng vào việc xây chùa, đúc chuông, dựng tượng hay tổ chức thành lập và nuôi dưỡng tăng đoàn càng tốt.

Thầy Tiều quyết định đơn giản:

- Đạo hữu về đây, chỉ xin nhớ cho một điều rằng, hôm qua là quá khứ, ngày mai là tương lai. Những gì "đã" và "sẽ" ở xa, nhớ để mà quên đi cho nhẹ người. Hiện tại chúng ta đang sống. Cuộc sống vốn vô thường, nhưng phải xem cái vô thường là cái bình thường. Như chết là hình ảnh của vô thường nhưng lại là sự bình thường vì ai cũng phải chết. Hiện tại chính là gương soi của quá khứ và viễn cảnh của tương lai. Xin đừng lấy gì từ quá khứ làm khuấy động hiện tại và cũng đừng chỉ biết dán mắt vào ngày mai mà quên mất hôm nay. Tu là sống đời ngay thẳng trong tỉnh thức. Sống ngay thẳng trong tỉnh thức, ấy là tu. Tu trong giây phút hiện tại này đây hay sẽ chẳng bao giờ...

Tâm An đăm đăm nhìn ánh sáng ban mai vừa lên nắng hàng tre phương Đông, rồi làm thầm tự hỏi: "Tuổi nhỏ xuất gia bất thành. Vào đời làm đại thương gia đã thành công rực rỡ. Tay chân và tâm hồn đã ngập tràn trong bạc tiền vật chất. Tuổi già phải tay xuất gia lần nữa, tự tay cuốc đất tạo lấy miếng ăn, không biết có thành hay không?!"

Tiếng thầy Tiều càng vui như nắng:

- Lại đang bỏ phí nắng vàng của hiện tại để đi lan man vào quá khứ hay tương lai đó phải không? Nói mau!

Tâm An bỗng cảm thấy mình nhỏ lại với cảm giác đứa bé ăn vụng bị bắt gặp, liền thú thật trong nỗi vui của một ngày mới:

- Cả hai thầy ạ.

Đưa một bàn tay lên, thầy Tiều nhịp đều như đang vỗ với một bàn tay khác trong tưởng tượng:

- Vỗ với quá khứ nghe buồn vì ngày qua đã mất; vỗ với tương lai bỗng nhạt vì hoài niệm trống không; vỗ với hiện tại nghe tiếng vọng của trái tim mình và tiếng đập của đôi cánh bướm.

- Thầy đang làm thơ?

- Không! Đang nghe tiếng vỗ của một bàn tay đó chứ!

---o0o---

Chương 11 - Bốn Người Bạn Đồng Hành

Những trận mưa đầu mùa trút xuống. Cây cối rũ rượi, vật vã trong mưa to gió lớn. Sông núi, thiên nhiên, thành quách, lầu đài, nhà cửa, đường xá đắm mình trong nước mưa. Cùng với tiếng kêu ếch nhái râm ran trong bóng đêm, sự chuyển mình rặng rắc trong các tầng mái ngói của cái dinh cơ có đủ nhà lớn, nhà trung, nhà bé của dinh ông Hoàng đã có tuổi cần tu sửa cấp thời, làm mọi người ái ngại.

Từ khi người nông dân bỏ làng xóm ra đi, mấy trăm mẫu đất nhất đẳng điền của Thái Ấp rục rờ màu hoa, làm đẹp cho dân gian và đất trời nhưng chẳng thu được cho chủ nhân một món lợi nhỏ vật chất nào. Kho lẫm trống trơn, lầu đài chứa toàn sách vở bút nghiên, chủ nhân phải đổ mồ hôi lo lấy miếng ăn ngày lại qua ngày không một tiếng than van mà bên ngoài chẳng ai hay biết. Danh ông Hoàng thường đi đôi với quyền uy và phú quý với vô số của nỏ của chìm. Kẻ hầu người hạ đã rũ nhau đi biệt từ lâu. Phú quý chỉ còn là danh tiếng hảo và những tòa nhà đã già nua mục rữa không đủ khả năng sửa sang ngày càng xuống cấp. Cho đến mùa mưa năm nay thì nước mưa đã bắt đầu tự do tuôn vào ngôi nhà chính sau khi liên tiếp làm tình làm tội mấy ngôi nhà phụ khắp các phía Đông Tây, tả hữu. Cứ mỗi lần hai người di chuyển từ một gian mưa dột đến một chỗ khô ráo hơn, Phạm Xảo như già thêm mấy tuổi vì ưu tư; trong khi Trí Hải cũng có chút trầm tư nhưng thoáng qua rất nhanh.

Ngôi nhà cũ cũng như tuổi già. Tuổi thanh xuân thường nằm xuống chỉ vì một chứng bệnh hay một nguyên nhân, nhưng tuổi già nằm xuống thường là tổng hợp của bao nguyên nhân và nhiều chứng bệnh hợp lại. Dinh ông Hoàng vốn được xây dựng theo kiểu trang hoàng. Kiến trúc không xây bằng gỗ quý, loại “thiết mộc” và vôi đá mà lại được dựng lên bằng loại gỗ trầm hương đẹp và thơm nhưng lại khá mong manh trước riu búa của thời gian. Tuy chỉ mới quá tuổi heo may nhưng những mảnh nhà thi nhau sứt xuống và vữa ra. Mái và tường chỉ còn là tàn ô che nắng. Bữa ăn hàng ngày của ông Hoàng còn phải đổ mồ hôi mới kiếm ra. Nói chi đến việc tu sửa dinh cơ là điều không thể nào kham nổi.

Bản tính bất chấp và không cần để ý đến vật chất, tiền bạc do hoàn cảnh ưu đãi tạo ra ông Hoàng đã lẫm lẫm hơi cay. Cái vương giả, quý tộc phải có thể

lực hay tiền tài vật chất làm bảo chứng. Nếu không, nó chỉ là một ngọn núi tự nó vô tri và trơ trụi. Dầu cho tâm có bình thản và chí có vui cảnh an bản lạc đạo đến bao nhiêu đi nữa thì Trí Hải cũng phải dụi mắt nhìn thẳng vào thực trạng của ngôi nhà đang đổ nát chẳng có một đồng tu sửa. Im lặng là đồng tình với sự hủy diệt ngày lại ngày không thể nào tránh khỏi. Nhưng mở miệng để cầu xin hay kêu gọi giúp đỡ thì quả là điều ghê gớm mà giới ông Hoàng, bà Chúa không bao giờ làm nổi. Với giới hoàng thân quốc thích mà phải hạ mình cầu cạnh xin xỏ vật chất thì còn tệ hơn là tước bỏ danh vị hay vị lưu đày biệt xứ.

Sau bức tường thành cao chắn ngang tầm mắt vẫn nhận ánh sáng mặt trời mỗi ngày nằm chễm chệ trên đồi là tòa lâu đài đột nát. Kẻ bàng quang đứng bên ngoài vẫn không biết được những gì đang xảy ra bên trong. Mọi sự tiếp xúc với bên ngoài đều được Phạm Xảo xếp đặt tại trần phong đình. Đây là ngôi nhà chắn gió mới xây về sau nằm sát bên ngoài cổng chính tương đối còn nguyên vẹn. Khách vắng lai muốn vào thăm dinh ông Hoàng đều bị khéo léo từ chối mà không nêu rõ lý do.

Với tinh thần võ tướng, thẳng băng và bộc trực một cách thực tế, Phạm Xảo lo lắng, quay quắt khi nhìn thấy dinh cơ ông Hoàng chỉ còn là một cái vỏ tiêu điều từ từ đổ xuống. Tinh thần có mạnh mẽ đến mức nào thì cũng khó mà chống đỡ sự tàn tạ của thế giới vật chất bằng hai bàn tay không. Phạm Xảo và Trí Hải như hai cực nóng lạnh của cuộc sống. Với phong thái quý tộc, trầm tĩnh, sâu kín có khi đến độ dửng dưng, Trí Hải như một cung điệu trầm, một cực lạnh bên một Phạm Xảo trung thành, xông xáo, nóng bỏng và xem dư luận như là loại thước đo của giá trị làm người. Phạm Xảo không thể nào chia sẻ được với cái lãng mạn truyền đời trong tinh thần kẻ sĩ xem cái nghèo cũng là một đức hạnh - Đức hạnh của những hàn sĩ cổ điển thường xem “tiền tài như phấn thổ, nghĩa trọng tợ thiên kim!”.

Phạm Xảo không biết phải gọi tên hay diễn dịch như thế nào về cách sống thản nhiên và thủ phận của Trí Hải. Không dám nói trắng ra vì lòng ngưỡng mộ Trí Hải bao năm qua vẫn còn ăn sâu trong tiềm thức. Nhưng Phạm Xảo tự hỏi rằng, đâu là bản lĩnh của một ông Hoàng vẫn thường xuyên thao thức với giấc mơ mở nước giúp đời. Đâu là tài năng quyền biến thật sự của người hiền sĩ quý tộc trước hoàn cảnh đổi thay. Trí Hải vẫn chí thú canh tác để tự nuôi sống mình như một người lao động vô danh. Dáng vẻ hăm hở mỗi sáng vác cuốc ra vườn, những giọt mồ hôi lòng đòng trên trán và nụ cười tươi mới, vô tư sau mỗi đợt lao động của Trí Hải làm Phạm Xảo nhẩn mặt.

Không giữ mãi nỗi khó chịu một mình, Phạm Xảo đem suy nghĩ của mình nói với Trí Hải:

- Hoàng thân có dự tính trở thành người cuộc cày trồng trọt chuyên nghiệp không?

Trí Hải trả lời đơn giản:

- Đói thì ăn, khát thì uống, mệt thì nghỉ, cần cái ăn cái sống thì phải làm việc chứ có gì quan trọng đâu mà phải dự tính lâu dài.

- Hoàng thân là dòng dõi hoàng tộc mà làm việc tay chân như thế một kẻ dân thường không sợ người ta chê cười hay sao?

- Ai chê cười vậy?

- Vua, quan và bá tánh đều cười.

- Tại sao chê cười?

- Vì người ta cho rằng, Hoàng thân là kẻ bất tài mới phải hạ mình làm việc tay chân như thế?

- Đã có khi nào tôi tự xưng mình là kẻ có tài đâu mà phải sợ bị chê là bất tài!

- Nhưng làm việc tay chân kiếm ăn là công việc của người tầm thường, có khi là hèn mọn.

- Nếu không phải là người hèn mọn thì là người gì?

- Là người cao quý.

- Tại sao người sống bằng sức lao động của chính mình thì lại thuộc vào hàng hèn mọn và kẻ sống bằng sức lao động của người khác thì lại cho là cao quý?

- Vì xã hội đã cho như thế.

- Xã hội là ai vậy?

- Là con người.

- Thì tôi cũng là con người và bây giờ nếu tôi nói ngược lại thì sao?
- Thì Hoàng thân nghiêm nhiên tự đặt mình vào thế chống lại xã hội chứ sao!
- Nếu cần chống lại xã hội để bảo vệ lẽ phải thì cũng nên chống phải không huynh?
- Chống lại xã hội là một việc làm trời biển cũng như vác nạng chống trời, đây là một việc làm đem muối bỏ biển sẽ không đến đâu cả.
- Không, tôi nghĩ khác. Hễ có khởi thì có động, có đi thì có đến. Khi đủ sức thì chống “động” để cải tạo cái xã hội sai lầm ấy. Khi chưa đủ sức thì chống “tĩnh” để dừng đồng lõa với sự sai lầm của xã hội ấy. Biết sai mà vẫn làm vì sợ người vốn đã sai - chê sai - thì mới thật là sai.

Phạm Xảo bật cười, kéo Trí Hải về với thực tế.

- Hoàng thân à, đúng hay sai chưa gấp bằng việc cứu hỏa. Tòa dinh cơ này đang bị đốt cháy vì lửa nghèo đây. Làm thế nào để có tiền cứu nó mới là điều cần bàn lúc này.

- Vạn lý Trường thành, đền Đế Thiên Đế Thích, những tháp Chàm, đền miếu quanh ta xây dựng kiên cố thế kia, nhưng rồi cũng theo thời gian mà đổ nát. Tất cả đều biến dịch theo cái vòng thành, trụ, hoại, không... có gì đáng ngạc nhiên hay thắc mắc đâu.

Phạm Xảo lắc đầu:

- E rằng, Hoàng thân lại đi quá xa nữa rồi. Tôi không có gì cao xa mà chỉ muốn nói những điều trước mắt. Đó là khi dinh cơ này hoàn toàn đổ nát thì không những vong linh các đấng thánh hiền, tiên liệt của tôn tộc sẽ không có một chỗ an vị để thờ mà ngay chúng ta nay mai cũng không có một mái nhà để ở. Chuyện trước mắt là cuộc sống ngày lại ngày. Hoàng thân đừng theo cụ Khổng Tử ngày xưa bàn toàn chuyện trị nước, bình thiên hạ xa vời, trong khi bản thân cụ không tìm ra một vùng đất để nương thân, không một mình chủ biết dùng mình.

- Thà không có chỗ nương thân vẫn còn hơn là xuôi tay vội vàng nương thân vào nơi bất xứng.

- Con nhà tướng chúng tôi thì nương thân đâu cũng được miễn là đừng hao binh tổn tướng và cuối cùng thắng được giặc.

- Phải chăng vì thế mà một trận chiến thường không đẹp như một bài thơ?

- Nhưng một trận chiến thắng lẫy lừng và một bài thơ tuyệt tác đều là tác phẩm quý giá muôn đời của nhân loại.

- Như vậy là huynh đã đồng ý rằng hình thức thắng trận, tan hợp, tốt xấu... có hay không tùy hoàn cảnh. Hình tướng không quan trọng bằng chân tướng phải không?

- Vâng, Hoàng thân. Đúng vậy! Trong hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, chân tướng bây giờ là ngọn lửa nghèo đang bén gió bùng lên đó.

- Cảm ơn huynh đã lo lắng. Vì rất quan tâm về ngọn lửa nghèo đang thiêu hủy dần tòa nhà đã quá cổ xưa này nên tôi không làm gì cả để cứu nó. Vì như huynh biết rõ, tôi chỉ cần ngỏ lời với các đại thần đầu triều mà tôi đã cất nhắc họ hay với các đại gia cự phú trong hoàng tộc thì tòa nhà này sẽ được dễ dàng xây lại mười phần to đẹp hơn xưa. Nhưng một tòa lâu đài mới dựng lên cũng sẽ có ngọn lửa giàu sang thiêu hủy dần theo cách ngược lại. Tôi im lặng để có từng giờ, từng khắc dập tắt cả hai ngọn lửa... sẵn sàng thiêu hủy đời mình. Đó là ngọn lửa nghèo và ngọn lửa giàu sang!

Phạm Xảo lại gằn, nắm bàn tay của Trí Hải, định nói một lời nào đó, nhưng tiếng cười của thầy Tiều và Tâm An từ ngoài cổng đi vào đã cắt đứt dòng đối thoại giữa hai người. Tâm An lên tiếng:

- Hi, hi! Ồi giờ ơi! Chính vậy. Chính vậy!

- Chính vậy cái gì?

Phạm Xảo hỏi dồn. Tâm An giải thích:

- Đệ không đến nỗi độn căn nên vừa nghe hai vị nói đến lửa giàu, lửa nghèo là hiểu liền. Đệ liên tưởng ngay đến khi dập tắt được cả hai ngọn lửa tham của giàu, ngọn lửa khổ của nghèo thì mới kiếm được củi để nhen được lửa từ bi trong bếp.

- Này Tâm An, sáng sớm muốn vận động cho giãn gân cốt hay sao mà chạy lòng vòng dữ vậy? Muốn nhen lửa nào thì cứ việc nhóm lửa đó chứ cần gì phải dập tắt, lý luận lung tung như vậy đã chứ.

Tâm An lắc đầu phản đối lời Phạm Xảo:

- Hề, đại huynh. Đừng đùa với lửa chứ! Lửa giàu lửa nghèo của huynh là lửa tâm; lửa bếp của đệ là lửa tướng. Nhóm lửa tướng mà chưa tắt lửa tâm là sẽ dẫn đến cảnh: “Trống Tràng Thành lay bóng nguyệt. Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây...” cho mà coi. Hề hề!

Tâm An là người trẻ nhất trong nhóm và cũng là người thường mang lại nụ cười cho cả nhóm. Vốn đã từng quen với lối sống kinh doanh đầy tiểu xảo và sôi động đời thường, Tâm An vừa thực tế vừa mơ mộng. Cái thực tế chưa bị thui chột và cái mơ mộng chưa đến nỗi hoang tưởng làm cho người ta đứng vững giữa cõi người đáng yêu. Con người đáng yêu vì không phải quý mà cũng chẳng phải là thánh. Và cuộc sống cũng đáng yêu chỉ vì con người chưa hóa đá để xác định mình là ai và tự cho mình được lựa chọn giữa đường sang xứ quý và lối về đất thánh.

Vẫn với cái giọng dí dỏm và lối nói ví von gợi cảm, Tâm An nói tiếp:

- Thì chính thái tử Tất Đạt Đa dập tắt ngọn lửa giàu sang để trốn khỏi hoàng cung mới có tu sĩ Cồ Đàm. Và tu sĩ Cồ Đàm dập tắt ngọn lửa nghèo khi kiệt sức bên bờ sông Ni Liên Thuyền để nhận bát sữa của nàng Tu Xà Đa sau sáu năm khổ hạnh mới có đức Phật Thích Ca...

Phạm Xảo nhìn Tâm An và hỏi:

- Còn Tâm An thì dập tắt được lửa gì?

- Kẻ tiểu sinh tài hèn sức mọn này cũng vừa dập tắt được hai ngọn lửa sinh tử cặp kè của trần gian ta đó. Hai ngọn lửa mà thiếu chúng thì chẳng những không tu hành gì được ráo trọi mà có khi hết sống nổi nữa là khác. Xin thưa, đó là lửa nấu nước trà và lửa... nấu cơm!

Những giọng cười vui mở lối ra đồng.

Căn nhà cỏ của thầy Tiều và Tâm An đang trú ngụ không có đất trồng trọt. Trí Hải sẵn lòng mời thầy Tiều và Tâm An sang canh tác mấy sào đất vườn màu mỡ và kín đáo bên trong nội thành của phủ ông Hoàng.

Bốn người trở thành bạn hữu. Chính cuộc sống đơn giản và đạm bạc đưa họ đến gần nhau. Một tướng quân đã từng xông pha trận mạc như Phạm Xảo. Một ông Hoàng thông thái từng sống ở phương Tây như Trí Hải. Một nhà tu đã từng tu tập ở núi rừng Tây Tạng như thầy Tiều. Một chú tiểu tu không thành mà thành nhà đại phú giao thương từ Tàu đến Nhật như Tâm An. Họ cùng gặp nhau ở một điểm: Đem vô thường về với bình thường và đi tìm một cái chung từ những cái riêng của cá tính khác biệt.

Nhờ đất đai màu mỡ và nhu cầu ăn uống chẳng là bao nên việc canh tác chẳng chiếm nhiều thì giờ. Cả bốn người thường rủ nhau vào rừng đốn củi, đốt than, hái trà mọc hoang trên núi và theo thầy Tiều ngồi tĩnh tọa định tâm.

Khi tâm đã định, sự xôn xao của đời thường không có đất nẩy mầm, đâm nhánh. Ta cảm thấy ta gần gũi với ta hơn. Mình hiểu mình hơn và trở về làm bạn với chính mình. Cảm giác an bình tự tại có ngay nơi mình mà chẳng phải tìm kiếm đâu xa. Mình có mình là bạn của mình nên cái nhu cầu tranh đua và so sánh với một đối tượng ngoài mình không có lý do phát triển. Ta là người mà người cũng là ta. Bởi thế, nhóm bốn người tìm về nhau bằng tâm cảm. Nhiều lúc không ai nói với ai một lời nhưng họ cảm thấy gần nhau hơn. Cái tâm phẳng lặng cũng như mặt biển bao la không gợn sóng. Người ta thấy được cả con chuồn chuồn và đàn muỗi mắt vờn nhau trên biển cả. Người ta nghe được cả tiếng sóng gọi đã trảng lúc đêm khuya. Trong trạng thái an hòa, lòng người trải rộng đến vô biên, nên lặng lẽ gặp nhau một cách tự nhiên mà không cần tìm kiếm.

Ngồi yên im lặng hay tĩnh tọa định tâm đối với thầy Tiều và ba người bạn là một món ăn “bữa lữ” tinh thần sau những giờ làm việc. Theo thầy Tiều thì trí óc cũng như bắp thịt, cần phải có sự nghỉ ngơi. Bắp thịt không vận động thì nghỉ, nhưng suy tưởng là cả một dòng tồn tục lưu chuyển không dễ gì chặn lại theo ý muốn. Điều khiển trí óc không đơn giản như điều khiển chân tay. Chân tay không thể tách rời thân thể để phiêu lưu ngoài tầm tay với, chân duỗi. Nhưng tư tưởng thì tha hồ phiêu du tận đến ngoài vũ trụ; có khi đến cả cõi phi thời gian vô tướng xứ. Có những bàn tay phá thành đắp lũy, nhưng không ngăn được mây may nổi yêu ghét, giận hờn.

Hôm nay, cũng như những buổi chiều sau khi ngồi tĩnh tọa định tâm khác, câu chuyện lại xoay quanh những đề tài không định trước.

Tâm An mở đầu câu chuyện một cách dí dỏm:

- Thừa thiền sư và nhị vị thiền giả, tôi thường thắc mắc và tự hỏi rằng, nếu ví thử như tất cả mọi người đều ngồi thiền và đi tu diệt dục cả thì loài người sẽ biến khỏi thế giới ta bà này không quá trăm năm. Tuy lúc đó con người không có, nhưng chúng sanh vẫn còn. Không có bóng con người ai sẽ giúp chúng sanh tu hành giác ngộ?

Thầy Tiều cười hề hề dễ dãi:

- Này, Tâm An đang nói chuyện với ai đó? Ở đây làm gì có thiền sư hay thiền giả mà thừa với bầm rôm rá thiết tình thế.

- Thầy ơi! Ngày nào thầy cũng tọa thiền, thiền định thế kia mà còn không phải là thiền sư thì biết kiếm thiền sư ở đâu mà học đạo hở Thầy?

Cái cười càng rộng rãi hơn, thầy Tiều trả lời:

- Có tìm khắp cả ba ngàn thế giới cũng chẳng có thiền sư hay thiền giả nào cả. Người ta gọi thiền, nói thiền vì sợ mình không phải là thiền đó thôi.

- Đúng rồi! Đúng rồi thầy ạ. Ủa! Mà nếu vậy thì thiền là gì và thiền đang ở đâu?! Ai ngồi xếp bàn im lặng, nhắm mắt hay lim dim thì cũng gọi là tọa thiền hay thiền định cả mà.

- Hi! Hi! Nếu người ta không gọi đó là thiền mà gọi đó là “phiền” hay “hiền” hay “ghiền”... chẳng hạn thì người ngồi có cảm giác khác nhau gì không?

- Chắc cũng vậy thôi thầy ạ. Nhưng thiền thật sự là gì mới được chứ?

- Thiền hả? Ô! Thiền chẳng là gì cả. Thiền là một giọt sương long lanh an tịnh trong lòng mỗi người. Nhìn đến nó và nghĩ đến nó thì nó còn mà nắm bắt thì nó sẽ tan.

- Dù nắm bắt nó bằng cái tên cũng không được hả thầy?

- Làm sao gọi tên một giọt sương? Giọt sương chiếu đám mây thành giọt trắng, chiếu ánh nắng thành giọt hồng; chiếu bầu trời thành giọt xanh, chiếu mênh mông thành giọt...giọt...

- Giọt gì hở thầy?

- Không biết nữa!

- Ô hay! Thầy mà cũng không biết nữa thì ai biết?

- Có lẽ... có lẽ bản thân giọt sương tự biết lấy.

- Hay thật! Hay thật! Một giọt sương tự biết lấy một giọt sương. Thầy ơi! Có phải vì vậy mà ông Lão Tử gọi nó là “Đạo khả đạo phi thường đạo...” phải không thầy?

- Trời đất, tâm linh cùng một trạng thái giao hòa tuyệt đối từ vô thủy đến vô chung. Vô thủy và vô chung không bao giờ có điểm khởi đầu và điểm kết thúc nên chỉ là Một. Trạng thái Một Cùng Tận Cùng Đích đó không thể phân, không thể giải; vừa có đủ hình tướng bao gồm cả cần khôn, vừa là không - cái không tự tại, vắng lặng chứ không phải cái không trống rỗng, vết sạch, nghèo nàn - không tuyệt đối. Nên gọi là gì cũng đúng mà có gọi là... gì gì đi nữa cũng không đúng cả. Lão Tử có gọi đó là Đạo, các vị hiền triết phương Đông gọi là Khí Hạo Nhiên, đức Phật gọi là Tánh Không... thì tất cả đều là những khái niệm tương đối để chỉ cái thể tính tuyệt đối chỉ có thể thông đạt được qua trực nhận mà không thể nghĩ bàn...

- Ôi thầy ơi là thầy! Tôi ngộp thở mất. Ngộp thở vì toàn cả những chuyện quá cao xa gì đâu. Tôi chỉ thích hình ảnh thiền là giọt sương của thầy thôi à.

- Đúng! Đúng! Quên hết thiền, quên hết những đỉnh núi danh từ cao xa nực nội đó đi. Ráng giữ một giọt sương long lanh đừng cho nó vỡ thì sẽ được an tịnh.

- Đừng đi xa nữa. Tâm An thử nghĩ đến một cái gì đó gần gũi nhất xem sao?

- Để làm gì, thưa thầy?

- Để biết mình, mình vẫn chưa biết được điều gần nhất quanh mình thì vội đi xa làm gì cho dễ lạc đường.

- Cái gần nhất là thân thể, là cuộc sống của chính mình thì làm sao mà không biết được.

Thầy Tiều cười tùm tùm, nhìn thẳng vào mắt Tâm An dò hỏi:

- Thế Tâm An có biết được cái gần nhất là tiếng ngáy của mình không?

- Ô! Tất nhiên là biết tổng đi chứ!

- Làm sao?

- Thì người khác biết mình ngủ ngáy tức là mình ngáy.

- Không, tôi muốn nói chính Tâm An kia.

- Ô! Biết mà không biết. Mình ngủ say mới ngáy. Mà khi ngủ say rồi thì làm sao nghe được hay biết được tiếng ngáy của mình như thế nào và mình ngủ có ngáy hay không nhỉ!

Thầy Tiều kết luận một cách đầy hài tính:

- Nếu nhà người chịu thua vì không biết được tiếng ngáy của mình thì phải chịu phạt. Hình phạt hôm nay là phải đi hốt than bỏ vào bao để kịp mang về nhà cả trời sắp tối.

Tâm An bóp trán suy nghĩ. Có những điều đơn giản như thế mà chẳng bao giờ mình để ý. Tiếng ngáy mình như thế nào; trí óc mình có tỉnh táo như người khác hay không; dáng vẻ của mình đáng yêu hay đáng ghét; điệu sống của mình đáng mến hay khó ưa. Suy nghĩ đến tình thương trời biển bao la trong tấm thân yếu gầy của mẹ; tưởng tượng đến ánh mắt hồng hoang của tình yêu; suy gẫm những chuyện đời gian truân và hạnh phúc... Tâm An có cảm tưởng như mình là một cái kén chưa nở giữa biển đời đầy động triền miên. Gió chiều chùng như trở lạnh. Tâm An lặng lẽ đứng lên đi kiếm bao hốt than trong tiếng cười khúc khích đắc thắng của thầy Tiều.

Phạm Xảo đứng lên theo và cùng kiếm bao hốt than với Tâm An.

- Hề hề đại huynh! Chỉ nghe, chưa đặt què mà cũng thua lây sao?

Tâm An nói đùa với Phạm Xảo khi thấy lão bằng hữu tốt bụng tình nguyện đến giúp một tay. Phạm Xảo cũng đùa vui tiếp lời:

- Thấy cảnh thiền sư bắt nạt thiền sinh, ta đây cũng động lòng nghĩa hiệp mà ra tay giúp kẻ sa cơ!

Tiếng cười của Phạm Xảo và Tâm An khuất dần sau những lùm cây. Trí Hải ngồi một mình với thầy Tiều, hỏi chuyện:

- Cuộc trò chuyện giữa thầy và Tâm An thật là thú vị. Tôi cũng có cơ duyên đọc nhiều sách thiền nhưng thú thật là tôi không thích thiền vì những nguyên tắc thực hành quá gò bó và những tạng lý thuyết quá cao xa; nhiều khi mơ hồ, mâu thuẫn ngỡ như là hoang tưởng. Thế nhưng kể từ khi gặp thầy, tôi có hơi quan tâm về thiền trở lại, nhưng chỉ sợ kiến thức của mình về thiền học chưa đủ căn cơ để có thể đến với thiền một cách đúng đắn.

- Quý hữu miễn chấp. Tôi chẳng quan tâm về thiền gì cả.

- Ngày nào thầy cũng ngồi thiền cả mà sao thầy lại nói thế?

- Quả tôi có ngồi yên lặng định tâm mỗi ngày như hoàng hữu nói, nhưng đây không phải là thiền. Bầu trời mênh mông trong mỗi người thì muôn màu muôn vẻ. Sự trầm tư an tịnh khi có khi không, nhưng động và tịnh là hai trạng thái song hành đã hiện hữu một lần với lịch sử của con người và sự sống. Thiền là một tên gọi trạng thái an tịnh đó mới xuất hiện từ mấy nghìn năm nay ở Ấn Độ và Trung Hoa rồi lan truyền đến các nơi khác. Thiền với những nguyên lý và phương cách đạt thiền giới hạn riêng của nó trong giới thiền gia. Có giới thì phải có hạn, tôi yêu tự do đầu tiên và cuối cùng trong chính mình và không muốn thuộc về giới hạn hay hình tướng nào cả.

Trí Hải tùm tùm cười, nói với nhà sư:

- Thầy cũng không thuộc về chiếc áo nhà tu mà thầy đang khoác lên mình đó sao?

- Không, chiếc áo không làm nên tôi, nhưng tôi tự nguyện giới hạn những nguyên tắc và nhu cầu cuộc sống của bản thân mình theo những quy ước tương đối của màu áo đó. Người ta thường ôm chiếc áo mà bỏ rơi con người vì họ đồng hóa chiếc áo với con người. Tôi thì mỗi giờ khắc đi qua tự điều chỉnh và giới hạn con người mình cho gần với chiếc áo. Nếu một ngày nào đó, tôi không đủ duyên đi theo với chiếc áo thì tôi phải khoác một chiếc áo khác, thế thôi!

- Lúc đó thì thầy làm sao mà tu được nữa?

- Tu và khoác áo tu là mượn thuyền để qua sông mê, về bến ngộ. Tôi đang chèo thuyền giữa bờ mê và bến ngộ trên dòng sông mê đang chảy siết. Không tiến phải lùi, không thể neo thuyền giữa dòng cuồn lưu đang chảy băng băng về phía trước.

- Ngồi trong lòng thuyền xao động giữa luồng sóng dữ, thầy dựa vào cột mốc nào để biết mình mỗi ngày một gần với bến ngộ, thưa thầy?

- Ngỡ như mộng lung nhưng rõ ràng lắm quý hữu ạ. Bến ngộ là bến không. Bến không bắt đầu từ tâm không. Tâm không là tâm rỗng lặng. Mỗi ngày ngồi yên tịnh, mà quý hữu muốn gọi là thiền hay một danh xưng nào đó tùy nghi cũng được, để xả những lớp bụi của ngày qua. Đây là những lớp bụi của đời thường thế tục mà không ít thì nhiều ai cũng bị bám do sự tham giận, kiêu căng, si mê, lầm lạc... mà ra.

- Thầy là bậc tu hành mà cũng bị bụi đời thường bám vào mỗi ngày nữa sao?

- Lớp bụi trần thế không dày thì mỏng ở đâu cũng có, lúc nào cũng có, không miễn nhiễm cho ai cả. Nó xuất hiện dưới vô vàn hình thái. Càng quan trọng lễ nghi, càng rườm rà hình thức, càng say mê lý thuyết thì lại càng có nguy cơ tiếp cận với lớp bụi dày hơn.

- Thế thầy có lo sợ đến một ngày nào đó thầy phải xa chiếc áo không?

Thầy Tiều cười hì hì một cách thành thoi:

- Tôi không lo sợ phải xa chiếc áo mà chỉ lo sợ rằng, lỡ một ngày hay một hoàn cảnh nào đó mình không còn xứng đáng khoác chiếc áo nữa mà vẫn được người đời ca ngợi. Và sợ nhất là chính mình không những không còn cơ hội để nhìn lại sự suy đồi của chính mình cho rõ mà còn cảm thấy tự hào, hãnh diện một cách vô minh như thể mình đang lên hàng thánh thiện.

Nhìn khuôn mặt vui vui với nụ cười chưa hết của thầy Tiều, Trí Hải nói nhẹ nhàng:

- Thầy chấp nhận làm gì vào những danh từ cho phiền. Mọi tên gọi, kể cả thiền, chẳng khác gì là một mảnh gỗ mục cho con gián bám vào đó mà sống còn trong cơn lũ lụt.

- Thế nhưng người ta vẫn xem mảnh gỗ mục cứu lũ trước mắt là lâu đài kiên cố của sự sống đời đời.

- Đó không phải là bản chất mà chỉ là tiếng vọng.

Thầy Tiều gật gù:

- Tiếng vọng? Ý quý hữu muốn nói là tiếng vọng của một nguồn thiên đại ngộ nào chăng?

Trí Hải đưa tay vẽ một vòng tròn tượng trưng trong tầm nhìn của thầy Tiều, rồi giải thích:

- Thiên - nếu có thể tạm gọi những phút định tâm của thầy bằng một tên gọi như thế - là tiếng nói của im lặng, là dáng vẻ không hình tướng. Ai hỏi làm chi tiếng của mây, màu của gió... Mây không có tiếng, gió không có màu, nhưng nó vẫn hiện diện quanh ta. Sự lặng im mà xoay chuyển của mây gió chính là tiếng vọng của đất trời, của thiên nhiên vũ trụ.

Thầy Tiều lại hỏi:

- Thế thì đâu là tiếng vọng của lòng ham muốn về một sự sống đời đời?

- Đó chính là tiếng vọng của một tâm trạng mang khát vọng bất tử, ước mơ một sự sống đời đời. Thiên là tiếng vọng của một sự khát khao muốn gặp được lối đi mà người ta thường gọi là “ngộ đạo”. Ngộ đạo là gặp con đường tìm về giải thoát để ra khỏi vòng sinh tử, an trú đời đời trong an lạc.

Đặt câu hỏi như một lời giảng giải, thầy Tiều hỏi:

- Một khát vọng như thế có chính đáng khi thập loại chúng sanh còn trong khổ hay không?

Trí Hải lắc đầu:

- Làm sao chúng ta biết được. Cây roi là vật chính đáng của người thợ cày, nhưng lại là vật không chính đáng đối với con trâu. Mọi người cứ gán cho nắm xôi là khát vọng chính đáng của thằng Bờm, nhưng lại có kẻ cho nụ cười mới chính là khát vọng của nó. Tất cả mọi người đều đúng mà cũng có thể chẳng ai đúng cả.

- Nguyên nhân vì sao cái sai và cái đúng không tách bạch rạch ròi mà dễ dàng trộn lẫn với nhau như thế?

- Vì tất cả chỉ là tiếng vọng. Tiếng vọng của gió không phải là gió; tiếng vọng của mưa không phải là mưa. Người ta nắm bắt tiếng vọng nên biên giới giữa sai và đúng, giữa giả và thật không dễ dàng phân định.

- Vậy thì làm sao để nắm bắt cho được cái bản thân thật sự của của các đối tượng?

Thầy Tiều hỏi, Trí Hải lặng im một lát và trả lời ngập ngừng:

- Làm sao? Như thể một cuộc săn đuổi với cái bóng của chính mình và của vạn vật. Câu hỏi đơn giản nhưng câu trả lời không dễ dàng. Thầy nghĩ thế nào?

Thầy Tiều ngồi trên bãi cỏ, xếp bằng:

- Quý hữu đi tìm ý nghĩa cuộc đời trong kho sách vở và bằng lý luận, tôi tìm ý nghĩa cuộc đời trong chính tôi và ngay giữa cuộc đời này bằng thực chứng.

- Như thế có nghĩa là tôi đang săn đuổi và thầy đang nắm bắt?

Không gật đầu, cũng chẳng lắc đầu, thầy Tiều lắng sâu trong trạng thái an tịnh.

Trí Hải vẫn băn khoăn về ý nghĩa của sự thực chứng mà thầy Tiều chỉ nói. “Hình như là vậy!”. Trí Hải suy nghĩ và tự trả lời cho mình. Kẻ tìm lại chính mình cũng như kẻ đi tìm rùa. Càng la hét ồn ào, con rùa càng rụt cổ co lại vào trong vỏ. Càng vội vàng và nóng nảy tóm cho được con rùa thì chỉ tóm được cái vỏ. Cái kho tàng giấu kín trong ta không thể lấy bạc vàng mua được; không thể dùng sức mạnh chinh phục được, không thể dùng lý luận rử rê được. Chỉ có sự im lặng tuyệt đối với cái tâm an hòa, cái trí không không (không gợn một chút dơ, không thoáng một định kiến, không vọng tưởng gì cả...) mới giao hòa được với cái kho tàng vô giá đó. Giao hòa để chính mình là kho tàng chứ không phải là kẻ sở hữu kho tàng. Kho tàng là mình, mình là kho tàng nên không mất mà cũng chẳng được; không có Có mà cũng chẳng có Không.

Tiếng nói cười khi oang oang, khi ríu rít hồn nhiên của Phạm Xảo và Tâm An đánh động cái im lặng không biết đã kéo dài bao lâu giữa thầy Tiều và Trí Hải. Tâm An gõ gõ vào vách núi, lên tiếng:

- Hai sơn nhân ngủ gục, mau dậy đi về cả trời tối.

Thầy Tiều và Trí Hải cùng mở mắt to, nhìn nhau. Có nụ cười trong mắt. Thầy Tiều nói bất chợt:

- Thiên hà?!

Trí Hải trả lời theo:

- Ủa, thiên?!

Cả hai cùng cười. Tiếng cười như nắng.

Nhìn sâu vào đôi mắt trong veo, nửa ngây thơ trong sáng, nửa sương tuyết già nua của thầy Tiều, Trí Hải cảm nhận được chặng đường tâm linh qua nhiều trần trở cũng như đầy hoan lạc của nhà sư.

Trí Hải hỏi với ý nghĩ chân thành, không vương víu sự khen chê:

- Xin hỏi thật là Thầy đã “ngộ” lần nào chưa?

Thầy Tiều cười thành tiếng:

- Mê muôn kiếp, ngộ nhất thời. Nhưng ngộ là gì và ngộ để làm gì mới được chứ?

Trí Hải có vẻ dè dặt:

- Theo sách vở mà tôi đã đọc thì “ngộ” là một trạng thái hoan lạc, một sự bùng vỡ như tái sinh. Người ngộ đạo thấy thật tướng của chính mình và vạn vật. Từ giây phút ngộ đạo tâm thức của họ đã mở cửa đi vào một thế giới mới. Hệ thống giá trị, lề thói sinh hoạt và so sánh cũ biến mất. Người ngộ đạo san phẳng những chướng ngại trên đường để đi tới.

Thầy Tiều không biểu tỏ một phản ứng nhiệt tình nào khi được hỏi, trả lời với giọng đều đều thản nhiên:

- Không, tôi không khác gì với mọi người cả. Đói thì ăn, khát thì uống, buồn ngủ thì nằm ngủ. Tôi sống giữa cuộc đời này, sống thì thờ, chết thì xuôi tay nhắm mắt thôi, không đi đâu hết.

- Nhưng rồi tới một ngày nào đó thầy phải xa nó, phải giải thoát, phải thành Phật chứ.

- Giải thoát và thành Phật ngay giữa thế gian này. Đức Phật nói pháp sau khi ngài đắc đạo, nhưng người đời nay lại đua nhau nói pháp trước khi tự bản

thân mình thấy đạo. Họ sợ vô thường, sợ tái sinh nên níu nhau nói chuyện, cầu khẩn lời giải thoát cho đỡ sợ.

- Vậy thì thầy có cầu giải thoát và sợ sinh tử vô thường không?

Thầy Tiều nói với giọng vui như bông đùa:

- Phải sợ nhiều hơn người thường, không dai sức chịu khổ lâu dài mới đi tu cho mau giải thoát chứ. Cọp ai mà không sợ, nhưng rồi cũng phải chọn một trong ba con đường: Một là làm nhà cho cao để tránh nó, hai là làm chuồng cho chắc để nhốt nó, ba là đối diện với nó để đương đầu với nó...

- Tu là chọn thái độ nào?

- Đương đầu với nó để khuất phục nó.

- Nếu lỡ mình thua nó và nó ăn thịt mình thì sao?

- Thì mất mạng chứ sao.

- Mạng một người đi tu và mạng một người dân thường mạng nào lớn hơn?

- Người nào to béo hơn thì mạng lớn hơn!

- Mạng lớn hơn thì Phật tánh có lớn hơn không?

Thầy Tiều đáp giọng tự nhiên như nói về một chân lý:

- Lớn hơn chứ!

Phạm Xảo chen vào:

- Mới tuần trước thầy nói Phật tánh luôn luôn ngang nhau giữa tất cả mọi người mà!

Tâm An lên tiếng ngay:

- Có lần thầy nói người càng to lớn đầy đà thì Phật tánh càng nhỏ.

Thầy Tiều tỏ vẻ thông khoái lên tiếng thúc giục:

- Vậy thì trong quý hữu đây ai đã thấy được Phật tánh rồi?

Cả Tâm An và Phạm Xảo đều trả lời nhanh là “Chưa thấy!”. Riêng Trí Hải thì không nói gì. Lát sau nói nhỏ như nói một mình:

- Kiến tánh thì thành Phật rồi chứ đâu còn đứng đây.

Vỗ hai tay vào nhau với vẻ đầy thích thú, thầy Tiều chỉ quanh:

- Đó! đó! Chưa thấy thì làm sao mà biết to hay nhỏ. Nên to nhỏ cũng như nhau thôi. Ánh sáng chưa đến là bóng tối. Làm gì có bóng tối cao hay bóng tối thấp. Làm gì có ánh sáng to hay ánh sáng nhỏ. Nhưng dù sáng và tối có cao thấp hay to nhỏ gì chẳng nữa thì cũng chỉ có ánh sáng mới xua tan được bóng tối. Ai cũng nói đến Phật tánh. Xác định là có Phật tánh trong mỗi chính mình, mà chưa ai thấy được Phật tánh cả. Vì sao, thưa quý hữu?

Vẫn là người năng nổ nhất trong nhóm, Tâm An lên tiếng ngay:

- Vì không có Phật tánh hay Phật tánh là cái gì cao xa và vĩ đại quá nên chỉ có Phật hay những bậc thượng căn mới thấy được, mới tìm ra được mà thôi.

- Quý hữu đói bụng chưa?

Câu hỏi lạc đề và quá bình thường của thầy Tiều làm mọi người có cảm tưởng như thầy cố đánh trống lảng để khởi rơi vào thế bí. Không ai lên tiếng nhưng bước đi chậm lại giữa lúc chiều xuống và đêm sắp về đang lên tiếng giúp cho mọi người trả lời rằng, họ đang đói bụng cồn cào. Bước đi. Im lặng. Thầy Tiều lên tiếng như nói từ tiếng vọng xa xăm:

- Chúng ta có vẻ như đang hiểu khá rõ về mình trong lúc này. Hiểu cái bụng rỗng không, cái tâm lặng lẽ và cái ý muốn ăn. Nhìn được chính mình là nhìn được Phật tánh. Lặng lòng tìm đến với mình và biết mình đang đói bụng. Phật tánh không thấy được bằng mắt mà chỉ cảm nhận được bằng tâm. Cảm nhận trong phút này, sống với nó trong phút này, hòa quyện với nó và biến thành chính nó...

Tâm An kêu lên:

- A ha! Chúng ta đang thành Phật...! Đói chóng thành Phật hơn no sao, thưa thầy?

Như muốn kéo Tâm An về lại với thực tại, thầy Tiều nói át đi:

- Tâm An, coi chừng lại hỏng mắt! Khi biết mình đang thành Phật là đã xa Phật nghìn trùng mắt rồi.

- Phật trong ta mà xa ta nghìn trùng. Thầy nói nghe mâu thuẫn quá đi thôi! Hằng hà sa số người trong tứ chúng đang ráng tu cho chóng thành Phật đều đang xa Phật nghìn trùng cả sao. Ba mươi ba vị tổ Thiên tông chưa có ai thành Phật?

- Phật không phải là bức tượng đồng hay tượng gỗ để chúng ta đeo bên mình hay đặt thờ trong nhà. Phật cũng không phải là những bài kinh đầy lời Phật nói mà ta thuộc nằm lòng và ngày lại ngày ngân nga tụng niệm. Phật cũng không phải là những ý niệm chủ quan mà ta thường nghĩ tới. Phật là cái Ta thánh thiện trong ta. Khi ta thánh thiện ta là Phật. Chỉ một khởi niệm rất nhỏ mang tính phân biệt Ta và Phật hay Phật và Ta đang tìm nhau dấy lên là Phật đã xa ta nghìn trùng.

Trí Hải lặp lại:

- Thầy vẫn chưa trả lời câu hỏi của tôi.

Thầy Tiều nhìn rất xa vào đóm Sao Hôm vừa mới mọc:

- Tâm linh làm gì có ấn chứng. Tôi đã trải qua nhiều nỗi u ất, khổ đau cùng hoan lạc như tất cả mọi người. Nếu có khác chẳng so với mọi người là tôi biết rõ mình và biết nỗi khổ đau cùng hoan lạc của mình trong vắng lặng. Khi niềm hoan lạc thắng khổ đau là khi tôi biết mình đang bước trên đường đạo.

Gió từ trên sông thổi lại không nhiều mà Trí Hải bỗng cảm thấy lạnh mình. Trí óc trôi lên đêngh vào thế giới của thầy Tiều, Trí Hải nghĩ đến những vị Bồ tát thành Phật nhưng lại không bỏ chúng sanh đằng sau để thông dong vào nước Phật riêng mình. Cưu mang những kiếp người lấm bụi. Thiên sư ngộ đạo thông tay vào chợ sống đời lây lất bên cạnh những con người sống bụi, ăn bụi, uống bụi, nghĩ bụi, hạnh Bồ tát nguyện ở lại giữa trần gian gió bụi này sao mà tuyệt vời đến thế. Lời nguyện cưu mang cõi trần này để hóa giải khổ đau thành an lạc. Tu. Tu bụi. Hạnh tu giữa cuộc đời của chí thánh và phàm nhân đâu có chấp trước chuyện ba ngàn thế giới mà chỉ cần lắng đọng ở tâm mình. Con người là sinh vật có sự sống nên bảo vệ sự sống là bảo vệ con người, đâu phải cần quanh co triết lý xa xôi.

Gió chiều rung tàn lá chìm dần trong bóng tối. Tiếng lạnh cả hư không

Chương 12 - Quán Trọ Thân Tâm

Tòa nhà hư cũ đang xuống dốc vẫn đứng sừng sững như một biểu tượng của uy quyền và phú quý. Dinh ông Hoàng một thời vang bóng đã in hình vào tâm ảnh của những người ngưỡng mộ. Họ bị choáng ngợp bởi hình tượng và tin đồn, dẫu có khi tin đồn chỉ là phó sản của mơ mộng và tưởng tượng viễn vông. Chuyện xưa có loài đá nguyên sinh hút được bóng người. Những người dọi bóng bên hồ trong vĩa đá, bóng qua khỏi nước, nước không còn giữ bóng, nhưng thềm đá vẫn lưu ảnh người cho hết một đời của đá. Do vậy nên cái vẻ đời thường dẫu có thịnh hay tàn cũng không ai để ý. Người ta đã quen với cái bóng in hình trên vĩa đá. Do vậy, tòa nhà chỉ còn là một mớ vật thể kiến trúc từ thời xa lắc sắp lụi tàn, nhưng cái dư ảnh của nó trong mắt nhìn và tư suy nghĩ của người bên ngoài không chịu đổ theo. Người ta vẫn gọi là “Dinh Ông Hoàng” với tất cả vẻ trang trọng như vẫn thường gọi từ thời quá khứ. Người ta kể cho nhau những câu chuyện, khác thường, đôi khi đượm màu thần thoại, với những chi tiết thêm thắt cho hợp với nồng độ của câu chuyện. Cuộc đời thường - không đủ hương vị cho nỗi đam mê về một cuộc đời mơ ước - nên người ta cần huyền thoại để tự đưa nhau vào những góc khuất của hạnh phúc.

Một góc lâu đài suốt ngày có nắng vì ẩn dưới tàn cây xanh. Nơi đây đang trở thành một thế giới mới. Thế giới của ý niệm bao trùm lên hiện thực. Phạm Xảo, xông xáo và cẩn trọng với tâm lý lão tướng, ưa nhìn ngắm thiên nhiên, hít thở không gian và nắm bắt thời gian bằng chinh phục. Tâm An, người đã thành công hơn người trong thương trường, xuôi ngược khắp vùng Đông Á, đang muốn buông bỏ cái được trong tay để làm lại cái mất của quá khứ. Thầy Tiều, người đã chọn hướng đi nhưng lại không muốn men theo những con đường mòn có sẵn. Chỉ riêng Trí Hải vẫn bước đi giữa đường đời gập ghềnh bằng bước chân dò dẫm.

Thời gian từ thuở tóc xanh về miền tóc bạc chỉ có một con đường thẳng. Nhưng hai cặp xuất (dấn thân) và xử (rút lui) lại xoay vòng tròn nên làm cho cuộc đời trở thành vòng lẩn quẩn. Tu là tìm một điểm tựa để thoát thân chứ không phải để mắc vòng lẩn quẩn. Bởi vậy, có người cho đi tu là dấn thân, người lại cho đi tu là rút lui. Cũng đều là hàng vương giả xuất trần đi tu mà vua Trần Nhân Tôn thì dấn thân mà vua Lý Huệ Tôn thì rút lui, trốn chạy. Mặt trời mọc ở xứ Đoài thì đồng thời cũng là mặt trời lặn ở xứ Đông. Tu

đúng nghĩa là dần thân, là mọc, là đối mặt với cuộc đời chứ không bao giờ trốn chạy.

Với đời thường, cứ mỗi mười năm nhìn lại, thấy mình đã lớn hay đã già đúng tuổi mà không thấy tiếc quãng đời đã đi qua là kể như tạm ra khỏi vòng tròn lần quẩn, len chân được trên đường đi tới. Ngược lại, là đi loanh quanh. Cái vòng tròn trứng và gà xoay. Xoay theo một điệu buồn xưa cũ. Trong cái trứng đã thấy được khả năng con gà và qua con gà cũng thấy được bóng dáng cái trứng. Muôn năm không thay đổi. Cần một sự đập vỡ nào đó để cho cái vòng tròn âm nổi thành con đường náo nức đi vào cuộc đời. Dầu được sống thêm một khắc mà thiếu đi cái náo nức tươi mới ấy là vẫn bị chìm ngấm giữa đời; là thiếu mất hương hoa của cuộc sống; là trốn biệt vào quá khứ hay tương lai.

Cái háo hức tuổi trẻ lên đường sang Pháp, rồi hồi hương với hoàng tử Cảnh, một hoàng đế tương lai, đã nguội lạnh từ lâu trong lòng Trí Hải. Dư âm tiếng gáy con gà và dáng như hư, như thực lẫn trong mây của sư Trúc Lâm vẫn đeo đẳng theo Trí Hải như một “công án”. Đây là một ẩn số không thể giải bằng sự thông thái của lí trí đơn thuần. Tiếng gáy của con gà trong đêm mở hé cánh cửa bình minh vào cuộc sống. Trí Hải mới chỉ nhìn ánh nắng sau khung cửa hé ấy. Phải tắm gội, phải hòa tan vào trong nắng để thấy được thì là nắng...

Trong bốn người, Tâm An quả thật là con người của hành động thực tế. Đã ba, bốn hôm rồi Tâm An đi vắng. Mọi người chỉ được báo là Tâm An “đi công chuyện” mà không biết đi đâu. Nếu ai theo sát Tâm An sẽ ngạc nhiên khi thấy người này đứng suốt ngày dưới chân núi Trường Sơn, nơi khởi phát thượng nguồn sông Hương. Mắt người ấy ngơ ngẩn nhìn như bị thôi miên vào một mỏm đá nhô ra từ triền núi. Trên đó có một cây tùng mọc lên với dáng uốn éo đẹp như tranh vẽ của một danh họa Trung Hoa. Gốc tùng có vẻ như tùng to hơn mấy người ôm, nhưng giờ đã quắt lại. Đá mài, gió đập, mưa vùi đẻo mòn gốc cây thành góc cạnh. Trông xa, gốc cây dầu có dáng như một bức tường nhỏ lảng bóng, đen sì. Thân cây mé phía Đông có một con đường trắng màu gỗ tươi còn sống và trên đỉnh của con đường trắng đó là ngọn một cây tùng cổ thụ. Thân, nhánh và tàn cây thu nhỏ lại bằng hai vành nón. Trong tâm mắt, cây tùng cổ mộc hiện ra chỉ uy nghi sừng sững, chỉ ảo ảnh khói sương, vừa uốn lượn kỳ tú, vừa nhỏ nhắn khiêm cung.

Cây đứng đó bao giờ không ai hay nhưng rồi một lần, cây lọt vào tầm nhìn của một gã săn cây lão luyện giang hồ. Cây không còn yên thân nơi chốn cũ.

Mấy hôm sau, một toán thợ đá neo dây, dựng khung, suốt mấy ngày liền đục, cưa, đẽo, gọt, cõ tách tảng đá làm nền cho gốc cây tùng ra khỏi sườn núi. Được thuê bằng một giá cao chưa từng thấy, đội thợ đá đã tách dùng mọi khả năng, kinh nghiệm và phương tiện tuyệt hảo nhất của nghề nghiệp để tách rời và mang được cả nền lẫn cây cõ mộc xuống núi và đưa về vị trí theo đơn đặt hàng của thân chủ Tâm An.

Rồi một sớm mai, cả thầy Tiều, Trí Hải, Phạm Xảo dụi mắt ngỡ như chuyện thần tiên khi nhìn thấy cây tùng cõ mộc mọc trên hòn núi nhỏ đứng sừng sững ở một góc rợp bóng trong khu khu lâu đài phiêu pha của ông Hoàng. Tâm An đứng sẵn ở đấy cười tủm tỉm như một câu trả lời. Mắt không rời cây cõ mộc, giọng hớn hỡ, hỏi:

- Đẹp không?

Không có tiếng trả lời, nhưng đã có những đôi mắt chiêm ngắm dồn vào cây cõ mộc nói thay.

Mùi thơm thoang thoang trong không gian chung quanh cây cõ mộc. Cây cõ mộc trên hòn núi nhỏ có một sự thu hút lạ lùng. Cả góc lâu đài như lạ lẫm hẳn đi với dáng đứng kỳ vĩ của cây cõ tùng biến dạng. Mọi người nhìn một cách. Hình ảnh cây cõ mộc làm Phạm Xảo nhớ cầm quân trong những trận thư hùng Tây Sơn - Nguyễn Ánh. Một lần băng qua biên giới Cao Miên, người ngựa lạc vào rừng Đé Thiên, Đé Thích. Phạm Xảo chống đốc kiếm nhìn trời. Cây cõ tùng trong những ngày chinh chiến đó hiện ra đây vẻ thách đố với sức chịu đựng của con người. Cây bạch tùng trước mắt hôm nay gọi lại thuở vang bóng ngày xưa. Cái chớp mắt của ngọn triều tâm lý hiện về. Phạm Xảo loay hoay tìm đốc kiếm. Nhưng chỉ có hai bàn tay không đan vào nhau. Tất cả vụt bay đi. Phạm Xảo bỡ ngỡ tìm một chỗ dựa. Chẳng có một chỗ dựa nào ngoài chính mình. Gió sớm mai thổi qua ngọn bạch tùng làm vang lên tiếng lá rì rào. Điệu nhạc cõ sơ bay về phía chân trời cao viễn.

Riêng thầy Tiều và Trí Hải thì mắt vẫn nhìn cây bạch tùng cõ mộc, nhưng chẳng nói năng hay biểu tỏ một thái độ nào. Cái đẹp tự nó chẳng là tương lai hay quá khứ. Vẻ đẹp thu hút cái nhìn. Nhìn để sáng tạo và khám phá. Sáng tạo để biết trân trọng cái đẹp và khám phá để biết yêu cái đẹp. Khám phá là chặng đường chinh phục hay bị chinh phục và yêu là dính mắc.

Thầy Tiều rất nhạy cảm về cái đẹp. Vẻ đẹp làm cho thầy xúc động lặng người. Vẻ đẹp rực rỡ như mặt trời mọc ở phương Đông, rồi lặn ở phương Tây không còn dấu vết khi đêm về. Thầy đắm đuối trong cái đẹp như tắm

ánh nắng mặt trời. Ngập mình trong nắng. Nắng tắt. Mình trở lại với bóng tối. Thầy Tiều không mang theo cái đẹp vào tương lai hay gởi gắm cái đẹp vào quá khứ. Thầy rộng mở đón nhận và buông thả cái đẹp ngay giữa hiện tiền của nó. Thầy không so sánh mà cũng chẳng phê phán cái đẹp. Con công óng mượt và con nhím lờm chờm gai nhọn; con chim phượng hoàng diêm dúa và con gà mái đơn sơ... tất cả đều có vẻ đẹp nòi giống riêng của mỗi loài. Thầy không níu ngày qua đêm và kéo đêm về trong ngày. Biết yêu cái đẹp và biết buông cái mình yêu là tự do cuối cùng và tuyệt đối của mỗi con người đang sống. Tự do, đơn giản chỉ vì không bị cột buộc vào bất cứ giá trị hay dư ảnh, dư âm nào khác ngoài chính bản thân của cái đẹp trong khoảnh khắc cái đẹp và người thưởng thức vẻ đẹp hòa quyện với nhau; rồi thôi dính mà không mắc. Hòa mà không đồng.

Trí Hải thì có vẻ như ngược lại. Tuy không bị đắm vào vẻ đẹp, nhưng mắt nhìn mà lòng cứ loay hoay khám phá. Khám phá vẻ đẹp là mắt công trau chuốt hay phân thân một giọt sương trên cỏ. So sánh vẻ đẹp là tìm cái gì nằm ngoài vẻ đẹp. Muốn cho một giọt nước đẹp hơn hay xấu hơn là giọt sương long lanh trên cỏ, người ta không thể tìm ra vẻ đẹp của hiện thực mà mãi đi tìm cái đẹp của dự phóng. Đẹp là đẹp. Vẻ đẹp tự nó có một giá trị hiện thực trên chính nó. Một người đẹp là chính vì người đó đẹp. Vẻ đẹp của nàng do chính nàng đẹp chứ chẳng phải vì nàng giống người cung nữ hay một nàng tiên nào đó. Đẹp là đẹp tự nó chứ đâu phải vì làm cho “Tây Thi mất vía, Hằng Nga giật mình” mới thật sự là đẹp? Trong mắt nhìn của Trí Hải, một vẻ đẹp đích thực còn ở tận đâu đâu. Chưa bao giờ Trí Hải may mắn được một lần thật sự rung động trước vẻ đẹp của một người, nên chưa hề có bóng dáng một người đàn bà xinh đẹp nào hiện ra trong đời và bên mình. Trí Hải mãi mê tìm một vẻ đẹp trí tuệ tách rời hiện thực. Vẻ đẹp của một ước mơ trong giấc mơ chưa đến giờ đi ngủ.

Với Tâm An thì mọi thứ trên đời đều ở trong tương quan so sánh; đều có thể cân đo đong đếm được.

Chấp tay vào nhau như để cảm tạ một linh hồn tạo vật chí tôn, Tâm An say sưa nói về cây cổ mộc.

- Chúng ta đang đứng trước một gia tài vô giá. Hơn hai mươi năm kinh doanh và làm giàu với nghề buôn bán cây cảnh, tôi chỉ đọc sách để biết những loại cổ mộc quý hiếm. Trong sách Cổ Mộc Kỳ Danh của Chu Hạo Nhiên đời nhà Chu bên Tàu có nói đến một loại kỳ danh cổ mộc tuổi cả nghìn năm. Thân cây biến thành kỳ, tinh hoa kết tụ của một. Chỉ có một sợi

trong toàn thể thân cây là còn tươi và phát triển đâm chồi nảy lộc bình thường. Theo Chu Hạo Nhiên, kỳ nam là tinh chất kết tụ cao nhất của giống trầm hương. Kỳ nam thông thường màu nâu đậm, phải trải qua cả nghìn năm mới có được hý nam đen mịn và láng bóng. Thông thường chỉ có cây dó trên rừng bị tật, cần tinh dầu bao quanh để bảo vệ chỗ khuyết tật. Lâu năm tinh dầu mới kết tụ thành trầm. Giống trầm bạch tùng tuy cực kỳ hiếm hoi nhưng vẫn có trường hợp kết tụ thành trầm. Qua bao nhiêu năm hút đủ khí âm dương và tinh chất của rừng núi và mây trời, những mảnh dầu trầm rải rác trong thân cây ngưng tụ lại để thành kỳ. Kỳ nam là thể tinh túy tuyệt hảo nhất của trầm hương nên khó mà phôi pha, suy suyễn hay bị xâm thực bởi thời gian và mưa nắng...

Phạm Xảo chen vào:

- Vậy có phải cây bạch tùng cổ mộc trước mắt chúng ta đây cũng là loại cổ mộc kỳ danh mà Chu Hạo Nhiên đã nói đến đó không?

Tâm An trả lời hờn hờ:

- Chính đó! Chính đó! Hôm nay chúng ta đã có Kỳ Nam Cổ Mộc trong tay. Dầu cho có vàng ròng nghìn lạng, cũng chỉ mới dám đứng mà nhìn giống cổ mộc nghìn năm này. Chỉ cần nửa giá cây cổ mộc này cũng thừa sức để xây lại lầu Ông Hoàng đẹp đẽ, huy hoàng hơn hẳn khi xưa rồi đây. Hi, hi!

Tâm An cười khoái trá vì đang mãi đuổi theo một giấc mơ thật đơn giản. Đơn giản mà thực tế và có thể thực hiện được trong cuộc đời này. Ước mơ đích thực là một giấc mơ không bao giờ có thật. Bởi vì một đối tượng đã nắm bắt được trong tay thì không còn là ước mơ nữa. Thiên Thai là chốn ước mơ, nhưng khi Lưu Nguyễn đã tìm đến được rồi thì lại muốn quay về. Con người là sinh vật địa cầu duy nhất biết ước mơ. Và ước mơ cũng là cội nguồn của khổ đau vì khi nắm được sự mơ ước trong tay rồi lại không vừa lòng và cất công đi tìm một mơ ước khác. Tuổi trẻ đây ước mơ, Tâm An đi tìm sự thỏa mãn cho khát vọng sống đời đời bằng cách tìm lên chùa đi tu. Tu không thành, Tâm An trở lại đời thường. Tuổi trung niên cần một bản sắc, Tâm An tìm những giá trị ngoài mình như vật chất tiền tài để dựa vào đó mà định nghĩa cho mình là ai. Tuổi sắp về già lại đi tìm một sự sống trường thọ để cố gắng nổi ám ảnh xám xịt của một cái chết không tránh khỏi ngày một đến gần. Còn lại ít thời gian, sự trốn chạy cái chết bằng niềm mơ tưởng về một sự sống đời đời nơi cõi thánh càng gấp. Tôn giáo là đại lộ hoàng hôn vào cõi thánh sau cái chết. Và một đảng chí thánh là thành trì bất khả xâm

lãng; là quyền lực tuyệt đối, vô địch, vô nhiễm, miên viễn cho những linh hồn chạy trốn thần chết tìm đến ẩn náu.

Chỉ một cây cổ mộc mà bốn người đón nhận bốn cách khác nhau. Ai cũng cảm nhận được rằng, cây cổ mộc có một giá trị to lớn lường được giữa cuộc đời này. Nhưng ai cũng thắc mắc mà không thể nói ra hay giải thích cho thật rõ ràng rằng, tại sao cây cổ mộc không được nhìn như một cây lão tùng có dáng đẹp tuyệt vời mà phải mặc lên nó những giá trị quá vĩ đại và xa vời như thế.

Một cây cổ mộc mình mẩy đầy thương tật. Nó đứng trơ vơ nghìn năm trên núi cao và cố vươn lên để sống còn trong cuộc tranh sống dữ dội với thiên nhiên.

Đã nghìn năm qua, cảnh đại tùng nhỏ bé đã chiến thắng nắng gió, chịu đựng tuyết sương để sống còn trên đỉnh núi. Nhưng một chiều qua, nó đã bị bại. Nó bị bứng ra khỏi núi đá, bị những đôi mắt giới hạn của con người đem giá trị com áo tầm thường sánh với oai linh rừng thẳm. Trong đôi mắt chiến thắng của con người nhỏ bé, cây cổ tùng mất bóng. Nó bị bật gốc ra khỏi khu rừng thiêng để chen chân vào đám cây vườn đứng thẳng lối, ngay hàng che bóng mát. Mất đi không nhất thiết là biến mất. Mất đi có thể còn đó với tiếng tăm lừng lẫy, với hình tượng có khi còn chói lọi và rực rỡ hơn xưa. Nhưng tiếng vọng chỉ là dư âm từ quá khứ dội về và vẻ long lanh, lấp lánh đều do ánh sáng phản chiếu từ bên ngoài hắt tới. Mất đi vì tim đã tàn lụi và ánh sáng từ bên trong đã tắt. Cây cổ mộc Trường Sơn đã bị tham vọng bình thường của Tâm An bứng bật gốc mang đi. Sự hiên ngang và nghĩa sống vô biên trên đỉnh cao rừng thẳm không còn nữa. Cổ mộc đang bị đo đếm, tính toán, khen chê theo những quy ước nhỏ bé của con người.

Thông qua mạng lưới kinh doanh cây cảnh rộng lớn của Tâm An, giờ đã chuyển lại cho các con, tiếng đồn cây lão tùng cổ mộc nghìn năm chuyển đi vừa nhanh vừa xa. Hàng ngày, có nhiều khách bốn phương lão luyện trong nghề kéo về chiêm ngắm. Khu vườn phía Đông của dinh ông Hoàng dần dần trở thành một thị trường trưng bày và đổi chác cây cảnh ngoài dự kiến của chủ nhân. Ngoài khách khắp các miền trong nước, có cả khách tận xứ Phù Tang, Thượng Hải, Nam Dương ghé sang để tận mắt chiêm ngưỡng cây cổ mộc nghìn năm. Người ta bàn đến cây kiểng Việt Nam, cổ mộc của Tàu, “bon sai” của Nhật nổi tiếng xưa nay với tuổi thọ mấy trăm năm chồng chất, nhưng chưa ai thấy được cổ mộc kỳ nam tuổi ngót nghìn năm như thế.

Vốn đã quen với lối sống thương trường trong bao nhiêu năm, Tâm An tỏ ra linh hoạt, lịch lãm trong việc bàn thảo, quyết định với khách hàng và khách đến viếng. Việc kinh doanh nơi góc vườn xa khuất này diễn ra như thực, như hư. Người ta chỉ trao đổi thì thảo rồi kéo nhau ra sau các góc khuất lùm cây để trao tiền, trả giá. Thương trường như đền thánh. Khách sành điệu đến ngắm cây cổ mộc vừa bị thu hút, vừa tỏ thật kính cẩn của dáng vẻ con chiên về trước tượng thánh. Tất cả chỉ mua bán đổi chác quanh đám cây nhỏ. Chưa ai dám đem tiền tài ra lượng giá hay ngỏ ý mua bán cây lão từng cổ mộc.

Càng ngày góc vườn càng có nhiều cây cảnh lạ mắt với bao dáng đẹp tuyệt vời. Những cây rừng mọc hoang co quắt trên vách đá núi cheo leo, thời gian chất chùng, oằn mình sống cằn cỗi chỉ bằng hơi nước và chất men hầu như cạn kiệt từ trong đá... bỗng trở thành danh mộc và được ưa chuộng một cách bất ngờ. Đã có nhiều nông dân bỏ cày cuốc vào rừng sâu săn cây. Lắm tiêu phu tạm ngừng đốt than, đốn củi để truy tìm cây kiểng. Kiếm được một cây cổ mộc dáng lạ, độ lớn vừa vặn trong chậu kiểng, từ rừng sâu mang về là kể như trúng trăm bẩy vụ mùa bội thu.

Tâm An đã tỏ ra có biệt tài về cách xếp bộ, phân loại, đặt tên các loại cây kiểng. Tâm An “Việt hóa” một cách dễ dàng nhưng không kém phần sâu sắc mà ngay cả những nhân vật trong giới cây kiểng cũng phải thừa nhận.

Các trường phái chọn loại hình làm đặc tính tiêu biểu cho cây kiểng, xưa nay quanh quần trong các loại hình cổ kính như: Long giáng, Hồ quỳ, Linh xà, Phi điêu, Tiên tọa, Kê minh... Hay phái võ đương thì chia thành các thể: Kim kê độc lập, Tiên ông tọa thạch, Võ Tòng đả hổ, Hạng Vũ cử đỉnh, Độc trụ kinh thiên, Xuyên vân yển... Phái biểu đạt tình cảm thì có: Cuồng lưu, Hạ vũ, Phong đầu, Vân tán... Tích tuồng thì có: Huynh đệ động khoa, Phụ tử đăng khoa, Tây Thi tiễn Phạm Lãi, Cao Tiệm Ly tấu trúc, Lữ Bố hí Điêu Thuyền...

Mỗi buổi chiều, khi các mẫu cây kiểng quanh khu vườn phía Đông sắp được xếp vào một vị trí nào đó. Tâm An thường đi quanh và nói với thợ vườn:

Hình thể tích tình phương dụng đạo

Niên hương sắc biến tự chân không.

Lúc đầu chẳng ai hiểu là Tâm An muốn nói gì. Hay có người hiểu như đây chỉ là một câu thơ chữ Nho ngẫu hứng nào đó chẳng ăn nhập gì đến cây

cảnh. Nghe hoài thành quen tai. Một hôm, Tâm An giải thích làm mọi người hiểu ra một cách thú vị, rằng:

- Thú chơi cây cảnh là một thú chơi tiêu dao, tao nhã có ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần. Đây là một thế giới thiên nhiên thu nhỏ có một nội dung, một điều sống một phong thái riêng mà đời thường không so được. Người chơi cây cảnh cũng đem hết tưởng tượng, tinh thần và suy nghĩ vào cây như người nghệ sĩ lúc viết văn, làm thơ, họa hình, tấu nhạc. “Hình, thế, tích, tình, phương, dụng, mạo”: Là bảy nét tiêu biểu nhất về vẻ đẹp ngoại hình của cỏ mộc. Cây kiềng trước hết phải có hình dáng. Khách chơi cây phải biết ngắm nhìn và phóng tầm tưởng tượng vào mỗi sự hiện hữu độc đáo của cây để “thấy” được cái hồn, cái phách của cây có diện mạo như thế nào (hình). Tiếp đến là thế của cây. Cây cảnh phát triển thành nhiều thế khác nhau như: Thế chống đỡ, thế xuôi theo chiều gió, thế ẻo lả, thế nói hoài, thế vươn dậy (thế). Sự kết hợp các phần của cây làm cho người ta liên tưởng đến một cảnh gọi hình nào đó trong truyện xưa tích cũ (tích). Cây có thể diễn đạt được cái tình như khao khát, đón mời, trông đợi, quay đi (tình). Có những hình cây sống và hợp ở vùng đất này mà không hợp với chỗ khác (phương). Cây chưng trong chậu kiềng cũng được dùng thích hợp cho từng hoàn cảnh. Chậu kiềng chúc thọ khác với chậu kiềng mừng đăng khoa hay vui duyên mới (dụng). Và có những cây kiềng nói lên được tinh thần siêu thoát, chám phá không dựa vào đâu, như như bất động (đạo).

Giải thích hết câu đầu trong sự lặng yên gập gù của những người xung quanh, Tâm An tủm tỉm cười, chấp tay sau lưng len lỏi đi vào trong những nhóm cây đã chia thành hàng, thành lớp. Có tiếng gọi từ phía người nghe vẫn còn chờ đợi và tiếng hỏi vọng:

- Xin đương chủ vui lòng giải thích nốt câu thứ hai.

Tâm An không vội vàng quay lại trả lời mà lắng hết tâm tư và đôi mắt để ngắm cây kỳ nam cỏ mộc. Vẫn mùi hương thoang thoảng phát ra tự nhiên từ thân cây làm tăng vẻ quý phái và tôn nghiêm. Tâm An như quên hết thế giới xung quanh, quỳ một chân trên bệ đá làm nền cho cỏ mộc với đôi mắt ướt ngược lên tận đầu cành. Kính cẩn. Đam mê. Và trầm mặc... Cả nhóm, không ai nói với ai một lời, tự động lặng lặng làm theo. Cây bạch tùng cỏ mộc kỳ nam hiện ra. Đôi nhánh trắng dưới tàn lá xanh, viền quanh co từ thân trầm đen tuyền. Đôi nhánh bạch tùng vươn ra thẳm lặng như đôi bàn tay thánh thiện vô cùng, Tâm An lên tiếng:

- “Niên, hương, sắc, biến, tự, chân, không”: Cây cũng như người. Ngoài vẻ đẹp bên ngoài, phải có hồn phách. Cây có dáng đẹp đã đành, nhưng tuổi càng cao, càng có giá trị (niên). Cây có loại ứa nhựa tiết ra mùi, có loại không. Mùi cây thì nhiều nhưng tự trung có ba: Thanh, trọc và bình. Thanh là mùi thơm dịu như mộc, như lan. Trọc là mùi hăng hắc như sung, như phượng. Bình là có mùi thoảng qua nhưng không rõ ràng nên chẳng ai để ý (hương). Một cây có thể có nhiều màu nhưng toàn thể lại hòa điệu theo một màu nhất định. Cây có lục sắc, nghĩa là sáu màu chính, nhưng chia làm hai bộ: Ấm và lạnh. Xanh, lam, trắng là bộ lạnh. Đỏ, tím, vàng là bộ ấm (sắc). Màu sắc của cây có loại thường định không thay đổi, có loại thay đổi theo ngày đêm, thời khắc trong ngày; hay thay đổi theo mùa (biến). Cây càng mang tính độc lập cao, càng có giá trị. Có những loại cây phải cần dựa vào một đối tượng khác mới đứng vững mới có giá trị, mới thấy được mình (tự). Cây cũng như một nhân vật. Có loại xuất hiện đích thực là mình. Có loại của mượn một hình dạng khác. Có loại gốc là thảo mộc nhưng biến thành muông thú. Cây càng giữ được tính gốc của chính nó chừng nào mà vẫn không mất vẻ đẹp, càng được đánh giá cao (chân). Và tuyệt tác của một cây kiểng là khi nhìn vào cây, cây bỗng biến mất. Vì cây mở ra hình tượng một thế giới nhỏ nhưng cao viễn hơn mình (không).

Cao nhất của dáng cây là đạt tới hình tượng siêu thoát của đạo và sâu nhất của hồn cây là đạt tới cảnh không. Người không biến tướng thành một cái gì cao hơn mình là một bị thịt và cây không thoát ra khỏi tầm vóc và chủng loại của nó thì là một khúc gỗ tươi...

Tâm An vừa nói đến đó thì đã nghe tiếng cười khúc khích của thầy Tiều trên đường vác cuốc trở về. Theo sau là Trí Hải và Phạm Xảo. Thầy Tiều lên tiếng trước:

- Hi! Hi! Bất tác bất thực. Không làm không ăn. Tâm An theo cây kiểng, bỏ canh tác nên hôm nay khỏi ăn...

Lại đến lượt Tâm An cười giòn tan, vừa cười vừa trả lời:

- Thầy à, xin thầy thả một chút cho đệ tử có lời phân giải đã nào. Thầy có biết là một cây kiểng bé nhất trong góc vườn này cũng đủ cho cả bốn thầy trò chúng ta sống thừa thãi sung sướng trong vài năm không ạ?!

Phạm Xảo nhướng mắt ngạc nhiên:

- Cây kiểng mà cao giá đến thế sao?

Tâm An vừa tìm tay lên cây bạch tùng cổ mộc vừa giải thích:

- Cả cái dinh ông Hoàng và Thái Ấp này còn có giá chứ cổ mộc kỳ nam kia thì vô giá.

Thầy Tiều vẫn không tắt nụ cười, đáp lại:

- Giá trị đo bằng hình tướng là cái thước của ma vương. Ma vương có thể biến hóa con rắn, con chồn thành người đẹp nhưng lại không biến được tâm hồn từ hung ác sang thánh thiện. Con người thì ngược lại, không đổi được hình tướng nhưng đổi được tâm hồn. Sự thay đổi không phải là một cuộc viễn chinh ô ạt mà tiện tiến như nước chảy đá mòn. Người thì gọi đó là “tu”, người thì gọi đó là dưỡng, kẻ thì gọi là giáo. Tên gọi không quan trọng bằng chính hành động. Chúng ta đang bắt đầu đi tìm suối nguồn đổi thay đó từ chính hơi thở và cái ăn, cái uống hàng ngày. Chúng ta cuốc đất trồng rau vì đã hứa rằng, hễ không làm thì không ăn. Nếu thì đơn giản lấy cái ăn của người khác làm cái ăn của mình thì tâm ta không yên ổn khi sống bằng vay nợ. Tâm không an thì ngồi chơi cũng còn bị bút rứt, tìm đâu ra khoảng tâm không thanh tịnh để mà nhìn lại mình. Nói chi đến chuyện tu hành cho xa xôi. Nay Tâm An để hết tâm lực vào việc đổi chác kinh doanh cây kiểng là hướng đến mục đích gì? Vì tiền chăng? Nếu kiếm ra tiền thật nhiều, chúng ta sẽ làm gì tiếp? Xây một dinh thự đồ sộ như dinh ông Hoàng này ngày xưa chăng? Mua một tài sản hàng trăm mẫu ruộng phì nhiêu nhất đẳng điền như Thái Ấp này chăng? Chạy chọt cho được một địa vị gần vua như Hoàng thân Trí Hải này đã dùng có chăng? Câu trả lời đã có sẵn trước mắt từ lâu rằng: Chẳng đi đến đâu cả! Khi chất keo không còn dính, tòa nhà sập. Đất đến một thời điểm nào đó, đất trở lại đất không. Danh lợi không đeo mãi với con người, người trở về với tay không và chờ ngày hủy diệt.

Tâm An nhìn thầy Tiều buồn bã, hoang hôn ném những mảnh tối trên khu vườn. Khách đã kéo nhau về hết. Chỉ còn bốn người trợ vợ nghe gió đêm về xao xác trong khu vườn. Trong sâu lắng, mỗi người lắng nghe nỗi cô tịch trong lòng mình độc thoại. Tâm An lên tiếng:

- Thừa thầy và nhị vị hiền hữu, giàu có tôi đã từng. Ngày xưa và cả bây giờ, tiền bạc muôn khối tôi chỉ cần búng tay ra là có. Từ mấy ngày qua, tôi mang ý nghĩ là sẽ gây dựng một khu vườn cây cảnh đặc biệt tại góc vườn phía Đông này, khu vườn gồm toàn cây kiểng độc đáo mà từ xưa rày chưa ai từng có. Tôi muốn xây dựng lại dinh ông Hoàng đang đổ nát bằng tiền của chính cây kiểng nơi góc vườn này. Và mục đích sau cùng là muốn biến nơi đây

thành một khu vườn Thiên với đủ loài cỏ mộc danh tiếng nhất cho cả nước và lân bang biết danh. Rồi cũng chính nơi đây sẽ là khu thiền viện đẹp nhất mà thiên hạ chưa bao giờ thấy. Suốt mấy ngày qua, khách sành điệu cây kiểng bốn phương đến viếng không ngớt. Không ngờ kế hoạch khởi đầu của tôi lại thành công và trôi chảy dễ dàng như thế. Có lẽ khắp nơi đang được mùa tu. Thầy và quý hữu đi quanh kinh đô mà xem. Vua xây chùa, quan xây chùa, bá tánh xây chùa, tu sĩ khắp nơi kéo về tu học... Các vị cao tăng thạc đức đang đứng giữa huy hoàng đèn đưa lọng rước. Giữa chốn kinh đô, đường tu thẳng tiến mạnh mẽ và thuận lợi đến như thế, lẽ nào chúng ta lại tự cô lập trong một ngôi nhà cũ kỹ dùng tạm làm chùa và sống hẩm hút bằng trồng rau tự trồng, tự cung, tự cấp nơi cái dinh cơ cũ nát, nghèo khó thế này?

Thầy Tiều dang tay ra không nói lời nào. Vẻ mặt vẫn cười vui như còn đang mãi miết tìm bắt những luồng gió lạ. Đầu thầy gục gặt không ai biết là thầy tán đồng hay bác bỏ ý tưởng của Tâm An.

Chiều về, Phạm Xảo pha một bình chè xanh với những đợt chè non sau vườn vừa mới hái. Giọng thầy ung dung như kể chuyện đời xưa:

- Phật tu đạo và đắc đạo dưới gốc cây bồ đề. Sơ tổ thiên tông, Bồ Đề Đạt Ma, chín năm ngồi đối bóng với bức tường khô khốc để hành đạo. Lục tổ Huệ Năng đến với đạo trong cảnh bở củi, nấu ăn. Vua Trần Nhân Tông bỏ triều đình lên núi Yên Tử mà tu. Xưa nay, có ai đắc đạo vì chùa to, tượng lớn đâu. Mái chùa là quán trọ của tâm hồn. Chùa là bóng mát nghỉ chân trên con đường tìm đạo chứ đâu phải là suối nguồn của đạo. Đạo ở trong lòng, không ở trong quán trọ. Tâm An đừng mất công loay hoay đi tìm đạo trong những quán trọ vì vẻ hào nhoáng bên ngoài mà quên mất nguồn đạo trôi chảy thầm lặng trong chính lòng mình.

- Nhưng thưa thầy, việc xây chùa, đúc tượng, kinh kệ, thuyết pháp rầm rộ hiện nay có phải là con đường tu đạo đang tới hồi hưng thịnh không?

- Quý lắm! Mái chùa nuôi dưỡng lòng thanh tịnh. Kinh kệ làm vui kiếp khổ đau. Nhà chùa càng xuất hiện nhiều chừng nào, thì nhà tù, nhà chứa, nhà ma... càng biến mất đi chừng đó, nên xây dựng chùa chiền, tu viện là việc làm phước đức.

- Như vậy, nếu có một nhà đại phú, một mình cho xây hàng chục, hàng trăm ngôi chùa, chắc là phước đức sẽ lớn lắm phải không ạ?

- Nếu xây chùa bằng tâm thánh thì người đó sẽ được mười lần phước đức. Nếu xây chùa bằng tâm phàm thì người đó đã gieo mười căn nghiệp chướng.

- Tâm phàm hay tâm thánh cũng đều phải trút hầu bao ra mà chi phí, trang trải. Làm sao để có thể phân biệt được tâm phàm và tâm thánh sau đồng tiền dưng cúng?

- Tâm thánh là cái tâm uyên nguyên thánh thiện trong mỗi con người. Đó là chân tâm, là trí tuệ, là đôi mắt nhìn thấu suốt cái cốt lõi chân thật của con người và vạn vật. Đã không thì đại danh hay vô danh cũng là không. Tâm phàm là tâm chấp. Đã chấp rồi thì từ một lời nói, một ý thoáng qua hay một tư hào đều chấp. Đem tâm chấp để xây chùa là tiếp tay vun bồi cho cái tôi kiêu căng - mà chữ nhà chùa gọi là ngã mạn - ngày một lớn lên thô cứng và dày đặc che khuất cả tâm người, tâm thánh. Họ lầm tưởng chùa là Phật hay ảo tưởng Phật là chùa mà quên mất vị Phật rất thật hiện diện trong chính mình. Người ta quen cầu xin lay lục những thế lực ngoài mình, cúng bái những điện đèn tận đâu đâu mà chẳng bao giờ đánh lễ cái đèn thiêng thầm lặng trong chính mình.

Tâm An thở dài:

- Chao ơi! Thế thì khó quá thầy ạ. Biết đâu là tâm phàm, đâu là tâm Phật để lường đây? Như tôi muốn buôn cây xây chùa thì đó là tâm phàm hay tâm Phật, thưa thầy?

Thầy Tiều lại cười dễ dãi:

- Tâm phàm hay tâm Phật là một, không hai. Khi một người hiểu rõ tỏ lòng thương yêu, giúp đỡ người cùng khổ là đang mang tâm Phật. Cũng người đó mà khi nổi lòng tham lam, thù hận là đang sông với tâm phàm.

- Thế thì tâm thầy là tâm phàm hay tâm Phật vậy?

- Cả hai! Với kẻ đã nguyện đi tu như tôi thì khi biết mình mang tâm phàm bụi bặm, cần phải gội rửa từng khoảnh khắc trong tinh thức và thanh tịnh thì đó là tâm Phật. Khi tự cho mình mang tâm Phật để làm thầy thiên hạ thì đó là tâm phàm. Khi tôi nói và nghĩ về tiền tài, vật chất là để tâm phàm làm chủ. Khi tôi làm và nói những điều phẩm hạnh hay kêu gọi người đời làm những điều đạo hạnh với cái tâm an nhiên rỗng lặng thì đó là tâm Phật làm chủ.

Tâm An vái dài:

- Vậy là mấy hôm nay, mỗi ngày tôi đã mang tâm Phật nhiều hơn tâm phàm rồi Thầy ạ. Tay tôi làm, miệng tôi nói năng đỗi chác cây cảnh với mọi người, nhưng lòng tôi không khi nào bị xáo động. Tiền nào của đó. Ai phải thì tiếp, ai trái thì thôi. Không vui khi bán được. Không buồn khi ế hàng. Không vội bực mình khi ai chê. Không vội mừng rỡ khi ai khen. Tâm tôi thản nhiên và phẳng lặng khi trao tiền bạc bán cây cảnh cho nhóm thợ xây dựng thiền đường. Tôi thấy rất rõ là mình chẳng sở hữu gì cả cũng chẳng quan tâm gì đến điều đó. Tôi chẳng cần một đồng xu cho riêng mình.

- Tâm rỗng lặng nhìn chùa thấy chùa. Tâm bon chen nhìn chùa thấy quán. Tâm sân hận ngồi trong chùa mà chẳng biết chùa đâu. Tâm si mê đến chùa vừa để lễ bái cầu xin. Tâm mới là nơi an trú. Chùa chỉ là mái nhà che mưa nắng để tìm về chân tâm. Có chùa, có tâm, chùa như ngôi nhà có chủ. Có chùa, không tâm, chùa là lữ quán qua ngày. Có tâm, không chùa như đi trong nắng hạn mà thiếu mát bóng cây.

Phạm Xảo đi nhặt củi quanh vườn trở lại, nghe Tâm An trần tình, cười thành tiếng:

- Buôn bán ít mà mong tiền nhiều là gianh thương. Buôn bán nhiều mà mong tiền ít là Ba Gám. Buôn bán mà không cần tiền như Tâm An nhà ta là thánh thương, có phải không à?

Tâm An cười đùa theo giòn giã:

- Là “đáng thương” huynh ạ!

- Đúng là đáng thương mà thương không đáng, nên không đáng thương.

- Thương hay ghét thì cũng đã xong rồi.

- Đóng cửa?

- Có cửa đâu mà đóng. Nhưng đã đủ tiền xây nhà thiền rồi thì kiếm tiền nữa để làm chi?

Phạm Xảo “ồ” lên:

- Thì ra trên đời này không phải chỉ có một Hoàng thân nhà tôi là người coi đồng tiền như ảo ảnh sắc không mà Tâm An huynh đệ đây cũng vậy. Thế nhà thiền bao giờ khởi công?

- Một cái “chòi thiền” thì đúng hơn. Cái chòi như một cái dù là, trương lên và xếp lại chỉ đơn giản như cát nón chào nhau thôi.

- Có thật sự là phải cần một cái thiền thì tâm thiền mới phát tiết không?

Tâm An đang còn lúng túng với câu hỏi của Phạm Xảo thì thầy Tiều đã lên tiếng giải cứu:

- Mưa rời là mưa rơi. Nắng dọi là nắng dọi. Ca, xang, thiền, ngủ... thì cứ việc ca, xang, thiền, ngủ. Sao lại phải đeo mang nhà cửa vào làm gì cho thêm nặng nề vậy kia?

Tâm An có cảm tưởng như thầy đang đùa với việc làm của mình, nên cố sửa giọng cho chững chạc hơn, lên tiếng:

- Vậy thưa thầy, như thế thì bao nhiêu chùa chiền, thiền viện đều không cần thiết cả sao?

- Tôi không tu thiền theo pháp môn nào, nên cũng chẳng trả lời thay cho ai được cả. Nhưng khi cần thì một hạt cát cũng cần; mà đã không cần thì cả thế giới này cũng chẳng có gì đáng kể.

Sau câu nói của thầy Tiều, Tâm An lững thững đi một mình dưới những tàn cây xanh. Bốc một nhúm cát nhỏ để lên lòng bàn tay, rồi đưa lên ngang tầm môi, chúm miệng thổi nhẹ. Dăm hạt cát bay đi mất dạng. Có ai cần một hạt cát. Giữa thình lạng bao la, dường như chẳng ai cần ai. Thế nhưng Tâm An lại chợt buồn khi nghĩ rằng mình vừa đuổi đi, phụ lòng vài hạt cát.

---o0o---

Chương 13 - Bốn Người Bạn Đồng Hành

Những trận mưa đầu mùa trút xuống. Cây cối rũ rượi, vật vã trong mưa to gió lớn. Sông núi, thiên nhiên, thành quách, lâu đài, nhà cửa, đường xá đắm mình trong nước mưa. Cùng với tiếng kêu ếch nhái râm ran trong bóng đêm, sự chuyển mình rặng rắc trong các tầng mái ngói của cái dinh cơ

có đủ nhà lớn, nhà trung, nhà bé của dinh ông Hoàng đã có tuổi cần tu sửa cấp thời, làm mọi người ái ngại.

Từ khi người nông dân bỏ làng xóm ra đi, mấy trăm mẫu đất nhất đẳng điền của Thái Ấp rực rỡ màu hoa, làm đẹp cho dân gian và đất trời nhưng chẳng thu được cho chủ nhân một món lợi nhỏ vật chất nào. Kho lắm trống trơn, lâu đài chứa toàn sách vở bút nghiên, chủ nhân phải đổ mồ hôi lo lấy miếng ăn ngày lại qua ngày không một tiếng than van mà bên ngoài chẳng ai hay biết. Danh ông Hoàng thường đi đôi với quyền uy và phú quý với vô số của nôi của chìm. Kẻ hầu người hạ đã rủ nhau đi biệt từ lâu. Phú quý chỉ còn là danh tiếng hảo và những tòa nhà đã già nua mục rữa không đủ khả năng sửa sang ngày càng xuống cấp. Cho đến mùa mưa năm nay thì nước mưa đã bắt đầu tự do tuôn vào ngôi nhà chính sau khi liên tiếp làm tình làm tội mấy ngôi nhà phụ khắp các phía Đông Tây, tả hữu. Cứ mỗi lần hai người di chuyển từ một gian mưa dột đến một chỗ khô ráo hơn, Phạm Xảo như già thêm mấy tuổi vì ưu tư; trong khi Trí Hải cũng có chút trầm tư nhưng thoáng qua rất nhanh.

Ngôi nhà cũ cũng như tuổi già. Tuổi thanh xuân thường nằm xuống chỉ vì một chứng bệnh hay một nguyên nhân, nhưng tuổi già nằm xuống thường là tổng hợp của bao nguyên nhân và nhiều chứng bệnh hợp lại. Dinh ông Hoàng vốn được xây dựng theo kiểu trang hoàng. Kiến trúc không xây bằng gỗ quý, loại “thiết mộc” và vôi đá mà lại được dựng lên bằng loại gỗ trầm hương đẹp và thơm nhưng lại khá mong manh trước rìu búa của thời gian. Tuy chỉ mới quá tuổi heo may nhưng những mảnh nhà thi nhau sứt xuống và vữa ra. Mái và tường chỉ còn là tàn ô che nắng. Bữa ăn hàng ngày của ông Hoàng còn phải đổ mồ hôi mới kiếm ra. Nói chi đến việc tu sửa dinh cơ là điều không thể nào kham nổi.

Bản tính bất chấp và không cần đề ý đến vật chất, tiền bạc do hoàn cảnh ưu đãi tạo ra ông Hoàng đã lắm tâm hơi cay. Cái vương giả, quý tộc phải có thể lực hay tiền tài vật chất làm bảo chứng. Nếu không, nó chỉ là một ngọn núi tự nó vô tri và trợ trụ. Dầu cho tâm có bình thản và chí có vui cảnh an bản lạc đạo đến bao nhiêu đi nữa thì Trí Hải cũng phải dụi mắt nhìn thẳng vào thực trạng của ngôi nhà đang đổ nát chẳng có một đồng tu sửa. Im lặng là đồng tình với sự hủy diệt ngày lại ngày không thể nào tránh khỏi. Nhưng mở miệng để cầu xin hay kêu gọi giúp đỡ thì quả là điều ghê gớm mà giới ông Hoàng, bà Chúa không bao giờ làm nổi. Với giới hoàng thân quốc thích mà phải hạ mình cầu cạnh xin xỏ vật chất thì còn tệ hơn là tước bỏ danh vị hay vị lưu đày biệt xứ.

Sau bức tường thành cao chắn ngang tầm mắt vẫn nhận ánh sáng mặt trời mỗi ngày nằm chễm chệ trên đồi là tòa lâu đài dột nát. Kẻ bàng quang đứng bên ngoài vẫn không biết được những gì đang xảy ra bên trong. Mọi sự tiếp xúc với bên ngoài đều được Phạm Xảo xếp đặt tại trấn phong đình. Đây là ngôi nhà chắn gió mới xây về sau nằm sát bên ngoài công chính tương đối còn nguyên vẹn. Khách vắng lai muốn vào thăm dinh ông Hoàng đều bị khéo léo từ chối mà không nêu rõ lý do.

Với tinh thần võ tướng, thẳng băng và bộc trực một cách thực tế, Phạm Xảo lo lắng, quay quắt khi nhìn thấy dinh cơ ông Hoàng chỉ còn là một cái vỏ tiêu điều từ từ đổ xuống. Tinh thần có mạnh mẽ đến mức nào thì cũng khó mà chống đỡ sự tàn tạ của thế giới vật chất bằng hai bàn tay không. Phạm Xảo và Trí Hải như hai cực nóng lạnh của cuộc sống. Với phong thái quý tộc, trầm tĩnh, sâu kín có khi đến độ dửng dưng, Trí Hải như một cung điệu trầm, một cực lạnh bên một Phạm Xảo trung thành, xông xáo, nóng bỏng và xem dư luận như là loại thước đo của giá trị làm người. Phạm Xảo không thể nào chia sẻ được với cái lãng mạn truyền đời trong tinh thần kẻ sĩ xem cái nghèo cũng là một đức hạnh - Đức hạnh của những hàn sĩ cổ điển thường xem “tiền tài như phấn thổ, nghĩa trọng tợ thiên kim!”.

Phạm Xảo không biết phải gọi tên hay diễn dịch như thế nào về cách sống thản nhiên và thủ phận của Trí Hải. Không dám nói trắng ra vì lòng ngưỡng mộ Trí Hải bao năm qua vẫn còn ăn sâu trong tiềm thức. Nhưng Phạm Xảo tự hỏi rằng, đâu là bản lĩnh của một ông Hoàng vẫn thường xuyên thao thức với giấc mơ mở nước giúp đời. Đâu là tài năng quyền biến thật sự của người hiền sĩ quý tộc trước hoàn cảnh đổi thay. Trí Hải vẫn chí thú canh tác để tự nuôi sống mình như một người lao động vô danh. Dáng vẻ hăm hở mỗi sáng vác cuốc ra vườn, những giọt mồ hôi lòng đòng trên trán và nụ cười tươi mới, vô tư sau mỗi đợt lao động của Trí Hải làm Phạm Xảo nhẩn mặt.

Không giữ mãi nỗi khó chịu một mình, Phạm Xảo đem suy nghĩ của mình nói với Trí Hải:

- Hoàng thân có dự tính trở thành người cuộc cày trồng tọt chuyên nghiệp không?

Trí Hải trả lời đơn giản:

- Đói thì ăn, khát thì uống, mệt thì thở, cần cái ăn cái sống thì phải làm việc chứ có gì quan trọng đâu mà phải dự tính lâu dài.

- Hoàng thân là dòng dõi hoàng tộc mà làm việc tay chân như thể một kẻ dân thường không sợ người ta chê cười hay sao?

- Ai chê cười vậy?

- Vua, quan và bá tánh đều cười.

- Tại sao chê cười?

- Vì người ta cho rằng, Hoàng thân là kẻ bất tài mới phải hạ mình làm việc tay chân như thế?

- Đã có khi nào tôi tự xưng mình là kẻ có tài đâu mà phải sợ bị chê là bất tài!

- Nhưng làm việc tay chân kiếm ăn là công việc của người tầm thường, có khi là hèn mọn.

- Nếu không phải là người hèn mọn thì là người gì?

- Là người cao quý.

- Tại sao người sống bằng sức lao động của chính mình thì lại thuộc vào hàng hèn mọn và kẻ sống bằng sức lao động của người khác thì lại cho là cao quý?

- Vì xã hội đã cho như thế.

- Xã hội là ai vậy?

- Là con người.

- Thì tôi cũng là con người và bây giờ nếu tôi nói ngược lại thì sao?

- Thì Hoàng thân nghiêm nhiên tự đặt mình vào thế chống lại xã hội chứ sao!

- Nếu cần chống lại xã hội để bảo vệ lẽ phải thì cũng nên chống phải không huynh?

- Chống lại xã hội là một việc làm trời biển cũng như vác nặng chống trời, đây là một việc làm đem muối bỏ biển sẽ không đến đâu cả.

- Không, tôi nghĩ khác. Hễ có khởi thì có động, có đi thì có đến. Khi đủ sức thì chống “động” để cải tạo cái xã hội sai lầm ấy. Khi chưa đủ sức thì chống “tĩnh” để dừng đồng lõa với sự sai lầm của xã hội ấy. Biết sai mà vẫn làm vì sợ người vốn đã sai - chê sai - thì mới thật là sai.

Phạm Xảo bật cười, kéo Trí Hải về với thực tế.

- Hoàng thân à, đúng hay sai chưa gấp bằng việc cứu hỏa. Tòa dinh cơ này đang bị đốt cháy vì lửa nghèo đây. Làm thế nào để có tiền cứu nó mới là điều cần bàn lúc này.

- Vạn lý Trường thành, đền Đế Thiên Đế Thích, những tháp Chàm, đền miếu quanh ta xây dựng kiên cố thế kia, nhưng rồi cũng theo thời gian mà đổ nát. Tất cả đều biến dịch theo cái vòng thành, trụ, hoại, không... có gì đáng ngạc nhiên hay thắc mắc đâu.

Phạm Xảo lắc đầu:

- E rằng, Hoàng thân lại đi quá xa nữa rồi. Tôi không có gì cao xa mà chỉ muốn nói những điều trước mắt. Đó là khi dinh cơ này hoàn toàn đổ nát thì không những vong linh các đấng thánh hiền, tiên liệt của tôn tộc sẽ không có một chỗ an vị để thờ mà ngay chúng ta nay mai cũng không có một mái nhà để ở. Chuyện trước mắt là cuộc sống ngày lại ngày. Hoàng thân đừng theo cụ Khổng Tử ngày xưa bàn toàn chuyện trị nước, bình thiên hạ xa vời, trong khi bản thân cụ không tìm ra một vùng đất để nương thân, không một minh chủ biết dùng mình.

- Thà không có chỗ nương thân vẫn còn hơn là xuôi tay vội vàng nương thân vào nơi bất xứng.

- Con nhà tướng chúng tôi thì nương thân đâu cũng được miễn là đừng hao binh tổn tướng và cuối cùng thắng được giặc.

- Phải chăng vì thế mà một trận chiến thường không đẹp như một bài thơ?

- Nhưng một trận chiến thắng lẫy lừng và một bài thơ tuyệt tác đều là tác phẩm quý giá muôn đời của nhân loại.

- Như vậy là huynh đã đồng ý rằng hình thức thắng trăm, tan hợp, tốt xấu... có hay không tùy hoàn cảnh. Hình tướng không quan trọng bằng chân tướng phải không?

- Vâng, Hoàng thân. Đúng vậy! Trong hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, chân tướng bây giờ là ngọn lửa nghèo đang bén gió bùng lên đó.

- Cảm ơn huynh đã lo lắng. Vì rất quan tâm về ngọn lửa nghèo đang thiêu hủy dần tòa nhà đã quá cổ xưa này nên tôi không làm gì cả để cứu nó. Vì như huynh biết rõ, tôi chỉ cần ngỏ lời với các đại thần đầu triều mà tôi đã cất nhắc họ hay với các đại gia cự phú trong hoàng tộc thì tòa nhà này sẽ được dễ dàng xây lại mười phần to đẹp hơn xưa. Nhưng một tòa lâu đài mới dựng lên cũng sẽ có ngọn lửa giàu sang thiêu hủy dần theo cách ngược lại. Tôi im lặng để có từng giờ, từng khắc dập tắt cả hai ngọn lửa... sẵn sàng thiêu hủy đời mình. Đó là ngọn lửa nghèo và ngọn lửa giàu sang!

Phạm Xảo lại gằn, nắm bàn tay của Trí Hải, định nói một lời nào đó, nhưng tiếng cười của thầy Tiều và Tâm An từ ngoài cổng đi vào đã cắt đứt dòng đối thoại giữa hai người. Tâm An lên tiếng:

- Hi, hi! Ôi giờ ơi! Chính vậy. Chính vậy!

- Chính vậy cái gì?

Phạm Xảo hỏi dồn. Tâm An giải thích:

- Đệ không đến nổi độn căn nên vừa nghe hai vị nói đến lửa giàu, lửa nghèo là hiểu liền. Đệ liền tưởng ngay đến khi dập tắt được cả hai ngọn lửa tham của giàu, ngọn lửa khổ của nghèo thì mới kiếm được củi để nhen được lửa từ bi trong bếp.

- Nay Tâm An, sáng sớm muốn vận động cho giãn gân cốt hay sao mà chạy lòng vòng dữ vậy? Muốn nhen lửa nào thì cứ việc nhóm lửa đó chứ cần gì phải dập tắt, lý luận lung tung như vậy đã chứ.

Tâm An lắc đầu phản đối lời Phạm Xảo:

- Hề, đại huynh. Đừng đùa với lửa chứ! Lửa giàu lửa nghèo của huynh là lửa tâm; lửa bếp của đệ là lửa tướng. Nhóm lửa tướng mà chưa tắt lửa tâm là sẽ dẫn đến cảnh: “Trống Tràng Thành lung lay bóng nguyệt. Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây...” cho mà coi. Hề hề!

Tâm An là người trẻ nhất trong nhóm và cũng là người thường mang lại nụ cười cho cả nhóm. Vốn đã từng quen với lối sống kinh doanh đầy tiểu xảo và sôi động đời thường, Tâm An vừa thực tế vừa mơ mộng. Cái thực tế chưa

bị thui chột và cái mơ mộng chưa đến nỗi hoang tưởng làm cho người ta đứng vững giữa cõi người đáng yêu. Con người đáng yêu vì không phải quý mà cũng chẳng phải là thánh. Và cuộc sống cũng đáng yêu chỉ vì con người chưa hóa đá để xác định mình là ai và tự cho mình được lựa chọn giữa đường sang xứ quý và lối về đất thánh.

Vẫn với cái giọng dí dỏm và lối nói ví von gợi cảm, Tâm An nói tiếp:

- Thì chính thái tử Tất Đạt Đa dập tắt ngọn lửa giàu sang để trốn khỏi hoàng cung mới có tu sĩ Cồ Đàm. Và tu sĩ Cồ Đàm dập tắt ngọn lửa nghèo khi kiệt sức bên bờ sông Ni Liên Thuyền để nhận bát sữa của nàng Tu Xà Đa sau sáu năm khổ hạnh mới có đức Phật Thích Ca...

Phạm Xảo nhìn Tâm An và hỏi:

- Còn Tâm An thì dập tắt được lửa gì?

- Kẻ tiểu sinh tài hèn sức mọn này cũng vừa dập tắt được hai ngọn lửa sinh tử cặp kè của trần gian ta đó. Hai ngọn lửa mà thiếu chúng thì chẳng những không tu hành gì được ráo trọi mà có khi hết sống nổi nữa là khác. Xin thưa, đó là lửa nấu nước trà và lửa... nấu cơm!

Những giọng cười vui mở lối ra đồng.

Căn nhà cỏ của thầy Tiều và Tâm An đang trú ngụ không có đất trồng trọt. Trí Hải sẵn lòng mời thầy Tiều và Tâm An sang canh tác mấy sào đất vườn màu mỡ và kín đáo bên trong nội thành của phủ ông Hoàng.

Bốn người trở thành bạn hữu. Chính cuộc sống đơn giản và đạm bạc đưa họ đến gần nhau. Một tướng quân đã từng xông pha trận mạc như Phạm Xảo. Một ông Hoàng thông thái từng sống ở phương Tây như Trí Hải. Một nhà tu đã từng tu tập ở núi rừng Tây Tạng như thầy Tiều. Một chú tiểu tu không thành mà thành nhà đại phú giao thương từ Tàu đến Nhật như Tâm An. Họ cùng gặp nhau ở một điểm: Dem vô thường về với bình thường và đi tìm một cái chung từ những cái riêng của cá tính khác biệt.

Nhờ đất đai màu mỡ và nhu cầu ăn uống chẳng là bao nên việc canh tác chẳng chiếm nhiều thì giờ. Cả bốn người thường rủ nhau vào rừng đốn củi, đốt than, hái trà mọc hoang trên núi và theo thầy Tiều ngồi tĩnh tọa định tâm.

Khi tâm đã định, sự xôn xao của đời thường không có đất nẩy mầm, đâm nhánh. Ta cảm thấy ta gần gũi với ta hơn. Mình hiểu mình hơn và trở về làm bạn với chính mình. Cảm giác an bình tự tại có ngay nơi mình mà chẳng phải tìm kiếm đâu xa. Mình có mình là bạn của mình nên cái nhu cầu tranh đua và so sánh với một đối tượng ngoài mình không có lý do phát triển. Ta là người mà người cũng là ta. Bởi thế, nhóm bốn người tìm về nhau bằng tâm cảm. Nhiều lúc không ai nói với ai một lời nhưng họ cảm thấy gần nhau hơn. Cái tâm phẳng lặng cũng như mặt biển bao la không gợn sóng. Người ta thấy được cả con chuồn chuồn và đàn muỗi mắt vờn nhau trên biển cả. Người ta nghe được cả tiếng sóng gọi đã tràn lúc đêm khuya. Trong trạng thái an hòa, lòng người trải rộng đến vô biên, nên lặng lẽ gặp nhau một cách tự nhiên mà không cần tìm kiếm.

Ngồi yên im lặng hay tĩnh tọa định tâm đối với thầy Tiều và ba người bạn là một món ăn “bữa lỡ” tinh thần sau những giờ làm việc. Theo thầy Tiều thì trí óc cũng như bắp thịt, cần phải có sự nghỉ ngơi. Bắp thịt không vận động thì nghỉ, nhưng suy tưởng là cả một dòng tồn tục lưu chuyển không dễ gì chặn lại theo ý muốn. Điều khiển trí óc không đơn giản như điều khiển chân tay. Chân tay không thể tách rời thân thể để phiêu lưu ngoài tầm tay với, chân duỗi. Nhưng tư tưởng thì tha hồ phiêu du tận đến ngoài vũ trụ; có khi đến cả cõi phi thời gian vô tướng xứ. Có những bàn tay phá thành đắp lũy, nhưng không ngăn được mảy may nổi yêu ghét, giận hờn.

Hôm nay, cũng như những buổi chiều sau khi ngồi tĩnh tọa định tâm khác, câu chuyện lại xoay quanh những đề tài không định trước.

Tâm An mở đầu câu chuyện một cách dí dỏm:

- Thừa thiên sư và nhị vị thiên giả, tôi thường thắc mắc và tự hỏi rằng, nếu ví thử như tất cả mọi người đều ngồi thiền và đi tu diệt dục cả thì loài người sẽ biến khỏi thế giới ta bà này không quá trăm năm. Tuy lúc đó con người không có, nhưng chúng sanh vẫn còn. Không có bóng con người ai sẽ giúp chúng sanh tu hành giác ngộ?

Thầy Tiều cười hề hề dễ dãi:

- Nay, Tâm An đang nói chuyện với ai đó? Ở đây làm gì có thiên sư hay thiên giả mà thừa với bầm rôm rả thiệt tình thế.

- Thầy ơi! Ngày nào thầy cũng tọa thiền, thiền định thế kia mà còn không phải là thiên sư thì biết kiếm thiên sư ở đâu mà học đạo hở Thầy?

Cái cười càng rộng rãi hơn, thầy Tiều trả lời:

- Có tìm khắp cả ba ngàn thế giới cũng chẳng có thiền sư hay thiền giả nào cả. Người ta gọi thiền, nói thiền vì sợ mình không phải là thiền đó thôi.

- Đúng rồi! Đúng rồi thầy ạ. Ừa! Mà nếu vậy thì thiền là gì và thiền đang ở đâu?! Ai ngồi xếp bàn im lặng, nhắm mắt hay lim dim thì cũng gọi là tọa thiền hay thiền định cả mà.

- Hi! Hi! Nếu người ta không gọi đó là thiền mà gọi đó là “phiền” hay “hiền” hay “ghiền”... chẳng hạn thì người ngồi có cảm giác khác nhau gì không?

- Chắc cũng vậy thôi thầy ạ. Nhưng thiền thật sự là gì mới được chứ?

- Thiền hả? Ồ! Thiền chẳng là gì cả. Thiền là một giọt sương long lanh an tịnh trong lòng mỗi người. Nhìn đến nó và nghĩ đến nó thì nó còn mà nắm bắt thì nó sẽ tan.

- Dù nắm bắt nó bằng cái tên cũng không được hả thầy?

- Làm sao gọi tên một giọt sương? Giọt sương chiếu đám mây thành giọt trắng, chiếu ánh nắng thành giọt hồng; chiếu bầu trời thành giọt xanh, chiếu mênh mông thành giọt...giọt...

- Giọt gì hở thầy?

- Không biết nữa!

- Ô hay! Thầy mà cũng không biết nữa thì ai biết?

- Có lẽ... có lẽ bản thân giọt sương tự biết lấy.

- Hay thật! Hay thật! Một giọt sương tự biết lấy một giọt sương. Thầy ơi! Có phải vì vậy mà ông Lão Tử gọi nó là “Đạo khả đạo phi thường đạo...” phải không thầy?

- Trời đất, tâm linh cùng một trạng thái giao hòa tuyệt đối từ vô thủy đến vô chung. Vô thủy và vô chung không bao giờ có điểm khởi đầu và điểm kết thúc nên chỉ là Một. Trạng thái Một Cùng Tận Cùng Đích đó không thể phân, không thể giải; vừa có đủ hình tướng bao gồm cả càn khôn, vừa là

không - cái không tự tại, vắng lặng chứ không phải cái không trống rỗng, vết sạch, nghèo nàn - không tuyệt đối. Nên gọi là gì cũng đúng mà có gọi là... gì gì đi nữa cũng không đúng cả. Lão Tử có gọi đó là Đạo, các vị hiền triết phương Đông gọi là Khí Hạo Nhiên, đức Phật gọi là Tánh Không... thì tất cả đều là những khái niệm tương đối để chỉ cái thể tính tuyệt đối chỉ có thể thông đạt được qua trực nhận mà không thể nghĩ bàn...

- Ôi thầy ơi là thầy! Tôi ngộp thở mất. Ngộp thở vì toàn cả những chuyện quá cao xa gì đâu. Tôi chỉ thích hình ảnh thiền là giọt sương của thầy thôi à.

- Đúng! Đúng! Quên hết thiền, quên hết những đỉnh núi danh từ cao xa nực nội đó đi. Ráng giữ một giọt sương long lanh đừng cho nó vỡ thì sẽ được an tịnh.

- Đừng đi xa nữa. Tâm An thử nghĩ đến một cái gì đó gần gũi nhất xem sao?

- Để làm gì, thưa thầy?

- Để biết mình, mình vẫn chưa biết được điều gần nhất quanh mình thì vội đi xa làm gì cho dễ lạc đường.

- Cái gần nhất là thân thể, là cuộc sống của chính mình thì làm sao mà không biết được.

Thầy Tiều cười tùm tùm, nhìn thẳng vào mắt Tâm An dò hỏi:

- Thế Tâm An có biết được cái gần nhất là tiếng ngáy của mình không?

- Ồ! Tất nhiên là biết tổng đi chứ!

- Làm sao?

- Thì người khác biết mình ngủ ngáy tức là mình ngáy.

- Không, tôi muốn nói chính Tâm An kia.

- Ồ! Biết mà không biết. Mình ngủ say mới ngáy. Mà khi ngủ say rồi thì làm sao nghe được hay biết được tiếng ngáy của mình như thế nào và mình ngủ có ngáy hay không nhỉ!

Thầy Tiều kết luận một cách đầy hài tính:

- Nếu nhà ngươi chịu thua vì không biết được tiếng ngáy của mình thì phải chịu phạt. Hình phạt hôm nay là phải đi hốt than bỏ vào bao để kịp mang về nhà cả trời sắp tối.

Tâm An bóp trán suy nghĩ. Có những điều đơn giản như thế mà chẳng bao giờ mình để ý. Tiếng ngáy mình như thế nào; trí óc mình có tỉnh táo như người khác hay không; dáng vẻ của mình đáng yêu hay đáng ghét; điệu sống của mình đáng mến hay khó ưa. Suy nghĩ đến tình thương trời biển bao la trong tấm thân yếu gầy của mẹ; tưởng tượng đến ánh mắt hồng hoang của tình yêu; suy gẫm những chuyện đời gian truân và hạnh phúc... Tâm An có cảm tưởng như mình là một cái kén chưa nở giữa biển đời đầy động trời thiên nhiên. Gió chiều chùng như trở lạnh. Tâm An lặng lẽ đứng lên đi kiếm bao hốt than trong tiếng cười khúc khích đắc thắng của thầy Tiêu.

Phạm Xảo đứng lên theo và cùng kiếm bao hốt than với Tâm An.

- Hề hề đại huynh! Chỉ nghe, chưa đặt quẻ mà cũng thua lây sao?

Tâm An nói đùa với Phạm Xảo khi thấy lão bằng hữu tốt bụng tình nguyện đến giúp một tay. Phạm Xảo cũng đùa vui tiếp lời:

- Thấy cảnh thiền sư bắt nạt thiền sinh, ta đây cũng động lòng nghĩa hiệp mà ra tay giúp kẻ sa cơ!

Tiếng cười của Phạm Xảo và Tâm An khuất dần sau những lùm cây. Trí Hải ngồi một mình với thầy Tiêu, hỏi chuyện:

- Cuộc trò chuyện giữa thầy và Tâm An thật là thú vị. Tôi cũng có cơ duyên đọc nhiều sách thiền nhưng thú thật là tôi không thích thiền vì những nguyên tắc thực hành quá gò bó và những tạng lý thuyết quá cao xa; nhiều khi mơ hồ, mâu thuẫn ngỡ như là hoang tưởng. Thế nhưng kể từ khi gặp thầy, tôi có hơi quan tâm về thiền trở lại, nhưng chỉ sợ kiến thức của mình về thiền học chưa đủ căn cơ để có thể đến với thiền một cách đúng đắn.

- Quý hữu miễn chấp. Tôi chẳng quan tâm về thiền gì cả.

- Ngày nào thầy cũng ngồi thiền cả mà sao thầy lại nói thế?

- Quả tôi có ngồi yên lặng định tâm mỗi ngày như hoàng hữu nói, nhưng đây không phải là thiền. Bầu trời mênh mông trong mỗi người thì muôn màu muôn vẻ. Sự trầm tư an tịnh khi có khi không, nhưng động và tịnh là hai

trạng thái song hành đã hiện hữu một lần với lịch sử của con người và sự sống. Thiền là một tên gọi trạng thái an tịnh đó mới xuất hiện từ mấy nghìn năm nay ở Ấn Độ và Trung Hoa rồi lan truyền đến các nơi khác. Thiền với những nguyên lý và phương cách đạt thiền giới hạn riêng của nó trong giới thiền gia. Có giới thì phải có hạn, tôi yêu tự do đầu tiên và cuối cùng trong chính mình và không muốn thuộc về giới hạn hay hình tướng nào cả.

Trí Hải tùm tùm cười, nói với nhà sư:

- Thầy cũng không thuộc về chiếc áo nhà tu mà thầy đang khoác lên mình đó sao?

- Không, chiếc áo không làm nên tôi, nhưng tôi tự nguyện giới hạn những nguyên tắc và nhu cầu cuộc sống của bản thân mình theo những quy ước tương đối của màu áo đó. Người ta thường ôm chiếc áo mà bỏ rơi con người vì họ đồng hóa chiếc áo với con người. Tôi thì mỗi giờ khắc đi qua tự điều chỉnh và giới hạn con người mình cho gần với chiếc áo. Nếu một ngày nào đó, tôi không đủ duyên đi theo với chiếc áo thì tôi phải khoác một chiếc áo khác, thế thôi!

- Lúc đó thì thầy làm sao mà tu được nữa?

- Tu và khoác áo tu là mượn thuyền để qua sông mê, về bến ngộ. Tôi đang chèo thuyền giữa bờ mê và bến ngộ trên dòng sông mê đang chảy siết. Không tiến phải lùi, không thể neo thuyền giữa dòng cuồn cuộn đang chảy băng băng về phía trước.

- Ngồi trong lòng thuyền xao động giữa luồng sóng dữ, thầy dựa vào cột mốc nào để biết mình mỗi ngày một gần với bến ngộ, thưa thầy?

- Ngỡ như mộng lung nhưng rõ ràng lắm quý hữu ạ. Bến ngộ là bến không. Bến không bắt đầu từ tâm không. Tâm không là tâm rỗng lặng. Mỗi ngày ngồi yên tịnh, mà quý hữu muốn gọi là thiền hay một danh xưng nào đó tùy nghi cũng được, để xả những lớp bụi của ngày qua. Đây là những lớp bụi của đời thường thế tục mà không ít thì nhiều ai cũng bị bám do sự tham giận, kiêu căng, si mê, lầm lạc... mà ra.

- Thầy là bậc tu hành mà cũng bị bụi đời thường bám vào mỗi ngày nữa sao?

- Lớp bụi trần thế không dày thì mỏng ở đâu cũng có, lúc nào cũng có, không miễn nhiễm cho ai cả. Nó xuất hiện dưới vô vàn hình thái. Càng quan trọng lễ nghi, càng rườm rà hình thức, càng say mê lý thuyết thì lại càng có nguy cơ tiếp cận với lớp bụi dày hơn.

- Thế thầy có lo sợ đến một ngày nào đó thầy phải xa chiếc áo không?

Thầy Tiều cười hì hì một cách thanh thoi:

- Tôi không lo sợ phải xa chiếc áo mà chỉ lo sợ rằng, lỡ một ngày hay một hoàn cảnh nào đó mình không còn xứng đáng khoác chiếc áo nữa mà vẫn được người đời ca ngợi. Và sợ nhất là chính mình không những không còn cơ hội để nhìn lại sự suy đồi của chính mình cho rõ mà còn cảm thấy tự hào, hãnh diện một cách vô minh như thể mình đang lên hàng thánh thiện.

Nhìn khuôn mặt vui vui với nụ cười chưa hết của thầy Tiều, Trí Hải nói nhẹ nhàng:

- Thầy chấp nhận làm gì vào những danh từ cho thiền. Mọi tên gọi, kể cả thiền, chẳng khác gì là một mảnh gỗ mục cho con gián bám vào đó mà sống còn trong cơn lũ lụt.

- Thế nhưng người ta vẫn xem mảnh gỗ mục cứu lũ trước mắt là lâu đài kiên cố của sự sống đời đời.

- Đó không phải là bản chất mà chỉ là tiếng vọng.

Thầy Tiều gật gù:

- Tiếng vọng? Ý quý hữu muốn nói là tiếng vọng của một nguồn thiền đại ngộ nào chăng?

Trí Hải đưa tay vẽ một vòng tròn tưởng tượng trong tầm nhìn của thầy Tiều, rồi giải thích:

- Thiền - nếu có thể tạm gọi những phút định tâm của thầy bằng một tên gọi như thế - là tiếng nói của im lặng, là dáng vẻ không hình tướng. Ai hỏi làm chi tiếng của mây, màu của gió... Mây không có tiếng, gió không có màu, nhưng nó vẫn hiện diện quanh ta. Sự lặng im mà xoay chuyển của mây gió chính là tiếng vọng của đất trời, của thiên nhiên vũ trụ.

Thầy Tiều lại hỏi:

- Thế thì đâu là tiếng vọng của lòng ham muốn về một sự sống đời đời?
- Đó chính là tiếng vọng của một tâm trạng mang khát vọng bất tử, ước mơ một sự sống đời đời. Thiền là tiếng vọng của một sự khát khao muốn gặp được lối đi mà người ta thường gọi là “ngộ đạo”. Ngộ đạo là gặp con đường tìm về giải thoát để ra khỏi vòng sinh tử, an trú đời đời trong an lạc.

Đặt câu hỏi như một lời giảng giải, thầy Tiều hỏi:

- Một khát vọng như thế có chính đáng khi thập loại chúng sanh còn trong khổ hay không?

Trí Hải lắc đầu:

- Làm sao chúng ta biết được. Cây roi là vật chính đáng của người thợ cày, nhưng lại là vật không chính đáng đối với con trâu. Mọi người cứ gán cho nấm xôi là khát vọng chính đáng của thằng Bờm, nhưng lại có kẻ cho nụ cười mới chính là khát vọng của nó. Tất cả mọi người đều đúng mà cũng có thể chẳng ai đúng cả.

- Nguyên nhân vì sao cái sai và cái đúng không tách bạch rạch ròi mà dễ dàng trộn lẫn với nhau như thế?

- Vì tất cả chỉ là tiếng vọng. Tiếng vọng của gió không phải là gió; tiếng vọng của mưa không phải là mưa. Người ta nắm bắt tiếng vọng nên biên giới giữa sai và đúng, giữa giả và thật không dễ dàng phân định.

- Vậy thì làm sao để nắm bắt cho được cái bản thân thật sự của của các đối tượng?

Thầy Tiều hỏi, Trí Hải lặng im một lát và trả lời ngập ngừng:

- Làm sao? Như thể một cuộc săn đuổi với cái bóng của chính mình và của vạn vật. Câu hỏi đơn giản nhưng câu trả lời không dễ dàng. Thầy nghĩ thế nào?

Thầy Tiều ngồi trên bãi cỏ, xếp bằng:

- Quý hữu đi tìm ý nghĩa cuộc đời trong kho sách vở và bằng lý luận, tôi tìm ý nghĩa cuộc đời trong chính tôi và ngay giữa cuộc đời này bằng thực chứng.

- Như thế có nghĩa là tôi đang săn đuổi và thầy đang nắm bắt?

Không gật đầu, cũng chẳng lắc đầu, thầy Tiều lắng sâu trong trạng thái an tịnh.

Trí Hải vẫn băn khoăn về ý nghĩa của sự thực chứng mà thầy Tiều chỉ nói. “Hình như là vậy!”. Trí Hải suy nghĩ và tự trả lời cho mình. Kể từ lại chính mình cũng như kẻ đi tìm rùa. Càng la hét ồn ào, con rùa càng rút cổ co lại vào trong vỏ. Càng vội vàng và nóng nảy tóm cho được con rùa thì chỉ tóm được cái vỏ. Cái kho tàng giấu kín trong ta không thể lấy bạc vàng mua được; không thể dùng sức mạnh chinh phục được, không thể dùng lý luận rủ rê được. Chỉ có sự im lặng tuyệt đối với cái tâm an hòa, cái trí không không (không gợn một chút dơ, không thoáng một định kiến, không vọng tưởng gì cả...) mới giao hòa được với cái kho tàng vô giá đó. Giao hòa để chính mình là kho tàng chứ không phải là kẻ sở hữu kho tàng. Kho tàng là mình, mình là kho tàng nên không mất mà cũng chẳng được; không có Có mà cũng chẳng có Không.

Tiếng nói cười khi oang oang, khi riu rít hồn nhiên của Phạm Xảo và Tâm An đánh động cái im lặng không biết đã kéo dài bao lâu giữa thầy Tiều và Trí Hải. Tâm An gõ gõ vào vách núi, lên tiếng:

- Hai sơn nhân ngủ gục, mau dậy đi về cả trời tối.

Thầy Tiều và Trí Hải cùng mở mắt to, nhìn nhau. Có nụ cười trong mắt. Thầy Tiều nói bất chợt:

- Thiên hà?!

Trí Hải trả lời theo:

- Ừa, thiên?!

Cả hai cùng cười. Tiếng cười như nắng.

Nhìn sâu vào đôi mắt trong veo, nửa ngây thơ trong sáng, nửa sương tuyết già nua của thầy Tiều, Trí Hải cảm nhận được chặng đường tâm linh qua nhiều trăm trở cũng như đầy hoan lạc của nhà sư.

Trí Hải hỏi với ý nghĩ chân thành, không vương víu sự khen chê:

- Xin hỏi thật là Thầy đã “ngộ” lần nào chưa?

Thầy Tiều cười thành tiếng:

- Mê muôn kiếp, ngộ nhất thời. Nhưng ngộ là gì và ngộ để làm gì mới được chứ?

Trí Hải có vẻ dè dặt:

- Theo sách vở mà tôi đã đọc thì “ngộ” là một trạng thái hoan lạc, một sự bùng vỡ như tái sinh. Người ngộ đạo thấy thật tướng của chính mình và vạn vật. Từ giây phút ngộ đạo tâm thức của họ đã mở cửa đi vào một thế giới mới. Hệ thống giá trị, lề thói sinh hoạt và so sánh cũ biến mất. Người ngộ đạo san phẳng những chướng ngại trên đường để đi tới.

Thầy Tiều không biểu tỏ một phản ứng nhiệt tình nào khi được hỏi, trả lời với giọng đều đều thản nhiên:

- Không, tôi không khác gì với mọi người cả. Đói thì ăn, khát thì uống, buồn ngủ thì nằm ngủ. Tôi sống giữa cuộc đời này, sống thì thờ, chết thì xuôi tay nhắm mắt thôi, không đi đâu hết.

- Nhưng rồi tới một ngày nào đó thầy phải xa nó, phải giải thoát, phải thành Phật chứ.

- Giải thoát và thành Phật ngay giữa thế gian này. Đức Phật nói pháp sau khi ngài đắc đạo, nhưng người đời nay lại đua nhau nói pháp trước khi tự bản thân mình thấy đạo. Họ sợ vô thường, sợ tái sinh nên níu nhau nói chuyện, cầu khẩn lời giải thoát cho đỡ sợ.

- Vậy thì thầy có cầu giải thoát và sợ sinh tử vô thường không?

Thầy Tiều nói với giọng vui như bông đùa:

- Phải sợ nhiều hơn người thường, không dai sức chịu khổ lâu dài mới đi tu cho mau giải thoát chứ. Cọp ai mà không sợ, nhưng rồi cũng phải chọn một trong ba con đường: Một là làm nhà cho cao để tránh nó, hai là làm chuồng cho chắc để nhốt nó, ba là đối diện với nó để đương đầu với nó...

- Tu là chọn thái độ nào?

- Đương đầu với nó để khuất phục nó.

- Nếu lỡ mình thua nó và nó ăn thịt mình thì sao?

- Thì mất mạng chứ sao.

- Mạng một người đi tu và mạng một người dân thường mạng nào lớn hơn?

- Người nào to béo hơn thì mạng lớn hơn!

- Mạng lớn hơn thì Phật tánh có lớn hơn không?

Thầy Tiều đáp giọng tự nhiên như nói về một chân lý:

- Lớn hơn chứ!

Phạm Xảo chen vào:

- Mới tuần trước thầy nói Phật tánh luôn luôn ngang nhau giữa tất cả mọi người mà!

Tâm An lên tiếng ngay:

- Có lần thầy nói người càng to lớn đầy đà thì Phật tánh càng nhỏ.

Thầy Tiều tỏ vẻ thống khoái lên tiếng thúc giục:

- Vậy thì trong quý hữu đây ai đã thấy được Phật tánh rồi?

Cả Tâm An và Phạm Xảo đều trả lời nhanh là “Chưa thấy!”. Riêng Trí Hải thì không nói gì. Lát sau nói nhỏ như nói một mình:

- Kiến tánh thì thành Phật rồi chứ đâu còn đứng đây.

Vỗ hai tay vào nhau với vẻ đầy thích thú, thầy Tiều chỉ quanh:

- Đó! đó! Chưa thấy thì làm sao mà biết to hay nhỏ. Nên to nhỏ cũng như nhau thôi. Ánh sáng chưa đến là bóng tối. Làm gì có bóng tối cao hay bóng tối thấp. Làm gì có ánh sáng to hay ánh sáng nhỏ. Nhưng dù sáng và tối có cao thấp hay to nhỏ gì chẳng nữa thì cũng chỉ có ánh sáng mới xua tan được bóng tối. Ai cũng nói đến Phật tánh. Xác định là có Phật tánh trong mỗi chính mình, mà chưa ai thấy được Phật tánh cả. Vì sao, thưa quý hữu?

Vẫn là người năng nổ nhất trong nhóm, Tâm An lên tiếng ngay:

- Vì không có Phật tánh hay Phật tánh là cái gì cao xa và vĩ đại quá nên chỉ có Phật hay những bậc thượng căn mới thấy được, mới tìm ra được mà thôi.

- Quý hữu đói bụng chưa?

Câu hỏi lạc đề và quá bình thường của thầy Tiều làm mọi người có cảm tưởng như thầy cố đánh trống lảng để khỏi rơi vào thế bí. Không ai lên tiếng nhưng bước đi chậm lại giữa lúc chiều xuống và đêm sắp về đang lên tiếng giúp cho mọi người trả lời rằng, họ đang đói bụng còn cào. Bước đi. Im lặng. Thầy Tiều lên tiếng như nói từ tiếng vọng xa xăm:

- Chúng ta có vẻ như đang hiểu khá rõ về mình trong lúc này. Hiểu cái bụng rỗng không, cái tâm lặng lẽ và cái ý muốn ăn. Nhìn được chính mình là nhìn được Phật tánh. Lắng lòng tìm đến với mình và biết mình đang đói bụng. Phật tánh không thấy được bằng mắt mà chỉ cảm nhận được bằng tâm. Cảm nhận trong phút này, sống với nó trong phút này, hòa quyện với nó và biến thành chính nó...

Tâm An kêu lên:

- A ha! Chúng ta đang thành Phật...! Đói chóng thành Phật hơn no sao, thưa thầy?

Như muốn kéo Tâm An về lại với thực tại, thầy Tiều nói át đi:

- Tâm An, coi chừng lại hỏng mắt! Khi biết mình đang thành Phật là đã xa Phật nghìn trùng mắt rồi.

- Phật trong ta mà xa ta nghìn trùng. Thầy nói nghe mâu thuẫn quá đi thôi! Hằng hà sa số người trong tứ chúng đang ráng tu cho chóng thành Phật đều đang xa Phật nghìn trùng cả sao. Ba mươi ba vị tổ Thiên tông chưa có ai thành Phật?

- Phật không phải là bức tượng đồng hay tượng gỗ để chúng ta đeo bên mình hay đặt thờ trong nhà. Phật cũng không phải là những bài kinh đầy lời Phật nói mà ta thuộc nằm lòng và ngày lại ngày ngân nga tụng niệm. Phật cũng không phải là những ý niệm chủ quan mà ta thường nghĩ tới. Phật là cái Ta thánh thiện trong ta. Khi ta thánh thiện ta là Phật. Chỉ một khởi niệm rất nhỏ mang tính phân biệt Ta và Phật hay Phật và Ta đang tìm nhau dấy lên là Phật đã xa ta nghìn trùng.

Trí Hải lặp lại:

- Thầy vẫn chưa trả lời câu hỏi của tôi.

Thầy Tiều nhìn rất xa vào đóm Sao Hôm vừa mới mọc:

- Tâm linh làm gì có ấn chứng. Tôi đã trải qua nhiều nỗi u ản, khổ đau cùng hoan lạc như tất cả mọi người. Nếu có khác chẳng so với mọi người là tôi biết rõ mình và biết nỗi khổ đau cùng hoan lạc của mình trong vắng lặng. Khi niềm hoan lạc thắng khổ đau là khi tôi biết mình đang bước trên đường đạo.

Gió từ trên sông thổi lại không nhiều mà Trí Hải bỗng cảm thấy lạnh mình. Trí óc trôi lên đên vào thế giới của thầy Tiều, Trí Hải nghĩ đến những vị Bồ tát thành Phật nhưng lại không bỏ chúng sanh đằng sau để thông dong vào nước Phật riêng mình. Cưu mang những kiếp người lầm bụi. Thiên sư ngộ đạo thông tay vào chợ sống đời lây lất bên cạnh những con người sống bụi, ăn bụi, uống bụi, nghỉ bụi, hạnh Bồ tát nguyện ở lại giữa trần gian gió bụi này sao mà tuyệt vời đến thế. Lời nguyện cưu mang cõi trần này để hóa giải khổ đau thành an lạc. Tu. Tu bụi. Hạnh tu giữa cuộc đời của chí thánh và phàm nhân đâu có chấp trước chuyện ba ngàn thế giới mà chỉ cần lặng đọng ở tâm mình. Con người là sinh vật có sự sống nên bảo vệ sự sống là bảo vệ con người, đâu phải cần quanh co triết lý xa xôi.

Gió chiều rung tàn lá chìm dần trong bóng tối. Tiếng lạnh cả hư không.

Quán trọ Thân Tâm

Tòa nhà hư cũ đang xuống dốc vẫn đứng sừng sững như một biểu tượng của uy quyền và phú quý. Dinh ông Hoàng một thời vang bóng đã in hình vào tâm ảnh của những người ngưỡng mộ. Họ bị choáng ngợp bởi hình tượng và tin đồn, dẫu có khi tin đồn chỉ là phó sản của mơ mộng và tưởng tượng viễn vông. Chuyện xưa có loài đá nguyên sinh hút được bóng người. Những

người dội bóng bên hồ trong vĩa đá, bóng qua khỏi nước, nước không còn giữ bóng, nhưng thêm đá vẫn lưu ảnh người cho hết một đời của đá. Do vậy nên cái vẻ đời thường đâu có thịnh hay tàn cũng không ai để ý. Người ta đã quen với cái bóng in hình trên vĩa đá. Do vậy, tòa nhà chỉ còn là một mớ vật thể kiến trúc từ thời xa lắc sắp lụi tàn, nhưng cái dư ảnh của nó trong mắt nhìn và từ suy nghĩ của người bên ngoài không chịu đổ theo. Người ta vẫn gọi là “Dinh Ông Hoàng” với tất cả vẻ trang trọng như vẫn thường gọi từ thời quá khứ. Người ta kể cho nhau những câu chuyện, khác thường, đôi khi đượm màu thần thoại, với những chi tiết thêm thắt cho hợp với nồng độ của câu chuyện. Cuộc đời thường - không đủ hương vị cho nỗi đam mê về một cuộc đời mơ ước - nên người ta cần huyền thoại để tự đưa nhau vào những góc khuất của hạnh phúc.

Một góc lâu đài suốt ngày có nắng vì ẩn dưới tàn cây xanh. Nơi đây đang trở thành một thế giới mới. Thế giới của ý niệm bao trùm lên hiện thực. Phạm Xảo, xông xáo và cẩn trọng với tâm lý lão tướng, ưa nhìn ngắm thiên nhiên, hít thở không gian và nắm bắt thời gian bằng chinh phục. Tâm An, người đã thành công hơn người trong thương trường, xuôi ngược khắp vùng Đông Á, đang muốn buông bỏ cái được trong tay để làm lại cái mất của quá khứ. Thầy Tiều, người đã chọn hướng đi nhưng lại không muốn men theo những con đường mòn có sẵn. Chỉ riêng Trí Hải vẫn bước đi giữa đường đời gập ghềnh bằng bước chân dò dẫm.

Thời gian từ thuở tóc xanh về miền tóc bạc chỉ có một con đường thẳng. Nhưng hai cặp xuất (dấn thân) và xử (rút lui) lại xoay vòng tròn nên làm cho cuộc đời trở thành vòng lẩn quẩn. Tu là tìm một điểm tựa để thoát thân chứ không phải để mắc vòng lẩn quẩn. Bởi vậy, có người cho đi tu là dấn thân, người lại cho đi tu là rút lui. Cũng đều là hàng vương giả xuất trần đi tu mà vua Trần Nhân Tôn thì dấn thân mà vua Lý Huệ Tôn thì rút lui, trốn chạy. Mặt trời mọc ở xứ Đoài thì đồng thời cũng là mặt trời lặn ở xứ Đông. Tu đúng nghĩa là dấn thân, là mọc, là đối mặt với cuộc đời chứ không bao giờ trốn chạy.

Với đời thường, cứ mỗi mười năm nhìn lại, thấy mình đã lớn hay đã già đúng tuổi mà không thấy tiếc quãng đời đã đi qua là kể như tạm ra khỏi vòng tròn lẩn quẩn, len chân được trên đường đi tới. Ngược lại, là đi loanh quanh. Cái vòng tròn trứng và gà xoay. Xoay theo một điệu buồn xưa cũ. Trong cái trứng đã thấy được khả năng con gà và qua con gà cũng thấy được bóng dáng cái trứng. Muôn năm không thay đổi. Cần một sự đập vỡ nào đó để cho cái vòng tròn âm nôi thành con đường náo nức đi vào cuộc đời. Dầu

được sống thêm một khắc mà thiếu đi cái náo nức tươi mới ấy là vẫn bị chìm ngấm giữa đời; là thiếu mất hương hoa của cuộc sống; là trốn biệt vào quá khứ hay tương lai.

Cái háo hức tuổi trẻ lên đường sang Pháp, rồi hồi hương với hoàng tử Cảnh, một hoàng đế tương lai, đã nguội lạnh từ lâu trong lòng Trí Hải. Dư âm tiếng gáy con gà và dáng như hư, như thực lẫn trong mây của sư Trúc Lâm vẫn đeo đẳng theo Trí Hải như một “công án”. Đây là một ẩn số không thể giải bằng sự thông thái của lí trí đơn thuần. Tiếng gáy của con gà trong đêm mở hé cánh cửa bình minh vào cuộc sống. Trí Hải mới chỉ nhìn ánh nắng sau khung cửa hé ấy. Phải tắm gội, phải hòa tan vào trong nắng để thấy được thì là nắng...

Trong bốn người, Tâm An quả thật là con người của hành động thực tế. Đã ba, bốn hôm rồi Tâm An đi vắng. Mọi người chỉ được báo là Tâm An “đi công chuyện” mà không biết đi đâu. Nếu ai theo sát Tâm An sẽ ngạc nhiên khi thấy người này đứng suốt ngày dưới chân núi Trường Sơn, nơi khởi phát thượng nguồn sông Hương. Mặt người ấy ngơ ngẩn nhìn như bị thôi miên vào một mỏm đá nhô ra từ triền núi. Trên đó có một cây tùng mọc lên với dáng uốn éo đẹp như tranh vẽ của một danh họa Trung Hoa. Gốc tùng có vẻ như tùng to hơn mấy người ôm, nhưng giờ đã quắt lại. Đá mài, gió đập, mưa vùi đẽo mòn gốc cây thành góc cạnh. Trông xa, gốc cây dầu có dáng như một bức tường nhỏ lảng bóng, đen sì. Thân cây mé phía Đông có một con đường trắng màu gỗ tươi còn sống và trên đỉnh của con đường trắng đó là ngọn một cây tùng cổ thụ. Thân, nhánh và tàn cây thu nhỏ lại bằng hai vành nón. Trong tầm mắt, cây tùng cổ mộc hiện ra chỉ uy nghi sừng sững, chỉ ảo ảnh khói sương, vừa uốn lượn kỳ tú, vừa nhỏ nhắn khiêm cung.

Cây đứng đó bao giờ không ai hay nhưng rồi một lần, cây lọt vào tầm nhìn của một gã săn cây lão luyện giang hồ. Cây không còn yên thân nơi chốn cũ. Mấy hôm sau, một toán thợ đá neo dây, dựng khung, suốt mấy ngày liền đục, cưa, đẽo, gọt, cớ tách tảng đá làm nền cho gốc cây tùng ra khỏi sườn núi. Được thuê bằng một giá cao chưa từng thấy, đội thợ đá đã tách dùng mọi khả năng, kinh nghiệm và phương tiện tuyệt hảo nhất của nghề nghiệp để tách rời và mang được cả nền lẫn cây cổ mộc xuống núi và đưa về vị trí theo đơn đặt hàng của thân chủ Tâm An.

Rồi một sớm mai, cả thầy Tiều, Trí Hải, Phạm Xảo dụi mắt ngỡ như chuyện thần tiên khi nhìn thấy cây tùng cổ mộc mọc trên hòn núi nhỏ đứng sừng sững ở một góc rợp bóng trong khu khu lâu đài phiêu pha của ông Hoàng.

Tâm An đứng sấn ở đây cười tùm tùm như một câu trả lời. Mắt không rời cây cổ mộc, giọng hơn hờ, hỏi:

- Đẹp không?

Không có tiếng trả lời, nhưng đã có những đôi mắt chiêm ngắm dồn vào cây cổ mộc nói thay.

Mùi thơm thoang thoảng trong không gian chung quanh cây cổ mộc. Cây cổ mộc trên hòn núi nhỏ có một sự thu hút lạ lùng. Cả góc lâu đài như lạ lẫm hẳn đi với dáng đứng kỳ vĩ của cây cổ tùng biến dạng. Mọi người nhìn một cách. Hình ảnh cây cổ mộc làm Phạm Xảo nhớ cảm quân trong những trận thư hùng Tây Sơn - Nguyễn Ánh. Một lần băng qua biên giới Cao Miên, người ngựa lạc vào rừng Đé Thiên, Đé Thích. Phạm Xảo chống đốc kiếm nhìn trời. Cây cổ tùng trong những ngày chinh chiến đó hiện ra đây vẻ thách đố với sức chịu đựng của con người. Cây bạch tùng trước mắt hôm nay gọi lại thuở vang bóng ngày xưa. Cái chớp mắt của ngọn triều tâm lý hiện về. Phạm Xảo loay hoay tìm đốc kiếm. Nhưng chỉ có hai bàn tay không đan vào nhau. Tất cả vụt bay đi. Phạm Xảo bỡ ngỡ tìm một chỗ dựa. Chẳng có một chỗ dựa nào ngoài chính mình. Gió sớm mai thổi qua ngọn bạch tùng làm vang lên tiếng lá rì rào. Điệu nhạc cổ sơ bay về phía chân trời cao viễn.

Riêng thầy Tiều và Trí Hải thì mắt vẫn nhìn cây bạch tùng cổ mộc, nhưng chẳng nói năng hay biểu tỏ một thái độ nào. Cái đẹp tự nó chẳng là tương lai hay quá khứ. Vẻ đẹp thu hút cái nhìn. Nhìn để sáng tạo và khám phá. Sáng tạo để biết trân trọng cái đẹp và khám phá để biết yêu cái đẹp. Khám phá là chẳng đường chinh phục hay bị chinh phục và yêu là dính mắc.

Thầy Tiều rất nhạy cảm về cái đẹp. Vẻ đẹp làm cho thầy xúc động lặng người. Vẻ đẹp rực rỡ như mặt trời mọc ở phương Đông, rồi lặn ở phương Tây không còn dấu vết khi đêm về. Thầy đắm đuối trong cái đẹp như tắm ánh nắng mặt trời. Ngập mình trong nắng. Nắng tắt. Mình trở lại với bóng tối. Thầy Tiều không mang theo cái đẹp vào tương lai hay gởi gắm cái đẹp vào quá khứ. Thầy rộng mở đón nhận và buông thả cái đẹp ngay giữa hiện tiền của nó. Thầy không so sánh mà cũng chẳng phê phán cái đẹp. Con công óng mượt và con nhím lởm chởm gai nhọn; con chim phượng hoàng diêm dúa và con gà mái đơn sơ... tất cả đều có vẻ đẹp nòi giống riêng của mỗi loài. Thầy không níu ngày qua đêm và kéo đêm về trong ngày. Biết yêu cái đẹp và biết buông cái mình yêu là tự do cuối cùng và tuyệt đối của mỗi con người đang sống. Tự do, đơn giản chỉ vì không bị cột buộc vào bất cứ giá trị

hay dư ảnh, dư âm nào khác ngoài chính bản thân của cái đẹp trong khoảnh khắc cái đẹp và người thưởng thức vẻ đẹp hòa quyện với nhau; rồi thôi dính mà không mắc. Hòa mà không đồng.

Trí Hải thì có vẻ như ngược lại. Tuy không bị đắm vào vẻ đẹp, nhưng mắt nhìn mà lòng cứ loay hoay khám phá. Khám phá vẻ đẹp là mắt công trau chuốt hay phân thân một giọt sương trên cỏ. So sánh vẻ đẹp là tìm cái gì nằm ngoài vẻ đẹp. Muốn cho một giọt nước đẹp hơn hay xấu hơn là giọt sương long lanh trên cỏ, người ta không thể tìm ra vẻ đẹp của hiện thực mà mãi đi tìm cái đẹp của dự phóng. Đẹp là đẹp. Vẻ đẹp tự nó có một giá trị hiện thực trên chính nó. Một người đẹp là chính vì người đó đẹp. Vẻ đẹp của nàng do chính nàng đẹp chứ chẳng phải vì nàng giống người cung nữ hay một nàng tiên nào đó. Đẹp là đẹp tự nó chứ đâu phải vì làm cho “Tây Thi mất vía, Hằng Nga giật mình” mới thật sự là đẹp? Trong mắt nhìn của Trí Hải, một vẻ đẹp đích thực còn ở tận đâu đâu. Chưa bao giờ Trí Hải may mắn được một lần thật sự rung động trước vẻ đẹp của một người, nên chưa hề có bóng dáng một người đàn bà xinh đẹp nào hiện ra trong đời và bên mình. Trí Hải mãi mê tìm một vẻ đẹp trí tuệ tách rời hiện thực. Vẻ đẹp của một ước mơ trong giấc mơ chưa đến giờ đi ngủ.

Với Tâm An thì mọi thứ trên đời đều ở trong tương quan so sánh; đều có thể cân đo đong đếm được.

Chắp tay vào nhau như để cảm tạ một linh hồn tạo vật chí tôn, Tâm An say sưa nói về cây cổ mộc.

- Chúng ta đang đứng trước một gia tài vô giá. Hơn hai mươi năm kinh doanh và làm giàu với nghề buôn bán cây cảnh, tôi chỉ đọc sách để biết những loại cổ mộc quý hiếm. Trong sách Cổ Mộc Kỳ Danh của Chu Hạo Nhiên đời nhà Chu bên Tàu có nói đến một loại kỳ danh cổ mộc tuổi cả nghìn năm. Thân cây biến thành kỳ, tinh hoa kết tụ của một. Chỉ có một sợi trong toàn thể thân cây là còn tươi và phát triển đâm chồi nảy lộc bình thường. Theo Chu Hạo Nhiên, kỳ nam là tinh chất kết tụ cao nhất của giống trầm hương. Kỳ nam thông thường màu nâu đậm, phải trải qua cả nghìn năm mới có được hệt nam đen mịn và láng bóng. Thông thường chỉ có cây dó trên rừng bị tật, cần tinh dầu bao quanh để bảo vệ chỗ khuyết tật. Lâu năm tinh dầu mới kết tụ thành trầm. Giống trầm bạch tùng tuy cực kỳ hiếm hoi nhưng vẫn có trường hợp kết tụ thành trầm. Qua bao nhiêu năm hút đủ khí âm dương và tinh chất của rừng núi và mây trời, những mảnh dầu trầm rải rác trong thân cây ngưng tụ lại để thành kỳ. Kỳ nam là thể tinh túy tuyệt hảo

nhất của trầm hương nên khó mà phôi pha, suy suyển hay bị xâm thực bởi thời gian và mưa nắng...

Phạm Xảo chen vào:

- Vậy có phải cây bạch tùng cổ mộc trước mắt chúng ta đây cũng là loại cổ mộc kỳ danh mà Chu Hạo Nhiên đã nói đến đó không?

Tâm An trả lời hớn hờ:

- Chính đó! Chính đó! Hôm nay chúng ta đã có Kỳ Nam Cổ Mộc trong tay. Dầu cho có vàng ròng nghìn lạng, cũng chỉ mới dám đứng mà nhìn giống cổ mộc nghìn năm này. Chỉ cần nửa giá cây cổ mộc này cũng thừa sức để xây lại lầu Ông Hoàng đẹp đẽ, huy hoàng hơn hẳn khi xưa rồi đấy. Hi, hi!

Tâm An cười khoái trá vì đang mãi đuổi theo một giấc mơ thật đơn giản. Đơn giản mà thực tế và có thể thực hiện được trong cuộc đời này. Ước mơ đích thực là một giấc mơ không bao giờ có thật. Bởi vì một đối tượng đã nắm bắt được trong tay thì không còn là ước mơ nữa. Thiên Thai là chôn ước mơ, nhưng khi Lưu Nguyễn đã tìm đến được rồi thì lại muốn quay về. Con người là sinh vật địa cầu duy nhất biết ước mơ. Và ước mơ cũng là cội nguồn của khổ đau vì khi nắm được sự mơ ước trong tay rồi lại không vừa lòng và cất công đi tìm một mơ ước khác. Tuổi trẻ đầy ước mơ, Tâm An đi tìm sự thỏa mãn cho khát vọng sống đời đời bằng cách tìm lên chùa đi tu. Tu không thành, Tâm An trở lại đời thường. Tuổi trung niên cần một bản sắc, Tâm An tìm những giá trị ngoài mình như vật chất tiền tài để dựa vào đó mà định nghĩa cho mình là ai. Tuổi sắp về già lại đi tìm một sự sống trường thọ để cố thắng nổi ám ảnh xám xịt của một cái chết không tránh khỏi ngày một đến gần. Càng còn lại ít thời gian, sự trốn chạy cái chết bằng niềm mơ tưởng về một sự sống đời đời nơi cõi thánh càng gấp. Tôn giáo là đại lộ hoàng hôn vào cõi thánh sau cái chết. Và một đảng chí thánh là thành trì bất khả xâm lăng; là quyền lực tuyệt đối, vô địch, vô nhiễm, miên viễn cho những linh hồn chạy trốn thân chết tìm đến ẩn náu.

Chỉ một cây cổ mộc mà bốn người đón nhận bốn cách khác nhau. Ai cũng cảm nhận được rằng, cây cổ mộc có một giá trị to lớn lừng được giữa cuộc đời này. Nhưng ai cũng thắc mắc mà không thể nói ra hay giải thích cho thật rõ ràng rằng, tại sao cây cổ mộc không được nhìn như một cây lão tùng có dáng đẹp tuyệt vời mà phải mặc lên nó những giá trị quá vĩ đại và xa vời như thế.

Một cây cổ mộc mình mẩy đầy thương tật. Nó đứng trơ vơ nghìn năm trên núi cao và cố vươn lên để sống còn trong cuộc tranh sống dữ dội với thiên nhiên.

Đã nghìn năm qua, cành đại tùng nhỏ bé đã chiến thắng nắng gió, chịu đựng tuyết sương để sống còn trên đỉnh núi. Nhưng một chiều qua, nó đã bị bại. Nó bị bứng ra khỏi núi đá, bị những đôi mắt giới hạn của con người đem giá trị com áo tầm thường sánh với oai linh rừng thẳm. Trong đôi mắt chiến thắng của con người nhỏ bé, cây cổ tùng mất bóng. Nó bị bật gốc ra khỏi khu rừng thiêng để chen chân vào đám cây vườn đứng thẳng lối, ngay hàng che bóng mát. Mất đi không nhất thiết là biến mất. Mất đi có thể còn đó với tiếng tăm lừng lẫy, với hình tượng có khi còn chói lọi và rực rỡ hơn xưa. Nhưng tiếng vọng chỉ là dư âm từ quá khứ dội về và vẻ long lanh, lấp lánh đều do ánh sáng phản chiếu từ bên ngoài hắt tới. Mất đi vì tim đã tàn lụi và ánh sáng từ bên trong đã tắt. Cây cổ mộc Trường Sơn đã bị tham vọng bình thường của Tâm An bứng bật gốc mang đi. Sự hiên ngang và nghĩa sông vô biên trên đỉnh cao rừng thẳm không còn nữa. Cổ mộc đang bị đo đếm, tính toán, khen chê theo những quy ước nhỏ bé của con người.

Thông qua mạng lưới kinh doanh cây cảnh rộng lớn của Tâm An, giờ đã chuyển lại cho các con, tiếng đồn cây lão tùng cổ mộc nghìn năm chuyển đi vừa nhanh vừa xa. Hàng ngày, có nhiều khách bốn phương lão luyện trong nghề kéo về chiêm ngắm. Khu vườn phía Đông của dinh ông Hoàng dần dần trở thành một thị trường trưng bày và đổi chác cây cảnh ngoài dự kiến của chủ nhân. Ngoài khách khắp các miền trong nước, có cả khách tận xứ Phù Tang, Thượng Hải, Nam Dương ghé sang để tận mắt chiêm ngưỡng cây cổ mộc nghìn năm. Người ta bàn đến cây kiểng Việt Nam, cổ mộc của Tàu, “bon sai” của Nhật nổi tiếng xưa nay với tuổi thọ mấy trăm năm chồng chất, nhưng chưa ai thấy được cổ mộc kỳ nam tuổi ngót nghìn năm như thế.

Vốn đã quen với lối sống thương trường trong bao nhiêu năm, Tâm An tỏ ra linh hoạt, lịch lãm trong việc bàn thảo, quyết định với khách hàng và khách đến viếng. Việc kinh doanh nơi góc vườn xa khuất này diễn ra như thực, như hư. Người ta chỉ trao đổi thì thảo rồi kéo nhau ra sau các góc khuất lùm cây để trao tiền, trả giá. Thương trường như đền thánh. Khách sành điệu đến ngắm cây cổ mộc vừa bị thu hút, vừa tỏ thật kính cẩn của dáng vẻ con chiên về trước tượng thánh. Tất cả chỉ mua bán đổi chác quanh đám cây nhỏ. Chưa ai dám đem tiền tài ra lượng giá hay ngó ý mua bán cây lão tùng cổ mộc.

Càng ngày góc vườn càng có nhiều cây cảnh lạ mắt với bao dáng đẹp tuyệt vời. Những cây rừng mọc hoang co quắt trên vách đá núi cheo leo, thời gian chất chùng, oằn mình sống cằn cỗi chỉ bằng hơi nước và chất men hầu như cạn kiệt từ trong đá... bỗng trở thành danh mộc và được ưa chuộng một cách bất ngờ. Đã có nhiều nông dân bỏ cày cuốc vào rừng sâu săn cây. Lắm tiêu phu tạm ngừng đốt than, đốn củi để truy tìm cây kiểng. Kiếm được một cây cổ mộc dáng lạ, độ lớn vừa vặn trồng trong chậu kiểng, từ rừng sâu mang về là kể như trúng trăm bảy vụ mùa bội thu.

Tâm An đã tỏ ra có biệt tài về cách xếp bộ, phân loại, đặt tên các loại cây kiểng. Tâm An “Việt hóa” một cách dễ dàng nhưng không kém phần sâu sắc mà ngay cả những nhân vật trong giới cây kiểng cũng phải thừa nhận.

Các trường phái chọn loại hình làm đặc tính tiêu biểu cho cây kiểng, xưa nay quanh quẩn trong các loại hình cổ kính như: Long giáng, Hồ quỳ, Linh xà, Phi điều, Tiên tọa, Kê minh... Hay phái võ đương thì chia thành các thế: Kim kê độc lập, Tiên ông tọa thạch, Võ Tòng đá hồ, Hạng Vũ cử đỉnh, Độc trụ kinh thiên, Xuyên vân yển... Phái biểu đạt tình cảm thì có: Cuồng lưu, Hạ vũ, Phong đầu, Vân tán... Tịch tuông thì có: Huynh đệ động khoa, Phụ tử đăng khoa, Tây Thi tiễn Phạm Lãi, Cao Tiệm Ly tấu trúc, Lữ Bố hí Điêu Thuyền...

Mỗi buổi chiều, khi các mẫu cây kiểng quanh khu vườn phía Đông sắp được xếp vào một vị trí nào đó. Tâm An thường đi quanh và nói với thợ vườn:

Hình thế tích tình phương dụng đạo

Niên hương sắc biến tự chân không.

Lúc đầu chẳng ai hiểu là Tâm An muốn nói gì. Hay có người hiểu như đây chỉ là một câu thơ chữ Nho ngẫu hứng nào đó chẳng ăn nhập gì đến cây cảnh. Nghe hoài thành quen tai. Một hôm, Tâm An giải thích làm mọi người hiểu ra một cách thú vị, rằng:

- Thú chơi cây cảnh là một thú chơi tiêu dao, tao nhã có ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần. Đây là một thế giới thiên nhiên thu nhỏ có một nội dung, một điều sống một phong thái riêng mà đời thường không so được. Người chơi cây cảnh cũng đem hết tưởng tượng, tinh thần và suy nghĩ vào cây như người nghệ sĩ lúc viết văn, làm thơ, họa hình, tấu nhạc. “Hình, thế, tích, tình, phương, dụng, mạo”: Là bảy nét tiêu biểu nhất về vẻ đẹp ngoại hình của cổ mộc. Cây kiểng trước hết phải có hình dáng. Khách chơi cây phải biết ngắm

nhìn và phóng tầm tưởng tượng vào mỗi sự hiện hữu độc đáo của cây để “thấy” được cái hồn, cái phách của cây có diện mạo như thế nào (hình). Tiếp đến là thế của cây. Cây cảnh phát triển thành nhiều thế khác nhau như: Thế chống đỡ, thế xuôi theo chiều gió, thế ẻo lả, thế nói hoài, thế vươn dậy (thế). Sự kết hợp các phần của cây làm cho người ta liên tưởng đến một cảnh gọi hình nào đó trong truyện xưa tích cũ (tích). Cây có thể diễn đạt được cái tình như khao khát, đón mời, trông đợi, quay đi (tình). Có những hình cây sống và hợp ở vùng đất này mà không hợp với chỗ khác (phương). Cây chung trong chậu kiểng cũng được dùng thích hợp cho từng hoàn cảnh. Chậu kiểng chúc thọ khác với chậu kiểng mừng đăng khoa hay vui duyên mới (dụng). Và có những cây kiểng nói lên được tinh thần siêu thoát, chầm phá không dựa vào đâu, như như bất động (đạo).

Giải thích hết câu đầu trong sự lặng yên gập gù của những người xung quanh, Tâm An tủm tỉm cười, chấp tay sau lưng len lỏi đi vào trong những nhóm cây đã chia thành hàng, thành lớp. Có tiếng gọi từ phía người nghe vẫn còn chờ đợi và tiếng hỏi vọng:

- Xin đương chủ vui lòng giải thích nốt câu thứ hai.

Tâm An không vội vàng quay lại trả lời mà lắng hết tâm tư và đôi mắt để ngắm cây kỳ nam cổ mộc. Vẫn mùi hương thoang thoảng phát ra tự nhiên từ thân cây làm tăng vẻ quý phái và tôn nghiêm. Tâm An như quên hết thế giới xung quanh, quỳ một chân trên bệ đá làm nền cho cổ mộc với đôi mắt ướt ngược lên tận đầu cành. Kính cẩn. Đam mê. Và trầm mặc... Cả nhóm, không ai nói với ai một lời, tự động lắng lặng làm theo. Cây bạch tùng cổ mộc kỳ nam hiện ra. Đôi nhánh trắng dưới tàn lá xanh, viền quanh co từ thân trầm đen tuyền. Đôi nhánh bạch tùng vươn ra thâm lặng như đôi bàn tay thánh thiện vô cùng, Tâm An lên tiếng:

- “Niên, hương, sắc, biến, tự, chân, không”: Cây cũng như người. Ngoài vẻ đẹp bên ngoài, phải có hồn phách. Cây có dáng đẹp đã đành, nhưng tuổi càng cao, càng có giá trị (niên). Cây có loại ứ nhựa tiết ra mùi, có loại không. Mùi cây thì nhiều nhưng tự trung có ba: Thanh, trọc và bình. Thanh là mùi thơm dịu như mộc, như lan. Trọc là mùi hăng hắc như sung, như phượng. Bình là có mùi thoảng qua nhưng không rõ ràng nên chẳng ai để ý (hương). Một cây có thể có nhiều màu nhưng toàn thể lại hòa điệu theo một màu nhất định. Cây có lục sắc, nghĩa là sáu màu chính, nhưng chia làm hai bộ: Âm và lạnh. Xanh, lam, trắng là bộ lạnh. Đỏ, tím, vàng là bộ âm (sắc). Màu sắc của cây có loại thường định không thay đổi, có loại thay đổi theo

ngày đêm, thời khắc trong ngày; hay thay đổi theo mùa (biến). Cây càng mang tính độc lập cao, càng có giá trị. Có những loại cây phải cần dựa vào một đối tượng khác mới đứng vững mới có giá trị, mới thấy được mình (tự). Cây cũng như một nhân vật. Có loại xuất hiện đích thực là mình. Có loại của mượn một hình dạng khác. Có loại gốc là thảo mộc nhưng biến thành muông thú. Cây càng giữ được tính gốc của chính nó chừng nào mà vẫn không mất vẻ đẹp, càng được đánh giá cao (chân). Và tuyệt tác của một cây kiểng là khi nhìn vào cây, cây bỗng biến mất. Vì cây mở ra hình tượng một thế giới nhỏ nhưng cao viễn hơn mình (không).

Cao nhất của dáng cây là đạt tới hình tượng siêu thoát của đạo và sâu nhất của hồn cây là đạt tới cảnh không. Người không biến tướng thành một cái gì cao hơn mình là một bị thịt và cây không thoát ra khỏi tầm vóc và chủng loại của nó thì là một khúc gỗ tươi...

Tâm An vừa nói đến đó thì đã nghe tiếng cười khúc khích của thầy Tiều trên đường vác cuốc trở về. Theo sau là Trí Hải và Phạm Xảo. Thầy Tiều lên tiếng trước:

- Hi! Hi! Bất tác bất thực. Không làm không ăn. Tâm An theo cây kiểng, bỏ canh tác nên hôm nay khởi ăn...

Lại đến lượt Tâm An cười giòn tan, vừa cười vừa trả lời:

- Thầy à, xin thầy tha một chút cho đệ tử có lời phân giải đã nào. Thầy có biết là một cây kiểng bé nhất trong góc vườn này cũng đủ cho cả bốn thầy trò chúng ta sống thừa thãi sung sướng trong vài năm không ạ?!

Phạm Xảo nhướng mắt ngạc nhiên:

- Cây kiểng mà cao giá đến thế sao?

Tâm An vừa tìm tay lên cây bạch tùng cổ mộc vừa giải thích:

- Cả cái dinh ông Hoàng và Thái Ấp này còn có giá chứ cổ mộc kỳ nam kia thì vô giá.

Thầy Tiều vẫn không tắt nụ cười, đáp lại:

- Giá trị đo bằng hình tướng là cái thước của ma vương. Ma vương có thể biến hóa con rắn, con chồn thành người đẹp nhưng lại không biến được tâm

hồn từ hung ác sang thánh thiện. Con người thì ngược lại, không đổi được hình tướng những đổi được tâm hồn. Sự thay đổi không phải là một cuộc viễn chinh ô ạt mà tiện tiến như nước chảy đá mòn. Người thì gọi đó là “tu”, người thì gọi đó là dưỡng, kẻ thì gọi là giáo. Tên gọi không quan trọng bằng chính hành động. Chúng ta đang bắt đầu đi tìm suối nguồn đổi thay đó từ chính hơi thở và cái ăn, cái uống hàng ngày. Chúng ta cuốc đất trồng rau vì đã hứa rằng, hễ không làm thì không ăn. Nếu thì đơn giản lấy cái ăn của người khác làm cái ăn của mình thì tâm ta không yên ổn khi sống bằng vay nợ. Tâm không an thì ngồi chơi cũng còn bị bút rút, tìm đâu ra khoảng tâm không thanh tịnh để mà nhìn lại mình. Nói chi đến chuyện tu hành cho xa xôi. Nay Tâm An để hết tâm lực vào việc đổi chác kinh doanh cây kiểng là hướng đến mục đích gì? Vì tiền chăng? Nếu kiếm ra tiền thật nhiều, chúng ta sẽ làm gì tiếp? Xây một dinh thự đồ sộ như dinh ông Hoàng này ngày xưa chăng? Mua một tài sản hàng trăm mẫu ruộng phì nhiêu nhất đặng điền như Thái Ấp này chăng? Chạy chọt cho được một địa vị gần vua như Hoàng thân Trí Hải này đã dùng có chăng? Câu trả lời đã có sẵn trước mắt từ lâu rằng: Chăng đi đến đâu cả! Khi chất keo không còn dính, tòa nhà sập. Đất đến một thời điểm nào đó, đất trở lại đất không. Danh lợi không đeo mãi với con người, người trở về với tay không và chờ ngày hủy diệt.

Tâm An nhìn thầy Tiều buồn bã, hoang hôn ném những mảnh tối trên khu vườn. Khách đã kéo nhau về hết. Chỉ còn bốn người trơ vơ nghe gió đêm về xao xác trong khu vườn. Trong sâu lắng, mỗi người lắng nghe nỗi cô tịch trong lòng mình độc thoại. Tâm An lên tiếng:

- Thừa thầy và nhị vị hiền hữu, giàu có tôi đã từng. Ngày xưa và cả bây giờ, tiền bạc muôn khối tôi chỉ cần búng tay ra là có. Từ mấy ngày qua, tôi mang ý nghĩ là sẽ gây dựng một khu vườn cây cảnh đặc biệt tại góc vườn phía Đông này, khu vườn gồm toàn cây kiểng độc đáo mà từ xưa rày chưa ai từng có. Tôi muốn xây dựng lại dinh ông Hoàng đang đổ nát bằng tiền của chính cây kiểng nơi góc vườn này. Và mục đích sau cùng là muôn biến nơi đây thành một khu vườn Thiền với đủ loài cỏ mộc danh tiếng nhất cho cả nước và lân bang biết danh. Rồi cũng chính nơi đây sẽ là khu thiền viện đẹp nhất mà thiên hạ chưa bao giờ thấy. Suốt mấy ngày qua, khách sành điệu cây kiểng bốn phương đến viếng không ngớt. Không ngờ kế hoạch khởi đầu của tôi lại thành công và trôi chảy dễ dàng như thế. Có lẽ khắp nơi đang được mùa tu. Thầy và quý hữu đi quanh kinh đô mà xem. Vua xây chùa, quan xây chùa, bá tánh xây chùa, tu sĩ khắp nơi kéo về tu học... Các vị cao tăng thạc đức đang đứng giữa huy hoàng đèn đuốc rước. Giữa chốn kinh đô, đường tu thẳng tiến mạnh mẽ và thuận lợi đến như thế, lẽ nào chúng ta lại tự

cô lập trong một ngôi nhà cũ kỹ dùng tạm làm chùa và sống hẩm hút bằng tương rau tự trồng, tự cung, tự cấp nơi cái dinh cơ cũ nát, nghèo khó thế này?

Thầy Tiều dang tay ra không nói lời nào. Vẻ mặt vẫn cười vui như còn đang mãi miết tìm bắt những luồng gió lạ. Đầu thầy gục gặt không ai biết là thầy tán đồng hay bác bỏ ý tưởng của Tâm An.

Chiều về, Phạm Xảo pha một bình chè xanh với những đọt chè non sau vườn vừa mới hái. Giọng thầy ung dung như kể chuyện đời xưa:

- Phật tu đạo và đắc đạo dưới gốc cây bồ đề. Sơ tổ thiên tông, Bồ Đề Đạt Ma, chín năm ngồi đối bóng với bức tường khô khốc để hành đạo. Lục tổ Huệ Năng đến với đạo trong cảnh bồ củi, nấu ăn. Vua Trần Nhân Tông bỏ triều đình lên núi Yên Tử mà tu. Xưa nay, có ai đắc đạo vì chùa to, tượng lớn đâu. Mái chùa là quán trọ của tâm hồn. Chùa là bóng mát nghỉ chân trên con đường tìm đạo chứ đâu phải là suối nguồn của đạo. Đạo ở trong lòng, không ở trong quán trọ. Tâm An đừng mất công loay hoay đi tìm đạo trong những quán trọ vì vẻ hào nhoáng bên ngoài mà quên mất nguồn đạo trôi chảy thâm lặng trong chính lòng mình.

- Nhưng thưa thầy, việc xây chùa, đúc tượng, kinh kệ, thuyết pháp rầm rộ hiện nay có phải là con đường tu đạo đang tới hồi hưng thịnh không?

- Quý lắm! Mái chùa nuôi dưỡng lòng thanh tịnh. Kinh kệ làm vui kiếp khổ đau. Nhà chùa càng xuất hiện nhiều chùng nào, thì nhà tù, nhà chứa, nhà ma... càng biến mất đi chùng đó, nên xây dựng chùa chiền, tu viện là việc làm phước đức.

- Như vậy, nếu có một nhà đại phú, một mình cho xây hàng chục, hàng trăm ngôi chùa, chắc là phước đức sẽ lớn lắm phải không ạ?

- Nếu xây chùa bằng tâm thánh thì người đó sẽ được mười lần phước đức. Nếu xây chùa bằng tâm phàm thì người đó đã gieo mười căn nghiệp chướng.

- Tâm phàm hay tâm thánh cũng đều phải trút hầu bao ra mà chi phí, trang trải. Làm sao để có thể phân biệt được tâm phàm và tâm thánh sau đồng tiền dưng cúng?

- Tâm thánh là cái tâm uyên nguyên thánh thiện trong mỗi con người. Đó là chân tâm, là trí tuệ, là đôi mắt nhìn thấu suốt cái cốt lõi chân thật của con người và vạn vật. Đã không thì đại danh hay vô danh cũng là không. Tâm phàm là tâm chấp. Đã chấp rồi thì từ một lời nói, một ý thoáng qua hay một tư hào đều chấp. Dem tâm chấp để xây chùa là tiếp tay vun bồi cho cái tôi kiêu căng - mà chữ nhà chùa gọi là ngã mạn - ngày một lớn lên thô cứng và dày đặc che khuất cả tâm người, tâm thánh. Họ làm tưởng chùa là Phật hay ảo tưởng Phật là chùa mà quên mất vị Phật rất thật hiện diện trong chính mình. Người ta quen cầu xin lay lục những thế lực ngoài mình, cúng bái những điện đền tận đâu đâu mà chẳng bao giờ đánh lễ cái đền thiêng thầm lặng trong chính mình.

Tâm An thở dài:

- Chao ơi! Thế thì khó quá thầy ạ. Biết đâu là tâm phàm, đâu là tâm Phật để lường đây? Như tôi muốn buôn cây xây chùa thì đó là tâm phàm hay tâm Phật, thưa thầy?

Thầy Tiều lại cười dễ dãi:

- Tâm phàm hay tâm Phật là một, không hai. Khi một người hiểu rõ tỏ lòng thương yêu, giúp đỡ người cùng khổ là đang mang tâm Phật. Cũng người đó mà khi nổi lòng tham lam, thù hận là đang sống với tâm phàm.

- Thế thì tâm thầy là tâm phàm hay tâm Phật vậy?

- Cả hai! Với kẻ đã nguyện đi tu như tôi thì khi biết mình mang tâm phàm bụi bặm, cần phải gội rửa từng khoảnh khắc trong tinh thức và thanh tịnh thì đó là tâm Phật. Khi tự cho mình mang tâm Phật để làm thầy thiên hạ thì đó là tâm phàm. Khi tôi nói và nghĩ về tiền tài, vật chất là để tâm phàm làm chủ. Khi tôi làm và nói những điều phẩm hạnh hay kêu gọi người đời làm những điều đạo hạnh với cái tâm an nhiên rộng lặng thì đó là tâm Phật làm chủ.

Tâm An vái dài:

- Vậy là mấy hôm nay, mỗi ngày tôi đã mang tâm Phật nhiều hơn tâm phàm rồi Thầy ạ. Tay tôi làm, miệng tôi nói năng đôi chác cây cảnh với mọi người, nhưng lòng tôi không khi nào bị xáo động. Tiền nào của đó. Ai phải thì tiếp, ai trái thì thôi. Không vui khi bán được. Không buồn khi ế hàng. Không vội bực mình khi ai chê. Không vội mừng rỡ khi ai khen. Tâm tôi thản nhiên và

phẳng lặng khi trao tiền bạc bán cây cảnh cho nhóm thợ xây dựng thiền đường. Tôi thấy rất rõ là mình chẳng sở hữu gì cả cũng chẳng quan tâm gì đến điều đó. Tôi chẳng cần một đồng xu cho riêng mình.

- Tâm rỗng lặng nhìn chùa thấy chùa. Tâm bon chen nhìn chùa thấy quán. Tâm sân hận ngồi trong chùa mà chẳng biết chùa đâu. Tâm si mê đến chùa vừa để lễ bái cầu xin. Tâm mới là nơi an trú. Chùa chỉ là mái nhà che mưa nắng để tìm về chân tâm. Có chùa, có tâm, chùa như ngôi nhà có chủ. Có chùa, không tâm, chùa là lữ quán qua ngày. Có tâm, không chùa như đi trong nắng hạn mà thiếu mát bóng cây.

Phạm Xảo đi nhặt củi quanh vườn trở lại, nghe Tâm An trần tình, cười thành tiếng:

- Buôn bán ít mà mong tiền nhiều là gianh thương. Buôn bán nhiều mà mong tiền ít là Ba Gám. Buôn bán mà không cần tiền như Tâm An nhà ta là thánh thương, có phải không à?

Tâm An cười đùa theo giòn giã:

- Là “đáng thương” huynh ạ!

- Đúng là đáng thương mà thương không đáng, nên không đáng thương.

- Thương hay ghét thì cũng đã xong rồi.

- Đóng cửa?

- Có cửa đâu mà đóng. Nhưng đã đủ tiền xây nhà thiền rồi thì kiếm tiền nữa để làm chi?

Phạm Xảo “ò” lên:

- Thì ra trên đời này không phải chỉ có một Hoàng thân nhà tôi là người coi đồng tiền như ảo ảnh sắc không mà Tâm An huynh đệ đây cũng vậy. Thế nhà thiền bao giờ khởi công?

- Một cái “chòi thiền” thì đúng hơn. Cái chòi như một cái dù là, trương lên và xếp lại chỉ đơn giản như cất nón chào nhau thôi.

- Có thật sự là phải cần một cái thiền thì tâm thiền mới phát tiết không?

Tâm An đang còn lúng túng với câu hỏi của Phạm Xảo thì thầy Tiều đã lên tiếng giải cứu:

- Mưa ròi là mưa rơi. Nắng dọi là nắng dội. Ca, xang, thiên, ngũ... thì cứ việc ca, xang, thiên, ngũ. Sao lại phải đeo mang nhà cửa vào làm gì cho thêm nặng nề vậy kia?

Tâm An có cảm tưởng như thầy đang đùa với việc làm của mình, nên cố sửa giọng cho chững chạc hơn, lên tiếng:

- Vậy thưa thầy, như thế thì bao nhiêu chùa chiền, thiền viện đều không cần thiết cả sao?

- Tôi không tu thiền theo pháp môn nào, nên cũng chẳng trả lời thay cho ai được cả. Nhưng khi cần thì một hạt cát cũng cần; mà đã không cần thì cả thế giới này cũng chẳng có gì đáng kể.

Sau câu nói của thầy Tiều, Tâm An lững thững đi một mình dưới những tàn cây xanh. Bốc một nhúm cát nhỏ để lên lòng bàn tay, rồi đưa lên ngang tầm môi, chúm miệng thổi nhẹ nhẹ. Dăm hạt cát bay đi mất dạng. Có ai cần một hạt cát. Giữa thình lạng bao la, dường như chẳng ai cần ai. Thế nhưng Tâm An lại chợt buồn khi nghĩ rằng mình vừa đuổi đi, phụ lòng vài hạt cát.

Dáng vẻ thời gian

Người đứng ngoài nhìn vào, đó là một khu rừng nhỏ. Nét xa xăm và cô tịch của dáng rừng tạo nên do những cành cổ mộc mọc rải rác trên đá và trái dài trên những lối đi. Nhìn rừng cây, người ta dễ liên tưởng đến một ông tiên trên núi đi lạc về đồng bằng. Mỗi gốc cây là một dáng xưa cổ từng hoang dã. Mỗi phiến đá như còn bên trong dấu vết rêu phong sương tuyết của rừng sâu.

Hoa kiểng là một thú chơi tao nhã, giàu tính nghệ thuật. Thế giới trùng điệp của núi rừng tự nhiên bạt ngàn được chắt lọc kỹ càng, mang về tô điểm cho khung cảnh nhỏ riêng tư. Núi đồi, khe suối, sông hồ hùng vĩ được thu nhỏ lại thành một thế giới tượng trưng trong một giới hạn nào đó gọi là giả sơn, hay là non bộ. Một hòn giả sơn có thể lớn như khu vườn hay bé bằng nắm tay.

Tâm An đã cho thợ xây mô phỏng theo bức vẽ về một ngọn giả sơn đã được dựng lên từ cả nghìn năm trước. Đó là hòn núi giả lớn nhất trong lịch sử cây

cảnh Việt Nam tên “Vạn Tuế Sơn” của Lý Thái Tông được chế tác năm Mậu Thìn, 1028. Theo sử sách ghi lại, ngọn giả sơn ấy có kích thước cao hàng chục, dài hàng trăm thước.

Theo Tâm An thì trong chòm họ hàng cây cảnh phương Đông, Trung Hoa xứ có lịch sử chơi hoa kiểng sớm nhất. Tiếng Tàu gọi cây kiểng là “bồn tài” có nghĩa là cây trồng trong khay, trong chậu. Nguồn gốc xa xưa của “bồn tài” là đầu óc giàu tưởng tượng và bàn tay trồng tỉa khéo léo của giới cây kiểng. Họ đã uốn nắn, cắt xén, tạo hình cây trồng trong chậu thành hình con rồng lượn, con rắn uốn, con voi nằm, con ngựa phi, con hạc châu, con công múa. Đến khi khuynh hướng tự nhiên có chỗ dựa tri thức của Đạo học và tinh thần thoát tục của Thiền tông thì khuynh hướng tạo hình của cây kiểng cũng chuyên hướng. Thiền hướng con người trở về với thế giới nhỏ trong cái tâm an lạc của chính mình. Nhà tạo hình cây kiểng cũng muốn mô phỏng những cây đại thụ có cành lá rườm rà tỏa chiết cả một vùng thu nhỏ lại như thu nhỏ một vầng trăng trong đáy mắt.

Kiểng Tàu theo chân các thiền sư Trung Hoa du nhập vào xứ Phù Tang trong thời đại Kamakura, cuối thế kỷ XII nhưng mãi đến năm thế kỷ sau khi nghệ thuật cây cảnh mới trở thành một phần văn hóa của xứ này. Cùng một khái niệm “bồn tài” của Tàu, nghệ thuật trồng cây kiểng trong chậu thành “bon sai” của Nhật. Thiền đạo kết hợp với tinh thần võ sĩ đạo của Nhật, nghệ thuật bonsai của Nhật không nhìn cây cảnh qua hoa lá mà nhìn mỗi chậu kiểng như là một tác phẩm nghệ thuật mang tính trầm tư và giải thoát đầy thiền vị. Nhà nghệ sĩ bonsai cũng như nhà điêu khắc hay hội họa, họ tái tạo thiên nhiên, diễn đạt chí hướng, tâm tư và tình cảm của mình bằng chất liệu cây thật. Thiền sư Gukaido của Nhật nhận xét rằng, nghệ sĩ bonsai mới nhập môn thì nhìn cây lá bằng Mắt. Lên một cấp cao hơn nữa thì nhìn bằng khuynh hướng của Ý Thức và “thấm” hơn thì nhìn bằng Tâm và cao hơn hết là nhìn bằng Đạo.

Cây kiểng Trung Hoa thường đi với đá hay tượng, tháp, chùa chiền trang trí kèm với cây. Cây kiểng Trung Hoa là ảnh để ngắm, từ ngoài nhìn vào. Nhưng bonsai là sự thể hiện của cái nhìn từ bên trong nhìn ra. Bonsai tạo ra một thế giới tĩnh lặng cổ sơ, một sự trang trọng của rừng già không vương bận. Mỗi cây bonsai đúng nghĩa tự nó có một linh hồn. Không cần phải dựa vào tượng đài hay điển tích để định nghĩa cho mình. Dù xuất hiện dưới dáng mọc thẳng hiên ngang, dáng nghiêng theo chiều gió, dáng cheo leo bên sườn non, dáng liễu rũ mai gầy, dáng trơ vơ băng tuyết, dáng cô độc kiêu sa... thì triết lý bonsai vẫn bằng bạc phẩm cách trung chính của người quân tử trong

Nho giáo và trong tinh thần Võ sĩ đạo. Cây kiểng bao giờ cũng ở thế tĩnh lặng giữa đời, không bao giờ chồm về phía trước hay cành vươn ra như muôn ôm choàng lấy người xem.

Khi nghệ thuật cây kiểng phát triển về miền Hoa Nam, nắng ấm và sự xuê xòa cởi mở của thiên nhiên và con người miền Nam góp phần vào nghệ thuật tạo hình cây cảnh. Nếu cây cảnh miền Hoa Bắc diễn tả hết vẻ đẹp chấm phá của mây khói và sương tuyết thì cây cảnh miền Hoa Nam diễn tả sức sống vừa gần gũi với khái niệm đời thường; nhưng cũng đầy vẻ cổ kính và trang đài của tạo vật.

Nghệ thuật cây cảnh miền Hoa Nam du nhập vào Việt Nam rất sớm. Giới nghệ nhân cây cảnh xứ Việt không thoát ly dòng lịch sử và thực tại của giang sơn đất nước mình. Như được un đúc từ tâm lý chống đỡ truyền đời sự xâm thực của những nguồn văn hóa ngoại lai và sự xâm lăng của những thế lực phương xa tràn tới, cây kiểng Việt Nam vô hình chung mang dáng vẻ chống đỡ nhiều hơn là chấm phá và thoát ly. Những khuynh hướng tạo hình cây cảnh phổ biến và được ưa chuộng là “Lấy nặng chống trời” (Độc trụ kinh thiên), Ba cây chụm lại thành hòn núi cao, Hòn vọng phu, Thác đổ, Bó con lên đường (Phụ tử đăng trình)...

Mãn Nguyệt Am - nhà nhỏ đầy trăng - là tên mà Tâm An tự đặt cho nhà nhỏ ở góc vườn cây cảnh phía Đông vừa mới hoàn thành. Nghe tên, Phạm Xảo cười ngất và hỏi:

- Gặp đêm ba mươi không trăng sao thì gọi là gì?

Tâm An cười theo, thêm vào:

- Ô! Thì gọi là U minh Cốc!

Phạm Xảo vỗ tay khoái trá:

- Ba mươi trời tối: U Minh Cốc.

Giữa tháng trăng đầy: Mãn Nguyệt Am.

Đến lượt Tâm An nắm tay Phạm Xảo cười hề hề nhưng không giấu được nỗi xúc động tình cờ:

- Hai câu, hai ý, hai tên đối nhau chan chát. Hay quá là hay huynh tướng ông ạ. Cái nhà như lòng người: Vui buồn, sáng tối, gần xa, ấm lạnh... đều xuất phát ra từ một cõi chung.

Cái tên Mãn Nguyệt Am dành cho ngôi nhà không phải phát xuất từ ngẫu hứng mà từ hiện thực.

Với sở trường kinh doanh nghệ thuật cây cảnh dày dặn, Tâm An đã sưu tầm được những loại cây kiểng quý hiếm cùng lúc với việc dựng nhà chỉ trong vòng một tháng. Cái nhà thật ra chỉ là những khung thủy tinh màu hay trong suốt được sản xuất và đóng khung tạo Phường Đúc. Tâm An nắm vững được kỹ thuật chế tạo và pha màu thủy tinh của ngành đúc kim loại và nghề gốm quanh vùng Thành Lôi, Phường Đúc nên có khả năng hoàn toàn chủ động sản xuất những tấm thủy tinh có độ dày và màu sắc theo ý muốn.

Chủ ý của Tâm An là dựng một thiên thất theo kiểu “vô môn quan”, nhà mà chẳng có nhà; cửa mà không có cửa. Tường và mái của thiên thất là những mảnh thủy tinh có màu sắc chìm lẫn trong cây cỏ. Có chỗ trong suốt để nhìn ra cây cảnh thiên nhiên rữ bóng quanh nhà. Bước vào thiên thất, khách thoát nhìn sẽ không có cảm giác là mình đang bước vào nội thất mà thấy mình đang bước vào một thế giới nhỏ. Những chậu kiểng được thiết trí theo lối phát triển tự nhiên. Có chậu xếp sâu bên trong, có chậu rữ lá bên ngoài. Những cây cỏ mộc lâu năm, do những nghệ nhân kỳ lão trực tiếp tự tay uốn tía tài tình theo đủ mọi khuynh hướng cây cảnh. Những hàng cây lớn bé được xếp đặt một cách khéo léo và tự nhiên mang hình tượng rất gần với khu rừng đại lão. Cây kiểng tạo ra một thế giới cổ kính. Một thế giới nhỏ nhắn về kích thước nhưng trải dài, mở rộng trong tầm nhìn và sâu lắng trong cảm xúc. Cây Kỳ Nam Cổ Mộc chiếm một vị trí đặc biệt nơi thiên thất. Giữa rừng cây kiểng đàn em và con cháu, cây cổ mộc vừa có dáng uy nghi của người thống lĩnh, vừa có dáng hiền hòa trầm mặc của một ẩn sĩ đã gác hết chuyện đời vào kho cổ sự.

Đêm nguyên tiêu, trăng đẹp như muốn mở cửa trút hết ánh sáng xuống tràn mặt đất. Bốn người trong ngôi nhà có thể nghe được cả tiếng thở của người kia nhưng khó thấy nét mặt của nhau. Cây kiểng lọc trăng thành một rừng hoa với điểm sáng chen bóng lá che khuất mặt người. Thầy Tiêu nhận xét:

- Trăng đẹp quá và kiến trúc ngôi nhà khéo quá. Nhưng để làm gì với ngôi nhà này?

Hơi chững lại trước câu hỏi gần như vô tâm của thầy Tiều, Tâm An cố giải thích nhưng không tin lời nói mình sẽ có một tác dụng nào khác hơn:

- Thì nhà thiền là để tu thiền chứ để làm gì nữa đâu, thưa thầy.

Chẳng nhìn quanh ngôi nhà mới, mắt thầy Tiều hướng về một cõi riêng từ trong dòng suy tưởng của thầy:

- Nhốt trắng trong lòng kiếng cũng như nuôi chim trong lồng son; có bóng, có ảnh, nhưng không có hồn. Trắng thật đó mà không phải là trắng. Chim thật đó mà không phải là chim. Trắng là trắng của muôn phương. Chim là chim của bầu trời tự do. Thiền là hơi thở giao hòa với vũ trụ; thiền là cái tâm này hòa quyện với đất trời... Tâm An dựng cái nhà cây kiếng này giỏi lắm, đẹp lắm. Nếu chỉ vì nhà đẹp mà vào đây ngồi thiền thì sẽ mất mạng không chừng...

Tâm An tròn mắt hỏi dồn:

- Thầy! Thưa thầy, thầy vừa nói... vào đây ngồi thiền thì sẽ mất mạng không chừng có nghĩa là... sao?

Thầy Tiều lại cười, tiếng cười đôn hậu làm Tâm An hơi yên lòng. Thầy nói với giọng đùa vui:

- Hi! Hi! Nhà đẹp thế này mà rủ nhau vào đây ngồi xếp bàn, nhắm mắt thì sẽ chẳng thấy gì; ngồi trong nhà đẹp mà chẳng thấy thì có khác gì ngồi ngoài đường. Nếu mở mắt để nhìn ngắm khu rừng cổ mộc hùng vĩ xinh đẹp này và bị thu hút vì vẻ đẹp nhân tạo của nó thì lại nương theo cái giả để tìm cái thật. Thiền là một cuộc hành trình gian nan đi tìm cái thật: Cái thật của chính mình mà giới sách gọi là “bản lai diện mục” và cái thật trong chính mình mà hàng sách đạo gọi là “minh tâm kiến tánh”. Ngõ vào thiền không phải trụ ở nhà thiền mà có muôn vạn nẻo. Cửa thiền đúng nghĩa là chiếc thuyền làm bằng cái tâm không rộng lặng. Buồm là sự chuyên tâm thiền định. Gió là năng lực tu tiến riêng của mỗi con người. Thuyền đi nhanh hay chậm, có về bến được hay không còn tùy vào cả ba sức mạnh tổng hợp là thuyền, buồm và gió. Thuyền có nhẹ nhàng lướt sóng hay bị sóng ngầm nước xoáy cuốn hút giữa chừng, buồm có giương lên đón gió và gió có hay không... Tâm An quý hữu à, nhà này đẹp lắm, nhưng chỉ là bến đợi nghỉ chân thôi. Nó không phải là thuyền, không phải buồm mà cũng chẳng phải là gió.

- Thầy ví von hay lắm, nhưng thầy chưa nói rõ vì sao lại có thể bị “mất mạng” trong ngôi nhà này?

- Mất mạng không phải là vấn đề chết sống. Mất mạng đối với một hành giả của thiền là ngồi trên thuyền đang trôi mà tự cho rằng mình đã tới bến. Nếu lại được trú trong ngôi nhà đẹp đẽ này nữa thì rất dễ bị khung cảnh rừng cây kiểng cổ mộc trang trí quanh đây tạo ra một cảm giác núi rừng kỳ tú ảo tưởng. Một thiền giả học thiền mà cứ ngỡ mình đắc đạo sẽ thuyết giảng những điều đang tìm bằng cái giọng chí tôn của hàng giác ngộ. Ngộ lắm! Quý hữu ạ. Cũng thế, sự mất mạng đối với một người hành thiền là mang ảo tưởng mình đã đạt được chân thiền chỉ bằng khối kiến thức về thiền đã học trong sách vở. Nếu người đó cũng được ngồi trong ngôi nhà đẹp đẽ này nữa để tu thiền thì sẽ lạc vì thiền sẽ trở thành ly rượu thánh. Rượu thánh làm say men cứu rồi. Thiền giả chưa có công phu thiền định thường say đắm trong cơn men cứu rồi của chính mình. Từ đó, ngồi trong nhà thiền để tìm đường giải thoát chẳng khác gì con chim tìm bầu trời cao rộng trong chiếc lồng son. Như thế, thay vì tìm về, tìm lại... thì người ấy càng ngày càng đi xa mất hút. Đi xa mất hút cõi về của chính mình cũng là một hình thức ly thân... mất mạng.

Tâm An hỏi lại:

- Không lẽ thầy bảo phải đứng đường, đứng chợ để tu thiền mới dễ tìm được nẻo thiền sao?

Thầy Tiều lắc đầu:

- Tâm thiền thì mọi việc đều thiền. Khi cần thì vào chùa, khi có việc thì ra đứng đường đứng chợ, khi đói thì ăn, khi khát thì uống, khi mệt thì nằm ngủ... đều có khả năng thiền định, chẳng khác gì nhau khi tâm không thay đổi.

- Vậy thì thưa thầy, thầy đang làm gì đây?

Thầy Tiều trả lời gọn lỏn mà cũng đầy xác quyết:

- Thiền!

- Nhưng thầy đang nói chuyện mà?

- Thì nói chuyện bằng tâm thiền.

- Nhưng chính thầy vẫn thường nói là thầy chẳng biết thiền là gì cả, chẳng quan tâm về thiền mà chỉ có định tâm thôi?

Thầy Tiêu chẳng buồn để ý câu hỏi hay trả lời mà lại hát vu vơ một mình. Tâm An đưa cả hai tay lên khỏi đầu ra dáng thất vọng:

- Thầy ơi! Đang nói chuyện nửa chừng thầy lại bỏ lửng để hát vu vơ. Có lý nào đó cũng là thiền nữa sao?

- Chánh thiền!

- Thầy đang tỉnh hay mơ?

- Tỉnh!

- Thiền?

- Thiền!

- Sao việc gì thầy cũng vừa cho là thiền và lại vừa phủ nhận tính thiền của nó dễ dàng vậy?

- Tâm An nghĩ thiền thì nó là thiền; nghĩ nó không phải là thiền thì nó không phải là thiền. Thiền không phải là tên gọi. Thiền là một trạng thái sống thật, sống tận cùng với nguồn suối bao la của chân tâm: sống mở tung mọi cánh cửa cao viễn của trí tuệ và đập vỡ mọi khái niệm thông thường để tự giải thoát sự trói buộc của cảm giác.

Không nói, không hỏi gì thêm. Tâm An ra trước ngõ xoay xoay tảng đá có ghi hàng chữ “Mãn Nguyệt Am” và đẩy mạnh xuống chân đôi. Tiếng đá chạm vào đá lục cục như một câu kinh thật không lời.

Ngôi nhà thiền của Tâm An có cái tên rất gợi hình đã theo biển đá lăn xuống đồi. Cái nhà tự đặt tên cho nó theo cái “dụng” tùy lúc. Giữa mùa trăng, ngôi nhà thủy tinh là nơi đẹp nhất để đón trăng nên được gọi là Nhà Trăng. Mỗi tháng đôi lần, ngôi nhà được chọn làm nơi tập thiền và nói chuyện thiền thì gọi là nhà trăng. Và thường khi căn nhà là chỗ lý tưởng để uống trà nên lại được gọi là Nhà Trà.

Khi ngôi nhà thành Nhà Trăng thì chỉ có bốn người là Trí Hải, thầy Tiêu, Phạm Xảo và Tâm An tới viếng. Người ít nói nhất trong nhóm Nhà Trăng là

Trí Hải. Tâm An đi từ thắc mắc đến ngạc nhiên khi điếm lại ngày tháng qua. Ngôi nhà lập trên dinh cơ của Trí Hải mà chủ nhân chưa hề hỏi han đến. Trí Hải có mặt giữa mọi người nhưng chưa bao giờ góp ý khen chê. Đợi mãi đến một ngày, Tâm An mới lên tiếng:

- Thưa Hoàng thân, Nhà Trắng dựng trên mảnh vườn phía Đông đẹp nhất của tôn huynh, nhưng chưa hề được nghe ý kiến nào của huynh cả. Vậy là thế nào?

Trí Hải nhìn sâu vào mắt Tâm An và trả lời nhỏ nhẹ:

- Ngôi nhà đẹp thì đã có thầy Tiều khen. Vườn cây quý thì đã có Phạm Xảo khen. Tôi không thấy đẹp nên không khen, đơn giản thế thôi.

Tâm An hỏi một cách kiên nhẫn:

- Ngay cả cây kỳ nam cổ mộc tuổi cả nghìn năm mà huynh vẫn không thấy đẹp hay sao?

- Không.

- Tại sao?

Trí Hải trở nên dăm chiêu trước tiếng hỏi “tại sao” vừa chân thật, vừa xót xa của Tâm An. Trí Hải nhìn về phía một chân trời quá khứ, hỏi lại mà chẳng hỏi ai. Hỏi như hỏi băng quơ một màu trắng ký ức:

- Vì sao? Vì hơn ba mươi năm trước, cùng trên chỗ đất này, những chậu kiểng đẹp nhất một thời cũng đã được đặt lên thành núi thành đồi như hôm nay. Tâm An à, ngày đó, tôi còn trẻ lắm. Với uy quyền đang lên của một ông Hoàng phò hoàng tử Cảnh, vị hoàng đế tương lai vừa ở Pháp mới về, tôi nghĩ là thế giới chung quanh cũng phải phủ phục dưới chân mình. Thay vì đi tìm tạo vật thì tôi lại bắt tạo vật tới tìm mình. Thay vì mình phải sống cho đời thì tôi muốn đời phải sống cho mình...

Không nghe lời nói tiếp, Tâm An giục:

- Bằng cách nào?

- Bằng mọi cách. Thuở ấy, tôi muốn đuổi thời gian ra khỏi đời mình bằng cách truyền lệnh cho tất cả gia nhân và hộ binh trong nội phủ không được để

cho một lá vàng rơi xuống đất: phải che khuất bình minh và hoàng hôn sau rừng cây hay sau những bức tường cao ngút mắt. Tôi không cho phép đêm tối và ngày qua tự do đi về bằng ánh đèn hay bóng mát. Tôi đã vây màn đọc sách suốt mười năm để tìm những tư tưởng cao xa của người đời hợp với khẩu vị riêng mình và giải thích cho những vấn nạn do mình đề ra. Tôi đã xây dựng mình thành nhân vật trung tâm và muốn tất cả đều phải quay theo bánh xe đặt định của mình. Nhưng thực tế khách quan đã bỏ tôi lại đằng sau để quay ngược lại. Những núi sách tôi đã đọc, những tư tưởng Đông Tây có con đường riêng của nó. Khi nhận ra điều này thì đời đã muộn. Cả ức triệu trang sách không giúp tôi hiểu được mình bằng tiếng gáy của con gà trong đêm khuya. Tiếng lao xao nghìn năm của bách gia chư tử không làm tôi sáng hơn bằng vài ba câu nói đơn sơ và nụ cười cùng sự im lặng của sư Trúc Lâm.

Tâm An nôn nóng:

- Tại vì sao?

- Lại vì sao! Vì không có ai ngoài chính mình phải tự bước đi trên đôi chân của chính mình để tìm ý nghĩa của đời sống và tìm lại chính mình cả huynh đệ ạ.

- Sư Trúc Lâm đã thẳng yên cương cho Hoàng thân lên ngựa, ra roi đi tìm nghĩa sống chăng?

- Không, sư chẳng làm gì cả ngoài đôi lời giải thích lối đi.

- Đơn giản đến thế sao?

- Đơn giản như một cơn sấm sét xảy ra trong nháy mắt đập vỡ tan tành những lâu đài thành quách tưởng như sừng sững kiên cố muôn năm.

- Lâu đài thành quách... ý đại huynh muốn nói là...

- Là những ý niệm cũ kỹ ẩn tàng trong những khái niệm lâu đời.

Tâm An cố nói lớn hơn một chút:

- Huynh ơi, mình đi xa quá, lạc rồi.

Trí Hải nhắc:

- Không, chúng ta đang trên đường mà.

- Thế mà huynh vẫn chưa trả lời là tại sao huynh không thấy cây kỳ nam cổ mộc và vườn cây kiểng này là đẹp.

- Vì tôi nhìn từ bên trong nên muốn đem nhà lên núi hay tự mình rời nhà lên núi chứ không muốn mang núi về nhà. Khi rời nhà lên núi, tôi chỉ là tôi đơn độc và nhỏ bé đang đối diện với vô cùng nên tôi rung động vì tìm được cái đẹp thật. Ngược lại, khi tôi rời núi về nhà là đang dùng trí tưởng tượng để đánh lừa chính mình một cách có ý thức. Tạo dựng những hòn núi giả và những cây kiểng uốn éo, cắt tỉa đủ hình thù làm cổ mộc nuôi trong chậu kiểng là dùng tưởng tượng để đánh lừa. Lừa người nhìn hòn núi thật qua hòn núi giả. Cho nên, cái đẹp chân thật nhìn từ bên trong đã mất đi và chỉ còn lại cái đẹp đáng vẽ bên ngoài.

Tâm An đứng vụt dậy, ngửa mặt lên trời cười khan, cười vuốt mắt, cười sáng sặc trước sự ngỡ ngàng của mọi người. Giọng lạc đi trong tiếng nấc, Tâm An nói như gào lên:

- Cháp, chấp! Phá chấp, phá chấp! Cháp từ trong ra ngoài; chấp từ dưới lên trên; chấp nhất, chấp nhị, chấp tam... chấp ức triệu hằng hà sa số! Thế mà cứ mở miệng thật là “tâm không, phá chấp”! Có thể nào con người lại từ đánh lừa mình tài giỏi đến thế sao. Thừa thầy, thừa chú đại huynh, tôi biết tin ai, biết bám víu vào ai cho phần đời còn lại của mình đây? Thầy dạy phá chấp, sao thầy không coi cái nhà vườn nhỏ bé này cũng chỉ là một hạt cát dưới chân thầy. Thầy sợ cái đẹp của nó mê hoặc lòng người. Cái hình tướng bọt bèo của thế gian này vẫn còn quan trọng đối với thầy đến thế sao? A! Lại nữa... thừa Hoàng thân tôn huynh, huynh đã mất công vô ích để chẻ cái đẹp bên trong, bên ngoài rạch rời như chẻ sợi tóc làm tư. Huynh đã nghe được tiếng gáy của con gà trong đêm vắng; huynh đã bừng tỉnh ngộ trong ánh phong quang của nhà sư Trúc Lâm. Huynh tự đánh lừa mình. Sao huynh không đem núi vào tâm huynh, đem hòn huynh lên núi mà phải sợ hãi cái giả, cái chân đã chất lớp thành định kiến trong tâm hồn huynh. Huynh vẫn ngày lại ngày ngồi trên chiếc chiếu của pháp quan để chắt lọc những vẻ đẹp thiên thân hay quý sứ mà tự nó không có. Có cái đẹp nào lại chẳng về không, có cái hình hài nào mà không giả hợp? Sao huynh không coi cái thế giới quanh huynh chỉ là đám mây chó (vân cầu) của duyên hợp, duyên tan?! Cuối cùng, người ta gào nhau tấn công cái “phá chấp” mơ hồ, để đào móng xây dựng cái thành lũy “phá chấp” có tường có khóa.

Trước khi Tâm An kịp kếp sợi dây buộc những khung thủy tinh lại với nhau kết thành ngôi nhà để phá hủy một công trình đầy mồ hôi và thao tác của chính mình, Phạm Xảo đã dang tay níu lại. Tâm An ôm mặt chạy xuống đồi, Phạm Xảo chạy theo sau. Tiếng chân giẫm lá làm xao động cả ánh trăng rằm vàng vạc...

Sáng hôm sau, không hẹn mà cả bốn người lại có mặt thật sớm nơi khu nhà vườn thủy tinh. Nắng chưa lên mà ráng trời phương Đông đã chuyển từ tím sang hồng.

Tâm An, trong bộ áo quần nâu bạc màu, tay cầm chiếc nón lá rộng vành và cái tay nải màu lam trên vai đến cúi mình thi lễ thật thày Tiều, Phạm Xảo và Trí Hải. Với giọng nói nhỏ nhẹ đầy xúc động, Tâm An nói lời cảm tạ và xin phép ra đi:

- Thưa thầy và hai huynh, lần này là lần thứ hai và chắc cũng là lần cuối của đời mình, tôi biết mình không có duyên tu học nên đành phải ra khỏi cổng chùa. Cho dù ngôi chùa có thầy và có hai huynh không có cổng, không có nhà nhưng đối với tôi đây vẫn là ngôi chùa thâm nghiêm nhất. Ngôi chùa không xây bằng sắt đồng, vôi gạch mà xây bằng chất keo của những tấm lòng. Tấm lòng của những chính nhân trong một xã hội đầy đầy những “ngụy chính nhân” giả làm chân quân tử! Lý do tôi rời thầy và hai huynh thật là đơn giản: tôi không thấy được đốm sáng nào ở cuối con đường tu học để tìm phương giải thoát. Ngày lại ngày, chúng ta phải đổ mồ hôi để đổi lấy miếng ăn. Thầy thì tạm trú trong một ngôi nhà lâu ngày bỏ hoang. Hai huynh thì sống qua ngày trong một lâu đài cũ kỹ lâu năm đang đến hồi đổ nát...

Phạm Xảo ngắt lời:

- Như vậy là Tâm An ra đi vì không chịu nổi cái nghèo?

Tâm An lắc đầu hỏi lại:

- Cái nghèo nào?

- ?!

- Tôi chưa rõ ý huynh muốn nói đến cái nghèo vật chất hay tinh thần?

Phạm Xảo trả lời:

- Hình như Tâm An đã nói rõ là cái nghèo vật chất.

- Không huynh ạ. Chính tôi đã tình nguyện tìm đến cái nghèo vật chất. Tôi đã giao lại một sự nghiệp giàu sang không vào hàng bạc nhất thì cũng bậc nhì của xã hội này cho vợ con tôi để đến đây cuốc đất trồng khoai lo miếng ăn với quý vị. Cũng như ngay phút này nếu cần, đem bán đi cây kỳ nam cỡ mộc không thôi chúng ta cũng đủ để thành hàng đại phú.

- Thế sao Tâm An vừa nói trong cảnh nghèo nàn của thầy Tiều ở chùa rách; cảnh Hoàng thân ở trong dinh cơ đồ nát làm cho Tâm An không thấy được đốm sáng cuối đường?

Tâm An xua tay:

- Nếu nghĩ vậy là chư huynh đã hiểu lầm ý tôi rồi. Thời còn trẻ tuổi, lý do tôi đã bỏ chùa ra đi sau mấy năm ở chùa vì chùa quá giàu và quý thầy trong chùa có quá nhiều tiếng tăm và quyền thế. Ngôi chùa Từ Lâm nơi tôi tu học đạo đó được giới quan viên triều đình và hàng tín đồ giàu có thường xuyên lui tới. Tiền bạc, vật chất dâng cúng tại chùa ngày lại ngày rần rần, rộ rộ ra vào không ngớt. Vị thầy trụ trì dường như không có cả thì giờ riêng tư cho mình. Khách thập phương bên trong chưa kịp cáo lui, khách ngoài đã tới. Thầy tôi vốn là một vị danh tăng, một nhà Phật học uyên bác của đất Thần Kinh. Nhưng quyền lực và tiền bạc đã làm thầy thay đổi. Giới quan chức triều đình đã đặt thế quyền lên vai thầy. Giới kinh tế giàu có đã đặt tiền bạc vào tay thầy. Thầy trở thành một trung tâm quyền lực. Một tiếng nói, một lời gởi gắm của thầy với Quan thượng thư, với ngài tổng đốc có thể làm mất chức hay tạo địa vị cho bao nhiêu quan quân lớn nhỏ đến nhờ vả cầu xin thầy. Sẵn tiền bạc, ngoài việc phong tăng, thay chùa, lập đền, xây miếu vô tội vạ, thầy còn tài trợ cho cả những hoạt động dân gian chẳng liên quan gì đến đạo pháp. Tôi là đệ tử hầu cận của thầy. Tôi có mặt thường xuyên bên thầy để thấy rõ rằng, địa vị thế quyền của thầy càng tăng thì đức độ, đạo hạnh của thầy càng xuống. Ánh mắt từ ái của thầy càng ngày càng đanh lại. Âm hưởng tiếng câu kinh thanh thoát của thầy mỗi ngày một luyên láy ngân nga hơn, nhưng lại máy móc và vô hồn hơn. Lời thuyết pháp của thầy ngày một hùng hồn đanh dạn, được quần chúng tham dự ngày một đông với bao lời ca ngợi nhiệt thành, nhưng linh hồn đạo vị trong lời nói pháp của thầy ngày một nhạt. Khó người quyền thế càng tôn xưng thầy là thánh tăng, thì những đệ tử thâm lặng trân quý thầy như tôi lại càng thấy tính chất phàm tăng của thầy dần dần hiện rõ... Cho đến một đêm thầy đang ngủ, tôi quỳ khóc dưới chân thầy suốt nửa đêm về sáng, rồi đánh lễ thầy và lặng lẽ bỏ

chùa Từ Lâm ra đi. Có lẽ đối với thầy ngày đó, sự vắng mặt của tôi bên cạnh thầy cũng không đáng quan tâm hơn một con dơi nướng nấu trong chùa rồi tổ bỏ đi...

Nhìn nét buồn hiềm hoi trên khuôn mặt thường khi hoan hỷ của Tâm An, Phạm Xảo hỏi một cách ái ngại:

- Vậy thì lý do chính trong quyết định bỏ thầy và anh em mà đi lần này là gì?

Giọng Tâm An trả lời như một ngọn sóng trào, như một lời oán trách:

- Vì ích kỷ.

Phạm Xảo ngạc nhiên hỏi dồn:

- Ai ích kỷ? Tâm An có thể nói rõ hơn được không?

- Tất cả. Tất cả đều ích kỷ nhưng lại giấu sự ích kỷ của mình bằng đủ hình tướng mà cách đơn giản nhất là giấu sau mặt nạ vị tha.

- Vẫn chưa rõ ràng gì cả.

- Mọi cái tâm còn chấp sự tốt xấu, hay dở, hơn thua, cao thấp... là còn phân biệt ta với người. Trong đó, cái ta bao giờ cũng hay hơn, có lý hơn, cao thượng hơn, đạo đức hơn, nhân nghĩa hơn... Cái ta lớn đến thế thì làm sao mà xả bỏ cho được. Người ta nói đến tâm không, nói đến vô ngã, nói đến đừng dính mắc. Nhưng cái đầu buông, cái miệng buông, cái tay buông, cái chân buông còn cái tâm thì vẫn khur khur dính chặt bằng cách này hay cách khác.

Thầy Tiêu và Trí Hải vẫn im lặng ngồi nghe, chẳng có dấu hiệu đồng tình hay phản đối. Chỉ có Phạm Xảo là vẫn lên tiếng với Tâm An:

- Như thế có nghĩa là Tâm An bỏ đi vì thầy Tiêu và anh em ở đây còn vị kỷ, không biết đánh giá đầy đủ ngôi nhà thủy tinh và khu vườn kiếng mà Tâm An đã bỏ công sức xây dựng phải không?

- Như thế nhưng lại không hẳn thế vì tôi coi nhà kiếng, vườn cỏ mộc và những gì có trong tay cũng chỉ là một phần sinh hoạt nhỏ trong đời sống. Tôi bỏ lại sự nghiệp giàu sang không một chút lưu luyến, nhưng cái tâm tôi vẫn

chưa bỏ nên vẫn còn nhắc lại nó với chút tự hào trong những ngày thiếu thốn mọi bề. Tôi đến đây là chỉ mong được giữ sạch những lớp bụi đó đi. Tôi đã nguyện rằng, tôi không tu để thành tiên thành Phật mà để thành người. Một người bình thường tìm hạnh phúc trong cuộc đời thường. Tôi quyết đi cho đến lúc nào tôi coi những bữa cơm rau muối là bữa ăn tự nhiên của mình. Tôi và bát cơm là một. Tôi ngon với cơm và cơm ngon với tôi. Cho đến khi nào bung bát cơm trên tay, cơm đưa vào miệng, cơm chạy vào bụng để nuôi sống thân thể tôi và tôi được sống nhờ cơm để cảm thụ được hết cái ngon của cơm. Không liên tưởng đến một bữa ăn khác, không so sánh bất cứ bữa ăn đâu với bữa ăn này. Những ngày qua tôi cứ ngỡ là đã quên được rồi. Khi cần miếng ăn, tôi cuộc đất tự nhiên như thở. Khi cần tiền xây nhà thiền, tôi mua bán cây kiềng để lấy tiền. Khi đủ tiền rồi tôi chằm dứt không một chút hàm muốn hay dây dưa thêm bớt. Đến đây, có thầy, có nhị vị tôn huynh, một nghĩ tâm mình đã tìm được con đường an định.

Tâm An ngừng lại như cố nuốt hết những xót xa đang trào lên, dâng lên. Phạm Xảo mở thêm ý:

- Nhưng rồi sự an định đó bay mất vì thầy Tiều và Hoàng thân Trí Hải không phải là những nhân vật mà Tâm An kỳ vọng phải không?

- Vâng, tôi rất buồn khổ và thất vọng để nói lên điều này. Thầy Tiều chẳng phải một cao tăng như tin đồn mà trước mắt tôi, thầy cũng chỉ là một người thường, cũng cảm nhận và chấp trước như bao nhiêu người khác. Và hoàng thân Trí Hải cũng chỉ là một nhân vật bình thường như mọi người chứ không phải là bậc tài cao học rộng như tôi từng nghe danh và ngưỡng mộ.

Phạm Xảo lắc đầu:

- Khó thật! Làm sao tìm được tiên thánh giữa đời trần. Tôi có cảm tưởng như Tâm An mãi mê đi tìm một tin đồn hơn là muốn tìm một nhân vật bằng xương bằng thịt.

- Huynh à, thường có lửa mới có khói. Có người, có chuyện thật mới có tin đồn. Như ngày trước cây kỳ nam cổ mộc cũng chỉ là một tin đồn có lẽ như huyền thoại, nhưng thực tế là hôm nay tôi đã tìm thật được nó.

- Con người vốn sinh ra đã không giống nhau. Cái hiểu, cái cảm của mỗi người lại khác xa nhau nhiều hơn. Như cây kỳ nam cổ mộc đối với Tâm An và giới chuyên môn săn tìm cây cảnh quả là quý hiếm thật, nhưng dưới mắt tôi và đối với nhiều người khác, nó cũng chỉ là một cây bạch tùng già nua,

còm cõi, thương tật, sống sót lây lất đâu đó qua bao ngày trên núi đá vôi hoang dã, chẳng có giá trị gì hơn một cây trầm, cây chổi.

Tâm An thất vọng ngồi phệt xuống đất, tròn xoe mắt hỏi lại:

- Có thể như thế sao huynh? Có thể con người thui chột đến độ không nhìn thấy báu vật thiêng liêng như cây kỳ nam cổ mộc đang hiển hiện ở trước mắt người ta sao?

- Con đom đóm nó sáng về đêm, con bướm vàng nó sáng ban ngày; mèo là bạn của người nhưng là hung thần của chuột. Chẳng ai đại dột để bận lòng hỏi vì sao như thế...

Nặng lên trần nội cỏ. Dứt lời đã lâu mà vẫn chưa nghe thầy Tiều hay Trí Hải lên tiếng, Tâm An quay về phía thầy Tiều, ngó ý:

- Xin bái biệt thầy. Xin thầy cho tôi một lời khuyên trước lúc chúng ta chia tay.

Thầy Tiều cười, nụ cười dễ dãi và bình dị, với phong thái thân ái và khoan hòa, thầy đặt tay lên vai Tâm An và nói:

- Thời gian không giới hạn nên chám dứt cũng có nghĩa là bắt đầu và đưa cũng là đón. Nếu quý hữu đến tìm một người thường đi tu thì có tôi ở đây. Nhưng nếu quý hữu đi tìm một thiền sư hay một cao tăng nào đó qua lời đồn đãi thì chẳng có ai đây cả. Quý hữu vừa ngó ý cần một lời khuyên thì tôi xin chia lời tôi khuyên chính bản thân mình: Dù trong hoàn cảnh nào, hay trên cương vị nào cũng phải làm một người ngay thẳng.

Tâm An quay về phía Trí Hải, nhưng chỉ thấy bóng vị Hoàng thân và Phạm Xảo đang lững thững xuống đồi. Bóng họ trải dài dưới ánh nắng mai đang lên như hai bàn tay vẫy chào mà không bao giờ nắm được.

---o0o---

Chương 14 - Cầm Châu

Thời kỳ quốc tang và hiếu tang vua Gia Long đã mãn. Kinh đô vương triều bắt đầu trở lại nếp phồn hoa cũ. Phẩm phục đại triều lóng lánh phản chiếu làm nổi bật màu đỏ màu vàng chói lọi đang được phục hồi và trưng bày trở lại trong khắp Đại Nội. Áo kép, áo đơn của quan, quân, cung tần, mỹ nữ...

lượt là thêu thùa hoa gấm; những bộ quần áo kiểu cách tân thời và đồ trang sức quý giá tung hô khoe sắc bắt đầu xuất hiện trở lại để bù cho những tháng ngày cuộn mình nằm im trong rương, trong tủ.

Không khí ca xướng rộn ràng. Ca hò, hát dạo, tuồng cổ hồi sinh và phát triển như những cơn nắng mới reo ca sau mùa mưa âm u. Thể loại sân khấu trình diễn phổ biến và được ưa chuộng nhất là hát bội. Sự lôi cuốn và hấp dẫn của hát bội mạnh đến độ làm cho người ta lo sợ:

Trông trâu trông lợn dây tiêu,

Con theo hát bội mẹ liêu con hư!

Quanh mỗi gánh hát trình diễn thường mọc thêm phiên chợ đêm. Các gánh hàng quà vặt như bún, cháo, chè, bánh trái... tranh nhau mua bán bên ngoài trong khi đoàn hát chuẩn bị và trình diễn bên trong. Tiếng trống dạo, trống châu giục giã đánh thức nếp sống trầm lặng thường ngày. Mùi nem nướng, thức ăn bốc lên mời gọi. Già trẻ lớn bé mê hát quên ăn, quên ngủ.

Những gánh hát bội đến từ nhiều miền khác nhau. Nhưng nổi bật nhất vẫn là các đoàn hát bội Bình Định và hát bội Huế. Các gánh hát bội Bình Định thường rất xuất sắc trong những tuồng cổ như Tam Quốc Chí, Hán Sở Tranh Hùng, Đông Châu Liệt Quốc. Các gánh hát Huế lại nổi tiếng với những tuồng xưa được các ông hoàng bà chúa soạn lại một cách ướm át và hợp thời hợp cảnh hơn như Tuyết Hồng Lệ Sử, Kim Bình Mai, Lầu Trai Hương Phấn...

Khán giả thuộc tuồng không thua gì nghệ sĩ. Họ nhớ năm lòng từng câu nói, từng cử chỉ, từng sự cố trong cuộc đời của Tiết Đình San, Hoàng Thiểu Hoa, Tạ Ôn Đình, Thoại Ba Công Chúa...

Đặc biệt là những màn phụ diễn nhạc võ Tây Sơn của các đoàn hát Bình Định với những dàn trống mang tên mười hai con giáp. Những nghệ sĩ nhạc võ Tây Sơn không bao giờ dám động đến hai tiếng “Tây Sơn” trong kinh đô nhà Nguyễn mà gọi là “Nhạc Võ Hùng Vương”. Những diễn viên đạt đến bậc thượng thặng, siêu thặng thì khi biểu diễn đến độ xuất thần, đánh trống không cần roi trống mà chỉ dùng hai tay. Với ngón tay, bàn tay, nắm tay, cùi chỏ... khi lướt, khi phi, nhảy múa trên mười hai cái trống, nghệ sĩ có thể diễn đạt nỗi lòng và tình huống qua âm vang của tiếng trống. Đôi tay tài nghệ của diễn viên khi yêu kiều lả lướt nhẹ nhàng, khi dòn dập gập rút, khi hùng tráng đỉnh đạc... có thể “nói” lên được dòng đời qua tiếng trống.

Những nghệ sĩ thượng thừa Bình Định đã tạo ra một loại nhạc pháp “Cổ bễ thanh động Tràng Thành nguyệt” - trống Tràng Thành lung lay bóng nguyệt - vượt khỏi tầm kinh điển gọi là “Song Thủ Đả Thập Nhị Cổ” (hai tay đánh mười hai cái trống). Có những nghệ sĩ thượng thừa còn đặt thêm năm cái trống khác ở phía sau: Một cái ngang đầu để ngã ngựa hút vào; hai cái bên hông để thúc cùi chỏ vào và hai cái đặt vừa tầm gót chân để đá hậu vào. Với dàn “nhạc cổ” (mà cũng là cổ nhạc) mười bảy cái trống này, những màn nhạc võ Tây Sơn kết hợp với các màn trình diễn tuồng tích hát bội đã đưa hát bội Bình Định lên đỉnh cao nghệ thuật trình diễn sân khấu đương thời tại kinh đô. Các vùng thôn ấp xa kinh đô cũng thi nhau rước những đoàn hát dạo về trình diễn. Rộn ràng nhất là thời đêm lễ hội đầu năm và sau vụ gặt Đông Xuân.

Chiều chiều, từ trên đỉnh đồi khuôn viên dinh ông Hoàng, Trí Hải có thể nghe tiếng trống dạo dập dồn của các gánh hát theo gió Nồm bay đến. Một quá khứ ngỡ như đã khép lại hiện về.

Một thời, Trí Hải và Âm Thuyền cùng các vương tôn công tử của kinh thành đã từng rước các bầu gánh hát chân truyền về tập luyện nhạc võ Tây Sơn. Vốn là tâm hồn tài tử nhạy cảm và đam mê nghệ thuật, Trí Hải đến với hát bội Bình Định vừa như là một nhà soạn tuồng tài hoa nức tiếng, vừa là một vị Mạnh Thường Quân hào phóng không ai bì kịp. Với kiến thức uyên bác về tuồng tích và tài đánh trống uốn lượn như múa kiếm của phái nhạc võ Tây Sơn, Trí Hải được diễn viên cũng như khán giả ca ngợi, ngưỡng mộ phong là Ông Hoàng Cầm Châu Hát Bội. Tiếng trống châu của Trí Hải không chỉ đơn giản là hiệu lệnh âm thanh thưởng phạt mà còn là phương tiện diễn đạt.

Nghệ thuật dân gian Việt Nam đặt nặng cái trí và cái cảm ngang nhau. Khán giả thưởng thức nghệ thuật có phong cách để khen chê không phải là khối quần chúng đến xem mà phải là người vừa có tâm hồn nhạy cảm với nghệ thuật. Đây là người cầm chầu, một nhân vật vừa có tri thức hiểu rõ nghệ thuật và vừa có vị thế xứng đáng để tỏ lời khen chê đúng mức công minh và đúng điệu nghệ thuật.

Người cầm chầu hát bội là kẻ đại diện cho khán giả để nói lên sự thưởng phạt các diễn viên trên sân khấu qua tiếng trống châu. Trống châu là một thứ trống lớn được đặt trên giá ba chân. Đối với những gánh hát nhỏ, diễn viên đơn sơ, trình diễn nơi những vùng quê xa xôi thì thường chỉ có một trống châu và một người cầm chầu. Gánh hát quy mô hơn và diễn những tuồng lớn

tại các tụ điểm quan trọng vừa có hai trống châu đặt phía trước, hai bên tả hữu sân khấu và có hai vị cầm châu. Gặp những màn trình diễn đại sân khấu trong một khung cảnh hoành tráng với sự tham dự của các nhân vật quan trọng thì có thêm một trống châu đặt ở giữa, ngay trước sân khấu gọi là “châu bổ”. Châu bổ thường chỉ dành cho các vị có chức phận danh tiếng. Nhân vật cầm châu bổ không điểm trống sôi nổi và dòn dập như hai trống châu tả hữu mà chỉ vung tay điểm trống khi thấy cần phải nhấn mạnh những điểm nổi bật trong một câu hát tuyệt hay, một sự diễn đạt tài tình, điệu nghệ diễn viên. Hoặc là điểm trống để bổ khuyết cho hai trống châu tả hữu chưa thường phạt đúng mức.

Tiếng trống châu của Trí Hải nức tiếng kinh thành với ngón châu điểm xuyên thích đáng, tài hoa, bay bướm và phảng phất nét phóng khoáng, lãng tử.

Trí Hải điểm châu theo quy cách thông thường là nếu sau một hơi hát hay thì được thưởng một tiếng “thùng”, đánh ngay giữa vòng trăng tròn của mặt trống. Nếu hay hơn nữa thì được thưởng hai tiếng gọi là “châu đôi”, nếu tuyệt vời xuất sắc thì được thưởng ba tiếng trống gọi là “châu ba”. Nếu gặp khúc hát hay tuyệt luân trong không khí tung bừng và hào hứng thì điểm nhiều tiếng liền tay. Cũng là châu một, châu đôi, châu ba, châu liên, nhưng tiếng trống của Trí Hải nặng nhẹ gần như hòa điệu với hơi thở của diễn viên và vực sân khấu dậy bằng muôn trùng cảm xúc. Họa hoằn lắm người ta mới nghe một tiếng “tan” đánh lên bìa mặt trống để cảnh cáo một câu hát diễn sai quy cách như hát đọc, hát gãy, hát đăm hơi... hay diễn một điệu bộ lạc dòng, không đúng làn hơi, thanh sắc. Nghiêm khắc hơn là tiếng “cắc” gõ vào thành trống để cảnh cáo diễn viên về một sai lầm lớn hơn trong diễn xuất.

Một tiếng trống châu của Trí Hải là một cung nhạc cao cấp, yếu mạnh, nhanh chậm... diễn đạt hết tinh hoa và thần khí của nghệ sĩ trình diễn. Trí Hải nổi tiếng là cẩn trọng và tiết kiệm tiếng trống. Nhưng khi tiếng trống đã điểm ra rồi thì vang lên với một độ bền và độ sâu đầy ấn tượng cuốn hút vào cõi mênh mông vô biên.

Sự nghiêm khắc trong vai trò cầm châu và kỹ thuật điểm trống điêu luyện của Trí Hải thường góp phần nâng cao nghệ thuật trình diễn của diễn viên và làm nức lòng khán giả. Với tay châu tuyệt hảo đến độ xuất thần, tiếng trống châu của Trí Hải thường gắn bó hài hòa với nghệ sĩ trình diễn. Tiếng trống vang lên sau câu hát vừa tròn trịa, vừa vững chãi làm giá đỡ cho làn hơi và câu hát của đào kép một cách nhịp nhàng và chí thiết.

Ngày sân khấu kinh thành tung bừng khai mở lại, cũng là lúc Trí Hải muốn yên thân để sống đời lặng lẽ. Bên cạnh thầy Tiều, Phạm Xảo và Tâm An, Trí Hải vừa có cảm giác bình an như đã thật sự được sống mai danh ẩn tích. Nhưng vẫn có những đêm ra đứng ngắm trời, cái cảm giác cô độc vì bị đời bỏ quên lại lấm tấm trong suy tư. Trí Hải tự cảm nhận rằng, mình không có duyên tu đạo nhưng có thiện ý tu đời. Tu đời là tu bụi. Ngày ngày rũ bớt những lớp bụi ham muốn, bỏ bớt những tham vọng cao xa, quét bớt những phiền muộn quanh mình. Trong vùng an lạc trước mắt, Trí Hải vẫn không tìm thấy ra một điểm dừng làm điểm tựa cho đời mình. Trí Hải linh cảm một điều gì đó khó hiểu như số phận vẫn không buông tha mình, vẫn chực chờ đâu đó...

Có tiếng xe ngựa dừng chân và tiếng người lao xao ngoài cổng dinh ông Hoàng. Phái đoàn tổ chức và trình diễn hát bội nổi tiếng nhất tại kinh thành xin vào yết kiến Hoàng thân Trí Hải. Phạm Xảo ra mở cổng rồi cùng đi vào với sáu người. Đi đầu là ông bầu Nam Sơn, một soạn giả hát bội cự trào rất được nể trọng và cũng là một cựu diễn viên sân khấu hát bội được nhiều người hâm mộ vì vẻ uy dũng và giọng hát tuyệt vời trong những vai trò như Quan Vân Trường, Tạ Ôn Đình, Tần Thủy Hoàng... Theo sau là nhân vật đại diện Tôn Nhân phủ. Sau cùng là bốn đào kép lấy lừng trên sân khấu. Phía nữ chỉ có đào Nguyệt Nga, một ngôi sao đang lên trong ngành hát bội. Phường hát bội có bao nhiêu kiểu mặt, đào Nguyệt Nga đều dồi trát hóa trang thành thạo, vai nào mặt nấy, đầy quyền rũ hợp hồn khán giả. Cùng đi chung, có ba “kép độc”. Kép nổi tiếng đương thời có kép Nam Xuyên, con trai của bầu Nam Sơn; kép Minh Hùng, kép Sáu Út. Tuy tài năng phát tiết mỗi người một vẻ nhưng quy tụ lại trên sân khấu thì họ đều là những ngôi sao sáng chói đã làm cho hàng vạn khán giả khắp mọi miền đất nước mê say, mong đợi.

Sáu người khách cung kính thi lễ với Trí Hải. Ông bầu Nam Sơn bày mấy món lễ vật tượng trưng trên chiếc khay gỗ chạm khắc xà cừ do đào Nguyệt Nga nhẹ nhàng nâng trên hai tay. Bầu Nam Sơn lên tiếng:

- Khải bẩm Hoàng thân đại nhân, chẳng hay quý thể vẫn khinh an; tinh thần vẫn hằng thường tự tại chứ ạ?

Trí Hải bật cười trước câu vấn an na ná như ngôn ngữ diễn tuồng, đáp lời:

- Chào nghệ sĩ Nam Sơn và quý khách. Chúng ta đều là chỗ quen biết cũ, lâu ngày được gặp lại, thấy quý vị đều khỏe tôi rất mừng. Nếu tôi đoán không sai thì quý vị đến đây cũng vì chuyện cầm châu, có phải không ạ?

Mọi người cười vui vẻ. Bàu Nam Sơn trở lại với ngôn ngữ đời thường:

- Dạ, quả thật là Hoàng thân đoán không sai. Sắp có vụ diễn lớn trên sân khấu cung đình cho triều thần thưởng lãm và có thể có cả hoàng thượng hạ cố ghé xem nữa đấy. Bởi vậy, chúng tôi rất hãnh diện nhưng cũng rất lo lắng. Chỉ một chút sơ hở nhỏ cũng không chừng vong mạng. Nhân vật cầm châu trong một tuồng hát quy mô và quan trọng như thế không ai có đủ bản lĩnh cao cường hơn là Hoàng thân.

Bàu Nam Sơn đưa mắt tìm sự tiếp trợ của nhân vật đại diện Tôn Nhân phủ. Tôn Nhân phủ là hội đồng hoàng tộc dòng họ Nguyễn Phúc của nhà vua. Lời của vị đại diện Tôn Nhân phủ tuy mang ý nghĩa nghi lễ tượng trưng, nhưng thường được coi trọng như một tiếng nói đầy danh dự và quyền lực. Vị đại diện Tôn Nhân phủ lên tiếng ngắn gọn:

- Kính thưa Hoàng đại huynh, mục đích đã rõ, vậy xin rước tôn huynh cầm châu cho tuồng hát mở đầu để tưởng thưởng bá quan văn võ và đại chúng triều đình đã có công phục vụ và phò trợ nghiêm cẩn nghi lễ đại tang của tiên đế trong thời gian qua.

Trí Hải nghiêm giọng trả lời:

- Nghệ thuật là nghệ thuật, triều nghi là triều nghi xin chớ vị chớ lẫn lộn. Bình sinh tôi chỉ quen cầm châu vì nghệ thuật. Tiếng trống châu của tôi gắn liền với tài nghệ của diễn viên trên sân khấu, bất chấp khán giả là ai và không quan trọng việc họ có thích hay không. Trong trường hợp diễn tuồng trên sân khấu triều đình như một hình thức lễ nghi tưởng thưởng các quan, tôi rất tiếc là không cầm châu được.

Mọi người đều ngạc nhiên khi đào Nguyệt Nga e dè lên tiếng:

- Dạ thưa Hoàng thân và các quan chức, lời của Hoàng thân thật chí lý. Nghệ sĩ mà phải diễn tuồng vì run sợ trên quả phạt, dưới răn đe thì cái giỏi, cái hay chỉ còn một nửa.

Bàu Nam Sơn tỏ vẻ thất vọng, bần khoản:

- Thưa, thế thì trong hoàn cảnh này, đoàn hát chúng tôi phải làm sao đây?

Trí Hải trả lời không do dự:

- Đem sân khấu ra khỏi triều đình!

Bầu Nam Sơn hoảng hốt:

- Ô chết! Dạ không được đâu. Các quan đầu triều đã quyết định và xuống chỉ thị cho đoàn hát chúng tôi phải diễn tại sân khấu triều đình.

Trí Hải nói rạch ròi như đọc trình văn:

- Ra khỏi cái sân khấu triều đình trong đầu nghệ sĩ, trong trí diễn viên chứ đâu cần phải ra khỏi cái sân khấu chạm trổ, sơn son thếp vàng trong Đạo nội...

Những người có mặt dường như chưa hiểu hết ý của Trí Hải, bỡ ngỡ nhìn nhau rồi chăm chú nhìn Trí Hải chờ đợi. Về mặt không thay đổi, Trí Hải tiếp lời:

- Con chim núi Ngự hát hay vì chỉ biết hát tiếng hát tự do. Con sông Hương quanh co ngoài kia vì không uốn mình cho ai cả. Cũng thế, diễn viên và nghệ sĩ phải sống tự do, sống hồn nhiên, sống tận tình với thiên chức nghệ sĩ của mình. Nếu có sợ chẳng thì chỉ sợ mình bất tài không đủ sức thủ diễn, lột tả hết tinh thần của nhân vật mà mình đang đóng mà thôi.

Những nghệ sĩ tài danh có mặt gật gù tâm đắc. Riêng người đại diện Tôn Nhân phủ hỏi lại, giọng pha một chút kiêu kỳ:

- Triều đình là chốn cử tròng mà không biết kính sợ thì còn đâu là giềng mối quốc gia, thưa đại huynh?

- Nếu giềng mối quốc gia bắt đầu từ sự kính sợ triều đình mà không bắt đầu từ sự kính sợ thiên chức của mình thì nên học Tứ thư Ngũ kinh để thi đỗ ra làm quan, chứ đừng học làm nghệ sĩ.

- Ô hay! Đại huynh nói vậy thì nghệ sĩ cao hơn cả nhà quan nữa sao?

- Tôn huynh đệ à, chúng ta đang bàn về chốn nghệ thuật. Nhà quan không có mặt ở nơi này.

Sau câu đối đáp của người Tôn Nhân phủ và Trí Hải, bầu không khí rơi vào im lặng, im lặng vì mọi người đều đồng ý với Trí Hải về vài trò người nghệ sĩ, nhưng tìm đâu cho ra một thế giới nghệ thuật đích thực trên mặt đất này. Một mặt đất ngự trị bởi giống người. Con người thương thức và rung động với nghệ thuật nhưng lại cố quay mặt đi và ném vào mặt nghệ sĩ lời bình phẩm bất công và thô bạo: “Xướng ca vô loại!”. Chính sự im lặng kéo dài với sự hiện diện của những người “quan trọng” đã chinh phục được Trí Hải. Chỉ có sự im lặng mới là ngôn ngữ chung của những tâm hồn bão nổi. Sự im lặng bên nhau là một thái độ cảm thông và an hòa mang nhiều ý nghĩa tích cực nhất.

Trí Hải nâng chén trà, ngỏ lời:

- Mời chư vị nhấm trà. Thưa nghệ sĩ Nam Sơn và chư vị, tôi nhận lời cảm châu. Nhưng tôi chưa rõ là sẽ ở vai nào, châu tả, châu hữu hay châu bổ?

Bầu Nam Sơn giải thích:

- Chắc chắn là tình huống cũng như những năm xưa, Hoàng đại nhân sẽ cầm châu bổ. Nhưng hai châu tả hữu sẽ xin gác châu để cung thỉnh Hoàng đại nhân vào vai đệ nhất chánh châu.

- Tuồng đầu sẽ là tuồng gì vậy?

- Thưa, tuồng Đào Viên Tụ Nghĩa.

- Sao lại không giữ nguyên bản Đào Viên Kết Nghĩa của quý huynh mà lại đổi thành Đào Viên Tụ Nghĩa vậy kìa?

- Vâng, đã bao năm diễn tuồng, hiệu chính và thay đổi tôi mới luận ra rằng kết nghĩa không hay bằng tụ nghĩa. Kết rồi chia, hợp rồi tan, nhưng cần phải tụ lại mới làm nên việc lớn. Quả thật là ba anh em Lưu, Quan, Trương kết nghĩa ở Vườn Đào. Nhưng đây chỉ mới là giai đoạn đầu gặp gỡ để mưu cầu sự tụ nghĩa của thiên hạ mới làm nên việc lớn được.

Đào Nguyệt Nga duyên dáng chen vào:

- Vậy, hôm nay chúng ta may mắn gặp nhau ở dinh Hoàng thân là kết nghĩa hay tụ nghĩa đây?

- Bẩm Hoàng thân và thư chur quan viên, có lẽ cả hai ạ. Kết nghĩa để diễn tuồng và tụ nghĩa để làm vui cho thiên hạ.

Mọi người cười xòa và vui vẻ chia tay sau câu nói của kép độc Nam Xuyên.

Tiền khách về. Trí Hải cảm nhận một niềm lo lắng vô hình vừa ập đến. Tuy chưa định hình được mối lo là gì và từ đâu đến, nhưng lần này, nhận lời cầm châu xong Trí Hải cảm thấy như sắp thiếu một cái gì rất gần gũi và thân quen. Điềm lại những đêm cầm châu hát bội trong những màn hát huy hoàng ngày trước, Trí Hải gọi lại trong trí từng khuôn mặt thân cận. Phạm Xảo chăm chút lo khăn là áo lượt cho chủ nhân từ ba ngày trước. Cô hầu kép Ngọc Tú chuẩn bị traps trầu thuốc. Trưởng Thái Ấp chuẩn bị lọng. Đông Hoàng phi đánh bóng khay bạch trắc khảm ngọc để đựng đầy các thẻ tiền thưởng... Nghĩ đến đây, Trí Hải giật mình đứng phắt dậy với tiếng kêu vang động không lọt ra khỏi miệng thành lời: “Tiền! Phải rồi, tiền!”. Tiền thưởng mà tiếng nhà nghề gọi là “Thưởng”. Tiền đâu để ba ngày nữa cầm châu mà thưởng bây giờ.

Trí Hải đã trải qua chặng đời chẳng chút bận tâm về tiền bạc, vật chất. Tất cả nhu cầu vật chất tiêu dùng hàng ngày đều có người lo. Thời trẻ tuổi theo phò hoàng tử Cảnh thì mọi việc đều đã có hai chính phủ Phát Việt lo. Khi trưởng thành, làm chủ Thái Ấp với mấy trăm mẫu đất nhất đẳng điền, tiền bạc kho lẫm lúc nào cũng đầy ắp và có cả đoàn gia nhân lo xếp đặt mọi việc liên quan đến cơm áo gạo tiền, vui chơi, đình đám.

Trí Hải không tài nào ngủ được khi tiếng trống châu từ quá khứ cứ liên tục dội về. Theo tiếng trống thúc châu đơn, châu đôi, châu ba, châu liên là những thẻ thưởng tiền từ chiếc khay chạm ngọc được người hầu cận ném bay lên sân khấu. Thẻ bạc, thẻ vàng và thẻ hồng bảo bay lóng lánh dưới ánh đèn như tín hiệu khẳng định giá trị của nghệ thuật. Sau buổi trình diễn, đoàn hát sẽ mang thẻ thưởng để ban tổ chức đổi thành tiền. Thẻ bạc năm quan, thẻ vàng mười quan, thẻ hồng bảo một lạng bạc. Năm lạng bạc đổi được một lạng vàng. Trí Hải nhớ như in sức mạnh và linh hồn của tiền thưởng đối với các diễn viên và ngay đối với khán giả. Tiền thưởng như một thước đo tiêu biểu đối với tài năng và nghệ thuật của diễn viên sân khấu đương thời. Tiếng trống châu đôi hay châu ba chỉ là một kiểu cách thể hiện âm thanh sông nếu không có các thẻ tiền thưởng đi kèm làm biểu chứng. Trí Hải lạnh mình khi nhớ lại những màn diễn hài của những tên hề mặt hạng dành cho những tay cầm châu kiệt cú, không thưởng tiền thích đáng.

Trí Hải không biết phải xử trí bằng cách nào. Không lẽ rút lui cầm châu vì thiếu tiền? Chẳng lẽ tiến tới cầm châu mà không tiền? Tất cả những câu danh ngôn về tiền đều hay, nhưng toàn là những câu nói đến việc cần phải tiêu tiền như thế nào cho thích đáng. Chẳng có câu nào chịu khó nói đến việc làm sao để kiếm ra tiền dễ dàng hơn.

Nỗi ưu tư của Trí Hải lan dần qua Phạm Xảo. Bao nhiêu năm hầu cận, gần gũi với Trí Hải, Phạm Xảo chẳng bao giờ hỏi chủ một đồng lương. Tất cả đều tự nguyện. Xuất thân là một vị tướng, Phạm Xảo mang những thành bại trên chiến trường làm đơn vị đổi chác. Tướng khai quốc công thần đem mạng sống của chính mình làm tài sản cho đất nước. Tướng quốc phá gia vong đem đất nước làm tài sản cho mình. Cũng như Trí Hải bên cạnh hoàng tử Cảnh, một đời xuôi ngược bên cạnh Nguyễn Ánh, Phạm Xảo không biết đến tiền. Giờ đây hai ông “tiên không dính đến tiền” bỗng đối diện với thực tế. Một thực tế mà trong đó đồng tiền là bảng thang giá trị, là huyết mạch cho đời sống giao lưu trao đổi đầy sinh động.

Càng gần đến ngày diễn tuồng, Trí Hải càng cảm thấy xuống tinh thần và quay quắt như sắp ngồi trên lửa đỏ. Một ông Hoàng tiếng tăm lừng lẫy sắp tự thú một cách gàn như công khai trước mọi người, trước quan chức triều đình rằng, mình là kẻ khản tận, mình là người trắng tay. Mình nghèo khổ đến độ không có chút tiền thưởng cho con hát lúc cầm châu.

Gặp thầy Tiều trên vườn rau, Trí Hải không muốn chào hỏi gần gũi như trước mà chỉ muốn tách vào bụi rậm ngồi suy nghĩ một mình. Về mặt lúc nào cũng hồn nhiên tươi cười của thầy Tiều như trên thế gian này đã hết mọi nỗi phiền muộn và khổ đau làm cho Trí Hải tăng thêm sự bực mình trong lúc này.

Đang muốn yên thân, tiếng cười khúc khích của thầy Tiều lại đến gần, lên tiếng:

- Hi! Hi! Này Hoàng thân, quý hữu đang lo lắng phải không?

Biết là sẽ không có điều gì có thể giấu giếm hay qua mặt vị sư này, Trí Hải trả lời cộc lốc:

- Đòi là bề khổ mà thầy, ai lại chả có chuyện lúc này hay lúc khác phải lo.

Thầy Tiều lại cười, vui vẻ đáp lại:

- Bể khổ cũng như bầy gián, càng xua đuổi trên bề mặt chúng lại càng sinh sôi nảy nở. Ý nghĩ càng rối rắm lộn tung phèo như căn nhà đầy rác, bầy gián lại có đất tốt để thành bầy, thành lũ nhanh hơn. Quét nhà cho sạch gián sẽ không sinh. Lọc trí mình chó sáng, bể khổ sẽ cạn dần.

- Thầy à, ý thầy nói là người ta có thể diệt được nỗi khổ một cách dễ dàng và chủ động như thể quét bầy gián phải không?

- Chỉ dễ dàng khi biết được đâu là cái gốc để đốn từ gốc.

- Vậy thì một người đang cần tiền chẳng hạn thì đâu là cái gốc để kiếm ra tiền đây?

- Tiền không phải là cái gốc mà cái gốc là tại sao phải cần tiền và tiền để mua gì?

- Chẳng mua gì cả, nhưng phải cần tiền để thưởng cho con hát lúc cầm châu.

Thầy Tiều lại cười hề hề vào vẻ ưu tư của Trí Hải:

- Hi, hi! Quý hữu coi bộ sắp tìm ra cái gốc của tiền rồi đó. Cần tiền để cầm châu cho đẹp; cầm châu cho đẹp để mua danh; mua danh cho nhiều để trội hơn thiên hạ. Nếu giữ Trí Hải là Trí Hải. Đừng hơn mà cũng chẳng thua ai cả. Không tránh mà cũng chẳng gây. Có tiền cho con hát thì cầm châu cho vui, mà không có tiền thì đứng cầm châu. Có sao đâu.

- Nhận lời cầm châu cho gánh hát bội Nam Sơn lần này tôi chẳng mua danh hay bán danh gì cả. Đây chỉ là một việc làm cần thiết mà tôi phải làm thôi.

- Con người ta sinh ra, lớn lên, làm việc kiếm ăn, già nua, rồi chết là một chuỗi sự việc biến hiện lặp đi lặp lại hoài trên dòng sông bất tận. Trước ngày ta sinh ra và sau ngày ta chết đi thì dòng đời vẫn trôi xuôi không đổi khác. Có gì là cần thiết đâu.

Trí Hải không bắt gặp một nét gì thắc mắc hay băn khoăn trên khuôn mặt thầy Tiều, hỏi lại:

- Nếu thầy không thấy bất cứ một việc gì là cần thiết, sao thầy lại phải đi tu. Như thế, việc đi tu của thầy có cần thiết không?

Lắc lư đầu ra chiều thích thú, thầy Tiều nói giọng khê khà như kể chuyện:

- Đi tu có cần thiết không? Có ai trả lời họ cho ai được điều này. Thử nói chuyện một ông chài sinh ra trong một chiếc thuyền đánh cá nghèo khổ trên sông Hương. Có lẽ đây là một câu chuyện đời đơn giản nhất mà ai cũng đã từng gặp. Lớn lên, anh chài theo nghề cha mẹ bắt cá trên sông để sống. Có một ngày mưa to gió lớn gây cuồn lũ. Thuyền chìm. Ông chài không bơi nổi. Chết chìm. Chết vì tình cờ hay số mệnh? Ông chài kia đâu có chọn lựa sinh ra trên thuyền chài nghèo khổ. Ông ta cũng không chọn lựa chết chìm. Cuộc đời đơn giản và thâm lặng của ông chài cũng đầy những biến cố chẳng chịt theo một cách riêng của ông ta. Việc gì cũng có vẻ cần thiết mà thực ra cũng chẳng có gì cần thiết. Vì tất cả mọi việc lớn nhỏ đều là những phản ứng qua lại. Người ta càng lặn xả vào đời sống thì chuỗi phản ứng càng nhanh và càng rắc rối dính chùm với nhau. Nhu cầu càng tăng, người ta càng tốc lực chạy theo tìm phương tiện để thỏa mãn nhu cầu. Quý hữu, cảm châu vì cho rằng việc đó rất cần thiết. Cũng có người cho đây là một việc làm không cần thiết nên khuyên quý hữu khỏi cần bận tâm. Không ai trả lời thay cho quý hữu được cả. Và dù có trả lời thì chắc gì đã đúng.

Chưa hiểu rõ thầy Tiều muốn dẫn câu chuyện về đâu, Trí Hải hỏi lại:

- Vậy theo thầy thì việc cảm châu hát bội là không cần thiết và tôi nên từ chối việc đó?

- Quý hữu đặt câu trả lời trước câu hỏi rồi.

- Thứ tự xuất hiện trước hay sau có phải là nhân quả của nhau không, thưa thầy?

- Tất cả đều cần và tất cả đều không cần. Khi đã gieo giống thì cần hay không cần cũng phải gặt quả. Tiếng hát là quả của diễn viên, nhưng là nhân của người cảm châu. Tiếng trống, tiền thưởng là quả của người cảm châu, nhưng là nhân của người diễn viên. Cứ thế, mọi việc tác động lên nhau và biến hiện không ngừng.

Trí Hải vẫn không rời được ý nghĩ về cuộc cảm châu sắp đến, hỏi thầy Tiều:

- Tại sao tôi lại phải loay hoay về những điều tầm thường mà trước đây tôi không màng nghĩ đến, như ý nghĩ về tiền bạc chẳng hạn.

- Tất cả đều nằm sẵn sờ sờ ra đó. Không gọi thì không thưa, không nghĩ thì không hay, không tìm thì không thấy. Chẳng có gì tầm thường mà cũng chẳng có gì cao quý.

Giọng buồn buồn, Trí Hải nói như luyện tiếc:

- Tiếng trống châu tượng đã vắng, nào ngờ nó đến như một tảng đá ném xuống dòng sông yên tĩnh của lòng tôi.

Thầy Tiều giọng xác quyết hơn:

- Đá chẻ dòng sông nổi sóng, nhưng khi đá chìm rồi thì dòng sông sẽ lặng.

- Phải chờ đến bao lâu mới lặng?

- Sông không dính đá, đá chẳng dính sông, nên chỉ khoảnh khắc nước chảy, đá chìm thì sông lặng.

- Giữa đời làm sao không dính? Chỉ một cái tâm mà phải chịu cả hai thái cực, an bình và náo loạn thì làm sao mà phân định rạch ròi?

- Quý hữu muốn đi tìm sự an lạc hay đi tìm sự náo loạn của tâm thân? Cũng chính nơi này, Tâm An đã không chịu nổi sự nhiễu loạn tinh thần, phải bỏ đi vì khả năng kinh doanh cây cảnh có quá nhiều tiền nên chí tu học không bền vì chỉ lo loay hoay kiếm phương tiện để xây chùa to, viện lớn. Và ở đây, phút này, quý hữu cũng đang bị nhiễu loạn tâm thân vì không có tiền cho cuộc châu sắp đến. Nhiều tiền và không tiền là hai đối cực sinh ra giao động. Chỉ mấy ngày trước đây thôi thì quý hữu cũng như tôi bây giờ. Chẳng có gì nắm trong tay. Chẳng có gì cần sở hữu. Đời sống như một con thoi trở về ngưng lại điểm giữa của khung cửu cuộc đời; không bị đưa qua phải, không bị đưa về bên trái nên lặng yên nơi điểm giữa. Điểm giữa là điểm dừng. Điểm dừng là trung đạo, là gốc của suối nguồn an lạc.

- Vậy tôi phải làm sao?

- Quên phút nó đi.

- Nghĩa là...?

- Dùi trống cầm trên tay thì đánh. Hát hay thì khen. Hát dở thì chê. Có tiền thì cho. Không có tiền thì không cho. Đừng sợ ai cười mà cũng chẳng cầu ai

khen. Ráng tìm cái tĩnh trong cái động. Đừng dính mắc thì thân tâm an lạc. Đã làm điều gì thì phải làm rốt ráo, làm tới nơi tới chốn. Đừng bán lộ đào hòi, nửa đường bỏ chạy.

Trí Hải cười xòa:

- Lại “đừng dính mắc”! Thầy làm tôi nhớ ván cờ quyết đấu với Hàn Kỳ Vương trên sông Hương.

Thầy Tiều cùng cười:

- Trên sông chẳng còn bên trong bóng, nhưng ván cờ dĩ vãng vẫn còn tiếp diễn trong lòng quý hữu sao? Ví thử hôm đó cả quý hữu cùng Hàn Kỳ Vương cùng bị sóng nước cuốn trôi giữa dòng cuồn lũ, hoàn toàn mất dạng thì cũng chẳng có gì thay đổi. Người đời sẽ nhắc đến đôi khi và quên đi vĩnh viễn.

- Nghĩa là mọi việc đến rồi đi, còn và mất chẳng có gì quan trọng cả?

Thầy Tiều lại quay xuống với vườn rau, vừa bước vừa ngoái lại, nhả nói:

- Có chứ! Có một điều quan trọng là chả có gì quan trọng cả!

Tiếng cười của hai người giòn giã, vang vọng một góc vườn.

---o0o---

Chương 15 - Hát Đồ Khay

Sân khấu rộng lớn lóit thảm, thêu hoa sáng lên rực rỡ vì ánh đèn ngũ sắc và ánh sáng phản chiếu từ những thiết bị trang hoàng lộng lẫy xung quanh. Đối diện với sân khấu là đang đứng trước một “thực tế ảo”. Mọi người có cảm tưởng như là mình đang chuẩn bị khai phá một phương trời nào đó từ trong chính mình mà lại xa lạ với chính mình. Vua thật, quan thật, tướng thật, người thật, việc thật, thiện thật, ác thật giữa đời đang chen chúc và đối mặt với vua giả, quan giả, tướng giả, đời giả, thiện giả, ác giả trên sân khấu. Nhưng “lộng giả thành chân” - cái giả biến ảo thành cái thật - vẫn thường là bi hài kịch của sự đời. Những nhân vật xuất hiện trên sân khấu có khi còn uy nghi, lộng lẫy và xinh đẹp hơn nhiều nhân vật thật đang ngồi im trong bóng mờ, ngược mắt nhìn lên nhưng diễn viên đang đóng và diễn vai của chính mình trên sân khấu.

Hát bội cũng là hát tuồng, một hình thức hát diễn theo những tuồng tích, nhập vào nước Việt kể từ khi Hưng Vương Trần Quốc Tuấn bắt được Lý Nguyên Cát trong đám quân Nguyên. Cát có tài múa hát, diễn tuồng, được tướng Trần Nhật Duật giao cho việc tổ chức các đội hát tuồng để ủy lạo giúp vui cho tướng sĩ. Hơn ba trăm năm sau, hát bội lại theo chân Đào Duy Từ vượt sông Gianh vào Nam gọi là “hát tuồng xứ Nam”, lần đầu tiên đến Phủ Hoài Nhơn, Bình Định. Các tuồng tích theo lớp lang của những câu chuyện kể mang tính đạo lý và lý tưởng hào hùng của các nhân vật lịch sử theo nghệ thuật hát tuồng xứ Bắc vẫn giữ hình thức trình diễn. Nhưng hình thức diễn tuồng thay hình đổi dạng từ hình thức mang đậm tính biểu diễn, ca múa, trở thành một bộ môn trình diễn sân khấu có tính nghệ thuật cao là Hát bội Bình Định.

Cái lý tưởng thiện của minh quân và hiền thần đối nghịch với tuyến nhân vật ác gồm toàn những hôn quân và gian thần là xương sống của các tuồng hát bội đương thời. Nghiêu Thuấn không lập luật hình, Võ Thang chẳng xây khám đường ngục thất, người người an vui, nhà nhà sung túc, thiên hạ thái bình là vương đạo. Mặt trái, gồm những nhân vật phản diện như bạo chúa Kiệt Trụ là bá đạo. Hai tuyến nhân vật “trung” và “nịnh” trở thành biểu tượng đạo đức sân khấu.

Đêm đêm, những văn thần võ tướng hiền tài “trung” như Quan Công, Nhạc Phi, Tiết Hiền, Địch Vương, Bàn Cử... mang mặt đỏ, áo mào uy nghi, mắt nhìn thẳng băng không chớp, giọng sang sảng như hịch truyền nói toàn những lời trung liệt đã làm cho khán giả tôn vinh, kính sợ. Những gian thần, nịnh thần như Bàn Hồng, Tôn Tú, Tần Cối, Trương Hườn sơn mặt trắng, mắt nhìn lảo liên, âm mưu phản phúc, nịnh trên nạt dưới gây tâm lý khinh chê, phẫn nộ cho khán giả. Cái hiện tượng xã hội nghịch lý “người trung mắc nạn lao tù, để ba thằng nịnh lộng dù nghênh ngang” đã dấy lên thành một cảm giác rất thật trong lòng người xem. Thật đến nỗi bà chủ bún bò mù Roi có món bún bò giò heo ngon nhất kinh thành vẫn thường để dành những miếng giò khoanh, giò nạc luộc chín vừa, sứa thịt còn chắc nịch cho các đào kép hát bội đóng vai người trung. Trong khi các đào kép đóng vai kẻ nịnh thì mặc dầu cũng trả cùng giá tiền, nhưng những tô bún mucus cho “thằng nịnh” bao giờ cũng là lỏng bông toàn giò ngoéo, mỡ sa... cho bỏ ghét! Nhiều lần các diễn viên ghiền bún bò Huế mù Roi cố giải thích sân khấu không phải là đời thường, nhưng mù Roi vẫn chứng nào tật nấy, vừa mucus bún, vừa nói lâu bầu: “Tui rứa đó! Thương ghét rạch ròi. Ứng thì tới ăn, không ưng thì thôi”. Nhưng vì bún mù Roi là “độc chiêu” bún bò ở kinh

thành nên thường thường, kếp “trung” đành phải mua bún bới về nhà cho đào kếp “nịnh”!

Tiếng trống châu của Trí Hải cũng đã một thời chinh phục lòng người vì cái âm vang “trung - nịnh” hòa quyện vào tiếng trống. Cũng là sau một câu hát trầm bổng tuyệt vời của đào kếp “độc”, nhưng tiếng trống châu dành cho các nhân vật quang minh, trung liệt bao giờ cũng có âm vang bay bổng như tâm hồn kẻ cầm châu. Tiếng trống châu dường như cũng nương theo hướng bay hào sảng của con đường nghĩa khí hay ngõ cụt đực ngầu vương mắc của kẻ nịnh thân phản phúc.

Lần đầu tiên, một sân khấu cung đình mở rộng cho bàng quan thiên hạ được mở ra tại chôn đế đô. Quý tộc và bình dân hiếm khi gặp nhau trong những cuộc mua vui bằng loại hình nghệ thuật. Nghệ thuật không có giai cấp, sang hèn. Nhưng giai cấp thường ngăn chặn đường bay và sức bật của nghệ thuật. Những tuồng hát trên sân khấu làng xã và sân khấu cung đình cũng như hoa dại dưới đất và phượng đỏ trên trời. Vẻ đẹp tự nhiên của hoa thì muôn đời vẫn thế, vẫn vô tư như nghệ thuật. Thế nhưng người cầm hoa vẫn quen thói tôn vinh những đóa hoa vô thường chung trong bình ngọc là “vương giả chi hoa”!

Đêm nay, khoảng cách tạm thời khép lại. Trong màu áo gấm của hàng quan chức, vương tôn công tử có xen lẫn màu áo vải của dân thường. Bộ trang phục dành cho hội hè thuở của Trí Hải đã cũ. Hoa thêu trên gấm xuống màu như một sự vơi tay ngọc ngà của quý tộc, nắm lấy bàn tay thô nhám của bình dân, bỗng trở thành khiêm cung, thân ái và ấm áp lạ thường. Chiều chưa xuống hết mà người đi xem hát đã nườm nượp khắp các ngõ đường. Họ cố đi nhanh để kiếm một chỗ không quá xa sân khấu.

Đoàn hát bội Phụng Vũ Bình Định của ông bầu Nam Sơn tiếng tăm lừng lẫy, nhưng trên miệng người đi xem hát ít trầm trồ nhắc đến hơn là nhân vật cầm châu hôm nay. Trí Hải đang trở thành một huyền thoại. Một ông hoàng theo phò đông cung thái tử Cảnh bốn ba tặn bên trời Tây. Một nhân vật kề cận vua trong những ngày chiến đấu gian khổ, những khi vua đăng quang lên ngôi bá chủ thiên hạ, không nhận một chức tước nào. Một nghệ sĩ bạn chí thân của tử tội Âm Thuyền, kẻ chết vì thơ. Một cao thủ đánh bại Hàn Kỳ Vương, vô địch đánh cờ trong thiên hạ. Một Hoàng thân bị đương kim hoàng đế nghi ngờ hại tội. Một chủ Thái Ấp chỉ còn vườn hoang nhà trống. Một ân sĩ trong lâu đài đổ nát. Và có lẽ trên tất cả trong đêm nay là Trí Hải, một châu vương trở lại cầm châu.

Đi vào khu vực sân khấu, Trí Hải chậm chậm bước theo sự hướng dẫn của ông bầu Nam Sơn và các quan trong ban lễ tân. Nổi bật lên trong biển người xuôi ngược là long án dành cho Vua và hoàng hậu. Chỗ bọc gấm thêu hoa, chỗ kẻ sơn thếp vàng chói lọi, long án được đặt ngay chính giữa Duyệt Thị Trường ngay trước sân khấu. Duyệt Thị Trường chỉ mới là khu vực được chọn làm sân khấu tạm thời, chuẩn bị cho Duyệt Thị Đường là nhà hát chính thức của Hoàng cung trong tương lai. Long án Duyệt Thị Đường vẫn buông rèm lặng lẽ chờ nghênh tiếp ngự giá của nhà vua. Đội hát bội lặng lẽ như đang nín thở đợi chờ. Đội lính hầu phẩm phục uy nghi đứng yên như tượng gỗ trái ngược với biển người đang râm ran trò chuyện, vang vọng tiếng cười. Trí Hải theo chân đoàn tiếp tân tiến dần vào khu vực gần sân khấu.

Nơi đây, các quan triều gần như đủ mặt. Đây là một thế lực quyền uy nắm quyền sinh sát thiên hạ trong tay. Quan đại thần ngồi ghé bọc nhung xanh thêu tam linh vì con rồng trong tứ linh chỉ dành riêng cho vua. Rồng châu có tam thập nhị thế, gồm ba mươi hai dáng đứng, ngồi, bay, lượn, tranh, chìm, nổi... Quan tam phẩm trở xuống ngồi ghé bọc gấm rồng - không thêu - màu bạch nhũ. Mỗi màu sắc, mỗi loại vật thêu, mỗi kiểu ghé ngồi đều mang một ý nghĩa riêng và được cân nhắc kỹ càng và chi ly từ cả năm trước.

Trí Hải hết hướng về bên phải lại quay sang phía trái, liên tục cung mình thi lễ và đáp lễ các quan đầu triều cũng như các hoàng thân quốc thích, các vương tôn công tử. Lê Trung Ân bước ra khỏi ghé ngồi, đèn cầm tay Trí Hải, chào vui với giọng thân tình, ấm áp:

- Ha, ha! Hôm nay hùm thiêng đã chịu ra khỏi hang động để xuống núi cầm châu. Thật là tuyệt vời! Tuyệt vời! Quả tình là chư quân ghiền hát bội, dĩ nhiên trong đó có Ân này, đến đây không mê “điệu thán trường vĩ” chết người của đào hiếm Nguyệt Nga hay lời diễn “xương bạch quân bang” dậy sóng của kép độc Nam Xuyên bằng mê tiếng trống châu của tôn huynh đầu nhé!

Trí Hải chẳng biết nói gì hơn là bóp chặt tay Lê Trung Ân rung rung, nói nhỏ nhỏ vừa đủ cho người bên cạnh nghe:

- Cảm tạ thiện ý của huynh. Nghiệp cầm châu cũng như làm quan thượng thư hay làm đào kép trên sân khấu. Cứ ngỡ như mình điều khiển được thiên hạ nhưng may lắm thì cũng chỉ mới giữ được mình và điều khiển được mình thôi.

Bầu Nam Sơn quay nhìn hai người bạn cũ. Tiếng cười đùa của quan thượng thư Lê Trung Ân, châu vương Trí Hải, bầu gánh Nam Sơn vang lên hồn nhiên và tươi vui như ngày mới lớn.

Bước lên chiếc ghé dành cho người cầm “châu bồ”, toàn thân chiếc ghé đã được bọc gấm đoạn hoa vàng, Trí Hải ngăn người vì xúc động khi một thoáng quá khứ bỗng đâu hiện về trong chớp mắt. Quá khứ của một thời màu hồng. Một thời mà thực tại và ước mơ thật gần nhau, tưởng như với tay là tới. Thế nhưng thời gian càng đi qua, càng làm cho cái thực tại ù lì, nhàm chán mỗi ngày một gần và mỗi ước mơ tươi đẹp mỗi ngày một xa... Tia chớp quá khứ lóe lên và biến mất. Tất cả đi qua rất nhanh, để lại một thực tại mà Trí Hải chưa bao giờ trải qua. Sau tia chớp hồi ức đó, Trí Hải có cảm tưởng như mình bị giật lùi lại và quăng đi rất xa; xa đến nỗi bản thân mình không còn hiện hữu và thuộc về thế giới hiện thực chung quanh nữa.

Trí Hải tự trấn tĩnh để kéo mình trở lại với hiện tại. Cái hiện tại sau cơn say tâm lý chớp nhoáng làm con người vừa tỉnh cảm thấy vắng vát và cô đơn. Với tay cầm dùi trống. Nâng dùi trống lên và nhìn quanh một lượt. Trí Hải có cảm giác ớn lạnh như đang đối diện trong đấu thủ, gương cung lên mà không có mũi tên nào còn sót lại.

Tiếng dàn nhạc cung đình nổi lên báo hiệu xa giá của vua vừa đến ngự lãm. Trí Hải theo đám đông làm lễ cung nghinh hoàng thượng một cách máy móc như cái chong chóng giấy quay tít theo gió. Không bao lâu nữa sân khấu sẽ khai diễn. Trí Hải chưa gióng tiếng trống mở đầu mà đã có vô số những cặp mắt từ mọi phía đang đổ dồn về hướng châu bồ. Hít vào một hơi thở thật sâu, Trí Hải nhớ lời dặn của thầy Tiều “đừng dính mắc” để tâm không chạy theo cảnh mà cảnh cũng khoa học chui vào tâm. Nhưng cái trí thiên định không thắng nổi cái hồn nghệ sĩ trong cùng một con người Trí Hải. Trí thiên sư rỗng lặng như bóng mây trên biển. Hồn nghệ sĩ mông lung như đóm nắng trên đầu sóng biển. Bóng mây thiên lặng yên; đóm nắng nghệ sĩ dính mắc, quẩn quại, vật lộn, gào thét đến sủi bọt, tỏa hào quang... trước khi cả hai cùng trả lại cái hư vô về cho biển cả. Trí Hải nhớ lời thầy Tiều trong trí nhưng giờ này trôi về một góc rất xa. Trong khi cái tâm cảm của dòng máu nghệ sĩ đang cuồn lên sóng thực từng hồi làm cho Trí Hải cố đè nén ngọn trào trong lòng mình đến thắt ruột. Làm sao đây, khi tiếng trống châu không dính một đồng trinh khen thưởng kèm theo trước những cái nhìn hau háu của diễn viên và khán giả, khối khán giả lầy lừng trong cả nước từ vua đến cả cung đình; từ hoàng tộc đến bần tiện hạ. Con yêu đuổi từ đâu ùn ùn kéo

lại. Trí Hải có cảm giác sự yếu đuối truyền dần vào cánh tay, xuống dần vào hai bàn tay làm cho dùi trống sắp rớt ra khỏi tay mình...

Trong cơn nguy khốn nhất đang vùi dập cảm xúc nhức buốt đến tận cùng tâm lực, Trí Hải muốn buông tay, ôm đầu gục xuống vì bất lực thì một tình huống giải cứu chợt hiện ra như phép lạ. Trí Hải mở lớn mắt. Từ đâu... một mùi hương rất lạ. Mùi hương quen quá mà xa vời từ tiền kiếp. Mùi hương làm Trí Hải tức khắc sống lại với tuổi đôi mươi. Mạch sống mới là Trí Hải nhận ra rồi. Đây là mùi nước hoa thoang thoảng toát ra từ hoàng hậu Marie Antoinette mỗi lần Trí Hải theo hoàng tử Cảnh vào gặp vua Louis và hoàng hậu tại cung điện Versailles. Hai thẻ nữ áo hồng và áo xanh tha thướt tiến đến bên cạnh ghé châu bỗ. Cô áo hồng tiến sát gần Trí Hải, hai tay trao một phong thư xếp trong túi gấm nhỏ, tiếng nhẹ như hơi thở:

- Cung thỉnh Hoàng thân đại nhân xem thư.

Trên mảnh giấy hoa tiên lớn bằng hai bàn tay, chỉ ghi đôi hàng chữ viết tay. Nét chữ thảo, rõ ràng là người gửi viết trong vội vàng. Trí Hải kêu lên trong trí: “Chữ Nôm!” Thư viết: “Kính thưa Hoàng thân đại nhân. Xin đại nhân vui lòng cho phép hai thẻ nữ được kính hầu ngài trong cuộc diễn tuồng đêm nay. Thẻ nữ áo xanh lòng cung phụng trà nước và thẻ nữ áo hồng lo cung ứng tiền thưởng, thẻ thưởng sẽ chấp hành đúng theo tiếng trống của ngài. Thời gian chuẩn bị gấp rút, xin đại nhân miễn xá cho những điều khiếm lễ. Mọi việc xin giải thích rõ ràng sau. Đại nhân gắng điếm châu đêm nay cho thật hay ngài nhé. Kính ngưỡng. Tiệp muội Ba Gấm”.

Tiếng hô cung bái của toán ngự binh rước vua lên long án để xem tuồng làm Trí Hải bàng hoàng tỉnh lại trước một màn “cứu nguy khẩn cấp” đang diễn ra như câu chuyện thần tiên có Bụt hiện lên giúp người hiền mắc nạn. “Ba Gấm, tên nghe dường như rất quen. Ba Gấm là ai mà lại viết được chữ Nôm với nét chữ thảo kỳ tú và tài hoa đến như vậy?”. Trí Hải vừa sắp giống tiếng trống đầu tiên chuẩn bị khai diễn thì phải dừng lại vì ông bầu Nam Sơn đã vội vàng đưa hai vị cầm châu bên phải và bên trái đến thi lễ với Trí Hải để xin gác châu nhường lại cho châu bỗ trở thành “chính châu” trong buổi diễn hôm nay. Sau khi vị đại khoa hưu trí cầm châu bên phải ngỏ lời nhường châu lại, ông bầu Nam Sơn giới thiệu người cầm châu bên trái:

- Bẩm Hoàng thân đại nhân, đây là phu nhân quan lớn Tổng Chánh Chương Thân Binh tục gọi là “cô Ba Gấm”. Phu nhân quan Tổng tuy là nữ lưu nhưng sự hiểu biết về văn sách kim cổ và tuồng tích nghệ thuật thì rất sâu rộng. Bởi

thế, phu nhân là nữ đại gia duy nhất thường được mời cầm chầu hát bội. Xin trân trọng giới thiệu cùng đại nhân.

Trí Hải bị đặt giữa một sự bất ngờ quá lớn, thi lễ vội vàng và hỏi không thành câu:

- Ba Gám... cái thư chữ Nôm?

Người phụ nữ đứng trước mặt Trí Hải chẳng mang một vẻ gì mệnh phụ phu nhân. Đó là một người đàn bà nhỏ nhắn, da trắng mịn hồng, mơn mớn. Miệng cười không thành tiếng với đôi môi cong cón đầy vẻ thách thức nghịch ngợm của thiếu nữ đang độ xuân thì hơn là nét già dặn của một thiếu phụ. Một người đàn bà khó đoán tuổi chính xác vì mái tóc bồng cuốn gọn mà không bồi cao kiểu miền Nam hay cuộn tròn trong khăn như đàn bà miền Bắc. Đôi mắt sắc nhẹ, thông minh, ẩn chứa nét trầm tư hơi mệt mỏi. Khuôn mặt tròn đầy, thanh tú, bắt nét hài hòa với sống mũi không cao lắm nhưng kín đáo nhu mì. Người đàn bà lẳng lẳng, hai tay nâng dùi trống “nuờng chầu” cho Trí Hải. Khi hai khuôn mặt tiến lại rất gần nhau, Trí Hải sững người bắt gặp cái nheo mắt thoáng nhanh rất Tây phương với những ngọn sóng vô hình:

- Dạ, bẩm phải... Ba Gám.

Người đàn bà quay đi rất nhanh để tránh vô số những cặp mắt xung quanh đang đợi chờ, theo dõi. Trí Hải chỉ còn kịp nhận ra mùi nước hoa Marie Antoinette. Tiếng trống mở màn. Buổi diễn tuồng khởi động.

Rung động là một cảm xúc bất ngờ mở toang những cánh cửa cảm nhận ngoài tầm kiểm soát thường tình của con người. Có những sự rung động mơn man, nhẹ nhàng, yếu ớt đến rồi đi âm thầm và mất dạng lúc nào không hay. Nhưng cũng có sự rung động bất ngờ tạo ra những “chấn động dị thường”, mở một khúc quanh mới trong đời mà con người không cưỡng lại nổi. Trí Hải đã buông tay khi sự chấn động dị thường đó vỡ ra trước cuộc cứu viện bất ngờ ở phút đỉnh điểm của sự bồi hồi vì không có một xu tiền thưởng cho đêm cầm chầu. Sự xuất hiện ngăn ngui của người phụ nữ lạ lùng như đến từ một thế giới thần tiên nào khác. Lạ lùng vì nét chữ Nôm hiếm thấy, vì điệu bộ phương Tây còn quá mới mẻ với người dân thường và mùi nước hoa của một hoàng hậu nổi tiếng của Pháp đã bị đưa lên máy chém. Khuôn mặt mang nét đẹp đầy ẩn giấu và dáng vẻ chín muồi hương sắc cùng với lời trao gởi đầy bồi hồi, hay làm ra vẻ bồi hồi nửa vờ, luôn luôn là sức mạnh lôi kéo tâm lý khám phá của người đàn ông. Tất cả gom lại tạo ra sức

cuốn hút nỗi đam mê của dòng máu nghệ sĩ ẩn giấu bao nhiêu năm trong Trí Hải. Nỗi đam mê thường có một tinh lực. Đó là sự sắc bén nhạy cảm, là nỗi đam mê, là sức mạnh vô hình, nằm trong góc khuất của ý thức. Tinh lực ấy vẫn thường hằng và thể hiện qua muôn màu, muôn vẻ như mặt trống, như dây đàn, như tư tưởng sáng tạo. Nghệ thuật đúng thời gian và tầng số của sức mạnh tinh túy nằm sờ sờ mà bí ẩn một cách đầy mâu thuẫn đâu đó. Sự đánh động có thể gióng lên bất ngờ trong một giây phút nào đó hay suốt một đời không bao giờ xảy đến. Tình yêu, đặc biệt tình yêu đam mê của nghệ sĩ, là tiếng ngân vang, là sự bốc cháy của tinh lực, là sự thiêu rụi toàn triệt hết những biên giới bình thường.

Tiếng trống châu làm nức lòng diễn viên và khán giả. Người nữ áo hồng ném tiền thưởng lên sân khấu thướt tha và khéo léo như điệu vũ uyển chuyển múa theo cùng tiếng trống. Châu đơn thưởng thẻ bạc, châu đôi thưởng thẻ vàng, châu ba thưởng thẻ hồng bảo. Thẻ bạc sẽ được đổi ra mười tiền, thẻ vàng hai mươi tiền và thẻ hồng bảo năm mươi tiền theo đơn vị và giá trị của đồng tiền “Gia Long thông bảo”. Mỗi lần tiểu nữ áo hồng rướn người lên ném tiền thưởng. Trí Hải mừng tưng như có bàn tay của cô Ba Gấm đang mơn man vỗ vào tiếng trống lan xa và bay cao đến vùng trời của nghệ thuật. Tuồng diễn càng về khuya, diễn viên và ông Hoàng cầm châu càng gần bó không còn khoảng cách. Đào hiêm Nguyệt Nga và những kép độc Nam Xuyên, Minh Hùng, Sáu Út cùng dốc hết tài năng và bản lĩnh nghệ thuật để lột tả và sống thật với tâm lý và động thái của vai trò. Qua điệu bộ, diễn viên phải diễn xuất bằng cả ánh mắt, nụ cười, dáng đi, cách ngồi, kiểu đứng để lột tả được hết lòng trung thành, tính nịnh hót, vẻ đoan chính, thói lẳng lơ... Cái xảo trá gian hùng, cái trung tín nhân nghĩa ở đời không bao giờ cũ nên có người xem đến thuộc nhãn nằm lòng mà vẫn không thấy chán. Ngay một kiểu đi diễn tuồng gọi là “đi bộ hạ” của Châu Thương do kép độc Sáu Út thủ diễn cũng làm nức lòng khán giả. Châu Thương là tên cướp núi, khi gặp Quan Công là bậc cái thế anh hùng nên đã ví mình như lau sậy bên tùng bách; như con đom đóm đông tàn bên mặt trời mới mọc. Chỉ một kiểu đi mà lột tả được tình cảm, thái độ, vị thế một cách tuyệt vời làm cho tiếng trống châu vang lên từng hồi giục giã.

Đến cuối tuồng diễn, cả ba vai Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi hội ngộ để nhớ thưở Đào Viên kết nghĩa. Những câu nói lối sâu nặng tình nghĩa. Câu hát Nam cõi mở ân tình. Câu hát Khách với điệp khúc Đại quá trường anh hùng và dũng cảm làm cho tiếng trống châu đổ dồn với âm vang hào hùng phấn khích. Tuồng hát chấm dứt với tiếng trống châu dồn dập và tiểu nữ áo

hồng vươn lên như gió lượn thả nguyên cả khay thẻ còn lại lên sân khấu để tán thưởng. Có tiếng của một vị đại quan ngồi gần sân khấu cổ võ:

- Hát hay đồ khay là phải!

---o0o---

Chương 16 - Nợ Ân Tình

Đêm cầm châu của Trí Hải đã qua. Đoàn hát Phụng Vũ vẫn tiếp diễn những xuất hát mỗi đêm. Cuộc lưu diễn kéo dài cả hai tuần trăng mới hết. Dư vang của một đêm vui, một cuộc chơi, một lần gặp gỡ đạt đến trình độ tuyệt vời của cái đẹp tinh thần thường sống mãi trong trí nhớ của những người có mặt. Trí Hải chỉ xuất hiện một lần, sau Trí Hải, tiếng trống châu đêm đêm vẫn len lỏi trong bầu không khí trầm lặng của kinh thành, những khán giả coi đó cũng chỉ là sinh hoạt tự nhiên như tiếng mõ cầm canh.

Trí Hải trở về dinh ông Hoàng với nếp sống cũ, hay nói đúng hơn là cố gắng giữ nếp sinh hoạt đều đặn hàng ngày. Nhưng cái bình thủy tinh vô hình giữa mặt thủy triều lên xuống đều đặn của tâm hồn đã vỡ. Nước tràn lên lán. Sự kêu réo của tâm hồn khi trần trở bơ phờ, khi quay quắt mãnh liệt làm Trí Hải không làm chủ được mình trong tương quan với hoàn cảnh xung quanh. Đêm xuống giữa ban ngày và ngày lên giữa ban đêm là một chuỗi mộng mị bất thường của những tâm hồn vừa bước qua một khúc ngoặt tình cảm. Một tình cảm bỗng nhiên dậy thì, một trạng thái tâm lý mới mẽ xâm nhập Trí Hải lòng chống đỡ nổi.

Bên cạnh thầy Tiều và Phạm Xảo, Trí Hải không cô độc mà cảm thấy cô đơn. Sự cô đơn của một người đi loanh quanh để gặp lại dấu chân mình, trong một thế giới chưa hề có dấu chân ai chạm đến.

Trí Hải càng ít nói, đắm mình trong suy nghĩ, Phạm Xảo càng dè dặt. Riêng thầy Tiều thì vẫn cứ vô tư cười khúc khích. Dường như thế giới này đều là bạn đối với thầy. Loài vật cũng như cây cỏ xung quanh, tất cả đều rí rả trò chuyện không ngớt với thầy Tiều.

Chiều đến, ba người lặng lẽ vác cuốc trở về. Trên đường đi, Trí Hải nhìn về phía kinh thành thờ dài. Bất ngờ, thầy Tiều tiến sát bên tai, cười cười nói nhỏ:

- Nhiễm sâu quá rồi. Khó gỡ...

Trí Hải tròn xoe mắt, hỏi lại:

- Nhiệm gì hở thầy?
- Nhiệm tình.

Tiếng “tình” có sức lay động mãnh liệt kéo Trí Hải về với thực tại:

- Tình nào? Tình gì? Sao thầy biết mà nói vậy?!
- Tiếng trống chầu đêm nọ nói hết rồi mà.

Cảm giác kỳ lạ cảm dùi trống trên tay, hình ảnh cô Ba Gấm nhẹ nhàng khuất trong đám động và mùi nước hoa Marie Antoinette thoang thoang như thật, như hư ảo hiện về. Trí Hải không giấu nổi sự xúc động hiện hình trong giọng nói:

- Ý thầy muốn nói đến tiếng trống chầu hát bội của tôi đêm nọ? Thầy không đi xem hát sao biết? Ô, mà cũng chẳng có gì. Cũng chỉ là những tiếng trống điểm chầu trong tuồng hát thể thôi. Chẳng khác...

Thầy Tiều lắc lư cái đầu cười dễ dãi, trả lời:

- Tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng khánh, tiếng trống... đều có độ vang bèn khác xa nhau tùy theo người tạo tiếng quý hữu à. Độ vang bèn không phải là kết quả của bập thịch mà là tiếng vọng và sức hút của hai trái tim. Trái tim tạo tiếng và trái tim nghe tiếng. Nếu trái tim Bá Nha tạo tiếng mà không có trái tim Tử Kỳ nghe tiếng thì làm sao có sự hòa điệu của tri âm. Tiếng chuông phát ra từ bàn tay của người có tâm sự u uất khác xa với tiếng chuông gõ nhẹ bởi bàn tay của vị xuất trần. Tiếng trống chầu của quý hữu trong đêm cầm chầu không u uất mà cũng chẳng xuất trần, nhưng nghe ra còn lắm đa đoan, nhiều hệ lụy giữa đời này.

Trí Hải hỏi dồn:

- Nguyên nhân nào từ trong tiếng trống đã làm cho thầy nghĩ như thế?
- Tiếng trống chầu đôi, chầu ba không khoan thai đều nhịp mà tiếng trước đuổi tiếng sau dập dồn như vừa đam mê, vừa lo sợ.
- Theo thầy thì từ đâu sản sinh ra nhịp trống chầu khác thường như thế?

Thầy Tiều đáp gọn lỏn:

- Sóng tình!
- Tình gì?
- Tình ái. Nỗi đam mê dính mắc của một sự rung động chợt đến.
- Làm sao để tránh nó?
- Muộn rồi!
- Sao lại muộn?
- Khó tình bên trong đã vỡ òa và đuổi theo một hình bóng...

Lần này đến lượt Trí Hải cười kiêu bạc:

- Biển dâu muốn tránh còn tránh được huống chi chỉ là một cuộc tình nam nữ.

Thầy Tiều nói lâm bâm:

- Tội nghiệp. Những người chưa bao giờ biết một tình yêu đích thực là gì mới cho rằng tránh được tình yêu dễ dàng như thế.

Chưa nghe rõ và hiểu hết ý thầy Tiều, Trí Hải hỏi lại:

- Theo thầy thì tình cảm trai gái là một “biên cố” mà khi đã xảy ra thì không thể nào tránh được sao?
- Tình cảm trai gái và quan hệ thường tình nam nữ khác với tình yêu quý hữu ạ.
- Như vậy tình yêu là gì?
- Là một trạng thái tình cảm đam mê, một ấn tượng tâm hồn sâu sắc, một sự gắn bó vô hình quấn quýt hai người tình với nhau mà chỉ có những người trong cuộc tình mới hiểu được.
- Thầy! Sao thầy đi tu mà lại hiểu sâu khái niệm tình yêu đến thế?

Thầy Tiều lại cười khúc khích:

- Ô! Vì tôi đã yêu. Yêu mình và yêu cả thế gian đau khổ này.
- Thầy lại trả lời theo kiểu “huề vốn” rồi!
- Lời to. Không huề vốn đâu.
- Lời?!
- Yêu sự đau khổ mà không bị đau khổ yêu lại thì nói theo giọng nhà buôn là “một vốn bốn lời” đó quý hữu à.
- Yêu mà không nhận yêu lại ăn gian chứ thầy.

Thầy Tiều lại cười to hơn:

- Hay! Tu là cỏi phúc, tình là... ăn gian. Ha, ha...!

Dáng thầy Tiều chỉ còn là cái bóng xa dần trên đường cỏ. Trí Hải lững thững trở về với Phạm Xảo; vừa đi vừa ngẫm nghĩ đến sự bén nhảy của thầy Tiều. Nghe tiếng chuông, tiếng trống mà hiểu được nỗi lòng thầm kín của kẻ tạo tiếng và cảm xúc thực sự của người khua chuông, giống trống thì quả thật xưa nay hiếm. Lời thầy Tiều như một chén nước lạnh đổ thêm vào khổ cảm xúc đang run rẩy, ướt đẫm của Trí Hải. Bản chất kiêu hãnh giấu kín của một ông Hoàng, sự thông minh uyên bác của một thiện tri thức và sự nhạy cảm, khao khát sống võ bờ của một nghệ sĩ càng làm cho Trí Hải nhận thấy sự yếu đuối tình cảm của mình. Mặt hồ phẳng lặng vừa bị cả một trái núi rơi xuống. Sự xao động dữ dội không ngờ. Hơn nửa đời người, Trí Hải vẫn chưa từng kinh qua cơn say tình cảm như thế bao giờ. Lần đầu say chệnh choáng vì ném phải một thứ rượu cấm không thể nào uống được làm Trí Hải muốn phủ phục, ngửa mặt đón từng giọt hiếm. Nhưng cùng lúc có những khuôn mặt dữ tợn, những bàn tay đầy đe dọa vươn ra từ phía sau kéo Trí Hải bước lùi lại. Thiên thần và ma quái cùng xuất hiện một lần khiến Trí Hải vừa say mê vừa chống lại.

Có bóng người thấp thoáng ngoài ngõ. Phạm Xảo ra đón và trở vào nói với Trí Hải:

- Có khách. Một người nữ muốn vào gặp Hoàng thân để trao thiệp.

Trí Hải đồng ý mời vào. Thì ra, đây là cô gái ôm khay thẻ tiền thưởng trong đêm cầm châu. Với phong thái nghiêm cẩn đến khô khan so với dáng vẻ trẻ trung và mềm mại của mình, cô gái đặt một phong thư nhỏ lên chiếc khay rút ra từ túi xách mang theo bên mình, chấp tay thi lễ và thưa:

- Bẩm Hoàng thân đại nhân, Chánh Chương Phủ phu nhân xin gửi thiệp này đến đại nhân. Kính xin ngài chiếu cố khai thiệp.

Trí Hải chưa vội với tay nhận thiệp mà đuổi theo dòng suy nghĩ mông lung với ý nghĩ tức thời rằng, đây hẳn là cái thiệp ngõ lời xin đến gặp của cô Ba Gấm. Những nỗi dao động tình cảm, suy tư nằm sâu kín từ đâu trong mấy ngày qua lũ lượt ùa đến. Bên này là sự mời gọi êm đềm: Cô Ba Gấm, Chánh Chương phu nhân, người đẹp chín muồi không dấu vết tuổi tác, một Mạnh Thường Quân hào sảng nặng tình nghệ sĩ với nét vẽ vờn thư pháp tài hoa. Từ chối không gặp lần này là mặc nhiên tiếp tục đóng kín cánh cửa của một đời khổ hạnh. Bên kia là chương ngại đầy gai góc: Nhân luân, phẩm hạnh, hoàng tộc, triều đình, tiếng tăm, vinh dự. Nhận lời gặp mặt là mở cửa cho khát vọng tình cảm bùng lên. Trí Hải nhắm mắt định thần trong giây lát. Trực giác tự nhiên cho biết là cánh cửa địa ngục và thiên đường đang từ từ hé ra. Đam mê và đau khổ, địa ngục và thiên đường có khi chỉ là hai mặt chẵn, lẻ của một số phận thật mong manh và phi lý. Có một câu thần chú nào, một lời nguyện cầu nào linh ứng cho phút giây này. Có một chỗ dựa vào cho con người muốn sống thực, nhưng vẫn phải nói chuyện băng quơ hoài trên sân khấu cuộc đời...

Tiếng cô gái nhỏ nhẹ nhắc đến lần thứ ba:

- Cung thỉnh đại nhân khai thiệp.

Trí Hải giật mình cầm lấy cái thiệp trên khay và mở ra. Vẫn mảnh giấy hoa tiên và nét chữ tài hoa bay bướm. Nhưng nội dung bức thư bằng chữ Nôm không phải là một cái thiệp xin tiếp kiến bình thường, mà là một cuộc hẹn gặp đầy quyết đoán, không cho Trí Hải một sự lựa chọn nào hơn là phải đến gặp người viết thư. Thư viết rằng:

“Kính bẩm Hoàng thân đại nhân.

Trước hết tiểu thiếp xin kính lời vãn an đại nhân. Mục đích thư này là chính ý đại nhân cho tiểu thiếp được một dịp hội kiến với ngài để thanh thỏa vấn đề tiền thưởng trong đêm cầm châu hát bội vừa qua. Dù cho đại nhân có chiếu cố chuẩn lời quá bộ đến hay không thì tiểu thiếp cũng sẽ chờ nơi nhà

kiếng trong vườn cây cảnh của Tâm An vào giờ Ngọ ngày mai, mồng hai tháng Tám. Đa tạ đại nhân.

Kính bút. Ba Gấm”

Người tiểu nữ đã ra tới cổng ngoài mà Trí Hải vẫn còn ngồi đắm mình trong suy nghĩ. Một trời hương hoa lãng mạn bay đâu mất. Cái thiệp rõ ràng là một cái thư đòi nợ. Giọng điệu trong thư khô khan và rạch ròi như một tờ thông báo hợp đồng thương mại. Sự thất vọng từ đâu biến thành cái buồn chột đến. Ngăn kéo tâm hồn sâu kín nhất trong Trí Hải đã báo động lầm về một hiện tượng tình cảm xảy ra đột ngột.

Trí Hải uể oải đưa cái thiệp cho Phạm Xảo xem với lời bình luận mệt mỏi pha một chút lo lắng:

- Thanh toán tiền thưởng bằng cách nào đây huynh?

Phạm Xảo xem qua tờ thư, cười cười nhận xét:

- Có lẽ vì tôi xuất thân là con nhà tướng nên nhìn thư này có khác. Trong bình thư có nói: “Dụ tướng không gì bằng khích tướng”. Cô Ba Gấm đem chuyện nợ nần ra để khích Hoàng thân phải đến tận điểm hẹn vì lòng tự trọng chứ không thể chối từ. Chữ dùng rất khéo là “thanh thỏa” chứ không phải là “thanh toán” vấn đề tiền bạc. Nếu đây chỉ là một cái thư nhắc nhở chuyện tiền bạc tầm thường thì người viết không thể nào là một người nổi tiếng như cô Ba Gấm.

Trí Hải thắc mắc:

- Tôi chỉ biết Ba Gấm là phu nhân quan Chánh Chương. Thật ra bà ấy là ai và nổi tiếng như thế nào thì tôi không rõ. Huynh cũng biết về bà ấy?

- Nhiều năm qua tôi chỉ quanh quẩn trong dinh này nên ít biết chuyện bên ngoài. Riêng trường hợp cô Ba Gấm thì không biết cũng phải biết vì từ hàng nông dân nghèo khổ đến bậc quyền quý giàu sang đều nhắc đến “Ba Gấm” hàng ngày trên cửa miệng.

- Sao lạ vậy? Nhắc đến để làm gì?

- Tất cả mọi kiểu gấm vóc, tơ lụa dẫu có đắt tiền, đẹp đến đâu mà không mang nhãn hiệu “Ba Gấm” đều bị coi như là hàng tiểu phẩm quê mùa. Hàng

đại quan, hàng triều thần lương đống, hàng quý tộc cho đến cung tần, mỹ nữ... hễ có dịp gặp nhau đều tò mò tìm một dấu hiệu ở một nơi nào đó trên áo để coi có phải đang mặc hàng Ba Gấm hay không. Những người lao động, những kẻ chân lấm tay bùn... cũng ước mơ có ngày được mặc hàng Ba Gấm.

Trí Hải vừa ngạc nhiên vừa tò mò vói tay lấy cái áo lễ hội đã hơi cũ do một người giàu có trong hoàng tộc may tặng, đưa cho Phạm Xảo xem, rồi hỏi:

- Thế cái áo này có phải là hàng Ba Gấm không huynh?

Phạm Xảo nhận ra ngay nhãn hiệu Ba Gấm từ góc cổ áo và chỉ cho Trí Hải:

- Chính hiệu. Cái nhãn hiệu cảnh hoa ba lá, nhỏ cỡ móng tay. Thêu bằng chỉ nhung này là dấu hiệu đặc biệt của hàng Ba Gấm. Đơn giản thế mà bao năm rồi không ai giả được, hay không dám giả, nên càng làm cho hàng Ba Gấm tăng thêm giá trị và nổi tiếng lừng lẫy hơn. Cái áo hàng Ba Gấm đắt giá hơn cả chục lần so với cái áo cùng loại mang nhãn hiệu khác.

Nhìn vào cảnh hoa ba lá thêu chỉ nhung, Trí Hải không nói gì. Phạm Xảo nhăn mặt kêu lên:

- Cái áo chỉ là phương tiện che thân thôi, tại sao người ta lại chuộng những hình thức phù phiếm đến như thế?

- Cái bụng thường có giới hạn, nhưng cái đẹp thì vô cùng. Vì vô cùng nên vô giá. Nụ cười của Bao Tự đáng giá cả sự nghiệp của quân vương cũng chỉ vì cái đẹp.

Mỗi người đuổi theo một ý nghĩ riêng. Đêm tháng Tám bắt đầu lạnh.

Mặt trời càng lên cao trên đỉnh mái, Trí Hải càng bồn chồn. Trong lặng im của hai người, chỉ có tiếng Phạm Xảo cất lên đầy quyết đoán:

- Hoàng thân phải đi thôi. Dẫu không có một đồng dính túi nhưng Hoàng thân còn có cả một vòng hào quang ẩn hiện trong lòng người. Nếu nói như Hoàng thân hôm qua thì hào quang đó cũng là cái đẹp. Biết đâu cái đẹp này cũng có giá riêng của nó và có thể trả được nợ nần.

Trí Hải đặt tay lên vai Phạm Xảo. Người bạn già mang bản chất ngay thẳng của con nhà tướng này đối diện với thực tế một cách thật thà nhưng cũng đầy cảm động.

Mặt trời sắp đứng bóng. Trí Hải men theo con đường nhỏ ngập lá mùa Thu đi về khu vườn cây cảnh của Tâm An, lòng không yên với nhiều ý nghĩ mâu thuẫn. Gặp người thân thiện là một niềm vui; gặp kẻ thương quý là một nguồn hạnh phúc; gặp nhân vật ngưỡng mộ là một ân sủng; gặp phường gian dối là một tai họa... Nguồn suy tư đầy tràn bỗng giạt mình trống không khi Trí Hải chỉ nhận ra cái bóng thấp thoáng của Ba Gấm sau những tàn cây cảnh. Tâm An bỏ đi nhưng vẫn mướn người chăm sóc ngôi nhà thiên và khu vườn quý hiếm bởi có cây kỳ nam cổ mộc. Khu vườn đẹp đáng mơ phai vì nhiều cây đã chuyển màu sang Thu.

Trí Hải tiến tới chào trước:

- Kính chào Chánh Chương phu nhân. Mỗi là vạn hạnh mới được diện kiến phu nhân ngày hôm nay.

Người đàn bà đáp lại bằng nét cười tươi, nhưng đôi mắt vẫn không cười cùng cửa miệng. Đôi mắt đẹp mở to, dò hỏi. Đôi mắt có sức cuốn hút người đối diện vì nét kiêu sa và bí ẩn. Đôi mắt quyết đoán và lạnh lùng trong cách nhìn, nắm bắt đối tượng; nhưng đa tình và lãng mạn khi diễn đạt:

- Dạ, kính chào Hoàng thân đại nhân.

Một thoáng yên lặng hơi ngỡ làm Trí Hải có cảm tưởng như mình đang bị chơi với trong tầm quan sát của người trước mặt. Người đàn bà lại lên tiếng, phá vỡ mảnh im lặng khó khăn:

- Thưa Hoàng thân, có thể nào chúng ta giải quyết ngay chuyện vay trả liên quan đến những thẻ thưởng trong đêm cầm châu hát bội không ạ?

Lúng túng vì một đời chưa quen với việc vay mượn bao giờ. Trí Hải hỏi mà không biết câu trả lời sẽ về đâu:

- Vâng, tôi cũng đang mong như thế nhưng trả bằng cách nào xin phu nhân cho biết.

Người đàn bà cười rất thoáng, nửa như nghịch ngợm trêu chọc, nửa như chân thành kính cẩn, trả lời:

- Vay một lần thì phải trả một lần cho hết mà thôi, thừa đại nhân.

Sự căng thẳng tinh thần nằm trong giọng nói của Trí Hải:

- Có lẽ đó là cách hợp lý nhất. Vậy, thừa phụ nhân, tổng ngân khoản của toàn khay tiền thưởng là bao nhiêu?

- Là vô giá, thưa ngài.

- Xin phụ nhân vui lòng nói rõ hơn...

- Là vô giá. Cái dụng thường có giới hạn, nhưng cái đẹp thì vô cùng. Vì vô cùng cho nên vô giá.

Trí Hải giật mình nhận ra đây là câu mình nói với Phạm Xảo hồi đêm, nhưng cũng ráng hỏi, ngập ngừng:

- Ý này tôi nghe đâu... quen quen?

Người đàn bà bỗng cười khanh khách. Tiếng cười giòn, vui làm nứt rạn bức rào chắn hình thức nghi lễ giữa hai người. Người đàn bà hết cười, cắn môi, mặt nghiêm lại và đôi mắt trở nên buồn thắm thắm như đang để buông trôi về một dĩ vãng:

- Của tác giả Hoàng thân Trí Hải viết chung với cậu ấm Nguyễn Văn Thuyên trong sách Phù Sinh ký đó ngài ạ.

Thảng thốt đứng bật dậy từ chỗ ngồi đối diện với người đàn bà, Trí Hải chưa tin hẳn những điều mình vừa nghe là có thật, hỏi dồn:

- Phù Sinh Ký? Tác phẩm đầu tay của ta đã bị thiêu hủy sau vụ án “văn chương phản nghịch” Ấm Thuyên?

Người đàn bà vẫn ngồi điềm nhiên, giọng xa vắng có vẻ như đang nói với những kẻ vô hình năm cũ:

- Không chỉ Phù Sinh Ký mà năm tác phẩm khác về Thi, Thư, Chuyện, Ký, Sử của đại nhân vẫn còn nguyên vẹn.

Hy vọng bùng lên trong tuyệt vọng khiến Trí Hải than van một cách yếu ớt:

- Tất cả đều bị thiêu hủy. Không ai dám chống lệnh triều đình khi tả quân Lê Văn Duyệt là quan chấp sự của vụ án.

- Thừa Hoàng thân, đúng là như vậy. Nhưng nội tình có khác. Việc thu sách và đốt sách được tả quân giao cho quan Chánh Chương.

- Ô như vậy cho nên phu nhân có cơ hội giấu một số sách không đốt?

- Dầu sao thiếp cũng là người nhà của quan Chánh Chương, nên nếu muốn thì cũng có nhiều cơ hội để giấu sách, nhưng cả tầng thư của Âm Thuyên và bằng hữu có được bao nhiêu cuốn sách hay đâu mà phải mất công giấu giếm. Sách Tàu thì toàn cả kinh sử Trung Hoa xưa cũ. Sách ta thì rất thơ văn ngâm hoa vịnh nguyệt vu vơ. Hơn nữa, thiếp không muốn vi phạm luật của triều đình đã ban ra.

Trí Hải nóng lòng hỏi cho ra sự thật:

- Nếu đã không cất giấu thì làm sao phu nhân còn giữ được những cuốn sách vừa kể trên?

- Chép. Luật triều đình không ghi điều cấm chép sách.

- Chép?! Như thế phải cần có một ban sao chép bao nhiêu người và phải làm việc mất trong bao lâu?

- Dạ, một mình! Phải chép xong trong bảy ngày đêm để cho quan Chánh Chương thi hành án lệnh khẩn cấp.

- Lẽ nào chỉ một mình phu nhân mà chép hết mấy nghìn trang sách trong bảy ngày đêm?

- Mẹo tóc ký chấm phá của Vương Hy Chi đòi Tấn và Vũ Bá Thiên đòi Đường có thể giúp ghi lại cả trang sách trong dăm ba dòng bằng ký hiệu. Khi đã thích thì việc chép lại những dòng kim cổ hùng văn, những áng thiên hạ danh văn trở thành nỗi đam mê không mỏi mệt.

- Về sau ai chép lại từ ký hiệu tóc ký ra văn thường?

- Thiếp!

- Vẫn chỉ một mình?

- Dạ.

- Bao lâu?

- Ba năm.

Trí Hải từ từ nhắm mắt lại. Những hàng nước mắt chảy thành dòng.

Có từng quặn quại vì một câu thơ, từng dõi ánh mắt trộm sâu vào đêm khuya một mình, từng xác đẽ giữa đời mà thân trí chơi voi bên khung trời cao viễn mới thấm hiểu dòng nước mắt ngắn dài của Trí Hải. Nghệ sĩ lòng mang nghiệp nặng giữa trần gian. Sáng tạo nghệ thuật có khi chỉ là những con đom đóm ma trôi. Con đom đóm không sáng bằng một giọt nắng mặt trời, nhưng nghiệp tiền kiếp muốn đốt hết xác thân của nó thành ánh sáng. Có thể chẳng soi đường cho con kiến cỏ, nhưng con đom đóm vẫn cứ đốt sáng cho hết một kiếp lập lòe bay bổng hay nằm bẹp dí dưới những góc cỏ dại vô danh. Nó chỉ có một đời và dám sống hết một đời cho bóng tối.

Từ từ mở mắt, nhìn sau cuốn sách bọc trong gói lụa đào vừa được Ba Gấm mở ra, Trí Hải dang tay vươn tới. Một tay đặt lên mân mê từng cuốn sách, một tay đặt lên vai Ba Gấm như một cử chỉ gần gũi biết ơn, nghiêng mình trân trọng. Trí Hải nói như trong cơn mộng du:

- Ô! Sách cũ vẫn còn? Thưa phu nhân, Ba Gấm...

Nỗi ghen ngào làm cho người đàn ông hóa đá. Nhưng con hóa đá chỉ là một thoáng qua mau. Trí Hải rụt tay lại. Đã muộn. Bàn tay nuột nà và ấm áp của Ba Gấm đã kịp giữ bàn tay Trí Hải nằm yên trên vai mình. Ba Gấm, giọng lạc đi vì xúc động:

- Hoàng thân, đại nhân. Ngài... Huynh... Muội hiểu.

Hiểu. Có khi không cần tri thức mà chỉ cần biết mở tung cánh cửa tâm hồn đúng lúc để cho sự xúc cảm ủa vào. Ba Gấm đã từng có những cảm xúc ngây hồn và nổi rung động tê dại khi một mình chép những dòng văn tài hoa và lãng tử của Trí Hải. Chữ như guom, ý như lửa đi khai phá những con đường tươi mới.

---o0o---

Chương 17 - Đòi Cung Nữ

Gia đình Ba Chiêu đã năm đời trồng dâu, nuôi tằm, lấy kén, ươm tơ và dệt lụa. Tơ lụa Ba Chiêu dệt bằng những xe tơ quay tay và khung cửi đập bằng chân. Mặt hàng gồm cả hàng, lụa, thao, đũi, nhiễu... Dâu xanh nuôi tằm quanh năm tươi tốt nên kén vàng óng ả. Lụa Ba Chiêu mịn, bóng và có vẻ sang trọng hơn là các mặt hàng tơ lụa buôn từ Tô Châu, Hàng Châu và Thượng Hải đưa qua nên rất được ưa chuộng trong giới quyền quý ở kinh thành.

Khách thường trực quanh năm là các ông hoàng bà chúa. Họ là những hoàng thân quốc thích được phong tước và chia đất tùy theo thứ bậc. Căn bản kinh tế là sống bằng lợi tức, xâu thuế thu từ nông dân trong từng thôn ấp được chia. Một số hoàn cảnh, nguồn thu nhập giới hạn không đủ cung ứng cho nếp sống vương giả nên họ thường lâm vào cảnh nợ nần vì quen ăn ngon mặc đẹp.

Liên tiếp hai năm Thân, Dậu mất mùa, sự nghiệp canh cửi, vải vóc của gia đình Ba Chiêu cũng kiệt quệ theo số con nợ mỗi ngày một lớn, không có tiền để trả. Chủ nhân một gia đình quý tộc ở kinh thành có thể lực và ảnh hưởng lớn ở cung đình đến gặp Ba Chiêu, tuyên bố thẳng là hoàn cảnh kinh tế của họ đã kiệt quệ, không thể nào đủ sức trả món nợ quá lớn về số vải vóc đã mua trong mấy năm qua. Cuối cùng hai bên đi đến chỗ thương lượng và viên quý tộc sẽ đưa Ba Gấm, cô con gái út của gia đình Ba Chiêu vào nội cung để xóa nợ.

Ba Gấm ra đời khi gia đình Ba Chiêu khá giả nhờ nghề nuôi tằm, lấy tơ dệt lụa. Chỉ có lụa Ba Chiêu mới địch nổi với tơ lụa Hàng Châu của Trung Hoa. Gia đình toàn con trai, nên khi sinh được một cô con gái, cả gia đình Ba Chiêu sung sướng và trân quý cô con gái út vô cùng. Ba Chiêu muốn cô gái út phải thoát ra khỏi cảnh ruộng lúa, nương dâu của nghề tang tằm khó nhọc. Sự “đòi đòi” đầu tiên là khi Ba Chiêu mang lễ vật đến thỉnh ý cụ Nghè. Cụ là bậc đại khoa hưu trí duy nhất ở trong vùng để xin một cái “tên chữ” cho cô gái út. Cụ Nghè vuốt râu dạy rằng, người con gái quý nhất là đức hạnh và vẻ đẹp tự nhiên làm cho người “quân tử” cầu cạnh mong được gần gũi. Theo lời cụ Nghè, người đẹp ví như gấm, như hoa. Cho nên cụ đặt tên cho cô gái út là Hoa Gấm, nhưng khi cụ chấm ngọn bút lông vào giấy hồng đào để viết lên hai chữ Hoa Gấm thì bỗng dừng tay lại. Cụ phải kiêng húy. “Hoa” là trọng húy nên cụ theo trào lưu “kiêng cũ” chung bằng cách đổi “Hoa” thành “Ba”; Hoa Gấm thành Ba Gấm.

Giấc mơ đòi hỏi cho cô gái út bay bổng xa hơn khi viên quý tộc mắc nợ vài vốc gạo gấm rằng, ông ta có người em là quan tuyền cung, nên việc đưa những cô gái đẹp như Ba Gấm vào nội cung làm thê thiếp của vua chẳng có gì khó cả. Quan tuyền cung chuyên tìm gái đẹp tiến cung. Mục đích là để sung vào đội nữ binh trừ bị, chờ đợi cơ hội được làm thê thiếp của Vua. Ba Gấm sẽ được đưa vào vị thế chờ đợi đầy hy vọng. Mong được có ngày “dựa mạn thuyền rồng”, trở thành hoàng hậu. Với hàng dân dã như Ba Chiêu, thì cái bánh vẽ “hoàng hậu” là ánh sáng vinh quang chói lọi, mấy ai dám ước mơ. Lòng thương con đã thắng. Gia đình Ba Chiêu đưa Ba Gấm vào cung với hy vọng tràn đầy vào một tương lai huy hoàng đang chờ cô con gái út.

Đối với hàng dân dã, nếp sống cung đình sau lớp hào lũy và hoàng thành ụ nghi, kiên cô hoàn toàn là một thế giới khác. Thế giới có vẻ gần với thần thoại của các bậc đế vương trong cổ tích. Một thiếu nữ đã được đưa vào cung cấm là bước qua một thế giới vẫn sống, nhưng cuộc đời sẽ sang kiếp khác, kiếp của một con người sống trên cùng một hành tinh này, nhưng không mong ngày trở lại với cuộc đời thường. Trong dân gian, những vùng quanh Huế, khi nói đến “đưa con vô Nội” là có ý nói một đứa con đưa vào cung cấm sẽ vĩnh viễn mất đi. Một khi đã được tuyền vào cung, các phi tần, cung nữ không còn được phép gặp mặt bất cứ ai ở bên ngoài nữa. Họa hoằn trong những trường hợp đặc biệt hiếm hoi, nếu cha mẹ được đặc ân cho phép vào Đại Nội thăm con, thì cũng chỉ có thể nói với con qua một bức sáo, chứ không được phép nhìn thấy mặt con.

Thế nhưng, cái tâm lý “một ngày dựa mạn thuyền rồng, còn hơn muôn kiếp ở trong thuyền chài” vẫn thôi thúc các bậc cha mẹ mơ ước những đứa con gái đẹp nhất, khéo nhất, ngoan nhất của mình gặp dịp may nghìn năm một thuở nào đó, được tiến cung và sẽ có cơ hội làm vợ vua. Con được tuyền vào cung cấm, được hầu hạ vua giữa chốn triều đình là cả một sự vẻ vang không những cho cha mẹ, gia đình mà còn là niềm vinh quang của cả dòng họ, tiếng vang chung cho làng xã, tỉnh thành.

Ba Gấm được đưa vào cung. Cô bé dân dã lớn lên trong khung cảnh làm lụng hái dâu, nuôi tằm, dệt lụa cùng với gia đình trở thành cung nữ. Thế giới mới hoàn toàn xa lạ với cô bé bình dân chưa ra khỏi lũy tre làng. Một thế giới đàn bà được tuyền chọn vì nhan sắc, vì địa vị xã hội có cha ông là quan lớn trong triều hay vì có tài năng trội bật trong thiên hạ... nhưng tất cả đều có một mục đích cao nhất và cuối cùng là được hầu hạ, cung phụng, phục vụ, hiến trọn đời mình cho một ông vua.

Cũng như các cung nữ mới tuyển, Ba Gấm được đưa vào Viện Đoan Trang. Đây là nơi tập sự cho những con chim non đang tập tễnh bước vào đời cung cấm. Trong thế giới Tam Cung, Lục Viện uy nghi, lạnh lẽo nhưng cũng xô bồ, hừng hực muôn thứ lửa đua tranh này, mỗi người đàn bà là một mảnh thân phận sẽ trôi theo dòng sông lạnh lùng không còn sự mơ mộng đợi chờ của “mười hai bến nước”. Ngoài các thái giám trợ li phi giới tính, không có một bóng đàn ông nào được đặt chân tới nơi này. Từ Viện Đoan Trang, lên tới viện Đoan Tường, viện Đoan Huy là một cuộc hành trình đầy gai góc. Càng ngày Ba Gấm càng khám phá ra rằng, cung nữ chỉ là một người đầy tớ gái trong cung vua. Như con mèo chẳng bao giờ thành con cọp, cung nữ là kẻ hầu hạ suốt đời đủ hạng người trong cung vua. Hầu hạ từ những bà cung phi già có, trẻ có cho đến những đứa bé sơ sinh con vua, cháu chúa... Chẳng bao giờ có cơ hội làm được gì cao hơn. Nhìn được dáng vua từ đằng xa đã khó, nói chi đến giấc mơ hoàng hậu, ái phi bên vua.

Ngay cả những người đẹp được tuyển vào cung làm thê thiếp của vua, phần đông, đều mang số phận hẩm hiu “cung oán”. Biết bao giai nhân khi vào viện Đoan Trang là một trinh nữ và ra đi, nhắm mắt lia đời, là một... “trinh lão” mà vẫn chưa một lần thấy mặt quân vương.

Ba Gấm tập làm cung nữ là tập bỏ thói đời thường để tự dọn mình và được uốn nắn thành một mẫu người riêng trong cung cấm. Cách ăn mặc cũng phải thay đổi từ trong ra ngoài. Cách nói năng cũng phải dè chừng, cẩn trọng, tinh tươm, đài các trong mỗi một lời ăn tiếng nói. Với các bậc quyền quý ăn thì gọi là “thời”. Vua ăn cơm thì phải nói là vua “ngự thiện”. Vua bệnh thì gọi là vua “se”. Vua ngủ thì gọi là “ngoi”, thức dậy thì gọi là “tánh”... Thà ngậm miệng suốt ngày, còn đỡ khổ hơn là nói ra mà phạm húy bị phạt. Sự kiêng cử gọi tên tục của vua sống, của các đấng tiên vương, các bà vợ được vua sủng ái, các nhân vật quan trọng trong hoàng tộc đã làm cho ngôn ngữ triều đình cũng bị nhốt vào cung cấm. Các cung nữ mới nhập cung phải biết nhớ việc kiêng húy trước khi nhớ cha, nhớ mẹ. Phải biết tránh hay “nói trại” âm “ánh” (tên tục của vua Gia Long) thành “yêng”, long thành “luông”, cảnh thành “kiêng”, hoa thành “huê”, nguyên thành “ngươn”, nghĩa thành “ngãi”... Cả một chuỗi trọng húy (tên các vua) và khinh húy (tên các thân thích của vua) dài lê thê phải học thuộc nằm lòng mà hầu hết toàn là những tiếng xa lạ với cuộc sống ngoài cung cấm.

Sau những tháng ngày được dạy dỗ chi li, tập tành cặn kẽ ở viện Đoan Trang, toán cung nữ mới được đưa vào các viện khác trong lục viện Tử Cấm Thành. Ba Gấm được gửi đến “học”, nhưng thật sự là chỉ để hầu hạ các cung

nữ về già. Cung nữ nào độ tuổi ba mươi, bốn mươi là đã xem như hết thời hương phấn. Niềm hy vọng duy nhất và cuối cùng của một đời người là được kê cận với vua dần dần lịm tắt.

Ba Gấm chưa bao giờ biết đời người con gái có nỗi cô đơn nào ghê rợn hơn là số phận người cung nữ về già bị quên lãng. Tất cả những người đẹp được tuyển vào cung cấm đều có chung giấc mơ và nỗi ám ảnh thường trực là đem phận má hồng đi làm vợ cho một người... ông vua. Nỗi hy vọng và lòng mong đợi lóe lên trong từng khắc. Tiếng tăm, tước vị, quyền hành là lớp vỏ huy hoàng, nhưng nỗi chờ đợi mong rạo rục nhất của tuổi thanh xuân khi vào cung cấm là chuyện ái ân. Phấn son, xiêm áo mỗi ngày cũng chỉ là phương tiện để một người đàn bà chuẩn bị thể sẵn sàng được nhìn ngắm, được vuốt ve, được thương yêu và ân ái. Nhưng im lặng là sự tàn nhẫn cùng tột của khát vọng. Nỗi đợi chờ tiếng gọi của vua càng ngày càng quá cao vời, mắt hút ngoài tầm tay với. Người cung nữ cố trốn chạy niềm tuyệt vọng, nhưng tuyệt vọng là bàn tay quỷ quái càng ngày càng siết chặt. Khi con người mang tâm lý tuyệt vọng thì dễ xa người thường để về gần với thánh thần hay ma quỷ. Họ phải tự tử hay ứng xử một cách cực đoan, phản kháng để thách đố và đương đầu với cô đơn và tuyệt vọng. Họ phải làm gì để bù lại cho cái duyên kiếp phũ phàng của họ. Đời cung nữ bị lãng quên là tiếng rên dài trong vắng lặng.

Khác với chuyện thần tiên ngày xưa mẹ kể. Sau ba vòng thành quách huy hoàng của chốn hoang cung là những khuôn mặt đanh lại, lạnh dần vì thiếu vắng nụ cười âu yếm. Giữa vòng thành tím tro tro của Tử Cấm Thành, con người sống cho mình chưa đủ, còn đâu hương hoa dư thừa chia sẻ. Những tia nhìn không còn biểu cảm gần với thảo mộc vì bị cấm cung hàng chục năm trường không có tình yêu hay đối tượng để mà yêu. Giọng nói the thé và cách sai bảo, ra lệnh thẳng thừng của các “tỷ tỷ” bằng tuổi mẹ mình làm Ba Gấm nhiều lần run rẩy. Có cú mình thật thấp để sống, để làm vui lòng các bậc trên mình. Nhưng dù có cố mềm mỏng đến thế nào chăng nữa thì Ba Gấm cũng là kẻ thù một cách vô hình chung đối với lớp cung nữ già. Vũ khí đáng sợ nhất mà Ba Gấm đang mang trên người: Tuổi trẻ!

Nhiều lớp lá mùa Thu xếp thành tầng trên khung nhà kiếng làm cho ngôi nhà trở nên mờ ảo dưới cơn nắng xế chiều. Lần đầu trong đời, Ba Gấm kể lại đoạn đời cung nữ của mình cho một người nghe. Giọng kể khi muộn phiền tui cực, khi dừng dừng khô khan, khi ngậm ngùi xúc động; rồi bỗng đột ngột dừng lại. Nhưng kể không phải để kết thúc câu chuyện mà để chấp lại những

mảnh rời của ký ức về một sự tình cờ đã làm chuyển hướng, thay đổi hẳn cả đời mình.

Trí Hải dè dặt gợi ý:

- Thế rồi, phu nhân làm sao thoát được đời cung nữ?

Ba Gấm nói như đùa nhưng với đôi mắt nhìn thẳng vào người đối diện bằng tất cả vẻ dịu dàng và chân thật:

- Chỉ nhờ một miếng vá thôi huynh ạ.

Trí Hải ngỡ như nghe lầm, hỏi lại:

- Một miếng vá? Miếng vá gì mà kỳ diệu đến như vậy?

- Thì cũng chỉ là miếng vá áo rách thôi. Nhưng đây là chiếc áo đại triều của hoàng tử.

Nguyên nhân của những biến cố làm thay đổi con người và hoàn cảnh nhiều khi cũng chỉ là sự tình cờ. Một vị thái giám mới được tuyển vào cung đã lỡ tay rơi đồ cây đèn, làm cháy xém một miếng bằng nửa bàn tay trên chiếc áo quý của hoàng tử. Vì chiếc áo may bằng một loại tơ sợi quá đặc biệt, quý hiếm; trên áo lại điểm thêu rục rờ, nên không một cung nữ nào có khả năng vá lại mà có thể hoàn toàn che được dấu vá. May một chiếc áo mới cho nghi lễ đại triều phải mất hàng tháng trời, trong khi cuộc lễ thiết đại triều nghi gần kề. Ba Gấm nhận lãnh việc khâu lại chỗ rách. Vốn đã quen nghề thêu thùa kim chỉ, dệt lụa, đan khâu từ hồi còn bé, Ba Gấm miệt mài làm trong ba hôm là chiếc áo liền lặn lại như cũ. Đường kim mũi chỉ vừa thêu, vừa khâu, vừa đan, vừa dệt của Ba Gấm khéo đến độ nhiều người xúm lại cố tìm cho ra chỗ vá mà không tài nào phân biệt được đâu là dấu rách.

“Miếng vá đại triều” đã đưa Ba Gấm từng bước ra khỏi cung cấm.

- Huynh có biết nhờ đâu mà em học được chữ Hán, chữ Nôm; học được sách vở của bách gia chư tử và bắt chước cách viết chữ Nho theo nét thư pháp tài hoa của Vương Hy Chi, Vương Duy, Trương Húc, Tề Hoàng Mễ Sái và đặc biệt gần gũi nhất là của Trí Hải không?

Câu hỏi bất ngờ của Ba Gấm đã hé mở ra một cánh cửa còn đóng kín cho mỗi thắc mắc là tại sao một cung nữ xuất thân trồng dâu, nuôi tằm, dệt cử

như Ba Gắm lại có được một sở học cao xa như ngày nay. Trí Hải cười rạng rỡ, ngẫm nghĩ và nêu lên thắc mắc của mình:

- Phải rồi, phu nhân... muội...à...

Ba Gắm không để cho Trí Hải nói hết câu, cởi mở ngắt ngang:

- Huynh cứ gọi Ba Gắm bằng tên, bằng muội, bằng... em gì cũng được, có sao đâu. Một người đàn bà lớn tuổi hơn thì gọi bằng bà, bằng chị; người nhỏ tuổi hơn thì gọi bằng cô, bằng em đâu có gì lỗi đạo. Con người là chính chứ có quan trọng gì về nhân xưng đâu mà chúng ta cần phải chấp nhặt.

Một thoáng im lặng lúng túng hiện ra trong giọng nói Trí Hải:

- Đành vậy, nhưng có những giới hạn...

- Dạ, giới hạn là do con người tự đặt ra nên con người cũng có quyền hủy bỏ, nói rộng hay sửa đổi giới hạn chứ, phải không huynh?

Giọng nói sắc sảo và tự tin của Ba Gắm đầy sức thuyết phục. Được đi xa, tiếp cận với cách ứng xử thoáng đạt của người phương Tây, nên Trí Hải chẳng ưa gì lễ lối tôn xưng nặng nề bài bản của chốn cung đình, thế nhưng vẫn ngạc nhiên và cảm thấy hơi lạ lẫm trước sự phóng khoáng ở người đàn bà trước mặt. Trí Hải càng muốn biết rõ hơn về người đối diện:

- Phu nhân... à, à Ba Gắm vẫn chưa nói về đường kinh sử của mình.

Ba Gắm lại cười giòn tan. Nhưng tiếng cười nghe có vẻ như ẩn chứa sự chua xót lẫn giễu cợt:

- Em làm học nô chứ có phải là học quan đâu mà dám nói chuyện về đường kinh sử.

- Học nô? Học nô là gì vậy?

- Dạ huynh, học nô là làm nô tỳ, hay là đầy tớ gái, để hầu hạ cho việc học của các hoàng tử và công chúa. Tuy làm đầy tớ, nhưng là đầy tớ trong cung vua, nên đây vẫn là chỗ ngồi mơ ước của hàng cung nữ. Nhờ “miếng vá đại triều” em mới được làm học nô đã là khó lắm rồi, nhưng cố giữ cho được chỗ đứng của mình còn trăm lần khó hơn. Hàng cung nữ hầu hết đều xuất thân từ những gia đình quyền thế trong nước; hoặc phải có tài năng đặc biệt

hay đẹp tuyệt vời trong hàng dân dã mới được tiến cung. Riêng em chẳng có gì cả ngoài món nợ may mặc giữa hai gia đình. Bởi vậy, một cung nữ tầm thường mà được làm học nô như em là bị đặt lên đỉnh đồi ganh tỵ của bao nhiêu người, kể cả cung nữ và các phe nhóm triều thần có thân nhân là cung nữ. Ba Gấm kể lại mảnh đời cung nữ làm học nô. Giọng kể khi buồn thấm nước mắt, khi vui hồn nhiên khúc khích tiếng cười...

Mỗi ngày, Ba Gấm phải thức dậy từ lúc gà gáy lại để chuẩn bị cho một ngày mới. Tắm gội sạch sẽ, tóc tai áo quần tươm tất, đến đợi ngoài cửa phòng riêng của các công chúa đang theo học. Ba Gấm có nhiệm vụ ôm tráp, mang văn phòng tứ bảo đi theo hầu các công chúa học trò vào học đường. Thầy giáo là những học sĩ được vời vào cung làm học quan để dạy dỗ cho các hoàng tử và công chúa. Cách dạy có khác nhau nhưng các thầy đều giống nhau về hình thức dùng roi vọt để trừng phạt học trò một cách nghiêm khắc theo tiêu chuẩn được toàn xã hội chấp nhận và tôn trọng. Tuy nhiên, con vua thì phải khác, các thầy không được, hay nói đúng hơn là không dám, dùng roi vọt trực tiếp trên thân thể của các hoàng tử và công chúa học trò phạm lỗi. Trực tiếp chịu đòn là các học nô. Giới gần gũi với học nô thường đùa: “Mũi đại thì lái chịu đòn. Con vua làm biếng liệu hồn học nô”.

Ba Gấm vốn là cô bé chân quê, lại nhát gan, nên đã ráng hết sức mình để đỡ ăn đòn. Lốp vỡ lòng bắt đầu từ “Tam Thiên Tự”. Quyển sách ba nghìn chữ ghi một bên là chữ (Hán), một bên là nghĩa (Nôm) mà học trò để chỏm thường nhắm mắt đọc lầu lầu như chơi hát đồng dao ngoài đường: “Thiên - trời, địa - đất; cử - cất, tồn - còn; tử - con, tôn - cháu; lục - sáu, tam - ba; gia - nhà, quốc - nước; tiền - trước, hậu - sau; ngư - trâu, mã - ngựa...”.

Đọc mà không nhớ mặt chữ hay đọc mà vấp trước, thiếu sau là cây roi mây trong tay thầy giáo đã quơ gió vi vu, đánh “bốp” trên sàn hoặc phi thân bay xuống đầu học nô.

Ba Gấm đã học thuộc lầu từng chữ để cứu viện cho thân chủ, mà thật ra là để cứu viện cho chính mình trước. Các hoàng tử, công chúa sau giờ học thường có không biết bao nhiêu cuộc vui để tham gia, đến khi trả bài chỉ còn ngậm miệng hay nhớ trước quên sau. Ba Gấm nhìn thân chủ trả bài mà mặt xanh như tàu lá, hồi hộp đợi chờ roi vọt của thầy sẵn sàng giáng xuống đầu mình. Bản năng sống còn đã dạy cho Ba Gấm sự tinh nhanh của trò “học thê”. Khi đến những điếm bí, Ba Gấm cố dùng hết mọi khả năng diễn tả thành ngôn ngữ của thân thể mình để nhắc bài cho những cảnh vàng lá ngọc đang ủ rũ vì bí chữ. Như nheo mắt trái là bộ mộc, nheo mắt phải là bộ thổ,

khịt mũi là bộ thủy, vuốt tóc là bộ miên, chúm môi là bộ khẩu...và cứ thế, những quy ước “thân ngữ” kéo dài. Tuy không bao quát hết cả 214 bộ thủ trong chữ Hán, nhưng khả năng ứng phó cứu nguy chữ nghĩa mang hiệu quả rất cao làm nức lòng đám học trò ham chơi hơn ham học. Ngoài ra có rất nhiều chữ tượng hình, hội ý trong ghép lục thư của chữ Hán cũng được Ba Gấm gợi ý làm cho đám vương tử học trò nhớ chữ và học chữ nhanh hơn cả thầy dạy. Lạ lùng thay là cách “gợi chữ” của Ba Gấm đánh trúng tâm lý ham vui của các nhà quý tộc tí hon làm cho đám nhóc tí hoàng tử, công chúa học qua một lần là nhớ hoài mặt chữ.

Lên các bậc học cao hơn thì sự lười biếng thường để lại những dấu vết rõ ràng hơn. Học Tứ thư, Ngũ kinh mà không chịu tự mình đào sâu nghĩa lý của tư tưởng thì rất dễ rơi vào tình trạng nô lệ sách vở, tìm chương, trích câu một cách máy móc của lời mòn học vẹt. Các vị danh sư hiểu rằng họ đang đào tạo những người chẵn dân, chủ nước tương lai nên được giao trọng trách là phải dạy dỗ học trò đến nơi, đến chốn. Nhưng tiêu chuẩn đến nơi đến chốn của thời đại khoa bảng và học theo sách vở Trung Hoa cũng chẳng đi đâu xa hơn là quanh quẩn trong những khe suối của ngũ kinh Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân Thu. Lý luận làm căn bản trị nước an dân cũng chỉ là những khung thép úa mòn của Tứ Thư gồm bốn tập sách Luận ngữ, Đại học, Trung Dung và Mạnh Tử. Ba Gấm phải học thuộc lòng từng chương, từng đoạn, có khi từng chữ. Cái học để thờ phụng và bắt chước chứ không phải để khai phóng. Cả thầy trò chìm lìm trong ao hồ chữ nghĩa.

Ba Gấm là một trường hợp ngoại lệ trong cung. Thông thường, một hoàng tử hay công chúa có một hay hai người hầu riêng. Ba Gấm là cung nữ hầu cận riêng cho công chúa Ngọc Nữ, nhưng vì không có một cung nữ thứ hai có khả năng “học thế” nên Ba Gấm đã bị “mượn” thường xuyên để hầu cận, làm bài giúp và làm học nô cho những công chúa và hoàng tử khác.

Cho đến một hôm công chúa Ngọc Nữ hỏi:

- Thầy ta bảo là phải tìm một ý mới nào đó khác với lời dạy của đức Khổng Phu Tử mà thầy đã dạy từ bấy lâu nay. Từ nhỏ đến lớn, ta chỉ biết Khổng Tử là đấng Vạn Thế Sư Biểu, phụ hoàng ta là bề trên tất cả thiên hạ cũng phải hết lòng tôn kính, nên ta chỉ biết cúi đầu vâng theo chứ làm sao dám nói khác. Nay người là con nhà dân dã, lời nói có khi quê mùa thô lậu nên dẫu lỡ mồm lỡ miệng nói trái với bậc thánh hiền cũng không bị quở như ta, nếu lỡ lời. Người có thể giúp ta tìm ý mới được không?

Ba Gấm thưa:

- Bẩm, lời công chúa phán ra quả thật là chí lý. Lời công chúa là sấm là lệnh. Kẻ nô tỳ đâu dám nghĩ khác mà chỉ biết xin tuân hành.

- Tốt lắm. Ráng giúp ta, nếu được thầy khen, phụ hoàng và mẫu hậu hài lòng người sẽ được thưởng xứng đáng.

- Bẩm công chúa, nô tỳ học và chép sách của cụ Khổng Tử và chư hiền mỗi ngày, mỗi đêm trong bao nhiêu năm qua. Nhưng chỉ nghe toàn lời ca tụng, chưa từng nghe ai dám nói khác bao giờ. Nay được lệnh cô nương, nô tỳ cũng xin thử một phen.

Lời của Khổng Tử dạy là nhắm vào các bậc cao siêu tôn quý mà luận bàn, mà tôn xưng và ca ngợi ơn vua lộc nước. Vua là con Trời, là cái rốn của vũ trụ. Bất chấp phải quấy, hễ vua ra lệnh là phải tuân hành răm rắp. Vua bắt chết là phải chết, không chết là không trung thành. Riêng kẻ quê mùa thô lậu thì chỉ biết tuân theo lời dạy của cụ Khổng mà một lòng trung với vua lo làm ăn và nộp thuế để mong báo đền ơn vua.

Ba Gấm bẩm với công chúa Ngọc Nữ rằng:

- Bẩm công chúa, người dạy thì xin vâng. Công chúa dạy là phải cố tìm một cách nói khác với cụ Khổng, kẻ nô tỳ mới dám có ý như vậy: Cụ Khổng dạy là phải lấy dân làm quý. Nhưng mặt khác, cụ lại khinh rẻ đám dân nghèo ít học là hàng tiểu nhân. Đàn bà thì bị coi khinh như hàng độn căn, thấp trí. Lời cụ dạy trong sách Luận Ngữ rằng: “Chi hạng đàn bà và tiểu nhân là khó dạy. Gần thì họ nhờn, xa thì họ oán”. Bởi vậy cụ Khổng đã cho đàn bà thành chiếc lá trôi phăng phăng theo chữ tòng để phục vụ suốt đời, hết cha đến chồng, hết chồng đến con. Như vậy người đàn bà không phải là dân, theo lời Mạnh Tử, vì họ không được lấy làm quý. Họ cũng chẳng phải là người mà chỉ là công cụ phục vụ. Phải chăng lời dạy của cụ Khổng không tôn trọng sự công bằng. Đã không có đạo công bằng thì khó mà có đạo làm người công chính để tinh thần Luận ngữ, Trung dung... Đức Khổng Tử sinh vào thời loạn lạc, Xuân Thu, Chiến Quốc. Cụ Khổng không được trọng dụng ngay trên quê hương nước Lỗ của mình, phải qua Vệ, Tề và chu du khắp mười bốn nước trong mười bốn năm nhưng chẳng có nơi nào được trọng dụng, phải về lại quê hương năm sáu mươi tám tuổi và mất năm bảy mươi hai tuổi. Chỉ về sau này, khi nhà Hán đã gồm thiên hạ, muốn nắm vững quyền lực đời đời với vinh danh cụ Khổng Tử và các bậc Trình, Chu. Đạo Khổng là cái búa chặn voi, cái roi giữ ngựa bảo vệ chính danh và uy quyền của

thiên tử và quý tộc; nhưng lại là cái gông đẹp đẽ, êm ái nhân danh đạo lý đối với con người bình thường. Sự trói buộc dựa trên một căn bản trật tự xã hội tưởng tượng nhằm bảo vệ quyền lợi của vua quan và đem áp bức buộc lên đầu, lên cổ đám dân lành thấp cổ bé miệng, không bao giờ dám ngẩng mặt nhìn lên để nói lời phản kháng trước bạo quyền. Nếu bậc thiên tử thương dân như con, muốn lấy dân làm quý thì không nên lấy đạo Nho làm gốc.

Công chúa Ngọc Nữ theo ý của Ba Gám để làm văn nghị luận mà nộp lên thầy và được thầy khen. Từ đó Ba Gám có niềm tự tin rằng, nếu ném cả vốn lẫn lời chăm bẵm tin theo sách vở không hề nghi vấn, thì thà đừng có sách vở hay hơn. Sự suy nghĩ độc lập đã làm Ba Gám trở thành một nguồn tư liệu nghị luận văn sách đáng quý cho giới học trò ông hoàng bà chúa, vốn bị mù người vì ý nghĩ và lời nói chỉ toàn hình thức một chiều trong cung. Tất cả các học nô khác đều bị thay đổi từng tháng, từng mùa, riêng Ba Gám vẫn giữ được vai trò học nô trong suốt nhiều năm làm cung nữ.

Tuy cung nữ Ba Gám làm học nô thì vẫn là học nô, nhưng nhiệm vụ hầu hạ thì được cất nhắc từ mài mực, ôm quyển lên thành phụ việc trợ giáo. Trong những đợt bình văn chám quyển, Ba Gám đã làm cho các danh sĩ học quan nể phục vì sở học sâu rộng về cả chữ Hán và chữ Nôm. Từ tâm lý sợ hãi rơi vọt của một học nô, Ba Gám đã chăm chỉ học hành từ cấp võ lòng đến trình độ cao cấp bình văn, điếm sách để đủ sức “cứu nguy” cho thân chủ là các ông hoàng bà chúa học trò, nhưng trước hết là cứu nguy chính mình. Học để hiểu biết, học vì bị bắt buộc hay học để tự sống còn tuy khác nhau về động cơ, nhưng phương tiện và kết quả thì cũng giống nhau. Đó là sự miệt mài đèn sách, chăm chỉ bút nghiên đã mở mang tầm hiểu biết. Cái học đã giúp đưa cô cung nữ xuất thân trồng dâu nuôi tằm lên ngang tầm với các tay văn học quen vẫy vùng trong trường văn trận bút.

- Huynh à! Không hiểu cuộc đời này có số phận xếp đặt hay tất cả mọi chuyện xảy đến đều chỉ là sự tình cờ?

Ba Gám dừng ngang câu chuyện đang kể về quãng đời học nô của mình và đột ngột hỏi. Trí Hải không trả lời thẳng vào câu hỏi mà lại đưa ra một câu hỏi khác:

- Trả lời “có” hay trả lời “không” đều là suy đoán. Những người trang bị và áp dụng luật nhân quả của đạo Phật thì trả lời là “không”. Họ cho rằng, một người đã gieo nhân thì phải nhận nghiệp quả, không ai có thể thay thế thụ hưởng hay chịu quả báo thay cho ai được cả. Đã không có một sức mạnh

bên ngoài chi phối, con người tự quyết định số phận của mình, nên chẳng có một sự sắp xếp nào trên số phận của mỗi người, hiểu như định mệnh hay số phận cả.

- Huynh có đồng ý với khuynh hướng “vô định mệnh” ấy không?

- Chỉ đồng ý có một nửa thôi.

- Tại sao?

- Tại vì có người mà cũng có mình. Có Trời mà cũng có Ta.

- Như vậy thì người bình dân nói “Đời cha ăn mặn đời con khát nước” là đúng hay sai và ý nghĩ ấy đi ngược lại lý thuyết “nhân nào quả nấy” của Phật giáo hay sao huynh?

- Những người theo đạo Phật có niềm tin riêng của họ. Nhưng nếu có người hiểu và áp dụng tinh thần Phật giáo nửa vời thì cũng mới chỉ đi được một nửa đường trong suy nghĩ và thực hành. Thậm chí, còn có người phân vân cảm thấy dường như là lý thuyết Phật giáo trở thành mâu thuẫn với nhau.

- Mâu thuẫn như thế nào, hử huynh?

- Nếu ai làm nấy chịu thì cầu nguyện làm gì. Bà Mục Liên Thanh Đề ác thì phải đọa vào địa ngục chứ làm sao người con hiếu thảo Mục Kiền Liên có thể nhờ năng lực của chính mình và các bậc tu hành hợp lại để cứu bà mẹ độc ác của mình ra khỏi địa ngục được. Nếu mỗi người là một hạt bụi đơn độc giữa đời, không có sự tương quan, tương tác thì trong số những người theo đạo Phật ai sẽ là kẻ sẽ được vào cảnh sung sướng nhất của ước mơ, đó là cảnh Tây Phương Cực Lạc - trong khoảng một niệm sanh về Cực Lạc - có đức Phật A Di Đà dang tay ra đón?

- Như vậy là có những luận sư Phật giáo cho rằng, chẳng có ai giúp mình ngoài chính mình là sai lầm cả sao?

- Không hẳn là sai lầm nhưng họ chỉ chú mục vào lý Tánh Không, nghĩa là vạn sự và vạn vật không có một gốc rễ riêng; không có một tự tánh riêng. Không có một nguyên nhân đầu tiên như Đấng Tạo Hóa tác tạo muôn loài; cũng chẳng có một đấng thần linh cứu độ dắt dẫn tâm linh con người vào nước Trời an vui tuyệt đối.

- Nếu thế thì có gì sai?

- Sai ở chỗ là họ dừng lại ở chỗ “tất cả đều không có tự tánh” để nhìn muôn vật, rồi suy diễn ra một chiều là “tất cả đều không”. “không” - chính là cốt tủy của vạn sự, vạn vật. Nhưng vạn sự, vạn vật đều đang quay cuồng, thay đổi, biến hiện trong từng chớp mắt. Nghĩa là hằng hà sa số “cái không” đang quay. Chính sự quay cuồng, biến hiện này làm cho mọi vật không bao giờ đứng yên để trở thành một “cái gì đó” đời đời bất tuyệt. Sự tác động lên nhau, dính mắc mọi phía, san sẻ qua lại, hút đẩy triền miên này rất phức tạp. Nhà Phật gọi đó là “Duyên”. Duyên hợp, duyên tan, duyên tàn, duyên tận, duyên cạn, duyên đầy... làm cho mọi sự, mọi vật tác động lên nhau hết sức mạnh mẽ, thường xuyên, không có một điểm ngừng. Một hạt đậu đơn giản thôi, nhưng vốn đã chứa vô số vạn sự và vạn vật trong nó rồi. Hạt đậu đó vừa hiện hữu thì lại có vô số tác động và điều kiện xung quanh như đất, nước, ánh sáng, chất dinh dưỡng, khí hậu, môi trường sống... làm cho nó có khả năng bị tiêu diệt để biến thành vô số hạt bụi mang tính chất khác nhau; hay phát triển thành vô số mức độ (tươi tốt, cần cỗi, sinh sôi nảy nở thành vô số hạt đậu khác...). Có thể nói sự khác nhau vô cùng, vô tận đó của một hạt đậu là “định mệnh, số phận” của một hạt đậu.

Vỗ hai bàn tay vào nhau một cách khoái trá, Ba Gấm tươi cười và kêu lên, nối tiếp lời Trí Hải:

- Một hạt đậu còn có “định mệnh” hưởng chi là con người, phải không huynh?

Trí Hải biểu đồng tình, cười nói theo:

- Phải. Định mệnh của một hạt đậu, định mệnh của một hạt bụi, định mệnh của một con người, định mệnh của cả vũ trụ bao la này đều theo cách “tùy duyên” ấy chứ có khác gì nhau đâu.

- Như thế khi người ta nói “đòi cha ăn mặn, đòi con khát nước” hay “nhờ phước đức ông bà, phúc ấm tổ tiên... mới có được cuộc sống tốt đẹp như ngày hôm nay” là hợp lý phải không?

- Không đúng mà cũng không sai.

- Huynh cứ quanh quẩn với trò chơi “huề vốn” hoài.

- Nhưng đó là sự thật mà. Ta hiểu tánh của vạn vật là “không”, nhưng “tướng” là có, do duyên hợp mà thành. Khi tướng đang xuất hiện thì cũng là khi nó đang biến nên tướng có mà không. Duyên hợp tương tác, tương sinh. Ăn mặn, khát nước, phúc âm, hạnh phúc, tốt, xấu, rủi, may... đều không có một cái gốc nào tác tạo ra cả mà do sự tác động qua lại theo những mô thức và quy ước của chính nó mà sinh ra như đám mây, bụi nước, ánh sáng mặt trời, sự ấm lạnh, hướng nhìn... mà sinh ra cầu vòng năm sắc. Cầu vòng năm sắc chuyển đổi hình dáng vùn vụt rồi tan đi. Cầu vòng chết và sinh trong mênh mông. Giả dụ như cầu vòng sinh ra và chết đi một tỷ lần thì ta thấy như nó đang “có” trước mắt ta dày bằng thời gian tàn điều thuốc. Ánh sáng chết và sinh ra muôn vạn tỷ lần nên ta có được một ngày. Con người sinh ra và chết với số lần gấp ba vạn sáu ngàn nên ta có được một đời. Nó hiện diện và vắng mặt đâu đó quanh ta nhưng chẳng bao giờ đứng lại nguyên hình là chính nó, dẫu trong một mảnh li ti nhỏ nhất của thời gian.

Cả hai người bỗng im lặng. Họ cảm thấy dường như mình đang lăm bần về một vấn đề trời biển nào đó mà cả hai chỉ mới kiếm tìm trong sách vở, chưa có một lần nếm trải bằng kinh nghiệm. Ba Gấm hỏi mà như đã tự trả lời:

- Em cố đi loanh quanh và đi xa như vậy vì em đang nhìn sâu vào mắt huynh từ hồi nãy đến giờ. Em thấy có một câu hỏi rất lớn vẫn còn đọng trong mắt huynh dẫu rằng em đã kể hết chuyện thật về đời mình. Câu hỏi đó phải chăng là em mang cô cung nữ quê mùa lên hàng mệnh phụ nửa mùa?

Trí Hải vỗ tay và cười giòn. Chưa bao giờ người đàn ông dè dặt theo lối cung đình ấy lại bộc trực đến như vậy:

- Ba Gấm thông minh tuyệt vời, nhưng cũng chủ quan quá lắm. Thắc mắc của Trí Hải này không ăn nhập gì đến số phận cả. Cũng chẳng có gì quan trọng hay khác nhau giữa hai người đàn bà sinh ra và lớn lên hai nơi khác nhau; nếu ở bầu thì tròn, ở ống thì dài mà thôi. Có số phận hay không thì trăm năm vẫn hết và cuộc đời này vẫn thế. Đúng! Câu hỏi chiếm ngự trong tôi từ lúc mới đọc mấy dòng chữ thảo của Ba Gấm từ đêm cầm châu đến giờ vẫn là nét chữ...

- Đúng là em nhìn người không lầm. Cả non nước này chỉ có một mình Trí Hải mới thấy được nét chữ của em.

Ba Gấm hai tay ôm nửa mặt. Không có tiếng khóc mà nước mắt ràn rụa. Với giọng buồn sưng nước mắt, Ba Gấm kể:

- Sau năm năm ở trong cung cấm, làm học nô, ngày lại ngày mài mực chép bài, lần mò đọc sách bách gia chư tử, có khi bị ăn đòn oan uổng không phải lỗi của mình, em mới thấy rõ sự phi lý của tuồng đời diễn ra trước mắt. Một sự hiểu biết đáng là bao nhiêu trang sách của một học nô, không bằng một lời phán vội vàng của vị học quan và thua cái nhảy mũi của nàng công chúa. Thước đo giá trị là cả một tuồng ảo hóa. Những tài năng tiểu xảo lại được vinh danh như chuyện lấp biển vá trời. Vị học quan khen công chúa dám nói trái với lời Không Tử bị cho về quê cày ruộng, làm dân đen. Em may được công chúa Ngọc Nữ che chở chứ không thì cũng bị đui vào chốn mật cung làm kẻ nô tỳ tầm ngựa. Em phải biết tập cho trí óc của mình thành giả dối. Phải biết nói khác đề mà khen, mà ca ngợi công lao cụ Không chứ không phải nói khác đề phê phán kêu đòi sửa đổi. Trong sự cô đơn cùng cực đó, em phải tự tìm cho mình một sự giải thoát mà không ai nhòm ngó hay bắt tội được mình. Đây là thư pháp, là con đường khổ luyện để viết chữ đẹp, sống với chữ đẹp, mơ mộng với chữ đẹp cho đến mức cùng ăn, cùng ngủ, cùng thức, cùng hạnh phúc và đau buồn với chữ đẹp.

- Thì thư pháp là một nghệ thuật tao nhã mà ai cũng trân trọng. Nhưng sao trong giọng nói của Ba Gấm tuồng như có gì u uẩn?

- Giờ lại đến lượt em phải khen huynh là thông minh và nhạy bén vô cùng.

- Nữa! Lại khen gì nữa đây?

- Dạ, phải khen qua khen lại mới toại lòng nhau chứ huynh. Hì, hì... Huynh nói đúng, tài mọn viết chữ đẹp của em phải giữ bí mật để khỏi bị tội.

- Hừm...?! Viết chữ đẹp cũng là một cái tội sao?

- Em đã đem chữ đánh lừa cả cung đình và thiên hạ.

- Lại càng khó hiểu hơn nữa...

- Sẽ rất dễ hiểu nếu huynh biết rằng em đã tìm lối sống trong công phu luyện chữ đẹp. Thường những mẫu chữ đẹp nhất của các bậc đại danh gia thư pháp, hầu hết thuộc Trung Hoa thời cổ, đều được mang đến làm mẫu cho các hoàng tử và công chúa đang đi học bắt chước viết theo. Chốn cung đình, giấy mực nhiều như núi, nhưng học trò vương giả có quá nhiều cuộc vui nên thường ham chơi hơn ham học. Mỗi ngày em phải lén lút làm hộ bài cho những vương tử học trò lười biếng.

Ngạc nhiên, Trí Hải hỏi:

- Thầy vẫn không biết có người khác làm bài thế?

- Em phải bắt chước viết theo những tuồng chữ khác nhau của từng người cực kỳ khéo léo để thầy không nghi là bài học trò của thầy do người khác làm hộ. Có đêm em về đau nhức rã tay vì viết quá nhiều. Ban đêm còn phải chong đèn thức đọc bài, chép văn, bình sách hộ cho các công nương và công tử lớp cao cấp. Em đã học và tập luyện tay viết của mình siêng năng như một người làm ruộng.

- Như một Nho sinh chứ sao lại là người làm ruộng?

- Phải nói là tệ hơn người làm ruộng huynh ạ, vì ngoài nỗi mệt mỏi của thể xác còn có sự đày đọa tinh thần. Càng chép, càng đọc, càng viết em càng cảm thấy chán ngất với những lời khuyên, lời dạy vô hồn về một thứ trung quân ái quốc cuối đường một chiều như: “Quân xử thân tử, thân bất tử bất trung” mà không cần biết người xử có xứng đáng làm quan tòa công chính không hay cũng chỉ là phường tội phạm. Kinh sách cổ nói đến con người như nói đến loài sinh vật có hai chân. Sinh ra đời dưới một ngôi sao định mệnh và ngoan ngoãn chấp nhận định mệnh. Rồi cuộc sống cứ thế mà nương theo cái sơ đồ vớ vẩn có thứ, có lớp, có luật tắc, quy trình tưởng tượng về con trời cháu đất gọi là đạo lý, là trung, là nghĩa. Cuối cùng, con người vẫn phải phủ phục quỳ gối trước thân phận nô lệ bé nhỏ của mình để khoanh tay nhận cái ân sủng sau chót của một kiếp đời là cái chết. Sự chán nản của em kéo dài tưởng như không còn lối thoát, cho đến một hôm...

Ba Gấm bỏ lưng giữa lưng chừng câu nói. Trí Hải nhắc:

- Một hôm như thế nào?

- Một hôm em được đọc Phù Sinh Ký của Trí Hải. Em lạnh thoát, tưởng chừng như tê cóng cả người.

- Những dòng chữ bóng bẩy đầy tính hư cấu trong Phù Sinh Ký có một tác dụng tâm lý mạnh đến thế sao?!

- Dạ, huynh ạ, chính sự tưởng tượng của những đầu óc tài hoa, kiệt xuất mới là sự sống của sáng tạo. Tứ đại kỳ thư - bốn đại kiệt tác - cổ của Trung Hoa cũng chỉ là sản phẩm tưởng tượng thôi mà. Vâng, cũng như thế thôi, suốt bao nhiêu năm xào nấu, nhào nặn đủ loại hình hài với Tứ Thư, Ngũ Kinh...

em chỉ thấy một thế giới người đã được đúc cứng lạnh lùng như tượng đá. Phù Sinh Ký đã thổi hơi người vào đá. Đá sống lại. Con người bỗng có cảm xúc, biết khóc, biết cười, biết yêu thương và hờn giận đã lập tức chinh phục em như một đạo hào quang lan tỏa trong đêm. Em đã đọc Phù Sinh Ký và khóc mũi mẫn như một đứa bé mới chào đời. Từ mê nội dung em đâm ra mê tuồng chữ viết. Phù Sinh Ký em có trong tay thuở đó là bản gốc...

Trí Hải trầm ngâm nhớ lại và tiếp lời:

- Phải rồi. Thời đó Phù Sinh Ký được chép tay thành hai bản. Âm Thuyên giữ một bản, tôi giữ một bản. Sau đó bản của tôi bị mất. Không ngờ lại lọt vào tay Ba Gấm.

Ba Gấm nói trong hồi tưởng:

- Tác giả có lối viết cuồng thảo làm dậy sóng cảm xúc của người đọc. Một lối viết chữ Nôm đầy sáng tạo, tuy vẫn dựa trên phép lục thư cổ điển của Trung Hoa, nhưng những nét giản thư chấm phá vừa độc đáo, vừa đẹp như tranh vẽ. Thuở đó, em thường mê mẩn tưởng tượng đến tâm hồn người viết tràn vào cả đầu ngọn bút lông để nói lên cả ý, cả chữ, cả sức sống tinh thần miên man, cuộn cuộn tràn vào đường nét. Chính nét chữ viết và lối dùng chữ Nôm trong Phù Sinh Ký đã trở thành mẫu mực cho em theo. Em đã đi theo Phù Sinh Ký cho đến phút này.

Ba Gấm cúi mặt, che miệng cười, nói nhỏ nhỏ:

- Ngày đó, em ước ao đời mình chỉ được gặp tác giả Phù Sinh Ký một lần rồi chết cũng đã mãn nguyện lắm rồi.

Trí Hải nói đùa theo:

- Nhưng không ngờ, sự tình cờ đã biến tác giả thành con nợ của mình phải không?

Chân tình, Ba Gấm giải thích:

- Thật ra, chẳng phải là tình cờ đâu huynh ơi!

- Nghĩa là ...

- Em dàn xếp mọi chuyện.

- Kể cả đêm trình diễn cho toàn thể cung đình xem?
- Dạ. Đúng.
- Sao một mình Ba Gấm mà có thể làm chuyển động cả một guồng máy lớn đến như thế?
- Cung đình như một cỗ xe trăm ngựa, nhưng chỉ có một xà ích đánh xe giỏi mà thôi. Đó thường là người mạnh nhất điều khiển toàn cỗ xe.
- Vua?
- Không ...
- A, vậy thì có thể hiểu được.
- Huynh hiểu gì ạ?
- Hiểu về sự phi lí của những biến cố trọng đại về triều đình, xã hội, lịch sử.
- Dạ...

Tiếng “dạ” đằm thắm của Ba Gấm có vẻ hiền và ngoan như cô gái sống nép tròn đầy của người lo nội trợ, bếp núc.

Chuyện kể chân thật qua giọng nói ngọt ngào của Ba Gấm đưa Trí Hải vào một trời mơ. Khung trời quá khứ đẹp phiêu bồng đã bị thực tế kéo về giữa đấu trường đau xót sau vụ án văn chương phản nghịch. Trí Hải, nói một mình: “Phải, Âm Thuyên và ta đã viết Phù Sinh Ký từ hai phương không thấy mặt nhau. Ta viết một chương, Thuyên viết tiếp một chương. Hai nét bút cuồn lãng không cùng chung nghiên mực; hai tư tưởng dậy lên trong ngọn triều cùng chung sự thao thức và trăn trở để nhìn lại kiếp phù sinh. Tập sách ba mươi chương đến với người đọc mà chẳng có ai phân biệt được đâu là Trí Hải, đâu là Âm Thuyên”.

Trí Hải mơ màng:

- Nếu Âm Thuyên còn sống, quả thật chúng ta đã tìm được một trần ai tri kỷ.

Ba Gấm tiếp lời:

- Đâu cần phải có hai người mới thấy được một bầu trời đẹp, hả huynh?

Trí Hải chìm trong tiếng nói của Ba Gấm:

- Một mình, thấy sợ!

- Sợ cô độc?

- Không, cô đơn.

- Cô đơn vì tự lòng mình cứ mãi mãi thấy bầu trời xa quá. Thật sự, tất cả đều rất gần huynh ạ.

- Gần đến chừng nào?

- Có lẽ chỉ trong tầm tay với.

- Cũng có cái với tay tuyệt vọng mà cũng có cái với tay để níu kéo nghìn trùng.

- Cả hai lối với tay mà huynh vừa nói cũng chỉ là một mà thôi vì cả hai cùng làm cho sự cô đơn trở nên cùng cực. Em có biết một cách với tay khác. Hay hơn. Này huynh nghe em đọc: “Kéo mây vào trong mắt và níu nắng vàng vào trong tâm. Chừng nào mây và ta là một, nắng và ta giao hòa không tiếng nói thì con người đâu một mình nhưng vẫn cảm thấy không cô độc. Và khi mình không còn nhỏ bé trước vũ trụ vì chính mình cũng là một tiểu vũ trụ nên chẳng thấy cô đơn”.

Trí Hải khen:

- Một ý nghĩ thật hay và rất nên thơ!

Ba Gấm bình phẩm qua tiếng cười đùa gần gũi:

- Mèo khen mèo dài đuôi. Có lẽ mèo khen vì không thấy được đuôi mình chẳng?

- Ai khen ai vậy?

- Thì ông Hoàng Trí Hải khen nghệ sĩ Trí Hải chứ chẳng ai vào đó.

- Có chuyện như vậy sao?

- Đó là câu cuối cùng trong sách Từ Chương của Trí Hải viết mấy mươi năm về trước!

Vỗ tay lên trán, Trí Hải reo vui:

- A! Thôi, chết! Nhớ ra rồi...

Qua dáng vẻ bên ngoài thanh tú, đơn sơ mà vẫn đượm nét gấm hoa của người đàn bà trước mặt, Trí Hải mừng tượng đằng sau vẻ đồng nội ấy có một thế giới khói sương của ngọn núi Kim Phụng soi bóng sông Hương đang nhốt mình trong nó

---o0o---

Chương 18 - Lửa Tình

Hạn hán kéo dài. Bao nhiêu cố gắng cầu mưa vẫn không có một giọt. Sông cạn, nguồn khô. Ruộng đồng nứt nẻ. Khi sự cầu đảo vào thần linh trở thành vô vọng, người ta quay lại với con người. Trong mắt nhìn của thế giới nam trị nặng tính phụ quyền và gia trưởng thì người đàn bà là một bông hoa, nhưng cũng vừa là tai họa. Đàn bà mang âm tính. Động lực âm bị coi là lực cản, lực chìm. Dầu có đẹp như tứ đại mỹ nhân của xứ Tàu thì cũng chỉ làm vướng chân giới đàn ông khí phách. Hoặc có oanh liệt ngang tầm với tứ đại nữ anh hùng đất Việt như Âu Cơ, Triệu Nữ Vương, Hai Bà Trưng rồi cuối cùng cũng phải bó tay trước sức mạnh của đàn ông. Sự bất công trọng nam khinh nữ có cội nguồn từ nền văn minh tiểu nông, trong đó, người nào vỡ đất, cày ruộng giỏi hơn thì người đó nắm quyền chủ động.

Người ta tin rằng, muốn giải hạn cho có hiệu quả thì phải loại bỏ tính âm và cổ xúy tính dương. Nhà vua đương triều, sau nhiều lần triệu ý với các thầy huyền học, luận lý âm dương đã cho rằng số cung nữ trong cung quá đông nên đã làm cho âm thịnh, dương suy mà sinh ra hạn hán. Nhà vua xuống chiếu cho một trăm cung nữ rời cung cấm, trở về nguyên quán. Ba Gấm nằm trong số cung nữ rời cung.

Sau mười lăm năm nhập cung, Ba Gấm trở về với gia đình. Cô gái ươm tơ dệtửi ngày xưa về lại chôn cũ bỗng nhận ra mình là người xa lạ. Người từ cung vua chẳng phải là người thường. Đụng đến tên húy của nhà vua còn sợ hoàng hồ là “người của vua”. Ba Gấm khó mà giải thích cho người bên ngoài, kể cả cha mẹ ruột của mình, hiểu được nếp sống buồn thảm, ngày lại ngày chờ đợi một ảo ảnh không bao giờ đến. Không ai tin lời người cung nữ

ở hàng chục năm trong cung cấm mà chưa bao giờ được tận mắt nhìn thấy vua.

Sự cung kính phân biệt đối xử làm cho Ba Gắm nghệt thờ hơn cả những ngày đen tối nhất trong cung cấm. Đám người dân thường đang nói chuyện đầy tiếng cười vui bên đường, trên bến, ngoài vườn sẽ im bật khi thoáng thấy bóng Ba Gắm đi qua. Mọi người chấp tay kính cẩn, có kẻ cúi đầu chào, có người chấp tay im lặng cho đến khi Ba Gắm đi khuất. Dầu trong mơ mộng hoang tưởng nhất thì vẫn không có một người đàn ông bình dân nào dám mơ tưởng đến chuyện lấy người cung nữ làm vợ.

Nhưng rồi cũng đến một ngày lạ lùng xảy đến giữa cuộc đời Ba Gắm. Hai người khấn áo chinh tề đến mai mối. Người đó ngỏ ý xin cưới Ba Gắm làm thiếp thứ tư cho quan Chánh Chương tuổi ngoài sáu mươi. Không phải là một sự lựa chọn mà là một lối thoát, Ba Gắm và cha mẹ bằng lòng. Ngày cưới dâu, chỉ có bà vợ cả và hai bà vợ thứ của quan Chánh Chương đứng ra làm chủ hôn xin rước dâu trong khi chú rể là quan Chánh Chương vẫn còn bận phò ngự ở tận đâu đâu.

Ba Gắm lại lên đường về làm thiếp quan Chánh Chương. Những trái tim gỗ mục khô róc tìm nhau. Ba Gắm về dinh quan Chánh Chương như về một miền quạnh hiu. Lạy tạ từ đường và ba bà vợ già của quan Chánh Chương, Ba Gắm muốn khóc nhưng khóc với ai đây. Nệm gấm, màn nhung phủ lên đời tủi cực. “Đêm tân hôn” trống vắng bên hai cô hầu gái ngủ gục, Ba Gắm chong mắt nhìn ngọn đèn lồng leo lắt, trí óc đặc quánh bóng đêm và chỉ còn nhớ man man dăm câu thơ chữ trong Kinh Thi: “Quan quan thư cư. Tại hà chi châu. Yếu điệu thực nữ. Quân tử hảo cầu...” và dịch nghĩa để buồn: “Thư ơi! Chim hót ai nghe. Bãi sông vắng lặng ai về bến duyên. Có cô thực nữ dịu hiền. Mơ chàng quân tử về miền quạnh hiu”.

Hơn nữa tháng sau ngày cưới, quan Chánh Chương trở về. Thì ra, cô dâu mới là món quà thể thân mà ba bà vợ già đã mỏi mệt, muốn về hưu giữa cuộc ân tình đang tới mùa Đông... muốn tặng cho đức lang quân trong ngày lễ thượng thọ. Đêm tư hồng, đêm động phòng hoa chúc, quan Chánh Chương ngất ngư trong men rượu, níu tóc cô dâu cười sặc sụa. Ba Gắm chết lặng, tê điếng người trong cơn chịu đựng tội cùng của thể xác với con quái vật đàn ông xa lạ...

Sáng hôm sau tỉnh rượu, quan Chánh Chương chợt khám phá ra rằng, mình vừa có người vợ mới trẻ trung xinh đẹp không ngờ. Từ đó, lạ thay, Ba Gắm

đã trói chân ông quan già võ biên vốn coi đàn bà như phương tiện truy hoan và sinh sản, sau những cuộc liên hoan ngập ngụa trong rượu và đàn bà. Xuất thân là quan võ, nên quan Chánh Chương thường mang nặng mặc cảm vừa tự tôn, vừa tự ty với giới văn chương, sách vở bút nghiên. Khi khám phá ra rằng, Ba Gám cũng là người tinh thông kinh sử và thư pháp, quan tò mò tìm hiểu. Càng tìm hiểu, quan càng bị cuốn hút bởi phẩm chất nghiên bút tài hoa mà trước đây quan không bao giờ nghĩ có thể có nơi một người đàn bà. Dần dần, quan hoàn toàn bị chinh phục bởi người đàn bà bằng tuổi con mình.

Tuổi sáu mươi ở người đàn ông có quyền lực và địa vị là một mốc thời gian đầy thử thách. Bao nhiêu năm say sưa chen chân vào đời tranh sống, tranh địa vị, tranh tiếng tăm. Tốc độ đời sống ngỡ như tăng tốc lên tới điểm cao nhất, nhưng thực ra chỉ là ảo giác do cái đà của năng lực quán tính còn sót lại. Người đàn ông sáu mươi, thật ra, đang rơi xuống thấp dần với đất, phía bên kia sườn núi phía Tây của tuổi già xế bóng. Quan Chánh Chương không còn nhớ rõ và phân biệt từng trường hợp mình đã gặp gỡ và kết hôn với ba bà vợ cũ trong hoàn cảnh nào. Quá khứ trải dài hơn ba mươi năm trước và về sau này chỉ để lại trong đầu quan Chánh một điều rất rõ là quan lấy vợ cũng như người sắm nhà. Hai bên mỗi lái thuận mua vừa bán thì người đàn bà độc thân thành vợ. Vợ về nhà chồng. Ăn ở với chồng sinh con đẻ cái. Tuổi già thì có thêm cháu nội, cháu ngoại. Những vòng tròn đơn giản của sinh, lão, bệnh tử quay đều đặn từ thế hệ này sang thế hệ khác. Thế nhưng từ khi gặp Ba Gám quan bắt đầu hiểu ra là có một thứ tình trai gái lạ lùng hơn, lay động dữ dội hơn, sâu và bền hơn là những động tác và cảm giác lặp đi, lặp lại hoài trong bao nhiêu năm đến độ trơ lì trên giường ngủ. Người ta gọi thứ tình trai gái lạ lùng đó là tình yêu. Và quan nghĩ rằng mình mới bắt đầu nếm vị tình yêu đó từ khi gặp người đàn bà kỳ diệu ấy. Nhưng quan chỉ cởi bằng quyền hạn mà không mở được cánh cửa của tình yêu vì không có cái chìa khóa vàng để mở trái tim người đàn bà đã tạo ra nguồn rung cảm dữ dội của quan. Quan hiểu điều đó, nhưng không có lý do đòi hỏi nhiều hơn. Như trồng cây mẫu đơn trở được hoa cũng đã là quý rồi, quan không có lý do đòi hoa ngũ sắc; dầu rằng, quan biết trong lòng mẫu đơn có hoa ngũ sắc. Dầu sao thì ở tuổi sáu mươi, quan vẫn thâm cảm ơn đời đã hé cửa cho quan biết có một chân trời khác mà quan biết rõ là có không biết bao nhiêu bạn đồng liêu của mình, từ ngày mới lớn cho đến khi nhắm mắt lìa đời, tuy con đàn cháu đống, nhưng chẳng bao giờ được hít thở một chút hương hoa của chân trời “khác” ấy.

Không tình yêu, nhưng Ba Gám hiểu cái “nghĩa” của quan Chánh Chương và trân trọng cái nghĩa ấy. Ba Gám thương chồng con và lo chu tất chuyện

com áo gia đình. Tình cảm của Ba Gắm như cái giếng sâu, thản nhiên và lặng lẽ tự nước cho người đến mức. Cái giếng không biết đến những khe suối, ao hồ, dòng sông và biển cả. Thế nhưng càng ngày, cái giếng tình cảm của Ba Gắm, từ trong thâm cung tự nhiên của tình cảm, vẫn phải nghe mờ hồ tiếng róc rách khe suối, đã thoáng thấy bầu trời soi bóng mặt hồ, đã nghe xao xác nước chảy ven sông, đã có lúc nổi sóng ba đào của biển lớn.

Người ta nói những văn tài, những nhà độc tài, những thiên tài và những nhà kinh tài là những người có quá nhiều mối tình hay không có được một mối tình nào dính túi. Nhưng tất cả đều giống nhau là không tìm thấy một tình yêu đích thực nào cả ở trần gian nên họ vẫy vùng trong tuyệt vọng và thành “tài” bao giờ không hay! Ba Gắm vẫn thường đem ý tưởng ngộ nghĩnh này để ví von với mình và sự thành công quá lớn lao của mình trong thị trường buôn bán gấm vóc.

Ba Gắm mang cả một nguồn tinh lực nghệ sĩ dạt dào trong mình để đối diện với sự ghẻ lạnh tình cảm riêng mình. Quan Chánh Chương càng say mê thiết tha, Ba Gắm càng nhận rõ hơn cửa ngõ tình cảm của mình vẫn đóng chặt. Nỗi ám ảnh kinh hoàng trong buổi tân hôn là những cái đinh đóng chặt nắp áo quan của tình cảm. Tự bản chất sâu thẳm, người đàn bà khác với người đàn ông là khi không có tình yêu thì sự tương giao xác thịt là nổi dầy vò cực hình. Ba Gắm phải tự giải thoát cực hình bằng hoạt động bận rộn kinh doanh. Kinh nghiệm truyền đời trong nghề tơ lụa đã giúp Ba Gắm biết cảm vũng phẩm chất và thị hiếu của khách sành điệu xem cái mặc trước cái ăn. Kiến thức văn chương và sở trường thư pháp giúp Ba Gắm biết nhìn cái đẹp độc đáo và tinh chuyên trong sở thích may mặc của giới giàu sang và quý tộc. Uy quyền của quan Chánh Chương giúp Ba Gắm vẫy vùng không biên giới trên mọi thị trường tơ lụa trong nước và các xứ lân bang. Hàng tơ lụa, gấm vóc mang nhãn hiệu Ba Gắm chiếm lĩnh ngôi vị không có địch thủ cạnh tranh trên thương trường. Sự giàu có ào ạt tìm cửa đại gia Ba Gắm mà đến.

Hàng tơ lụa, gấm vóc của Ba Gắm đến từ mọi phía. Phía Tây có hàng Pháp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh Cát Lợi và luôn cả hàng Ấn Độ, Ba Tư. Phía Đông có hàng Nhật Bản, Triều Tiên. Phía Bắc có hàng Hàng Châu, Tô Châu, Thượng Hải, Đài Loan. Dưới bóng dù che của quan Chánh Chương, Ba Gắm trực tiếp giao thiệp buôn bán, đôi chác, sinh hoạt với hầu hết các tàu buôn và khách thương ngoại quốc. Những chuyến đi buôn bán lặng lẽ hàng tháng trời ra các nước ngoài giúp Ba Gắm mở rộng tầm mắt, thay đổi nếp suy nghĩ chật hẹp của người đàn bà dưới chế độ phụ quyền nghiêm ngặt. Mùi nước hoa Marie Antoinette, mỹ phẩm trang điểm phương Tây, những

kiểu may mặc Âu Á cải biên, phong cách giao tiếp cởi mở và tự nhiên của người phụ nữ... đã biến Ba Gấm thành người phụ nữ có sức mạnh gợi cảm kín đáo. Nếp xã giao thoáng đạt, tự nhiên nhưng cũng đầy trí tuệ của Ba Gấm gây ấn tượng sâu sắc nhất đối với các nhà quyền quý, đầy thế lực ở kinh thành. Quyền lực của một người đàn bà thường dồn tụ ở một trong ba mặt sau: Sắc đẹp chín muồi, quý phái qua nghệ thuật trang điểm; sự thông minh, bén nhạy qua sinh hoạt giao thiệp; và tài tổ chức đời sống qua khả năng kinh doanh. Ba Gấm có luôn cả ba mặt đó trong cùng đời sống hàng ngày.

Quan Chánh Chương chỉ còn là bóng mờ khi tiếng tăm Ba Gấm trỗi lên được bao người hâm mộ và giá trị tuyệt hảo của hàng hóa Ba Gấm ngự trị khắp nơi. Và có vẻ như quan cũng chỉ mong bậc thang của đời mình đến được như vậy là tốt đỉnh của danh vọng. Niềm hãnh diện lớn nhất của quan là đi đâu có Ba Gấm bên cạnh để được người đời giới thiệu là quan Chánh Chương phu nhân.

Khi người đàn bà vượt cao quá tầm người đàn ông trong gia đình, sự yếu đuối cảm xúc và nhu cầu vuốt ve mơn trớn của người đàn bà cần đến bàn tay rần rỏi của người đàn ông nhạt dần. Cho đến một lúc nào đó thì vai trò quan hệ vợ chồng cổ điển bị thay đổi. Hình bóng người đàn bà không còn là hình ảnh nhành hoa lã ngạn dưới bàn tay âu yếm của chồng. Chồng không còn là sức mạnh ngự trị cả trong tâm hồn lẫn thể xác trên người vợ. Quan hệ hoa bướm thể xác nam nữ lắng xuống cho đến khi một trong hai người hay cả hai người nhận rõ ra rằng, vợ chồng sống với nhau vì “nghĩa”. Đó là khi cuộc tình chấm dứt. Vợ chồng thành hai người lính gác một viện bảo tàng kỷ niệm. Một gia tài kỷ niệm, có khi thực tế trống trơn vì bóng kỷ niệm chỉ hiện lên khi có ánh sáng ân tình.

Để tránh sự chung đụng xác thịt mỗi ngày một hiếm hoi và miễn cưỡng, Ba Gấm phải nài ép quan Chánh Chương cưới người hầu thiếp thứ năm. Cặp vợ chồng hãnh diện và hạnh phúc đi bên nhau trước mắt mọi người có khi chỉ là hai cái bóng. Mặt trời và hai con người thật của họ đã lặn từ phía bên kia đời thời gian.

Ba Gấm cười buồn. Tiếng nói rơi vào lặng lẽ:

- Còn lại một nửa đời sau đối với em có lẽ quá dài để sống.

Nâng bình trà Nội phủ, rót một nửa vào hai tách trà trước mặt, Trí Hải góp lời:

- Nửa ly đầy, nửa ly cạn. Cũng chỉ là nửa ly nước mà người này cho là “còn đầy nửa ly”, kẻ khác lại cho là “cạn hết nửa ly”! Nửa đời sau quá dài hay nửa đời sau quá ngắn; đầy hay cạn, ngắn hay dài cũng chỉ là những ý nghĩ chủ quan có gì quan trọng đâu. Quan trọng là hiện tại mình có đang sống thực hay không. Dĩ vãng qua rồi và tương lai chưa đến. Cái đã qua và cái chưa đến đều nằm ngoài tầm tay. Quên hiện tại thì sống cũng như chết đều vô nghĩa như nhau. Nếu cứ kéo dài cái chết trong cái sống thì thêm nửa đời sau dài ngắn cũng bằng không.

Trí Hải trầm ngâm như đang đọc lại những trang sách của mình.

Không có tiếng trả lời của Ba Gắm. Trí Hải nhìn những tàn cây xanh. Hai người đều bình thản quá.

Thực tại, trái với những ngày qua, chỉ còn hình dung lại chút hình ảnh của Ba Gắm thoáng qua trong đêm cầm chầu là Trí Hải đã cảm thấy đầu mình rộn lên với bao ý nghĩ đầy mơ mộng, xen lẫn với cảm giác rạo rực, ấm áp. Nhưng bây giờ đối mặt, gặp nhau riêng tư trong khung cảnh hữu tình cây lá mơ phai của mùa Thu, cả hai lại ngỡ ngàng im lặng. Ba Gắm đã để ra hơn nửa ngày kể chuyện đời mình. Trí Hải lắng nghe, nhắm từng lời nói, hình dung từng hình ảnh, nghĩ về từng sự cố. Cả hai vẫn lặng yên. Lời nói xa xôi là những luồng gió nhẹ. Thường giữa cơn cuồng phong là tâm bão. Không còn một chút gió. Tình cảm lọt vào vùng tâm bão là sự lặng yên, như vô tình. Vẻ vô tình nằm chính giữa trục quay của những cơn gió cuốn ghê hồn đang lay đổ ngoài kia.

Hơn nửa ngày gặp nhau. Trời đã tối. Ba Gắm ra về. Hai người chào tạm biệt nhau, nét mỉm cười nói nhiều hơn tiếng nói.

Chỉ khi hai dòng sông tách nhau, mỗi bên mới nhìn ra được con nước rờn hay con nước lớn và hướng nhảy trong lòng nước của mình.

Dòng suy tư của Trí Hải như trái cây vừa chín. Vàng hươm, mọng nước, nhưng mất sự tươi tắn bén nhọn bình thường. Tất cả còn lại là nỗi nhớ. Cái nhớ leo dần. Nhè nhẹ đi từ cảm xúc mơ man được gặp một người lạ mà rất quen. Cảm xúc cao hơn chút nữa là tâm tình, chia sẻ. Cuộc sống vốn lạnh lùng với những hình thức giao tiếp hời hợt, có vẻ như gần gũi mà vẫn xa lạ ngoài nhau, nay có hai người đi vào thế giới của nhau không gài then cửa. Cảm giác được tiếp nhận, thuộc về nhau nhen lên ngọn lửa ấm áp, gần gũi. Tuồng như phía bên kia là một phần thân thể của chính mình. Khi một phần thân thể mất đi, có một sự réo gọi, kêu đòi vô hình lặng yên nhưng hết sức

thường xuyên và mãnh liệt. Ăn, uống, ngủ, làm... vẫn không một nháy mắt quên đi phần thân thể tách lìa cần khếp lại. Trí Hải cảm thấy yếu đuối. Người ta có thể đánh thắng con quái vật hiện hình, nhưng khó nhất là làm sao chế ngự được nỗi khát khao đang réo gọi từ bên trong.

Một người ái mộ mình và cũng là người mình ái mộ. Một người trải lòng ra với mình và mình cũng tự nguyện trải lòng ra để đón. Không có hàng rào chắn nào dựng lên giữa hai người. Nỗi nhớ là tên phù thủy tai quái nhất của tình cảm. Nỗi nhớ nhân thành hai, thành bốn, thành mười sáu... và cứ thế nhân lên cho đến một lúc nào đó hai kẻ cùng nhớ nỗi liền cảm xúc, chung một dòng sông, hòa quyện với nhau. Không còn thiếu một ngày, cô nữ hầu tâm phúc, nhưng lại mù chữ Hán, chữ Nôm của Ba Gấm mang đi và mang về liên tục những tờ thư viết và gửi từ cả hai phía. Ngôn ngữ “nói với người kia” thu dần khoảng cách để nói với chính mình. Gọi mình: “Mình ơi!” Đó là tiếng gọi của sự cuốn hút tình cảm giữa hai người cùng lạc loài giữa mênh mông tìm nhau, tìm về nhau, tìm đến nhau và tìm lại khát vọng của chính mình.

Một lần, Ba Gấm hỏi Trí Hải trong thư đi:

“Huynh ơi! Thế nào gọi là thương?”

Và thư lại:

“Thương là khi hai người cùng về một phía”.

“Và cùng nhìn về một phía?”

“Không! Nhìn mọi phía mà chẳng có phía nào để nhìn cả”.

“Thế thì nhìn vào đâu?”

“Không nhìn vào đâu cả!”

“Vậy thì thương là mù?”

“Mù hay sáng là cách nói của những người đứng ngoài để phê phán. Khi thương thật tình thì không còn phê phán. Phê phán là một cách dò hỏi tìm đường để cho hay giữ lại tình thương. Mẹ thương con không dò hỏi hay phê phán mà tình thương như suối nguồn trút xuống. Bạn bè thương nhau không tính toán hơn thiệt; không đong đếm cân đo. Người đàn ông, đàn bà thương

nhau là đi vào đời nhau như hai dòng nước gặp nhau; trong hay đục, ấm hay lạnh đều hòa tan vào nhau mà không còn biên giới”.

“Nhưng vẫn có thương mà hận, thương mà buồn, thương mà vẫn gian dối, thương mà không gần nhau được thì sao?”.

“Đó chưa phải là tình thương đích thực mà chỉ là một khuynh hướng của tình thương hay chỉ là một mảng ngọt ngào của tình cảm đem cho và sẵn sàng lấy lại”.

“Huynh và em có thương nhau thật không?”

“Có!”

“Nghĩa là huynh sẽ không bao giờ lấy lại?”

“Thôi! Thua. Không trả lời được”.

“Hi! Hi...”.

Cô nữ hầu của Ba Gấm chỉ thấy nụ cười vui trên khuôn mặt thường đăm chiêu của Trí Hải.

Rồi một ngày vắng thư. Trí Hải băn khoăn. Lo cho mình thì ít mà lo cho Ba Gấm thì nhiều. Cô ấy buồn? Cô ấy giận? Cô ấy không khỏe hay cô ấy gặp chuyện bất thường. Nhiều khi Trí Hải bất mãn với chính mình, tự đay nghiến sự yếu đuối của mình, nhạo báng cảm xúc ngây ngô của chàng trai mới lớn nơi mình vì đầu óc thường xuyên nghĩ về Ba Gấm. Bao nhiêu kiến thức sách vở chẳng giúp ích gì được cho cố gắng tuyệt vọng một cách êm đềm để tìm ra một vài khoảng trống nhỏ cho riêng mình. Ba Gấm có mặt khắp nơi. Mở sách Chu Dịch luận về càn khôn, âm dương ngũ hành sinh khắc, cũng thấy Ba Gấm hiện hữu nơi đó. Ba Gấm là càn khôn, là vẻ đẹp tuyệt vời mà tạo hóa đã sinh ra. Mở những tác phẩm mình đã viết và đã từng tha thiết, tiếc nuối đến quặn mình vì cứ ngỡ là đã bị thiêu hủy theo vụ án “văn chương phản nghịch”, may nhờ Ba Gấm chép lại, Trí Hải cũng không tài nào thoát khỏi sự ám ảnh của Ba Gấm. Nghĩ đến bàn tay thoăn thoắt ghi lại từng trang sách, không quan tâm tiền rừng bạc bể trước mắt để chép lại từ những trang tốc ký trong suốt ba năm, Ba Gấm càng có mặt gần gũi với Trí Hải hơn bao giờ hết. Trí Hải nhìn vào khoảng không, nét chữ cuồng thảo của Ba Gấm lại bay lượn như bướm hoa trước mắt. Trí Hải nhắm mắt, mùi nước hoa Antoinette và tiếng cười trong, điển cảm lạ lùng của Ba Gấm lại đến. Có

tìm một điểm tựa cuối cùng mà Trí Hải đặt ở tầm cao và chỉ khi nào cấp thiết nhất mới dùng đến. Đó là sự tĩnh cảm, dưỡng trí, định thần mà người tu theo đạo Phật gọi là thiền định. Ngồi xếp bàn an tịnh trong vài ba phút, vọng tưởng về Ba Gấm lại khởi lên. Trí Hải cố tưởng tượng tập trung về một tiếng chim Anh Lạc, giọng nói hồn nhiên riu rít như chim của Ba Gấm lại về. Cố gạt hết bụi bặm của suy tư để mong tìm sự rộng lặng, đầu óc Trí Hải lại lang thang với những câu hỏi mang nhiều ý nghĩa riêng và tư chưa được trả lời trọn vẹn của Ba Gấm.

Trí Hải tự hỏi: “Tại sao ta không thắng được mình; tại sao ta không thể làm chủ chính mình để cho một hình ảnh và cảm xúc đến hay đi vào hồn ta như đi vào gian nhà trống thế kia?”. Trí Hải nhớ và suy nghĩ đến hai chữ “dính mắc” của thầy Tiều: “Dính mắc vì lòng ta không có then gài cửa khóa hay vì cánh cửa trống đón nhận mở toang?”. Nhớ lại mình đã từng thao luyện và thành công về cái “trí không” trong cuộc đối đáp với Lê Trung Ân và nhóm sỹ phu Bắc Hà, Trí Hải lần theo thời gian và càng nhớ rõ hơn là mình đã từng có cái trí không dính mắc để tạo ra được những thế cờ muôn phương đánh bại Hàn Kỳ Vương. Thế nhưng tại sao bây giờ lòng Trí Hải lại bấn loạn giữa cuộc tương giao với Ba Gấm. Càng cố thoát ra, càng bị dính chặt“. Ta không còn là ta của ta thuở ấy nữa sao...?”. Trí Hải thất vọng với chính mình và tự hỏi tiếp.

Ngày thứ ba vắng tin, Trí Hải bồn chồn chờ đợi. Cô nữ hầu của Ba Gấm mang tin đến. Thư viết:

“Huynh ạ. Em sợ. Em cố ngoi lên cho thoát khỏi nỗi nhớ quay quắt này, nhưng em đã thua và đang bị nỗi nhớ đó đánh bại. Em hiểu là huynh cũng chẳng hơn gì em. Em đợi huynh. Cùng giờ, chỗ cũ...”.

Trí Hải thoáng ưu tư. Sự dính mắc sâu đến mức khó gỡ ra được như nhận xét của thầy Tiều qua tiếng trống châu sẽ đi về đâu.

Ba Gấm và Trí Hải như sợi dây đàn và cần gảy của một cây độc huyền cầm. Phương tiện cần để cho cây đàn bầu đơn giản đã có sẵn. Chỉ cần một ngón đàn điêu luyện là sợi dây đàn và cần gảy đơn độc kia sẽ ngân lên tiếng đàn muôn điệu.

Hai người lại quán quýt tìm nhau.

Tri thức, địa vị, hoàn cảnh, tiếng tăm xã hội là phương tiện tốt để cho người ta biết nhau, nhưng đó là chướng ngại xấu để cho người ta gần nhau. Biết

nhau để tò mò, so sánh, nhò cậ... thì dễ. Biết nhau để mà thành thật gần gũi nhau đã khó. Gần nhau để làm bạn lại càng khó hơn.

Có lần, Ba Gắm hỏi Trí Hải:

- Huynh ơi! Chúng ta biết nhau bao lâu rồi và thời gian có phải là thước đo chính xác sự gắn bó tình cảm giữa hai người không?

- Giữa chiều cao của trời đất, chiều rộng của sông hồ, chiều dài của đất nước còn có một chiều đáng nói nữa mà mọi người thường quên, đó là chiều sâu của thử thách hay độ bền của thời gian.

- Hi. Hi! Dạ thưa... trậ!

- Tại sao?

- Trong tình cảm thì không những chỉ có bốn chiều huynh vừa nói mà có rất nhiều chiều. Đặc biệt trong tình yêu nam nữ thì lại có thể có vô số chiều.

- Vô số là bao nhiêu, là những chiều nào?

- Vô số là vô số. Không đếm được và cũng không kể tên hết được. Có bao nhiêu cảm xúc, bao nhiêu rung động, bao nhiêu đổi thay... thì có bấy nhiêu chiều tương xứng. Có khi tất cả mọi chiều cùng về lại với nhau thành một điểm. Người ta gọi điểm đó là “tình yêu”. Hi, hi! Ngụy biện nhưng mà đúng quá phải không huynh? Nếu huynh muốn đếm, muốn gọi tên thì trước hết phải biết tình yêu là gì trước đã.

- Thế thì theo Ba Gắm, tình yêu là gì?

Ba Gắm trả lời theo cách suy nghĩ riêng, sau những năm dài chiêm nghiệm về một đời sống hôn nhân mà chẳng có bóng dáng tình yêu của chính mình:

- Tình yêu là một điểm có vô số chiều và vô số chiều ấy tụ thành một điểm. Vì chưa ai từng diễn tả cho đúng ý nghĩa một nụ hôn của hai người yêu nhau, nên cũng chẳng ai biết được ý nghĩa thực sự của tình yêu là gì. Nếu có hằng hà sa số người yêu nhau, thì cũng có hằng hà sa số cảm xúc khác nhau mà chỉ có hai người mới biết. Thậm chí, cảm xúc của người này cũng hoàn toàn khác với người kia giữa hai người yêu nhau. Cho nên yêu là đi tìm và chia sẻ sự cô đơn. Càng tìm, càng chia sẻ, càng cô đơn. Nên tình yêu là một cuộc hành hương tình cảm không có giới hạn. Khi một trong hai người yêu

nhau tuyên bố rằng, họ tìm được nhau và biết được tình yêu trong nhau là khi tình yêu tự nó chấm dứt. Tình yêu tự nó không còn nữa, nhưng cái đà thói quen và ham muốn vẫn còn. Người ta chỉ còn sống tiếp những ngày tình yêu bên trong vắng bóng với sự biểu hiện bên ngoài như ghen tương, hoài nghi, hoan lạc, đau khổ, mong muốn, chán chường... Nguồn cảm xúc phi tình yêu đó là khi kéo dài suốt một đời còn lại mà hai người trong cuộc chẳng ai nhận biết hay tự nhận rằng họ đang sống có Tình mà chẳng có Yêu.

Trí Hải nhìn những sợi tóc xòa làm mạng che khuôn mặt của Ba Gấm thành khối sương. Đọc sách và giao tiếp đã nhiều, nhưng Trí Hải chưa từng gặp một người phụ nữ nào có sự suy tư độc lập và linh hoạt về cảm xúc và tình yêu của con người đến như thế.

Một cảm giác rung động nhẹ nhàng và vui vui chọt đến, Trí Hải hỏi:

- Nhưng tất cả đó mới chỉ là một khung cảnh trang hoàng “rất Ba Gấm” cho một triết lý tình yêu. Một định nghĩa tình yêu vẫn còn vắng bóng. Thế Ba Gấm có một định nghĩa về tình yêu của riêng mình không?

- Dạ, có chứ!

- Yêu là...?

- Là có nhau, trong nhau, một lần và mãi mãi.

- Vì sao phải trong nhau?

- Trong nhau vì biết hy sinh và thương quý nhau. Không hy sinh và thương quý thì vẫn còn đứng bên ngoài nhau mà phán xét. Hai kẻ đối mặt nhau để mà phê phán thì làm sao chấp nhận nhau để mà thương yêu nhau, phải thế không huynh?

- Vì sao chỉ “một lần” rồi mãi mãi...?

Hỏi pha một chút đùa vui. Cả khuôn mặt, giọng nói và tiếng cười của Trí Hải đều trẻ lại.

- Lên đến đỉnh núi cao nhất một lần là đã lên tới Đỉnh Trời. Những lần đến được những đỉnh núi thấp hơn thì không tính vì cao không bằng. Nhưng đâu có nhiều lần lên đỉnh núi cao nhất thì cũng chỉ lặp lại như một lần lên tới

Đỉnh Trời chứ không còn lên cao hơn được nữa, nên dầu có nhiều thì cũng như một mà thôi.

Ba Gấm trả lời và hỏi lại Trí Hải bằng một giọng rất lém lỉnh:

- Huynh đã có bao giờ được “một lần” đó chưa nhỉ?

- Lần nào?

- Lần lên tới được Đỉnh Trời.

- Chưa.

- Thử.

- Thử gì?

- Leo.

- Leo gì?

- Núi.

- Cần không?

- Cần chứ. Không leo sao tới được ngọn Đỉnh Trời...

Ba Gấm và Trí Hải mỗi ngày càng cảm thấy gần nhau hơn. Những câu hỏi, câu trả lời trước kia về thương, về yêu... càng ngày, càng dần dần trở nên chệnh vênh, nhạt nhòa đến gần như vô nghĩa.

Không cần phải nói gì cả; cũng chẳng cần phải giải thích gì cả mà ngọn lửa tình bên này và bên kia, dầu ngăn sông cách núi, vẫn cảm thấy hừng hực hơi nóng khi chỉ cần nghĩ đến.

Tình yêu nửa đời là một sự sáng thế giữa trần thế vốn khô lạnh và quạnh quẽ này. Khi người ta yêu, thế giới này bỗng nhiên đổi khác. Mọi người, mọi vật quanh ta đều như có tâm hồn thánh thiện và dáng dấp đẹp đẽ, dễ yêu. Người ta có thể cười rất vô cớ với một đám mây trên trời xa hay rung động vì tiếng con dế mèn thấp thỏm trong đêm. Người ta có một tâm hồn lúc nào cũng đầy vị tha. Thế xác được tắm trong tình yêu sẽ thành tươi mới. Dòng máu luân lưu rần rần trong cơ thể làm cho người ta đẹp hơn. Chàng trai sẽ nhìn đời

bằng tia nhìn hiệp sĩ và cô gái má chín ửng hồng, xinh xắn tự nhiên hơn mười lần son phấn. Chỉ cần nghĩ đến người tình, da thịt đã gầy gầy như thể có bàn tay đang ve vuốt vô hình. Trí Hải đã từng sống đời vợ chồng, nhưng người đàn bà chỉ là người vợ, chưa phải là người tình. Khá lắm thì cũng chỉ là đi song song chứ chưa bao giờ thật sự ở trong nhau. Người vợ truyền thống là người em để phục tòng, người chị để chăm sóc, người mẹ để an ủi bao dung, người đàn bà để làm tình và sinh đẻ. Vợ chồng là để thương nhau chứ không phải để yêu nhau; để chăm sóc và lo lắng cho nhau như một người vợ, người chồng chứ không phải để chia sẻ, mơ mộng, nhớ nhung, xao xuyến, tình tự, lãng mạn như một người tình. Vợ chồng cưới nhau rồi là giống như sắm một cỗ xe song mã. Cô dâu và chú rể trở thành hai con ngựa ngoan ngoãn và miệt mài cùng cong lưng kéo cỗ xe gia đình nặng trĩu cho đến ngày cả hai cùng răng long đầu bạc, con cháu đầy đàn. Hầu hết những cặp vợ chồng Việt xưa có tất cả, biết tất cả, trừ chất vị tuyệt vời sóng sánh của tình yêu.

Tình yêu tự nó là một nghệ thuật, nghệ thuật đòi hỏi sự sáng tạo và tô điểm thường xuyên như những đóa hoa tươi vẫn nở mỗi ngày. Tình yêu cũng là sự ngạc nhiên khám phá. Khám phá ra nét phù du, niềm cảm xúc ẩn chứa trong mỗi con người. Khám phá ra sự bùng vỡ mong manh của thể xác để đập vỡ biên cương của thể xác cho hai thể giới đam mê cùng tan loãng và hòa quyện với nhau.

Ba Gám khám phá thế giới tri thức và tâm hồn của Trí Hải từ hơn mười năm trước qua những tác phẩm văn chương mà chàng Hoàng thân một thời tuổi trẻ đã viết. Trí Hải khám phá Ba Gám qua giấc mơ dài hơn nửa đời. Giấc mơ của những mối tình vương giả từ trắng và thơ, từ những chuyện tình trong cổ sử, từ bóng dáng tình tự lãng mạn trong đời sống Paris và cung điện Versailles. Gặp nhau, không phải tình cờ mà cũng chẳng phải định số. Đây là sự đợi chờ của một viên ngọc quý nằm ẩn trong tim. Viên ngọc không tên, không hình dáng, trong suốt như chẳng có gì. Nhưng khi có luồng sáng đợi chờ đợi đến, viên ngọc sẽ ánh lên nghìn hào quang. Tia hào quang mắt thường của nhân gian không thấy, nhưng hai người yêu nhau bỗng thấy chói lòa và tan biến trong nhau. Từ đó, kẻ có tình yêu nhìn trăng không phải là trăng; nhìn mây không phải là mây... vì tất cả đều đã đổi khác. Cả hai cùng cười trong khổ đau, cùng khóc trong sung sướng, cùng quần quai trong nỗi đam mê cùng tột mà kẻ đứng ngoài thấy không đáng một đồng trinh.

Trong tình thường, người đàn bà bao giờ cũng hơn người đàn ông nửa bước vì người đàn ông xuất thân là gã lãng du mà người đàn bà xuất thân là mẹ.

Ba Gấm báo tin:

- Huynh ạ. Em sắp đi xa. Em sẽ đi thuyền tới Quảng Châu, rồi từ đó đi đường bộ lên Hàng Châu. Tất cả hàng vải vóc băng qua Con Đường Tơ Lụa xuyên lục địa và sa mạc sẽ đổ đến Hàng Châu.

Trí Hải ngạc nhiên:

- Làm chủ kinh doanh lớn như Ba Gấm mà cũng phải trực tiếp cất công đi nhận hàng sao?

- Người Việt xứ mình rất thiện xảo về tài đánh giặc du kích hay tinh xảo trong cách lách mình để sống, nhưng trong thương mại chỉ giỏi về tiểu xảo. Nếu em không trực tiếp tự tay mình chọn mặt hàng rất nghệ thuật, độc đáo và tự tay bấm nhãn hiệu “Ba Gấm” thì có lẽ đã có nhiều nhieu Ba Gấm giả mọc lên khắp nơi rồi.

- Mọii phải hết sức vất vả để kiếm cho nhiều tiền sao?

- Dạ không hẳn vậy, nhưng nghệ thuật sống khó lắm. Ông vua có quá nhiều quyền lực nhưng phải biết giữ quyền lực. Em đã có quá nhiều tiền nhưng phải biết giữ thế làm tiền. Cũng như huynh có quá nhiều kiến thức nhưng cũng phải biết dùng kiến thức. Vua vụng sẽ bị cướp ngôi. Kinh doanh như em không khéo cạnh tranh sẽ dễ dàng sạt nghiệp. Hiểu biết như huynh không biết dùng sẽ thành người ảo tưởng, nói suông.

Trí Hải mỉm cười, nhìn sâu vào đôi mắt đẹp vẻ man mác buồn của Ba Gấm:

- Cám ơn mọii đã nhắc nhở. Tôi vẫn sợ nhất là thành người ảo tưởng, nói suông.

Ba Gấm cười rất xinh làm át đi chút mây mờ vừa thoáng qua với Trí Hải:

- Đừng nghĩ vậy, huynh. Trí Hải là một nghệ sĩ tài hoa. Nghệ sĩ không làm cho trái mau chín, lá mau vàng nhưng làm cho cuộc đời này đẹp hơn và con người thánh thiện hơn.

Gió xào xạc trút lá trên mái căn nhà kiếng. Lá xanh, lá đỏ, lá vàng, lá khô lay lắt với gió giữa hoàng hôn làm cho khung cảnh buồn và lãng mạn. Về cô tịch nên thơ dễ làm cho những tâm hồn đang miên man trong tình cảm chưa biết sẽ về đâu gần nhau hơn. Ba Gấm ngỏ ý:

- Em muốn được kính mời huynh uống trà và ăn bánh nguyệt quế trong dịp Trung Thu này. Chỉ còn ba hôm nữa là đến rằm tháng Tám.

Trí Hải tỏ vẻ hơi ngần ngại:

- Dạ tiệc Trung Thu ở dinh quan Chánh Chương?

- Dạ không. Chỉ có em và nửa vầng trăng trong đêm Trung Thu từ ngày em mới lớn.

- Còn nửa vầng trăng kia?

- Chưa mọc huynh ơi!

- Vì trăng non?

- Dạ không. Trăng đúng độ nhưng em vẫn để dành một nửa...

- Dành cho ai?

- Cho tình cờ, cho số phận, cho định mệnh... O! Mà em cũng không biết dành cho ai nữa.

Gió ngoài kia mà Trí Hải có cảm tưởng như gió lạnh đang thổi vào tai của mình. Cảm giác ngầy ngầy lay đổ làm Trí Hải cảm thấy yếu đuối. Ý nghĩ âm thầm, “có chăng ta là nửa vầng trăng kia?” khiến Trí Hải lo âu trong hạnh phúc. Cửa thiên đường và địa ngục vừa hé. Cả hai cùng một lối vào mà chỉ khác nhau về ngã rẽ. Trí Hải hình dung hai cái bóng từ cõi sống vừa đi vào cửa nhà trời. Mất hút.

Trăng trên sông là trăng sáng nhất vì trăng ngời bóng nước. Trên chiếc đò chỉ có hai người. Đêm thượng nguồn sông Hương ẩn hiện trong khói sương kỳ bí. Xa về phía Tây, có trái đồi hình dáng như chén ngọc chứa đầy sương trăng là đồi Vọng Cảnh. Chuyện truyền kỳ kể lại, ngày xưa khi chưa có bóng người thì nơi đó chỉ có dấu chân tiên. Cuộc tranh thắng giữa người và tiên nhập nhằng cả mấy trăm năm. Người thắng, người về trần; tiên thua, tiên cõi chim phượng hoàng bay về núi Kim Phụng. Từ đó, đồi Vọng Cảnh trở thành Đồi Thiêng nên chẳng ai dám đến. Lâu ngày, những cơn mưa nguồn cuốn sạch những bàn cờ tiên trên vách đá, mé sườn Đông. Đồi Vọng Cảnh thành hoang phế. Nghìn năm sau, chỉ còn cỏ tranh lơ thơ trên đất sỏi.

Giữa lòng chiếc đò dọc có mui che, bàn trà bày sẵn bên ngoài, dưới ánh trăng dịu mát. Tiếng ấm nước sôi vi vo trên lò than thoảng mùi hương rất lạ làm cho vầng trăng có vẻ xuống thấp hơn để ánh trăng cùng chan hòa với nước. Sông vẫn trôi mãi về xuôi. Ba Gắm chèo đò thong thả ra giữa sông. Trí Hải ngồi trong mui đò nhìn về phía lái. Ba Gắm trong bộ quần áo màu đen bó sát. Thân hình đang độ chín tới của người đàn bà một con vừa thon thả, vừa cân đối một cách đầy đặn, uốn lượn với mái chèo dưới trăng thật khoan thai và linh động. Vì chỉ là người chèo đò giải trí trên sông nên từ thế đứng đến thế chèo của Ba Gắm đều để lộ ra vẻ lúng túng như thế đang mời gọi người khác đến tiếp tay một cách đầy cuốn hút. Người đàn ông vẫn thích ngắm vẻ đẹp của người đàn bà từ một góc khuất hơn là khi mặt đối mặt nhìn nhau. Đến giữa dòng sông, đò gác mái. Đò, sông, trăng và người... cũng lặng lẽ trôi theo nước.

Ba Gắm bước vào khoang thuyền. Thuyền du lịch tư nhân có ba ngăn riêng biệt. Ngăn trong cùng được dùng như một nhà kho thu gọn. Trong đó chỉ chứa một cây đàn bầu, cái bàn độc tấu, cái ghế mây và cái áo khoác độc đáo vừa có dáng ki-mô-nô của Nhật, vừa có dáng đại yền phục của Trung Hoa và dáng tứ thân của truyền thống Việt. Ba Gắm khoác áo. Chiếc áo choàng dài các phản chiếu ánh nước đầy trăng càng làm tăng vẻ đẹp rục rờ đầy thâm cung và bí ẩn của người đàn bà thâm lặng trong đêm. Ba Gắm lễ mễ ôm cây đàn bầu và bàn ghế trình tấu ra ngăn ngoài làm phòng khách. Trí Hải ngạc nhiên mở to mắt nhìn Ba Gắm với cây đàn bầu như một hiện tượng lạ lùng chưa từng thấy.

Đàn bầu là nhạc cụ độc đáo và hấp dẫn nhất trong kho tàng nhạc cụ Việt Nam. Nó chỉ có một dây nhưng là cây đàn muôn điệu. Trí Hải đã đi từ Đông sang Tây, đã chen chân tới khắp hang cùng ngõ hẻm và các đại nhạc viện quốc tế ở Paris nhưng vẫn chưa bao giờ thấy cây đàn nào lạ lùng và siêu tuyệt như cây đàn bầu. Những cây đàn một dây nổi tiếng thế giới như đàn Tung-ti-na của Ấn Độ, Đàn Cung ở vùng Đông Phi, đàn Độc Huyền Cầm (Tu-shuen-kin) của Trung Hoa đều là những cây đàn đệm hòa theo ban nhạc, không đứng độc lập để tạo ra âm vang muôn điệu như cây đàn bầu Việt Nam. Những nhạc sĩ đàn bầu đạt tới mức thượng thừa có thể đưa âm thanh tiếng đàn bắt chước cả tiếng người và thú vật. Âm thanh đàn bầu có thể cao vút như chim bay trên núi cao, “nga nga hồ chí tại cao sơn”; hay trầm xuống sâu thẳm dưới dòng nước chảy, “duyong duyong hồ chí tại lưu thủy”. Ở mức thông thường thì âm thanh đàn bầu rất mộc mạc, chân quê nhưng sâu lắng đến vô cùng.

Vừa nắn nốt lên dây, sắp sẵn bàn ghế để dạo đàn, Ba Gắm vừa kể chuyện đời mình đã gắn bó với cây đàn bầu ra sao.

Đàn bầu có cấu trúc rất đơn giản. Nó mang tên là “bầu” vì nguyên thủy đàn bầu được làm từ ống tre và quả bầu khô. Cây đàn được cải tiến dần từ tre sang gỗ. Một cây đàn bầu lý tưởng phải hội đủ hai yếu tố “mặt ngò thành trác”, nghĩa là mặt đàn phải làm bằng gỗ lưng của cây ngò đồng vừa xốp vừa nhẹ. Thớ gỗ óng chuốt thẳng hàng thì mới tạo ra tiếng ấm mà vang. Khung và thành đàn làm bằng gỗ trác hoặc gụ vừa bóng láng lên nước rất đẹp, lại vừa bền. Cần rung hay đôi khi còn được gọi là vòi đàn của loại đàn bầu sơ khai cũng làm bằng tre. Dần dần chuyển qua làm bằng sừng trâu. Bầu đàn được lấy từ quả bầu kho hoặc càng về sau thì được tiện bằng gỗ.

Lượng âm thanh của đàn bầu nằm ở cấu trúc của thân đàn, nhưng cái phẩm âm thanh của đàn bầu là ở dây đàn có chiều dài chạy suốt thân đàn. Ngày xưa chưa có dây đàn kim loại, người ta dùng tơ tằm xe thành sợi. Ba Gắm từ thuở tập tễnh biết làm những công việc nhỏ giúp gia đình chuyên sống bằng nghề trồng dâu, nuôi tằm, lấy tơ dệt lụa. Riêng đối với Ba Gắm thì công việc thích thú nhất vẫn là xe tơ tằm thành sợi dây đàn bầu.

Đàn bầu ở vùng quê Ba Gắm làm bằng ống tre và eo trái bầu tròn, bầu nậm khô. Đàn quá dễ làm nên hầu như nhà nào cũng có. Đàn bầu ở vùng quê Ba Gắm hết sức giản đơn về hình thức nhưng tiếng đàn lại ăn đứt những vùng lân cận trong những cuộc hội diễn đàn bầu vào các dịp hội hè đình đám. Bí quyết độc đáo chỉ có một mình Ba Gắm biết. Tơ tằm lấy từ loại kén màu cổ đồng óng ánh là tốt và bền nhất. Dây đàn xe lại từ loại tơ này sẽ cho một thứ âm thanh vừa bền, vừa vang và sâu không loại nào bì kịp. Trong lúc dây đàn kim loại thì âm thanh sắc mà khô; tơ tằm loại thông thường thì cho âm thanh trầm à nhão.

Mặc dù về sau này, đã có dây đàn bằng kim loại để thay thế cho dây bện bằng tơ tằm, nhưng Ba Gắm vẫn xe riêng bộ dây bằng tơ tằm tuyệt hảo nhất để dùng riêng. Ngón đàn bầu với dây tơ tằm này chỉ dùng để đãi khách tri kỷ, tri âm...

Tâm nhìn của Ba Gắm bỗng tan vào đêm trăng khi bàn tay vừa chạm vào cần đàn. Người nghệ sĩ đang trình diễn cũng như một thi sĩ đang làm thơ, một nhà văn đang sáng tạo. Họ là một thiên sư đang nhập định. Tất cả mọi năng lực thể xác, tri thức và tâm linh đều dồn tụ lại trong cơn say sáng tạo. Thiên sư và nghệ sĩ đều cảm thấy đang sống đang bay lượn, đang tỉnh thức,

đang trọn vẹn đạt đến hạnh phúc tuyệt vời trong giây phút hiện sinh. Hiện sinh của nghệ sĩ là sáng tạo, trình diễn. Hiện sinh của thiền sư là tâm bụi trần đang hòa vào tâm vắng lặng trong thiền định.

Khúc Phụng Vũ dập dờn như đang bay lượn bỗng chậm lại. Âm thanh luyến láy như đang quấn mình bay qua từng kẽ tay của Ba Gắm đang uốn lượn trên cần đàn. Khúc Tương Biệt nói lên nỗi lòng gặp nhau để mà chia xa, rắc xuống lòng người những mảnh vụn âm buồn hiu hắt. Trước mắt Trí Hải, người đàn bà với vị thế Chánh Chương phu nhân mờ dần và lặn đi mất dạng. Trí Hải thấy trước mắt mình dải tóc đen tuyền là dòng sông đêm. Khuôn mặt che nửa bóng trăng là hoa đèn thánh. Dáng nghiêng là suối nguồn đê mê đang đổ xuống. Và đôi bàn tay tài hoa làm dậy lên điệu buồn tương biệt đang xóa mất biên giới giữa ta và người. Trí Hải muốn dang tay thật rộng để ôm lấy, níu lấy hết thấy những gì đang nép mình trong cảm xúc.

Đêm càng khuya, trăng càng sáng. Cái lạnh giữa mùa Thu trên sông làm cho trăng và nước như áp ủ nhau khiến hai người đơn độc xích lại gần nhau, thu dần khoảng cách. Hơi ẩm trên vai, hơi ẩm trên tay tan loãng rất nhanh. Ba Gắm rùng mình kéo tấm chăn gấm khoác lên vai Trí Hải cho đỡ lạnh. Trí Hải cố thu mình nhỏ lại để chia nửa tấm chăn cho Ba Gắm. Nhưng tấm chăn quá nhỏ, không đủ che vai cho cả hai người. Gió khuya về trên sông. Đò chòng chành. Cái lạnh kéo hai người sát nhau. Khi hơi ẩm trở thành nguồn sống, da thịt sẽ tê đi để chỉ còn hơi ẩm. Vai sát vai không còn khoảng cách. Họ ngồi như thế rất lâu. Im lặng. Xúc cảm đê mê, cuốn hút chuyền nhau qua đôi vai sát cánh.

Chiếc đò không người lái, theo chiều gió trôi giạt vào bờ lau lách hoang vu ven sông. Tiếng vỗ cánh thảng thốt của bầy cò ăn đêm từ rừng lau sậy làm kinh động bầu không khí tĩnh lặng hoang sơ. Cánh trắng lấp loáng màu trăng tung lên giữa không gian và xa dần về phía núi. Âm thanh xao xác của đàn cò cánh dài vẩy nước tạo ra một cơn mưa trắng rây nước xuống đò. Trí Hải và Ba Gắm dìu nhau cùng nhảy vào mui đò khép kín để tránh mưa. Cơn mưa nhỏ qua nhanh như hơi thở nhưng cũng đủ mạnh để bật lên tia lửa đam mê cháy bỏng của cuộc tình.

Khi những cảm giác sâu lắng nhất của nhục thể đã bùng bùng trôi dạt trong một cuộc tình đắm đuối và đam mê, hai con người bỗng khám phá ra nhau, người này biết được mình có một sự hiện hữu khác bằng sự dần thân tự nguyện hết mình cho và nhận với người bên kia. Hai người là hai nửa thân xác chia lìa từ khi mới sinh ra tìm nhau hòa làm một. Quần quai. Bức phá,

đau đớn và hoan lạc cùng mất hết biên giới để tan biến trong nhau. Nguồn tinh lực của hai bên đều vươn tới đỉnh điểm để phóng vào trận lửa của khát vọng. Một giấc ngủ đắm say, một giấc mơ kỳ diệu hòa quyện với nhau trong suối nguồn của hạnh phúc. Ba Gấm và Trí Hải đã mất hết ý niệm về thời gian và không gian. Một thoáng mắt sẽ dài như trăm năm và một mảnh da thịt cuồn say hơn bão tố. Cả hai cùng ngấu nghiến nhai trái cấm trong mê đắm, trong đêm dài. Tất cả dồn tụ vào cảm giác say sưa. Thỏa mãn, rã rời, buông thả cho một giấc ngủ vùi tưởng như không bao giờ còn dậy nữa.

Trăng lặn. Mảnh sáng đầu tiên trên sông là đèn chài. Hai thân xác cùng thức giấc tìm nhau, tìm nguồn khơi động sự đam mê đang chực chờ sẵn trong mỗi con người. Lửa tình lại cháy. Hai thể xác quấn lấy nhau và cơn mưa tình dòn tụ bao nhiêu năm lại ào ào trút xuống.

Nhưng nửa mùa Thu sau thương tiếc vẫn về. Đêm hương trăng Trung Thu hết. Bình minh lên và chia tay.

Tình dục là con sói hoang dại của tâm lý chiếm hữu. Khao khát tình dục là cơn đói thường xuyên của cảm xúc trong một thể xác bình thường. Khi không có đối tượng lôi cuốn, cơn đói lắng xuống và âm thầm tràn vào các ngõ ngách của thân thể, của ý thức và vô thức như bầy sói phải chui vào các hang động để trốn tuyết mùa Đông. Khi mùa Xuân tới, nắng ấm tràn đầy như khi gặp đối tượng cuốn hút, bầy sói lại hau háu dùng mọi xảo thuật khôn khéo nhất để vồ mồi. Lại ăn no hả hê, nằm ngủ, đi loanh quanh kiếm mồi chờ cơn đói khác tiếp theo.

Sinh vật sống với bản năng thuần túy, tình dục diễn ra bình thường như đói thì ăn, khát thì uống. Tình dục là một thú tính. Con người là một sinh vật nhân văn nên tình dục thường biến tướng và biểu hiện dưới muôn ngàn thể cách. Nhờ đa dạng như vậy mà con người có thể “làm tình” bằng sự lựa chọn. Sự lựa chọn gần với thú tính tại các nhà thổ. Sự lựa chọn gần với nhân tính tại các nhà ở. Và sự lựa chọn “tình là đạo” tại các nhà tu. Nỗi đam mê tình dục là sự ám ảnh thường xuyên, là động cơ thường trực thôi thúc của vật và người. Thú tính và nhân tính là hai mặt không lìa nhau trong cùng một con người bình thường. Khi tình dục chỉ là sự thèm khát xác thịt mà vắng bóng tình yêu thì đi gần với thú tính. Nếu tình dục là kết quả của tình yêu thì đi gần với nhân tính.

Qua những tháng ngày cuồng nhiệt với sự chín muồi của tình yêu và nỗi đam mê tình dục, cái nhân tính trong Trí Hải bắt đầu máy động. Sau mỗi

trận bão tình, Ba Gắm thường nằm úp mặt xuống gối, lấy những đường cong tĩnh lặng để che khuất những đường cong bão tố trên thân thể. Sự tĩnh lặng giúp Ba Gắm đi vào những giấc ngủ tròn đầy và trẻ thơ. Bên cạnh, Trí Hải chấp chờn nửa thức nửa mê. Sự thỏa mãn càng thắm, nỗi trăn trở càng nhọn buốt. Lần sau cùng, Trí Hải không tài nào yên tâm chợp mắt. Mắt ráo hoảnh, nhìn vào khoảng không trên trần nhà và tự hỏi: “Ta là ai bây giờ? - Một người tình, một người chồng, một người đàn ông, một nhà quý tộc, một kẻ đi tìm nghĩa sống lạc đường, một gã lấy vợ người khác, một tên bất lương... hay ta là ai, là ai nữa?”. Cuộc tình với Ba Gắm càng sâu đậm, những câu hỏi càng lớn dần. Thảng thốt.

Khi cả Trí Hải và Ba Gắm hiểu nghĩa của tình yêu, ném trái qua đỉnh điểm lạc thú của tình yêu thì những xao động nhất thời từ từ tĩnh lại. Từ trên đỉnh cao của sự lắng đọng, cả hai phóng tầm nhìn thật xa về mình, về nhau, về những gì đang vây quanh. Cái tĩnh lặng của viên chủ tướng vừa thắng trận trong đêm viễn chinh thường trông trải một cách bất ngờ. Khi đỉnh núi cao nhất đã phơi dưới chân; khi vùng đất xa nhất đã nằm trong doanh trại, đoàn thám hiểm sẽ múa hát quay cuồng trong giây lát rồi cũng phải đối diện với cái trống vắng của Vô Cùng. Lắm khi, chiến thắng cũng là tro tàn của hy vọng, nêu chi chiến thắng thân xác và khối óc nhưng cái hồn vẫn còn vô định, lang thang...

Thân xác và tâm trí dồn tụ vào cuộc tình, Trí Hải sống như cái bóng mờ hồ trong một góc còn ở được của tòa lâu đài gần như đổ nát. Một cuộc tình, dù kín đáo và khéo léo tới đâu thì cũng là một sự hiện hữu nóng bỏng dưới ánh mặt trời, hai người yêu nhau có thể giấu được tất cả, nhưng làm sao giấu được chính mình. Niềm hạnh phúc tươi mới thuở ban đầu dần có lắng xuống mất dạng trên bề mặt cũng sẽ trở thành nổi thao thức tận bề sâu. Từng hạt mưa lâm tẩm rơi xuống cuộc tình vương giả trái ngang mỗi ngày một nặng hạt hơn. Trí Hải phải đối diện với tấm gương soi bóng chính mình. Tấm gương soi bóng đầu tiên là vẻ buồn lặng lẽ của Phạm Xảo. Viên tướng già như voi trận đã từng xông pha ngoài trận mạc không bao giờ chấp nhận thân tượng hay vị thống soái chỉ huy mình sa đọa và hèn nhát. Từ ngày đầu dấn thân vào cuộc tình với Ba Gắm, Trí Hải đã thấy được tia nhìn trách móc, tuy nhẹ nhàng nhưng nghiêm khắc của Phạm Xảo hướng về mình. Tia nhìn càng ngày càng dữ dội. Nếp sống im lặng trong êm đềm và thông cảm giữa hai người như đang rộ lên với tiếng gào câm nín của Phạm Xảo. Trí Hải cảm thấy đau nhói mỗi lần bắt gặp đôi mắt đăm chiêu và đôi môi mím chặt đầy nghiêm khắc của Phạm Xảo khi người đóng vai lão bộc mềm nhũn ngày xưa, vẫn hàng ngày pha trà, nấu cơm cho mình đang có cái nhìn đôi khác.

Mỗi đêm trước giờ đi ngủ, Trí Hải không bao giờ bỏ quên thú đọc sách. Bậc trí giả đọc sách là chuyện trò và chia sẻ. Độc giả bình thường đọc sách là thu nhận và lắng nghe. Bởi vậy người cầm bút như kẻ cầm kiếm. Thiếu tri thức, vắng chân tâm xách bút làm kiếm chém bậy chém càn thì không khác gì tên tội đồ bạo hành nơi công cộng. Đêm nay, Trí Hải đọc hoài mà thần trí cứ khơi vơi, không thể nào hòa nhập vào câu chuyện chữ nghĩa đang bày ra trước mắt. Hình ảnh quyến rũ của Ba Gấm, nổi bật với chất keo mềm mại trên thân thể, đường cong thu hút, hơi ấm êm ả, mùi da thịt nồng nàn, màu mắt môi ản giầu đã làm cho Trí Hải chỉ còn là cái xác đối bóng với sách, thần hồn, thần trí bay tạt đâu đâu. Tác giả cuốn sách không phải là tên bạo hành. Nhưng người đọc chỉ là ngọn đèn không có bắc nên ánh sáng không biết tựa vào đâu để soi vào chữ nghĩa. Đã bao đêm như vậy. Trí Hải vút sách trên gối, đi ra sân. Bầu trời sao vẫn long lanh trăm thắm, nhưng Trí Hải lại có cảm tưởng hàng loạt con sao đang nhảy múa cười nửa miệng; rúc rích mĩa mai trên đầu mình. Một tâm hồn và trí óc từng làm chủ vũ trụ, bây giờ đang bị vũ trụ bắt làm con tin trong khung tình nhỏ bé. Trí Hải ray rứt, ưu tư, phiền muộn và nôn nóng muốn tháo gỡ cái khung vây bủa lấy mình để bay ra khỏi lưới tình mà trở lại với vũ trụ bao la trên đầu, trước mắt mình, nhưng mọi khung cửa đều khóa chặt. Ba Gấm có mặt khắp nơi. Chỉ cần một bàn tay nuột nà vuốt nhẹ của Ba Gấm là Trí Hải đã bủn rủn chân tay, khuỵu xuống trong trùng vây êm ái của ân tình. Tình yêu là bùa ngải của cảm xúc; tình dục là phép lạ của ham muốn. Trí Hải yếu đuối trước tình yêu và bị chinh phục hoàn toàn bởi tình dục.

Nỗi bức xúc muốn thoát ra khỏi trùng vây của đam mê không mạnh hơn chính cơn sốt của đam mê. Cuộc chiến đấu giữa phải và trái, dục và trong, lương tri và khoái lạc, đạo lý và buông thả càng ngày càng bão liệt hơn trong lòng Trí Hải.

Chàng Thiện trong Trí Hải lên tiếng:

“Này ông Hoàng, yêu đương ngoài vòng luân lý là sai trái. Tư tình với vợ người khác là trái đạo. Hải trộm một cành hoa có chủ là bất công với người làm chủ”.

Gã Ác trong Trí Hải phản bác ngay:

“Ai cho phép tên đàn ông có quyền năm thê bảy thiếp; trong lúc bó buộc người đàn bà phải chính chuyên một chồng. Mỗi người chỉ có một cuộc đời ngắn ngủi để sống, tại sao lại cấm cản khi hai người thật sự yêu nhau”.

Chàng Thiện cãi lại:

“Con người ta sống cần phải hợp với đạo lý. Ngoại tình là hành động đòi phong bại tục”.

Gã Ác bác bỏ:

“Cái gọi là đạo lý chẳng qua là sản phẩm của một xã hội, một giai cấp, một giống người tự đặt ra để phục vụ cho quyền lợi nhất thời, trước mắt của mình. Sống lâu với những cách ứng xử nào đó thành thói quen. Thói quen lâu đời thành phong tục tập quán. Tại sao khi cần con người lại không có can đảm quăng cái thói quen lâu đời kia vào hồ rác để tự do thoải mái và thật sự sống cho mình. Sống nô lệ cho tập quán, dư luận là uống phí một kiếp người ngắn ngủi”.

Mới chia tay với Ba Gấm trên chiếc đò neo giữa sông Hương lúc quá nửa đêm, Trí Hải nằm thức đến sáng vẫn chong mắt không tài nào ngủ được. Cuộc đối thoại nội tâm dật dờ đầy tới kéo lui làm Trí Hải muốn ôm đầu trốn chạy để tìm một giấc ngủ bình yên, nhưng ngựa đã lên yên khó lòng dừng lại.

Trí Hải tìm đến am thầy Tiều lúc trời chưa sáng. Từ sau hàng giậu bông cao quá đầu người, Trí Hải đã vắng nghe tiếng tụng kinh sớm của thầy Tiều. Tiếng tán, tiếng tụng ngân nga, phát ra âm điệu trầm lắng, phảng phất một thoáng buồn nhưng đầy an lạc. Trí Hải bước nhẹ chân vào trước cửa ngôi nhà cỏ. Thầy Tiều vừa tụng kinh xong, ngồi xếp bàn tĩnh tọa. Cũng là khung cảnh quen thuộc cũ nhưng sao Trí Hải cảm thấy xa lạ vô cùng. Tất cả khung cảnh ấy và tiếng kinh kia vẫn điềm nhiên an trú trong một cõi hư không tịch mịch nào đó mà xác thân này đã thay đổi. Trí Hải có cảm tưởng tay mình đã nhúng chàm. Nhìn vào bệ thờ, Trí Hải mừng tượng như những cuốn kinh, những bình hoa lạnh lùng quay mặt về nơi khác. Trí Hải tự dưng quay lưng bước ra khỏi cửa am. Sương mai và cây cối đua nhau thức dậy cười sặc sụa chê cười. Tiếng gà gáy sáng cất lên thông báo cuộc tình vụng trộm của Trí Hải.

Lòng muốn vùng bỏ chạy vì bị ám ảnh. Chốn kia thanh sạch quá cho thân xác lấm bụi này. Phải trốn. Phải tránh. Những cơn mê cuồng ham muốn của hai thể xác đã để lại nhiều dấu tích trên hình hài và tâm não của Trí Hải. Bao nhiêu vết sẹo của dục vọng chưa liền da giờ thi nhau mở miệng, rỉ máu. Nhức buốt. Nổi đau nhức từ cảm xúc dị thường đau réo hơn là vết cắt trên da thịt. Trí Hải không tài nào giờ chân lên được, ngồi gục xuống. Một bàn tay

mát lạnh đặt lên sau gáy. Trí Hải không quay lên nhưng biết ngay là bàn tay của thầy Tiều:

- Thầy!

Trí Hải thì thầm nói với thầy Tiều. Tiếng thầy Tiều nhẹ nhàng:

- Vâng, tôi đây. Mời quý hữu về am dùng trà, ở đây lạnh lắm.

Trí Hải tựa trên vai thầy Tiều bước về ngôi nhà cỏ.

Bình trà nóng có ai vừa pha sẵn để bên khay trà đặt trên chiếu ngồi. Trong vùng ánh sáng sớm mai, bên chén trà buổi sớm, Trí Hải ngồi đối diện với thầy Tiều. Trí Hải đang chờ đợi một thái độ của thầy Tiều. Nếu không phải là cái nhìn đầy phê phán lẫn xót xa như Phạm Xảo thì ít ra thầy Tiều cũng có đôi lời trách cứ nhẹ nhàng. Nhưng đôi mắt thầy vẫn như mặt hồ trong không vương một bóng mây. Tất cả chỉ có mặt hồ trong như pha lê và bầu trời xanh lồng lộng trên cao. Nhìn sâu vào đôi mắt thầy Tiều, Trí Hải mới hiểu sâu hơn về khái niệm “Không dính mắc” mà thầy Tiều thường nói đến. Ánh mắt thầy đậu trên tất cả mà dường như chẳng đậu vào đâu. Ý nghĩ thầy dàn trải mọi hiện tượng của cuộc sống mà chẳng đeo mang nỗi vui buồn của cuộc sống.

Trí Hải gợi ý trước:

- Lâu nay tôi vắng mặt thường xuyên nên ít khi gặp thầy. Thầy có thắc mắc là tôi đi đâu không?

Giọng thầy Tiều bông đùa dễ dãi:

- Đời người ta có nhiều lần đi chơi và một lần đi thật. Không đi chơi lỡ một ngày “đi thật” thì còn đâu nữa mà đi chơi!

- Ý tôi muốn nói về sự quan hệ của tôi...

- Với Ba Gấm?

- Thầy đã biết hết mọi chuyện?

Thầy Tiều lắc đầu:

- Chuyện riêng của chư quý hữu, tôi biết để làm gì?

Trí Hải lại hỏi:

- Thưa thầy, tôi nghĩ thầy cũng cần biết chuyện của những người xung quanh thầy. Biết để khen cái tốt mà theo đuổi và để chê cái xấu mà bỏ đi chứ thầy!

Thầy Tiều lại cười tủm tỉm:

- Căn cứ vào đâu để biết tốt xấu, hay dở đây?

- Thì đúng với quy ước xã hội là tốt mà trái với quy ước xã hội là xấu.

- Lỡ như quy ước xã hội thay đổi nghịch chiều thì sao? Tỷ như ngày xưa ai theo Tây Sơn là tốt, nhưng ngày nay ai theo Tây Sơn là xấu, là bị chém bêu đầu thì biết đâu biên giới đúng, sai?

Trí Hải đi ngay vào đề nói về hoàn cảnh riêng của mình:

- Như trường hợp tôi đang có tình riêng với Ba Gấm là đúng hay sai?

- Không sai, không đúng; không đúng, không sai.

- Ô, tại sao lại kỳ lạ như thế hở thầy?

- Đúng sai chẳng thì cũng chỉ xét tình cảm trong hiện tại mà thôi.

- Nếu không xét trong hiện tại, chả lẽ lại xét từ thuở chưa sinh ra hay sau khi chết đi?!

Thầy Tiều ngồi trong thế xếp bàn một hồi lâu, rồi thầy lên tiếng. Giọng nói rõ và chậm của người vừa thức dậy sau giấc ngủ trưa:

- Đúng vậy quý hữu à. Trong chuỗi dài ân tình vay trả, trả vay thì chẳng thiếu một tơ hào mà cũng chẳng thừa một mảy may. Không có gì mất đi mà cũng chẳng có gì được lại cả. Lấy một giọt nước của biển cả thì biển cả mất đi một giọt nước. Tác cạn biển Đông thì biển Đông mất đi một biển nước. Nhưng trong cuộc xoay vần của tạo hóa thì tất cả là một khối nguyên vẹn. Lấy một hạt bụi nơi này thổi qua nơi nọ thì nơi này sẽ thiếu một hạt bụi và bên kia thừa một hạt bụi. Chỗ thiếu sẽ tìm sự bù đắp và chỗ thừa sẽ đẩy đi. Tạo hóa xoay vần, biến dịch nhưng mãi mãi vẫn ở trong một thế quân bình mà các tôn giáo gọi là Trung Đạo. Số phận, việc làm, cảnh ngộ của con

người cũng biến đổi thường xuyên nhưng không bao giờ ra khỏi cái thế tuần hoàn quân bình đó của tạo hóa. Quy luật quân bình đó gọi là nhân quả, là vay trả hay gọi là gì cũng được. Mọi việc xoay vần tuồng như vô hình vô ảnh nhưng không ai có thể ra ngoài sự xoay vần đó. Có người gọi luật xoay vần đó là “lưới trời” là “thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu”, có nghĩa là lưới trời lồng lộng, thưa nhưng không ai lọt ra khỏi.

Ngẫm nghĩ một lát, Trí Hải hỏi thầy Tiều:

- Thầy có nghĩ là mọi việc xảy ra đều do duyên tiền định không?
- Tôi không nghĩ những điều xa xôi như thế, nhưng tôi tin vũ trụ có một sự quân bình tuyệt đối. Vòng quay luân hồi: sinh lão bệnh tử... chỉ là sự chuyển động của vạn vật để tự điều chỉnh cho hợp với quy luật quân bình đó.
- Như vậy việc tôi tư tình với Ba Gấm có nằm trong sự chuyển động theo quy luật quân bình đó không?
- Đó là quy luật khách quan, không ai tránh khỏi.
- Đã làm theo quy luật khách quan thì hành động chỉ còn là những tác động qua lại chứ đâu còn sai hay đúng nữa, phải không thầy?

Trí Hải hỏi, thầy Tiều giải thích:

- Nếu chỉ đứng ở vị trí hiện tại thì cuộc tư tình giữa quý hữu và tín nữ Ba Gấm là một điều sai trái, một hành động tội lỗi. Nhưng nếu đứng trên đường dây của dòng đời sinh diệt không ngừng từ vô thủy thì hôm nay cũng chỉ là một bên tạm ghé qua trong chuỗi dài vô tận. Những ai dính líu trong cuộc tình này như Hoàng thân, Ba Gấm, quan Chánh Chương và ngay những người trong gia đình của họ hay kể cả những người gần gũi với quý hữu như Phạm Xảo, như tôi, như cả xã hội này đều có sự dính dáng, mắc mớ với nhau trong chuỗi dài của những kiếp sống bất tận đó. Cuộc tính toán nợ nần chi ly, giây mớ rề má này với nhau chẳng mang ý nghĩa đúng, sai, tốt, xấu gì cả vì tất cả đều phải quay theo cái quy luật quân bình của tạo hóa.

Trí Hải nắm hay tay lại, hỏi:

- Như vậy, con người hoàn toàn bất lực trước quy luật quân bình của tạo hóa sao?

Thầy Tiều mở rộng hai tay, trả lời:

- Buông tay chỉ vì muốn buông tay mà thôi.

- Ý thầy muốn nói “buông tay” là không chịu chống lại cái quy luật quân bình đó phải không?

- Thật ra cái quy luật đó chính là cái bản năng thú tính tự nhiên trong mỗi con người mà không ai tiêu diệt được cả, vì tiêu diệt bản năng thú tính tự nhiên đó là đồng nghĩa với tận diệt sự hiện hữu của con người.

- Lạ quá thầy ạ. Nếu không diệt dục, diệt tham, diệt sân, diệt si... thì làm sao thầy tu cho yên.

- Trong đạo Phật không có gì là tự sinh ra hay tận diệt được cả. Tất cả xuất hiện dưới hình thức này nọ, cao thấp khác nhau chỉ là sự biến tướng. Nhưng thật sự thì vạn pháp đều bình đẳng.

- Khi tu, lòng dục của thầy đã biến tướng như thế nào?

- Hà, hà! “Chưa thấy quan tài chưa đổ lệ!”. Hình như sinh hoạt ngoài đời người ta hay nói đùa theo kiểu này phải không? À, mà Hoàng thân cũng chỉ quen sống khép mình trong dinh thự và sách vở thì đâu biết chuyện ngoài đời nhiều. Câu nói đùa đó cũng nói lên được ý nghĩa của tinh thần tự chứng. Quý hữu đứng ngoài, có lẽ không hiểu được lòng dục của những người đi tu chuyên hóa như thế nào đâu. Như bản thân tôi chẳng hạn, tôi cũng có lòng ham muốn dục tình nam nữ trong lứa tuổi thanh xuân như bao nhiêu người trai trẻ khác. Lòng ham muốn sôi nổi từ từ dịu lại khi tôi cố tránh không nghĩ đến nó. Cuộc chiến đấu ban đầu rất mực khó khăn. Trong hoàn cảnh cô đơn, kham khổ, con người buông thả với chính mình thường rất dễ tìm một lối thoát dễ dãi. Lối thoát tự nhiên và đơn giản nhất là nghĩ tới hay hành động dục tình. Cửa thiền rộng mở khi cửa ngõ tình yêu trai gái và cửa lòng ham muốn dục tình khép kín. Hai cánh cửa không bao giờ cùng mở hay cùng đóng. Người có duyên tu thì cửa thiền rộng mở, cửa tình khép chặt. Người bị nghịch chướng thì hai cánh cửa này thường chỉ mở hé hay khép hờ nên vào cũng khó khăn mà ra cũng vướng víu. Khi tôi đã xuống tóc, khoác áo nhà tu, thường có một tiếng sấm nổi lên hàng ngày làm át đi âm thanh du dương quyên rũ của ái tình. Đây là tiếng kinh, tiếng vọng từ muôn trùng thánh thiện dấy lên trong tôi. Tôi tựa vào hải triều âm vi diệu đó mỗi ngày, mỗi phút. Và có một bức thành chắn cao vời vợi chặn đứng tia nhìn, cảm xúc riêng tư thành cái nhìn, cảm xúc chung. Trước mắt tôi, chẳng có một đối tượng nào,

kể cả gia đình, cha mẹ, anh em, người tình, người bạn thuộc về riêng tôi. Vì vậy, cảm xúc của cá nhân tôi cũng không đậu trên một người, một vật nào cả. Khi không có sở hữu riêng tư thì mặt trời, mặt trăng, mặt đất này là của chung. Mặt trăng, mặt trời không phát ra ánh sáng cho riêng tôi nên cũng chẳng có ai trên mặt đất này ôm ấp hay ban phát tình cảm riêng cho tôi. Từ đó tôi yêu đương tự do. Yêu người không phân biệt giới tính và nhẹ nhàng như yêu vàng mây ẩm.

Đã từ lâu, Trí Hải bắt gặp trong đôi mắt của thầy Tiều một nét gì đó rất lạ lùng. Ánh mắt thầy lúc nào cũng như những rặng núi xa xăm. Trong mắt thầy không có một bên bờ ghé đậu. Cá tính, dáng vẻ của mỗi con người hình như chẳng có độ nhám để bám vào ánh nhìn không có thành trì biên giới của thầy. Với ý nghĩ đó, Trí Hải hỏi thầy Tiều:

- Vậy thì vào chùa là cách tốt nhất để xa lánh chuyện tình nam nữ giữa đời, phải không thưa thầy?

Thầy Tiều lúc lắc đầu, cười và nói:

- Thất tình, đi tu để khỏi đối diện với sự thật là đi ngược lại tinh thần vắng lặng nhưng lại đầy sức mạnh âm thầm từ bên trong của cửa chùa. Chùa chiền, tự viện là nơi tự mình đối diện với những dục vọng của chính mình, rồi từ đó tìm phương hóa giải. Ngoài đời thường, người ta dùng dục vọng lớn hơn để bao phủ hay đè bẹp những dục vọng nhỏ hơn. Dục vọng biến tướng và người ta hiểu lầm rằng dục vọng không còn nữa như một ông nhà giàu cho người nghèo của tiền bố thí để lấy lại tiếng khen. Ông ta chỉ tính gạo tiền đổ ra mà không tính cái hư danh mình đang lấy lại.

- Nếu như tôi muốn ra khỏi vòng vây của tình ái thì phải làm sao?

- Đừng trốn chạy vì không có chỗ nào trốn được cả. Người ta có thể trốn được một xã hội nhưng sẽ không có ai trốn được chính mình. Sống với nó, nhìn thẳng vào nó để thấy được những ngón tay bạch tuộc của nó bám chặt vào đâu và gỡ ra khỏi đời mình.

- Nói thì dễ nhưng làm khó quá.

- Vâng, khó thật! Riêng tôi thì gỡ bàn tay của dục vọng một mình làm không nổi nên tôi phải nương tựa vào lớp áo nhà tu.

- Thế thì ai cũng phải đi tu như thầy mới tìm được tâm vắng lặng sao?

- Mỗi người đều có căn cơ và phước đức riêng. Có một định lực vô hình nhưng nó đóng vai trò gần như quyết định cho mỗi cuộc đời riêng mà người ta quen gọi đó là định mệnh hay số phận.

- Ai là kẻ quyết định cho số phận đó hở thầy?

- Theo cách hiểu thông thường của nhà chùa thì cái định lực vô hình đó là sự tích lũy sau cùng của tất cả những ý nghĩ, lời nói, việc làm của mỗi người gồm cả cái được và cái mất, cái tốt và cái xấu, cái thiện và cái ác gọi là nghiệp.

- Nghiệp! Một sức mạnh vô tình, lạnh lùng và độc ác đến thế sao?

- Nghiệp do mình tạo chứ có ai trừng phạt hay ban phát cho mình đâu. Rượu không bắt mình say, tiền không bắt mình mắc nợ. Say vì tự mình uống quá chén; mắc nợ vì mình xài quá nhiều. Đừng uống rượu quá đà thì khỏi say. Làm tiền ra nhiều hơn tiêu tiền thì có tiền dành để lại trong tay.

- Nghĩa là mình có thể làm chủ nghiệp của mình?

- Ô, tất nhiên rồi quý hữu à. Người ta có thể cải nghiệp, giải nghiệp hay không tạo nghiệp.

- Hành động hôm nay là hạt giống cho số phận ngày mai hay đời sau. Tu không phải là chỉ có hình thức vào chùa để làm trụ trì, lên sư ông, thành sư cụ mà tu là tự mình làm thanh sạch cho cái tâm của mình để giải bớt nghiệp chướng cho chính mình bằng cách gieo hạt giống cho ngày mai.

- Có chẳng một vùng đất lý tưởng để gieo giống cho đời sau?

- Ba ngàn thế giới, gieo đâu mà chẳng được, miễn sao là giống lành.

Trí Hải lặp lại lời sau cùng của thầy Tiều mà cảm thấy lòng ấm lại như vừa có một nơi nương tựa:

“Ba ngàn thế giới, gieo đâu mà chẳng được, miễn sao là giống lành”.

Chương 19 - Bụi Tình

Đêm chia tay trên sông, dòng nước sông Hương mềm lại. Bến bờ chìm sau biển sương mù và khói nước ven sông vây phủ như thế giới chỉ còn hai con người trong lòng thuyền đang sống. Cảm giác có nhau trong tay và nhớ nhau ngày sắp tới khiến những người tình chưa xa mà đã nhớ. Họ muốn hong khô những giọt nước càng thấm càng đầy làm trôi nổi dòng cảm xúc. Dù đã cho và nhận tận tình trên xác thân không tiếc nuôi, họ vẫn muốn gửi nỗi thương nhớ còn quuyền luyến vào mớ hành lý mai sau. Nỗi say mê không đong hết được khi tâm lý níu kéo dùng dằng ra đi và ở lại đang diễn ra trước bình minh của một ngày đang tới và sẽ lùi dần vào một buổi chiều chia xa. Ba Gắm sẽ khởi hành đi Hàng Châu trước khi trời tối. Từ cửa biển Thuận An, đoàn thuyền buôn của Ba Gắm sẽ căng buồm nương theo gió mùa, trực chỉ mé Đông Bắc. Nếu thuận buồm xuôi gió thì chỉ trong ba ngày đêm là tới đảo Hải Nam. Từ đó, thuyền sẽ chạy ven theo bờ biển Trung Quốc trong cuộc hải hành xa nghìn dặm đến vịnh Hàng Châu.

Tiếng reo hò của đám vệ binh tuần tra thủy diện làm Trí Hải choàng tỉnh dậy. Nỗi ám ảnh nặng nề đối với Trí Hải trong lúc này là sự tưởng tượng cảnh quân sĩ tuần tra phát hiện được Ba Gắm và Trí Hải đang tư tình với nhau trên một chiếc đò buồm lái giữa thượng nguồn sông Hương. Thuyền quan quân grom giáo tua tủa đang tiến nhanh về phía đò của Ba Gắm và Trí Hải. Với bản chất tự tin và trầm tĩnh đến độ lạnh lùng, Trí Hải ngòì nhìn đăm đăm những ánh lửa đang nhấp nhô di chuyển về phía mình. Đường như trên những đóm lửa phù du đó mọc lên lăm lăm cảnh hệ lụy phi lý của kiếp người: Hận thù đối mặt với yêu thương, kèm kẹp đối mặt với tự do, xảo trá đối mặt với chân thành, bạo động đối mặt với bình an, đau khổ đối mặt với hạnh phúc... Trí Hải nhắm mắt lại trong cảm giác bàng hoàng chợt đến là tại sao mình phải đứng trước hoàn cảnh này. Bên này là nỗi đam mê tận tình của khát vọng hồn nhiên; bên kia là danh vị cao sang của người đời quy ước. Khi sự lựa chọn là con đường nghịch chiều, kẻ được chọn lựa thường đứng trước ngã ba: Ngã ngược, ngã xuôi và ngã thoát! Trí Hải cần một ngã thoát mà tìm mãi chưa ra.

Ba Gắm lách mình ra khỏi mũi đò với dáng nhẹ nhàng và thản nhiên mà trong bóng tối không ai hình dung được vẻ mặt Ba Gắm là đang cố đương đầu hay sợ hãi. Thuyền tuần tra đã cập sát vào đò Ba Gắm. Người đội trưởng tay cầm cây đèn gió đang cháy phừng phực, tay kia cầm đại đao cán dài nhảy lên trước mặt Ba Gắm hỏi bằng một giọng đầy thị uy uy gần như nạt nộ:

- Ai là chủ đò?

Ba Gắm trả lời bằng cái giọng bất chấp của một người kẻ cả:

- Ba Gắm!

Viên đội trưởng tuần tra gần giọng hỏi dồn:

- Ba Gắm là tên nào? Ở đâu? Làm nghề gì?

Ba Gắm trả lời với vẻ lạnh lẽo và cứng rắn:

- Người không cần biết. Quan tổng giám sát đội phòng ngự thủy diện của người ở đâu, người cấp tốc đi trình báo đến đây nói chuyện với ta.

Người đội trưởng tuần tra có vẻ như đã quen với sóng nước giang hồ, nhận ra ngay sức mạnh quyền thế trong giọng nói của người đàn bà đang đối diện với mình, xuống giọng hỏi lại:

- Bẩm, thế thì xin hỏi phu nhân đây quý danh là gì ạ?

- Ba Gắm.

Người đội trưởng không hỏi thêm gì nữa và nhanh chân lùi lại phía thuyền mình với quân lính canh phòng vẫn còn án binh bất động, đót đuốc đợi chờ. Trong một khoảng ngắn thời gian hút chưa tàn điếu thuốc, thuyền lớn chỉ huy đã cập vào đò Ba Gắm. Quan tổng giám sát nhẹ nhàng bước sang đò Ba Gắm, niềm nở chấp tay vái chào thân mật một cách lịch thiệp:

- Dạ, trình phu nhân, xin phu nhân thứ lỗi cho tên tiểu tốt đội trưởng. Hắn vừa mới được thuyền chuyển từ ải xa về nên chưa biết đại danh của phu nhân. Hạ quan xin phu nhân đừng chấp nhất.

Ba Gắm tươi cười đáp lễ:

- Chuyện nhỏ, xin quan tổng đừng bận tâm. Tiện thể, có món quà nhỏ xin biểu quan tổng lấy thảo.

Quan tổng đã quá quen thuộc với những “món quà nhỏ” như thế nên càng hăm hở chấp tay vái tạ:

- Cảm đội ơn phu nhân. Phu nhân lúc nào cũng hào sảng, chu đáo hèn gì quan quân người người đều cảm phục.

Quan tổng nhét vội hai nén bạc vào hầu bao và cung kính kiêu từ qua thuyền mình rồi ra lệnh cho toán thuyền tuần tra tránh xa khu vực quanh thuyền Ba Gám.

Chưa quen với lối ứng xử đầy vẻ giang hồ một cách bất thường, Trí Hải mở to mắt theo dõi sự việc đã diễn ra trước mặt, lên tiếng hỏi:

- Sao một vị quan của triều đình nắm quyền tuần tra trên mặt sông lại có thể khúm núm trước mặt Ba Gám đến như thế? Vì sợ uy quyền của quan Chánh Chương chăng?

- Không phải đâu huynh ạ. Quyền hạn của quan Chánh Chương đâu có lan xa đến những vùng sông nước hẻo lánh như thế này.

- Nếu vậy thì uy quyền của Ba Gám là do đâu mà có?

Ba Gám cười nhẹ:

- Chuyện chen chúc giữa đời nhiều khi không đáng để bận tâm huynh ạ. Mà huynh cần biết để làm gì cho một trí?

Trí Hải lắc đầu vì sợ bị hiểu lầm là thóc mách, lên tiếng:

- Ô không. Tôi chẳng có ý tò mò hay phê phán em đâu. Nhưng thắc mắc vì tự mình không tìm ra lời giải đáp hợp lý đó thôi.

Ba Gám trả lời gọn lỏn:

- Tiền!

- Chỉ thế sao?

- Dạ phải.

Một phản ứng tâm lý gần như bất bình chạy vào ý nghĩ của Trí Hải. Quen với đời sống cung đình và hoàng phủ, Trí Hải chỉ biết mọi việc trên bề mặt huy hoàng của phần son, trang hoàng và nghi lễ. Những chuyện động thực sự nấp sau dáng vẻ uy nghi và nghiêm cẩn thật là khó hiểu. Trí Hải cảm thấy

như chính lòng tự trọng của mình bị thương tổn khi biết quan quân triều đình cũng bị đồng tiền sai khiến. Trí Hải hỏi một cách nghiêm nghị:

- Như thế có nghĩa là Ba Gấm đã đút lót, hối lộ phi pháp cho các viên chức triều đình, phải không?

Ba Gấm đọc được vẻ căng thẳng và hoài nghi trong lời của Trí Hải nhưng vẫn hồn nhiên và tươi cười giải thích:

- Dạ, huynh. Trên cao nhìn xuống thì có lẽ tiền cho quan tổng là hối lộ và phi pháp, nhưng đi vào đời sống thực tế thì đó cũng chỉ là chuyện đời thường. Huynh nhìn quanh kinh thành và các vùng lân cận sẽ thấy. Nếu chấp hành đúng phép công thì bất cứ quan nào xây phủ đường, xây dinh thự đều đáng tội nghiêm trị, lưu đày hết. Lương của các quan chưa đủ nuôi sống và sắm sửa xe ngựa, áo gấm, tường loan... cho bản thân và con cháu đầy đàn, năm thê bảy thiếp, làm gì có tiền dư để xây phủ, xây dinh. Hơn ai hết, huynh đã biết rõ quy chế lương bổng của triều đình rồi. Thế thì tại sao làm quan lớn, giàu lớn; làm quan nhỏ, giàu nhỏ. Ai làm quan chức cũng sung sướng giàu sang là do đâu. Tiền của từ đâu ra? Nếu không phải là tiền hối lộ, ăn cắp, xoay xở, cắt xén, bòn rút từ mồ hôi nước mắt của dân đen thì chẳng lẽ tiền từ trên trời rơi xuống?

Trí Hải có cảm giác lạnh lạnh từ đỉnh đầu chảy dài xuống xương sống. Sự thật phơi bày quá rõ ràng. Càng che càng rõ. Cái lá chắn cuối cùng là bám vào cụ Không để trấn áp mầm móng phản kháng. Phải mang hai hàng rào kiên cố là cha và thầy để làm vòng đai an toàn cho vua. Ba dây cương là quân, sư, phụ hợp tác với năm đức hạnh ngũ thường... là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín trở thành cái gông tinh thần vô hình chụp xuống đầu người dân. Người ta phải sống gương mẫu để tôn thờ và cung phụng guồng máy vua quan cầm quyền. Trí Hải ôm đầu. Ba Gấm hốt hoảng:

- Huynh ơi! Em xin lỗi đã làm huynh lo nghĩ. Quên hết đi anh. Đeo mang chuyện đời làm mình mất vui. Chỉ còn những giờ hạnh phúc ngắn ngủi bên nhau. Tối nay em đi rồi. Thương nhau đi...

Trí Hải hôn Ba Gấm thật đậm. Nói trong mơ hồ:

- Đi về đâu, em? Ta lạc đường mất rồi. Bao năm, ta nuôi mộng trung quân ái quốc, thương dân hơn thương cả bản thân mình. Nhưng ta đã tự chôn mình giữa những đồng sách để mong tìm đường giúp nước, cứu đời. Tìm đến phương Tây, Tây chỉ muốn thay chủ đổi ngôi, nuôi hoàng tử Cảnh để biến vị

vua tương lai thành bù nhìn mặt Nam dạ Pháp. Tìm về phương Đông, Tàu chỉ muốn biến nước ta thành châu quận. Tìm về đạo Nho, Nho chỉ dạy cúi đầu bó bưng thờ vua. Tìm về đạo Phật, Phật dạy phải từ bỏ trần gian này để tìm phương giải thoát nơi miền cực lạc. Biết về đâu? Hai phần đời đã xé. Về bên em, Ba Gắm ơi, ta có muôn nghìn hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc này cũng chỉ là canh bạc lặn đầu sớm muộn cũng phải đến hồi kết cuộc. Em và ta đang cỡi mây đi ngoài bốn biển, rồi sẽ rơi xuống nơi đâu. Ai biết...

Ba Gắm áp má mình lên môi Trí Hải, nước mắt ràn rụa:

- Em hiểu anh, cả thể xác lẫn tinh thần. Rồi em cũng sẽ già và thân xác này rồi cũng xám tro như thân gỗ mục. Em cũng đã từng trần trở đi tìm một hướng đời cho có ý nghĩa sống như anh. Ước mơ mình thì cao quá mà cuộc đời này thì lạnh lẽo và tầm thường. Với thân phận đàn bà, em chỉ biết kéo ước mơ về hiện thực. Em cố kéo ước mơ về lại trần gian này. Em cố nhìn trần gian này như một quê hương tươi đẹp.

Nét cương nghị ánh lên trong đôi mắt Ba Gắm. Trí Hải nhìn lên, chưa bao giờ Trí Hải thấy Ba Gắm đẹp như lúc này. Ngạc nhiên, Trí Hải kêu lên:

- Đẹp! Em đẹp quá. Có phải vì quê hương tươi đẹp trong lòng em đang làm em đẹp lên không?

- Cảm ơn anh đã khen em. Em không biết, nhưng em đã giữ đẹp quê hương bằng cách riêng của mình.

- Bằng cách nào?

- Bằng cách thỏa hiệp với cuộc đời. Em cứ cho như đời không đẹp mà cũng chẳng xấu; không khổ mà cũng chẳng sướng. Em mặc cho đời bằng chiếc áo của em. Em đã làm giàu công khai và lương thiện. Em lấy tiền của đời và trả lại cho đời. Em không dùng tiền như đốt pháo bông để làm vui cho đời mà coi tiền của như một phương tiện cứu người khốn khó.

- Người ta có thể vừa làm giàu mà cũng vừa lương thiện được không?

- Dạ, theo em thì được huynh ạ. Như cây kỳ nam cổ mộc của Tâm An chỉ là cây rừng hoang dã nhưng đem về bán giá nghìn vàng. Những bức thư pháp của các nhà danh họa Trung Hoa có thời chỉ đổi lấy con vịt, con gà nhưng kẻ biết sưu tầm thành ra vô giá. Đất ruộng Giang Nam xưa trồng lúa trồng khoai chỉ đủ ăn ngày hai bữa, nhưng có người khai thác trồng quýt trồng

cam thu lợi gấp trăm gấp vạn lần. Hàng hóa gấm vóc, tơ lụa của Ba Gấm bán đắt gấp nhiều lần thiên hạ đâu phải là sự tình cờ hay ép buộc. Nhưng để được giá cao như vậy em đã vận dụng hết hiểu biết và kinh nghiệm của một thời cung nữ, học về cái đẹp trong tận cùng khổ nhục. Và đêm nay, em sẽ lên thuyền đi Hàng Châu để chọn mặt hàng. Biển khơi xa nghìn dặm, em có thể bỏ mạng trong giông bão dọc đường ai biết được. Muốn giúp đời, em cần phải phương tiện. Phương tiện trước mắt mà không cần tìm kiếm đâu xa là của cải vật chất. Nhưng vật chất giúp mình và giúp đời chỉ có ý nghĩa khi được làm ra một cách lương thiện. Cái giàu bất lương làm bằng dối lừa và mưu kế làm sao sánh được với cái giàu lương thiện làm nên do trí tuệ và tài năng.

- Đúng vậy. Xưa nay không ai cấm làm giàu một cách chính đáng và lương thiện. Ngay như đạo Phật coi mọi giá trị vật chất chỉ là hư giả, có là không, thế nhưng đức Phật vẫn khen ông trưởng giả Cấp Cô Độc, người đã đem vàng trải ra để mua khu vườn quý của thái tử Kỳ Đà làm nơi thuyết pháp cho Phật và tặng chúng.

- Dạ, cảm ơn sự nhắc nhở đầy ý nghĩa của anh. Nhưng em không dám đi xa hay làm được điều gì to lớn hơn mà chỉ nguyện góp một bàn tay nhỏ và việc giúp người nghèo khó, hoạn nạn.

- Ba Gấm đã cứu được ai và ai là người khốn khó?

- Em đã cho và không đợi chờ nhận lại. Người em cho không biết là ai, nhưng em biết đích xác họ là những người khốn khổ. Người nhận cũng chẳng cần biết ai cho, điều họ cần biết có manh áo, miếng ăn trong cơn khốn khó.

Trí Hải buồn bã thở dài:

- Tôi đang ở đâu đây? Bao nhiêu chữ nghĩa... rớt cuộc, chỉ là một kẻ lạc đường!

Ba Gấm ôm đầu Trí Hải, nhìn thẳng vào đôi mắt thăm thẳm ưu tư:

- Huynh! Không đâu. Huynh không lạc đường khi tâm lòng của huynh còn đầy ắp yêu thương. Không phải chỉ thương em mà thương tất cả...

- Mơ hồ quá! Trái tim thương yêu chỉ mới là con thuyền trống. Thuyền biết chở ai về đỗ bến nào mới là thật sự yêu thương.

- Đúng!

- Đúng là thế nào?

- Là đem yêu thương về chính giữa cuộc đời gió bụi này. Địa ngục là đây mà thiên giới cũng là đây. Con người thuộc về trần gian nên phải đem con người về lại giữa trần gian. Muốn lên thiên giới hay muốn về địa ngục, con người cũng phải qua ngõ trần gian này trước đã. Quên trần gian để bước thẳng lên thiên giới là ảo tưởng của những tâm hồn mờ mịt niềm tin. Phi tiểu nhân bất thành quân tử. Nếu đời sống chỉ có toàn là quân tử hay tất cả đều là tiểu nhân thì làm gì có hai bờ đối đãi, tiểu nhân hay quân tử. Nếu không ai có tội thì làm gì có đáng chuộc tội. Đời không đau khổ thì làm gì có đáng cứu khổ.

- Hay lắm! Rất luận hành minh triết. Nhưng đâu là cửa ngõ để bước vào dòng đời thật sự đau khổ hay hạnh phúc. Biết bắt đầu từ đâu trong cuộc hành trình êm đềm mà khốc liệt này?

Ba Gám đặt cả đôi bàn tay êm như gấm vuốt má Trí Hải, trả lời thờ ơ:

- Em không biết nữa. Bên huynh, bên em, phút này chúng ta đang sống trong chiếc võng hạnh phúc của cõi trời. Nhưng tối nay, khi em đi, đời vắng nhau rồi, sự nhớ thương sẽ đưa mình về... về địa ngục.

- Thế thì cõi lành cũng ở nơi đây mà cõi ác cũng ở nơi đây...

Trí Hải áp bàn tay của Ba Gám đưa lên ngực mình, nơi trái tim đang gõ từng nhịp đời dồn dập.

Ba Gám nhắm mắt, tựa đầu lên ngực Trí Hải, nói nho nhỏ:

- Em nghe.

- Nghe gì em?

- Nghe tiếng tim anh đập, nghe sự sống của anh.

- Rồi sao nữa?

- Trái tim chẳng biết nói gì hết ngoài những nhịp nhặt khoan vô nghĩa.

- Em đang nghĩ gì?

- Không. Thế anh đang nghĩ gì?
- Không!
- Em cảm thấy quá hạnh phúc trong cái “không” này anh ạ.
- Anh cũng vậy...
- Thế làm sao kéo dài cái “không” vô tận hử anh?
- Anh không biết. Em biết?
- Không! Bộ anh biết sao?
- Không!

Cả hai ngồi im lặng bên nhau mà trong nhau. Sự tĩnh lặng mong manh dần dần tan đi với mặt trời xế bóng.

Mộng tưởng cứu cánh... thường xuất phát từ niềm tin tôn giáo. Tôn giáo là một ảo tưởng trong mắt nhìn trần bụi. Nhưng tôn giáo là một thế giới hứa hẹn, thế giới mơ ước, thế giới bên kia trong niềm tin và hy vọng của tâm linh. Muốn qua thế giới bên kia cần phải có một chiếc cầu. Chiếc cầu không hình, không tướng, không sắc, không thanh, không màu, không ở một nơi nào cả. Bởi vậy, chẳng có một thi nhân, văn nhân, họa sĩ tài hoa trác tuyệt nào có thể diễn đạt hay mô tả được chiếc cầu ấy một cách chân xác. Chiếc cầu có có, không không trong rỗng lặng, trong cảm niệm, trong quán tưởng. Khi tất cả mọi cánh cửa của trí óc mở rộng; mọi rào chắn của tâm hồn phá bỏ; mọi suy tư và định kiến có từ muôn thuở tan đi thì vùng đất bên bờ này chợt hé ra để có được một khoảng trống làm đầu cầu. Có lúc, chiếc cầu chợt ẩn hiện đâu đó trong vô thức, trong tiềm thức, trong ý thức, trong cảm xúc, trong nụ cười, trong tiếng vọng, trong tình yêu, trong thù hận... trong tất cả. Chiếc cầu có khi chỉ là gang tấc; nhưng cũng có khi dài vô tận. Bao nhiêu người vịn thành cầu, đứng trên cầu, đi qua, đi qua, rồi đi qua... Có kẻ qua được bờ bên kia, có kẻ đứng lại bên cầu, có người vịn cầu chờ đợi và cũng có kẻ đi hoài không tới.

Tình yêu say đắm hay cảm xúc mê say thường chiếm hết khoảng không của trí óc và chiều sâu tâm hồn con người. Khi yêu, những người trong cuộc tình thường say mê chết lặng hay rên rỉ trong tình yêu. Những nghệ sĩ được xem là những người có khả năng và phương tiện rên rỉ bằng nghệ thuật điêu

luyện, nên thơ tình, nhạc tình, tranh tình, hát tình... thường có độ rung đầy cường điệu dễ làm say đắm lòng người. Đắm trong suối tình, ướt đầm đến từng chân tóc, không còn một khoảng trống nào để cho tạo vật và niềm an lạc thanh tịnh chen vào. Và cứ thế, con người vật lộn liên tục với cảm xúc nung nấu phóng ra và dội lại như con thoi cho đến ngày thân xác tan rã. Ba Gắm và Trí Hải cuốn hút nhau trong cơn lốc tình cảm. Khi cuộc tình chuyển qua một khúc quanh, cả hai người tình chợt khám phá ra một thoáng mắt lạng gió. Trong giây phút sắp chia tay, họ không bám víu những gì đã qua, chưa biết gì sắp xảy đến. Họ vừa đang có nhau mà cũng vừa đang mất nhau. Cả hai chưa có một vọng tưởng nào ngoài khoảnh khắc hiện tại. Họ mở bung hết ngọn nguồn cảm xúc cả tinh thần lẫn thể chất, ngồi bên nhau như hai cụ già đã quá vãng và như hai đứa trẻ chưa sinh trong hiện tại nên chẳng có gì để bám víu, dù là ảo tưởng. Chính sự đồng cảm trong cái “không” lạng gió của trần thế đã đưa họ tới suối nguồn hạnh phúc. Nhưng cái không của họ mới chỉ là cái tâm không dính mắc xảy ra trong thoáng mắt. Không có ai trong cả hai người tình có đủ sức mạnh để giữ lại được thoáng giây hạnh phúc ấy lâu hơn. Từ trong hạnh phúc, cả hai đều cảm nhận được mặt đối nghịch nằm khuất ở phía bên kia của đời sống thoáng nhe răng cười bóng hạnh phúc phù du của họ. Cái-không-hạnh-phúc lóe lên như một sự nhắc nhở tất cả chỉ là vô thường. Hạnh phúc giữa vô thường là cái bóng trên người trước khi biến vào nẻo khuất.

Chỉ còn một người thân duy nhất trong đêm là mặt trăng mùa đông hiem hoi, nhưng rồi trăng là của muôn phương nên trăng cũng từ từ lặn mất. Ba Gắm đã giương buồm ra khơi từ chập tối. Phạm Xảo vẫn ngủ say dưới một mái nhà nhưng ý nghĩ và cảm xúc đã rời xa Trí Hải hàng bao nhiêu vạn dặm trường. Đầu hôm chợt mắt được một lát, tiếng động răng rắc của ngôi nhà quá cũ kỹ không chống đỡ nổi với gió mạnh đã vực giấc ngủ dậy. Trí Hải chong mắt nhìn trăng lặn, đợi đêm tàn và chờ sáng.

Trong sương mù của ý nghĩ, tiếng chuông chùa Thiên Mụ vỡ lạnh cả hư không. Tiếng chuông về đâu. Không có một miền trú xứ. Âm thanh như một đời người, nó từ không mà có; rồi trở về không... Chú tiểu công phu sớm, cái chày kinh mòn nhẵn nửa đầu, cổ chuông đúc từ thời chúa Nguyễn, một không gian vắng lặng, thề đêm chuông xâu chuỗi xếp hàng, một bàn tay lần thề và tay kia thông thả động chuông, và tiếng gió, tiếng đêm, tiếng dế cũng góp phần thai nghén, sinh đẻ, tạo tác tiếng chuông. Tiếng chuông từ tất cả, của tất cả mà cũng chẳng thuộc về ai.

Làm người có nhiều nỗi khổ, nhưng cái khổ âm thầm mà dần vật nhất là nỗi khổ suy tư. Nỗi nhớ trong tình yêu là cơn chớp giật sấm sét của suy tư. Nhớ không còn là một cảm giác mong ngóng hay ham muốn được đền bù để khóa lấp khát vọng thềm thường mà là một sự quay quắt. Cảm giác quay quắt tê dại như một nửa phần thân thể bị ai cắt đi. Trí Hải nhớ Ba Gắm. Tất cả những cánh cửa gần như khép lại. Bầu trời lồng lộng, sông núi, cỏ cây, đều bị cái lạnh lẽo khép lại sau màn sương dày đặc. Chỉ có một cánh cửa ảm. Còn mở. Đó là nỗi nhớ. Nỗi nhớ cũng dày đặc mà không nắm bắt được, mờ hồ như khói, như sương, giữa hai người tình. Họ càng xa nhau, càng nghĩ đến nhau nồng nàn và gần gũi trong tâm tưởng. “Ba Gắm! Ba Gắm!”. Trí Hải kêu lên không thành tiếng.

Nỗi nhớ càng mê mông, trí tưởng như càng đặc quánh lại. Trí Hải chỉ thấy đôi mắt đẹp muôn trùng của Ba Gắm đang từ biển khơi sóng gió hướng về mình. Đôi môi yêu thương chực nở những nụ cười tươi mới, nói những lời ngọt ngào dịu ngọt và hé ra chờ đợi. Thân thể nồng nàn vật vã và quân quyền của những loài thú mắt nai, trườn mình nơi rừng xanh làm động núi giữa mùa tình.

Bỗng như có một luồng gió lạ vừa thổi tới, Trí Hải quắc mắt nhìn bóng đêm. Bóng tối che hết cả vạn vật cũng như tình yêu cuốn lấy một người làm cho trái tim bị quấn những vòng dây êm ái quá. Khi trái tim chỉ còn biết rung động trong vòng quấn giới hạn thì tín hiệu yêu thương cũng rất khó trải dài ra ngoài cung cấm của nó.

Ráng hồng vừa hiện lên sau bóng hàng cây còn đen đặc bóng tối. Bình minh không đồng lõa với bóng tối. Gương giáo, hận thù, la hét, cuồng nộ không bao giờ giết được bóng tối. Ánh sáng tự nó là ánh sáng, không nhân danh mặt trời mà cũng chẳng tô màu đặt tên cho chính nó. Ánh sáng chỉ cần yên lặng bước tới là bóng tối đi lui hay tan dần. Ngược nhìn bình minh, Trí Hải tự hỏi, nếu tình yêu và sự đam mê cũng dày đặc và bủa vây như bóng tối thì cần có một thứ ánh sáng nào giải phóng được trái tim đang đắm đuối. Ngồi bó gối nghĩ hoài không ra. Mặt trời lên cao, cao tới đỉnh đầu, chếch về phía Tây và sắp lặn. Mặt trời chao đảo trong mây, lấp lánh giữa biển sương vàng, tỏa hết hào quang trên đỉnh núi phía Tây trước khi lặn xuống như cũng đành chịu lạnh tanh, câm nín với số phận.

Nhìn mặt trời sắp lặn, Trí Hải cảm thấy bất an. Nỗi sợ hãi bóng tối quá mê mông. Khi bóng tối dấy lên tự trong lòng, Trí Hải chỉ còn biết hướng vọng về một đối tượng từ bên ngoài để đi tìm ánh sáng. Trí Hải ngược nhìn về

phía Tây, đỉnh núi Kim Phụng buổi chiều nằm lẩn trong mây. Mây ửng vàng pha tím xếp thành tầng trên đỉnh núi cao. Càng nhìn đăm đăm, mây núi càng gần lại. Gần đến nỗi Trí Hải cảm thấy như bàn chân của mình đang bước lên tầng thứ nhất. Trí Hải đứng dậy, nhón lên cao. Đôi mắt trong suốt và nụ cười từ ái của sư Trúc Lâm hiện ra từ sau dãy núi phía Tây. Những ngọn sóng thét gào trong lòng Trí Hải dịu xuống. Áo giáp không hoang tưởng trở thành sức mạnh tinh thần vô địch khoa học một người không đầu hàng với hoàn cảnh, phải vươn lên cho bằng được từ trong cô đơn. Phá tuyệt vọng là cuộc chiến đấu oanh liệt nhất bên bờ sinh tử.

Trí Hải đăm mình trong suy nghĩ nhưng đôi mắt vẫn nhắm thẳng hướng núi Kim Phụng, men theo con đường mòn đã quen mà cất bước ra đi.

Trí Hải qua khỏi đồi sim dẫn vào chân núi thì trời đã tối mịt. Trăng lên đầu núi thanh tuyền và uy nghi với ánh sáng dịu dàng, nhưng cũng đầy ngự trị. Hơi đá lạnh. Sương núi chập chùng bắt ánh trăng lọt qua kẽ lá. Núi rừng càng sâu, hơi lạnh càng dày. Đôi chân tiến bước thoăn thoắt, Trí Hải nhìn xuống lối mòn khi ẩn, khi hiện trong từng lớp lớp sương trắng. Khi cái chí đã vươn cao đầu núi. Trí Hải cảm thấy bước đi của mình trên đường rừng sỏi đá nhẹ nhàng và đầy năng lực như “đăng vân”, lướt mây mà đi vào vùng trời mong tưởng.

Nhớ khi xưa Trí Hải vẫn thường thắc mắc rằng, đường qua Tây Trúc thỉnh kinh của Huyền Trang gian lao quá. Phải mất mười bảy năm trường và vượt qua tám mươi một khổ nạn mới thỉnh được những tạng kinh điển Phật giáo về phương Đông. Trong lúc Tôn Ngộ Không với bảy mươi hai phép thần thông biến hóa không lường, có khả năng đại náo cả cung Trời, chỉ cần một cái phất tay, dùng cân đầu vân cõi mây, lướt gió là thừa khả năng đi đến cõi Trời. Thế thì tại sao Tôn Ngộ Không chẳng công thầy Huyền Trang đi đến Tây Trúc chỉ trong vòng nháy mắt mà phải gian lao đánh yêu, diệt quỷ trong một khoảng thời gian dài đến như thế!

Trí Hải lắng nghe tiếng bước đi xào xạc của mình trên lá khô như tiếng giục giã của thời gian đang thúc hối con người đi tìm một sự cứu rỗi ngay giữa trần thế đầy bụi bặm này. Bốn thầy trò Đường Tăng là một hợp thể của con người trần gian bằng xương bằng thịt. Con người hội đủ tâm hồn, trí tuệ, tài năng, tham lam, sân hận, si mê, hiếu sinh, hiếu sát. Tôn Ngộ Không có đủ thần thông để đi khắp sáu cõi luân hồi, nhưng vẫn say mê trần gian, tha thiết làm người vì không có nơi đâu đẹp nào nung và đáng yêu quần quai bằng chốn trần gian này cả. Muôn phương vì trần gian mà lại. Trần gian vì muôn

phương mà đi. Con người sinh ra giữa chốn dương trần chẳng phải là tình cờ, mà cũng chẳng phải là số phận do một đấng siêu nhiên nào đó đặt định. Cuộc đời chẳng qua là một sự dừng chân tạm bợ để tính toán cấp thời những món nợ đang đeo nặng và chòng chát trên vai mà người ta thường gọi là “nghiệp”. Khi tạm thời được hoàn cảnh buông thả để tiến bước, người ta ra đi... tiếp tục cuộc hành trình.

Trí Hải vẫn bước đi giữa lối mòn của rừng núi, giữa trần gian với trái tim đầy ấp yêu thương. Yêu mình, yêu người và yêu cuộc sống.

---o0o---

Chương 20 - Chuyển Hóa

Lần đầu tiên trong đời, Trí Hải có một cảm giác xa lạ, hoang sơ gần như trần trụi với chính mình và khung cảnh chung quanh. Không danh, không vị, không nhà, không cửa, không hầu, không thiệp, không tở, không chủ, không đốn, không đưa. Sự cô đơn hiu quạnh làm cho Trí Hải cảm thấy tự do. Cái tự do hồn nhiên của cánh chim bơ phờ giữa gió bão một mình.

Vừa bước đến lối mòn rẽ vào thiên cốc của sư Trúc Lâm, Trí Hải khuyu xuống vì mệt mỏi và đói khát. Đã mấy ngày đêm bước đi rờn rã, đói thì ăn trái cây rừng của chim muông ăn thừa rơi vãi dọc ven bìa rừng. Khát thì cố tìm nước suối hay những bọc nước đọng trong từng hốc đá để uống. Buồn ngủ thì nằm hay ngồi chợp mắt trên những phiến đá. Trí Hải như một người vừa mới sinh ra từ mặt đất này. Đứa con của vua sinh ra trong châu báu; đứa con của nhà giàu sinh ra trong nhung gấm; đứa con của trần gian sinh ra từ đất và cuối cùng thì tất cả những đứa con yêu, con ghét, con hư, con ngoan, con trời hay con đất cũng sẽ buông tay trở về với đất. Đã từng làm con trong châu báu và nhung gấm, Trí Hải xin nguyện được làm đứa con của đất lành mà thôi.

Chùa Từ Vân vẫn lặng lẽ đón người khách cũ. Sau một hồi chợp mắt trên thềm đá làm bậc cấp dẫn lối vào chùa, Trí Hải cố đứng dậy, nhẹ nhàng từng bước một, bước vào bên trong. Chùa vắng vẻ như bỏ hoang. Lá khô xếp lớp bay lao xao từ ngoài vào trong và quanh quần đầu đó. Đi quanh ngôi nhà trai, bếp tro lạnh ngắt. Bước dần lên thiên cốc, cửa trúc không gài gió lộng bốn bề. Trí Hải chẳng thấy một bóng người. Dư hương của mùi trầm hương thoang thoảng đâu đây như một nỗi gọi nhớ mơ hồ. Sư Trúc Lâm, chú tiểu tăng, người thị giả, lão hầu cận Phạm Xảo bỗng về đâu khuất bóng. Lá rừng

vẫn muôn năm xào xạc và mây trắng trên cao thì cứ trôi hoài về cõi miền du không hứa hẹn một chân trời.

Nhìn quanh, đâu cũng là rừng núi bạt ngàn. Chẳng có nẻo về và nẻo đi nào rõ rệt. Đây là đây. Rừng thiêng như một sự chứng ngộ tự tại, Trí Hải nhắm mắt và ngồi bệt xuống trên mảnh đất mình đang đứng mà không biết nơi đâu...

Khi cảm giác mệt mỏi tạm lắng xuống, sự réo gọi của cơn đói lại nổi lên. Những chân trời cao viễn, những triết lý lầy lùng, những lý thuyết sâu xa, những ý chí lấp sông xẻ núi... đều phải chùn chân, cúi đầu trước thực tế bức bách của cơn đói. Trí Hải cố nhớ một điệu hò, một câu thơ; cố gọi lên một ý tưởng “hình nhi thượng” khinh bạc miếng ăn, nhưng tất cả những cố gắng đều buông tay. Hình ảnh, mùi thơm, vị béo ngọt của những món ăn không thành hình rõ rệt chiếm ngự hết tất cả những khoảng trống lớn nhỏ trong đầu óc Trí Hải. Thân xác, cảm tính, ý thức và vô thức bao nhiêu năm nằm yên ở thế dự trữ trong sâu lắng của con người Trí Hải bây giờ tuôn ra để cứu nguy cho thân chủ. Gia tài dự trữ bị cơn đói ngốn mất rất nhanh, để lại cho Trí Hải cái hố sâu thềm muôn. Thềm ăn, thềm uống, thềm yêu thương môn trốn, thềm dục tình, nhưng tất cả sự kêu đòi đều nằm ở dạng bản năng. Bỗng dưng Trí Hải cảm thấy thềm Ba Gấm một cách mãnh liệt. Sự khao khát bùng bùng của giới tính động tình trỗi dậy vượt ra ngoài vòng trói buộc của ý thức. Khi một thân xác rã rời vì đói và một đầu óc mục đi vì thiếu ăn không còn sức mạnh để gạn lọc và kiểm soát bản năng. Đóm tinh lực cuối cùng nhóm lên, nhen lên, cháy đỏ như lửa rừng chọt dậy, rực rỡ sáng lòa rồi tắt ngúm.

Bóng tối và ánh sáng đến rồi đi, đi rồi đến. Gió thổi sạch những đụn lá khô đầu mắt. Trí Hải mở mắt nhìn quanh và thấy mình đang ngồi trước một bồn hoa nhỏ. Hoa quanh bồn đều ở dạng mầm non. Chỉ có một cây hoa giữa bồn đang nở. Những bông hoa vàng óng ánh màu hoàng kim. Dưới gốc hoa vàng, có dựng một phiến đá nhỏ, ghi mấy dòng chữ son đỏ, nét chữ tài hoa phiêu lãng tuyệt đẹp:

Hoa khai ngộ thực

Nhặt nhặt nhất thời

Tám chữ như một lời vừa nhắn nhủ, vừa mang ý nghĩa truyền lệnh rằng, hoa có nở mới được ăn bữa trưa và mỗi ngày chỉ được ăn một lần như thế. Nhìn hoa đang nở, nhìn sau những tàn mây trắng bay qua. Mặt trời đã đứng trên đỉnh ngọ. Tập trung nhìn rõ hơn dưới gốc ha, Trí Hải nhận ra là trên một

phiến lá bằng lớn như lá vả, có đặt ba oản xôi, ba trái chuối và một nhúm muối mè. Dòng sông bỗng vuron lên, chạy rần rần khắp châu thân và huyết quản. Cả ba nghìn, chỉ còn là tụ điểm của miếng ăn. Trí Hải lim dim mắt nhìn, nhưng vẫn không rời mấy oản xôi và trái chuối. Nhu cầu xác thân khi đối diện với cái chết, chết đói, cận kề rất gần với bản năng của thú tính động vật. Một vầng mây xám đi qua, cảnh rừng tối sầm lại, Trí Hải rúng động toàn thân khi cảm giác sợ hãi mất mát chập đến bất ngờ. Trí Hải đứng dậy một cách quyết liệt, bước vào bồn hoa, vuron tay nắm hết mấy oản xôi và trái chuối, nhai nuốt một cách say sưa và man dại.

Miếng ăn tuy đạm bạc, nhưng đã giúp Trí Hải phục hồi thể chất một cách nhanh chóng. Mặt trời đứng ngọ hôm sau, Trí Hải bước lần đến chỗ cũ. Gió đêm đã thổi lá rừng khô rụng ngập lối đi hôm qua, bây giờ sạch bóng. Trong vùng nắng yếu ớt vì bị sàn lọc sau tàn lá, Trí Hải đến sát cây hoa màu hoàng kim. Những đóa hoa vàng lớn bằng nắm tay rủ xuống và teo lại trong đài hoa nhả nhú như bàn tay vụng về ôm bờ ngực thanh tân. “Hoa khai” mới có “ngộ thực”. Hoa không nở nên oản xôi và trái chuối cũng vắng bóng dưới chân hoa. Trí Hải nhìn chăm chú vào cây hoa, vừa cố để trấn áp cơn đói đang cồn cào và cũng vừa cố tìm ra nguyên nhân làm hoa héo. Những ngày canh tác với thầy Tiêu, Trí Hải đã học được câu châm ngôn áp dụng vào nghệ thuật nuôi dưỡng cây cối là “nước, phân, cần, giống”. Nước là sự nuôi dưỡng hàng đầu trong đời sống cây cỏ. Mắt Trí Hải sáng lên khi tìm thấy hai cái gàu múc nước làm bằng vỏ cây để sẵn trong bồn hoa. Có tiếng reo vui trong lòng. Có ngộ thực rồi. Ta chỉ cần mang gàu xuống suối múc nước lên tưới là cây hoa vàng sẽ tươi tốt lại ngay”.

Xách hai cái gàu múc nước trên tay, tiếng suối róc rách đầu đó hiện lên rõ dần với Trí Hải. Đi nhanh xuống sườn núi phía Đông, sau bức tường lá xanh dày đặc nổi lên một khung cảnh đẹp như bức tranh thiên nhiên của Tàu.

Phía Tây dưới chân ngọn núi xanh cao ngất nổi lên một mảng trên thân núi màu nhũ bạc. Dòng suối trong vắt từ trên cao đổ xuống bị cái vách núi màu nhũ bạc chặn lại. Dòng nước phân tán mỏng chảy xuống tràn trên vách. Bóng cây, vách núi, ghềnh đá, độ nghiêng của ánh sáng từ bầu trời trên cao phản chiếu qua lại nhiều lần theo thể núi đã tạo ra một phong cảnh kỳ tú như ảo ảnh, như mơ màng, như hiện thực. Từ xa, Trí Hải đã thấy bóng mình phản chiếu trên tấm gương của thác núi. Cảnh đẹp quá làm Trí Hải quên cả cơn đói thất ruột, tay nắm chặt hai cán gàu múc nước và chạy nhanh xuống dòng suối chảy. Tiếng róc rách từ đỉnh núi đổ xuống, tiếng rì rào của nước dội qua bức tường nhũ bạc, tiếng nước đổ ra dòng trôi về xuôi... Những âm

thanh uồn lượn và trầm lắng hòa quyện lấy nhau nghe như lời ru, tiếng gọi êm đềm của bà mẹ thiên nhiên.

Trí Hải thong thả cất từng bước dài đến gần bên bờ suối, dang tay ấn gàu xuống nước, nhưng chiếc gàu dội ngược trở lại trên mặt nước. Lạ lùng một chút với cảm giác như có bàn tay ai mạnh hơn đẩy lùi chiếc gàu trở lại, Trí Hải ấn xuống mạnh hơn thì lực đẩy trở lại càng mạnh hơn gấp bội. Sự lặp đi, lặp lại kéo dài mà Trí Hải vẫn không cách nào chạm tay vào mặt nước suối. Cuối cùng, thu hết sức mạnh bình sinh, Trí Hải dùng cả sức nặng thân mình để cố nhận chìm chiếc gàu vào nước, nhưng sức phản hồi trở lại mạnh đến nỗi xô ngã người cầm gàu nằm sóng sượt bên bờ suối. Trí Hải ngỡ ngàng ngược mắt nhìn lên và sững người khi bắt gặp một con dã nhân, to lớn gấp ba người thường đang nhe răng trong tư thế sẵn sàng ứng chiến.

Trí Hải nghiêm giọng nói lớn:

- Này! Con dã nhân. Ta và mây không thù, không oán, có sao lại cản đường ta múc nước. Phải tránh đường lập tức cho ta đi.

Tiếng gào từ phía con vượn lặp lại nguyên văn lời Trí Hải không sai một chữ, không sót một âm. Âm thanh dội lại từ phía con vượn lớn gấp mấy lần tiếng Trí Hải, nghe dữ tợn và vang động cả núi rừng. Con vượn vẫn đứng yên thách thức. Trí Hải tiến tới gần bờ suối một bước, nó tiến tới cản đường một bước. Trí Hải dùng những ngón võ thuật được tập luyện kỹ ngày xưa để tiến tới, xô đẩy con vượn đang cản đường ngay trước mặt. Nhưng con vượn phản ứng đẩy lùi đối tượng bằng cách tấn công trở lại với sức mạnh ghê hồn làm Trí Hải ngã sóng soài trên bờ suối. Bản năng sinh tồn vực Trí Hải trở dậy. Dùng một cành cây khô làm vũ khí, Trí Hải ứng dụng hết sở học võ nghệ một thời vang bóng của mình trong bộ môn song đầu như trượng, chùy, đao, kiếm để tấn công và chế ngự sự cản đường vô lý của dã nhân. Nhưng bất cứ một động tĩnh nào phóng ra từ phía Trí Hải, liền gặp ngay sự phản hồi tức khắc và mạnh gấp nhiều lần từ phía vượn người. Khi Trí Hải quyết tấn công dứt điểm bằng những đòn chí mạng đánh vào đối tượng thì cũng nhận sự đánh trả mạnh như trời giáng từ phía đối tượng phản đòn trở lại. Cuộc chiến đấu để sinh tồn không khoan nhượng tiếp diễn cho đến khi Trí Hải ngã xuống bất tỉnh với thương tích đầy người.

Tiếng quạ kêu và những dòng nắng mai xuyên qua kẽ lá chảy tràn lên mặt làm Trí Hải tỉnh lại. Toàn thân gợn hự co rúm vì đau nhức. Trên vách đá bên bờ suối, con dã nhân cũng cựa quậy, cúi đầu ngò ừ ừ. Trí Hải nghe tiếng

nói lao xao từ thời tiền sử. Miệng khô đắng mà vẫn không mong được với tay xuống dòng suối mát bên cạnh vốc một ngụm nước. Con dã nhân vẫn ngồi canh gác dòng suối tự bao giờ.

Trí Hải cố mở mắt nhìn một đám mây trời - cũ đã nghìn năm mà cũng như hôm nay - đang bay qua kẽ lá. Mây trắng lọt vào mắt.

Trí Hải lắng nghe tiếng quạ xa dần và tiếng chim rùng riu rít xung quanh. Tiếng chim cổ sơ chẳng nói gì mà lại nói lên tất cả bằng thứ âm thanh hồn nhiên gần như thỉnh lặng. Âm ba thỉnh lặng vắng vào tai.

Trí Hải nhận biết mình đang sống qua từng hơi thở. Hơi thở từ muôn xưa đến và đi thông dong không điểm tựa. Khí trời thanh thoát len vào mũi.

Trí Hải nhấp lưỡi khô không một giọt nước, không còn biết vị đắng cay. Cay đắng hay giọt ngào từ vụn thuở không phải là vị thật sự mà chỉ là sự so sánh tương đối như men rượu cay đắng với người này mà ngọt ngào đối với kẻ khác. Vị không men mơn man trên đầu lưỡi.

Khi một chuỗi động tác nhìn, nghe, thở, ném, cảm giác - sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp - không còn dựa vào một đối tượng nào có thật, Trí Hải cảm thấy người mình nhẹ hẫng, lâng lâng. Có một sự chia lìa với tục lụy để nâng tâm thân bay cao như bốc khói. Một vàng hơi dịu ấm tròn đầy bao bọc khắp châu thân. Thể xác như giao hòa với rừng núi. Và khi thân thể gần như tự tại, không có nhu cầu nào cần tiếp viện và thẩm thấu từ bên ngoài, cơn đói cũng lắng xuống dần và biến đi đâu mất. Cảm xúc trở lại bình an. Cơn đau do trận thư hùng với con dã nhân tự nó hóa giải như tay mặt đánh vào tay trái của chính mình. Đây là một lối “hạ thủ công phu” nội tại; một lối tự vật mình vật mảy để tạo ra thể thăng bằng của một tiểu vũ trụ trong thân xác của chính mình đang trải qua một thời điểm chông chênh, khủng hoảng.

Trí Hải cảm thấy bình an trở lại để mỉm cười với chính mình và tự hỏi, phải chăng cơn đói là nguyên nhân của cả một chuỗi các sự việc mình mới trải qua? Nghĩ đến con dã nhân, Trí Hải có cảm giác như nó gần gũi và rất hiểu mình. Nó cũng tới lui, lên xuống, gặm thét hay lặng lẽ buồn thiu ăn cánh với cả hành động và ý nghĩ trong chính mình. Trí Hải dõi mắt tìm và thoáng thấy con dã nhân ấy ngồi ủ rũ bên bờ suối. Từng mảng nước trôi nghiêng loáng ánh mặt trời. Lòng Trí Hải bỗng rộng thênh thang như nắng vàng với núi. Chợt nhìn lại, con dã nhân ngồi buồn bã biến đi đâu mất rồi. Trí Hải vẫn giữ thân tâm mình nhẹ như thỉnh không, đi chậm chậm men theo bờ suối, rồi lội xuống suối, cầm cả hai chiếc gàu ấn xuống, chìm sâu trong nước nhưng

chẳng có ai hay vật gì ngăn cản. Dòng suối trong ngần, mát lạnh vẫn phẳng phẳng dẫn nước về xuôi, nhưng bóng dáng của con dã nhân đã trốn đâu mất dạng. Lơ đãng, Trí Hải thả cho cả hai chiếc gàu trôi theo dòng nước... Cây hoa vàng trở hoa màu kim quang ấy cần phải có đời sống riêng của nó, không thể cứ mãi mãi phụ thuộc vào hai chiếc gàu mang nước cho ăn.

Có tiếng chân giẫm trên lá khô. Một người mặc áo màu chàm lam, tay xách một giỏ tre đầy nắp kín từ phía núi xanh đi tới. Ông ta nhìn Trí Hải, lặng lẽ chấp một tay trước ngực cúi đầu chào, miệng mỉm cười hiền hậu. Trí Hải nghiêng mình chào lại. Một khuôn mặt trông quen quen. Nhưng trong cảnh rừng u tịch chỉ có có người. Người không quen cũng là quen vì chung một kiếp người. Khung cảnh núi rừng im vắng quá, chẳng ai nói một lời, nhưng tiếng đôi xa vọng âm nói thay cho họ lời chào hỏi chúc tụng của hai người nhận biết mình đã để lại những mảnh đời tục lụy dưới chân núi xa khuất bên kia. Mãi đến khi người đàn ông, lấy một ít cơm nắm và muối mè từ trong giỏ tre, để ra trước mặt khách lạ với một cử chỉ mời mọc cung kính, không nói một lời, rồi dậm bước rời khỏi dòng suối, Trí Hải mới e dè lên tiếng:

- Thưa... thưa ngài.

Người đàn ông hiểu ý, góp lời:

- Dạ, tôi là Thiện giả.

Trí Hải nhướng mắt như muốn hỏi: “Thiện giả?”. Người đàn ông lại đỡ lời:

- Hiểu “thiện” là cơm như người đưa cơm hay thiện là lành như người làm việc thiện cũng được ạ.

- Thưa Thiện giả, đây là đâu? Nơi đây có thuộc về chùa Từ Vân không?

Thiện Giả trả lời:

- Đây là suối Bản Lai, thuộc về núi Kim Phụng. Tương truyền, xưa kia đây có mỏ bạc nên những đêm tối trời có vàng sáng tỏa ra từ đỉnh núi Kim Phụng. Bởi vậy, dân gian có câu hò, “chim phượng hoàng bay ngang hòn núi bạc; cá ngư ông bóng ngáp ngoài khơi...”. Núi mỏ bạc ngày xưa nay chỉ còn lại một triền núi bạc rất nhỏ, suối Ngọc Tuyền chảy qua tạo thành một tấm gương “nội chiếu” vì nằm kín và sâu trong rừng cây lá. Nguồn sáng, thế núi, cấu tạo cây đá nơi đây rất lạ lùng, kỳ vĩ. Sự tương tác qua lại tinh vi đến độ như có thể phản chiếu, phản ánh và phản diện được cả chiều sâu trong lòng

của con người. Điều này cũng dễ hiểu vì mọi hành vi và tâm lý của con người qua cách thấy, cách nghe, cách cảm nhận và phản ứng bằng giác quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều biểu hiện trên khuôn mặt và dáng dấp bên ngoài. Khi có một tấm gương thiên nhiên như triền suối bạc phản chiếu thì tất cả đều lộ ra trên bề mặt. Dòng suối bạc là một tấm gương soi lớn, do vậy nên không những chỉ soi bóng mà còn soi tâm người đến viêng. Trí Hải vẫn chưa hết ngạc nhiên và thắc mắc:

- Thế thì con đã nhân đó từ đâu tới?

Thiện giả, mỉm cười và nhìn thẳng vào người đối diện:

- Thưa quý hữu. Đây chính là cái bóng của con người thật, từ “bản lai diện mục” của quý hữu được phát tiết từ nội tâm ra thành hình tướng bên ngoài.

Trí Hải thản nhiên cười cười, nói giọng bông đùa:

- Ô là ta?! Ta mà cũng bảnh trai vậy sao?

Thiện giả giọng nghiêm trang:

- Con đã nhân ấy không phải là sự phản chiếu dáng vẻ bên ngoài mà là sự phóng chiếu cái tâm sở thiện hay cái tâm sở ác bên trong.

- Thiện giả ạ, nếu quả như thế thì e rằng không đúng.

- Tại sao?

- Từ một con vượn người hung hãn và thô bạo hôm trước, hôm sau cũng chính con vượn người ấy đã hoàn toàn lột xác thành một sinh vật trầm lặng, phai dần, rồi mất hút. Nếu ví thử đó là cái tâm ngã sở của tôi đúng như lời Thiện giả nói thì làm sao có sự thay đổi nhanh đến như thế?

- Con người cũng có thể “mê” muôn kiếp mà “ngộ” nhất thời lắm chứ. Giáo lý nhà Phật cũng nói như thế. Đau khổ hay hạnh phúc; niết bàn hay địa ngục chẳng phải là hai thế giới trái ngược, khác biệt, xa cách mà lại gần nhau, gắn kết với nhau như bóng với hình mà thôi. Thế nhưng “Nói một thì sai, mà nói hai thì thật...”.

- Tại sao lại mâu thuẫn đến như thế?

- Vì như sóng và nước chẳng hạn. Nếu nói sóng và nước là một thì cũng sai, bởi vì nước tĩnh lặng mà sóng dậy âm âm. Nhưng nếu nói sóng và nước là hai thì cũng trật vì sóng cũng là nước; sóng nước luôn luôn giao hòa làm một?

- Thế thì làm sao để phân biệt?

- Khi nói đến Tướng thì sóng và nước là hai; nhưng nếu nói đến Thể hay Tánh thì sóng và nước là một. Cũng thế, chỉ cần chấp một chút thôi là tâm con người sẽ thành não loạn. Khi không chấp thì tâm an lạc, thái hòa. Ngay trên bờ suối này, khi con đã nhân dữ dần soi bóng tâm người đầy tham lam, sân hận, si mê xuất hiện, ấy là địa ngục; nhưng khi nó biến mất vì cái tâm não loạn đầy sóng gió trong những khoảnh khắc phù du, ấy là thiên đường. Chỉ một sát na tâm thôi thì lòng người đã đổi khác. Địa ngục hay thiên đường chỉ là một, nằm ngay giữa trần gian này chứ có đi đâu xa.

Sau câu nói của Thiện giả, Trí Hải trầm ngâm nhìn dòng suối chảy. Có cái gì đã đổi khác trong lòng người đàn ông tuổi ngoài năm mươi ấy.

Con đỏi của thể xác lòng lộn như dã thú xuất phát từ dục vọng thể chất. Nó kêu đòi phải thỏa mãn cái ăn, cái uống vật chất trước mắt. Con đỏi cảm xúc bùng bùng đi kèm như bóng theo hình với đòi hỏi nhục thể. Cần đáp ứng sự ham muốn cháy bỏng nằm lưng chừng giữa tinh thần và thể xác. Cần yêu đương, vuốt ve, mon trớn, làm tình. Sự đòi hỏi và lòng ham muốn thường không có giới hạn. Khi sự thỏa mãn cũ dần dần được lấp đầy thì cũng chính là lúc sự ham muốn mới từ từ nổi lên. Sự đáp ứng sẽ không bao giờ tới được mức độ làm thỏa mãn để chấm dứt khát vọng của phía đòi hỏi. Muốn níu chậm lại sự đòi hỏi đang cuồng lên, dâng lên thì cần có sức mạnh công phá ghê hồn của cả tinh thần và thể xác. Thắng được sự đòi hỏi, ham muốn đó là thắng được mình. Thắng được mình là có thể tái sinh thành tiên, thành thánh ngay giữa cuộc đời này.

Trí Hải đã ngã gục trước sức mạnh của con vượn người. Hay đúng hơn là ngã gục trước dục vọng cấp thời của chính mình. Khi dục vọng lửa rom bị đánh ngã tiêu tan thì cái “dụng” sẽ được thay thế bằng cái “thể”, nghĩa là sự hiện diện của cái vỏ bên ngoài của hình tướng sẽ phai đi và cái lõi bên trong của bản chất sẽ hiện hiện giống như trường hợp cây grom là cái dụng mà sắt thép mới là cái thể. Đó là khi con người thật của Trí Hải với bề dày tích lũy hàng hàng lớp lớp thiện, ác, trí, ngu... của từng khoảnh khắc thời gian nhấp nháy trong bao nhiêu năm trời dậy.

Mỗi vi ti hình ảnh và từng cảm xúc tuế duyên đã một lần đi qua tâm thì sẽ không bao giờ mất. Đây là những hạt giống đợi chờ cơn mưa nguồn kết tụ bằng những sự việc li ti hay những biến cố lớn lao của đời sống - sinh sôi nảy nở, loại trừ, tác dụng lên nhau, trùng trùng duyên nghiệp - mà nảy mầm vươn dậy. Những hạt giống lành chiếm ngự gần hết cái kho bản hạnh nằm sâu trong tâm hồn Trí Hải ào ạt vươn lên trở cảnh xanh lá chỉ sau một cơn mưa. Cơn mưa tâm thức không gặp mái chắn vì gã canh giữ ý thức đã buông tay, bất tỉnh, hết khả năng đề kháng nên kho hạt giống tích lũy - huân tập chũng tử - ào ào rơi xuống lòng Trí Hải. Con vượn người “nội chiếu” phải thoái trào, ủ rũ, nhạt dần và biến mất.

Khi một mình, một bóng lên núi tìm đến chùa Từ Vân này, lòng Trí Hải đeo nặng mối ưu tư. Ưu tư lớn nhất là một cuộc đời mang nhiều ước vọng và đam mê nhưng không định hướng. Thiếu hướng đi vì thiếu một con đường cái - một đại lộ, một quan đạo - để bước lên đó mà đi, mà làm điểm tựa cho tâm, cho trí, cho hành động. Sự chới với trong biển sương mù của cuộc sống sẽ làm đời tiêu tụy, sẽ dẫn đến cảnh buông xuôi “ra đi gặp vịt cũng lùa; gặp duyên cũng kết gặp chùa cũng tu” hay sao?

Tuy đắm đuối trong cuộc tình với Ba Gấm, nhưng cái tâm bản hạnh của Trí Hải luôn luôn trần trở; cái ý thức giải thoát thường xuyên cựa quậy. Trong mọi điều ham muốn của người đàn ông thì sự ham muốn về sắc dục thường khó vượt qua nhất. Ái dục có sự cuốn hút khó cưỡng chế hơn cả vì nó là cảm xúc trực tiếp lay động tới đỉnh điểm khoái lạc tình dục mà ngày thường bị nhốt trong ba chiếc lồng “tam ngục”: Lồng kính của bản năng giới tính, lồng sắt của đạo lý thuộc về quy ước xã hội và trong lồng sơn trang trí của nhân cách. Tiếng gọi của ước vọng về một hướng đời cao viễn hơn, bên cạnh nỗi cô đơn khi Ba Gấm đã đi xa và Phạm Xảo không còn kề cận như xưa, đã thôi thúc Trí Hải đi tìm sư Trúc Lâm. Nhà sư ấy là chiếc bóng. Nhưng lại là chiếc bóng êm đềm và mát rượi như một cứu cánh giải thoát nỗi dày vò lạc hướng và nổi bức xúc vô hình mà mãnh liệt của ba chiếc lồng tai quái ấy.

Sư Trúc Lâm vắng bóng, nhưng sự vật lộn với cơn đói ban đầu dẫn đến cuộc chiến đấu và chiến bại con dã nhân đã vực Trí Hải dậy. Thiện giả cũng vừa chỉ cho Trí Hải rõ rằng đây là cuộc chiến đấu với chính mình. Dẫn cho phải đi cùng trời cuối đất để tìm cho ra một lẽ sống, đạt đến một ý nghĩa đích thực của cuộc đời, Trí Hải vẫn không chùn bước. Nhưng tìm ai và tìm đâu bây giờ. Hai lần trước thỉnh ý sư Trúc Lâm, Trí Hải đã được nhà sư khai mở cho hai cánh cửa. Cánh cửa “con gà” để hiểu chính mình và cánh cửa “nhìn mà không thấy” để thấy chính mình. Nhà thông thái trong Trí Hải đã lên

tiếng hỏi “ta là ai” và vị trí giả trong Trí Hải đã trả lời “ta là ta”. Biết Ta là Ta nhưng rõ ràng là hai cái Ta đang còn ở hai bên bờ sông “Giang Hà” có khúc nước trong; có khúc nước đục; có khúc nước đen ngòm. Chảy siết. Con đường từ cái Ta Truy Hỏi đến cái Ta Tự Tại vẫn thăm thẳm mù khơi, vẫn miên trường muôn dặm trước mắt. Trí Hải vác cái Ta Truy Hỏi như đội núi Thái Sơn trên lưng và đi trong cô đơn và chỉ cần một phen ngã lòng là sẽ đi hoài trong tuyệt vọng.

Rồi có một buổi mai, Thiện Giả lại gánh giỏ tre đi ngang qua vùng suối Bản Lai, ái ngại nhìn Trí Hải và lên tiếng:

- Quý hữu à, mới cách có mấy hôm mà sao trông sắc diện của quý hữu lại phờ phạc và tiêu tụy đến như thế. Thân không an, tâm không lạc chăng?

Trí Hải trả lời thành thật:

- Cảm ơn Thiện Giả đã quan tâm. Quả nhiên sự quan sát của hiền hữu thật tinh tường. Lòng tôi không được an ổn. Tôi vẫn còn đang đợi được gặp sư Trúc Lâm để thỉnh ý nhưng chưa biết lúc nào sư mới trở về thiền cốc đây.

Thiện Giả vừa soạn ra một số thức ăn để biếu tặng Trí Hải, vừa nhỏ nhẹ nói:

- Hừm! Lạ thật. Sư Trúc Lâm đã có mặt với quý hữu từ phút đầu tiên quý hữu trở lại chùa Từ Vân này mà.

Trí Hải tròn mắt ngạc nhiên:

- Không, tôi chưa hề gặp được sư Trúc Lâm từ hôm lên đây đến giờ.

Thiện Giả giải thích:

- Nếu không có quý hữu thì làm gì có sư Trúc Lâm xuất hiện trong ý nghĩ của quý hữu. Và nếu không có sư Trúc Lâm thì ngọn núi Kim Phụng này cũng chỉ là một trong bao nhiêu vùng núi non hoang vu khác của dãy Trường Sơn thôi; như thế thì quý hữu tốn công lên đây làm gì. Cũng có thể có những dòng suối, những ngọn đồi, có nước chảy trắng soi ở một nơi nào đó... nhưng làm gì có suối Bản Lai, có đồi Vọng Nguyệt, có chùa Từ Vân.

Trí Hải như vừa chợt nhận ra một điều cho đó thật mới lạ mà cũng rất thân quen, gật gù:

- Cảm ơn thiện Giả, tôi hiểu, “Có” là một ý niệm khởi từ nguồn gốc của “Không” và ngược lại. Nếu không tôi thì không có sư Trúc Lâm trong tôi; không sư Trúc Lâm thì làm sao có tôi trong sư Trúc Lâm. Hai cái không menh mông hợp lại thành có. Một cái có giả tạm sẽ thành không chưa biết lúc nào. Ô! Sư Trúc Lâm đang đứng bên tôi, đang ở trong tôi...

-Mà cũng ở ngoài quý hữu nữa.

- Đúng vậy. Khắp nơi và cũng chẳng có chỗ nào cả.

Trước khi cúi chào tạm biệt, thiện Giả còn ngoái lại nói:

- Vâng, vâng, chẳng có chỗ nào.

Trí Hải nói với theo:

- Nhưng chỗ nào mà chẳng có.

Và nghe tiếng mình, tiếng Thiện Giả vọng qua đời:

“Chẳng có chỗ nào... Nhưng chỗ nào mà chẳng có... Chẳng có... chẳng có”.

---o0o---

Chương 21 - Lạc

Những ngày đầu ngồi im lặng, định tâm trên đỉnh núi này, Trí Hải hầu như mượn cảnh cô liêu tịch mịch để suy nghĩ riêng mình.

Muôn ý nghĩ dấy lên trong từng khoảnh khắc.

Những ý nghĩ cứ tiếp nối, sinh sôi nảy nở, rồi biến tướng thành đàn, thành lũ không ngừng xâm nhập đầu óc Trí Hải. Cái lò bát quái nằm trong đầu cứ sôi lên sùng sục làm cho tâm trí như muốn nổ tung từ trong thế ngồi mà thoát nhìn từ bên ngoài ngỡ như an tịnh. Nhưng bên trong, hình bóng Ba Gám, nỗi nhớ Ba Gám, sự cuốn hút và thèm khát Ba Gám... cứ từng hồi không ngớt nổi lên xoắn lấy mọi suy tư và cảm xúc của Trí Hải. Sau mỗi màu hồng, màu thắm, màu xanh của khát vọng là màu đen, màu lạnh, màu xám của vô vọng cứ ùn ùn tràn tới. Những mảnh đời lớn nhỏ có lúc xa vời như lân tinh; lúc vắn vủ như mây bão khởi lên và tắt ngúm; rồi khởi lên và giương mắt nhìn

nửa như thách thức, nửa như van nài để công phá cái yên ắng muôn trùng của rừng thẳm trong lòng Trí Hải.

Trí Hải gần như ngất ngư, hụt thở giữa trùng trùng ý niệm và hình tượng không ngót dấy lên trong tâm thức. Cứ đuổi một lại đến đôi; đuổi đôi lại tới ba. Đuổi ba lại tới đến năm điều, mười chuyện liên tục. Trong cái vắng lặng sao lại ồn ào đến thế. Cố định thần đôi mắt thì cố kìm hãm tai nghe thì tiếng núi rừng vang động. Cố điều hòa hơi thở thì hương núi rừng ngan ngát đã phả vào mặt, vào mũi; lưỡi mặn đắng, nước bọt trào ra. Cố nghiêng răng, lắc đầu, mím miệng thì cái ngứa ngáy rần rật đến từ mọi phía khắp châu thân. Trí Hải đã ngồi chịu trận như thế qua mấy ngày, mấy đêm, Trí Hải nhón nhác tìm quanh một sinh vật hay một đồ vật nào đó để cho dòng tâm thức tựa vào, đỡ dật dờ trôi nổi, nhưng quanh ông chỉ là sự vắng vẻ dị thường.

Sự chiến đấu nội tâm của một chiến trường bên ngoài lặng lẽ, nhưng bên trong cát đá, thành quách xoay chuyển, đổ vỡ mịt mờ làm cho mồ hôi chảy thành dòng trên mình Trí Hải giữa cảnh núi rừng lạnh cóng. Câu thơ sương khói của sư ông Chân Nhã Đại Hùng thấp thoáng đâu đó trong trí nhớ mịt mờ của Trí Hải:

Đóng cửa lại

Mới thấy được vầng trăng

Đóng đôi mắt

Mới thấy núi Linh Sơn

Đóng cửa tai

Mới nghe hồn Nguyệt Quế

Đóng mũi dày

Mới ngửi được trầm hương

Co lưỡi lại

Mới nếm vị Ta Bà

Ném châu thân

Mới bay vào vũ trụ

Ném tâm lý

Mới tìm vào an trú

Trí Hải hoang mang trong ý nghĩ: “Phải chối bỏ chính mình, phải phủ định tất cả mới tìm ra được sự an lạc hay sao?”. Hay phải kêu lên bơ vơ và lạnh cóng như thiền sư thi sĩ xứ tuyết, Trường Lạc An:

“Miền an trú ở nơi đâu?

Là một cõi trời vô tướng định;

Là phi xứ

Là phi tướng xứ

Là phi phi tướng xứ,

Là đây,

Là kia,

Là đó,

Là một giấc mơ đời vĩnh cửu ở trong ta?”

- Ôi, trời đất cao dày, ta đối diện với ai đây?

Trí Hải nghe tiếng mình kêu lên như tiếng ai và lịm đi trong cơn chấn động bất ngờ.

Nắng mai lên. Hơi ẩm mặt trời nâng Trí Hải dậy. Cái tam tài: Thiên, Địa, Nhân của cuộc sống bon chen trên mặt đất dưới kia khó mà hiểu được cái “tam thiên”: Nắng vàng, mây trắng và cây xanh trên đỉnh núi này.

Niềm thanh thoát vô biên như một phép lạ không có phép lạ. Giữa trần gian này không có phép lạ. Phép lạ là kết quả của của một chuỗi dài công lao truy tìm và thực hành định hướng.

Trí Hải tự đặt ra cho mình một định hướng suy tưởng và thực hành bước đầu. Thử phủ định toàn triệt như đại lão thiền sư Chân Ngã Đại Hùng giữa rừng thông tuyết lạnh xứ Tây Tạng huyền bí. Một bài tự dặn mình nho nhỏ mà Trí Hải gọi đùa trong trí là “Tâm cửa vào nhà trống” dần dần trở thành một sự nhắc nhở cận kề mỗi khi tạp ý nổi lên:

Thở vào không có Ta

Thở ra không có Người

Mắt nhìn không thấy sắc

Tai lắng không nghe thanh

Mũi thở không có hương

Lưỡi thường không cảm vị

Toàn châu thân an nghỉ

Tâm trí chỉ là không.

Ngày lại ngày, Trí Hải tự ép buộc mình phải xả bỏ tất cả để đi tìm an lạc. An lạc chỉ có trong phủ định. Sự xả bỏ đầu tiên là chối bỏ chính mình. Trí Hải áp đặt dòng suy tưởng của mình thành một gã đao phủ ý thức trên chính mình. Phải triệt hạ cho bằng được sự hiện hữu của thân xác tội lỗi tà đình này. Phải cho dòng ý thức chảy vào thân xác này như những cơn lũ cường toan thiêu hủy tất cả mọi cứ điểm ngoan cố, bảo thủ của nó.

Phải nghĩ rằng: “Thân xác con người là một bị thối thối tha”, chẳng nên bảo trọng.

Phải thấy được hang ổ vi trùng trong từng lỗ chân lông. Thấy máu mủ dưới làn da đẹp. Thấy bộ xương trắng hếu sau thân xác mỹ miều. Thấy bệnh hoạn chực chờ dưới dáng vẻ trẻ trung, mạnh khỏe.

Phải cảnh giác rằng: “Lòng ham muốn, nổi đam mê, tính phản kháng, ý nắm giữ... là thuốc độc cần phải loại trừ ra khỏi nơi ta”.

Dòng tâm thức của Trí Hải càng phủ định cuồng nhiệt chừng nào, cái nhìn về chính mình và xung quanh càng khát khe chừng ấy.

Đầu tiên là phải diệt dục nơi ta. Nương theo phương pháp của Mật tông sư Đạt Lai Đề Văn, Trí Hải sử dụng “kiếm khí” bằng hơi thở để diệt dục, chặt đứt những ham muốn đời thường. Bất cứ lúc nào, hễ ra khỏi giấc ngủ mê man, Trí Hải lại chăm đắm vào con đường diệt dục. Chu kỳ của một hơi thở phải thành đao kiếm diệt dục để chặt hết gốc rễ của ham muốn. Toàn tâm ý hướng hơi thở của mình từ mũi, chạy lên đỉnh đầu, vòng xuống cổ, chạy dọc theo xương sống, truy quét hết chất nhiệt chứa trong vùng bụng, thóp hai bên hông vào tận xương sống, vét lần cuối hơi ấm vùng thận, chuyên hết ra ngoài thân thể theo đường hậu môn. Động tác lúc đầu là một chu kỳ có điều kiện. Lâu dần, thành một phản ứng thể chất vô điều kiện. Những ngày đầu, Trí Hải cảm thấy khối da thịt đeo nặng của chính mình nhẹ dần. Ham muốn thể xác bốc hơi. Ham muốn tinh thần lắng xuống. Ham muốn đầy ảo ảnh bùng lên. Đôi mắt đẹp mà buồn thăm thẳm của Ba Gám nhạt nhòa. Mùi quyến luyến gọi mời của thân xác mất đi cái nóng bỏng, háo hức, râm ran cuồng nhiệt của nó. Trí Hải mất dần khả năng về ham muốn. Mơ mộng luyến ái tắt dần. Ngày ngày đi quanh vùng đồi núi để ngắm cảnh, kiếm thức ăn cây trái thiên nhiên. Đêm đêm về nhà trai chùa Từ Vân nghỉ chân. Phải chạy, phải đuổi, phải diệt lòng ham muốn. Tinh lực trong người bị dòng tâm ý khinh miệt và phản bác tổng khứ ra ngoài không thương tiếc. Hơi thở lúc dồn dập, lúc ngắt quãng và thân xác từ từ lạnh giá.

Nỗ lực định tâm và cố gắng xua đuổi tạp niệm từ trong tư tưởng dừng lại chỉ đôi ba phút lúc đầu. Mỗi ngày sự định tâm đó kéo dài thêm và dài thêm, có khi suốt mấy ngày đêm không động tĩnh. Rồi Trí Hải cảm thấy thân xác mình không còn điểm tựa giữa trần gian này nữa. Tất cả theo một dòng lũ mới tinh khôi vi vút bay đi. Đi, đi mãi đến những vùng trời mới lạ. Mắt ngập tràn chói ánh hào quang. Trí Hải ở trong trạng thái xuất hồn. Hồn cũng chỉ là “Ta” không có xác, bồng bồng bay, bay nhẹ như bông. Trí Hải gặp lại những nhân vật mà xưa nay chỉ biết trong cổ thư, kinh sách. Vua Trời Phạm Thiên, Phật, Chúa, Thánh, Thần, Tiên, Hiền, Bồ Tát... đều mang tính người để nghinh tiếp. Có khi uy nghi lộng lẫy, khi gần gũi thân tình, nhưng tất cả đều làm cho Trí Hải mê say cùng cực. Thế giới thánh linh hay ma ảnh, ảo ảnh, tâm ảnh ấy đẹp vô ngần. Tất cả đều thanh thoát và diệu kỳ có sức cuốn hút đến độ làm cho Trí Hải hạnh phúc ngập tràn; hoan lạc say mê vô cùng tận. Mỗi lần tỉnh lại sau cơn xuất hồn, Trí Hải có cảm giác như mình vẫn còn đứng rất xa để nhìn một cách đầy khinh miệt cái thân xác xương thịt chường ngai đang đến hồi tàn tạ ở cõi trần thế thô lậu và mông muội này. Thế nhưng cái hồn thanh tâm ấy vẫn phải rùng mình chui vào cái xác. Sau cùng, Trí Hải có thể chối bỏ tất cả, nhưng lại không thể chối bỏ cái thân xác tội nghiệp, cái

trần gian lấm lem bụi đời hiện hữu trong chính mình và quanh mình. Trong đó và nơi đó, hơi thở vẫn đang duy trì sự sống.

Trí Hải cũng đã có lúc chới với kêu lên: “Hỡi cái trần gian ma trời mà diệu kỳ; yêu thương mà tàn nhẫn này, làm sao mà bỏ mi cho đành đoạn, cho mất hết dấu tích trong ta, để cho ta nhẹ như thính không mà bay về cõi trời vô tướng ấy...”.

Khi những vọng ảnh va chạm vào nhau và vỡ tung. Vũ trụ chỉ còn là ánh sáng. Khối “đại linh quang” ngập tràn thiên thể. Ánh sáng, ánh sáng, ánh sáng... tất cả là ánh sáng. Con người chỉ là một đốm sáng trong vũ trụ mênh mông nguồn sáng. Mỗi người là một tiểu linh quang mang hết bản ngã của đại linh quang. Do đó, mỗi con người là một tiểu vũ trụ trong đại vũ trụ ánh sáng. Từng đốm sáng nói chuyện với nhau. Từng vệt sáng cuốn hút với nhau. Từng tinh cầu ánh sáng tác hợp với nhau để biến tướng thành tinh cầu mới. Tình yêu nguyên sơ tác hợp với tình yêu trần thế, rồi thiên biến vạn hóa thành vô số những cuộc tình ngây ngô, hoang dại hay nghiêm cẩn, trang đài mà tạo ra thế giới con người và muôn loài...

Thêm một lần đòi hỏi, Trí Hải chới bỏ tất cả để chiêm nghiệm Đại Linh Quang. Biến ánh sáng kéo dài bất tận. Và bởi bất tận không có biên cương mà cũng chẳng có phương hướng cho nên ánh sáng là ánh sáng, không có đầu, đuôi; xuôi, ngược. Cũng chẳng có điểm khởi đầu và kết thúc.

Trí Hải đang ở giữa vùng xoáy của tư duy, nơi đó, lửa đang cháy rần rật. Lửa thiêu sống hết thảy mọi giá trị, quy ước, ý nghĩa, cảm nhận về đời sống. Lửa thiêu rụi tất cả để sáng tạo ra một thế giới mới. Thế giới khi trống không, đen ngòm, hoang lạnh; khi rộn ràng hiện ra muôn ức điệu sống. Sự gặp gỡ của thiên giới lần ta bà đang diễn ra rộn rã. Trí Hải đi vào miền hoang tưởng của một trạng thái tâm lý, tri thức và cảm giác đang bị đổ vỡ tan hoang mà những luận sư tâm lý gọi là trí động, tâm loạn, rồi đạo, âm dương không bình hành hay “tẩu hỏa nhập ma”!

Thiện Giả đến gần một Trí Hải đang ngồi định thần bên suối Bản Lai, mắt nhắm nghiền, miệng nói ra những điều khó hiểu. Nghe tiếng động, Trí Hải mở mắt. Đôi mắt thông minh có vẻ như đờ đẫn mệt mỏi đang vân du về một cõi nào đó rất xa, say sưa nói những điều băng quơ dưới lớp vỏ minh triết:

- Từ cõi hỗn mang, tất cả trời đất quỷ thần đều là một. Ta vừa gặp vua trời Phạm Thiên. Ngài mời ta uống rượu bò đào và cho biết thế giới trần gian này sắp đến ngày tận thế. Cho nên ta phải tìm ra một chân lý siêu tuyệt nhất

để cứu đời. Ta đã bay tới vùng trời Đâu Suất, nghe chim Ka Lăng Tàn Già ca hát. Ta đã gặp Phật, gặp Chúa, gặp chư vị bồ tát, thánh thần trò chuyện. Ta đã học được hết kho báu của trời, kho khôn của người, kho quý của đất. Ta là sứ giả của muôn loài...

Thiện Giả ái ngại lắng nghe giọng trầm ấm của Trí Hải nói lảm nhảm vang lên giữa rừng núi như tiếng chảy lạc hồn của một dòng sông buồn ngủ. Giọng Trí Hải mới nghe qua, mang đầy vẻ tự tin của một nhà khai đạo. Nhưng thật sự đây chỉ là tiếng nói từ vô thức. Kiến thức, lý thuyết sách vở cộng với những mơ ước ngút ngàn không thể hiện được trong cuộc đời thường đang gặp gỡ nhau giữa dòng cuông lưu của tâm thức bị ức chế vừa tạo ra một Trí Hải khác. Trí Hải bây giờ như con sông mới lạc vào biển rộng, mất hết cá tính và tan loãng vào một thực tế ảo, còn đó mà như không, vẫn trôi đi mà không có phương hướng bên bờ.

Trước khi thiện Giả kịp lên tiếng, Trí Hải đã quay sang ngỏ lời giáo chủ:

- Này thiện Giả. Ta nhận người làm môn đệ đầu tiên của ta. Đừng sợ hãi. Hai ta sẽ lên đường hành đạo cứu đời. Đạo của ta là đạo siêu nhân. Đường ta đi là đường chân lý. Tất cả các nẻo khác đều sai lầm. Hãy cầu nguyện. Hãy niệm. Niệm ta. Niệm to lên. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Ta. Niệm Nam mô Ta Bà Trí Hải Linh Quang Đại Vũ Trụ. Ta là bậc thượng thừa đại thánh. Là giáo chủ sắp truyền mật ấn cho ngươi! Theo ta. Theo ta. Hãy theo ta. Hỡi thiện Giả và muôn loài.

Thiện Giả đặt bàn tay ấm áp của mình lên bàn tay lạnh ngắt của Trí Hải. Niềm cảm thông chân tình ủa đến. Thiện Giả đã quanh quẩn nơi vùng núi đồi Kim Phụng này đủ lâu để chứng kiến những khúc quanh đầy sóng gió và quyết liệt trong tâm thức của những con người cầu đạo, tu đạo và hành đạo theo một cách riêng phù hợp với căn cơ của mình. Ban đầu, có thể họ cũng có một tấm lòng nhân ái. Nhưng họ tự bỏ mình vào cái lò luyện đạo, năng nổ muốn dùng lửa tam muội của tôn giáo để đốt lò. Họ cố nhen lên một bếp lửa riêng. Nhưng khi cố bật mối lửa đầu tiên thì bật hoài mà lò không nhá lửa. Đơn giản vì những ông Đạo, bà Đạo nhỏ này muốn thành nhà sáng tạo mà lại không hề có một mảnh nhỏ tư tưởng của riêng mình. Những ông bà Đạo Nhỏ này lém lỉnh cắt một miếng của Đạo; xén một mảng của Nho; gói một mớ kinh điển Phật, ghém một tràng yếu lý của Chúa... để “luyện trong lò bát quái” của riêng mình. Luyện hoài không chín, đành vớt sóng ra rao bán giữa đời. Vì thế, một sản phẩm tâm linh mà chưa chín như sẽ thành một mớ cơm độn lỏn chôn thứ nào cũng có. Nói hoài những điều không phát ra từ trí tuệ

chân chính nên hết linh thiêng và nhiều ông bà Đạo Nhỏ bỏ cuộc nửa chừng.

Bỏ cuộc, người ta chỉ tới được một trong hai con đường: hoặc là được mình, hoặc là mất mình. Được mình là tìm lại về mình, tìm thấy con người thật của mình để tỉnh ngộ và sửa đổi. Mất mình là mang ảo tưởng tự thánh hóa mình và tìm cách thánh hóa kẻ theo mình. Trí Hải đang mất mình vì đang ở trạng thái tự thánh hóa mình và tìm cách hóa thánh “môn đồ” Thiện Giả. Tâm lý hóa thánh lâu ngày sẽ dần dà trở thành một cơn bệnh kinh niên. Bệnh này là tin vào một điều không có thật nhưng cứ tin hoài thành ra thật - nguy tín - nên thấy mình là thánh thật và đòi hỏi người đời phải cung bái mình như thánh. Thiện Giả đã chứng kiến nhiều người “tự hóa thánh” như vậy xuống núi. Thánh cứu đời hay đời chôn thánh cũng chẳng có tác động gì đến ai. Nhưng đã làm thui chột đời sống tâm linh của những người theo họ vì nhân sinh quan và vũ trụ quan vá vúi và khập khiễng của “giáo chủ”. Trong những tôn giáo với lịch sử hàng nghìn năm, vẫn thường có những hiện tượng “tiểu đạo” nhất thời ồn ào, vọng động như thế. Tuy biết thế, nhưng lần này, thiện Giả không thể đứng trước hiện tượng “hóa thánh” của một trí giả có chân tâm và chân tài như Trí Hải. Thiện Giả quỳ xuống trước đôi mắt lạc thần vừa ánh lên nét long lanh ma quái của Trí Hải. Vừa vái như vái với bậc chân nhân thánh sống, vừa sửa giọng cầu đạo, Thiện Giả lên tiếng:

- Bẩm Hoàng thân chí thánh, xin tạ ơn ngài đã nhận Thiện Giả này làm đại môn đệ. Tuy nhiên, kẻ cầu đạo này chỉ xin một điều kiện nhỏ, chẳng rõ ngài có soi xét cho không?

Trí Hải đặt tay lên đầu Thiện Giả như ban phát hồng ân:

- Được, được. Ta cho phép ngươi cứ nói.

Thiện Giả chấp tay thưa:

- Dạ, Thiện Giả tôi chỉ theo ngài nếu ngài vượt qua được bờ bên kia của dòng suối nhỏ này.

Trí Hải cười. Tiếng cười không mang nét vui buồn thương lệ mà lạnh lạnh như tiếng chim từ lưng trời đổ xuống.

- Ôi chao! Chuyện nhỏ, người yên chí theo ta. Phép thần thông ta còn có được, vua Trời ta còn gặp được thì dòng suối nhỏ này có đáng vào đâu. Này Thiện Giả! Quảy giỏ mây lên vai và đi theo ta.

Trí Hải nhóm đứng dậy nhưng người còn yếu quá phải ngồi xuống lại lấy hơi. Luồng sức mạnh ân sủng tự kỷ tràn tới đẩy Trí Hải đứng lên và bước xuống bờ suối. Trên bờ, con dã nhân đã đứng đó từ bao giờ. Mắt nó đỏ ngầu, hai tay cầm hai vòng lửa đang cháy rần rật, đầu đội mũ kim khôi giáo chủ, miệng không ngớt nói rít qua kẽ răng những âm thanh chói tai, vô nghĩa. Khi đến gần bờ suối, Trí Hải sấn tới một bước, dã nhân sấn tới hai bước. Trí Hải buông lời thuyết giáo, con dã nhân lập lại qua tiếng hét, tiếng gào đing tai nhức óc. Trí Hải đưa tay làm cử chỉ ban phát, dã nhân tung cả hai vòng lửa vào đầu ông. Với hai vòng lửa cháy quanh mình, Trí Hải vùng vẫy chống đỡ lửa nóng và bỏ nhào xuống suối, nhưng dã nhân đã nổi cơn thịnh nộ hất tung lên bờ. Trí Hải quần quai vật vã cho đến khi ngất lịm trên bờ suối.

Không biết ngã xuống đã bao lâu, khi mở mắt tỉnh dậy, đêm đã quá nửa khuya.

Trí Hải cảm thấy như chân tay và đầu óc buồng lung của mình đang bị trói chặt vào một tảng đá hay gốc cây vững chắc. Từ trên cao có ai đang nhìn. Tia nhìn dữ dội xé nát cơn hoang tưởng ra từng mảnh nhỏ. Trí Hải lạnh tê người và run rẩy trong tia nhìn im lặng đầy phong ba đó. Có một sức mạnh đang nâng Trí Hải lên, vực Trí Hải dậy, giải hết những mây mờ đã chôn vùi ánh sáng của lý trí. Khi tâm bị quật ngã, thể lực mất thế dựa cũng ngã theo. Trên đà rơi nhanh vùn vụt của tâm thức không còn chỗ dựa, cần phải có một sức mạnh đối trị. Sức mạnh đó là Định Lực Nội Tại của bậc thần thánh hay định lực an trú có nơi các vị cao tăng. Ngồi bên cạnh một bậc chân tu là ngồi trong vòng thế giới linh cảm. Không cần lời mà vẫn hiểu được sự uyên áo của tư tưởng; không cần xoay chuyển mà vẫn cảm nhận được sự an lạc của thân tâm.

Khi những tia sáng ban mai đầu tiên vừa lọt qua khe núi, Trí Hải mới nhận ra là suốt đêm qua ngoài Thiện Giả thấp thoáng dưới chân đồi, còn có một người, một vùng, một thế giới đứng yên, không quay cuồng xoay chuyển bao bọc quanh mình. Những ảo ảnh điên cuồng quay tít trong không gian, trong trí tưởng “giáo chủ” Trí Hải từ mấy ngày trước cho tới đầu hôm qua từ từ chậm lại, đứng yên, khi ẩn khi hiện, rồi mất dạng. Ngày lên và cái bóng thứ hai đó cũng không còn.

Trí Hải cố vươn mình đứng dậy. Thiện Giả đang ngồi nhìn, nở nụ cười hiền bên cạnh. Nhìn xuống dòng suối, con dã nhân đã đứng sẵn ở đó từ bao giờ đang chăm chăm nhìn lên. Lần đầu Trí Hải mới có dịp nhìn thẳng lại nó. Bốn tia mắt gặp nhau, Trí Hải cảm thấy toàn thân rung động như đang nhìn vào

xác chết của chính mình. Thân thể mỗi một cơ hồ vỡ ra từng mảnh vụn. Đầu óc đặc quánh. Trí Hải cảm nhận được bàn tay ấm dịu của Thiện Giả đặt lên trán mình, trấn trở hỏi:

- Tôi vẫn còn sống ư?! Không phải tôi đã bị đốt cháy thành than rồi sao?

Vẫn nụ cười hiền chưa tắt, Thiện Giả trả lời:

- Có lửa hỏa thiêu bên ngoài đâu mà cháy. Hai vòng lửa trên tay đã nhân chính là lửa trong tâm của Hoàng thân quý hữu. Đó là ngọn lửa của tham vọng và vô minh tự thánh hóa mình thành giáo chủ và cố hóa thánh người khác thành môn đồ của mình.

- Tôi đã mơ thành giáo chủ sao?

- Vâng, Hoàng thân không phải chỉ mơ mà đã hành xử như một ngài giáo chủ.

Trí Hải mở mắt nhìn cây lá ngõ ngàng như vừa tỉnh dậy sau một cơn mơ:

- Mà giáo chủ là ai, là hiện thân của một mẫu người như thế nào và có nghĩa lý gì không mà tôi phải mơ thành người như thế?

- Đây là tiếng gọi mơ hồ nhưng vô cùng thúc bách của tham vọng và quyền lực thống lĩnh tâm linh giữa một thế giới toàn ma ảnh.

- Tôi đã sống qua những giờ phút cấp kỳ vọng tưởng đến như thế sao? Cái gì đã đưa tôi trở lại với tôi như bây giờ?

- Định lực.

- Định lực là gì?

Thiện Giả trả lời như nói thuộc nằm lòng:

- Là sức mạnh tâm linh siêu việt nhất mà con người có được.

- Sức mạnh đó từ đâu mà con người có được?

- Nguồn sức mạnh đó có sẵn khắp nơi trong trời đất

- Nhưng làm sao để lấy được?

- Chỉ cần một bình chứa. Bình càng lớn chức được càng nhiều

Trí Hải cảm thấy vui vui như một cuộc chơi cút bắt:

- Bình chứa đó kiếm từ đâu ra?

- Khỏi cần mua hay kiếm, ai cũng có sẵn nơi mình.

- Ở đâu?

- Ở tánh rỗng lạng.

- Làm sao có được tánh rỗng lạng?

- Dọn cái kho đang chứa đầy những thứ hỗn tạp trong tâm, trong trí của mình. Vứt bỏ tất cả.

Trí Hải đuôi nhanh hơn:

- Vứt bỏ luôn cả mình sao?

- Bỏ tuốt!

- Mình là ai mà lại bỏ tuốt dễ dàng thế?

Đến đây thì Thiện Giả đưa cả hai tay lên trời cười xòa, trả lời thành thật:

- Chịu. Tôi chỉ mới học tới ngang đó.

- Học với ai?

- Với người có định lực siêu việt đã cứu một người bị tẩu hỏa nhập ma hồi đêm qua đó.

Chợt hiểu, nhưng Trí Hải muốn xác định rõ hơn:

- Ai là người cứu và người được cứu vậy?

Thiện Giả cười to, nói đầy cởi mở:

- Hoàng thân Trí Hải phải biết quá rõ người đó là ai mới tìm lên núi này chứ. Mình cũng có thể biết được căn cơ của mình mà.

Quay lại với thực tế của mình, Trí Hải hỏi:

- Vậy thì làm sao mà biết được căn cơ của tôi như thế nào?

Thiện Giả tiếp lời:

- Không ai biết được căn cơ của ta ngoài chính ta.

- Nhưng bằng cách nào?

- Tại bên bờ suối Bản Lai này thì rất dễ. Chỉ cần chế ngự cho được cái tâm vọng động của mình là sẽ bắt đầu thấy được mình?

- Khi con đã nhân biến mất.

- Phải. Chính thế!

- Nếu lỡ như Trí Hải tôi không đến được suối Bản Lai và không gặp con đã nhân mà lâm vào tình trạng “hóa thánh” thì sao?

- Thì nghiệm nhiên trở thành một ông hay một bà đạo nhỏ.

- Thiện Giả vừa nói vừa cười đùa. Trí Hải thở dài không nói.

Mùa Xuân và lộc non. Bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông về và đi trên cây cỏ như sinh, lão, bệnh, tử đối với con người. Những ngày cuối đông và đầu xuân trên vùng núi non Kim Phụng, Trí Hải sống một mình. Ngày đi quanh những ngọn núi lớn nhỏ hay ngồi tĩnh lặng định tâm bên suối Bản Lai, đêm về khu nhà trai vắng vẻ của chùa Từ Vân, Trí Hải khám phá một thế giới mới của người sống một mình. Giữa xã hội đời thường, người ta quen kiểu sống cho ai và sống với ai. Một mình giữa rừng núi buổi đầu, Trí Hải quen dần với ý niệm “sống cho mình và sống với thiên nhiên”. Muốn sống an lạc với thiên nhiên thì phải biết đưa thiên nhiên vào mình, chứ không thể làm ngược lại là đưa mình vào thiên nhiên. Những ngày đầu, Trí Hải phản ứng chống lại thiên nhiên như phải cắn răng hay co cụm thân mình hoặc đốt than suốt ngày để chống với cái lạnh của núi rừng. Nhưng càng chống với thiên nhiên thì thiên nhiên càng phản ứng lại một cách lạnh lùng không nhân nhượng. Trí Hải dần dà tập nghe thiên nhiên và sống với thiên nhiên như nghe và sống với tiếng “con gà” gáy sáng thuở nào.

Từng đêm khuya và mỗi sáng sớm, Trí Hải lắng hết tâm trí nghe tiếng núi, tiếng gió ngàn, tiếng lá rung, suối chảy, dã thú, côn trùng... của rừng thăm vang lên từng hồi, từng chập hay thâu đêm đầu đó. Trí Hải nén hơi thở mình, trộn hơi mình với khí lạnh bên ngoài, hít sâu vào châu thân, mở rộng ngõ cho luồng khí lạnh len lõi, chạy đều khắp kinh mạch trong người. Cảm giác tê buốt lúc đầu giảm dần, rồi bảo hòa và ấm lại cho đến khi nguồn nội nhiệt giao hòa với tiết trời lạnh buốt bên ngoài để tạo thành một luồng sinh khí mới.

Từ hơi thở đến những sinh hoạt khác hàng ngày như ăn, uống, thức, ngủ, nghĩ, nhìn... Trí Hải tự luyện tập cho mình theo cùng với điều sống của thiên nhiên. Thiên nhiên là một người cha nghiêm khắc, nhưng là một người mẹ nhân từ. Với người cha, bắt thiên nhiên uốn lượn theo đường nét riêng của cá nhân mình là điều nghịch lý, không thể nào chịu con được. Với mẹ, gieo tẩm thân lem lấm bụi đời vào vòng tay mẹ, bao giờ cũng được mẹ, dang tay ra đón với tất cả tha thứ và yêu thương. Chỉ có thiên nhiên mới rũ được những lớp bụi phong trần. Con người thì có vẻ như khi cố lau sạch bụi đời thì thường vụng về và luống cuống tấp thêm những lớp phù sa lấp lánh nước phèn. Lớp phèn phù sa mang dáng vẻ cao đẹp và hình tướng, nhưng thực tánh thì cũng là một lớp bụi giữa đời.

Càng gần gũi và giao hòa với thiên nhiên, núi rừng, cây cỏ, Trí Hải càng cảm thấy cái vũ trụ nhỏ mang tên “Hoàng thân Trí Hải” chỉ là một ý niệm bèo bọt như một tiếng lá rơi chưa chạm đất giữa rừng thăm trong đêm khuya. Tầm mắt nhìn từ đỉnh núi không bị che chắn bởi rào dậu hay biên cương. Mắt người nhìn sâu vào vũ trụ chỉ là đốm lửa tàn lóe lên trong giây lát và thể nhập vào cõi mênh mêng. Tai nghe một vọng âm phát ra từ đối vật rồi tắt lịm vào chốn im lìm nguyên sơ tuyệt đối. Rồi hương vị, mùi vị, cảm vị trở thành vô vị, trống không giữa đá núi rêu phong và cây rừng bạt ngàn, trùng điệp. Có cái gì là tồn tại, là thật giữa núi rừng Kim Phụng này. Rõ ràng là không có gì cả. Ngay cả cái tên gọi cũng chỉ là những thói quen, những quy ước băng quơ. Kể có chữ gọi nó là Kim Phụng; người làm ruộng dưới đồng bằng phía Đông gọi nó là núi Tây Phương; giới tìm trà thì gọi nó là núi Trầm; dân sống gần chân núi thì gọi là núi Xanh. Tất cả đều đúng, tất cả đều sai hay chẳng có ai sai, ai đúng cả? Nghĩ đến đó, Trí Hải bật cười sáng khoái một mình.

Hình tướng và danh tướng không có một chỗ đứng nào vừa mắt trên đỉnh núi mây bay này.

Càng ngày, Trí Hải càng khám phá ra một sự thông dong tự do tuyệt đối: Nó! Nó là sự rỗng lặng tuyệt vời. Nó không mảy may dính mắc như mây trắng phiêu du. Nó không tên, không tuổi, không hình, không dáng, không phẩm, không lượng. Nó rỗng không mà đầy ắp. Nó hiện ra thường xuyên trong ta, ngoài ta, quanh ta. Nó có đó mà không đó. Khi tâm trí hoàn toàn buông xả thì Nó đến. Chỉ một chút tư vương là Nó biến mất. Nó vô hình mà hiện hữu trong từng chớp mắt. nó không phải là một cặp phạm trù mà là một. “Nó” vừa có vừa không. Giữ lòng trông thì Nó hiện ra tức khắc. Tìm cách giữ nó lại bằng một tên gọi, một mảy may ý niệm mô tả hay so sánh thì Nó sẽ vụt bay đi. Nó là không. Và chỉ có Không mới hiểu được Không và cũng chỉ có Không mới nuôi dưỡng được Không. Chẳng có gì chứa được “Không” mà “Không” cũng chẳng chứa gì trong nó cả dù chỉ là ý niệm vì tự “Không” là một ý niệm.

Trí Hải cảm thấy lòng mình trải dần ra với những đám mây phiêu du bay qua đỉnh núi. Đám mây có đó mà như không. Không chẳng phải vì mây biến đi hay mất dạng mà bởi tánh mây hoàn toàn rỗng lặng. Thế rỗng lặng không có hình, có tướng nên không cần mắt để nhìn nên mắt cũng như không. Cũng chẳng cần tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm vì tánh rỗng lặng làm gì có âm thanh mùi vị dấy lên mà cần đánh tiếng, nghe hơi. Sự rỗng lặng chẳng có gì để va chạm, ngắm nhìn hay so sánh nên chẳng có ý mà cũng không có thức. Ý thức không hề dấy lên thì làm gì có độ lớn, độ cao, độ sâu hay giới hạn của ý thức. Rồi từng đám mây bay qua, bay qua. Mây bay hoài nghìn năm trước và nghìn năm sau không hình tướng. Mây rỗng lặng. Trong rỗng lặng, không dấy lên một hạt bụi. Bụi không sinh ra thì bụi chẳng rơi xuống. Bụi không có thì bụi chẳng bám, chẳng làm dơ hay chẳng cần phải sạch; chẳng thêm chẳng bớt gì trong sự rỗng lặng đó cả.

Càng giữ được cái tâm có khuynh hướng về gần với tánh thường rỗng lặng, buông xả, Trí Hải càng yêu cuộc đời này lạ lùng. Yêu cuộc đời để sống với nó, yêu thương nó, trân trọng nó từng khắc từng giây chứ không phải cầm giữ nó như một kỷ vật hay một mơ ước; hoặc chôi bỏ nó như trốn chạy nợ nần. Sự rỗng lặng mở hết mọi sự cột trói, ràng buộc. Khi mầm non không nảy cành, sinh lá thì cũng sẽ không có cây già lá rụng. Không lo toan, không sợ hãi, không mong cầu, không suy tính và cũng chẳng cần dùng đến một mảy may nào cố gắng của thân xác, của cảm xúc, của trí óc. Trí Hải không còn cảm nhận mây bay qua nữa mà mình là mây. Mênh mông. Rỗng lặng...

Cuộc đời này sẽ không có; cuộc đời này sẽ chết đối với người không thật sống với nó. Chẳng có một cuộc đời nào cả khi tâm vắng bóng giữa đời.

Tâm vắng bóng là khi nó bị ràng buộc bởi những vòng quán hệ lụy làm cho nó sống thoi thóp. Cái tâm chỉ hiển lộ thật là tâm khi nó thoát ra ngoài ràng buộc, hít thở tự do. Trí Hải nhận ra rằng muốn cứu đời trước hết phải làm cho cuộc đời này hiện hữu với chính mình. Khi mình không thực sống cho mình thì mình cũng chẳng sống được cho ai cả. Nếu chính mình đã phủ nhận đời sống mà vẫn đòi sống cho người khác thì hoặc là bất minh, hoặc là giả dối hay tự đánh lừa chính mình. Trí Hải cảm nhận nỗi ân hận trào dâng khi nghĩ lại hơn nửa đời qua và thấy mình vô lý. Mình muốn giúp đời mà chối bỏ cuộc đời. Mình không thực sống với cuộc đời mà cứ mãi mê đi tìm những gì nằm ngoài hiện thực cuộc đời.

Cái Ta bản lai diện mục. Cụm từ ngữ như là triết lý cao siêu này, thật ra, để chỉ cái tánh rất thật, rất chân phương và trong suốt nằm sâu trong ta. Nó ở ngay trong ta mà nó đi đâu chẳng thấy vì bị những cái tánh rất giả, rất dối che khuất.

Trí Hải sửa lại bài tập thơ “Tám cửa vào nhà trống” thành “Tám cửa vào đời sống”. Một điệu sống dần thân mà không chấp nhặt; hành động mà vẫn buông xả; có “có” trong không, có “không” trong có:

Thở vào không dựa Ta

Thở ra không dựa Người

Mắt nhìn không đắm sắc

Tai lắng không say thanh

Mũi thở không dính hương

Lưỡi thường mắc vị

Toàn châu thân xả hỷ

Tâm trí lặng như không.

Trí Hải không tìm cách phủ nhận đời thường, diệt ham muốn nữa. Bởi vì do ham muốn mà con người sinh ra, nên con người chuyển động và sinh tồn do động cơ ham muốn thúc đẩy. Diệt ham muốn tức là diệt cái gốc con người. Trong cái vòng tròn sinh diệt ấy, thật ra, tất cả là một chuỗi thay hình biến tướng liên tục chứ chẳng có cái mới nào sinh ra và cái cũ nào tiêu diệt cả.

Trí Hải đã toan “diệt dục” bằng phương thức triệt tiêu tinh lực của bản thân mình, xả bỏ hết năng lực tình dục, dày đọa xác thịt, tiêu mòn sức sống để đuổi hết ham muốn ra khỏi thân xác mình. Nhưng làm như thế có khác gì làm công việc cố vét bùn, tát cạn một dòng sông để triệt tiêu nước nguồn, mưa lũ. Thế nhưng mưa nguồn không đến từ một dòng sông mà đến từ biển cả sau một chuỗi dài biến tướng ra đi và trở về; không một ly sinh diệt.

Sau cơn chấn động dị thường, Trí Hải trở về với cuộc đời thường quanh vùng núi rừng Kim Phụng và chùa Từ Vân. Những buổi ngồi định tâm hằng ngày, mỗi lúc một kéo dài lâu hơn. Trí Hải không đi tìm một thế giới nào an lạc hơn ngoài chính mình nên cả thân xác lẫn tâm hồn đều rất an tịnh. Không còn quay quắt, loay hoay để cố thoát ra khỏi mình, tìm đủ mọi cách xuất hồn, xả vía hay tự sát mình trong biển linh quang, Trí Hải cảm thấy thế giới này tĩnh lặng từ bầu trời xanh đến cành cây ngọn cỏ. Tiếng chim kêu không riu rít, buông lung mà có gợn gấm điều gì rất ý nghĩa trong đó. Nắng, gió cùng tiếng suối Bản Lai trong sáng và dịu thoát vô cùng. Ngay cả Ba Gấm cũng trở thành một hình tượng đẹp đẽ, yêu kiều không làm gợn lên một thoáng dục tình, dục trong, ham muốn.

Khi cả tâm hồn và thể xác đều thể hiện trọn vẹn “nội dung” bên trong lẫn bên ngoài thì tất cả đều phơi trải trên dòng hiện tại, giữa phút này đây. Khi không còn một nơi trú ẩn, không còn cái hang quá khứ để trốn vào đó mà tiếc nuối hay ân hận; không có một lâu đài tương lai để sa đà vào đó mà mơ mộng vẽ vời hay lo sợ thì tâm lý con người sẽ được tự do. Tự do đích thực không phải đến từ bên ngoài mà tịnh thoát từ bên trong. Trí Hải nghĩ về những ngày qua với một cảm giác an nhiên của gã tiểu phu đi nhặt những miếng củi trong rừng để bỏ vào bếp lửa đang cháy trước mắt. Trí Hải nhìn về con đường trước mặt cũng với tâm lý tự tại của gã tiểu phu đang đốt than. Bếp lửa than đang đốt củi thành than. Điều này cũng tất nhiên như than sẽ được bán ra đổi gạo vào một lúc nào đó tại một nơi nào đó. Bếp lửa đang cháy mới thật là sự sống. Chối bỏ sự sống hiện tại là phủ nhận dòng thời gian không đứt đoạn. Bếp lửa đang cháy là sự sống; nó là gạch nối giữa quá khứ và tương lai, Trí Hải gạt đầu với quá khứ và mỉm cười với tương lai, nhưng không mảy may để ý đến nó. Giữa hiện tại, Trí Hải biết có một Ba Gấm giữa đời này. Ba Gấm đã từng gắn bó với Trí Hải trong những ngày qua và sẽ gặp ông trong thời gian tới. Cái “biết” của Trí Hải trong phút hiện tại này là một cảm giác đứng yên và độc lập. Đây là một cảm giác thanh thản, bình an; không chán, không ham, không gợn, không tưởng.

Nắng vàng trên cao như đang tung mình vào những tầng mây quanh đỉnh núi Kim Phụng. Rồi mây và nắng xa nhau không một chút bịn rịn, không một lời từ ly, nên không gây một tiếng động giữa cung trời.

Trời đất, con người và vạn vật có sự cảm ứng qua lại nhưng tất cả đều phải ở trong một trật tự hòa điệu, không dính mắc vào nhau, không lấn lướt tấn công và hủy diệt nhau. Cả vũ trụ trăng sao trùng trùng thăm thăm thế kia mà vẫn muôn đời im lặng. Chỉ có thế giới ta bà này là ồn ào, vọng động nhất vì muôn loài đã đánh mất chân tánh. Định tâm để tìm về và tìm lại chân tánh gọi là tu.

---o0o---

Chương 22 - Miền An Trú

Những buổi sáng mùa Xuân tươi mới trong cảnh núi rừng tĩnh mịch này, Trí Hải bắt đầu cảm thấy có một vẻ gì biến hiện như sắc, như không đơn sơ và hòa điệu với thiên nhiên, có lá xanh nứt ra từ trong thân cây mùa Đông khô héo. Có hoa rừng đủ sắc trở lên từ vẻ ủ rũ xám ngắt vùi trong mưa lạnh. Có lửa lóe lên từ đá sỏi ngõ như vô tri, khi hai hòn đá chạm nhau xẹt lửa bên triền núi. Có tiếng chim gọi trắng giữa đêm khuya về sáng. Có cả một sự sống tung bừng của tạo vật giữa núi rừng yên ắng muôn năm. Trí Hải thấy rõ “có” một cảnh trời đất mênh mông, núi rừng biên biệt quanh mình. Nhưng ngày lại ngày nhìn kỹ, nhìn qua mắt khi mở mắt, nhìn qua tâm khi nhắm mắt, nhìn trong tận cùng tầm mắt trôi loanh quanh pheo lảng khi mắt không còn nhắm mà cũng chẳng mở, Trí Hải chẳng còn thấy gì cả. Cây, đá, khe, suối, núi đồi... hiện ra rõ ràng như thế giới hiện thực quanh mình. Nhưng qua một đêm gió núi, mưa ngàn, có khi những cành cây cổ thụ bật gốc và bị mưa bão đánh tan thành mảnh vụn và gió mang đi tan tác. Hạt bụi gỗ bay đi trong gió, suối đồi đầu có biết là nó đến từ thân cổ thụ cả nghìn năm. Có những tầng mây cao ngất cuối chân trời, nhìn hùng vĩ hơn cả lâu đài thành quách, nhưng khi bay ngang qua đỉnh núi, mây dường không còn là một hạt nước giữa hư không. Nhưng khi trôi về miền đầu đó, cái hình tượng ngõ như hư không của mây sẽ trùng trùng ngưng tụ lại thành mưa nguồn nước lũ.

Thiên nhiên và tâm hồn con người nương nhau mà tồn tại. Trí Hải tưởng tượng nếu như không có mình, cảnh thiên nhiên chỉ xuất hiện thuần trong đôi mắt của con nai thì mây núi và cây rừng kia có còn nguyên màu ấy không. Ta không là nai và nai không là ta thì làm sao chia sẻ điều bí ẩn đầu tiên và cuối cùng đó được.

Cái có cũng là không; cái không cũng là có biến hiện trong từng khoảnh khắc của thời gian.

Chiều mùa Xuân trên đỉnh núi Kim Phụng. Sương trắng về sớm làm cho cả núi đồi trở thành một khối bạc như bông. Trí Hải đưa bàn tay ra trước mắt mà vẫn bị khối sương ngưng tụ chắn ngang không nhìn rõ. Mọi vật như ngừng trôi, Trí Hải ngồi định tâm im lặng nơi mình vẫn thường ngồi trên đỉnh núi. Màn sương dày đặc che khuất ánh sáng và tầm nhìn. Mọi vật dường như không có, không có nơi đây mà vẫn có đâu đó vì vạn vật vẫn có đó nhưng tất cả đều ẩn sau màn sương. Cái “không” của vạn vật trước mắt Trí Hải lúc này là một ý niệm đối nghịch với cái có. Cái có - không; không - có theo khái niệm đối nghịch như thế là hai cặp nhị trùng thường xuyên chen lấn, xô đẩy, loại trừ nhau để cho cái tôi độc tôn của mình hiện hữu. Cặp “nhị nguyên” có - không như hai gã mù và gã sáng hay như hai anh què, kẻ què chân, người què tay khập khiễng dìu nhau đi tranh sống giữa đời. Hai trạng thái tách biệt nhau nhưng lại nương nhau mà tồn tại. Hễ có gã này thì phải có gã kia. Mà nếu gã kia không có thì gã này cũng không luôn. Cứ thế mà đi mãi. Cứ thế mà lòng dòng theo bển gót của cái sinh, già, bệnh, chết rồi... sinh. Và rồi cứ thế đi về, tái qua, tái lại không bao giờ ngừng nghỉ.

Con thoi, con lắc vì ở đâu này cho nên phải chạy qua đâu kia. Trí Hải suy nghĩ rằng, nếu con thoi và con lắc ở vào vị trí trung tâm đứng giữa thì liệu lực di động qua về giữa hai cực có biến mất hay sẽ như thế nào. Có thể có một thế tĩnh hoàn toàn như thế hay không? Khi hoàn toàn không có một lực gì máy động; không có một vật thứ hai tác động lên vật thứ nhất con người sẽ đạt một trạng thái gì? Có gần với trạng thái “không” hay chưa?

Có một cái không tuyệt đối; cái không vượt lên trên và vượt ra ngoài hai khái niệm “có - không” đối nghịch đời thường mà Trí Hải thấp thoáng cảm nhận được trong những cơn định tâm sâu lắng và lâu dài. Những phương tiện giới hạn của con người như cảm giác, suy luận, lời nói, im lặng đều vô phương và bất lực để mô tả hay diễn đạt một cách chân xác về cái Không tuyệt đối đó. Đây không phải là một khối lượng, một hình ảnh, một ảo giác hay một thực thể mà là một trạng thái. Không có phương cách hay quy ước nào để tìm tới được trạng thái “Không” uyên nguyên, thường hằng, rộng lặng đó cả. Chỉ có Tâm Không mới “cảm” được cái Không hay phải có con mắt của Trí Tuệ mới nhìn ra cái Không. Nó thường hằng bất biến như một căn tánh nguyên sơ của vạn vật nên gọi là “tánh Không”. Cái gọi là “Tánh Không”, thực ra có thể gọi nó là cục đá, cục đất, con trâu, cái cày, mặt trời, chóp núi, đáy biển... hay là gì gì cũng được vì Tánh Không là không tánh.

Mà đã là không tánh thì gọi cái gì đây và định nghĩa cái gì đây khi “hắn” không là hắn kia mà. Bởi thế, những hành giả chỉ có thể đi vào cõi Không bằng công phu rèn luyện, bằng nỗ lực tu chí lâu dài, có khi là bất tận... tự mình tìm ra con đường chánh định để đi, xây dựng một Tâm Không. Không ai có thể trao truyền, mặc khải hay ban phát Tâm Không cho mình ngoài chính mình tự tìm lấy. Ba tạng đại kinh thư của nhà Phật, cũng chỉ là cây gậy trúc, là con thuyền mảnh, là ngọn gió mát, là niềm tin yêu, là hy vọng vàng, là ánh trăng thanh, là bó đuốc sáng giúp hành giả đơn độc lên đường mà thôi.

Hành giả chỉ cần mơ màng mắt phương hướng là sẽ loay hoay dựa vào một trong tám vạn bốn nghìn phương tiện mà tưởng lầm đã qua bờ bên kia. Tâm dính mắc, chìm đắm mà ngỡ tìm được Tâm Không là kê như nửa đường bỏ cuộc, ở lại bờ vô minh bên này. Cho nên, những phương tiện tìm về cửa Không càng rực rỡ huy hoàng, chói lọi, hoành tráng, vĩ đại theo bề ngoài chừng nào, càng dễ đánh lừa và níu kéo hành giả dính mắc vào phương tiện nhất thời trước mắt chừng ấy. Xưa đức Phật đắc đạo dưới gốc cây bồ đề. Nay nhiều hành giả xa đạo vì chùa to, viện lớn.

Cánh cửa Không chọt hé, chọt khép trong sự định tâm cùng tột của Trí Hải. Niềm hạnh phúc huy hoàng chảy tràn khắp những ngõ đường hoàn vũ. Nó gần quá trong cái tâm này mà nó xa cùng tận đâu đâu. Chỉ một sát na tâm hoàn toàn rỗng lặng là nắm ngay được nó và chỉ một sát na vọng tưởng khởi lên là đã xa nó muôn phương.

Trí Hải không ngớt nghĩ về từng đám bụi núi rừng ngày lại ngày xói mòn và phá vỡ những đỉnh núi cao, chôn vùi những cánh rừng rộng mênh mông xa thẳm. Những đám bụi tinh vân hội tụ thành trăng, sao, mặt trời và thế giới này. Chẳng có gì đứng yên một chỗ. Và cũng chẳng có vật gì tự nó sinh ra mà không cần trợ duyên phối hợp.

Trí Hải càng đi sâu vào sự định tâm tĩnh lặng, càng thấy rõ một vũ trụ đang sống, đang chuyển động, đang biến tướng không một ly ngưng nghỉ, sự chuyển hóa đó xảy ra khắp mọi nơi. Núi rừng yên lặng thế nhưng thật sự là đang già. Thiên nhiên đang im lìm thanh thản thế kia nhưng thật sự là đang quay tít theo chiều quay vũ trụ. Tất cả đều không có một kẻ hở tơ hào để dừng lại cho hiện tại. Chạy đuổi, ngừng tay, dừng lại, ngủ ngáy... chỉ là những cách thế khác nhau của một chuỗi hành động. Và mọi hành trạng của một đời người, từ khi sinh ra cho đến khi chết, thì cũng chỉ là một giọt ngắn trong dòng trôi chảy triền miên.

Sự lắng sâu trong tâm thức Trí Hải, càng ngày càng vượt ra ngoài sự khống chế của những thói quen suy nghĩ và lý luận thông thường. Trí Hải thấy rõ mà không thể chia sẻ và phân tích được rằng: Giữa vòng quay thành, trụ, hoại, không, có một Suối Nguồn Vũ Trụ không bao giờ cạn mà cũng chẳng bao giờ đầy; không bao giờ ngừng mà cũng chẳng bao giờ hết. Suối Nguồn Vũ Trụ có tính Năng để dung chứa tất cả mọi hình thái tinh thần thanh và nhuỷễn; có tính Lượng để chứa chấp tất cả mọi khối lượng vật chất đã biến dạng thành sức sống quay lẫn hoà giữa hoàn vũ. Năng và Lượng tác động lên nhau, hòa quyện vào nhau, rút lại thành một “Điểm nhỏ tuyệt đối”. Nhỏ đến nỗi không còn gì nhỏ hơn để có thể so sánh nhưng chẳng phải là không có gì. Nhỏ đến nỗi không có gì chứa được trong đó; nhưng cũng lớn đến nỗi không có gì bao bọc được ngoài nó. “Điểm Nhỏ Tuyệt Đối” này lại có năng lượng lớn vô cùng, không thể nghĩ bàn, không thể diễn tả hay kể ra bằng lời. Trong điểm nhỏ tuyệt đối này đang có sẵn vũ trụ lớn vô biên trong đó. Khi Điểm Nhỏ này gặp cơ duyên tác động ăn khớp với bản chất và sức chứa vô biên thì bung ra thành vũ trụ. Gặp đối tượng thích hợp thì kết tụ lại thành người, thành vật, thành thiên hình vạn trạng. Cho nên, mỗi con người vừa là một vũ trụ mà cũng vừa là một hạt bụi của vũ trụ. Tiểu ngã và đại ngã chỉ khác nhau về tên gọi và hình tướng lớn nhỏ, chứ chẳng khác nhau về bản thể.

Sách vở kinh điển càng lúc càng trở thành xa vời với Trí Hải. Ông tập trung hết tâm trí, cảm xúc, hơi thở để định tâm và định thần. Trí Hải cảm nhận bằng những giây phút trí tuệ lắng đọng nhất của đời mình để thấy được rằng, những hạt bụi của thể xác và những hạt giống của tâm linh không bao giờ mất. Khi thể xác và tâm linh không còn chất keo “duyên hợp” để níu chặt với nhau nữa là khi “duyên tan”. Khối bụi đất, nước, gió, lửa thể xác biến tướng trong thế giới mang tính Lượng. Những hạt giống tâm linh trở về hòa nhập với thế giới mang tính Năng trong Suối Nguồn Vũ Trụ. Những hạt giống gần gũi nhau, mang cùng bản chất lại có khuynh hướng tìm về nhau, kết hợp với nhau thành một hợp thể mới. Hạt giống lành sẽ nương nhau thành quả ngọt; hạt giống độc sẽ hút nhau thành trái đắng. Hiền nhân hay ác quỷ cũng từ một Suối Nguồn sinh ra sau quá trình tự thân chất lọc. Và khi có “duyên” thì hợp thể của những hạt giống mới này lại tác động và hòa quyện với một đơn vị thể chất mới kết tụ nào đó để sinh ra một sinh thể mới. Dòng hợp tan biến hiện không bao giờ ngừng nghỉ. Đạo Phật gọi vòng chuyển hóa biến hiện đó là luân hồi sinh tử. Luân hồi sinh tử là vòng quay đời đời kiếp kiếp không ngưng nghỉ một li ti thời khắc nào cả. Một vật vừa sinh ra cũng có nghĩa là đang tiến dần về cõi chết. Một tia chớp là một tia sáng đang tắt. Một ngày mới là một vòng quay đang lui tàn. Không một vật thể, hiện

tượng, ý nghĩ, hành động nào có thể đứng yên dù chỉ trong một đơn vị nhỏ nhất của thời gian để xác định tự tướng, tự tánh của mình, của nó là gì cả. Cho nên, mọi vật và mọi sự đều không có định tính, không bao giờ xác định được một tự tánh riêng đứng độc lập ra bên ngoài vòng xoay chuyển.

Trí Hải còn nhớ rõ những lý thuyết nhà Phật minh họa về Tánh Không và Duyên Khởi. Tánh Không, đó là tánh rỗng lặng thường hằng thường tại không hình, không tướng, không sinh, không diệt nên chẳng lớn, chẳng nhỏ; chẳng còn, chẳng mất. nhưng Tánh Không hoàn toàn khác hẳn với Vô Tánh. “Không” là tánh, chẳng phải là hư vô. “Không” là rỗng lặng, chẳng phải rỗng tuếch. Chữ “Không” của tiếng Tàu dịch từ chữ Phạn Sun-da-ta có nghĩa là mênh mông, trống trải, vắng lặng. Khác với tiếng Việt “Không” có nghĩa là bất, là vô, là phi... là chẳng có gì cả. Có Tánh Không là có cái rỗng lặng nguyên sơ (chân Không); có mà chẳng “Có” (diệu hữu). Không là tất cả; tất cả là không mang tánh rỗng lặng thường hằng vô định tính.

Trời xanh, mây trắng, nắng vàng... ngỡ như có màu nguyên sơ. Nhưng tất cả nhạt nhòa vào bóng tối... và một ngày mới lại lên. Và cứ thế dòng luân lưu trôi đi không dấu vết.

Trí Hải để cho dòng suy tưởng trôi xa, rất xa về một ánh chớp Kim Cương. Ông nhìn sông nước với sự thú vị đầy trầm tư khi lòng tự dẫn lòng phải chiêm nghiệm cho được rằng: Thấy dòng sông không phải là dòng sông (vì nó chỉ là một tổng hợp của những hạt nước, nguồn nước, sức đẩy của con nước, thế biến dịch của thiên nhiên) thì mới quả là thấy được dòng sông thật sự. Cái nhà, không phải là cái nhà (vì nó chỉ là tổng hợp của một khối vật liệu đang trên đà hư hoại) thì đó mới thật là cái nhà.

Sự phủ định toàn triệt trong trường hợp này là một sự khẳng định dứt khoát. Trí Hải lầm bầm nói với chính mình khi nhớ lại lời một vị quan triều theo Nho học cứ tán dương Nho giáo là đạo nhập thế và bài bác Phật giáo là đạo xuất thế “thủ tiêu chén đấu”! Đạo đó, Trí Hải đã nghe một vị sư ông giữ chùa trong Đại Nội tranh luận lại rằng, cần phải nhận rõ cái tánh thật của vạn sự là Tánh Không. Một sự xác tín mạnh mẽ như thế là để hành động cho đúng đường chứ không phải để thủ tiêu hành động. Trông đám mây có dáng con ngựa trắng nhưng biết đó chỉ là bóng ngựa hư ảo để đừng cỡi lên nó là một sự khẳng định chứ không phải phủ định. Nếu có người nghĩ rằng cái “Không” trong đạo Phật là tiêu cực, là chối bỏ, là rút lui thì đây là một cách hiểu và suy diễn nghịch lại với lý thuyết cốt tủy nhất của nhà Phật. Tiến trình làm người, phải sống, để tu chứng, tự mình tìm ra con đường giác ngộ

qua bao gian lao và thử thách đòi hỏi một sự chiến đấu dũng mãnh trong thâm lặng. Chiến đấu với nội tâm, với lòng ham muốn, với sự cuốn hút chực chờ của ngoại cảnh không bao giờ là một lối sống phủ định, tiêu cực, xa lánh cuộc đời như người ta thường hiểu.

Vị sư ông giữ chùa Đại Nội còn đi xa hơn trong lý luận rằng:

Phải hiểu tánh không là bản thể tuyệt đối, là chân tánh của muôn vật, muôn loài. Sự khẳng định này là trái tim của cách nhìn vũ trụ và con người mà nhà Phật có nói trong kinh Bát Nhã. Cần phải thấy được cái tánh không - tánh chẳng có tự tánh - là một khẳng định luận của nhà Phật. Bằng không, sẽ hiểu ngược lại rằng, nguyên lý “thấy ngũ uẩn đều không” là một phủ định luận. Bát Nhã là một khẳng định luận về chân tánh của con người, vạn vật và vũ trụ.

Các nhà hiền triết Trung Hoa gọi Suối Nguồn Vũ Trụ là Đạo hay Thái Cực. Và cái lý chuyển dịch tự nhiên của bộ máy tạo hóa này là khi “cùng tắc sẽ biến”. Biến hóa thành muôn vật kỳ tú, mệnh mông và ảo diệu không cùng. Dân gian gọi Suối Nguồn Vũ Trụ đó là Ông Trời. Khi sống là gởi tạm thân xác này ở trần gian. Khi chết mới thực sự là trở về với Trời Đất. Các đức tin và tôn giáo gọi Suối Nguồn Vũ Trụ đó là đấng Tạo Hóa, đấng Chủ Tể Càn Khôn, đấng Toàn Năng hay Thượng Đế... Con người và muôn vật chỉ là những hạt bụi trần gian trong bàn tay của vị chủ tể càn khôn đó. Sống chết đều do thánh ý của Ngài.

Trên đỉnh núi mùa Xuân đậm lộc non, Trí Hải rừng mình ớn lạnh. Cảm giác trút bỏ xác thân - một hợp thể của hàng tỷ tỷ hạt bụi mang tính Lượng sẽ tan rã, thân và tâm chia tay nhau trở về nguồn cội - không biết sẽ ra sao. Cảm giác vui buồn chỉ là ảo giác của tâm còn bị trói buộc vào thế giới hình tướng này. Khi vẫn còn ý niệm là vẫn còn đau khổ. Trí Hải nhận biết có một vùng trời an lạc tuyệt đối nằm trong Suối Nguồn Vũ Trụ. Sẽ không có một sinh thể đơn lẻ nào mất đi trong Suối Nguồn Vũ Trụ đó. Bởi khi sinh thể mất đi, phần Lượng sẽ chuyển hóa và phần Năng sẽ trở về với Suối Nguồn Vũ Trụ dưới dạng những hạt giống mà chữ nhà Phật gọi là Chủng Tử. Những hạt giống mới của một sinh thể vừa chết đi, sẽ hòa nhập với hạt giống cũ đang nằm trong Suối Nguồn Vũ Trụ của cùng một sinh thể.

Những hạt giống trầm luân sẽ kết hợp với nhau, tự nhận chìm nhau xuống để chờ đợi phút đầu tiên sự thành hình một sinh thể mới, có cùng căn cơ để hòa nhập và tạo ra một sinh thể tương ứng. Những hạt giống giải thoát, tự chúng

không còn bị nhiễm. Tất cả không còn sự dính mắc để bị níu kéo, bị sự thúc đẩy của tiến trình tự nhiên phải hòa nhập vào một sinh thể mới. Khi đã mất hết sự cuốn hút của vòng quay do mọi hạt giống lành hay dữ của nhiều đời tích tụ lại, mà chữ nhà Phật gọi là Nghiệp, thì sinh thể sẽ chuyển hóa thành tinh thể Đấy là sự “hoàn lai bản nguyên” - trở về nguồn cội - với một Nhất Thể.

Cái Một đó không lớn, không nhỏ, không hình, không sắc. Nó cũng không là ánh sáng, không là bóng tối. Nó chẳng phải là hai, không là một mà là Tuyệt Đối, là Nhất Thể. Nơi đó không có tâm, không có tình, không có tướng; không có hình thể và hiện tướng riêng biệt. Khi cái Một đó đã hết sạch nghiệp thì sẽ không còn đối lực nên duyên hợp hay duyên tan cũng không còn chỗ bám. Cái Một ngưng tụ lại thành Điểm Tuyệt Đối đó là sự Giác Ngộ? Điểm Tuyệt Đối sẽ không còn phân ly. Dòng sinh diệt luân hồi không còn tác dụng trên Điểm Tuyệt Đối đó nữa?

Dòng suy tưởng của Trí Hải từ từ lắng xuống và chìm dần trong cơn vắng lặng nội tâm. Ông nắm bắt sự chuyển mình của nguồn sáng đang trôi chảy.

Mọi sự thông minh, uyên bác, lý luận, gọi tên, định nghĩa... đều là những giá trị tương đối, những quy ước đóng khung nằm ở bờ bên này. Bên này là đáy giếng sâu nên tầm nhìn không thoát ra khỏi giới hạn của mình. Cái nhìn từ đáy giếng sâu là một cái nhìn chật hẹp nên bị đóng khung và sai lạc. Trời đất phía trên kia có bao la lồng lộng đến độ nào thì qua cái nhìn từ đáy giếng ấy, cũng chỉ là khoảng tròn chật hẹp như miệng giếng. Tuyệt Đối ở bờ bên kia. Không có gì mua được, đổi được, sai khiến được một sự “vượt biên” đến Tuyệt Đối, qua bờ bên kia cả. Bờ bên kia là bờ Giác Ngộ, Giải Thoát, An Lạc, Niết Bàn... hay muốn gọi là gì cũng được vì không còn sự so sánh, chính danh, giả danh hay bất cứ một khái niệm nào tương đương với bờ bên này. Chỉ có hành giả mới tự độ được mình qua tới bờ bên kia. Không có con đường nào ngắn nhất mà cũng chẳng có con đường nào dài nhất vì đây không phải là con đường vật lý mà là con đường của tâm.

Trí Hải nhìn lại mình. Bao năm sống với trí óc mênh mông kiến thức của học giả và đầu óc dày đặc lý luận của trí giả chỉ đủ làm thỏa mãn cái tò mò của tri thức. Nhưng dấu cho tri thức minh triết nhất cũng chỉ là cuộc xông pha đánh Đông dẹp Bắc trong cái thế giới vô minh của mình. Con lạc đà tri thức không ra khỏi sa mạc của mình và gục xuống chết khát vì chở những khối bản đồ, sách vở, mô hình của đại dương, khe suối nặng trĩu trên lưng. Con lạc đà muốn sống còn ra khỏi sa mạc phải tìm tới nơi có nước chứ

không phải miệt mài với u tối và thỏa mãn với ngây thơ để chờ những phương tiện kiếm nước trên lưng. Phương tiện thì nói toàn chuyện sông biển mà dưới chân thì toàn cát bỏng khô cằn. Bởi vậy, hành giả không phải là người nghĩ chuyện mây mưa, nói điều sông biển mà là kẻ đi với từng giọt nước .

Giọt nước là cuộc đời hiện thực. Vịn cuộc đời hiện thực mà đi. Vừa đi bên cạnh, vừa giúp đời cải hóa từ giả thành chân, từ ác thành lành, từ gian manh thành thánh thiện là tu đời, tu bụi và giúp đời tu. Với ý nghĩ đẹp đầy năng nổ dấy lên trong lòng, từ đỉnh núi cao, Trí Hải cảm thấy mình thật gần gũi với cuộc đời dưới xa kia. Nguồn sinh lực mới như được chắt lọc từ lò thuốc trên đời Vạn Niên, chảy tràn qua đỉnh núi Kim Phụng làm Trí Hải nhìn thiên nhiên và cuộc đời bằng đôi mắt mới. Ông tin những chân lý cao viển nhất cũng phải bắt nguồn từ trần gian tầm thường và đau khổ này. Do đó, những phương thuốc thần diệu nhất tâm linh cho những con bệnh trần gian không thể tách rời cuộc sống. Tất cả mọi ý nghĩa tầm thường hay sâu xa nhất của sự sống phải vừa là chủ thể, vừa là đối tượng. Người mẹ chấp nhận được cả hành động dễ ghét của con vì quá thương con. Hai người yêu nhau ghét lời nói dối vì quá tin nhau. Hai kẻ thù nhau vì quá để ý tới lời nói, hành động châm chọc của nhau. Mặt nám và mặt trơn của chiếc lư đồng cũng chỉ là một mặt để tạo nên chiếc lư đồng mà không phải là cái tô, cái chén. Hai mặt của đồng tiền khác nhau mới tạo nên đồng tiền. Hai mặt khác nhau, không cách ly nhau một sợi tơ hào, như một thiền sư Trung Hoa xuất thân làm đồ tể nhìn thấy:

Tạc nhật Dạ xoa tâm

Kim triêu Bồ tát diện

Bồ tát dữ Dạ xoa

Bất cách nhất điều tuyền.

Nghĩa là:

Hôm qua lòng của Dạ xoa

Hôm nay Bồ tát mặt hoa sáng ngời

Dạ xoa, Bồ tát giữa đời

Mấy may không cách, không rời đường tơ.

Tính thiện, tính ác; tính ác, tính thiện là... một. Người mẹ ôm đứa con hu vào lòng bằng tình thương. Tình thương của mẹ đã hóa giải nên, hu. Nên, hu được hóa giải trong tình mẹ. Khi tình thương độc chiếm lòng mẹ thì nên, nghe cũng chỉ là cái bóng bên ngoài vì đã có cái lõi bên trong làm bảo chứng. Cái bóng nên, hu chỉ là ảo ảnh. Cái tâm làm chủ tạo tác khiến cho nên, hu chỉ là một. Cái một đó mới là cốt lõi. Nếu nhận ra và sống theo cái “một” đó thì chẳng còn ai phóng tâm tạo tác “điều hu” hay mơ màng với cái bóng “điều nên” mà phải đối diện với đời sống cho ra sống. Sống trong tỉnh giác. Chỉ có sự tỉnh thức mới loại bỏ được vọng tưởng của khái niệm “nên, hu” để sống trung chính trong từng khoảnh khắc, làm chủ mỗi hành động lớn nhỏ giữa đời này.

Trăng mùa Xuân trên đỉnh núi đẹp lồng lộng. Ánh trăng chiếu xuống trần gian cũng phải đeo tình. Trăng trên bãi tha ma buồn hơn là trăng vui trên đồng lúa. Trăng treo trên đỉnh núi thanh thoát hơn là trăng nơi kẻ chợ. Tâm người đeo trăng như cườm tay đeo vòng ngọc. Trăng và ngọc bị nhuộm màu hay đeo gọt theo ý của người. Tìm trăng nguyên sơ hay tìm ngọc đầu nguồn cũng khó như đi tìm cái tâm gốc, cái mặt thật của mỗi con người. Cũng chỉ là cảnh núi rừng cũ mà Trí Hải cảm thấy như mình đang đứng giữa một thế giới mới. Vươn vai đứng thẳng dậy với nguồn suy tư mới, Trí Hải đi từng bước chậm rãi và an hòa xuống suối Bản Lai. Từ mé đồi cao lưng núi, người ta có thể nhìn rõ cả con suối quanh co. Trí Hải nhìn con suối và bắt gặp điệu sống của con người. Dòng nước từ khe núi đá cheo leo đổ dồn xuống sườn núi thấp. Nước mới ra khỏi khe trong vắt chưa bị bụi rừng, lá khô làm vẩn đục như tuổi thanh xuân còn trong trắng chưa nhuộm bụi trần. Những mảng nước trôi chảy không có một đối tượng để va vào, chẳng dựa vào đâu cả, từ trên cao đổ vào lòng suối nhẹ nhàng. Ngược lại, những mảng nước dính mắc, va vào bờ đá, quật vào thành khe là nước tung bên này, tóe bên kia vỡ toang, gây tiếng động ồn ào và va chạm nghênh ngang giống cảnh gã mù say rượu. Trí Hải suy diễn ra lòng ham muốn của con người cũng tương tự như thế. Ham muốn hay dục vọng cũng phát khởi và trôi chảy trong lòng người như dòng nước. Càng tạo đối tượng cho dục vọng tiếp cận, va chạm, tương giao, lòng ham muốn càng đâm chồi trở lá. Hướng lòng ham muốn trôi đi nhẹ nhàng, ham muốn sẽ lắng xuống.

Suối trong tưởng chừng như không có nước. Trí Hải lội xuống nước và soi mình trên dòng suối. Bóng mình phản chiếu hiện rõ trên bờ tường nội chiếu. Con dã nhân mất hút. Chỉ còn khuôn mặt Trí Hải hiện ra. Một khuôn mặt

thanh thoát, nhu hòa đầy thiện cảm. Trí Hải mỉm cười. Nụ cười đối bóng. Một mình trong rừng vắng với nước suối mát dịu dưới chân, Trí Hải trút bỏ hết áo quần và mắc trên ghềnh đá. Trời, đất, nắng, gió, sinh vật và cây cỏ xung quanh thấy đều xuất hiện trong dáng vẻ tự nhiên không mảy may che giấu. Chỉ còn Trí Hải đắm mình trong dòng suối, tay chân duỗi thẳng, đầu kê lên phiến đá rêu mượt như nhung. Trăng mười sáu nầu vàng trên suối. Thiên nhiên có một nếp sinh hoạt riêng. Trăng trên cao chiếu xuống làm cho cảnh núi rừng trở nên thâm u và huyền hoặc. Tiếng suối chỗ róc rách, chỗ lao xao. Nước và đá gặp nhau chưa hội ngộ đã chia tay trôi về xuôi biên biệt. Cây gió rì rào. Lá khô xao xác. Vài tia chớp nhay nháy và tiếng sấm trời, sấm đất ì ầm vọng âm đầu đó bên trời xa. Bước đi của thiên nhiên là một chuỗi phản ứng và tác động qua lại vô điều kiện. Cái này tương tác với cái kia hoàn toàn vô tư và vắng lặng. Dẫu là tiếng sấm xé trời cũng phát ra và quay về trong cõi im lặng tuyệt đối. Tất cả đều trống không, vô ngã. Chính tính vô ngã đã tạo ra sức mạnh vô biên vì không bị giới hạn giữa chủ và khách. Tính vô ngã làm cho thiên nhiên bao trùm tất cả vì không bị trói buộc “thuộc về”; không có điều kiện “nếu”, không đổ tội cho ai “tại vì”.

Giữa thiên nhiên, Trí Hải cảm thấy mảnh thân xác trần trụi của mình chẳng đáng là hạt bụi giữa vô cùng. Không có gì để bám víu. Quá khứ, hiện tại, vị lai đều không có mặt trong dòng nước trôi đi không trở lại này. Có lúc Trí Hải bỗng quên mình có thật một thân xác mà tất cả chỉ còn là một mảnh ý niệm đang kê mình trên phiến đá rêu. Trí Hải chỉ còn một ham muốn tột cùng là làm sao để đưa được thân và tâm mình đến chỗ “không còn chi để muốn”. Cái tâm tột cùng ham muốn nhân lên với cái trí không không rỗng lặng giúp đưa Trí Hải ra ngoài biên giới đời thường. Dòng suối dịu dàng mang đi tất cả lớp bụi trần đã lớp lớp bám dày một đời tục lụy. Trí Hải cảm nghe như mình mọc thành cây lá và núi mọc lên mình, rồi gói đá ngủ say. Bà Mẹ thiên nhiên âu yếm vỗ về một đứa con ngoan đang trở về bên gôi mẹ

Giữa mơ màng hay từ trong vô thức Trí Hải nghe tiếng đàn bầu. Tiếng đàn bầu quen thuộc quá. Rõ ràng là bản Kim Phụng Vũ, với những khúc Nam Giao, Tương Tư, Thuận Vũ qua ngón đàn tuyệt kỹ của Ba Gắm. Tiếng đàn của Ba Gắm không thể là tiếng đàn lẫn lộn giữa cảnh vàng thau. Tiếng đàn đã đánh động cảm xúc của Trí Hải đến miên man tê điếng, dại khờ... Nhưng như dòng suối đã băng băng về xuôi không trở lại, hay có trở lại chẳng cũng chỉ là mây núi, mưa nguồn, Trí Hải không câu chấp tiếng đàn về lại cho mình mà hướng cái hay về với tất cả. Khi đàn, Ba Gắm sống với đàn.

Đôi mắt đăm mê, đôi môi chúm lại như muốn thổi hết cả sức sống vào dây tơ, dáng mềm mại trang đài và đôi bàn tay đẹp trở hết vẻ tài hoa ấy bỗng đâu thật gần.

Trí Hải mỉm cười thân thương với tiếng đàn, với rừng cây, với con suối. Trí Hải bước ra khỏi suối, mặc lại quần áo và lưng thưng đi về phía tiếng đàn đã vang lên và lặng im sau quá nửa đêm về sáng. Dưới tàn cây cổ thụ, Ba Gắm đang dựa vào gốc cây ngồi ngủ. Chiếc đàn bầu Uyên Thanh đặt nằm trên phiến đá trước mặt. Trí Hải lặng lẽ đứng nhìn Ba Gắm ngủ ngời. Sau hơn nửa năm xa cách, Ba Gắm tìm đến nơi này. Dáng ngủ đẹp và hiền như nàng công chúa trong truyện đời xưa. Những cơn sóng tình cảm xô dạt vào bờ rất nhẹ vì đại dương tâm hồn ngoài kia đã lặng gió.

Nắng mai vừa lên. Ba Gắm mở mắt. Trí Hải đang đứng nở nụ cười đầy bao dung trước mặt. Ba Gắm đứng bật dậy dang tay ôm choàng Trí Hải và kêu lên:

- Anh! Có thật Trí Hải đây không? Thật hay mơ đây anh?

Trí Hải không có một phản ứng nào khác hơn là nhẹ nhàng trả lời:

- Thật mà! Trí Hải đây em.

Ba Gắm gục đầu vào ngực áo Trí Hải, khóc mùi mẫn như trẻ thơ:

- Anh ơi! Anh có thể bỏ tất cả, nhưng sao anh lại nỡ bỏ em mà đi. Em đi Hàng Châu về thì anh đã đi rồi. Ông cụ Phạm Xảo, thầy Tiêu cũng chẳng biết anh đi đâu. Em và người nhà em phải đợi hơn cả tháng trời mới biết là anh đã lên núi này tu tiên. Em thương anh, em nhớ anh chết được. Thôi, thôi, bỏ hết, về lại với trần thế này, về lại với em đi anh.

Trí Hải cười vô tư lự, trả lời:

- Đâu cũng là sông núi quê mình, huynh đi quanh cho biết đó biết đây chứ có đi đâu mà “bỏ”!

Ba Gắm giận dữ một cách hồn nhiên:

- Coi kìa! Bỏ nhà, bỏ cửa, bỏ em, bỏ hết đằng sau để đi tu tiên, tu đạo... mà không phải là “bỏ” đó sao?

Trí Hải lại cười. Vẫn với giọng nhẹ nhàng:

- Hi, hi! Huynh chỉ đi tìm chút yên tĩnh thoải mái nơi chốn núi rừng ít bụi bặm này thôi chứ có tu hành gì đâu.

- Thôi, cứ cho là vậy cũng được đi. Em tin. Nhưng để em xem thử huynh có gì thay đổi không đã.

Ba Gấm vừa nói vừa dang ra xa nhìn âu yếm Trí Hải từ đầu tới chân. Cứ mỗi lần quan sát là có kèm theo một câu bình luận:

- May quá! Chưa đổi thật. Đầu vẫn còn tóc nguyên vẹn này. Áo quần sờn vai sút chỉ cả rồi, nhưng vẫn là bộ áo quần cũ này.

Trí Hải vẫn tươi cười im lặng. Về mặt an nhiên nhìn Ba Gấm đầy thân thương, nhưng bằng đôi mắt thương nhìn cuộc đời, nhìn vẻ đẹp của non nước mây trời.

Ba Gấm nhìn sâu vào đôi mắt Trí Hải, dừng lại rất lâu không chớp mắt, rồi từ từ nhắm mắt lại. Khi giọt nước mắt long lanh trong khóe mắt vừa ứa ra, Ba Gấm kêu lên, giọng thương yêu, ngọt ngào mà đau xót:

- Anh ơi! Anh không nhìn thấy em đứng bên anh đây sao? Đôi mắt anh vẫn chứa cả một trời yêu thương nhưng ánh mắt hào hoa lãng mạn đâu rồi? Ánh mắt yêu đương nóng bỏng và cuốn hút đậu trên mắt em, trên môi em, trên ngực em, trên thân thể của em đâu rồi? Nhìn sâu trong mắt anh, em thấy mình đã mất hẳn trong thế giới của anh. Em cần anh, em cần anh thương em, em muốn anh ôm em như ngày xưa. Em không chịu nổi nữa rồi. Em sắp ngã đây. Ôm em đi anh. Ôm em vào vòng tay của anh đi.

Trí Hải vừa kịp đỡ khi thân thể Ba Gấm khụy xuống. Trí Hải để yên Ba Gấm nằm trong vòng tay mình rất lâu. Mặt trời lên cao. Ba Gấm như vừa choàng tỉnh dậy sau một giấc mơ buồn, lên tiếng:

- Vòng tay anh vẫn siết chặt quanh em âu yếm. Nhưng hơi ấm của đam mê đâu rồi. Em bắt gặp vòng tay anh ấm áp như vòng tay của người mẹ dành đến đứa con thơ dại. Em khổ quá. Em đã mất hẳn trong anh rồi sao? Nói đi, nói cho em nghe đi anh. Vì sao? Vì sao anh vẫn là anh mà lại biến thành một con người khác với em như thế? Em hư hỏng, em vô duyên, em vụng về nên anh đã nhầm chán và lạnh nhạt tình cảm với em rồi sao?

Trí Hải cầm tay Ba Gấm, mắt vẫn sáng lên niềm yêu thương, miệng vẫn không tắt nụ cười độ lượng. Rồi ôn tồn nói với Ba Gấm:

- Huynh vẫn là Trí Hải chẳng có gì thay đổi. Nếu có chẳng chút thay đổi thì đó là hướng nhìn. Ngày trước, huynh chỉ quen nhìn ra phía ngoài, nhưng nay lại quen nhìn vào bên trong. Với lối nhìn hướng ra bên ngoài, anh chỉ thấy vẻ đẹp bên ngoài của đối tượng nhìn nên trước cái đẹp, anh chỉ tham lam nắm lấy, ôm lấy và nhổ bật gốc cái đẹp để mang về làm của riêng cho mình. Nhưng ngược lại, với lối nhìn hướng vào bên trong anh thấy được vẻ đẹp như một đền thánh. Anh cũng trân trọng, ngay ngất, cảm động trước vẻ đẹp, nhưng chỉ muốn tôn xưng và ca ngợi vẻ đẹp. Anh không còn muốn nhổ bật gốc vẻ đẹp ra khỏi bản thân của nó để đem về cất giữ, làm thỏa mãn lòng ham muốn ích kỷ của riêng mình. Cũng vì không có lòng riêng nên cảm xúc cũng không còn giới hạn trong mối tương quan Ta và Người. Cầm bàn tay búp măng đẹp tuyệt vời của em trong tay anh, anh muốn quỳ xuống hôn bàn tay em như hôn một đóa sen vừa mới nhú ra khỏi bùn thơm ngát...

Không chờ cho Trí Hải diễn tả hết lời, Ba Gấm giật đôi bàn tay của mình ra khỏi tay Trí Hải và chạy như điên đại xuống núi. Về phía suối Bản Lai. Không nói thêm một lời hay kêu giật lại, Trí Hải lững thững đuổi theo. Khi chạy xuống gần dòng suối, Ba Gấm dừng lại và hét lên thật thanh khi nhìn thấy con dã nhân gầm gừ nhe nanh, tuốt móng ra đứng chặn ngay trước mặt.

Ba Gấm la hét càng lớn, con vượn càng hét lớn hơn. Sự sợ hãi tột độ làm cho tay chân Ba Gấm cứng lại và nhúc buốt như bị đóng băng. Trời đất tối sầm lại. Gió giật mạnh như muốn cuốn phăng hết cả khu rừng đem đổ hết dưới vực sâu. Sấm sét kinh động. Ba Gấm nhắm mắt, buông tay mặc cho thân xác mình bị cuốn trôi phăng phăng trong cơn gió xoáy...

Cơn bão đã gào thét với rừng già không biết bao lâu. Khi mở mắt, Ba Gấm tìm thấy cả thân mình bị chìm ngập trong lá. Rồi một luồng gió mạnh từ đỉnh núi cao thổi xuống. Lá bay hết không còn một ngọn. Ba Gấm nhìn xuống thân thể mình và cảm thấy lạnh run vì đầu óc rỗng không và thân thể trần truồng không có một miếng vải che thân. Ba Gấm mắc cỡ với núi, với đá, với rừng cây khi cố đứng dậy trên đôi chân yếu ớt của mình. Không còn bước nổi, Ba Gấm bò lê trên đất. Miệng ú ớ không phát ra được một tiếng, một lời nào có ý nghĩa. Ba Gấm cảm thấy mình đang chết. Nhưng lại có ý thức rất rõ ràng về sự chết của mình. Ba Gấm cảm thấy mình tái sinh và cũng có ý thức rất rõ ràng về sự tái sinh của mình. Trí Hải từ đâu sau bóng núi dày đặt chột hiện đến. Sau lưng Trí Hải là một nhà sư áo vàng mà Ba

Gắm chưa từng quen biết. Nhà sư đứng lẫn với bóng mây. Áo vàng lộng gió. Màu kim quang từ chiếc áo nhà sư như ánh sáng mặt trời ấm quá làm Ba Gắm tỉnh lại. Ánh sáng ấm che thân thể Ba Gắm giống những vuông vải lụa dệt bằng tơ tằm ngày xưa nơi quê mẹ. Bóng nhà sư chìm dần và Trí Hải đến bên cạnh. Ba Gắm bắt đầu nhận biết mình đang ở đâu. Ba Gắm gục mặt tựa trên vai Trí Hải vừa khóc vừa bày tỏ nỗi lòng:

- Quái vật, quái vật xuất hiện! Rồi lại có thần núi áo vàng đến cứu. Em sợ quá huynh ơi! Ở... mà sao huynh lại bỏ em, đối xử với em lạnh lùng đến như thế?

Trí Hải đỡ nhẹ khuôn mặt sợ hãi đầm đìa nước mắt của Ba Gắm ra khỏi vai mình, vừa an ủi, vừa giải thích về hiện tượng bức tường “nội chiếu”, phản chiếu khuôn mặt thật của con người đối diện. Sự tò mò, tình yêu sâu nặng cùng với lòng kiêu hãnh của một người đàn bà có đầy đủ sự giàu sang, quyền thế và sắc đẹp đã khiến Ba Gắm chuyển từ tâm lý yếu đuối, nhận chịu sang thái độ đương đầu. Tâm lý ngang bướng lẫn với niềm đau cùng hiện ra trong lời nói của Ba Gắm:

- Chính dòng suối và con dã nhân này đã hớp hồn, hớp vía của huynh. Được, em sẽ lấy lại...

Ba Gắm có thừa người, thừa của, thừa quyền lực để chiến thắng và khuất phục những thế lực hữu hình, chinh phục những đối tượng “có”, chứ không bao giờ mất công để ý đến “cửa không”! Tất cả sức người và sức của do Ba Gắm đưa ra để mong đánh bại con dã nhân vào những ngày sau đó đều không có được một tác dụng nhỏ nào. Con người tự đánh vào mình để tìm một chiết thắng ngoài mình là một đam mê ảo tưởng.

Con dã nhân vẫn đứng chặn ngay lối vào dòng suối. Đoàn người của Ba Gắm từ đồng bằng ồ ạt tiến lên, họ trang bị đủ cung tên, giáo mác với sức người, sức của cuồn cuộn. Theo lệnh của Ba Gắm, họ sẽ phá tan bờ đá, lấp cạn dòng suối, bắt sống con dã nhân nhốt vào chuồng là yên chuyện. Nhưng đoàn người dựng lều, đón cây, phát rừng, trở lối, cắm trại nơi bìa rừng đã mấy ngày mà vẫn không có một ai tìm ra dòng suối và thấy được con dã nhân ở đâu. Trong khi đó, Ba Gắm vẫn chỉ trở la hét luôn miệng như một người mất trí.

Ngày cuối cùng của chuỗi đấu tranh không chiến thắng. Ba Gắm thất vọng buông tay. Con dã nhân vẫn đứng chặn ngay lối vào dòng suối. Ba Gắm mệt mỏi, đuối sức gục xuống bên sườn đá. Khi ngẩng lên, lại bắt gặp bóng

dáng ẩn hiện của nhà sư áo vàng thấp thoáng như mây khói bên sườn núi. Ba Gấm chấp hai tay, hỏi thành khẩn.

- Tôn ông là thần núi?

- Không.

- Là nhà sư?

- Vâng.

- Dám xin hỏi sư ông tại sao dòng suối ma trôi và con dã nhân độc ác cứ bám riết lấy tôi, trong khi đoàn người của tôi không ai thấy cả?

- Đoàn người làm theo lệnh sai khiến để sống nên hành động mà tâm không động. Quý phu nhân không hành động mà tâm động. Suối Bản Lai là dòng suối nội soi và dã nhân chính là sự phóng chiếu cái tâm ham muốn thâm kín của phu nhân đó thôi.

- Bạch sư ông, thế thì tôi phải làm sao để cho tâm mình đừng động?

- Không ham muốn, không mong cầu. Thương yêu nhưng đừng mong chiếm đoạt lấy riêng cho mình. Hành động nhưng đừng mong làm đáng tối cao ngồi trên đầu, trên cổ thiên hạ. Khi ấy tâm sẽ rỗng lặng. Dòng suối dẫn nội soi cũng chỉ là soi bóng chân không nên suối chẳng hiện hình và tâm cũng không còn bóng dáng để chiếu lên thành con vượn chuyển cảnh kiểu “tâm viên, ý mã”.

- Dạ xin cảm ơn sư ông. Tôi có thể xin được biết pháp danh và đạo vị của sư ông không ạ?

Không có tiếng trả lời. Ba Gấm nhìn lên. Dáng áo vàng và đám mây đã bay qua đỉnh núi.

Nhìn Trí Hải lội qua bên kia bờ suối êm thắm và nhẹ nhàng như đi bằng xe mây, Ba Gấm nhẩn với:

- Huynh ơi! Bằng chính tất cả tâm sức của mình để chiến đấu đến nước này em mới hiểu rằng, chỉ có tâm Không mới đi vào được cửa Không. Bây giờ em mới hiểu được một phần thế giới nội tâm anh. Tâm anh rỗng lặng, không có gì cả. Không có gì cả, để có tất cả: Có đôi mắt thương nhìn cuộc đời - từ

nhân thị chúng sanh; có cảm xúc sâu xa không dành riêng cho em, cho một người nào mà cho tất cả; có tấm lòng nhân hậu và trong sáng không dính mắc, không chấp ta, chấp người. Anh ơi! Em muốn đánh đổi tất cả để theo anh về bên kia bờ suối đó.

Sau lớp khói nước dày đặc, Ba Gấm không còn nhìn thấy Trí Hải ở bờ suối bên kia mà chỉ nghe tiếng vọng:

- Em, Ba Gấm, anh vẫn chờ em bên này. Nhưng trước hết em phải thắng con dã nhân đang cản đường em đi tìm anh.

- Nghĩa là anh khuyên em phải thắng mình trước đã, phải không?

- Rất đúng em ạ.

- Nhưng bằng cách nào?

- Phải vượt, thắng cho được lòng ham muốn của mình.

- Phải mất chừng bao lâu hả anh?

- Làm sao anh biết được. Tất cả tùy vào em. Có thể ngay bây giờ, có thể một ngày, một tháng, một năm mà cũng có thể không bao giờ thắng nổi.

- Em phải bắt đầu từ đâu anh?

- Từ tình yêu của chúng mình

- Anh lại nữa đùa với em nữa sao?

- Không, anh nói thật mà. Và anh tin là em thừa thông minh và nhạy bén để hiểu...

- Em đang bối rối quá chừng. Em có cảm tưởng như tình yêu của chúng mình chỉ còn là mây khói trong anh.

Tiếng Trí Hải reo vui từ bên kia suối:

- Em giỏi quá. Nếu là mây khói thì nghìn năm vẫn còn bay mãi trên suối rừng này. Chỉ có những cuộc tình nóng lên rồi sẽ nguội và tắt ngúm khi xác thân này đi qua.

Tiếng Ba Gám bên bờ này yếu ớt:

- Em sợ...

- Sợ gì em?

- Sợ ngày tàn qua nhanh. Sợ em đuối sức. Sợ anh bỏ em. Sợ con dã nhân bên bờ này độc ác.

- Em thử đừng nghĩ đến em, đừng nghĩ đến anh, đừng nghĩ đến một ai đơn lẻ cả.

- Không thể được. Sống mà không nghĩ đến mình, đến người mình yêu, đến kẻ mình thương thì sống để làm gì nữa?

Tiếng cười hồn nhiên của Trí Hải bên bờ kia lại vắng đến. Tiếng Trí Hải vọng lại, rần rỏi, đầy quyết đoán:

- Em ơi! Em muốn đi đâu cũng được nhưng cần phải có đôi chân, có đôi mắt và có con đường trước mắt.

- Nhưng trước mắt em bây giờ chỉ có con dã nhân hung dữ đang cản đường và sẵn sàng quật ngã em bất cứ lúc nào.

- Con vượn người ấy chính là phóng ảnh của tâm em. Thử ráng quên em đi trong một khắc xem con vượn có còn không.

- Em vẫn còn đang sống sờ sờ đây mà làm sao em lại quên em cho được hở anh?

- Phải bắt đầu bằng sự cố quên thôi em ơi. Quên mắt em đang nhìn say đắm về cái đẹp của em và của anh. Quên em đang nghe và thổn thức chờ đợi tiếng nói yêu đương phát ra từ trong em và tiếng vọng lại từ anh. Quên đi ngọn lửa dục tình đang rần rật cháy trong thân xác em và tưởng tượng đợi chờ ngọn lửa ấy sẽ đáp lại từ nơi anh. Quên đi mùi hương da thịt của cả em và của anh. Quên đi những nụ hôn say đắm vẫn còn đê mê trên đầu lưỡi. Quên đi sự tan biến thể xác của em và của anh vào trong nhau. Ráng giữ sự rỗng lặng của tâm hồn.

- Khó quá anh ạ. Em yếu đuối và cô đơn. Em cần anh giúp em mới được. Huynh ơi, em nhớ anh, em muốn đến với anh, nhưng con dã nhân đã chặn

đường. Ô, kìa! Con dã nhân lại nhe nanh gầm gừ trước mặt em như muốn ăn tươi nuốt sống em... em sợ quá.

Tiếng vọng từ bên kia:

- Ngoài em ra, không ai có thể giúp em được cả.

Ba Gắm ôm mặt khóc òa. Nước mắt là biển lớn cuu mang những con sông ốm yếu. Nhưng nước mắt cũng là phép lạ để giúp định tĩnh những dòng chảy run rẩy lạc đường. Nước mắt đã làm cho nàng cung nữ Ba Gắm chân quê sống còn trong cung cấm. Nước mắt cũng đã thành suối, thành dòng luyện lòng kiên nhẫn và kiêu hãnh để cho cô bé “học nô” thành ái thiếp được nể vì của quan chánh chưởng. Nước mắt không phải là chiếc đũa thần nên nó chẳng giúp được ai đạt được điều ước, nhưng nó là thuốc an thần giúp người ta quên đi và yên tâm sống với điều ước không thành. Đường như tuyệt vọng, Ba Gắm buồn bã để cây đàn bầu trên phiến đá. Với ngón đàn điêu luyện, Ba Gắm mượn tiếng độc huyền bắt chước tiếng đời. Luyện lách theo ngón đàn tuyệt kỹ, Ba Gắm có thể khiến âm thanh tiếng đàn diễn tả theo âm thanh rao hàng của người bán chè khuya, tiếng gọi đò, tiếng mõ cầm canh. Tiếng độc huyền cảm vang lên tấu khúc tiếng chim kêu, tiếng vượn hú, tiếng hổ gầm, tiếng gió lao xao, tiếng mây qua núi, tiếng trăng xao động... Cái tài hoa của Ba Gắm trên phím đàn đã chuyển hóa thành tiếng núi rừng hòa điệu xung quanh. Cái “ngã” nghệ sĩ đã hóa giải được cái tôi cô chấp. Ý niệm bám víu về cái “ta” mơ hồ đâu đó thành vô tướng và không còn nơi an trú trong tâm thức của Ba Gắm. Khi không còn bị cái tôi ham muốn lôi đi, Ba Gắm mở lớn mắt nhìn trời và thở sâu từng hơi thở tự do.

Con dã nhân biến mất, nhưng Ba Gắm không còn cảm thấy sự thôi thúc phải lội qua dòng suối bên kia để gặp Trí Hải. Thì ra, “bên này” hay “bên kia” cũng chỉ là một cách nói đối đãi phân biệt vì thật ra thì chẳng có bên này hay bên kia. Khi cái tâm đã định, con người ta sẽ bước trên đường Trung Đạo. Và nói như thiền sư Thần Hội, tông phái Tào Khê đời Đường: “Trung đạo là một bên”! Câu nói có vẻ như nghịch lý nhưng lại gần với chân lý. Còn hai bên là vẫn còn sự lôi kéo nhị nguyên, còn chao đảo, còn thiên vị, còn mất quân bình. Trí Hải từ phía bờ bên kia không còn tiếng vọng. Ba Gắm từ bờ bên này không còn tiếng kêu với. Chung một con đường - hiểu nhau - là hai bờ liền một trong im lặng, cảm thông.

Dưới lưng đồi dẫn lên núi Kim Phụng, nhóm gia nhân người ngựa của Ba Gắm phò thân chủ lên núi tìm Trí Hải được lệnh quay về. Bên bờ suối Bản

Lai, Trí Hải và Ba Gắm cũng đang chuẩn bị xuống núi. Sự xôn xao náo kéo ân tình đã lắng xuống. Đóa hoa sẽ thơm hơn khi không có sự can dự của gai, nhựa, phân bón, bùn đất bám vào. Khi quan hệ nam nữ nhẹ phần giới tính, nhu cầu chiếm đoạt và sở hữu lơi dần. Sự đòi hỏi thỏa mãn xác thịt biến tướng thành một nhu cầu cao hơn. Đó là nhu cầu cảm thông và chia sẻ những niềm tin, ước mơ và tri thức. Ước mơ càng lớn và lý tưởng vị tha càng cao thì tình riêng của Trí Hải - Ba Gắm càng nhỏ lại và tình chung lớn dần. Nước suối Bản Lai đã rửa sạch lần cuối nỗi thèm muốn nhầy nhụa của thể xác. Con vượn người trợ tráo chỉ chịu thua cái tâm thanh tịnh trong mỗi con người. Cùng đi chung một lối quay về, Ba Gắm và Trí Hải có thể nhìn sâu vào mắt nhau mà cười trong sáng như nắng mai trên đỉnh núi Kim Phụng này.

Lưu luyến nhìn quanh cảnh núi rừng trải dài đến cuối tầm mắt, Trí Hải cảm thấy một nỗi xúc động mơ hồ mà mãnh liệt. Tâm tình trào dâng từ trong sương khói, không biết vì đâu. Quảy khăn gói nhỏ lên vai, Trí Hải nhìn về phía chùa Từ Vân còn lặng ngủ trong mây; suối Bản Lai vẫn kỳ bí với Bức Tường Nội Chiếu và tiếng nước không mỗi một rơi quanh lưng núi. Bước ra khỏi màn sương bao quanh lưng núi, mặt trời chiếu rọi trên cảnh vật tươi mới mùa Xuân. Ánh nắng mai tràn lan sông núi và đậu rục rờ trên màu y vàng của một vị sư đã đứng đó, vẫn mãi là tư thế nửa mình còn khuất sau đôi mây. Sư Trúc Lâm. Trí Hải chấp tay chào và nhà sư tươi cười đáp lễ. Trí Hải tiến đến gần nhà sư và mở lời trước:

- Thưa thiền sư, tôi đến đây đã nửa năm, đã nhiều lần đến viếng chùa và ghé qua thiền thất nhưng chưa lần nào được may mắn diện kiến thiền sư.

Sư Trúc Lâm cười đôn hậu, trả lời mà như hỏi:

- Thiện hữu nửa năm không gặp sơn tăng này mặt đối mặt, nhưng chúng ta vẫn thường gặp nhau, phải không?

Trí Hải nhìn nhà sư cảm động, trả lời:

- Dạ phải, chúng ta gặp nhau hàng ngày. Thân xác thiền sư là mây khói, nhưng định lực của thiền sư vững như núi Tu Di cho tôi dựa vào đó khi ngã xuống; tuệ giác của thiền sư sáng vàng vạc. Cảm ơn thiền sư đã ở bên tôi trong từng động tĩnh. Không có định lực cao viễn của thiền sư dẫn dắt, chắc chắn tôi và Ba Gắm sẽ còn lạc mãi hay tinh thần đã bị thiêu hủy trong cơn tẩu hỏa nhập ma, không có neo quay về.

Nhà sư đặt cả hai tay lên khăn gói của Trí Hải như một cử chỉ vẫy chào, nói chậm rãi:

- Đức Phật không ở trong chùa, đạo Phật không ở trước kinh sách, người mến Phật hay theo Phật không ở trong màu áo. Tất cả đều ở trong tâm và tâm ở giữa đời thường. Thiện hữu xuống núi xin nhớ một điều: Cái ngã dấy lên trong tâm như sóng vỗ vào bờ, động và tĩnh trong từng khoảnh khắc. Không bến, không bờ lấy gì mà sóng vỗ.

Trí Hải và nhà sư cúi mình chào từ biệt.

“Không bến không bờ, lấy gì mà sóng vỗ”. Trí Hải ngẫm nghĩ lời nói sau cùng của sư Trúc Lâm trên suốt đường về.

Bến bờ là những rào cản, những giới hạn hơn thua, những biên cương ta và người, những sắc màu đậm nhạt. Hai phần đời mãi mê xây dựng những bến bờ, làm sao phá đổ. Tiếng chim cu cườm gáy nắng, gọi mùa Xuân ở đâu vọng tới. “Tiếng chim cu buồn vời vợi”! Trí Hải giật mình. Lại xây bến bờ cho tiếng chim cu làm tiếng chim vô tư ấy dội vào một cái “ngã” đang man mác buồn. Tiếng chim vô có bị đeo sầu. Trí Hải chúm chím cười với nắng, nhẹ nhẹ gỡ biên giới chật hẹp của lòng mình lan tới cõi bao la. Cũng là tiếng chim cu đang gáy ấy, nhưng không bị bến bờ chặn lại, tiếng chim vang xa không biên giới. Tiếng chim đầy một bầu trời thanh âm, mang sự ấm áp và dịu ngọt khởi lên từ một suối nguồn nhỏ bé về giữa mệnh mông.

---o0o---

Chương 23 - Hành Giả

Trí Hải về lại tòa lâu đài cổ nát. Con chó mực và con mèo tam thể thường vẫy đuôi mừng chủ cũng không còn. Người cũ về nhà xưa chỉ thấy vườn hoang nhà trống. Cỏ tranh và cây dại mọc khắp nơi. Trí Hải để khăn gói trên vai xuống và đi thẳng ra phía mé vườn canh tác phía đông. Trong giới hạn một khoảnh vườn nhỏ, khoai sắn và bắp đậu mọc lên xanh tươi chứng tỏ vẫn có bàn tay người chăm bón mà có lẽ không ai khác hơn là Phạm Xảo và thầy Tiều. Đi vòng quanh xa hơn trên cánh đồng phì nhiêu mấy trăm mẫu đất nhất đẳng điền, đồng hoa rực rỡ năm trước nay chỉ còn là một cánh đồng hoa dại. Trí Hải thở mùi hoa lẫn đất và miên man suy nghĩ đến những việc cần phải làm trong những ngày sắp tới. Kiếm một gò đất cao có cây đa và cây bàng cổ thụ đang trở mầm xanh chi chít dưới trời Xuân, Trí Hải ngồi xuống trên phiến đá dưới tàn cây xanh, sửa thế hai chân ngồi xếp

bàn và định tâm. Một sức sống mới vừa dậy lên khi Trí Hải nhớ lại nét mặt an lạc, nụ cười nhân hậu và giọng nói khoan hòa của sư Trúc Lâm. Lời nhà sư vẫn đồng vọng: “Đức Phật không ở trong chùa, đạo Phật không ở trong kinh sách, người mến Phật hay theo Phật không ở trong màu áo. Tất cả đều ở trong tâm và tâm ở giữa đời thường”. Câu hỏi lớn hiện ra trong ý nghĩ của Trí Hải, “đời thường tìm ở đâu và ta phải đặt cái tâm của mình ở chỗ nào trong cuộc “đời thường” đó?”.

Dòng suy tưởng kéo dài miên man cho đến khi ý nghĩ của Trí Hải bắt đầu thỉnh lặng, tâm thức không còn dấy lên một ý niệm nào cả. Trong trạng thái rỗng lặng bình an đó, Trí Hải cảm thấy niềm hạnh phúc vô biên ào đến. Sóng hạnh phúc không đập vào bờ dồn dập mà chỉ mơn man bình thản, rồi tan loãng vào cỏ hoa đồng nội. Trong trạng thái an tịnh đó, Trí Hải không cần phải dang tay nắm bắt cuộc đời mà hiện hữu ngay giữa lòng cuộc đời. Trong đó, thánh nhân và phàm nhân không cách nhau một sợi tơ hào mà lắm khi chỉ là một.

Gió Nồm từ phía sông Hương thổi vào mang theo tiếng bước chân nhè nhẹ. Trí Hải ngược mắt nhìn lên. Phạm Xảo đang bước thoăn thoắt lên gò, đi về phía Trí Hải, tay xách hai nôi đất nhỏ quen thuộc thường dùng để bới cơm. Đứng lên, dang tay hướng về phía Phạm Xảo, Trí Hải mang một cảm giác thật gần gũi và thân thương với người trước mặt. Tình nghĩa con nhà tướng thủy chung và thân quý vô cùng. Phạm Xảo cũng tiến tới quàng tay ôm lấy Trí Hải, không nói gì. Khi nhìn sâu vào mắt nhau, Phạm Xảo tỏ vẻ xúc động, bước lùi lại, muốn nói một điều gì chưa rõ hết:

- Lạ quá! Chỉ mới nửa năm thôi mà Hoàng thân như đã thành một người khác.

Trí Hải hỏi lại, giọng pha một chút bông đùa:

- Phạm huynh ơi! Thế nào? Tóc thành tiêu muối và trông ra đáng đẹp lão hơn phải không?

Phạm Xảo ra vẻ nghiêm trang và thành thật:

- Thế xác thì cũng như mùa Xuân lá xanh, mùa Đông tuyết trắng chẳng có gì đáng nói. Nhưng đáng vẻ cùng cách nhìn, cách nói của Hoàng thân có vẻ như khác hẳn ngày trước. Đôi mắt của Hoàng thân trong và sáng quá. Mắt nhìn không chứa mây mờ hay giấu giếm điều gì cả. Nhìn trong mắt của Hoàng thân, người đối diện có thể thấy khuôn mặt mình trong đó. Cung cách

của Hoàng thân cũng khác. Nó ấm áp, dễ gần gũi và thanh thoát hơn ngày trước nhiều lắm.

Trí Hải vui và muốn nói lời cảm ơn với Phạm Xảo, nhưng lại tự chế do những làn sóng khen chê nhất thời không có bến bờ đón lại để vỗ vào. Cái tâm không bị tác động thuận hay nghịch sẽ tránh được dao động tình cảm khiến cho người ta hân hoan thỏa mãn hay uất ức giận hờn.

Từ trên gò đất cao, Trí Hải và Phạm Xảo đứng sát bên nhau trong gió Nồm mát lạnh buổi chiều để nhìn cánh đồng trồng trái dài mênh mông dưới thấp. Trí Hải nói lên dự tính tương lai cho mấy trăm mẫu đất bỏ hoang mọc đầy hoa dại đã làm Phạm Xảo ngỡ ngàng không tin là điều có thật:

- Bắt đầu ngày mai, tất cả đất đai trong Thái Ấp này sẽ được khai khẩn trở lại.

Phạm Xảo hỏi lại với giọng hoài nghi:

- Hoàng thân nói đùa hay nói thật? Không phải Hoàng thân thường cho rằng, khai thác tài nguyên để làm nên của cải vật chất là tham vọng, là xa rời nếp sống đạo hạnh hay sao?

- Sách vở đã từng dạy tôi như thế, và sách vở cũng đã từng dạy điều ngược lại huynh ạ. Đức Khổng Tử dạy đạo nhập thế để cứu đời giúp mình; Lão Trang thì dạy xuất thế mới là con đường vương đạo. Ai hợp với đường nào thì theo đường đó.

- Vậy thì nguyên nhân nào đã làm cho hoàng thân thay đổi quan niệm sống và trở thành “nhập thế” như vậy? Đạo Phật đã chuyển đổi cách nhìn và cách sống của hoàng thân chăng?

- Nếu nói về ảnh hưởng đạo Phật thì tôi phải thành thật trả lời vừa “có”, vừa “không”. Nếu chỉ đơn giản nói đạo là con đường đưa đến cái thật, cái hay, cái đẹp thì đạo thờ cúng ông bà của dân mình, đạo Khổng, đạo Lão, đạo Chúa... vốn là những con đường khác nhau nhưng thấy đều hướng đến mục đích xây dựng cái hay, cái đẹp. Sai là do người đi lạc chứ không phải vì con đường. Tôi kính ngưỡng mọi con đường trung chính, nhưng nêu phải chọn cho mình một con đường đạo, tôi có khuynh hướng gần gũi đạo Phật; đơn giản chỉ vì đây là con đường tự do và thoáng đạt. Tôi tâm đắc vô cùng với quan niệm rộng rãi: “Có tám vạn bốn ngàn cách khác nhau để tự mình tìm đến với Chân Tâm, với Trí Giác trong chính mình”.

Phạm Xảo nheo mắt như định thần nhớ lại một thời kỳ đã xa khuất:

- Nếu thời thế không tao loạn, đổi thay, có lẽ bây giờ tôi là một nhà sư.

- Huynh có hối tiếc vì sự đổi thay đó không?

- Đối với một người trẻ, khi tiếc thì chỉ có đôi điều để tiếc vì vẫn còn chiều cơ hội ở tương lai; nhưng đối với một người già một khi đã tiếc thì có quá nhiều điều để nuối tiếc vì đã hết cơ hội làm lại cuộc đời.

- Biết đâu nếp sống cô quạnh, lương thiện, giúp người của huynh trong hơn ba mươi năm qua cũng là một trong tám vạn bốn ngàn cách hành đạo. Hình tướng có quan trọng gì đâu giữa biển cả bao la của muôn hạnh tu trì trong Phật giáo.

- Cám ơn Hoàng thân. Ngày xưa, tôi đã từng học nằm lòng Bát Nhã Tâm Kinh và một thời sống với nghĩa lý Kim Cang. Thời xưa đó, tôi hiểu lời mờ lời đức Phật trong câu nói: “Kim Cang tức không phải là Kim Cang, mới thật là Kim Cang”. Tôi và nhiều chú tiểu ở chùa chỉ học được vế đầu, vế phủ định của nghĩa lý nhà Phật, rồi dừng lại ở đó. Từ điểm dừng của mình, tôi trở thành vô minh khi đem cái biết nửa vời của mình ra nhìn đời. Tôi cho đạo Phật là tiêu cực, là bi quan, là xa lánh cuộc đời. Ngày đó, tôi không hiểu hết sức mạnh năng động, tích cực vô cùng của nhà Phật về Tâm Không, Vô Ngã. Ra đời, thực tế đã dạy tôi rằng, trên đường tiến quân, khi mà những sự vướng mắc đã được quét sạch thì sức mạnh sẽ tăng gấp đôi. Cũng thế, thấu hiểu được Tâm Không và Vô Ngã là đã có tiền quân dọn đường, quét sạch những ảo tưởng về cuộc đời và kiếp người để “tiến quân” vào đời chứ không phải dừng lại để ôm và sống với khối lý thuyết “dọn đường” đó. Nói rút lại cho gần thì tôi tin là Hoàng thân đã “dọn đường” để bắt tay vào cuộc sống. Vì vậy, tôi đang nóng lòng muốn biết Hoàng thân sẽ làm gì với cánh đồng rộng mênh mông mấy trăm mẫu đất này?

- Ngày rằm tháng tư sắp đến, xin nhờ Phạm huynh chuyên lời mời của tôi đến thầy Tiều, Ba Gấm, Tâm An và Thiện Giả.

- Thiện Giả là ai vậy?

- Là Hàn Kỳ Vương, là Tử Du và cũng là Thiện Giả bây giờ.

- Hàn Kỳ Vương không về Tàu trở lại và bây giờ đi tu hay sao mà lại mang tên Thiện Giả? Tên đổi mấy lần và quê hương cũng phải đổi theo nữa sao?

Trí Hải không trả lời trực tiếp Phạm Xảo, chỉ đưa ra nhận xét:

- Quê hương có thể là hình bóng rất êm đềm của tuổi thơ đầu đời mà cũng có thể chỉ còn là một tâm ảnh đã “khuất bóng hoàng hôn” cuối đời như Thôi Hiệu ngày xưa. Hoàn cảnh không quan trọng bằng những tấm lòng còn sót lại sau những trôi nổi, vùi dập thăng trầm của cuộc sống. Hoàn cảnh có thể không thuận lợi nhưng với những tấm lòng trong sáng, nhân ái kết hợp với nhau thì việc lớn cũng sẽ làm nên. Cho dầu có cơ hội bằng vàng nhưng nếu chỉ có những con người kèn cựa, hoài nghi, cố chấp ngồi lại với nhau thì cũng sẽ chẳng làm nên trò trống gì cho chính mình và xã hội.

Tiếng lành đồn xa. Xa tận Kinh Bắc cho tới múi biển Nam Dương, Dược Viên Thái Ấp nổi tiếng và được loan truyền rất nhanh. Với trên ba trăm loại cây thuốc Nam thông dụng và quý hiếm chủ yếu trong ngành y dược truyền thống Việt Nam đã được trồng trên toàn diện tích mấy trăm mẫu đất phì nhiêu của Thái Ấp. Đất lành chim đậu. Mấy trăm gia đình nông dân cũ của Thái Ấp lần lượt rủ nhau về xin Trí Hải dựng lại vườn tược và nhà cửa tại những khu đất cũ. Trí Hải đã nói đùa nhưng rất thật với mọi người, rằng:

- Thái Ấp là đất chung, không rào không khóa, nên mọi người cứ thoải mái “đất lành chim đậu; vui ở, buồn đi”.

Canh tác trồng cây thuốc Nam thay vì trồng lúa đã mang lại một đời sống phồn vinh rất nhanh cho toàn Thái Ấp. “Lục Phú Hường” là cái tên thân mật mà cũng vừa là để vinh danh cho sáu nhân vật đầu não tổ chức trồng dược thảo. Người đứng đầu là Hoàng thân Trí Hải. Chuyên khoa dược thảo là thầy Tiều và Thiện Giả, hai đầu óc uyên bác về Đông y Trung Hoa và Việt Nam. Hai nhà doanh thương thành công bậc nhất giàu kinh nghiệm quản lý và tổ chức kinh doanh là Ba Gấm và Tâm An. Người xuất nhập kho dược thảo điều hòa và nhanh chóng nhất là Phạm Xảo. Cả sáu người cùng chung một tấm lòng nhân ái, cùng góp bàn tay công sức từ thiện cho đời.

Cây thuốc được chọn giống công phu; trồng tỉa và chăm bón cẩn trọng. Hầu như suốt cả bốn mùa, từng loại, từng dòng và từng bộ các cây thuốc được thu hoạch và chế biến trong những điều kiện tuyệt hảo đương thời. Các mặt hàng dược thảo Việt Nam không thua kém gì hàng Trung Quốc. Thuốc Nam vừa nâng cao lòng tự hào dân tộc, vừa giúp người Việt thường bị chê là “nằm chết trên thuốc” hưởng được tinh hoa của thiên nhiên cây cỏ quanh mình dù ở trong cảnh thiếu thốn, nghèo nàn.

Khách mua hàng được hội đồng y dược Thái Ấp chẩn đoán bệnh lý cẩn thận trước khi hốt thuốc. Khách hàng không phải trả tiền mua thuốc mà hoàn toàn tự nguyện hiến tặng tiền bạc tùy khả năng kinh tế riêng. Quỹ hiến tặng do thân chủ tự ý bỏ vào thùng “Phước Hải” đặt trong một phòng riêng không ai nhòm ngó. Tất cả những bệnh nhân nghèo đều được chẩn bệnh và hốt thuốc miễn phí. Hàng ngày, từng đoàn người khắp nơi lũ lượt dạt díu nhau, bồng bế hay khiêng cồng nhau về Thái Ấp chữa bệnh. Tác dụng cao nhất của y dược là chữa lành bệnh chứ không phải dừng lại ở bậc thêm giai cấp sang hèn. Bởi vậy, giới quý tộc, quan chức và nhà giàu trong nội thành và các tỉnh cũng chen chân với giới bình dân nghèo khổ đến Thái Ấp chữa bệnh, hốt thuốc không ngớt.

Những tâm hồn cao quý thường gặp nhau hòa điệu như nước với nguồn, như cây với cội. Tòa dinh thự đồ nát của ông Hoàng Trí Hải được trăm nghìn bàn tay người dân biết ơn tình nguyện vun xới, dọn dẹp, đóng góp công của hăng tâm, hăng sức, xây dựng lại đẹp đẽ và đồ sộ hơn xưa chỉ trong một thời gian ngắn. Công tác xây dựng lại dinh ông Hoàng hoàn tất đã lâu mà Trí Hải vẫn chưa có dịp ghé chân vào đại sảnh đường để xem qua. Nhu cầu sơn phết hình hài và thưởng thức những giá trị vật chất không còn dấu vết nơi Trí Hải. Người ta ngạc nhiên trước vẻ bình thản và an lạc của Trí Hải trong khi phải điều động một khối lượng công việc có quy mô lớn lao và phức tạp hàng ngày như thế.

Sự hiện diện của Ba Gấm trong nhóm sáu người, làm việc khá thường xuyên bên cạnh Trí Hải gây cảm giác khó chịu cho Phạm Xảo trong thời gian đầu tiên. Nhưng khi thấy rõ cơn sóng tình giữa hai bên đã lắng, không còn một biểu hiện riêng tư, thâm kín nào giữa hai người, Phạm Xảo trở thành tâm đắc và tâm phục Trí Hải một cách âm thầm hơn cả khi xưa. Cầm chân và đổi hướng một con ngựa đã quen đường cũ thường rất khó. Thay đổi tình trường lại càng khó hơn. Với Phạm Xảo, Trí Hải trở thành biểu tượng của nếp sống giản đơn và an lạc trong chính mình.

Vườn dược thảo Thái Ấp được người dân tứ xứ tình nguyện cống hiến, đổ tiền vào như nước nhưng tất cả những người chủ quản vẫn duy trì nếp sống đơn giản và đạm bạc. Lợi tức thu được dùng để trả công xứng đáng cho cả nghìn nông dân cùng gia đình canh tác vườn thuốc, đãi ngộ những lương y danh tiếng và phục vụ nhân đạo. Tin đồn, tiếng khen, lời ca tụng mỗi ngày một chồng chất và vang xa, nhưng những người đầu não trong cuộc vẫn chưa bao giờ lấy làm điều để trao đổi với nhau mà tự hào, mà hãnh diện với

mình, với người. Thầy Tiều trước sau chỉ có một lời vui vui nhưng đã trở thành "tuyên ngôn Tự Do" cho cả nhóm:

- Đeo cái Ngã như Tôn Ngộ Không đeo vòng Kim Cô. Ngã chấp, ngã mạn, ngã tham, ngã ái, ngã dục, ngã sân, ngã si... ngã gì đi nữa thì cũng đều là thần chú làm cho vòng Kim Cô siết lại.

Đã có lần Ba Gám hỏi:

- Thưa thầy, vòng "kim cô" của mỗi chúng ta không hình không ảnh thì làm sao biết được khi nào nó siết và thật sự nó có siết lại hay không?

Thầy Tiều gật đầu đáp lại:

- Còn thân xác này là vòng Kim Cô còn siết. Khi tâm trí bước ra khỏi sự rỗng lặng làm cho mình vui, buồn, giận, hờn, sợ, khổ... là biết ngay vòng Kim Cô đang siết lại. Muốn khỏi bị siết đến độ đau đớn, đi đến chỗ kêu la thảm thiết như Tôn Ngộ Không thì khi ngã vừa dấy lên là mình đưa nó về chỗ cũ rỗng lặng ngay.

Tâm An thắc mắc:

- Thầy ơi! Nếu cái Ngã bị diệt hết rồi thì đâu còn mơ ước, thương yêu, tình cảm, suy nghĩ... nữa để sống và làm việc đây?

Thầy Tiều vừa cười vừa bắt chước người xưa vác hèo tre ra dọa:

- Cái ngã của Tâm An ở đâu, đem ra đây cho mọi người xem thử.

Tâm An lại đùa:

- Theo thầy học đạo Vô Ngã, nên cái ngã sợ quá, trốn chạy đâu rồi, tìm không ra thầy ạ.

Thiện Giả cũng tham gia vào trò chơi "vô ngã" bằng cách đứng thẳng, dang tay, kiễng chân rồi kêu lên:

- Cái "ngã" của tôi đây rồi! Ngã là một mớ xương thịt, máu huyết, tình cảm, ý nghĩ trộn lẫn vào nhau. Ngã này là "ngã Thiện Giả" chứ không phải ngã của ai khác.

Phạm Xảo là người đã cứu sống Thiện Giả trong cuộc cò trên sông Hương năm xưa, nên hai người vẫn có sự thẳng khít dịu dàng và thân thương nhất trong nhóm. Nghe Thiện Giả lên tiếng, Phạm Xảo, tiếp lời:

- Này hiền đệ, nếu quả thật có một cái “ngã Thiện Giả” thì hãy mau mau chỉ cho ra đâu là Hàn Kỳ Vương, tay đánh cò vô địch nghênh ngang nhất thiên hạ năm năm về trước. Đâu là gã Tử Du tuyệt vọng, chán đời bỏ nhà, bỏ nước đi lang thang sau đó. Đâu là ngài Thiện Giả nửa giác, nửa mê; nửa tu, nửa lụy trên núi Kim Phụng. Và đâu là thầy Thiện Giả chữa bệnh hốt thuốc như thần trong Thái Ấp hôm nay, hả?

Phạm Xảo và mọi người đều cảm thấy lòng chùng xuống và cuộc vui bị ngưng ngang khi Thiện Giả xuôi tay nhìn xuống và một giọt nước mắt nhòe đi trên sống mũi. Thiện Giả nói thì thầm với chính mình:

- Nếu ta chỉ là một sự trôi nổi bèo bọt khi hợp, khi tan không định hướng thì cuối cùng ta sẽ đi về đâu đây?!

Không nghe ai nói cho, Trí Hải lên tiếng:

- Về với suối nguồn của vũ trụ.

- Ở đâu?

- Đây, kia và tất cả muôn nơi.

- Khi nào?

- Ngày xưa, bây giờ và mãi mãi.

- Thế cái hạt bụi gọi là “ngã” ấy cứ quay cuồng mãi trong dòng sinh tử của suối nguồn vũ trụ không bao giờ ngưng nghỉ sao?

Trí Hải ngược mắt nhìn về đỉnh núi Kim Phụng đang khuất trong mây, nói với đầy lưu luyến:

- Thiện Giả quý hữu à, chúng ta đã gặp nhau trên ấy hơn nửa năm trời. Bên suối Bản Lai ngày đó quý hữu và tôi đều chứng kiến một điều, rằng là, khi mình càng xông xáo đi tìm cái ham muốn biết, ham muốn sống, ham muốn thỏa mãn những cơn đói tình, đói lòng, đói tưởng thì cơn dã nhân ấy càng xô đẩy ta về phía sau, phía đời thường của dục vọng. Nhưng khi tâm tánh ta

rỗng lặng thì con dã nhân biến mất. Ta trở nên trong sáng và thấy được ta. Càng thấy được ta, tất cả đều trở nên trống không lạ thường. Chẳng có một hình hài có thật; chẳng có một dòng suối, một núi đồi, một thế giới thiên nhiên quanh ta có thật. Tất cả chỉ là sự kết hợp, tụ hội từng li ti, từng hột, từng mảnh, từng miếng, từng khối, từng thực thể... lại với nhau mà thành. Có những khoảng thời gian ngồi định tâm lâu dài, tôi có cảm tưởng tất cả đều không thật, đều tách ra từng mảnh để trở về vị trí của nó. Lúc bấy giờ, cái gọi là “ta”, là “tôi”, là “ngã” là bản chất của mọi sự vật chung quanh không còn nữa. Tôi chưa có may mắn đi xa hơn, nhưng tôi cảm nhận được rằng, nếu đi đến cùng tột của chuỗi dài nương nhau và tương tác đó thì sẽ gặp một trạng thái chân như tuyệt đối mà ai chưa đến thì chưa thể nào hiểu được. Đó là một trạng thái tuyệt đỉnh nên chẳng còn nương nhau, tác động qua lại với nhau mà sinh ra cái mới hay biến hiện trong dòng sinh diệt nữa.

Thầy Tiều cười sáng khoái:

- Hoàng thân còn nhớ ngày chúng ta gặp nhau khi tôi đốn củi đốt than trong rừng không?

Trí Hải gật đầu trả lời:

- Dạ, nhớ thầy ạ. Hôm đó, thầy cũng đã nói với tôi về ý niệm “ngã” và “vô ngã” bằng chính việc làm và hành động của thầy, từ đó tôi nhận được tín hiệu của thầy và đi tìm thực tại vô ngã bằng chính hành động, việc làm của mình.

Thầy Tiều hỏi lại:

- Bằng cách nào?

- Bằng sự định tâm để lắng lòng xây dựng cái nhìn nội tại ngày một sâu xa và tốt đẹp hơn.

- Làm thế nào để biết là tốt đẹp hơn?

- Khi tâm rỗng lặng, trí an nhiên và thân xác ít đòi hỏi hơn.

- Thế từ trước Hoàng thân đã bao giờ có ý niệm này chưa?

- Có nhưng mơ hồ và hỗn độn lắm! Tất cả chỉ toàn là kiến thức trong sách vở. Đi tìm cái “ngã” hay “vô ngã” bằng lý luận thuần lý trong sách vở thì

chẳng khác gì nằm đắp chăn để học phép thần thông của Tôn Ngộ Không trong Tây Du Ký.

Nhóm chủ quản của Dược Viên Thái Ấp vẫn có những sinh hoạt tâm linh và tri thức nhẹ nhàng, thân tình và cởi mở song song với công việc hàng ngày tất bật như thế. Chất keo gắn chặt suy nghĩ và hành động của họ lại với nhau là một tinh thần chung: Không tham, không sợ, không chấp. Không tham vì chỉ cho mà không cần nhận lại. Không sợ vì họ đang xả bỏ tất cả những gì vẫn được coi là quý báu trong cuộc đời thường như danh, lợi và địa vị và ngay cả thân mạng của chính họ, nên chẳng có gì để lo được hay mất. Không chấp vì ý thức được rằng mọi hình tướng chỉ là phương tiện, nên họ không quan tâm phân biệt mình với người là ai.

Khi cả nhóm cùng tự cảm thấy có ít nhu cầu lễ nghi và sự vẽ vời trang trí nhất thì ngược lại, xã hội lại dành cho họ nhiều vinh dự nhất. Khi được tắm gội trong dòng sông vinh hoa, con người thường rất dễ bị “ngoại hóa”, nghĩa là quên cái thật bên trong của chính mình để sống cho cái giả bên ngoài của người khác sơn phết cho.

Vinh dự mà đời thường cho là lớn nhất đến với nhóm Trí Hải. Đó là khi mọi người sinh hoạt trong vườn thuốc Thái Ấp được triều đình ban thưởng được vua vời vào Đại Nội dự yến tiệc để nhận lời ban khen do chính hoàng thượng dâng triều. Ngay cả những triều thần lương đồng, lập được nhiều công trạng cũng ít người dám mơ ước đến vinh dự tột đỉnh này. Thế nhưng không ai ganh tỵ với nhóm hoạt động vườn thuốc nhân đạo cả, vì tất cả họ đều quá trong sáng và không màng danh lợi mà mọi người đều thấy được một cách rõ ràng, đen trắng phân minh.

Trong suốt buổi đại yến linh đình, vẻ an nhiên tự tại hiện rõ trên khuôn mặt của mỗi người của nhóm Trí Hải tương phản với không khí rộn ràng, kích động trong Đại Nội. Bởi vậy, cả triều thần đều ngạc nhiên khi thấy Trí Hải thay mặt cho Thái Ấp nhận tặng phẩm ban thưởng trọng hậu và lời ban khen của nhà vua chỉ nói lời tạ ân hết sức đơn giản. Đặc biệt là không nhắc một tiếng nào về “công trạng” của nhóm mình.

Chiều về lại Thái Ấp, chỉ nghe thầy Tiều bình luận: “Mỗi ngày thêm một lớp bụi. Bụi đời vinh quang hay tui nhục cũng đều làm mờ cái tâm trong sáng, làm động cái trí rỗng lặng của mình. Nên mỗi ngày ráng quét bụi trong tâm, ráng phỉ bụi trong trí, ấy là tu”.

Chương 24 - Đạo Giữa Đời

Sau lễ ban thưởng được tổ chức trọng thể tại Đại Nội, quan Thượng thư bộ Lễ nhận chiếu chỉ của vua đến tận Thái Ấp tiếp xúc với nhóm Trí Hải. Đây cũng là lần đầu, kể từ sau ngày dinh ông Hoàng được trùng tu, phòng nghinh tân ra mắt đón khách và cũng là lần đầu, Trí Hải bước chân vào tòa dinh thự mới được tu sửa của mình.

Tiền đường rộng lớn được trang hoàng một cách trang nhã và mỹ thuật làm vị đại thần không ngớt lời khen ngợi. Ông đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác vì không ngờ có thể có một vẻ đẹp siêu thoát bằng một nghệ thuật trang trí nội thất đan thanh và sáng tạo lạ lùng đến như thế.

Thế giới vàng son của nội phủ không còn bóng dáng nơi đây. Sự quý phái và trang trọng không biểu hiện bằng giá trị quy ước như vàng bạc, châu báu hay của lạ, vật quý mà toàn cảnh là một thế giới tinh hoa thu gọn của thiên nhiên. Những phiến đá màu thời gian ẩn hiện điểm trang cho những cây cỏ mộc quý hiếm gây một cảm giác thanh thoát đầy ngưỡng mộ cho khách.

Quan Thượng thư bộ Lễ ngỏ lời với Trí Hải:

- Thừa Hoàng thân và chư vị. Hôm nay, tôi được chiếu chỉ của hoàng thượng đến đây trước là xin vãn an chư vị và thứ đến là phụng chỉ ngài để thảo luận về hiện tình tôn giáo của nước ta.

Cả sáu người trong nhóm Trí Hải day mắt nhìn nhau dò hỏi trong im lặng, chưa hiểu quan Thượng thư của triều đình muốn hướng câu chuyện về đâu.

Dường như hiểu ý, quan Thượng thư nói tiếp:

- Như chư vị đều biết, nước ta có tam giáo là Phật, Nho, Lão được truyền thừa, thờ phụng trong bá tánh từ lâu đời. Có những triều đại như Lý Trần, đạo Phật gần như là quốc giáo. Nay giữa thời đương kim Thánh Tổ hoàng đế, đạo Phật suy yếu, đạo Nho chỉ còn là trò nói chữ trong giới Nho học quan chức, đạo Lão thành đạo ông đồng bà cốt. Trong lúc người Tây phương sang truyền đạo Chúa. Họ thay đổi cách thờ phụng ông bà không hợp với truyền thống nước ta. Tuy đạo Phật có vẻ như đang rầm rộ phát triển, nhưng chỉ là hình thức hời hợt. Chùa chiền xây dựng đẹp đẽ, việc đúc chuông dựng tượng thịnh hành, người xuất gia và tại gia theo Phật rất đông, thế nhưng tinh túy của đạo Phật ngày càng mờ nhạt. Các hình thức ma chay cúng bái càng lúc càng nặng hình thức mê tín dị đoan. Thánh chỉ của hoàng thượng là

muốn chấn hưng đạo Phật. Làm cho đạo Phật mạnh lên để đủ sức đánh bật đạo Chúa đang có cơ phát triển mạnh.

Sau câu nói của quan Thượng thư, tiếng cười nhè nhẹ đượm vẻ vui tươi của thầy Tiều làm mọi người tươi mát lại. Thầy Tiều lên tiếng trước:

- Bẩm quan lớn, nhận xét của ngài sát với thực tế. Nhưng đạo là con đường. Đường tâm linh mở ra không giới hạn. Làm sao lại có thể đem đường này để đánh bật được đường kia như ngài vừa nói được?

Quan cười khẩy:

- Thừa đại sư, ở đời mạnh được yếu thua. Nguyễn Huệ được thời đắc thế thì Nguyễn Huệ cầm quyền. Nguyễn Vương mạnh thế thì Nguyễn Vương đánh bật Tây Sơn để lên làm vua thiên hạ thôi.

- Binh tướng thúc giục con người phải tiến chiếm mục tiêu bên ngoài để chiến thắng; trong lúc tôn giáo mong ước con người phải tự soi rọi chính mình, hiểu mình, làm chủ lấy mình hay nói cách khác là phải chiếm “mục tiêu” bên trong để chiến thắng thế; nhưng càng cạnh tranh bên trong càng có cơ bại thế. Bại vì đời sống tâm linh vắng bóng. Như Tần Thủy Hoàng, Thành Cát Tư Hãn tuy là những kẻ làm bá chủ thiên hạ, nhưng riêng mình, đều là những kẻ than van đau khổ cuối đời.

Quan lắc đầu ra vẻ không đồng tình, ngó ý kêu gọi đồng minh:

- Hoàng thân, đại sư và chư vị ở đây tuy có vị xuất gia tu hành, có vị thân phàm mà tâm Phật. Nhưng truy nguyên cho đến ngọn nguồn thì tất cả chư vị đều xuất thân hay có duyên nợ với cửa thiền. Bởi vậy, vấn đề chấn hưng đạo Phật trong thời kỳ mạt pháp này là trách nhiệm cao cả và thiêng liêng của quý vị. Triều đình sẵn lòng tán trợ chư vị về mọi mặt nhân tài vật lực để biến tất cả cửa thiền khắp nước thành nơi giải thoát, tế độ chúng sinh. Tôn ý của quý vị ra sao ạ?

Thoáng yên lặng kéo dài, Trí Hải lên tiếng:

- Thừa quan Thượng, chúng tôi đa tạ hảo ý của triều đình. Tuy cùng nhóm, sinh hoạt chung với nhau như tình huynh đệ, nhưng mỗi chúng tôi đều tôn trọng nếp sống và suy nghĩ riêng tư của nhau. Quan Thượng nói không sai, chúng tôi suy nghĩ và sinh hoạt rất gần với tinh thần đạo Phật, nhưng ngoài thầy Tiều là Phật tử xuất gia ra, chúng tôi chưa phải là Phật tử theo với nếp

ngữ thông thường. Như bản thân tôi chưa quy y, chưa ăn chay niệm Phật, nhưng chỉ mới cố gắng sống và hành thiện theo tinh thần trí tuệ và từ bi của đạo Phật. Do vậy, tôn ý của hoàng thượng muốn chúng tôi chấn hưng Phật giáo quả là một ân huệ, song chúng tôi e rằng việc lớn như thế vừa vượt ra ngoài khả năng, vừa không thích hợp với hoàn cảnh riêng của chúng tôi. Ý kiến cá nhân của tôi là như thế, mong quý huynh đệ bàn thêm.

Quan Thượng thư hấp tấp lên tiếng:

- Trước khi chư vị bàn thảo, tôi xin được hỏi đôi điều về nội tình Phật giáo mà tôi tin là quý vị đây biết rõ hơn tôi. Có chăng tín đồ Phật giáo đang phân hóa trầm trọng là đúng? Từ sau khi đức Thế Tổ đăng quang, nước nhà thống nhất, đạo Phật trang trí theo chiều rộng mà thiếu chiều sâu nên đang lâm vào cảnh người nói đạo càng nhiều thì người thực sự hành đạo càng ít. Các vị cao tăng thạc đức thì mai danh ẩn tích giữa đời thường hay lặng lẽ tu trì trên núi xanh. Trong khi các phàm tăng thì xuất hiện nhan nhản quá nhiều, vàng thau lẫn lộn. Gặp thời điểm nạn đao binh tuy đã chấm dứt mấy chục năm, nhưng ảnh hưởng còn để lại trong lòng người sâu nặng. Thế hệ cao niên, đã từng nếm trải sự tang tóc, đổ vỡ của chiến tranh đang ở lứa tuổi về chiều. Kẻ có tiền bạc, quyền thế thì xây chùa cầu phước, cầu khi chết được siêu thăng về cõi Phật thánh càng ngày càng đông đảo. Người ít tiền bạc hay nghèo khổ hơn cũng chen chân cúng quảy không cân nhắc, nên lắm lúc và lắm nơi đã lôi kéo, làm hư hỏng những người thực lòng muốn đi tu phải rơi vào đường tục lụy của vật chất tiền bạc hay dục vọng tham ái. Rất đông người chưa hề biết cúng vái trong thời tuổi trẻ, nay tuổi già bỗng mê chuyện tu hành theo đạo Phật nhưng đã đi sai đường hay bị các gian tăng lôi kéo vào đường mê tín dị đoan, bùa chú, lễ nghi màu mè xa xỉ, cầu xin, thờ cúng sai lạc hoàn toàn với tinh thần Phật giáo dưới danh nghĩa Phật giáo. Với một lịch sử lâu dài và giáo lý cao siêu chưa được phát huy đúng mức, Phật giáo đang đứng trước thử thách của thời đại. Nếu quả như vậy thì triều đình phải làm gì để giúp đạo Phật vượt qua thử thách này?

Những câu hỏi của quan Thượng thư có vẻ như đang hướng thẳng về phía thầy Tiều. Trong không khí chờ đợi, không nghe ai nói gì, quan Thượng thư phải lên tiếng:

- Thưa đại sư, xin đại sư xá lỗi nếu cách xưng hô của tôi chưa đúng với vị thế hiện nay của đại sư. Số là gần đây, có dịp tiếp cận với chư vị tăng ni tu sĩ tại các chùa, chúng tôi được nghe nhiều danh xưng khác nhau đối với các bậc tôn đức, có những tước vị rất to tát, những danh xưng rất vĩ đại, màu mè

dành cho các ngài tu sĩ, nhưng vì không quen với nhiều danh từ xa lạ nên tôi quên mất, nhưng dầu có nhớ, thì tôi cũng thành thật thừa rằng, là tôi không biết áp dụng thế nào cho đúng. Ngày xưa mẹ tôi dẫn tôi đến chùa, tôi chỉ nghe mẹ xưng “ôn”, “thầy”, “chú” với quý ngài nam tu sĩ hay xưng “sư bà”, “sư cô” với quý nữ tu sĩ mà thôi. Ngày nay có khác, nên tôi rất ngại đến chùa mà vô phép xưng tụng sai danh vị của quý thầy. Bởi vậy, tôi mạo muội gọi “đại sư” với quý thầy mà tôi gặp. Lỡ có sai thì cũng “sai thừa” chứ không đến nỗi “sai thiếu”. Cứ mạnh mẽ gọi ông xã lên thành ông huyện sẽ ít bị rầy rà hơn là làm ngược lại... Phạm phu sống chết để mua danh; thánh nhân ẩn danh mà sống chết.

Thầy Tiều và mọi người có mặt đều cười trước lời nói và bộ điệu làm ra vẻ ngô nghê nhưng ẩn chứa cả một sự nhận xét và phê phán sắc bén của phía nhà quan. Thầy Tiều cả cười khoác tay:

- Quan lớn à, đạo Phật là nhà trống không có cửa; là đường cái thênh thang ai muốn đi thì đi. Nên dầu cho đại quan có gọi là gì gì đi nữa thì vẫn không sai và cũng chẳng có ai cho là đúng.

Quan đáp lại một cách cởi mở:

- Ý thầy muốn nói đến tinh thần phá chấp của tánh không và duyên khởi chăng?

Thầy Tiều xua tay:

- Không dám, không dám! Tôi vốn không sinh chữ nghĩa búa chùy nên chẳng hiểu gì, tôi nghe thầy tổ nói rằng, bậc thượng trí, thượng căn thì vác búa mà đập vỡ danh từ. Bậc hạ căn thì đem danh từ làm búa mà đập vỡ tư tưởng.

Quan cười xòa:

- Thầy cho tôi là kẻ vừa vác chùy làm búa đó chăng?

Thầy Tiều càng cười thoải mái hơn:

- Vạy à. Tôi cứ nghĩ mình không có đủ trọn một chữ để bẻ hai làm búa nữa kia chứ.

Quan Thượng thư cười ấm áp, tay nâng chén trà đảo mắt nhìn quanh, mòi:

- Thật là thú vị! Chúng ta hãy thưởng nhau một chén trà rồi nói tiếp. Phá chấp ư? Thoải mái vô cùng đại sư ạ. Hay là tôi xin được gọi đại sư bằng “thầy Tiều”. Tên gọi này làm tôi nhớ những ẩn sĩ đắc đạo ngày xưa.

Thầy Tiều ngửa cả hay bàn tay như tiếp nhận:

- Thật là hân hạnh. Thật là vui lòng!

Mọi người cùng nâng chén uống trà. Không khí xa lạ, khách sáo chợt trở nên ấm áp lạ thường. Sau chung trà, quan lớn cho người hầu và vệ sĩ tả hữu lui ra. Một mình ngồi đối diện với sáu người trong nhóm Trí Hải. Ông nói bằng một giọng chân tình:

- Được Hoàng thượng cất nhắc giao cho đứng đầu trông coi bộ Lễ trong Lục Bộ của triều đình, tuy nhiên, với Hoàng thân, thầy Tiều và chư huynh đệ tôi không giấu giếm rằng, gia đình nội ngoại tôi đều theo đạo Phật. Mẹ tôi là một Phật tử thuần thành, nên tôi không khỏi thấy xót xa khi đạo Phật bị phân hóa. Sự phân hóa này bắt nguồn từ các vị cao tăng danh tiếng. Mẹ tôi và dì tôi đều là Phật tử rất ngoan đạo. Cả hai bà đều đi chùa, ăn chay, niệm Phật, bố thí, làm việc thiện. Cả hai bà đều nhìn nổi khổ đau của chúng sanh, của người khác rất rõ; nhưng hai chị em ruột thịt ấy lại không thể nhìn được mặt nhau chỉ vì hai người theo hai vị cao tăng thuộc về hai phái chống nhau. Nhà sư theo Bắc tông, là môn sư tinh thần của mẹ tôi thì thuộc phái thân cận với triều đình. Trái lại, nhà sư theo Nam tông, là môn sư của dì ruột tôi thì thuộc phái chống đối triều đình vì cho rằng triều đình cấm đoán họ hành đạo. Sự phân hóa từ “thượng tầng kiến trúc” kéo theo sự phân hóa của từng đơn vị gia đình hay cá nhân. Hậu quả của sự phân hóa này có ảnh hưởng tiêu cực nghiêm trọng đến nỗi ngày bà ngoại tôi qua đời, không có bóng dáng một vị thầy nào đến cúng kính cầu siêu được cả. Mẹ tôi muốn mời quý thầy thuộc phái Bắc tông đến làm lễ cầu siêu thì dì tôi phản đối. Dì tôi muốn mời quý thầy thuộc phái Nam tông đến cúng thì mẹ tôi không cho. Ngày đưa đám bà ngoại tôi, vốn là một Phật tử thuần thành suốt đời, đến huyệt mộ lặng lẽ không có một tiếng kinh cầu. Nhiều bà con đi đưa đám tang sau quan tài bà tôi lẩm bẩm nói với nhau: “Hai chị em nhà này ngộ thật. Theo Phật mà chống Phật. Theo Pháp mà bỏ Pháp. Theo Tăng mà trừ Tăng. Cả hai đều nhân danh cửa thiền để làm chỗ trú ẩn cho lòng sân hận mỗi ngày một lớn của loài ma quỷ!”. Không biết thực tế hiện nay có bao nhiêu người theo đạo Phật, nhưng hết lòng trung thành với thầy, tổ của mình để ở vào một trong hai thế chống báng nhau như vậy. Thưa thầy Tiều, thầy là bậc chân tu, thầy có cao kiến nào để hóa giải sự phân hóa của đạo Phật không ạ?

Thầy Tiều chẳng lộ vẻ gì bối rối trước câu hỏi liên quan đến một vấn đề bao gồm nhiều mặt, nhiều nguyên nhân như vậy, nên trả lời ngay:

- Phật giáo là một biển khơi thái hòa và an lạc. Làm gì có biển khơi phân hóa. Làm gì có Phật giáo phân hóa. Có chăng sự phân hóa là giữa những người theo đạo Phật với nhau. Những người theo đạo Phật ít nhiều cũng có mang bản chất của đạo Phật, nhưng họ không phải là đạo Phật. Cũng như những khe suối và dòng sông có dòng nước mang bản chất của biển khơi nhưng không phải là biển khơi. Khi những dòng suối róc rách, những con sông lững lờ hay vạm vỡ đang tranh nhau trôi về biển mẹ, nếu có chăng hiện tượng nhập nguồn, phân dòng, chia cửa, tranh ô... thì đây là sự phân hóa của những dòng sông và suối nguồn, không phải là sự phân hóa của biển cả. Đã không phân hóa thì lấy gì hóa giải đây, phải không thượng quan?

- Nhưng Phật, Pháp, Tăng làm nên đạo Phật, phải không thầy?

- Phật là biển cả, Pháp là dòng nước, Tăng là con thuyền. Nếu nước xuôi dòng, thuyền sẽ trôi nhanh và chóng về biển cả. Nhưng lỡ nước cạn, nước ngược, nước xoáy, thuyền trôi chậm hay không trôi thì lẽ nào biển cả sẽ vì suối khô mà cạn theo suối, đại dương sẽ vì sông gầy mà chết khát theo sông được sao?

- Khi nói đến một tôn giáo, người chuộng giả danh thường đem lịch sử cả mấy trăm năm hay mấy nghìn năm ra làm bảo chứng. Điều đó ngoài mục đích khoe khoang lý thuyết lòe đời cho vui thì có ích gì? Về mặt lý luận thuần túy thầy nói quả không sai về tinh thần viên dung, tự tại cơ bản của đạo Phật. Nhưng thực tế trước mắt, khi nói đến đạo Phật hay bất cứ một đạo nào khác thì người ta chỉ nhìn vài sinh hoạt của tu sĩ, tự viện và tín đồ của đạo đó đang diễn ra hàng ngày để biết đạo đó như thế nào. Bất chấp kinh điển, thần thánh của một tôn giáo nói gì, nhưng người tu theo và tin theo đạo đó đi giết người, làm việc ác thì tôn giáo đó là một ác đạo. Bất chấp tam tạng kinh điển của Phật giáo nói cao sâu như thế nào nhưng việc làm của tu sĩ và tín đồ đạo Phật đang diễn ra sẽ giới thiệu đạo Phật là gì.

- Tiếc thay đạo Phật lại không đơn giản như quan lớn hiểu, kể về cả hai mặt lý thuyết và cấu trúc thực hành mà người ta thường gọi là khế lý, khế cơ.

- Như thế thì cả ba giá trị cao quý nhất của Phật giáo là Phật, Pháp, Tăng là gì và phải hiểu như thế nào?

- Không là gì cả và hiểu như thế nào cũng được.

- Ô hay! Nếu như tôi hiểu sai, hiểu quấy. Tôi cho rằng Phật là ông thần bằng gỗ, Pháp là khối chữ nghĩa hỗn độn khó hiểu, Tăng là những kiêu binh tranh quyền đoạt lợi với nhau thì sao?

Thầy Tiều trả lời điềm đạm:

- Thì cũng chẳng sao cả thượng quan ạ. Nếu như có một người kém cỏi, mù chữ nghĩ rằng một bậc đại khoa như quan lớn đây là một kẻ dốt nát, mù chữ thì có vì thế mà quan lớn trở nên dốt nát mù chữ thật không?

Nói xong, thầy Tiều đứng dậy và lững thững ra vườn sau một mình, trong lúc quan Thượng thư đang còn bối rối ra mặt. Chén trà đã châm mấy lần mà vẫn chưa có ai nói với ai lời nào. Quan lên tiếng:

- Thừa Hoàng thân và chư vị, tôi đến đây là thừa lệnh triều đình mà đến. Đền để bàn việc lớn có lợi cho đất nước và tiền đồ của Phật giáo, chứ không phải đến đây để tranh luận lý thuyết hơn thua. Tôi rất thất vọng khi một tu sĩ Phật giáo được tiếng là minh tăng như thầy Tiều lại tỏ thái độ khinh bạc đối với triều đình như thế.

Trí Hải đỡ lời:

- Thế thượng quan đã chuẩn bị sẵn sàng trước khi đến đây chưa?

- Chuẩn bị quá kỹ hơn cả cần thiết nữa Hoàng thân ạ. Ngài thử duyệt lại xem. Chiếu chỉ, lễ nghi, quan hầu, giám binh, hộ vệ đều hành động rầm rập đầu vào đấy, chẳng có gì sơ hở.

Trí Hải cười nhẹ:

- Nhưng có một chuyện nhỏ mà quan trọng hơn hết thì thượng quan lại quên.

Quan Thượng thư hỏi hấp tấp:

- Thừa Hoàng thân, còn quên gì nữa ạ?

- Ngài quên chìa khóa.

- Chìa khóa?

- Vâng, đúng là chìa khóa.

- Chìa khóa gì thế?
- Chìa khóa mở cửa thiền.
- Nhưng đây là tư dinh của Hoàng thân mà.
- Không, ý tôi muốn nói là cửa thiền trong tâm ý của thượng quan kia.

Quan lớn trở mắt nhìn Trí Hải lạ lùng, hỏi:

- Xin Hoàng thân thứ lỗi, ngài nói điều gì tôi hoàn toàn không hiểu. Tôi chẳng phải là thiền sinh hay thiền giả tu theo Phật giáo. Làm gì có tâm thiền lãng vãng trong tôi.

- Thiền không phải là sản phẩm riêng của Phật giáo. Thiền là sự tỉnh thức, là cái nhìn an lạc, vào bên trong để thấy chính mình. Ngài đến đây như cái bóng của triều đình, ngài nói lời Hoàng thượng nói. Ngài nói về một đạo Phật đã thành tượng đồng, tượng gỗ trong định kiến của ngài. Ngài chưa nhóm chân bước ra khỏi cửa mà thấy mình đã đến đích. Ngài nói với một thầy Tiều mà quên thầy Tiều đang ngồi trước mặt nên ngài chỉ nói với chính mình. Vì biết cánh cửa tâm ý của chính ngài chưa mở, nên thầy Tiều đã nói với ngài về Phật rằng: “Không là gì cả và hiểu như thế nào cũng được”. Nói mà thật ra chẳng nói gì cả vì muốn ngài tự mình mở lấy cánh cửa mà vào! Trước một cánh cửa còn khép kín, có ai ở đó hay không thì cũng giống nhau thôi, nên thầy Tiều bỏ đi thì cũng chẳng có gì lạ.

Vốn xuất thân là bậc đại khoa, quan Thượng thư có đủ tầm nhìn và sự sâu sắc để nhận ra mình đang ở đâu. Quan trở nên trầm ngâm, nhìn chăm chăm vào những chậu kiểng cổ mộc rất lâu và rất sâu. Trong phòng khách rộng lớn, mọi người như đang vào con nhập định. Tiếng vỗ cánh của những con chim nhỏ chuyền cành ngoài xa cũng nghe rõ mồn một. Bầu không khí tĩnh lặng thênh thang bị đánh thức khi quan Thượng thư bất ngờ lên tiếng. Lần này câu hỏi hướng về phía Ba Gấm, một nhân vật nữ duy nhất có mặt và thường chỉ bày tỏ cảm xúc của mình bằng nhiều nét cười khác nhau trong mọi diễn biến của câu chuyện từ đầu. Quan Thượng thư vừa bày tỏ ý nghĩ riêng của mình, vừa dò hỏi:

- Thưa Chánh Chương phu nhân, chúng ta là chỗ quen biết thân tình từ lâu trong các sinh hoạt riêng ở tư dinh cũng như trong các lễ hội có liên quan đến triều đình. Dám xin hỏi ý kiến riêng của phu nhân là hoàn cảnh nào đã đưa phu nhân vào trong nhóm Vườn thuốc Thái Ấp?

Đã bao năm quen với lối sống đầy nghi thức rào trước đón sau của giới quý tộc, đại thần, Ba Gấm không ngạc nhiên về phản ứng tức thời của quan Thượng thư. Vừa ở địa vị là người đàn bà có ảnh hưởng cao nhất và cũng là nhà đại kinh doanh giàu có bậc nhất trong giới quyền quý đương thời, Ba Gấm lại xuôi ngược giao thương từ Âu sang Á nên người đàn bà này hiểu được trọng lượng lời nói của mình. Đối với hàng quan Thượng thư lục bộ của triều đình, Ba Gấm không thấy họ cao mà cũng chẳng thấy họ thấp, nhưng vẫn có sự thân tình và gần gũi tự nhiên. Ba Gấm phá tan cái không khí nghiêm trọng đang vây bủa mọi người bằng cách trả lời theo một ngôn ngữ vừa lễ độ hình thức, vừa đùa vui một cách gần gũi và thân thiện:

- Thưa quan Thượng thư, vậy mà tiện muội Ba Gấm này cứ tưởng các huynh đệ và đường quan không màng đến ý kiến của đàn bà con gái nữa chứ.

Quan đáp lại:

- Nữ lưu mà cầm kỳ thi họa tài hoa, doanh thương nức tiếng, đi đó đi đây cũng nhiều như phu nhân thì ngoài phu nhân ra, có ai sánh kịp nữa đâu...

- Đa tạ quan Thượng đã chiếu cố. Tiện muội xin trả lời ngay vào câu hỏi của đường quan đại huynh nhé. Muội có mặt với nhóm Vườn thuốc Thái Ấp trước hết là vì ngưỡng mộ tài năng văn chương trác tuyệt của phong cách sống có một không hai về lý, về tình, về đời và về đạo của Hoàng thân Trí Hải. Sau nữa, vì Vườn thuốc Thái Ấp là việc làm chỉ có cho đi mà không cần nhận lại; giúp mà không cần biết người được giúp là ai.

Quan và những người có mặt đều xúc động trước câu trả lời chân thành và thẳng thắn của Ba Gấm. Quan Thượng thư lầm bầm, “Cho đi mà không cầu nhận lại; giúp mà không cần biết người được giúp là ai”. Quan hỏi tiếp:

- Hẳn phu nhân còn nhớ, chúng ta đã gặp nhau nhiều lần trong các lễ hội chùa chiền ở kinh đô như khánh thành, trai đàn, cúng tế, rước Phật, nghinh tăng, kỷ niệm... Nhưng sự diễn tiến trong một thế giới Phật giáo hoàn toàn khác với tinh thần đạo Phật mà thầy Tiều trao đổi cùng chư vị hôm nay. Phu nhân có thấy sự khác biệt đó không?

Ba Gấm trả lời:

- Dạ, nếu nhìn từ phía triều đình và giới Phật giáo thân cận hoặc chống đối triều đình thì thấy khác. Nhưng nếu nhìn từ phía thầy Tiều thì không.

- Tại sao? Phu nhân có thể vui lòng giải thích rõ hơn được không?

- Thuở nhỏ, khi còn làm cung nữ, muội đã học được điều này từ các bà cung phi xuất thân từ hàng dân dã mới được tuyển vào cung. Các bà luôn luôn hướng hết cuộc đời mình đến một mục đích duy nhất là được làm vợ vua và luôn luôn có kẻ thù để nghi ngờ, đề phòng, tranh đấu là những bà phi khác. Nhiều bà phi suốt đời chưa được sống thực sự một ngày vì đã biến ngay thân xác mình và những gì xung quanh thành phương tiện để được làm vợ vua nhưng cho đến khi chết vẫn còn ở trong bóng tối của cấm cung, chưa được gặp mặt vua một lần bao giờ. Trông hiện thực để hái ảo vọng. Ngõ như gieo nhân lành mà gặp quả ác nhưng không phải vậy mà đây là vì gieo tham vọng tột đỉnh, nên phải gạt tuyệt vọng tận cùng mà thôi.

Quan ngắt ngang, hỏi dồn:

- Nhưng hiện tượng này có liên quan gì đến hình ảnh các khuynh hướng Phật giáo khác nhau đâu?

Ba Gấm không trả lời ngay mà đan hay tay lại với nhau, quay qua phía Thiện Giả đang ngồi lim dim giữa Phạm Xảo và Tâm An, đưa mắt trao đổi ý kiến:

- Tôn giả, hôm qua, hình như chúng ta có bàn luận điều này khi nói đến đạo Phật Trung Hoa đã phân hóa thành mười ba bộ phái dưới triều đại Mãn Thanh phải không ạ?

Thiện Giả đỡ lời Ba Gấm:

- Vâng, có. Nhưng đây không phải là tình trạng riêng ở triều đại Mãn Thanh mà nó xảy ra ở bất cứ nước nào. Khi thế quyền và giáo quyền cùng chung đất đứng thì tôn giáo và triều đình xích lại gần nhau. Sự gần gũi đó có ảnh hưởng hỗ tương đầy khai sáng và thịnh vượng cho cả dân tộc lẫn đạo pháp. Tôn giáo trở thành nguồn suối tâm linh của giới lãnh đạo như Phật giáo Việt Nam thời Lý Trần. Ngược lại, khi thế quyền và giáo quyền chối bỏ, nghi ngờ hay chống báng nhau thì sự xung đột sẽ thành ngọn lửa khi cháy bùng, khi âm ỉ đốt cháy những giá trị vô hình nhưng rất quý báu của cả hai bên.

Quan Thượng thư quắc mắt nhìn một nhân vật nói giọng Việt lai Tàu chưa ai biết tiếng, nhưng lại dám nói những lời coi nhẹ thế lực cầm quyền như thế. Quan cao giọng:

- Xin quan chức Thiện Giả tự lên tiếng cho biết phương danh và chức vị để chúng ta nói chuyện dễ dàng thông cảm hơn.

Ba Gấm không đợi Thiện Giả lên tiếng trả lời, nói ngắt ngang:

- Mong quan lớn thứ lỗi cho, chứ ngài là thượng thư bộ lễ mà lại vi phạm lễ nghi giao tế mất rồi. Chả lẽ quan lớn quên rằng ngài đang tiếp kiến với những người trong nhóm của Hoàng thân Trí Hải sao? Chúng ta đang thảo luận một đề tài rất quan trọng và đầy nhạy cảm. Điều cần mang ra trình bày nơi đây là sự hiểu biết, lý luận và cách nhìn của mỗi người trong chúng ta chứ không phải là phán xét nhau qua tên tuổi và chức vụ. Thế nhưng quan lớn đã hỏi thì chúng tôi cũng xin thưa rằng, Thiện Giả tức là Hàn Kỳ Vương, đại danh thủ cờ tướng đã từng làm lay động tinh thần và cân não của giới kẻ sĩ, quyền chức tại kinh đô cũng như khắp nước mấy năm về trước...

Thiện Giả cất lên giọng cười hiền hậu gần như vô tư làm cho bầu không khí sắp trở nên căng thẳng dịu lại và tiếp lời Ba Gấm:

- Hi, hi... Thì cũng chỉ là một kỳ vương hết thời Hàn tộc nhà tôi, nên đã bị một kỳ vương vô địch Trí Hải cự phách hơn, đánh bại, phải nhảy xuống sông Hương năm xưa đó mà. Dòng sông không còn dấu vết thì chuyện cũ cũng xin bỏ đi thôi. Vậy bẩm quan lớn, tôi xin trở lại với ý kiến của ngài một cách nghiêm túc hơn. Phải chăng ngài không bằng lòng sự dẫn giải của tôi về tác động qua lại giữa hai thế lực thế quyền và giáo quyền phải không ạ?

Quan trả lời hấp tấp:

- Đúng, đúng vậy. Nếu muốn hay nếu cần, thế quyền sẽ thừa sức mạnh để dẹp giáo quyền như phủ nanh vuốt của loài kiến cỏ chứ làm gì có chuyện hai thế lực đôi co với nhau. Như đương kim triều đình ta với binh hùng tướng mạnh, chả lẽ lại sợ hay chịu thua những người chỉ biết gõ mõ tụng kinh, trong tay không có một tấc sắt sao?

Thiện Giả với giọng lễ độ nhưng cứng rắn, trả lời:

- Dạ, đúng thế quan lớn ạ. Nhưng sự tồn tại của sức mạnh tâm linh lại không diễn ra như những bài toán cộng trừ đơn giản của sức mạnh gươm giáo, mạnh được yếu thua. Trong lịch sử xưa nay, một thế lực triều đình nào mạnh nhất cũng chỉ kéo dài trong một giới hạn thời gian ngắn dài tương đối mà thôi. Trong khi tôn giáo nói chung và đạo Phật nói riêng, đâu không có một

tắc sặc làm vũ khí, nhưng đã tồn tại cả mấy nghìn năm nay với hàng bao nhiêu triệu người khắp hoàn vũ tin theo.

Quan châu mày thắc mắc:

- Thông thường, càng có chỗ dựa mạnh thì càng vững chắc mà mau đạt đến đích chứ lẽ nào lại có trường hợp ngược lại?

- Tiếc thay, đời sống tâm linh lại không diễn biến theo chiều hướng ấy thượng quan ạ. Khỏi người theo đạo Phật mà ngài đã gặp bên cạnh triều đình thường dựa vào thế lực triều đình để có chùa to, tượng lớn, nghi lễ rình rang mà đi tìm Phật. Người theo đạo Phật chống đối triều đình thì dựa vào sự căm giận triều đình để tạo ra sự khổ hạnh, hy sinh như thể xót đau cùng tột mà đi tìm Phật. Khi đã dựa vào bất cứ thế lực hay nguồn suối cảm xúc nào thì mình sẽ không thấy mình được nữa; trong lúc Phật ở chính trong mình mà lại không dựa vào chính mình nên tìm hoài không thấy Phật, ngược lại, khuynh hướng thầy Tiều thì chẳng dựa vào ai cả ngoài chính mình. Phương tiện cũng là cứu cánh hay trong phương tiện đã có hạt giống của cứu cánh rồi. Chỉ một hơi thở vào đầy tỉnh thức cũng đã chứa sẵn sự sống và giải thoát. Một nguồn sống đầy chánh niệm, tự nó, là một phương tiện mà đồng thời cũng là cứu cánh của tinh thần giải thoát.

Quan Thượng thư tỏ vẻ nôn nóng:

- Việc Hoàng thượng giao cho tôi chỉ cần giải quyết chứ chưa cần giải thoát. Hoàng thượng và bá quan văn võ đang cần một tổ chức Phật giáo mạnh để ủng hộ triều đình. Miễn làm được việc, ngân sách to lớn của triều đình lúc nào cũng sẵn sàng, không quản tốn kém.

Vị quan say sưa nói. Thầy Tiều nhẹ nhàng vào phòng tiếp tân, trở lại chỗ cũ.

Thầy Tiều đến trước mặt quan, xá hai xá, lên tiếng:

- Đa tạ Hoàng thượng, triều đình và quan Thượng thư. Với ngân sách dồi dào như thế, thượng quan thừa sức mạnh để quy tụ những tăng sĩ theo phục vụ mình. Phật giáo vẫn là Phật giáo; biển khơi vẫn là biển khơi trôi chảy, chẳng hề hấn gì. Chỉ tiếc rằng, triều đình bỏ mất một sức mạnh tinh thần mà thôi.

Quan Thượng thư hạ giọng:

- Thưa thầy, điều thầy nói mâu thuẫn chẳng? Nếu triều đình đã có trong tay những tu sĩ thân tín, thuộc về mình thì rõ ràng là được chứ sao lại mất Phật giáo?

- Thưa quan lớn, mất là vì nhiều lẽ. Tự thân, đạo Phật là biển khơi, trôi chảy thường hằng, như như bất tận. Biển khơi không nghiêng bên này mà cũng chẳng đổ bên kia. Nay triều đình cố đem triều nước về làm khe suối róc rách quanh mình thì đáy cũng chỉ là khe suối, chẳng phải là biển khơi.

- Như vậy thì triều đình phải làm sao để nắm được thế lực Phật giáo trong tay?

- Xin đừng vốc khe suối và sông biển trong tay. Muốn tắm khe suối, cứ thản nhiên lặn lẽ về với khe suối thì sẽ được trọn vẹn với khe suối. Muốn tắm sông biển, cứ thản nhiên lặn lẽ về với sông biển thì sẽ được trọn vẹn với sông biển.

- Thế thì tại sao Phật giáo thời Lý Trần đã đến giữa cung đình, ngự lên ngai vàng, thậm chí cùng theo chân vua Trần ra trận, đánh thắng giặc Mông, Nguyên?

- Vua quan Lý, Trần thành tâm, lặn lội tìm đến với Phật giáo để suối nguồn đạo Phật tưới tắm những hạt giống lành không chỉ riêng vua quan Lý, Trần mới có mà ai cũng có sẵn trong lòng mình.

Trước khi quan Thượng thư kịp mở lời nói tiếp, thầy Tiều đã đến trước mặt quan xá dài hai xá rồi xách tay nải ra đi.

---o0o---

Chương 25 - Bến Đợi

Tuổi năm mươi thì đi; tuổi sáu mươi thì chạy; tuổi bảy mươi thì bay; tuổi tám mươi nằm chờ trên cửa nguyệt. Hoa Đà đã ví von, so sánh tuổi đời với sự rơi xuống mỗi ngày một nhanh, trên đường xế chiều tiến về phía cận kề với bệnh tật và cái chết. Trong nhóm Vườn Thảo Dược, Phạm Xảo là người cảm nhận rõ nhất điều đó trong lứa tuổi bảy mươi.

Thời xông pha chiến trận, một Phạm Xảo tướng quân trung niên nhìn mọi sự, kể cả hạnh phúc lẫn gian nguy và thử thách qua lăng kính màu hồng. Tưởng như đâu có bị đối phương chém rúng giữa sa trường thì sử sách và

cuộc đời sẽ dựng mọc lên đầu khác. Muôn vạn nẻo đường đời trong tầm mắt theo tháng ngày ít dần đi và thu nhỏ lại. Đến tuổi bảy mươi thì chỉ còn có một con đường đơn độc và lạnh lùng nằm vắt vẻo bên bờ sông chết. Bến đợi nằm ngay trước mắt. Phạm Xảo góp mặt thừa dần trên những cánh đồng được thảo. Rồi một hôm, Phạm Xảo vắng mặt luôn ba ngày mà không ai hay biết vì đâu. Mọi người dáo dác đi tìm và bắt gặp Phạm Xảo ngồi im bất động, quay mặt vào tường trong ngôi miếu bỏ hoang trong vùng cây già của Thái Ấp.

Trên đường về, Phạm Xảo đi thong dong trong im lặng bên cạnh những người anh em. Thầy Tiều hỏi:

- Ba ngày qua quý hữu đi đâu?

Phạm Xảo trả lời mà không giải thích:

- Chẳng đi đâu cả, chỉ ngồi định tâm trong ngôi miếu cổ thôi thầy ạ.

Thầy Tiều lắc đầu:

- Ý tôi muốn hỏi cái tâm của quý hữu kia.

Phạm Xảo trả lời ngay:

- Thân và tâm đều ở một chỗ.

Thầy Tiều nói bằng lời vui phơi phới:

- Hà, hà. An định được vậy là tốt lắm.

Tâm An xen vào:

- Thế nào mới là không tốt, thưa thầy?

Thầy Tiều đáp:

- Tâm viên, ý mã. Nghĩa là tâm con người hiềm khi được an định mà nhảy nhót chuyền cành như con vượn và ý cũng tung vó chạy quanh như ngựa. Không tốt khi xác thân đó mà tâm ý lại bỏ đi.

Tâm An không tán đồng:

- Cái xác chỉ là tấm thân tứ đại thô lậu. Tâm ý mới là đáng quý. Nếu tâm ý bỏ cái xác thô lậu để chu du những cảnh giới đẹp đẽ của thánh thần trời đất thì có tốt không ạ?

- Không có khổ đau thì làm gì có an lạc. Không có địa ngục thì đâu có niết bàn. Không có vô minh thì không còn đạo Phật vì đạo Phật là con đường chuyển mê thành giác. Phật bất ly thế gian. Tánh Phật không nằm trên cõi trời mà nằm trong cái thân xác thô lậu ấy của con người. Nếu tâm ý đã tự tách ra và lên đến được cõi Trời thì cơ sao lại phải quay về để chui vào cái xác thân thô lậu ấy để làm gì đã chứ?!

- Thưa thầy, nhưng có rất nhiều người và bản thân đệ tử Tâm An này cũng đã có lúc nhập thiên xuất hồn lên đến tận cõi trời Đâu Suất.

Thầy Tiều hí hả:

- Đẹp không?

- Dạ, đẹp lắm thầy ơi!

- Đẹp giống gì?

- Ô, đẹp còn hơn cả Đại Nội và cung vua nữa kia.

Giọng thầy Tiều càng trở nên trào lộng:

- Chắc vua Trời cũng mười mấy ông thợ kếp xây Hoàng Thành Huế lên cảnh trời Đâu Suất để xây dựng thiên đình đó.

Biết thầy Tiều chẳng xem chuyện xuất hồn, xuất vía vào đâu, Tâm An tức mình hỏi vặn lại cho bằng được:

- Ôi, thầy mà không tin thì kẻ tiểu sanh này xin hỏi rằng, nếu không có thật thì hình ảnh ở đâu mà hiện ra đẹp đẽ đến thế?

Thầy Tiều đáp gọn lỏn:

- Ma ảnh!

Tâm An kêu lên:

- Nghĩa là ma quỷ sáng tạo ra hình ảnh đó ư?

- Lòng ham muốn của mình vẽ nên hình ảnh và phát ra từ cái tâm mơ tưởng chứ có ai ngoài ta đâu. Sự tin tưởng vu vơ, sai lầm gọi là “ngụy tín” càng lâu ngày, càng lôi kéo, lay động cái tâm mình. Đến một lúc nào đó, ta bỗng tự mình thuyết phục mình điều chính mình đã tin tưởng vu vơ trong bao lâu ấy chính là sự thật, là chân lý rạng ngời.

Tâm An quyết hỏi cho bằng được cái “chân lý rạng ngời” đích thật là gì:

- Thưa thầy, thầy là người đem trọn cuộc đời tu theo đạo Phật. Vậy thì chân lý cùng tốt mà thầy đang đi tìm là gì?

Thầy Tiều lại bật cười trước vẻ mặt nghiêm trọng của Tâm An, thầy nói dễ dãi:

- Là chúng ta đang đi về nhà đây này.

Tâm An lại nhăn nhó:

- Thôi tội quá thầy ơi! Thầy đừng đùa nữa.

Thầy Tiều cũng làm bộ nhăn nhó theo khuôn mặt Tâm An nhưng vui đùa trong lời nói:

- Hoan hỷ! Hoan hỷ! Tâm An đang đi trên đường chân lý vui vẻ, thẳng băng lại quẹo qua con đường nhăn nhó, gập ghềnh rồi, tội chưa!

Sự lặng lẽ của Phạm Xảo làm cho những lời phân tích, luận bàn thành xa lạ. Có vẻ như mọi người đang trong một thế giới của lời nói là bạc, im lặng là vàng.

Tiếng ngựa hí làm mọi người ngạc nhiên khi vừa về đến con đường dẫn vào cổng Thái Ấp. Một cỗ xe song mã đáng quen quen không có chủ đang đứng trước cửa ngõ dinh ông Hoàng tự bao giờ. Trí Hải vừa qua khỏi cổng chính thì đã gặp hai người nữ hầu bưng khay lễ vật đứng chờ. Một vị cao niên trong sắc phục lão quan xuất hiện, ngoắc tay cho hai người bưng khay lễ vật đến gần nhóm Dược Viên của Trí Hải. Trước sự ngạc nhiên của mọi người, vị lão quan rót hai chén rượu trên mâm lễ với một tấm thiệp đã được trang trọng đề sẵn trên đó và chấp tay cung kính thưa:

- Bẩm Hoàng thân đại nhân và chư vị. Hạ quan thừa lệnh quan Thượng thư bộ Hình đệ trình thiệp xin yết kiến.

Trí Hải chấp tay chào vị lão quan và tiếp tấm thiệp. Thì ra là Lê Trung Ân. Vị quan đầu triều về luật pháp này muốn gặp riêng Trí Hải và Phạm Xảo. Trí Hải phê “thuận” vào thiệp và ngỏ ý với vị lão quan mời quan Thượng thư bộ Hình vào khu nhà kiếng. Nơi đây, không khí an tịnh và thân mật chứ không lễ nghi quan cách như khung cảnh tại tiền sảnh của dinh ông Hoàng. Cả Trí Hải và Phạm Xảo đều tỏ vẻ ngạc nhiên trước cách hành xử mang tính lễ nghi một cách khác thường của Lê Trung Ân. Thường khi, Ân một mình một ngựa, quần áo thường ngày, nhẹ nhàng đến thăm Trí Hải. Chưa bao giờ ông đến với Trí Hải bằng cung cách nhà quan cả.

Những người vệ sĩ và hầu cận vẫn đứng nghiêm cẩn trong tư thế đã được xếp đặt đúng lễ nghi. Khi cả 3 người gồm Trí Hải, Phạm Xảo và Lê Trung Ân đã an vị trong ngôi nhà kiếng, nằm gọn giữa màu xanh mát của cây lá thiên nhiên, chủ nhân lên tiếng bằng giọng thân tình thường lệ, không quá câu nệ lễ nghi khách sáo như đối với một vị quan triều:

- Mời chư vị dùng trà. Hôm nay huynh đến đây chắc không phải để bàn chuyện văn chương, thế sự như thường lệ phải không ạ?

Lê Trung Ân không cười vui như mọi khi mà nghiêm trang ngỏ lời:

- Tôn huynh nói đúng. Lần này, xin được gác việc riêng ra ngoài việc công. Chúng tôi đến với tư cách là người của bộ Hình trong Lục Bộ của triều đình. Tuân chỉ đương kim hoàng thượng thi hành mật chỉ của tiên đế đã ban trước khi băng hà.

Trí Hải lò mò đoán ra giây mơ rề má về trường hợp Phạm Xảo và vua Gia Long, điềm nhiên trả lời:

- Việc công là trọng. Quan Thượng thư cứ theo quốc pháp mà thi hành. Giao tình giữa chúng ta vốn quý nhưng chẳng nên câu nệ trong lúc này.

Lê Trung Ân tươi mặt tiếp lời:

- Tôn huynh bao giờ cũng chu đáo. Trước hết, cá nhân tôi xin được bày tỏ lòng bái phục đối với lão tướng quân Phạm Xảo. Thật tôi không ngờ bao lâu nay được gần gũi một ngọn núi Thái Sơn mà vẫn tưởng là hòn non bộ. Mãi cho đến khi tiếp nhận mật chỉ của tiên đế từ tay Hoàng thượng, tôi mới sững sốt nhận biết lão gia bên cạnh Hoàng thân là danh tướng Phạm Xảo.

Đứng dậy quay về phía Phạm Xảo, Lê Trung Ân thi lễ:

- Xin tướng quân nhận nơi đây tấm lòng ngưỡng mộ chân thành của riêng tôi. Là một người bạn tâm giao với Hoàng thân, tôi đã đến đây sinh hoạt như người nhà. Nếu lâu nay có điều gì thất lễ, kính mong tướng quân đại xá cho.

Phạm Xảo khoát tay:

- Tướng quân hay lão già hầu cận cũng chỉ là tên gọi tạm thời cho tôi hay một người nào đó. Cái giao tình chân thật mới là quý. Quan Thượng thư chấp nhất chuyện nhỏ nhặt làm gì.

Lê Trung Ân bày tỏ một sự trang trọng thân tình:

- Thật là quý hóa. Cảm ơn tấm lòng độ lượng của tướng quân. Hôm nay tôi đến đây có nhiệm vụ thông trí và bàn bạc về ba điều mà tiên đế đã di chỉ phải thi hành đúng vào ngày tướng quân lên tuổi thọ bảy mươi. Thứ nhất, là cấp một trăm mẫu đất ruộng nhất đẳng điền để làm bổng lộc cho lão tướng hưởng dụng trong thời gian tuổi già sức yếu. Thứ hai, là cáo bạch trước khi lão tướng còn sinh tiền rằng, ngày tướng quân qua đời, triều đình phải đem nghi lễ đại thần làm quốc táng. Và thứ ba, là sẽ thiết đại triều nghi để phong tôn tước xứng đáng với công lao to lớn mà tướng quân đã tận trung phục vụ bên cạnh tiên đế trong bao nhiêu năm để đánh thắng Tây Sơn, thống nhất sơn hà.

Phạm Xảo như không chú ý đến lời của Lê Trung Ân. Ông nhìn lên những hàng cây du với dáng nghĩ ngợi. Trong đáy mắt một đũng tướng chiến trường xưa đã phai mờ gương giáo, nhưng cái anh hùng chiến trận vẫn còn vang vọng đâu đây.

- Thừa tướng quân, trong ba điều di chỉ của tiên đế, chẳng hay tôn ý của tướng quân như thế nào ạ?

Câu hỏi của Lê Trung Ân làm Phạm Xảo phải quay về với thực tế. Ông đáp lời:

- Cả ba điều đều không áp dụng đúng vào trường hợp của cá nhân tôi, thưa quan Thượng.

- Nghĩa là...? Tướng quân có thể giải thích rõ thêm được chăng?

- Thứ nhất, ở tuổi này rồi, tôi chỉ cần một miếng đất bằng cái giường con để chôn khi chết chứ làm chi mà cần đến cả trăm mẫu nhiều thế! Thứ hai, đạo

làm tướng như đạo làm người. Làm người không khó nhưng sống đúng đạo làm người thật khó. Không có tang lễ nào vinh quang hơn cho người làm tướng bằng những huy chương vô hình mà chiến tích và đồng đội mình đã ngã gục trên chiến trường hay còn sống sót tặng cho mình. Những công thần lương đồng như Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt mới xứng với nghi lễ đại triều và sự sắc phong tôn tước, nhưng rồi cuối cùng cái chết của họ còn bi thảm hơn là kẻ thất phu. Riêng tôi thì nẻo đi về của những chiến trường xưa đã khép. Lòng tôi đã an tịnh như hải nhi tóc bạc. Tôi coi danh lợi như khói như sương. Xin quan Thượng thư về cung bẩm với Hoàng thượng là tôi rất đội ơn tiên đế và Hoàng thượng. Nửa đời làm tướng, nửa kiếp làm tôi kết lại, tôi chỉ mong xin được một đời làm người. Khi đến ngày xuôi tay nhắm mắt, tôi chỉ mong được ra đi như một ngọn lá rụng về đất im ắng, nhẹ nhàng và thanh thản.

Cả Trí Hải và Lê Trung Ân cùng trân trọng nhìn về phía Phạm Xảo. Mái tóc trắng phao và chòm râu bạc trắng phụ họa thêm cho lời nói cô kính của viên lão tướng.

Lê Trung Ân ra hiệu cho tất cả quan quân hầu cận tả hữu lui ra. Như một trách nhiệm đạo nghĩa mang ít nhiều kịch tính đã đóng xong, những người làm chứng sẽ đồn đãi ra ngoài công luận về sự thủy chung, tôn trọng hiền thần của vua quan đương vị vốn đã từng bị mang tiếng là bạc đãi trung thần.

Còn, một mình với Trí Hải và Phạm Xảo, Lê Trung Ân khơi lại chuyện xưa:

- Nếu đêm đại tiệc ở Ngự Viên với vua Gia Long ngày đó mà không có Hoàng thân Trí Hải, chắc chắn tôi không phải là tôi bây giờ.

Trí Hải hỏi lại, giọng trầm xuống như lời tâm sự:

- Huynh tiếc?

- Cũng chẳng làm mà cũng chẳng mấy may. Nếu có chẳng điều đáng tiếc là càng làm quan, càng xa cái gốc của mình và dần dần đi đến chỗ không biết mình là ai.

- Bây giờ so với ngày ấy, huynh đã mất đi và được những gì?

- Mất gia tài thực sự bên trong của riêng mình và được những hình tướng vay mượn đây mình đeo nặng bên ngoài.

- Sao lại thế?

- Thế là thế đó tôn huynh à. Một thời đầy lý tưởng dậy trời và nhiệt tình tuổi trẻ. Thuở ấy, thí còn trong suốt không nương nhờ; tâm còn an trú trong lý tưởng cao xa. Tuy chưa thực chứng tâm không, vô ngã nhưng hướng đi khai phóng ấy sao mà đầy tính thuyết phục, lay động tâm thức con người đến thế.

- Huynh biết đến đạo Phật từ bao giờ?

- Từ nhỏ tôn huynh ạ. Nhưng tôi theo đạo Nho mà không theo đạo Phật.

- Ngày đó và cả bây giờ, cả hai chúng ta không hề nhận mình là người theo đạo Phật nhưng cái tâm chúng ta đã nương theo một con đường “minh đức”, một tinh thần hóa giải là nét tinh yếu của Phật giáo.

Lê Trung Ân bồi hồi nhắc chuyện cũ:

- Tôn huynh và tôi đã nắm tay nhau, ôm chầm nhau như anh em tiền kiếp. Thực lòng chúng ta không câu chấp Bắc Nam, không nép mình sau biên cương mới cũ.

Gió đưa lá dáo dác ẩn hiện một cách mơ hồ. Trí Hải trầm ngâm nhìn ra bên ngoài ngôi nhà kiếng, hồi lâu mới lên tiếng:

- Thời gian đã làm cho chúng ta già hơn hay khôn ngoan, từng trải hơn?

Lê Trung Ân trầm giọng thành lời tâm sự:

- Từ sau đêm Ngự Viên, cái “tâm không” an nhiên ấy đã bị cái “trí hữu” đối đãi này làm mờ mịt. Giữa chợ đời của công danh, quyền lực, vật chất đối mặt với lòng ham muốn, hận thù, cố chấp... đã từng bước, từng khắc, từng ngày làm cho cái tâm mây trắng của chúng ta thành vẩn đục mất rồi. Tôi làm quan Thượng thư; càng gần vua hơn càng có nhiều dịp quỳ lạy và phải giữ gìn ý hơn người khác. Làm quan nhỏ như người cỡi bò, lỡ sa chân thì cũng còn gượng dậy được. Làm quan to như người cỡi ngựa, đã ra roi phóng nước đại mà lỡ sẩy bước thì thân mạng khó toàn. Làm quan đầu triều như cỡi xe phượng hoàng lên trời mà người cầm lái là con trời, là thiên tử. Cỡi xe và chim phượng không bao giờ có thật nên “cỡi xe” chỉ có hành khách và người lái. Vua trực tiếp lái quan đầu triều nên quan đầu triều như ngồi trên đầu voi. Lỡ lầm là vong mạng!

Sự ví von ngộ nghĩnh làm cả ba người cười xòa, gần gũi nhau hơn.

Trí Hải nhận xét:

- Như thế làm quan khó hay đi tu khó?

- Tu là sửa mình mà làm quan là sửa người. Muốn sửa người đúng hướng thì phải sửa mình trước đã.

- Như thế thì theo huynh muốn làm quan thì phải đi tu trước đã?

- Tu hay làm quan chỉ là hình tướng; mà hình tướng là giả tướng, chả có gì quan trọng đáng kể. Điều cốt tủy là tu và làm quan không phải là hai trạng thái mâu thuẫn nhau trong cùng một con người. Đời Trần hầu như nhà nào cũng có người đi tu; hơn một nửa quan triều sống và hành xử theo tâm thức và phong thái nhà tu. Tu không phải là lánh đời mà lánh cái đáng lánh ở đời. Trần Hưng Đạo là một nhà tu. Giặc chiếm non sông thì treo áo nhà tu ra cầm quân giữ nước. Đất nước thanh bình thì khoác lại áo nhà tu.

Mời Lê Trung Ân một chén trà bằng cả hai tay, Trí Hải hỏi một cách đùa vui:

- Thế thì có chăng quan Thượng thư bộ Hình của chúng ta đây cũng là một nhà tu?

Quan Lê đùa lại:

- Nhà tu của nhà tu Hoàng thân đại nhân ạ.

- Nhà nào lớn hơn, nhà nào cao hơn thế, hả quan?

- Lớn hay nhỏ không phải là độ lớn của cái nhà mà là tính “dụng” của cái nhà. Cao hay thấp không phải là thước đo của cái nhà mà là tính “trọng” của cái nhà. Nhà tu không phải nhân dáng, là cái áo, là điệu bộ trình diễn bên ngoài mà là cái phẩm chất tu hành ở bên trong. Làm quan chấp pháp của triều đình, đôi khi tôi phải dùng nhà tù để nhốt những nhà tu vì trong những nhà tu đó đã chứa sẵn chủng tử hay mầm giống của nhà tù.

- Chủng tử của nhà tù trong nhà tu là gì vậy?

- Là sự tham dục bọc trong chiếc áo màu khả kính; là sân hận nhốt trong cái đầu thánh thiện; là si mê gói giữa lời chân kinh.

- Huynh bỏ tù nhà tu là lỗi đạo.

- Nhà tu chân chính là lương tri cuộc sống tâm linh của con người. Hiểu được điều đó nên tôi không bao giờ dám động đến nhà tu. Tôi chỉ tạm nhốt lại cái biến chất thô nhám, cột trói lại cái vọng tính hoang dại của một người phạm tội khi vẫn còn khoác áo nhà tu mà thôi. Nếu một người nào đó cứ khư khư bám chặt vào cái phẩm chất đã bị biến tướng và suy đồi đó thì cứ vào nơi giam giữ, buông tay thì trở ra. Đơn giản thế thôi.

- Huynh ạ, người cầm đầu pháp luật của một nước như huynh mà lý luận như thế là hàm hồ và áp đặt. Đánh đập một người nóng giận hồ đồ mà bảo rằng chỉ trừng trị sự bạo động và hồ đồ chứ không hề động đến thân thể của ông ta là ngụy luận, không thể chấp nhận được.

- Ô hay! Tôn huynh quên là tôi đã nói ở phần trên rằng, tu là sửa mình mà làm quan là sửa người đó sao. Nếu một người làm tốt thì mãi mãi anh ta là người tốt và ngược lại thì hóa ra con người là một nguyên khối không thay đổi được hay chăng? Thái tử Tất Đạt Đa và đức Phật Thích ca cũng chỉ là một người. Nếu thái tử không tách rời tính vương giả, tham ái và hưởng thụ ra khỏi mình để xuất gia tìm đạo thì làm sao có đức Phật Thích Ca?

- Vậy thì theo huynh, sức mạnh nào làm cho con người xoay chuyển đến hướng này hay hướng khác?

- Hình như tôi còn nhớ rằng, tôn huynh đã có lần đã nói đến một sức mạnh tổng hợp, dồn tụ qua muôn vạn chặng đường cho đến ngày hôm nay; và hôm nay cũng chỉ là một chặng đường trong muôn một. Hôm nay vừa là tụ điểm, vừa là khởi điểm cho một dòng sinh thái chảy luân lưu trong suối nguồn vô hạn và vô biên của vũ trụ, của tạo hóa.

Trí Hải nhận xét:

- Vâng, tôi thấy càng rõ tụ điểm của sự sống đó khi ngâm mình trong suối Bản Lai. Dòng nước như dòng sông cứ trôi chảy không ngừng. Nước chỉ một dòng nhưng sẽ trong vắt khi qua đá thanh, sỏi bọt đục ngầu khi qua bên cạn bùn đất, vỡ toang thành sợi khi lao ra khỏi ghềnh đá, róc rách khi vào khe núi, lạnh băng khi vào lòng đất, ấm lên một chút khi chảy qua thân tôi. Và cứ thế, dòng nước cứ mãi luân lưu, biến tướng không ngừng.

Lê Trung Ân tiếp lời Trí Hải:

- Càng suy tưởng trong vắng lặng, càng cảm nhận để “thấy” tụ điểm và khởi điểm như tôn huynh nói là một mắc xích của sự sống cứ trôi chảy triền miên mà không một sinh vật nào tránh khỏi. Ai muốn gọi sức mạnh đó là gì cũng được. Dầu cho gọi tên là trời, là đất, là đạo, là thái cực, là nghiệp, là số phận, là định mệnh... Hay là gì đi nữa thì cũng chỉ có Một Lực Uyên Nguyên hay Suối Nguồn Vũ Trụ từ vô thủy đến nay mà thôi.

Trí Hải nhớ lại khái niệm “Suối Nguồn Vũ Trụ” trong nửa năm sống trên núi Kim Phụng, hỏi Lê Trung Ân:

- Lực Uyên Nguyên hay Suối Nguồn Vũ Trụ đó là vĩnh hằng, không bao giờ biến đổi hay sao?

- Tất cả mọi vật đều dựa vào nhau mà thay hình đổi dạng; mà sinh diệt không cùng tận. Khi tụ điểm của Lực đó xuất hiện ở đời này, trong thế giới này, nó có thể thay hình đổi dạng tùy theo điều kiện mà nó trụ vào hay dính mắc vào. Như ánh sáng khi còn ở khối tinh cầu trên cao kia thì gọi là mặt trời. Nó chiếu qua rừng mây thành vòng cầu ngũ sắc. Nó chiếu xuống đại dương thành hoa nước lung linh. Nguồn sáng tưởng như là tuyệt đối, sống đời đời, nhưng thật sự nó thay đổi trong từng khoảnh khắc.

Trí Hải nhìn đuôi tóc bạc của Lê Trung Ân lọt ra ngoài áo mũ nhà quan. Lên tiếng với bạn mà có cảm tưởng như đang nói với chính mình:

- Sống thực sự là ý thức được mình đang hiện hữu. Trong hiện hữu biết được mình cần phải làm gì để cho dòng sinh mệnh chảy qua chặng đời này được tốt hơn, trong sáng hơn, đầy năng lực hơn trước khi chảy vào tương lai thì gọi là...tu.

Trong khi Trí Hải và Lê Trung Ân phân tích và trao đổi những suy nghĩ riêng của mình thì Phạm Xảo vẫn âm thầm ngồi cạnh bếp lửa than hồng nấu nước nóng pha trà. Lê Trung Ân sà xuống ngồi cạnh bếp hồng, lên tiếng:

- Mời tướng quân ngồi dùng trà cho vui. Chúng tôi là chỗ bằng hữu thân tình lâu ngày không gặp nên có quá nhiều điều suy nghĩ để nói với nhau. Mong đại huynh châm chước đến nhé.

Ánh than hồng hắt lên tóc râu bạc trắng của Phạm Xảo thành màu cổ đồng pha sắc đỏ. Trong vòng một năm trở lại, Phạm Xảo càng ngày càng trở nên

ít nói đến độ làm mọi người phải ngạc nhiên. Ông thường thức rất khuya và thích ngồi xếp bàn định tâm ngoài trời. Không ai hay ông ngủ lúc nào vì khi mọi người chuẩn bị đi ngủ thì ông vẫn còn thức và khi có người đầu tiên dậy thì thấy Phạm Xảo đã ngồi trong sương không biết đã bao lâu rồi. Có ai thắc mắc thì ông chỉ cười mà không nói. Những đồ dùng cá nhân của Phạm Xảo ngày một giản lược đến khi chỉ còn ba bộ áo quần, cái gối, cái mền, chiếc chiếu. Gia sản quý nhất của Phạm Xảo có vẻ như là bài kinh Bát Nhã viết bằng chữ Phạn và chữ Hán với nét chữ cổ gò bó một cách chân phương nhưng vẫn còn cực kỳ bay bướm. Bài kinh viết trên một vuông gấm nhỏ cũ kỹ lâu đời được lồng trong khung kính mà Phạm Xảo treo ngay trên đầu giường.

Thư pháp viết trên vuông gấm rõ ràng có hai mảnh. Mảnh trên hình như đã bị ai xé rách. Mảnh dưới được tạm thời nối kết với mảnh trên bằng một đường chỉ khâu nhỏ, mảnh mai.

Mỗi đêm trước giờ đi ngủ và mỗi sáng ngay sau khi thức dậy, Phạm Xảo thường đưa mắt nhìn vuông gấm với vẻ đắm mê và đắm đuối của người tình si mê về một đối tượng chưa hề gặp mặt. Đôi môi ông mấp máy. Tiếng vọng chưa thành lời. Nhưng cái âm vang từ chữ, từ lời, từ ý, từ cái không mệnh mông của không chữ, không lời, không ý cuốn hút ông, lôi kéo ông, buông lời ông và thả ông phiêu bạt về với chính ông an trú giữa cõi bao la không bến bờ ghé lại. Phạm Xảo buông tay, buông tay, buông tay... không biết vịn nơi đâu. Trong thâm lặng muôn đời dậy lên tiếng gọi huyền bí “Bờ Bên Kia. Hãy qua bờ bên kia!”.

---o0o---

Chương 26 - Bờ Bên Kia

Một buổi trưa, cây lá lao xao lấp loáng theo nắng. Trời trong và nhẹ giữa âm vang thỉnh thoảng thoát vẻ ca dao. Những chén trà mắt trâu gõ nhịp cho câu chuyện chỉ có hai người. Người nghe và người nói thắm vào nhau không phân biệt vì cả hai đều đã nghe và đã hiểu câu chuyện đầy ẩn dụ từ thuở xa xưa. Thế nhưng nhu cầu phải nói lên, nói những lời muôn năm vẫn còn thiếu với người khao khát đi tìm và thừa với kẻ mệt mề quay mặt như lời nói tình yêu, như lời kinh cầu nguyện... vẫn cần thiết, vẫn thôi thúc. Tiếng Lê Trung Ân đều và ấm bên bình trà nội phủ với Phạm Xảo!

- Ngày nọ, hai anh em đồng môn xuống núi. Trí Quang và Trí Minh đã sống quanh quần bên cạnh Thầy suốt mười lăm năm dài tu học. Hai anh em dắt

tay nhau bước dần xuống đồi. Cứ mỗi bước đi tới lại quay lui nhìn Thầy. Vị ân sư nuôi dạy hai trẻ mồ côi trong ngôi chùa cổ trên núi xanh dặn dò: “Cuộc đời thật dưới kia không phải là cánh trời mà cũng chẳng phải là địa ngục. Hai con đã học chín những lời dạy tinh yếu nhất của ba tạng kinh điển. Nay phải xuống núi giúp đời là việc phải làm. Nếu chỉ lo tu trên núi để cầu mong giải thoát cho riêng mình như Thầy là điều rất khó đạt vì nợ nần chúng sanh là món nợ trùng trùng ân tình, ơn nghĩa dễ vay mà khó trả. Chưa trả sạch nợ thì nghiệp chưa giải hết, làm sao buông tay, quay mặt với đời để giải thoát một mình. Vay nhiều thì phải trả nhiều; vay ít thì trả ít; không vay thì khỏi trả. Trong các món nợ thì Nợ Minh là lớn nhất. Cái tôi càng nhỏ, nợ nần càng ít. Tâm không, vô ngã là hết nợ”.

Đời vô thường nên cuộc đoàn viên nào rồi cũng đến lúc chia tay. Với nụ cười khoan hòa, tĩnh lặng, nhưng không dấu được vẻ lưu luyến lúc chia xa, Thầy dừng lại ở cuối con đường chân núi vẫy tay dặn dò và chúc lành hai đứa bé mồ côi ngày xưa bây giờ đã thành hai thanh niên tuấn tú. Nước mắt lưng tròng, hai thanh niên nhìn lui Thầy lần chót khi con đường về đồng bằng rẽ khuất sau biển cây xanh.

Về với phố chợ lạ lùng, Trí Quang và Trí Minh bịn rịn bên nhau gần mấy tuần trăng, nhưng rồi cũng phải xa nhau, tự đi tìm lẽ sống. Trí Quang về sống ngay giữa khu chợ ồn ào, tấp nập bên cạnh bờ sông. Bắt chước theo hạnh đầu đà “thông tay vào chợ”, Trí Quang tin rằng, nuôi được tâm không vắng lặng giữa chốn bụi đời phiền phức mới thật là tịnh tâm và tịch diệt được mọi ham muốn ở đời. Tìm tịnh ngay trong động; và tìm động ngay trong tịnh mới thật là gần gũi với chân tính. Nghĩ thế và làm theo, Trí Quang suốt ngày lê la sống giữa chợ, mỉm cười bất chấp những điều tục lụy khen chê. Đêm về, anh ta ngồi ngủ trong cái lu sành kê dưới gốc cây mung bên bờ sông, đêm khuya chợ vắng, Trí Quang ngẩng đầu ra khỏi miệng lu, tĩnh tọa ngồi thiền. Quanh năm, áo quần tóc tai không thay đổi chăm sóc, bất cần đến nhục thân, bất cần đến xã hội xung quanh, miễn sao giữ cho được bản tâm mình thành thánh. Trí Minh thì hoàn toàn ngược lại. Anh ta nghĩ rằng bỏ tất hạnh không xa thế gian một mảy may nên lặng lẽ vào đời để sống như mọi người. Trí Minh làm ăn trở nên giàu lớn và lấy vợ sinh con, có đủ thê thiếp, kẻ ăn, người ở đầy nhà.

Mười năm trôi qua, Trí Minh chạnh nhớ người anh em và cho người đi tìm Trí Quang. Người nhà Trí Minh tìm được Trí Quang ngoài chợ và ngỏ lời mời đến thăm nhau. Trí Quang ra điều kiện là Trí Minh phải trải thảm đỏ từ nhà đến chợ để rước mình mới chịu đến thăm. Và khi đến dinh thự, Trí Minh

và toàn thể gia nhân phải sắp hàng nghênh đón. Người nhà về bẩm báo, Trí Minh chịu mọi điều kiện của Trí Quang đưa ra.

Đến ngày hẹn, Trí Quang xuống sông tắm rửa, rồi xách gậy bước qua thăm dò đến thăm Trí Minh. Vừa đến dinh cơ đồ sộ của Trí Minh, Trí Quang ngăn người ra một lát. Anh ta bị choáng ngợp với ý nghĩ rằng, Trí Minh đã quên lời Thầy dạy, chỉ lo tham luyến giữa đời. Rồi lập tức, chẳng nói, chẳng rằng, Trí Quang xách gậy đập vỡ từng cái một những đồ đạc quý giá, sang trọng bày biện khắp nơi trong dinh thự. Đập vỡ đồ đạc chán tay, Trí Quang lại xách gậy rượt đánh người nhà của Trí Minh chạy tán loạn. Khi chỉ còn lại Trí Minh vẫn đứng tươi cười chờ đón người anh em trước cửa giữa cảnh đồ nát trong dinh thự sang trọng. Trí Quang vung gậy lên trước mặt Trí Minh nhưng bỗng chùn tay lại. Đôi mắt hung hãn của Trí Quang bắt gặp ánh mắt trong ngần, mát lạnh của Trí Minh đang thân ái nhìn mình. Cây gậy trong tay Trí Quang rơi xuống. Không nói một lời, hai anh em đồng môn cùng dang tay, chạy ào tới ôm nhau... Trí Quang nói nhẹ nhàng trong tiếng thở dài: “Đứng lại giữa đời mà lạc đường! Hèn gì Thầy mình phải vào sâu trong núi...”. Trí Minh an ủi: “Mọi vật đều biến đổi trong từng khắc. Có gì đứng lại được đâu. Cho nên tự mình đứng lại cũng có nghĩa là đang bị xô đi. Đã biết phút trước không còn, phút sau chưa đến thì có gì để bám víu và bám víu để làm gì đã chứ!”.

Kể xong câu chuyện, Lê Trung Ân tự tay pha trà mời Phạm Xảo. Kết luận:

- Tướng quân à, đồ gia bảo quý nhất là cái tâm trong sáng không dính mắc chứ chẳng phải là giá trị vật chất. Trốn chạy thực tế, chối bỏ vật chất cũng có thể là một cách tham lam đi tìm cái to hơn, cái quý hơn còn ở dạng tiềm năng, chưa tượng hình, tượng ảnh chứ chẳng phải là đi tìm chân Không, chân Tánh của Đạo.

Phạm Xảo đón chén trà từ tay Lê Trung Ân, hỏi:

- Quan thượng thư vẫn cố tìm cách thuyết phục tôi phải nhận lộc vua ban, nhận ân sủng của triều đình sao?

- Trả lời rằng “có” cũng đúng mà trả lời rằng “không” cũng không sai.

- Sao lại có trường hợp nhị trùng nhiều khê thế?

- Vì Ân tôi vừa là quan Thượng thư của triều đình, mà cũng vừa là người tin và hành đạo Phật.

- Không có sự mâu thuẫn khi cùng một lúc đóng hai vai trò vừa đạo, vừa đời như vậy sao?

- Ngược lại đại huynh ạ, hai vai trò hỗ trợ cho nhau. Nếu thiếu mất một bên thì ý nghĩa của đời sống sẽ mất đi một nửa.

- Tại sao một lúc lại cần đến cả hai?

- Cầm đầu luật pháp quốc gia như Ân tôi mà thiếu đi cái tâm chánh định, cái nhìn chánh kiến, cái trí chánh tư duy thì sẽ đi lệch đường trung đạo, bị nghiêng ngả bên này hay bên kia. Khi cán cân luật pháp mất quân bình thì luật lệ rất dễ trở thành trò áp bức. Còn vai bên kia là người theo đạo Phật. Nếu Ân tôi cứ nói toàn những triết lý cao siêu; lẽ đạo tuyệt vời mà chẳng làm gì được cho những người dân đen cùng khổ ngoài kia, cứ khăng khăng đi tìm đường giải thoát cho riêng mình thì lại vô hình chung rơi vào một sự bất công khác.

Phạm Xảo lắc đầu:

- Nói vậy, sẽ rất dễ vướng vào một sự cực đoan hình thức. Đây là chưa nói đến thái độ gần như phủ nhận phẩm chất ưu việt của những bậc chân tu, những kẻ đã hiến trọn đời mình cho đạo.

Lê Trung Ân cười và nói một cách nhã nhặn:

- Không đâu tướng quân ơi! Vàng thau thường lẫn lộn giữa đời thường, nhưng trước đời sống tâm linh thì tội và phước hiển lộ rạch ròi ngay từ trong tâm thức. Đạo Phật có đến tám vạn bốn ngàn pháp môn mà Ân tôi mới đi có một. Còn lại những tám vạn, ba nghìn, chín trăm chín mươi chín cách chọn lựa tùy duyên khác nhau nữa, thiên hạ tha hồ mà chọn lựa, tướng quân lo lắng làm gì cho vất vả.

Phạm Xảo trở lại câu hỏi ban đầu:

- Cũng chẳng có gì quan trọng. Chấp nhận làm gì chuyện sông hồ, ao biển, miễn sao có nước thì thôi. Giờ trở lại với ý ban đầu, quan muốn tôi phải thuận theo những ân điển của triều đình đã xếp đặt dành cho tôi chẳng?

Lê Trung Ân cười cười đáp lại:

- Cũng chẳng có gì quan trọng. Ân điển của triều đình ban cho mà không muốn nhận thì có sao đâu. Người ta chỉ bắt vạ kẻ oán chứ không ai bắt vạ người ân. Điều tôi cảm thấy chưa an lòng ở đây là có vẻ như tướng quân đang cố gắng thực hành con đường “vô ngã” bằng cách dựa vào cái ngã để chối bỏ, tiêu diệt nó.

Phạm Xảo nhìn lơ đãng khói trà văng vất, nói giọng băng quơ:

- Vậy à? Tôi không biết và không có ý đụng chạm đến cái gì mà quan vừa nói đó...à, à... cái ngã. Ngã ở đâu?

- Làm gì có cái Ngã thực sự. Cái “tôi” hay cái “ta” chỉ là tên gọi tạm thời cho những đơn vị hợp thể. Khi hợp thể tan thì cái tôi hay ta tạm bợ đó cũng tan theo. Tất cả chỉ là sự chuyển hóa thói quen. Khi nói “tôi muốn hay không muốn...” là dựa vào kinh nghiệm và thói quen để bày tỏ.

Phạm Xảo khen nửa như chiều lệ, nửa như mĩa mai:

- Hay thật! Nếu “ta” là hư vọng, là vô ngã thì tu cho ai và giải thoát cái gì nhỉ?

Thoáng một chút lúng túng, Lê Trung Ân trả lời:

- Vô ngã là một ý niệm tuyệt đối, không thể dùng chữ, dùng lời, dùng âm thanh hay hình tượng mà gọi tên hay mô tả được. Khi còn một cái tôi thân xác nói được “vô ngã” bằng lời thì khái niệm vô ngã chưa thực sự là vô ngã. Cũng ví như khi người ta còn nói được “tôi ngủ” thì rõ ràng là chưa ngủ hay nói được “tôi đang ngủ” thì có nghĩa là đã thức dậy. Người ngủ là người đang hòa tan trong giấc ngủ, làm sao còn nói lên được khái niệm thật sự về cái ngủ như thế nào. Những người còn tự xưng tụng hay muốn được xưng tụng mình là đức này, đáng nọ, ngài kia; còn cố bon chen cho được người trên ngưỡng mộ, người dưới cung bái để mưu cầu vô ngã là đang bước vào bóng tối để tìm ánh sáng, bám vào hòn đá chìm dưới đáy sông để làm ngộ. Vô tâm hay cố tình trói buộc cái ngã của mình, cái ngã của chúng sanh và vạ pháp vào trong chùa to, tháp lớn, tượng đài để thực hành “vô ngã” thì có khác gì nói rằng: “Ăn nhiều vào đi để cho đói, ngủ nhiều vào đi để cho thức, uống thật say đi để cho tỉnh, vơ vét cho thật nhiều đi để mà tay không...”.

- Như thế thì trong câu chuyện mà nhà quan vừa kể về hai anh em nhà họ Trí, ai đáng gọi là bậc hành giả trên con đường mưu cầu vô ngã?

Lê Trung Ân lại say sưa vào lý luận:

- Cả Trí Quang lẫn Trí Minh đều là hai trường hợp cực đoan, chấp trước; cả hai đã trù ẩn vào con mộng tưởng làm cứu cánh sau dáng vẻ “cầu vô ngã”. Khác nhau chẳng là hình thức bên ngoài. Trí Quang và Trí Minh đều bày tỏ tâm tưởng kiêu mạn theo cách riêng của mình. Trí Quang quyết xa lánh cái “có” và ngỡ rằng sẽ tìm được cái “không” bằng thái độ chối bỏ và xem rẻ đời sống và giá trị vật chất quanh mình. Trí Minh thì tìm cách xa lánh cái “có” bằng thái độ bất cần. Đó là sự chọn lựa nhập thế, tạo dựng và thỏa hiệp với cuộc đời thường. Khi đã nắm được của cải vật chất trong tầm tay mình rồi thì lại ra vẻ dửng dưng và từ bỏ nó; rồi từ có biến thành không. Tiếc thay, đây chỉ là ảo tưởng nhất thời khi tâm tưởng vẫn còn mắc kẹt trong khái niệm nhị nguyên đối đãi thông thường. Đó là khái niệm “có” và “không” vật lý chứ không phải có và không thể tánh.

Lê Trung Ân dừng nói, đưa mắt hỏi ý Phạm Xảo nhưng chỉ thấy người đối diện trầm ngâm nhìn lơ đãng đâu đâu. Im lặng hồi lâu, Phạm Xảo nói chậm rãi:

- Trí Quang và Trí Minh chỉ thực hành theo cái thấy và cái biết của cá nhân mình và thầy tổ của mình một cách trung thành. Thế theo Quan Thượng thư thì trong hoàn cảnh riêng của họ, hai anh em ấy có thể làm gì khác hơn không?

- Thầy phải đi tìm một cái ngã an tịnh và ít nhiễm độc trên núi sâu; trong khi hai gã học trò xuống núi thực hành “vô ngã vô nhiễm” giữa chốn bụi đời. Sống với bụi đời bao bọc chung quanh mà không lo “tu bụi”. Tu bụi để gột rửa bớt lớp lớp bụi bặm phong trần chực chờ bám vào trên thân xác và trong tâm tưởng liên tục trong mỗi nháy mắt. Những lớp mỏng bụi mờ không lau sạch, sự dồn tụ càng lâu càng thành đồng thành đồi. Làm sao có thể chuyển hóa cái nghiệp muôn năm dính mắc trên thân phận làm người của mình được khi bụi đời chưa lau sạch trong tâm.

- Theo quan thì phải cần tu bụi trước?

- Vâng, tu là chuyển. Chuyển là thay đổi. Trong thay đổi thì cái gì cần nhất và gần nhất thì làm trước, thế thôi. Chỉ vì mãi lo “tu đạo” khi thân chưa sạch, tâm chưa an nên cả hai anh em nhà họ Trí đều bị dính mắc vào mớ bong bóng của tâm thức phá ngã và dối ngã. Trí Quang khinh bỉ quay lưng hay nóng nảy đập phá thế giới vật chất mà anh ta coi như là “có”, là kẻ thù của vô ngã. Trí Quang nhắc ta nhớ lại hình ảnh một kiếm khách thời xa xưa

vác trường kiếm chém gió thu để cho trời hết lạnh. Trí Minh thì tự cho mình đã vượt ra khỏi vòng câu chấp; ôm trọn đời sống vật chất trong tay nhưng quay lại đánh đố và coi thường nó như một sự phủ nhận hiện hữu với tâm trạng thỏa mãn của người “giác ngộ”. Sự giác ngộ dễ dãi và ngây thơ của người chỉ thấy tượng Phật trong chùa mà không thấy tánh Phật quanh ta. Cái ngã của hai người anh em ấy to gấp đôi so với người thường. Mỗi người vốn có một cái “ngã sở” lù lù ra đó của riêng mình. Giờ đây, lại có thêm cái “ngã chấp” hiện tiền nung đốt họ.

Phạm Xảo góp ý một cách lơ lửng:

- Biết đâu vậy mà hai anh em ấy lại cảm thấy an lạc và hạnh phúc hơn tất cả chúng ta bây giờ.

- Tại sao tướng quân lại suy diễn như thế?

- Vì tất cả chỉ là phương tiện tạm thời để đi đến cái đích. Ấy là hạnh phúc. Sống là phương tiện. Thân xác này là phương tiện. Tu bụi hay tu đạo cũng chỉ là phương tiện. Qua những thay đổi, thăng trầm bên ngoài mà có người cho là “dâu bể” thì hạnh phúc nhất là tìm được ra nhau. Trí Quang và Trí Minh tìm ra nhau, ôm lấy nhau sau những đổ vỡ tang thương. Ấy là hạnh phúc.

Nhưng oan trái thường theo danh mà đến, bám lợi mà vào, nương theo lòng ham muốn mà đi. Sau lần gặp gỡ cuối cùng giữa Phạm Xảo và Lê Trung Ân, tước phong “Hùng Oai Đại Tướng Quân Tiên Vệ Phạm Hầu tự Thiện Xảo” của triều đình dành cho Phạm Xảo đã được công bố đi khắp nơi. Bảng sắc phong đã khuấy bụi thời gian là cho Phạm Xảo nổi tiếng trong các cung đường và ngoài dân dã.

Sống đời lặng lẽ như chiếc bóng trong Thái Ấp, Phạm Xảo vẫn chẳng hay biết gì đời sống bên ngoài. Cho đến một hôm, một người khách lạ đường đột đến báo là có người đang chờ muốn gặp. Phạm Xảo bằng lòng.

Khách đến viếng là một người đàn ông trung niên. Dầu có khoác lớp áo bình dân bên ngoài, nhưng dáng dấp đường vệ, cử chỉ uy nghi và ngôn ngữ cẩn trọng đã chứng tỏ địa vị cao sang và xuất thân quý tộc của người này. Bước vào dinh ông Hoàng một mình với thanh trường kiếm cắp trong tay, người trung niên tiên thẳng đến trước mặt Phạm Xảo nghiêng mình thi lễ:

- Xin kính chào Hùng Oai Đại Tướng Quân. Kẻ tiểu sanh này xin được diện kiến tướng quân. Xin tướng quân tha cho sự khiếm lễ trong việc trình báo hơi đột ngột này.

Phạm Xảo chấp tay vái chào đáp lễ người khách lạ, đáp lại:

- Không sao. Xin quan Tổng đốc chớ bận lòng về những lễ nghi hình thức.

Người khách trung niên quắc mắt nhìn như xoáy vào người đối diện và bắt ngờ cao giọng đầy giận dữ:

- Ông biết tôi là ai? Thế này thì quá lắm. Ông đã giết hết cha mẹ tôi rồi mà hơn ba mươi năm sau vẫn còn bám sát đứa con trai bất hạnh sống sót của họ là tôi để giết nốt hay sao?

Lạ thay, trên khuôn mặt của Phạm Xảo không lộ một chút bối rối hay sợ hãi. Ông nói với người khách đang nổi giận bằng giọng ôn tồn qua nét nhìn đầy nhân hậu:

- Quan Tổng đốc, người là một đại quan văn võ toàn tài, những lời nói tầm thường như thế thật không xứng đáng với vị thế và uy danh của quan đâu.

Người khách cau mày, giọng bốt xẵng, trả lời:

- Nhân nghĩa có nơi, ăn chơi có chốn. Có lẽ không cần giới thiệu ông cũng đã biết tôi quá rõ. Tôi là Trần Minh, con trai của vợ chồng người chủ quán mà ông đã giết trong đêm biến loạn đạo nọ. Tôi đã kiếm ông bao nhiêu năm mà không tìm ra tông tích. Khi ngỡ rằng ông đã chết thì tên tuổi ông lại xuất hiện như một cự lão tướng lương đống của triều đình.

Nhìn người khách trong một dáng buồn rầu, Phạm Xảo hỏi:

- Trần Minh, còn gặp nhau thì vẫn chưa muộn. Trong hoàn cảnh này, tôi có thể làm được gì để giang tay thanh toán nợ nần?

Trần Minh vẫn cố bám sát con mồi đã ra khỏi hang:

- Ân báo ân, oán bao oán. Giết người thì đền mạng là công lý xưa nay. Ông giết cha mẹ tôi. Vua tha tội cho ông; luật pháp do con người đặt ra giải tội cho ông; con người đầy chủ quan và thiên kiến xúi xỏ cho ông; kẻ cả phản ứng của cái tôi đầy ngã mạn mà người ta quen gọi là lương tâm cũng về hùa

với ông. Nhưng trời đất mênh mông, lưới trời lồng lộng tưởng như chẳng vương chân ai, thế mà một tơ hào tội ác, một mảy may bất nhân cuối cùng cũng không chui qua lọt đó ông ạ.

Phạm Xảo gật gù biểu đồng tình:

- Tôi cũng tin như thế. Chẳng hay hôm nay quan Tổng đốc muốn mang uy quyền, muốn mượn lưới trời đến đây bắt tội tôi chẳng?

- Cha mẹ tôi sinh tôi ra, tuy có công sinh thành mà không dưỡng dục. Nhưng ơn nghĩa sinh thành vẫn hết sức thiêng liêng. Đạo làm con là phải báo hiếu cho cha mẹ. Khi cha mẹ bị hàm oan thì phải minh oan; cha mẹ bị sát hại thì phải trả thù. Nói một cách rõ ràng và minh bạch là tôi muốn lấy mạng sống của ông để báo thù cho cha mẹ tôi.

- Như thế có nghĩa là quan Tổng đốc phải giết tôi mới trả thù được cho cha mẹ hay sao?

Trần Minh trả lời không do dự:

- Không còn cách lựa chọn nào khác ông ạ.

Phạm Xảo lắc đầu:

- Đáng tiếc!

- Ông sợ?

- Sợ gì?

- Sợ chết.

- Chết thì ai cũng sợ đã đành, nhưng chết một cách nông nổi và nhạt thếch thì lại càng đáng sợ và đáng tiếc hơn.

Trần Minh cười nhạt, hỏi lại:

- Chết thế nào là chết “nông nổi và nhạt thếch” vậy ông?

Phạm Xảo trả lời với giọng đầy kinh ngạc:

- Là nhắm mắt chết cho những ham muốn làm “kẻ” thánh tử đạo trung thành điên đảo. Quên chính mình để chết cho những ước mơ hoang tưởng. Hy sinh mình cho những hận thù cố chấp si mê.

Trần Minh cười hức hắc khó nghe:

- Ông lấy tư cách gì để phê phán sự dấn thân hành động của người khác đã chứ?

- Tư cách của một người sắp bị chứng kiến hay sắp bị thiêu thân cho một loại chết tương tự như thế.

- Vì nghĩ vậy nên ông đang tìm cách ngăn chặn nó chăng?

- Không bao giờ!

- Vì sao?

- Vì một hành động dẫu là điên cuồng hay ngu ngốc mà chưa xảy ra, chưa lộ mặt, chưa gây tác hại thì chỉ mới ra ở dạng “chúng tử” hay nói cách khác thì chỉ mới là cái nhân. Lấy gì để chứng minh và thuyết phục người khác đừng theo?

- Vậy là bất lực sao?

- Chưa hẳn là bất lực. Nếu đừng tạo duyên cho nhân mọc lên thành cây, thành quả thì có thể cứu vãn được.

- Cha mẹ tôi đã chết rồi thì làm sao mà cứu vãn?

- Nếu ngài Tổng đốc cho rằng chết là hết thì mọi việc làm của nhà quan hôm nay như trả thù hay ban ân báo oán là để phục vụ cho ngài chứ chẳng dính dáng đến cha mẹ ngài đã chết. Nếu ngài tin cha mẹ vẫn còn tiếp diễn dòng sống đâu đây qua tiếng tăm, qua một phần tâm thức và thân xác của con cháu thì hãy ráng bảo vệ và bồi đắp cho con cháu. Nuôi hận hay trả thù là tạo thêm nghiệp chướng nặng nề cho con cháu về sau, ích gì đâu.

- Tôi không tin cả hai. Tôi chỉ cần làm việc phải làm như vay thì phải trả. Thế thôi!

- Thế có khác gì con ngựa ăn lúa mạch của chủ thì phải kéo xe trả nợ đâu!

Trần Minh nghiêng rặng nhưng bỗng cảm thấy lạnh gáy vì cái nhìn đau đớn đầy thương cảm của ông già đang ném cho mình. Ánh mắt không sợ hãi, không hận thù, không trách móc mà xót xa như cha nhìn con lầm lỡ. Trần Minh lớn lên với bà vải trong chùa. Minh học kinh sách với những nhà sư ẩn dật, học võ nghệ với những viên khách du hóa giang hồ, lớn lên thi đậu tiến sĩ văn, cử nhân võ được bổ ra làm quan Tổng đốc. Chưa bao giờ một lần trong đời, Trần Minh bắt gặp một tia mắt nào lạ lùng như ẩn chứa cả một huyền sử không lời đến thế. Nhưng Minh đã được tôi luyện trong một môi trường kiến thức và tài năng vắng tiếng trái tim ru hời và tình cảm suối nguồn thồn thức của mẹ; không có thứ tình núi Thái Sơn đầy uy vũ mà êm đềm huyền diệu của cha. Đứa trẻ mồ côi chỉ có một con đường trước mặt: Ước mơ và chinh phục những ước mơ bằng thành đạt. Đứa trẻ đó đã sớm thành quan tổng đốc. Nó cần san phẳng những chướng ngại tình cảm tạm bợ và nhỏ bé trước mắt để cho cuộc đời đầy quyền thế và tương lai đầy tươi sáng của nó tiến lên. Nó hát đầu gạt phăng nỗi ám ảnh từ cái nhìn tha thiết của ông già đang hướng về nó, rồi cao giọng như ra lệnh:

- Lão tướng à, tôi còn bận việc công, không có nhiều thì giờ để bàn chuyện nhân luân, tri lý quanh co. Tôi muốn ông và tôi giải quyết món nợ truyền đời này trong công bằng và danh dự càng nhanh càng tốt.

Đôi mắt ông lão càng đượm buồn sâu hút và nét nhìn càng nhức nhối hơn. Ông run run lên tiếng:

- Nghĩa là quan Tổng đốc nhất định muốn tôi chết để đền mạng?

Trần Minh trả lời khô khan, dứt điểm:

- Không! Lấy mạng ông tôi chỉ cần một đường kiếm. Nhưng ông giết cha mẹ tôi, đến lượt ông thế mạng để trả nợ sòng phẳng dưới bàn tay tôi thì vô hình chung món nợ đời thế mạng lại chụp trên đầu tôi để biến tôi thay ông làm kẻ mắc nợ. Tôi muốn ông và tôi có mạng sống đồng đều, chúng ta hãy sử dụng mạng sống của chính mình để làm phương tiện hóa giải hận thù.

Phạm Xảo nhíu mày hỏi lại:

- Phải tiêu diệt mạng sống của nhau mới hóa giải được sao?

Trần Minh trả lời xác quyết:

- Mạng đổi mạng, ấy là lẽ công bằng xưa nay. Ông chỉ có một mạng và tôi cũng thế. Không có sự trốn chạy hay lựa chọn nào khác hơn.

Lưng ông lão như còng xuống. Bản lĩnh con nhà tướng không cho ông lùi bước, xuống giọng hay năn nỉ dẫu vì người khác; mà chỉ biết hy sinh cho người khác. Ông lão giật mình vì sự thông minh và nhạy bén của Trần Minh đã đi trước suy nghĩ của ông:

- Thừa lão tướng quân, cả hai chúng ta tuy khác thế hệ, nhưng đều ở hàng đệ nhất võ quan của triều đình. Truyền thống con nhà tướng của chúng ta là thà chết chứ không thà giữ mạng sống mà phải hạ thấp khí tiết của mình để được sống. Cái sống hèn mọn còn tệ hơn là cái chết đối với một vị tướng trung bình. Bởi vậy, trong cuộc thi triển mạng sống giữa tôi và tướng quân sắp đến, mọi sự hy sinh hay nhân nhượng đều đồng nghĩa với sự nhục mạ và hủy diệt thanh danh của nhau.

Lão tướng hỏi nhanh:

- Chúng ta sắp làm gì?

Chưa trả lời vội, Trần Minh mở cái bao vải dài để bên cạnh và rút ra một thanh trường kiếm. Phạm Xảo ngẩn người khi nhận ra đó là thanh kiếm cũ đã theo ông vào sanh ra tử trong bao nhiêu năm. Cũng chính thanh kiếm này Phạm Xảo đã dùng để chém chết vợ công chủ quán năm xưa. Phạm Xảo đã quăng thanh kiếm xuống dòng nước như một sự đoạn tuyệt với quá khứ. Trần Minh dùng vạt áo lau bụi làm lộ ra ánh sáng xanh ngời ánh thép của cây trường kiếm. Cầm đốc kiếm quay một vòng, Trần Minh chậm rãi nói:

- Phải, đây là cây trường kiếm của tướng quân Phạm Xảo năm xưa. Thanh kiếm này đã góp phần dựng nên nghiệp lớn cho đương triều; nhưng cũng chính thanh kiếm này đã chém chết vợ chồng người chủ quán vô tội để lại đứa con thơ. Thằng bé mồ côi cả cha lẫn mẹ đó bây giờ đang cầm lại thanh kiếm cũ và đứng trước mặt người đã giết cha mẹ nó.

Ngoài khu vườn có cây Kỳ Nam cổ mộc, Trần Minh đặt cây kiếm trên chiếc bàn đá cách đều cả hai người đang ngồi đối diện nhau. Phạm Xảo nhìn đăm đăm cây kiếm. Tùng tiếng của Trần Minh rớt xuống đanh như chém đá:

- Trước mắt chúng ta là cây kiếm. Bắt đầu từ thời khắc này, tôi và ông ngồi yên tại chỗ, không ai được nằm xuống hay nói chuyện. Không ăn, không uống cho đến khi một trong hai người gục xuống. Người chưa gục phải lấy

kiếm chém đầu người gục trước. Sau đó, sẽ có người xách thủ cấp vừa bị chém về chỗ lăng mộ của cha mẹ tôi để tế giải oan. Tôi đã dặn dò chuẩn bị mọi thứ và cho bố trí người canh mật. Đây là hai bản giao ước giống nhau đã soạn sẵn. Nếu tướng quân đồng ý, cả hai chúng ta sẽ ký vào và mỗi người giữ một bản làm bằng chứng. Kẻ chết được yên thân và người sống cũng không sợ bị ai bắt vạ.

Phạm Xảo biết là không thể nào lay chuyển được lòng dạ kiêu mạn và sắt đá của con người trẻ tuổi này. Ông chỉ hỏi:

- Nếu cả hai người cùng gục một lần thì sao?

- Khi một người đã chết, người còn sống sẽ được cứu cho tỉnh lại. Mọi việc lớn nhỏ đều đã có dự liệu trong bản giao ước này. Điều chắc chắn là sẽ không có trường hợp cả hai người cùng sống hay cùng chết sau cuộc thi triển này.

Không buồn nhìn vào bản văn đã được soạn sẵn với mực xạ và dầu son đỏ chót. Phạm Xảo trầm ngâm nhìn vào khoảng không. Trần Minh giục:

- Ông vẫn còn đắn đo vì nội dung của bản văn chưa được công bằng hợp lý hay sao?

Phạm Xảo trầm giọng:

- Những bản văn loại này thì bản nào mà chẳng giống nhau. Tôi chỉ thất vọng vì một nhân vật trẻ tuổi, anh tuấn như quan Tổng đốc Trần Minh mà cũng chẳng khá lên được chút nào.

Đỏ mặt vì bị xúc phạm, Trần Minh gằn giọng:

- “Không khá” có nghĩa là thế nào, thưa tướng quân?

Giọng kẻ cả và xa vắng, Phạm Xảo trả lời:

- Là mang nhân cách hèn mọn như phường quan chợ, quan đường, chuyên diễn trò ném đá giấu tay.

Như bị ai đánh lén bất ngờ, Trần Minh đứng thót dậy, lớn tiếng hỏi:

- Xin lỗi ông, tuổi tác không phải là giấy phép để một người già có quyền nhục mạ một người trẻ như ông đang xử sự với tôi.

Vẫn với giọng ôn tồn pha chút buồn bã, thất vọng, Phạm Xảo trả lời:

- Nói lên sự thật thường nghe không được bùi tai, nhưng đây mới đúng là sự kính trọng thành thật. Có lẽ vì dành cho ông quá nhiều trọng nể tôi mới nói thẳng với ông như vậy. Tôi tiếc cho ông vì ông hành xử chẳng có gì khác hơn là bọn hủ quan sợ sệt thần và miệng đòi hơn sợ đao phủ. Ông muốn giết tôi để trả thù cho cha mẹ ông nhưng không dám thẳng thắn hành động vì tôi là lão thần được triều đình sắc phong và mọi người đều biết. Ông xem tuổi trẻ phương cường của ông như một bảo đảm chắc chắn cho sự chiến thắng trên tuổi tác già nua của tôi. Ông bày ra trò song đấu này vì tin chắc là ông sẽ thắng tôi, để tiêu diệt tôi một cách đương nhiên trong công khai và danh dự. Trò chơi quý tộc giết người tiểu xảo này có thể hợp với chức vụ của ông đang nắm giữ nhưng không hợp với hoàn cảnh xuất thân và con người của ông đâu. Trước khi ký vào giấy, tôi chỉ xin nhắc lại một điều: Ở đời, ta có thể thắng, có thể thua là chuyện bình thường; nhưng đừng làm vắn đục lương tri của mình bằng những trò gian manh và hèn hạ.

Không để cho Trần Minh kịp trả lời, Phạm Xảo nâng ngay nghiên bút đã đặt sẵn bên cạnh lên và ký tờ này đến tờ khác.

Trần Minh không còn đầy kiên nhẫn đến nghe ông già nói gì thêm. Chỉ cần kéo cho được ông lão vào sân quyết đấu là kể như đang làm chủ được chiến thắng sau cùng. Để cho lưỡi gươm ân huệ và quan tài tranh luận với nhau trong bóng tối, Trần Minh cùng ký vào bản giao ước.

Cuộc đối mặt trả thù có Thần Chết làm chứng bắt đầu trong vắng lặng.

Một ngày đã đi qua.

Hung thần đến trước là cơn khát. Cái khát không còn là sự thèm nước bình thường mà nó trở thành rừng dao sắc nhọn chạy khắp châu thân. Mũi nhọn của cơn khát đâm vào từng lỗ chân lông và nghiền nát từng thớ da thịt. Hơi thở và mạch máu từng hồi nóng rần rật như đang sôi. Chiều về và đêm xuống lạnh làm dịu lại cơn khát thì cái đói bắt đầu xuất hiện. Đói và khát quyện vào nhau.

Ngày thứ hai.

Hai cao thủ vẫn ngồi lưng thẳng băng. Bốn mắt như kiếm khí chiếu thẳng vào nhau. Hai dũng tướng đã xông pha trên chiến trường. Bản lĩnh và khí phách của đôi bên không nhường một chỗ trống nào cho những kẻ đòi nhượng bộ của tình cảm yêu đôi.

Ngày thứ ba.

Mưa chiều xuống, sương đêm thấm lạnh và nắng lên. Mỗi cơn gió thoảng qua đã mang theo mùi nực nội của người này hay người kia.

Ngày thứ tư, ngày thứ năm, thứ sáu...

Lung cả đôi bên không còn thẳng. Đầu hơi cúi xuống. Hơi thở như đã có mùi chết chóc vờn qua.

Đêm thứ bảy...

Thời gian chậm lại. Trời xuống thấp và đất đang run dưới chân hai đấu thủ.

Trăng lên sau rừng lá. Ánh sáng là lửa, dầu là ánh trăng xanh bạc màu sữa loãng. Phạm Xảo bắt đầu chú ý đến âm thanh hơi thở khô khan của Trần Minh. Người trung niên đang độ phương cường ấy có đủ bản lĩnh của dương tính động, đương đầu và xông pha. Lão già bên bờ sinh tử lại có thừa sức trì của âm tính tĩnh, chịu đựng và nhẫn nhục. Tính động cần tiêu dùng năng lượng trong khi tính tĩnh bảo tồn được năng lượng. Qua những tháng ngày tĩnh tọa định tâm, Phạm Xảo biết rõ là trong cuộc thi triển này, Trần Minh sẽ gục ngã trước rất nhanh. Phạm Xảo rợn người khi nghĩ đến giây phút chính tay mình phải cầm lại thanh trường kiếm năm xưa để chém đầu Trần Minh đúng theo quy ước trong bản giao kèo đã ký.

Đã quá nửa đêm, hơi thở của Trần Minh có vẻ dồn dập hơn. Trăng lặn dần, có tiếng Trần Minh rên khe khẽ. Phạm Xảo vẫn đắm mình trong cơn định tâm sâu lắng. Tiếng gà gáy sáng cuối Thái Ấp bắt đầu trời dậy. Tiếng gà từng đêm nối đêm trong cơn trường mộng mấy mươi năm chưa dứt. Tiếng chuông chùa Thiên Mụ giọt xuống. Mỗi tiếng chuông sau, tiếp nối tiếng chuông trước đã lụi tàn, là sự sống. Tiếng chuông vỡ òa, chiếm hết không gian, rồi theo thời gian nhỏ dần, nhỏ dần, nhỏ dần... rơi xuống và mất hút vào khoảng không. Không lớn không nhỏ. Không trên không dưới. Không đến không đi. Cái không quá khứ hay vị lai mà bao trùm tất cả và tan đi. Tan đi. Vắng lặng.

Sương đêm làm ẩm vai áo hai người. Hơi sương thấm vào từng lỗ chân lông đang khô khốc giúp cho cơn khát dịu xuống. Mặt trời vừa lên sau tàng cây. Ánh sáng không xua nổi bóng tối của một sự gục xuống đang ngập ngừng đợi chờ từ bốn phía. Phạm Xảo cảm thấy tỉnh táo hơn bao giờ hết. Có một dòng sông vô cánh vừa hiện ra trong tâm thức của ông. Dòng sông huyền diệu quá, sương khói quá. Cái chết, cái sống nối đuôi nhau trôi về một nơi xa lắc. Bờ bên này và bờ bên kia có khác gì đâu. Nén một hơi thở đã thấy tay mình dài cả dặm. Với tay ra là quá dòng sông vắng lặng. Không níu kéo mà bờ bên kia đã nằm tan loang dưới lòng bàn tay. Không còn bên này, không còn bên kia níu kéo. Đã hết bờ. Ngồi bên này mà cũng đã qua bên kia. Reo vui.

Xóc kiếm đứng lên như cơn gió mới, Phạm Xảo cầm chặt đốc kiếm trong tay, có tiếng nói thều thào của Trần Minh:

- Khoan, khoan đã... Tôi, tôi... chưa, chưa ngã gục mà.

Mặc... không còn để ý, Phạm Xảo nhảy ba bước đến bức tường vôi trắng xóa. Loáng kiếm, hoa lên. Dòng máu đỏ tươi phọt ra từ ngón tay trở, ngón tay quần thảo thành những nét đại tự lên tường vôi: “Yết đế, yết đế, ba la yết đế...”. Máu cạn. Loáng kiếm hoa lên. Dòng máu đỏ yếu dần từ ngón tay giữa, nét chữ nhỏ dần, đứt quãng: “Ba la tăng... yết... đế...”. Máu cạn. Loáng kiếm hoa lên. Máu đỏ đã cạn, rỉ ra yếu dần và khô lại từ ngón tay đeo nhẫn, nét chữ rời rạc như sương pha ráng đỏ. Nét chữ chỉ còn là chấm móm mơ hồ: “bồ đề, tát... bà... ha”.

Trên bề đá giữa nền vôi trắng, mấy dòng chữ Hán màu đỏ tím càng lúc càng hiện rõ dần khi nắng lên cao. Đó là câu thần chú cao thâm nhất, uyên áo nhất, vi diệu nhất mà không một câu thần chú nào khác có thể so sánh được trong kinh điển Phật giáo. Nhưng đó cũng là câu thần chú đơn giản nhất, dễ hiểu nhất, bình dân nhất trong kho tàng ngôn ngữ thần chú của lịch sử loài người. Nội dung thần chú ấy chỉ là: Qua đi, qua đi, hãy qua bên bờ bên kia. Reo vui. Pa-ra-mi-ta!.. tiếng reo vui nguyên thủy của người Ấn Độ khi đã tới bên bờ đẹp tươi. Bờ giác ngộ. Bờ Không.

Thân hình tâm thức, ngồi xếp bàn ngay ngắn như đang thiền định, lưng dựa vào bức tường có câu chú Bát Nhã Ba La viết bằng tất cả dòng tinh lực, râu tóc bạc như tơ... Phạm Xảo chỉ còn là cái xác.

Bằng những phản ứng yếu đuối, Trần Minh chỉ có thể ngồi nhìn Phạm Xảo chặt ngón tay, rút hết máu trong mình để viết... Như sự nhớ điều gì, nguồn tinh lực đang ẩn tàng từ vô thức bỗng cháy lên, Trần Minh cảm thấy như ai

vừa vực mình sống lại. Minh chụp ngay nửa vuông vải gấm vàng để trong ngực áo đã cũ xưa ra nhìn. Cả bầu trời lồng lộng chỉ còn tụ lại thành một mảnh. Bài kinh Bát Nhã viết bằng mực son trên mảnh gấm vàng bị xé nát phần cuối. Phần cuối đó là câu kết của bài kinh Bát Nhã mà Phạm Xảo vừa viết trên bức tường vôi trắng. Nét đá, nét móc cuồng thảo trên gấm vàng và tường vôi trắng gặp nhau. Đã ba mươi năm Trần Minh đi tìm kẻ thù và người ân mà không gặp. Kẻ thù giết cha, giết mẹ. Người ân giấu mặt giao đũa hài nhi cho bà vải ở chùa và thường xuyên lo lắng cuộc sống cơm áo, học hành của đứa bé cho đến khi khôn lớn thành tài ra làm quan. Trước khi mất đi, bà vải ở chùa đã trao cho Trần Minh kỷ vật duy nhất mà bà có được về người ân, đó là vuông vải gấm vàng có bài kinh Bát Nhã bị xé mất câu chú sau cùng.

Trần Minh nhớ lại ánh mắt đau đớn gần như van lơn của lão tướng Phạm Xảo khi ký vào thỏa ước thi triển giữa hai bên.

Lần đầu tiên, quan Tổng đốc trẻ tuổi thành công đầy kiêu hãnh ấy ôm mảnh gấm vàng và khóc vùi dưới chân cái xác uy nghi như tượng thần của lão tướng.

Trần Minh nói đủ cho mình mà cả ba ngàn thế giới đều nghe: “Mẹ ơi! Cha ơi! Ân nhân ơi! Ước chi con gần được những trái tim của Mẹ, của Cha, của Người Ân từ ngày còn bé để con biết khóc như hôm nay trước khi con biết hận thù!”.

---o0o---

Chương 27 - Duyên Tu

Càng lớn tuổi, càng được nhiều tiếng tăm và danh vọng, con người càng dễ làm quen nhưng khó làm bạn. Thời son trẻ, khi hai người làm bạn, cả hai đều mở rộng hai tay, hai mắt và tấm lòng của mình để đến với bên kia để dãi, vô tư, không tính toán. Nhưng càng về già, trong mỗi nụ cười và trong từng cái bắt tay hình như có ẩn chứa vài mảnh hoài nghi và dăm ba câu hỏi. Hoài nghi và câu hỏi làm cho tình người và tình thân đeo nhiều lăng kính. Rồi từ đó, nhìn nhau qua những cặp kính màu nên càng khó trải rộng giao tình thân thương và chân thật để đón lấy nhau. Người ta tự quán mình trong nhiều lớp vỏ lân quần từ ta đến tôi, tới mình, sang tớ... rồi cảm thấy cô đơn. Trí Hải nhận ra sự trống vắng khi Phạm Xảo không còn nữa. Phạm Xảo là chiếc bóng của Trí Hải. Chiếc bóng là người bạn không nói nhưng luôn luôn có mặt bên mình. Khi sống một mình không có chiếc bóng

Phạm Xảo, Trí Hải cảm thấy như nguồn sáng lơ lửng vẫn treo đầu đó nhưng không chiếu xuống đời mình, nên bóng mình bỗng khuất.

Tình cảm nhớ thương là ý hướng đi tìm một sự thiết thân bị mất. Trí Hải nhớ Phạm Xảo trong nỗi thèm muốn đi tìm một dáng xưa, một nguồn tình cảm quen thuộc. Khi nhớ một người đã mất thường gặp nỗi hụt hẫng của kẻ đi tìm mà chẳng biết tìm ai. Nỗi nhớ mịt mù, rồi bỏ cuộc, chẳng còn tha thiết đi tìm để chỉ còn đối diện với trống vắng, hư không.

Tuổi trẻ lấy thương làm nhớ. Tuổi già lấy nhớ làm thương. Từ ngày Phạm Xảo mất, đêm đêm, sau khi mọi người đi ngủ, Trí Hải vẫn còn thức một mình. Giữa đêm khuya thanh vắng, mang chén cơm để dành trong bữa ăn chiều, đặt trên bệ đá dựng ở bồn hoa trước sân, Trí Hải thắp một cây nhang và ngồi tưởng nhớ Phạm Xảo. Ông ngồi nhìn đốm sáng cháy đỏ theo gió trên đầu cây nhang cho đến khi nhang cháy hết.

Đêm rằm tháng Bảy, trăng sáng mênh mông. Trí Hải định quay bước trở vào thì bỗng nghe tiếng chân rón rén của ai bước lảo xào trên lá. Ba Gám. Tiếng nói rất nhẹ mà cũng làm chao động ánh trăng:

- Mới đó mà Phạm huynh đã ra đi vừa đúng 49 ngày.

Không quay lui, Trí Hải nhắc thêm:

- Và cũng vừa hết thân trung âm.

Tiếng Ba Gám ngập ngừng:

- Làm sao mà biết được hết hay còn, hở huynh?

Trí Hải hỏi Ba Gám:

- Thế Ba Muội có bao giờ nghe ai nói về thân trung âm là gì không?

- Dạ có, huynh ạ. Hồi còn ở trong cung, muội có đọc một số sách vở nhà Phật bàn về sự sống chết. Muội chỉ nhớ mang máng rằng, người ta gọi “Thân trung âm” là sự sống còn tồn tại và chuyển tiếp sau khi chết. Nhưng muội không ngờ mà cũng chẳng tin.

- Tin thì có mà không tin thì không có thôi.

- Mọii nửa tin nửa ngờ là không biết có còn hay không một trạng thái sống sau khi chết. Trong khi sách vở nói rằng, linh thức (linh hồn và tâm thức) của con người còn kéo dài đời sống đến 49 ngày, rồi tùy theo nghiệp lực mà đầu thai. Thời đó, mỗi khi bị sai vào dọn dẹp phòng trống của một cung nữ già vừa mới chết, mọii cứ mừng tượng cái “thân trung âm” là con ma mới còn lẩn quẩn đâu đó chờ tái sinh mà sợ hết hồn. Ô, mà tại sao lại 49 ngày hử huynh?

Trí Hải giải thích một cách ngấp ngừng:

- Vì chẳng phải là hành giả phát nguyện tu theo đạo Phật, nên tôi chỉ có chút hiểu biết giới hạn qua sách vở về ý nghĩa của con số “linh tính”. Số lớn nhất của dân Trung Hoa là số 9, trong khi đó số lớn nhất của dân Ấn Độ là số 7. Theo quan niệm triết học Ấn Độ, số 7 là con số biểu trưng cho sự hoàn hảo của vũ trụ. Nó được xác lập trên 7 nguyên lý tổng hợp của thời gian 3 thời (quá khứ, hiện tại, vị lai) và không gian 4 hướng (Đông, Tây, Nam, Bắc). Theo tư tưởng kinh Hoa Nghiêm, toàn thể vũ trụ nhân sinh từ vật nhỏ như vi trần đến vật to lớn như núi Tu Di, tất cả không ngoài con số 7. Phật cũng có 7 ngôi vị (thất Phật). Người tu theo Phật cũng có 7 hạng (thất chúng). Bởi vậy con số lớn nhất, tròn trịa nhất và gần gũi nhất của truyền thống Ấn Độ là 7 lần của 7 tức là 49. Mọii đọc sách Phật mà có nhớ hình ảnh thái tử Tất Đạt Đa sinh ra bước 7 bước, mỗi bước nở một hoa sen. Hoàng hậu Ma Gia sinh thái tử Tất Đạt Đa được 7 ngày thì mất. Hành giả Tất Đạt Đa nhập định 49 ngày dưới cội Bồ Đề hốt nhiên đại ngộ thành Phật và thuyết pháp trong 49 năm không? Có chẳng con số 49 này cũng có gốc rễ từ số 7?

- Ô, phải rồi đó huynh ạ. Mọii được đọc một ít sách cổ của Phật giáo Ấn Độ và cứ bị con số 7 ám ảnh hoài trong trí. Tại sao lại là 7 mà không 6 hay 8? Rồi phải chăng 12 nhân duyên khi sinh sôi nảy nở tới đa đến 7 lần, nhân lên 7 lần 12 sẽ đạt tới mức 84 là cao nhất. Và 84 thiên biến vạn hóa thành ra 84 nghìn hoàn cảnh và mỗi cảnh đều có một cách riêng, nên có đến 8 vạn 4 nghìn pháp môn để tùy cảnh và tùy duyên mà đối trị.

Trăng khuya càng sáng vàng vạc. Lại có tiếng chân ai bước tới. Một người vừa đến, nổi lên tràng cười thoải mái. Thì ra, tiếng thầy Tiều:

- Đúng hôm nay là thất tuần của tướng quân Phạm Xảo.

Vớ được thầy Tiều, Ba Gám reo lên:

- Thật là buồn ngủ mà gặp chiếu manh! Thầy ơi, xin Thầy giải thích cho ra con số 49 đây ám ảnh này.

Thầy Tiều đang hăng giọng như để cân nhắc về một con số chính xác nào đó rồi lên tiếng:

- Với nhà Phật, tất cả những con số chỉ có ý nghĩa tượng trưng. Vì con số tròn đầy nhất của đạo Phật mà quý hữu thường nghe là “vô lượng vô biên”, “hằng hà sa số” không có giới hạn. Rồi những dòng số vô tận đó cũng chỉ là không.

Ba Gắm lại thắc mắc:

- Không có số đếm thì làm sao để tính toán, thưa thầy? Vẫn còn số đếm tam quy, ngũ giới, tứ diệu đế, bát chánh đạo, mười hai nhân duyên kia mà.

- Tất cả chỉ là phương tiện tạm thời. Con thuyền cũng phải có ván đóng kín ba mặt trong một giới hạn nào đó mới nổi được trên mặt nước để chèo qua sông chứ.

- Vậy thì thưa thầy, thời gian 49 ngày có phải là phương tiện cần thiết để cho một linh hồn mới lìa khỏi xác chuẩn bị đầu thai không?

- Quý hữu đã biết là thân trung âm hay còn gọi là thân trung hữu. Trong tín lý nhà Phật, thời gian tồn tại của thân trung âm cũng có nhiều lý thuyết khác nhau. Có bốn nhà luận sư được nhắc đến nhiều nhất là: Luận sư Tỳ Bà Su cho rằng nó chỉ có trong khoảng khắc sau khi chết, liền sau đó đầu thai. Luận sư Thế Hữu cho rằng nó tồn tại lâu nhất được bảy ngày. Luận sư Thiết Mặc Đa cho rằng nó có thể tồn tại trong bảy lần bảy là bốn mươi chín ngày. Riêng luận sư Pháp Cứu thì cho rằng thời gian tồn tại của thân trung âm sau khi chết không nhất định. Tùy theo nhân duyên mà thọ sanh. Do nghiệp lực rất mạnh thúc đẩy, nếu trung âm đáng thọ sanh vào loài người thì khi hội đủ duyên liền sanh vào loài người; trung âm đáng thọ sanh vào loài súc vật thì khi hội đủ duyên, liền sanh vào loài súc vật. Như Hoàng thân quý hữu vừa nhắc lại đó, “Linh tại ngã, bất linh tại ngã”, có hay không là do mình tin hay không mà thôi.

Ba Gám hỏi một cách hồn nhiên:

- Thế Phạm huynh bây giờ ở đâu? Chết là hết hay còn?

Thầy Tiều với giọng bông đùa:

- Biết làm gì cho vội. Cứ chờ cho đến khi chết hẵng hay tín hữu à.

Nương theo lời nói đầy hài tính của thầy Tiều, Ba Gám hỏi tiếp:

- Đúng quá! Nếu thế thì thầy cũng phải chờ cho đến khi biết đích xác “huơng linh” có hay không mới đọc kinh cầu nguyện vãng sanh nước Cực lạc chứ.

Thầy Tiều hỏi lại Ba Gám:

- Thí chủ Ba Gám khuyên thật chí lý về cái còn và hết. Thí chủ nổi tiếng là người giàu có trong thiên hạ. Vậy gia sản của thí chủ bây giờ ở đâu hết?

Bị hỏi một cách đột ngột Ba Gám lúng túng:

- À, dạ. Ở khắp nơi thầy ạ.

- Nếu ngay bây giờ không may Ba Gám lăn đùng ra chết thì tiền của đó có còn không?

- Dạ vẫn còn chứ.

- Còn ở đâu?

- Đâu đó giữa cuộc đời này.

- Không, tôi muốn nói tiền của mà Ba Gám mang theo kia.

- Chẳng còn gì cả ngoài hai bàn tay trắng thầy ơi.

- Không đúng, còn! Xưa nay sách vở đời thường dạy sai cả khi cứ đua nhau “dọa” rằng, chết là hết, là chỉ còn hai bàn tay trắng, chẳng mang theo được gì. Cái gì của riêng mình đều được mang theo hay phải mang theo.

Ba Gắm reo lên thú vị:

- Thiện tai! Thiện tai! Chết rồi mà vẫn còn mang sự giàu sang theo được. Nào, thầy phát tâm từ bi dạy cho con cách mang tiền của theo khi đã hết thở rồi đi. Thích quá thầy hỉ.

Thầy Tiều cười hỉ hả theo sự kích động trẻ thơ của Ba Gắm. Thầy nói:

- Người ta có thể giúp đỡ hay chỉ dạy cách làm ăn cho kẻ có chí, có tài trở nên giàu có khi còn sống. Nhưng không ai dạy được cách mang theo tài sản sau khi chết được cả.

- Coi kìa! Thầy vừa nói “còn” tài sản mang theo được sau khi chết mà.

- Phải, phải. Cái nghiệp trong tâm, trong trí, trong đời đã tạo ra khi còn sống đều phải mang theo sau khi chết. Nghiệp lành như trí tuệ, tình thương được bồi dưỡng hay nghiệp dữ như hận thù, ngu dốt của mình trong lúc còn sống, khi chết phải mang theo. Không ai có quyền hưởng phước lành hay chia nghiệp dữ của người khác sau khi người đó qua đời. Như tướng quân Phạm Xảo không còn nữa, nhưng những tài sản mà Phạm hữu giúp nuôi Trần Minh nên người vẫn còn mãi mãi trong dòng sống của Trần Minh hiện tại hay những Trần Minh này, Trần Minh nọ, Trần Minh kia... trong dòng sinh diệt và biến tướng không ngưng nghỉ về sau này. Cũng vậy, tài sản mà thí chủ Ba Gắm tiêu dùng vào việc đúng hay việc sai vẫn còn mãi trong dòng sống của những người tiếp nhận nó bằng lúc này hay lúc khác; cách này hay cách nọ. Tất cả sự sống quá khứ, hiện tại, vị lai là một vũ trụ nhỏ, tạm tách ra, rồi lại trở về vũ trụ Đại Nguồn nên gia tài của mỗi chúng ta chẳng bao giờ mất đi một mảy.

- Thầy ơi! Thầy nói nghe thì hay nhưng mơ hồ quá. Làm sao ta biết được mình đã tạo phước; mình mắc nợ hay ban ơn cho ai đó trong chuỗi dài sinh diệt hử Thầy?

Vẫn với dáng điệu vui vui mà đầy suy tưởng, thầy Tiều cười cười giải thích:

- Mới gặp một người ta thích ngay hay ghét ngay. Có khi gặp một người từ đâu tận chân trời góc biển lù lù hiện đến rồi kết tình, kết nghĩa sống gần gũi và san sẻ một đời. Có những sự giúp đỡ bất ngờ mà ta gọi là “may”; hay sự phá phách làm hại mà ta gọi là “rủi”... Tất cả những sự tác động qua lại đó, thường ngỡ như xa xôi và cách trở, nhưng chỉ là chuyện “trong nhà”, là sự tương tác trong một dòng chung của Suối Nguồn Vũ Trụ. Cảm giác ta

thương ghét khi gặp một người chỉ là tác động đến sau, là kết quả của “gia tài” đã ban phát hay lấy đi; cho hay mắc nợ giữa ta và người đó.

- Như vậy thì con thấy mình còn quá nghèo Thầy ạ.

- Sự giàu nghèo tự chúng nó tính toán với nhau, tự nhiên và công bằng như nước chảy về chỗ thấp; như nồng độ mặn nhạt, nóng lạnh phải hòa nhau. Cái “thấy” của thí chủ Ba Gám là một ấn tượng chủ quan. Như kẻ nghèo thì sung sướng với cảm giác giàu có khi kiếm được dăm ba đồng. Nhưng người giàu thì thất vọng với cảm giác nghèo nàn khi có được bạc vạn mà không lên tới bạc triệu.

- Nếu đã có một sự tự điều hòa và san sẻ công bằng như thế thì cần làm việc tốt là đủ, cần gì phải đi tu nữa, phải không Thầy.

- Đi tu là phương tiện. Chiếc thuyền chưa phải là sự đảm bảo cho việc qua sông, qua biển mà cần phải có phương hướng đúng, tay chèo hay.

- Một người đi tu so với một người thường sống giữa thế gian, thì ai hơn ai kém nhau về mặt nào, thưa Thầy?

- Mặt nào là mặt nào?

Ba Gám xác định:

- Như về mặt đạo cao đức trọng; mặt tiếp xúc với đời sống tâm linh; mặt giá trị làm người; mặt tu hành đắc đạo... chẳng hạn thì ai hơn ai kém?

- Không ai hơn mà cũng chẳng ai kém.

- Lạ quá. Sao lại như thế được?

- Vì khi đánh giá hơn và kém là phải dựa vào một tiêu chuẩn hay thước đo nào đó có giá trị đúng tuyệt đối. Nhưng chẳng có một giá trị nào tuyệt đối cả. Người đi tu và kẻ ở đời thường chỉ khác nhau về nề nếp sinh hoạt, nghĩa là khác nhau về phương tiện, hình tướng. Dùng phương tiện, hình tướng để gột rửa vô minh, đi tìm ánh sáng. Tu là sửa đổi, là chuyển hóa từ thấp đến cao, từ xấu sang tốt, từ tối tăm sang sáng suốt. Bất luận người xuất gia hay kẻ tại gia hãy một khắc dừng lại và thỏa mãn với cái mình đang có là đang chìm đắm; ngược lại khi chuyển mình cải hóa là tu.

- Như thế thì với thiện tâm cầu đạo, xuất gia đi tu chẳng có lợi gì hơn là ở nhà sống cuộc đời thường để tự mình tu sao Thầy?

- Người đi tu có giới luật và hình tướng thường xuyên nhắc nhở nên biết mình đang tu và phải tu. Còn người đời thường hoàn toàn tự do nên thường quên là mình cần phải chiến đấu với lòng ham muốn của mình từng khắc một để vươn lên; lại có khi hện rày, hện mai “sẽ tu” và thường hóa ra quá muộn. Giữa cõi vô thường này, ai biết được đôi khi chỉ trong một nhấp nháy mở mắt ra là còn sống mà nhắm mắt lại là đã chết.

- Có phải đi chùa, cầu nguyện để cầu xin giải thoát là cách tu tốt nhất không?

- Cầu xin ai? Muốn khám phá thì phải siêng năng làm ăn. Mình mắc nợ thì mình phải trả. Chỉ biết nhắm mắt trông cậy vào người thương hại và tìm người tốt bụng đứng ra để rước nợ cho mình tha hồ tiêu xài thỏa thích là mơ mộng viễn vông. Đi chùa, cầu nguyện là phương tiện thấy và nghe. Đọc kinh để thấm hiểu lời nhắc nhở của các bậc hiền thánh cho mình chú thật ra chẳng có ai đang đợi mình ở tượng, ở đài, ở chùa, ở tháp, ở tận đâu đâu chờ khi mình gọi, mình kêu để đến dắt mình đi về cõi hạnh phúc, giải thoát cả.

- Thế thì tại sao muốn cho thân tâm an lạc lại phải đi chùa Thầy nhỉ?

- Đôi mắt nhìn, cảm giác riêng và tác động của âm thanh, hương vị là cửa ngõ đi vào tâm. Đặt chợ trước cửa ngõ thì tâm dao động ồn ào, náo nhiệt. Đặt vàng trắng thanh trước ngõ thì tâm vắng lặng, thanh thoi. Đặt cảnh chùa, mùi trầm hương và tiếng kinh như lời thơ trước ngõ thì tâm an lạc.

- Có người đến chùa thường xuyên mà tâm vẫn loạn động là tại sao?

- Chỉ vì người đó thân thì ở chùa mà tâm thì ở chợ. Chân bước vào chùa mà tâm hướng thiện không mang theo thì dẫu có ở cả đời trong chùa tâm vẫn là tâm loạn.

Ba Gám lặng lẽ nhìn thầy Tiều. Vị tu sĩ này thật kỳ lạ. Ông nói chuyện đạo mà chẳng bao giờ thuyết phục người nghe đi vào thế giới thần bí hay màu nhiệm của tôn giáo. Ông nói chuyện đi tu cũng thân nhiên và rạch ròi như chuyện đốn củi, làm ăn. Chính vì đã được đọc quá nhiều sách vở tôn giáo, nên Ba Gám có cảm tưởng như thầy Tiều vừa là một tu sĩ đơn giản

chẳng có gì đáng học hỏi; vừa là một ngọn núi Linh Sơn, có một suối nguồn tâm linh phong phú, ẩn dấu phía bên kia sườn núi mà ánh nắng mặt trời không bao giờ chiếu tới.

Ba Gắm càng hỏi tới:

- Thưa thầy, nếu tự mình tìm đường giải thoát cho mình thì những người theo đạo Phật niệm danh hiệu Phật, cầu xin chư bồ tát và long thần hộ pháp cứu khổ, cứu nạn thì có ích gì đâu?

- Kêu cứu để được vớt lên khi sắp bị chết đuối, chứ không phải kêu cứu để nhờ người tập bơi. Muốn biết bơi cho khỏi bị chết đuối thì tự mình phải tập bơi trước đã. Tôn Ngộ Không theo phò Tam Tạng để cứu nguy chứ không phải để thỉnh kinh thay cho vị Đường Tăng đó.

- Nói vậy thì Thầy có tin hay không tin lời cầu nguyện?

Không do dự, thầy Tiều đáp ngay:

- Tin lắm chứ.

- Như vậy là Thầy cũng phải dựa vào một nhân vật khác rồi.

- Nói đúng hơn là dựa vào sức mạnh chứ không dựa vào nhân vật.

- Đức Quán Thế Âm là một nhân vật hay một sức mạnh?

- Cả hai thí chủ Ba Gắm ạ.

- Thầy trả lời khó hiểu quá, thưa Thầy.

- Có một sức mạnh vô hình của trời đất, vũ trụ. Ta có thể gọi đó là “Năng Lực Vũ Trụ” hay gọi gì tùy thích. Năng lực đó ẩn chứa trong Suối Nguồn Vũ Trụ. Con người sinh ra là đã có khuynh hướng nối kết với Suối Nguồn Vũ Trụ đó rồi. Cầu nguyện là gọi năng lực nhỏ bé và yếu ớt của cá nhân mình vào năng lực suối nguồn vũ trụ to lớn vô biên đó. Khi nguy biến, dốc tâm nguyện cầu là mở rộng cửa để lấy lại năng lực đó. Sự thành tâm cầu nguyện cũng ví như hình thức “giải mã” để năng lực vũ trụ bắt gặp cửa ngõ của cá nhân mà hút vào và biến tướng dưới vô số hình thức. Quán Thế Âm là Nghe Tiếng Trần Gian. Đó là trạm chuyển tiếp năng lực vũ trụ vào nhu cầu của hoàn cảnh con người trần gian một cách kịp thời và chính xác nhất.

Đức Quán Thế Âm là một vị đại Bồ Tát, nhưng đồng thời cũng là một Năng Lực Siêu Nhiên Tuyệt Đối nên không bao giờ suy suyển, vắng mặt hay thiếu hụt bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu có nhu cầu trong vũ trụ, cần khôn này. Có thể cùng lúc biến thành vô số nhân vật khác nhau tùy theo nhu cầu của hoàn cảnh: Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đại Bi. Phật giáo có đức Quán Thế Âm. Dân gian Việt Nam có ông Trời, ông Bụt và mọi dân tộc, mọi tôn giáo xưa nay và bất cứ nơi đâu, đều có một đấng cứu khổ tương tự như ngài Quán Thế Âm. Người tiên hóa có một hình ảnh thánh linh để cầu. Người cổ sơ cầu đá, cầu cây, cầu mưa, cầu gió... đều là một hình thức giống nhau để tiếp cận với năng lực thường hằng trong Suối Nguồn Vũ Trụ đó.

- Thật là thú vị khi nghe Thầy giải thích một hình thức tâm linh, tôn giáo bằng lời lẽ “như thật” mà chỉ có những đầu óc quen lối lý luận Tây dương mới thường nói đến. Nếu vậy, thì điều Thầy nghĩ có trái với nội dung kinh sách của nhà Phật mà Thầy đang theo không ạ?

- Nếu ai cho trái thì đó là vì họ nghĩ trái. Đức Phật đã nói rằng vạn pháp đều là Phật Pháp. Cách suy nghĩ đâu có trái với kinh điển cũng là Phật Pháp nhìn theo một lăng kính khác. Cái đúng chẳng qua là một cách nhìn khác của cái sai mà thôi.

Ba Gám vừa cười vui, vừa ôm đầu nói lớn:

- Ôi! Thầy ơi. Nếu lỡ con vào chùa mà nhìn sai tượng Phật với một vị hộ pháp thần thông nào đó thì chắc là sẽ bị các thầy trụ trì cho ăn đòn liền...

Khoác tay như để trấn an Ba Gám, thầy Tiều nói bằng giọng phóng khoáng, thân mật:

- Thí chủ Ba Gám chớ lo. Chính đức Phật đã liệu trước điều này nên ngài dặn dò:

"Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã. Thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai".

Ba Gám vui theo niềm vui của cả nhóm và dịch ngay ra bằng thơ:

- Ai đem sắc tướng nhìn ta,

Lấy âm thanh bảo Phật Đà là đây.

Theo tà đạo chính người này,

Làm sao thấy được bóng thầy Như Lai.

Có tiếng cười vui tán thưởng và tiếng vỗ tay bôm bốp. Dưới ánh trăng khuya vắng vặc, cả nhóm Vườn Thuộc ngồi quanh thầy Tiều và Trí Hải, theo dõi câu chuyện giữa thầy Tiều và Ba Gám trong im lặng. Cùng trong nỗi nhớ Phạm Xảo, những người cùng nhóm Trí Hải có tấm lòng với đời, với đạo, với bạn, với mình còn bắt gặp niềm vui chung về một lối suy nghĩ không rời nếp cũ xa xưa; nhưng cũng đầy suy tư và khai phá vào những chân trời sáng tạo riêng mình.

Thiện Giả xich gần lại thầy Tiều, lên tiếng:

- Thưa Thầy, có phải vì không xem trọng việc xuất gia tu hành, trì trai, giữ giới nên mới có hiện tượng “đồ tể quăng dao thành Phật” không ạ?

Thầy Tiều không trả lời mà hỏi lại Thiện Giả:

- Quý hữu có tin như vậy không?

- Dạ không, tin làm sao được mà tin. Thành Phật là một đại sự, đâu có dễ dàng như thế được.

- Sao là dễ, sao là khó?

- Đức Phật Thích Ca đã tu vô lượng kiếp mới đạt được kiếp sau cùng làm thân thái tử. Sau đó xuất gia, đại ngộ thành Phật.

- Thì người đồ tể kia cũng đã tu vô lượng kiếp và kiếp sau cùng phải qua nghiệp đồ tể. Thái tử Tất Đạt Đa là thái tử đông cung bỏ ngôi đi tu và đi đến giác ngộ thành Phật; người đồ tể quăng dao để tu theo cách của mình và cũng giác ngộ thành Phật thì có gì khác nhau đâu. Làm vua hay làm đồ tể cũng chỉ là cái nghiệp nhân sinh mà thôi. Bỏ ngôi hay bỏ dao đồ tể để giải nghiệp và hành đạo, tuy hình thức khác nhau nhưng ý hướng thâm sâu cũng chỉ là một.

Thiện Giả nhìn Ba Gám mỉm cười, nói giễu:

- Tỷ tỷ Ba Gám với tóc mây, má hồng, xiêm áo đẹp đẽ thế kia mà cũng có thể là đang tu sao?

Thầy Tiều nghiêm nét mặt, gật đầu:

- Bất kỳ ai đang làm việc tốt là đang tu.

Trăng sáng mênh mông. Trong xóm đêm lại nổi lên tiếng mõ cầm canh đổi phiên. Nhóm vườn thuốc vẫn chưa ai muốn chia tay về ngủ. Thiện Giả nói với thầy Tiều:

- Đã qua ngày thứ 49, Phạm huynh hết làm thân “trung âm” quanh quẩn với chúng ta rồi. Phạm huynh vừa bước vào một kiếp khác. Thưa thầy, với cuộc đời của tướng quân Phạm Xảo, kẻ thường làm việc tốt cho đời như thế, thì sẽ được về đâu trong 6 nẻo luân hồi?

Thầy Tiều lắc đầu, trả lời:

- Nghiệp lực đưa Phạm hương linh về đâu thì về đó, làm sao biết được.

- Nghiệp lực là gì?

- Là tổng kết mọi việc làm của một người từ vô số kiếp. Gồm cả việc thiện, việc ác, tốt, xấu, hay, dở, sáng, tối, cao, thấp, công, tư... không một mảy may khuất lấp. Tất cả mọi việc làm lớn nhỏ, tự chúng tác động qua lại chi li và chính xác như phép tính toán cộng, trừ, nhân, chia để đưa ra kết quả sau cùng không sai một ly, không đi một mảy. Đạo Phật gọi đó là nghiệp lực, đạo Chúa xem đó là sự phán xét cuối cùng của Thượng Đế và dân gian cho đó là lưới Trời, không ai thoát khỏi.

- Như thế thì con người cũng chỉ là một tên nô lệ buông tay, bất lực để cho nghiệp dẫn đi đâu thì đi hay sao, thưa Thầy?

- Nghiệp do mình tạo chứ có ai khiêng nghiệp đến để trên vai mình bắt gánh đâu.

- Nếu thế thì con người có thể chuyển nghiệp được hay không?

- Nghiệp do thân, miệng, ý phát sinh ra. Muốn chuyển nghiệp thì phải biết làm chủ hành động, lời nói và ý nghĩ.

- Bằng cách nào vậy, thưa Thầy?

- Hành động lương thiện và ngay thẳng; nói lời chân thành và nhân ái; nghĩ điều chính đáng và hướng thượng ấy là đang tự mình giải nghiệp, chuyển nghiệp ác sang nghiệp lành.

- Cuộc chuyển nghiệp đó bao giờ mới xong?

- Không bao giờ ngừng nghỉ. Cứ tiếp tục duyên nghiệp trùng trùng cho đến khi dứt nghiệp.

- Làm sao dứt nghiệp?

- Dừng tạo nghiệp.

- Nhưng sống là tạo nghiệp mà.

- Cũng có nhiều lối sống. Sống buông thả cho lòng ham muốn làm chủ thì nghiệp chướng chồng chất. Sống đời trong sạch trong chánh niệm thì nghiệp chướng sẽ lui dần. Sống trong giác ngộ thì nghiệp chướng sẽ được dứt sạch.

- Vậy, sống đời tu hành như Thầy thì nghiệp có còn tạo ra cho Thầy nữa không?

Ngừa cả hai bàn tay với nụ cười mở rộng, thầy Tiều hỏi lại như nói đùa:

- Này Thiện Giả, quý hữu có thấy tôi làm đúng như lớp áo cà sa tôi đang mặc, suy nghĩ tròn tru như chiếc đầu tròn và nói năng thích hợp như kẻ tu hành không?

- Dạ thưa thầy, hoàn toàn thích hợp.

Tỏ vẻ thích chí, thầy Tiều trả lời:

- Nếu như thế thì nghiệp chướng trên tôi đang nhẹ dần.

- Và khi nào thì hết nghiệp?

- Làm sao tôi biết được những nghiệp chướng do chính mình gây ra trong bao nhiêu đời kiếp trước.

- Thì tu hành là hết nghiệp. Khi chết sẽ lên ngay chốn Niết Bàn.

- Không đơn giản thế đâu quý hữu ơi! Như ngài Mục Kiền Liên là đại đệ tử của đức Phật có thần thông bậc nhất, thế mà vẫn bị bọn cướp hung hãn tâm thường đâm chém giết chết.

Thiện Giả kêu lên:

- Ôi! Đau quá! Tại sao lại có thể như thế được? Tu hành một đời đạo cao, đức trọng thế kia mà vẫn bị đọa sao thầy?

- Nói “bị đọa” cũng đúng mà không đúng. Ngài Mục Kiền Liên phải trả cho cái nghiệp báo vì sợ vợ mà bỏ đói cha mẹ giữa rừng sâu từ trong một kiếp trước xa xưa.

- Nhưng ngài là bậc tu hành đắc đạo lại không chuyển nghiệp hết sao?

- Không mà có; có mà không. Nghiệp là món nợ chung thân, không thừa trừ ai cả. Tu hành nghiêm cẩn hay sống đời đức hạnh có thể giải hết nghiệp trong đời này. Nhưng có những nghiệp quá nặng còn đeo đẳng chưa dứt sạch thì người mang nghiệp phải trả cho hết sạch, ít nhất cũng trả lần cuối trước khi hoàn toàn đoạn nghiệp.

Thiện Giả thắc mắc:

- Thế sao ông Mục Kiền Liên trong chuyện kể nhà Phật có thể nhìn thấy được hóa thân bà mẹ độc ác của mình đang ở địa ngục A Tỳ sau khi bà ấy chết mà lại không thấy được lũ cướp vây quanh?

- Đứng ở đỉnh núi cao thì nhìn thấy hết cảnh đồng bằng phía dưới nên cũng thấy được căn nhà riêng nhỏ bé của mình đang ở đâu. Chúng ta không biết, không thấy Phạm huynh ở đâu vì chỉ có đôi mắt trần. Muốn thấy thiên thân phải có huệ nhãn. Huệ nhãn là con mắt thật, mắt trần của tuệ giác. Khi bị ác nghiệp bao vây thì tâm nhìn cũng bị bao vây bởi mây mờ của cảnh trần khi tạo nghiệp. Sự bao vây của nghiệp báo có khi thoáng qua rồi đoạn diệt như trường hợp ngài Mục Kiền Liên; có khi kéo dài một đời như kẻ mù lòa, cầm điếu từ khi lọt lòng mẹ; có khi kéo dài đời đời kiếp kiếp như hàng ngạ quỷ súc sanh... cho đến khi trả hết nghiệp.

- Làm sao để có huệ nhãn?
- Tu!
- Thì thầy cũng đang tu đó mà.

Nói như để chế nhạo chính mình, thầy Tiều trả lời Thiện Giả:

- Có lẽ cũng cần phải tu vài ba tiểu kiếp mới mong có huệ nhãn.
- Thế Thầy tu đã được bao lâu rồi ạ?
- Chừng năm chục năm.
- Một tiểu kiếp dài bao nhiêu năm?
- Mười sáu triệu năm.
- Đại kiếp thì dài bao lâu.
- Có khi là 20 có khi là 1000 tiểu kiếp.

Bày tỏ một sự thất vọng nào nề về cái khung thời gian mà thầy Tiều vừa nói, Thiện Giả chỉ còn biết kêu lên:

- Chao ơi!
- Sao vậy?
- Chỉ cần nghe cũng đủ ngộp thở mất rồi!
- Vì kiếp người cho dẫu 100 năm thì vẫn chưa bằng nửa hạt cát trong sa mạc thời gian bao la vô cùng tận phải không?
- Dạ, quả đúng như thế Thầy ạ.
- Tại sao quý hữu lại không tự thấp sáng lên một niềm tin rằng, trong kiếp này quý hữu chỉ cần tu thêm một khắc nữa thôi là đủ vài tiểu kiếp mà quý hữu đã tu trong muôn vàn kiếp trước?

- Ô, dạ. Hay lắm, hay lắm. Tại sao ta lại không có quyền nghĩ về ta một cách tích cực như thế đã chứ. Ôi, mẹ ơi! Hạnh phúc quá. Nếu con đã từng tu 32 triệu năm, đã trải qua vài tiểu kiếp làm việc tốt. Với từng ấy thời gian, con đủ tự hào vươn lên như bất cứ ai. Con cũng đang có chân tâm, có Phật tánh trong con như các sư ông, sư bác, sư huynh, sư đệ trên chùa, như mọi người sống đời lương thiện đang làm việc tốt quanh đây. Con cũng sẽ có huệ nhãn, có thần thông để biết tôn huynh Phạm Xảo, biết mọi người và biết con đang ở đâu.

Thầy Tiều, Trí Hải, Ba Gấm, Tâm An đều cười chan hòa với niềm vui vô tư gần như trẻ thơ của Thiện Giả. Lòng tri ân ơn cứu tử của Thiện Giả đối với Phạm Xảo thật sâu bền. Không hẹn mà gặp, trí tưởng của mọi người trong nhóm đều hướng về Phạm Xảo.

Từ ngày về lại với nhóm vườn thuốc, Tâm An trở nên dễ dãi, nhu hòa và ít nói. Mắt nhìn phân biệt sắc sảo và lời nói đầy thuyết phục càng có lợi cho việc làm ăn buôn bán chừng nào thì lại càng bất lợi cho việc tu dưỡng định tâm chừng đó. Khi dấn về đời sống trụ lên đôi mắt; ý nghĩa giao tình gắn chặt vào lời nói thì chân dung cuộc sống chỉ còn là lớp sơn màu tô trét bên ngoài. Ngày trước, Tâm An đã nhìn Trí Hải và thầy Tiều như nhìn những cây cỏ mộc trong khu vườn thiền kiếng. Dáng trang đài kỳ tú mà vô hồn. Tâm An hôm nay lắng xuống bề sâu. Cảm nhận sâu xa nhiều hơn là nhìn nói vội vàng.

Tâm An hỏi trống không, chẳng biết câu hỏi hướng về thầy Tiều hay là về ai trong nhóm:

- Hiền huynh Phạm Xảo không phải là thầy tu, cũng chẳng phải là cư sĩ Phật tử, tại sao lại đi tìm cái chết ngay trên những dòng kinh Bát Nhã vậy kia?

Im lặng hồi lâu không ai lên tiếng. Thầy Tiều tự nói lên ý nghĩ của mình:

- Vì khi còn sống, Phạm hữu đã sống đời Bát Nhã.

Câu trả lời hơi lạ lùng của thầy Tiều gây sự chú ý cho mọi người. Không nghe ai nói gì, thầy Tiều dẫn giải:

Ba Gám hỏi thầy Tiều:

- Bát Nhã Ba La Mật Đa là trái tim của lý thuyết nhà Phật. Chỉ có các bậc cao tăng thượng trí mới thực hành Bát Nhã thôi, phải không ạ? Nếu vậy thì tướng quân Phạm Xảo chứ đâu có phải là một vị đại thiên sư mà dám sống đời Bát Nhã, thừa Thầy?

Lắc lư đầu như vừa phủ nhận và vừa xua tay đùa vui, nhưng bằng vẻ mặt trầm tư sâu lắng, thầy Tiều nói về cái lý Bát Nhã trong suy tư của Thầy:

- Bát Nhã là mắt sáng nhìn đời đúng như sự thật đang diễn ra chứ có gì ghê gớm lắm đâu mà không dám sống.

- Mắt sáng đó có phải là con mắt của trí tuệ ở bên trong không Thầy. Người thường làm sao có được?

- Con mắt trí tuệ khởi từ cái nhìn bình thường của nhục nhãn; tiến lên cái nhìn thiên nhãn và đạt tới tuệ nhãn của hàng Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác là một vòng chuyển hóa nội tại mà mọi chúng sanh đều có khả năng vượt tới được. Bát Nhã là sự chối bỏ toàn triệt những biên giới phân biệt của thân, tâm, ý, thức. Đó là những biên giới, rào chắn, ý niệm chủ quan được dựng lên do ảo tưởng sai lạc của con người.

- Ảo tưởng sai lạc đó do đâu mà có?

- Tâm, tưởng sai lạc do lớp lớp bụi trần trong nhiều kiếp đóng thành núi, thành đồi có cháp có khi được gọi đầy vẻ tự hào si mê là... kinh nghiệm. Chính thói quen tích tụ này đã dẫn dắt con người mang mộng tưởng điên đảo đi đào bới để tìm cho bằng được cái búa của “ông Thiên Lô” sau cơn sét đánh làm cây đổ, người chết. Ai cũng lý sự được rằng, nếu không có một “ông Thiên Lô” với sức mạnh ghê hồn vác búa từ Thiên Đình xuống đánh thì làm sao có ánh sáng chói lòa từ trên trời cao xẹt xuống đất; rồi có tiếng nổ long trời; rồi có cây đổ, người chết... cháy đen thui? Ai dám nói “không” khi có nó. Ai dám nói “có” khi nó là không. Và nếu cứ đi mãi, rồi đi mãi tìm ngọn nguồn và nguyên nhân của cơn sấm sét thì ai dám bảo là có, ai dám bảo là không? Muốn nói gì thì nói nhưng chắc chắn cái ông Thiên Lô mạnh vô song đó là... “đồ giả thật”! Nó có thật đó mà lại không có thật. Cái giả, cái không cuối cùng của sự thật ông Thiên Lô đó không thể thấy, không thể tính, không thể bàn mà chỉ có thể hiểu ra và cảm nhận qua ý niệm

“tri kiến” trong vô hình vắng lặng. Chỉ có cái nhìn của tuệ giác mới thấy được đó là lý Bát Nhã. Chẳng có một ông Thiên Lôì thật sự nào cả mà chỉ có tánh điên đảo hợp lại thành sấm sét và mộng tưởng điên đảo hợp lại thành ông Thiên Lôì.

- A! Thầy ạ. Thuở nhỏ, Ba Gám con từng biết một ông thầy pháp có được cái búa thiên lôì để trừ ma diệt quỷ đó mà.

- Thế ngày đó Ba Gám có tin đó là búa thiên lôì thật không?

- Dạ, tin lắm thầy ơi! Cả làng, cả xã đều tin như vậy vì ông thầy pháp có cái búa Thiên Lôì bỏ trong túi xách thật mà.

- Nếu đó chỉ là cái búa thợ rèn giả thì làm sao biết được?

- O! Mà... ơ! Thật tình là không biết vì có ai ngoài ông thầy pháp đó có “búa Thiên Lôì” đâu.

- Thì Bát Nhã cũng chỉ là lời xác định một cách quả quyết rằng, không có cái búa Thiên Lôì thật; mà cũng chẳng có gì thật cả. Nên đừng sợ sấm chớp, đừng sợ tiếng nổ, đừng sợ Thiên Lôì vì thật ra mọi hình tướng đều là sự va chạm hay kết hợp của âm dương, ngũ hành mà sinh ra, rồi tan biến và về lại với Suối Nguồn Vũ Trụ mà thôi. Ngay cả tam thiên, đại thiên thế giới cũng chỉ là một trường sinh diệt liên tục. Cái gọi là Ta Bà thế giới hôm nay biết đâu sẽ tan thành đám bụi mờ bay tủa trong không gian vô cùng và thời gian vô tận.

Ba Gám hỏi tương lại những cuốn sách bàn về yếu lý nhà Phật quá cao siêu đến độ mơ hồ và tối tăm khó hiểu mà mình đã đọc, liền hỏi thầy Tiều:

- Thưa Thầy, như thế có loại kinh sách nào bàn về kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật đơn giản và dễ hiểu với tất cả mọi người, ngay với cả người mù chữ không?

Thầy Tiều giải thích:

- Bát Nhã là sự thật của thể lý, là cội nguồn của ý thức, là tính không của vạn pháp. Đó là một ý niệm hoàn toàn tự tại, an nhiên và rỗng lặng, không đảo bói hồi ức từ quá khứ, không chạy đuổi theo ước mơ về tương lai. Quán tự tại nơi ta và trong chính ta ngay trong lúc này. Bát Nhã đơn giản như hơi thở và gần gũi thật thà như máu của ta. Tâm vắng lặng, trí thản nhiên trước

tất cả những mảnh đời đang trôi theo dòng sống là đang sống đời Bát Nhã. “Tùng trang nghĩa lý phân minh. Kim Cang kinh thật là kinh không lời”! Vì kinh thật không lời nên khi đem “xích tử chi tâm”, nghĩa là cái tâm nguyên sơ, hồn nhiên, trong suốt của đứa bé sơ sinh và một đầu óc không vướng bận nhị nguyên đối đãi (như khen chê, tốt xấu, có không...) thì dòng Bát Nhã có sẵn trong mỗi người tự nhiên hiển lộ.

Ba Gám cúi đầu lẩm bẫm:

- Kim Cang kinh thật là kinh không lời. Kim Cang vô tự thị chân kinh!

Tâm An không nhịn được, liền hỏi:

- Thầy ơi! Nếu Bát Nhã mà gần gũi và đơn giản như thế thì tôi đâu có bỏ chùa ra đi trôi nổi đến hai lần như thế.

Đặt một bàn tay nhẹ nhàng lên vai áo của Tâm An, thầy Tiều nói như an ủi:

- Tâm An vẫn còn tiếc nuối những năm tháng sống xa chùa à?

Giọng ấm lại đầy vẻ cảm động và chân tình, Tâm An nói nhỏ:

- Dạ, tiếc lắm Thầy ạ.

- Lại vướng mắc hình tướng nữa rồi. Sao quý hữu không xem thế gian này là một ngôi chùa rộng lớn.

- Tam Bảo nơi đâu?

- Phật là Tâm thương người, thương đời. Pháp là Trí tỉnh táo, sáng suốt. Tăng là việc tốt đang nghĩ, đang làm.

- Tìm ở đâu?

- Tất cả đều có sẵn trong ta. Không cần tìm. Chỉ cần thấy.

- Tôi chưa nghe ai nói đơn giản như vậy bao giờ.

- Bởi vì người ta đua nhau nói những điều cao siêu về Bát Nhã nên chẳng ai hiểu Bát Nhã như Bát Nhã mà cứ hiểu Bát Nhã theo những điều cao tột nằm tận đâu đâu bên ngoài Bát Nhã. Dần dần, vọng tưởng Bát Nhã trở thành cung tên của ngôn ngữ khái đạo và tư tưởng ngự trị. Hễ người xạ thủ vô

minh bắt ảo ảnh Bát Nhã vào đâu là ý nghĩa thâm sâu của Bát Nhã ấy sẽ mất sự hồn nhiên trong sáng và biến thành vọng tưởng. Bát nhã, tánh không, chân như... không có gì xa hơn là sự thật. Nó là nó chứ không phải ai khác, cái gì khác, hay thể tính khác. Quán tưởng, suy niệm về sự thật để tiến tới một đối tượng không phải là chính nó mà cao hơn hay thấp hơn nó; đẹp đẽ hay xấu xa khác nó là phi Bát Nhã.

Người hiểu Phạm Xảo nhất là Trí Hải, chỉ im lặng theo dõi, bây giờ mới lên tiếng:

- Quả thật là Phạm huynh đã có “duyên tu”.

Trước sự im lặng đợi chờ, Trí Hải không nói gì thêm. Thầy Tiều giục:

- Chẳng hay Phạm quý hữu có duyên tu như thế nào, hoàng thân?

- Để có thể trả lời Thầy, có lẽ tôi phải mượn ý kinh nhà Phật. Hình như là Kinh Đại Pháp Cú thì phải, đại ý có nói đến Duyên Tu rằng: Dầu cho tụng kinh ngàn lời mà không thực hành, tu dưỡng thì ích gì? Chẳng bằng nghe một lần, rồi tự mình siêng năng lặng lẽ chuyên tu cho chính mình sẽ được ích lợi hơn. Tụng kinh ngàn lời, không hiểu thì ích gì? Chẳng bằng hiểu một lời kinh, rồi áp dụng, tất sẽ đắc độ. Tụng kinh ngàn lời, mà lòng bất kính, thì ích gì? Chi bằng thực hành, vui vẻ, phụng tu đầy tin tưởng. Tụng kinh ngàn lời, mà cái tôi không bớt, chi bằng theo tu một lời, mà bỏ kiêu mạn, buông lung. Tụng kinh ngàn lời, cầu danh thêm chấp, chi bằng nghe một lần, rồi bỏ chấp trước. Nếu tu vì hình tướng, vì danh vị, vì tiếng tăm, vì lợi lộc, vì đối đãi phân biệt phe ta, phái người thì đây là “nghiệp tu”, càng tu nghiệp chướng càng nặng nề.

- Phải. Phạm Xảo quý hữu đã sống thật với chính mình trước khi sống thật với người khác trong mọi tình huống, trước mọi hoàn cảnh. Tu không hình tướng là duyên tu và cũng là một cách sống đời Bát Nhã. Dầu cho đây chỉ là một trong tám vạn tư lối về bến Giác thì khi đi trọn đường cũng sẽ đến được bờ bên kia thôi.

Cả nhóm nhìn ánh trăng nhạt dần để đón một bình minh đang về. Một sớm mai bình thường, nhưng sẽ trở thành đến muộn với những người thức trắng đêm và đến sớm với người nông dân đang ngủ say sau màn sương mỏng dưới chân đồi Thái ấp.

---o0o---
Hết